

**CÔNG TY CP CHỨNG KHOÁN
SÀI GÒN – HÀ NỘI
SAIGON – HANOI SECURITIES
JSC.,**

Số: 403/2025/CV-SHS
No.: 403/2025/CV-SHS

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
Independence - Freedom - Happiness**

Hà Nội, ngày 24 tháng 03 năm 2025
Hanoi, Mar 24th, 2025

**CÔNG BỐ THÔNG TIN BẤT THƯỜNG
EXTRAORDINARY INFORMATION DISCLOSURE**

Kính gửi/To: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước/ *State Securities Committee*
- Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam/ *Vietnam Stock Exchange*
- Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội/ *Hanoi Stock Exchange*
- Sở Giao dịch Chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh/ *Hochiminh Stock Exchange*

1. Tên tổ chức/Name of organization: Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn – Hà Nội/ *Saigon – Hanoi Securities JSC.*,

- Mã chứng khoán/Mã thành viên/ *Stock code/ Broker code*: SHS/069

- Địa chỉ/Address: Tầng 1-5, Tòa nhà Unimex Hà Nội, số 41, Ngô Quyền, Hàng Bài, Hoàn Kiếm, Hà Nội/ *Floor 1st-5th, Unimex Ha Noi Building, No. 41, Ngo Quyen street, Hang Bai ward, Hoan Kiem district, Hanoi*

- Điện thoại liên hệ/Tel.: 024.38 181.888

Fax: 024.38 181.688

- E-mail: congbothongtin@shs.com.vn

2. Nội dung thông tin công bố/Contents of disclosure:

Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn – Hà Nội công bố thông tin toàn văn Bản cáo bạch phát hành cổ phiếu SHS năm 2025/ *Saigon - Hanoi Securities Joint Stock Company announces full text of the Prospectus for SHS share issuance in 2025.*

3. Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày 24/03/2025 tại đường dẫn/This information was published on the company's website on Mar 24th, 2025 as in the link:

<https://www.shs.com.vn/News/2025324/1012613/shs-cbtt-toan-van-ban-cai-bach-phat-hanh-co-phieu-shs-nam-2025.aspx>

<https://www.shs.com.vn/News/2025324/1012614/shs-cbtt-toan-van-ban-cai-bach-phat-hanh-co-phieu-shs-nam-2025.aspx>



Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố/*We hereby certify that the information provided is true and correct and we bear the full responsibility to the law.*

Tài liệu đính kèm/Attached documents:

- Bản cáo bạch/Prospectus

Đại diện tổ chức/Organization representative

Người đại diện theo pháp luật

Legal representative



NGUYỄN CHÍ THÀNH



ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ CHÀO BÁN CHỨNG KHOÁN RA CÔNG CHÚNG CHỈ CÓ NGHĨA LÀ VIỆC ĐĂNG KÝ CHÀO BÁN CHỨNG KHOÁN ĐÃ THỰC HIỆN THEO CÁC QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT LIÊN QUAN MÀ KHÔNG HÀM Ý ĐẢM BẢO GIÁ TRỊ CỦA CÔNG TY VÀ GIÁ TRỊ CỦA CHỨNG KHOÁN. MỌI TUYÊN BỐ TRÁI VỚI ĐIỀU NÀY LÀ BẤT HỢP PHÁP.

BẢN CÁO BẠCH

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN - HÀ NỘI

(Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 0102524651 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hà Nội cấp lần đầu ngày 15/11/2007, đăng ký thay đổi lần thứ 10 ngày 05/04/2024)

Giấy phép thành lập số 66/UBCK-GP ngày 15/11/2007 và Giấy phép điều chỉnh lần gần nhất số 16/GPĐC-UBCK do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 25/03/2024)



CHÀO BÁN THÊM CỔ PHIẾU RA CÔNG CHÚNG

(Giấy chứng nhận đăng ký chào bán số ...63... /GCN-UBCK do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 18 tháng 3 năm 2025)

BẢN CÁO BẠCH NÀY VÀ TÀI LIỆU BỔ SUNG ĐƯỢC CUNG CẤP TỪ / /2025 TẠI:

Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội

Trụ sở chính	:	Tầng 1-5, Tòa nhà Unimex Hà Nội, số 41 Phố Ngô Quyền, Phường Hàng Bài, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội
Điện thoại	:	(84-24) 3818 1888
Website	:	www.shs.com.vn
Chi nhánh TP Hồ Chí Minh	:	Tầng 3, Cao ốc Sài Gòn Metropolitan, Số 235 Đường Đồng Khởi, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh
Điện thoại	:	(84-28) 3915 1368
Chi nhánh Đà Nẵng	:	Tầng 8, Tòa nhà Thành Lợi 2, Số 03 Đường Lê Đình Lý, Phường Vĩnh Trung, Quận Thanh Khê, Thành phố Đà Nẵng
Điện thoại	:	(84-236) 3525 777

Phụ trách công bố thông tin:

Họ tên: **Trần Thị Vân**

Điện thoại: **(84-24) 3818 1888**

Chức vụ: **Phó Trưởng phòng Pháp chế & Quản trị rủi ro**

Hà Nội, tháng 03/2025

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN - HÀ NỘI

(Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 0102524651 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 15/11/2007, đăng ký thay đổi lần thứ 10 ngày 05/04/2024)

Giấy phép thành lập số 66/UBCK-GP ngày 15/11/2007 và Giấy phép điều chỉnh lần gần nhất số 16/GPDC-UBCK do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 25/03/2024)

**CHÀO BÁN THÊM CỔ PHIẾU RA CÔNG CHÚNG**

Tên cổ phiếu	: Cổ phiếu Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội
Loại cổ phiếu	: Cổ phiếu phổ thông
Mệnh giá	: 10.000 (Mười nghìn) đồng/cổ phiếu
Giá chào bán	: 10.000 đồng/cổ phiếu
Tổng số lượng cổ phiếu chào bán	: 813.156.748 cổ phiếu
Tổng giá trị cổ phiếu chào bán theo mệnh giá	: 8.131.567.480.000 đồng

TỔ CHỨC KIỂM TOÁN:**Công ty TNHH Hãng kiểm toán AASC**

Trụ sở chính	: Số 01 Phố Lê Phụng Hiểu, Phường Tràng Tiền, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội
Điện thoại	: (84.24) 3824 1990 Fax: (84.24) 3825 3973
Văn phòng tại TP.HCM	: Lầu 3, Tòa nhà Galaxy 9, Số 9 Đường Nguyễn Khoái, Phường 1, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh
Điện thoại	: (84.28) 3945 0505 Fax: (84.28) 3945 1106
Website	: www.aasc.com.vn

MỤC LỤC

NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH.....	9
I. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH	9
II. CÁC NHÂN TỐ RỦI RO.....	9
1. Rủi ro về kinh tế.....	9
1.1. Tăng trưởng kinh tế	9
1.2. Lãi suất	10
1.3. Lạm phát.....	11
1.4. Tỷ giá hối đoái.....	12
2. Rủi ro về luật pháp.....	13
3. Rủi ro đặc thù.....	13
3.1. Rủi ro về hoạt động cung cấp dịch vụ môi giới.....	13
3.2. Rủi ro trong hoạt động tự doanh.....	14
3.3. Rủi ro cho vay giao dịch ký quỹ.....	14
3.4. Rủi ro trong hoạt động Bảo lãnh phát hành.....	15
3.5. Rủi ro nguồn nhân lực	15
3.6. Rủi ro thanh toán	15
3.7. Rủi ro cạnh tranh	16
3.8. Rủi ro công nghệ và an toàn thông tin.....	17
4. Rủi ro về đợt chào bán	17
5. Rủi ro pha loãng.....	18
5.1. Rủi ro pha loãng Thu nhập cơ bản trên mỗi cổ phiếu (EPS) và Giá trị sổ sách (BV)	18
5.2. Điều chỉnh kỹ thuật giá cổ phiếu SHS.....	18
5.3. Rủi ro pha loãng tỷ lệ biểu quyết.....	19
6. Rủi ro quản trị Công ty	20
7. Rủi ro khác.....	20
III. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC PHÁT HÀNH.....	21
1. Thông tin chung về Tổ chức phát hành.....	21
2. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển của Tổ chức phát hành.....	22
3. Cơ cấu tổ chức của Tổ chức phát hành	25
4. Cơ cấu quản trị và bộ máy quản lý của Tổ chức phát hành	26
4.1. Đại hội đồng Cổ đông.....	27
4.2. Hội đồng quản trị.....	27
4.3. Ban Tổng giám đốc.....	28
4.4. Văn phòng Hội đồng quản trị	28
4.5. Văn phòng Ban Tổng giám đốc.....	28
4.6. Trung tâm Môi giới chứng khoán.....	28
4.7. Phòng Dịch vụ tài chính	29

4.8. Phòng Đầu tư	29
4.9. Phòng Nguồn vốn	29
4.10. Phòng Tư vấn Tài chính và Bảo lãnh Phát hành.....	30
4.11. Phòng Phân tích	30
4.12. Phòng Pháp chế và quản trị rủi ro.....	30
4.13. Phòng Kế hoạch và phát triển thị trường	31
4.14. Phòng Tổ chức Hành chính	31
4.15. Phòng Công nghệ thông tin	32
4.16. Phòng Kế toán.....	32
4.17. Phòng Tài chính Quản trị.....	32
4.18. Chi nhánh, Văn phòng đại diện, Phòng giao dịch	32
5. Thông tin về công ty mẹ, công ty con của Tổ chức phát hành, những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với Tổ chức phát hành, những công ty mà Tổ chức phát hành nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần, phần vốn góp chi phối.....	33
5.1. Công ty mẹ của SHS.....	33
5.2. Công ty con của SHS.....	33
5.3. Công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với SHS	33
5.4. Công ty mà SHS nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần, phần vốn góp chi phối.....	33
6. Thông tin về quá trình tăng vốn điều lệ của Tổ chức phát hành	34
7. Thông tin về các khoản góp vốn, thoái vốn lớn của Tổ chức phát hành tại các doanh nghiệp khác	42
8. Thông tin về chứng khoán đang lưu hành.....	42
8.1. Cổ phiếu phổ thông.....	42
8.2. Cổ phiếu ưu đãi.....	42
8.3. Các loại chứng khoán khác.....	42
9. Thông tin về tỷ lệ sở hữu nước ngoài	42
10. Hoạt động kinh doanh	42
10.1. Đặc điểm hoạt động kinh doanh	42
10.2. Tài sản.....	62
10.3. Thị trường hoạt động	63
10.4. Báo cáo tình hình đầu tư, hiệu quả đầu tư, hiệu quả kinh doanh, cung cấp dịch vụ trong các lĩnh vực hoạt động chính	64
10.5. Các hợp đồng lớn.....	65
10.6. Các khách hàng, nhà cung cấp lớn.....	68
10.7. Vị thế của Tổ chức phát hành trong ngành	70
10.8. Hoạt động Marketing, truyền thông, quan hệ công chúng.....	80
10.9. Hoạt động Thiện nguyện chung tay cùng Cộng đồng:	81
10.10. Quyền sở hữu trí tuệ, nhãn hiệu, tên thương mại, sáng chế.....	81
10.11. Chính sách nghiên cứu và phát triển.....	82
10.12. Chiến lược kinh doanh.....	82

10.13. Trường hợp Tổ chức phát hành hoạt động trong lĩnh vực ngành nghề kinh doanh có điều kiện, nêu thông tin về việc đáp ứng các điều kiện kinh doanh theo quy định pháp luật liên quan	84
11. Chính sách đối với người lao động	84
11.1. Số lượng người lao động trong Công ty	84
11.2. Chính sách đào tạo, lương thưởng, trợ cấp	84
11.3. Phát hành cổ phiếu cho Người lao động	87
12. Chính sách cổ tức	87
13. Thông tin về tình hình sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán gần nhất	88
14. Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của Tổ chức phát hành	89
15. Các thông tin, nghĩa vụ nợ tiềm ẩn, tranh chấp kiện tụng liên quan tới Tổ chức phát hành có thể ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh, tình hình tài chính của Tổ chức phát hành, đợt chào bán, giá cổ phiếu chào bán, dự án sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán	89
16. Thông tin về cam kết của Tổ chức phát hành không thuộc trường hợp đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc đã bị kết án về một trong các tội xâm phạm trật tự quản lý kinh tế mà chưa được xóa án tích	89

IV. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH, TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH VÀ DỰ KIẾN KẾ HOẠCH **89**

1. Kết quả hoạt động kinh doanh	89
2. Tình hình tài chính	92
2.1. Các chỉ tiêu cơ bản	92
2.2. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu	104
3. Ý kiến của Tổ chức kiểm toán độc lập đối với Báo cáo tài chính của Tổ chức phát hành	105
3.1. Ý kiến kiểm toán đối với Báo cáo tài chính năm 2023	105
3.2. Ý kiến kiểm toán đối với Báo cáo tài chính năm 2024 đã được kiểm toán	105
4. Kế hoạch doanh thu, lợi nhuận và cổ tức	106

V. THÔNG TIN VỀ CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP, CỔ ĐÔNG LỚN, THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, TỔNG GIÁM ĐỐC, KẾ TOÁN TRƯỞNG **109**

1. Thông tin về cổ đông sáng lập	109
2. Thông tin về cổ đông lớn (tính đến ngày 31/12/2024)	110
3. Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc, Ủy ban Kiểm toán, Kế toán trưởng	112
3.1. Hội đồng quản trị	112
3.2. Ban Tổng giám đốc	125
3.3. Ủy ban Kiểm toán	127
3.4. Kế toán trưởng	127

VI. THÔNG TIN VỀ ĐỢT CHÀO BÁN **129**

1. Loại cổ phiếu: Cổ phiếu phổ thông	129
2. Mệnh giá cổ phiếu: 10.000 đồng/cổ phiếu	129
3. Tổng số lượng cổ phiếu chào bán:	129
4. Tổng giá trị cổ phiếu chào bán theo mệnh giá: 8.131.567.480.000 đồng	129

5. Giá chào bán dự kiến:	129
6. Phương pháp tính giá:	129
7. Phương thức phân phối	129
8. Đăng ký mua cổ phiếu	130
9. Lịch trình dự kiến phân phối cổ phiếu	131
10. Phương thức thực hiện quyền	132
11. Các hạn chế liên quan đến việc chuyển nhượng cổ phiếu.....	132
12. Ngân hàng mở tài khoản phong tỏa nhận tiền mua cổ phiếu	132
13. Ý kiến của cơ quan có thẩm quyền về đợt tăng vốn điều lệ của Tổ chức phát hành	132
14. Hủy bỏ đợt chào bán	132
15. Biện pháp đảm bảo tuân thủ quy định về sở hữu nước ngoài	133
16. Các loại thuế có liên quan	134
16.1. Đối với Công ty	134
16.2. Đối với nhà đầu tư	135
17. Thông tin về các cam kết	136
18. Thông tin về các chứng khoán khác được chào bán, phát hành trong cùng đợt	136
VII. MỤC ĐÍCH CHÀO BÁN	139
VIII. KẾ HOẠCH SỬ DỤNG SỐ TIỀN THU ĐƯỢC TỪ ĐỢT CHÀO BÁN	139
IX. CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN ĐẾN ĐỢT CHÀO BÁN	140
X. CÁC THÔNG TIN QUAN TRỌNG KHÁC CÓ THỂ ẢNH HƯỞNG ĐẾN QUYẾT ĐỊNH CỦA NHÀ ĐẦU TƯ	140
XI. NGÀY THÁNG, CHỮ KÝ ĐÓNG DẤU CỦA ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC PHÁT HÀNH.....	143
XII. PHỤ LỤC.....	144
1. Phụ lục I	144
2. Phụ lục II.....	144
3. Phụ lục III	144
4. Phụ lục IV	144

DANH MỤC BẢNG BIỂU

Bảng 1: Quá trình tăng vốn điều lệ của SHS	34
Bảng 2: Cơ cấu cổ đông Công ty tại thời điểm 12/04/2024	42
Bảng 3: Tỷ lệ vốn khả dụng	55
Bảng 4: Cơ cấu Doanh thu từ hoạt động kinh doanh năm 2023 - 2024	59
Bảng 5: Cơ cấu Chi phí hoạt động kinh doanh năm 2023 - 2024.....	60
Bảng 6: Cơ cấu Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh năm 2023 - 2024.....	61
Bảng 7: Tài sản tại thời điểm 31/12/2023	62
Bảng 8: Tài sản tại thời điểm 31/12/2024	62
Bảng 9: Tình hình đầu tư.....	64
Bảng 10: Danh sách các Hợp đồng lớn đã và đang thực hiện năm 2022 – 2024	65
Bảng 11: Số liệu thống kê Thị trường Chứng khoán Việt Nam năm 2024	75
Bảng 12: Cơ cấu lao động tại SHS	84
Bảng 13: Các khóa học đào tạo	85
Bảng 14: Tình hình chi trả cổ tức của SHS giai đoạn năm 2021 - 2024	88
Bảng 15: Tóm tắt một số chỉ tiêu hoạt động kinh doanh.....	90
Bảng 16: Báo cáo tình hình sử dụng vốn.....	92
Bảng 17: Mức thu nhập bình quân 2023 - 2024	98
Bảng 18: Chi tiết các khoản phải trả của SHS.....	98
Bảng 19: Chi tiết các khoản phải thu của SHS.....	99
Bảng 20: Các khoản phải thu khó đòi tại thời điểm 31/12/2024	100
Bảng 21: Chi tiết Dự phòng phải thu khó đòi cho kỳ kế toán từ 01/01/2024 đến 31/12/2024 của SHS	101
Bảng 22: Chi tiết số dư các khoản vay của SHS	102
Bảng 23: Chi tiết các khoản Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	103
Bảng 24: Chi tiết các quỹ thời điểm 31/12/2023 và 31/12/2024	103
Bảng 25: Các chỉ tiêu tài chính.....	104
Bảng 26: Kế hoạch kinh doanh.....	106
Bảng 27: Danh sách cổ đông nắm giữ trên 5% vốn điều lệ.....	110
Bảng 28: Danh sách người có liên quan đến cổ đông lớn	111

DANH MỤC TỪ VIẾT TẮT

SHS/Công ty/Tổ chức phát hành/TCPH:	Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội
SHS:	Mã cổ phiếu của Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội
ĐHĐCĐ:	Đại hội đồng Cổ đông
UBKT:	Ủy ban Kiểm toán
HĐQT:	Hội đồng quản trị
BTGD	Ban Tổng giám đốc
CĐHH	Cổ đông hiện hữu
CBNV:	Cán bộ nhân viên
CNĐKDN:	Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp
CP:	Cổ phiếu
CTCP:	Công ty Cổ phần
TTCK	Thị trường chứng khoán
CTCK:	Công ty chứng khoán
UBCKNN:	Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
SGDCK	Sở Giao dịch Chứng khoán
VNX:	Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam
HOSE:	Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh
HNX:	Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội
VSDC:	Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam
KSNB:	Kiểm soát nội bộ
QTRR:	Quản trị rủi ro
TGD:	Tổng Giám đốc
Thuế GTGT:	Thuế giá trị gia tăng
Thuế TNDN:	Thuế thu nhập doanh nghiệp
DNNN	Doanh nghiệp Nhà nước
CQQLNN	Cơ quan quản lý Nhà nước
CV	Chuyên viên
NĐT	Nhà đầu tư
DVTC	Dịch vụ Tài chính
CNTT	Công nghệ thông tin
SHNN	Sở hữu nước ngoài

NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH**I. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH****Tổ chức phát hành**

Ông: Đỗ Quang Vinh	- Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị
Ông: Nguyễn Chí Thành	- Chức vụ: Tổng Giám đốc
Bà: Phạm Thị Thanh Hảo	- Chức vụ: Kế toán trưởng

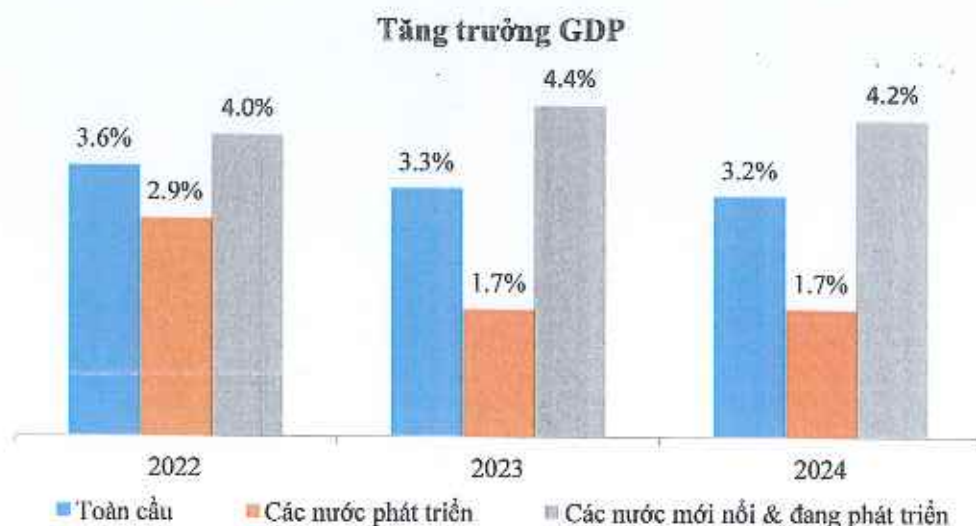
Chúng tôi đảm bảo rằng các thông tin và số liệu trong Bản cáo bạch này là chính xác, trung thực và cam kết chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của những thông tin và số liệu này. Trong phạm vi trách nhiệm và thông tin được biết, chúng tôi đảm bảo không có thông tin hoặc số liệu sai sót mà có thể gây ảnh hưởng đối với các thông tin trong Bản cáo bạch.

II. CÁC NHÂN TỐ RỦI RO**1. Rủi ro về kinh tế**

Sự phát triển của nền kinh tế thường được đánh giá thông qua tốc độ tăng trưởng kinh tế, sự biến động về lạm phát, lãi suất hay tỷ giá hối đoái... Các yếu tố này có những tác động mang tính hệ thống tới nền kinh tế. Sự biến động bất thường của các yếu tố này có thể gây ra những rủi ro cho chủ thể tham gia vào nền kinh tế nói chung và SHS nói riêng.

1.1. Tăng trưởng kinh tế

Tốc độ tăng trưởng kinh tế là một trong những nhân tố quan trọng, ảnh hưởng trực tiếp đến tốc độ tăng trưởng của hầu hết các ngành, lĩnh vực của nền kinh tế, đặc biệt với ngành Dịch vụ Tài chính.

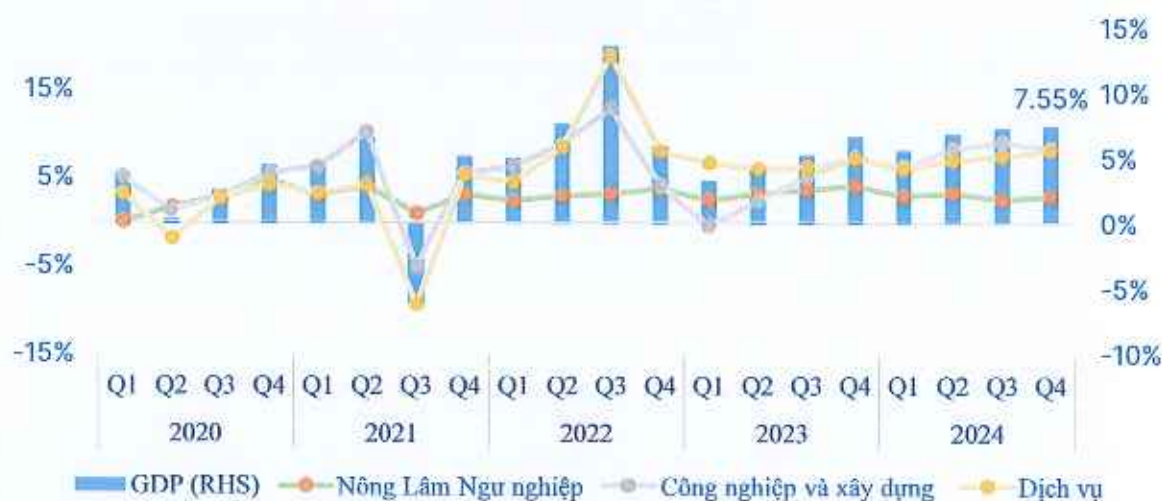


Nguồn: SHS Research tổng hợp

Theo Quỹ tiền tệ Quốc tế (IMF) GDP toàn cầu tăng trưởng 3,2% trong năm 2024, thấp hơn 0,1% so với năm 2023 và cao hơn dự báo thời điểm đầu năm (3,1%). Trái với nhiều lo ngại, kinh tế Mỹ vẫn duy trì được đà tăng trưởng khá tốt 2,8%, so với mức 2,9% (2023). Trung Quốc nhờ các biện pháp kích thích mạnh tay nên đã suy giảm tăng trưởng thấp hơn so với dự báo (+4,8% so với +4,6%). Trong khi đó khối sử dụng đồng Euro tiếp tục rơi vào trạng thái trì trệ khi nền kinh tế đầu tàu là Đức tăng trưởng âm năm thứ 2 liên tiếp. Nhật Bản dù có năm tăng trưởng dương (0,1%) nhưng mức độ tăng trưởng thấp hơn năm 2023 và không đạt kỳ vọng.

Kinh tế Việt Nam Quý IV/2024 tăng trưởng khá ấn tượng 7,55%, tổng kết lại cả năm 2024 tăng 7,09% so với 2023. Trong đó, tuy bị ảnh hưởng bởi bão Yagi nhưng khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản đạt +3,27%, khu vực công nghiệp và xây dựng tăng 8,24% và dịch vụ tăng 7,38%. GDP bình quân đầu người năm 2024 ước đạt 114 triệu đồng/người, tương đương 4.700 USD, tăng 377 USD so với năm 2023. Năng suất lao động của toàn nền kinh tế năm 2024 theo giá hiện hành ước đạt 221,9 triệu đồng/lao động, tương đương 9.182 USD/lao động, tăng 726 USD so với năm 2023. Nhưng số liệu khởi sắc nhất là việc 2024 số doanh nghiệp gia nhập thị trường gấp 1,18 lần số doanh nghiệp rút khỏi thị trường, quan trọng hơn là 76.200 doanh nghiệp quay trở lại hoạt động, tăng 30,4% so với cùng kỳ năm 2023. Điều này cũng có sự tương quan với chỉ số PMI (Purchase Managers Index) khi PMI tổng thể 2024 của Việt Nam khởi sắc hơn 2023.

Tăng trưởng GDP (YoY)



Nguồn: Tổng cục thống kê.

Những yếu tố biến động từ tăng trưởng kinh tế sẽ mang đến nhiều thách thức cho SHS, đặc biệt trong bối cảnh dư địa chính sách tiền tệ bị thu hẹp do áp lực lạm phát, nợ xấu gia tăng, áp lực huy động vốn để đảm bảo các chỉ số an toàn cùng với biến động nhanh và khó lường về kinh tế, chính trị, quân sự, thiên tai dịch bệnh khó báo trước.

1.2. Lãi suất

Lãi suất là một trong những yếu tố tác động mạnh tới hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp. Lãi suất ngân hàng tăng cao sẽ gây áp lực lên chi phí tài chính và ảnh hưởng đến lợi nhuận sau thuế.

Sau 11 lần tăng lãi suất liên tục từ tháng 3/2022 và giữ nguyên mức kỷ lục 5.25-5.5% kể từ tháng 7/2023, đến ngày 18/09/2024, Cục Dự trữ Liên bang Mỹ (Fed) đã hạ lãi suất 0.5 điểm

phần trăm, đưa lãi suất quỹ liên bang xuống mức 4.75%-5%. Đồng thời, Fed báo hiệu sẽ chỉ hạ lãi suất 2 lần trong năm 2025 và dự kiến thực hiện 2 đợt cắt giảm vào năm 2026 và 1 đợt vào năm 2027, với giả định mỗi đợt giảm 0.25 điểm phần trăm.

Việc Fed hạ lãi suất giúp thu hẹp khoảng cách chênh lệch lãi suất giữa USD và VND, giảm áp lực lên tỷ giá VND/USD, đồng thời tạo điều kiện cho Ngân hàng Nhà nước (NHNN) ổn định thị trường ngoại hối. Đây là tín hiệu tích cực, bởi trong môi trường lãi suất USD giảm, áp lực tỷ giá hối đoái sẽ được giảm bớt, tạo điều kiện cho NHNN duy trì mặt bằng lãi suất thấp mà vẫn đảm bảo giá trị đồng tiền VND, ổn định kinh tế vĩ mô. Năm 2024, lãi suất tiền gửi tiết kiệm từ 1-3 tháng được các ngân hàng duy trì trong khoảng 1.6 - 4.3%/năm, kỳ hạn 6-9 tháng trong khoảng 2.9 - 5.7%/năm, kỳ hạn 12 tháng trong khoảng 3.7 - 5.8%/năm.



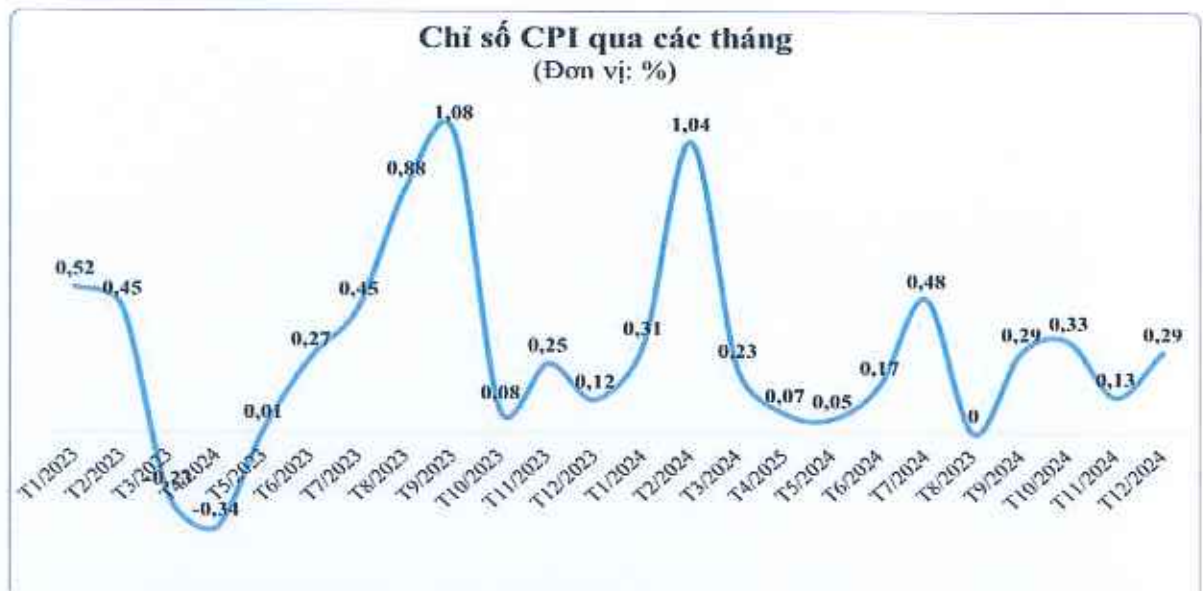
Nguồn: SHS Research tổng hợp

Trong bối cảnh thanh khoản TTCK đang có biến động tăng trở lại, kèm theo sự tăng trưởng của dư nợ cho vay giao dịch ký quỹ, là một công ty chứng khoán cung cấp đầy đủ các dịch vụ, SHS có lưu lượng dòng tiền ra vào tăng cao do hoạt động thanh toán, vay/trả của khách hàng cũng như giải ngân đầu tư diễn ra thường xuyên. Điều này đồng nghĩa Đơn vị quản lý nguồn vốn của SHS phải thường xuyên có những giải pháp chủ động, kịp thời và hiệu quả để xử lý các vấn đề phát sinh để tránh rủi ro về lãi suất nhằm tối ưu hóa nguồn vốn, lợi nhuận cho Công ty.

1.3. **Lạm phát**

Lạm phát (CPI) bình quân quý 4-2024 tăng 2,87% so với cùng kỳ năm trước, bình quân CPI 2024 tăng 3,63% so với 2023, vẫn đạt mục tiêu nhỏ hơn 4% mà Quốc hội đề ra. Tỷ giá năm 2024 nếu tính theo giá Spot mất giá +5% nhưng những tác động tỷ giá ảnh hưởng lạm phát thường mang độ trễ cao, đi cùng với tổng cầu thấp của thời điểm hiện tại đại diện bằng việc chưa phục hồi tổng mức bán lẻ hàng tháng (tốc độ tăng trưởng vẫn yếu hơn so với cùng kỳ 2023), tác động của việc giảm thuế GTGT 2% là không đáng kể.

Diễn biến lạm phát CPI năm 2024 là 3,63% vẫn dưới mục tiêu 4,5% Quốc Hội giao phó. Một phần do cầu tiêu dùng được bắt mạch thông qua tăng trưởng tổng mức bán lẻ chưa mạnh mẽ trở lại (chính sách giảm VAT 2% không nhiều tác động), phần khác về mặt chi phí ảnh hưởng đến giá nguyên nhiên vật liệu đầu vào việc tỷ giá tăng thường có độ trễ (thường là 1 năm), sẽ đẩy áp lực cho 2025.



Nguồn: SHS Research tổng hợp

Rủi ro lạm phát sẽ ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh và lợi nhuận của các doanh nghiệp niêm yết và qua đó ảnh hưởng trực tiếp tới biến động giá cả cổ phiếu trên thị trường, đồng thời ảnh hưởng trực tiếp tới hoạt động kinh doanh của SHS.

1.4. Tỷ giá hối đoái

Tỷ giá hối đoái cũng là một nhân tố có tác động không nhỏ đến nền kinh tế của các quốc gia có hoạt động ngoại thương lớn như Việt Nam. Mỗi biến động trên thị trường ngoại hối quốc tế và Việt Nam sẽ có ảnh hưởng ngay tức thì tới hoạt động sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp xuất nhập khẩu Việt Nam, cũng như tới cán cân thanh toán quốc gia.

Theo cập nhật của VnEconomy, đến ngày 31/12/2024, tỷ giá USD/VND đã tăng 4,31% so với đầu năm. Dù vậy, VND vẫn là đồng tiền mất giá ít hơn so với KRW (Hàn quốc): 12,51%; PHP (Philippines): 4,74%; IDR (Indonesia): 4,85%...



Nguồn: SHS Research tổng hợp

Năm 2025 dự kiến vẫn sẽ là 1 năm nhiều thách thức trong việc điều hành tỷ giá, cùng chính sách dễ cho chênh lệch lãi suất USD/VND (SWAP) hầu hết thời gian chênh lệch âm như những năm gần đây đi kèm với bối cảnh kỳ vọng về số lần cắt giảm lãi suất của FED ít hơn ban đầu (Năm qua giới tài chính chứng kiến sự biến đổi đường cong kỳ hạn lãi suất SOFR khi trong tháng 9 - tháng cắt lãi suất đầu tiên của FED, thị trường định giá tích cực cuối 2025 giao dịch với lãi suất 2,97 %, để rồi tại cuộc họp tháng 11, khi mà PCE Mỹ vẫn rất dai dẳng, thị trường đã định giá lại với 3,60% trước khi chốt năm 2024 bằng kỳ vọng cao hơn 3,92%. Sự điều chỉnh kỳ vọng này khá hợp lý, tương ứng số lần cắt giảm 2025 chỉ còn 2 lần và sẽ chấm dứt trong bán niên đầu tiên)...

Khi tỷ giá không ổn định và chứa nhiều rủi ro, luồng vốn đổ vào thị trường ngoại hối sẽ chuyển dịch sang TTCK hoặc ngược lại, điều này ảnh hưởng tới hoạt động đầu tư của các chủ thể tham gia thị trường vốn, trong đó có SHS.

2. **Rủi ro về luật pháp**

SHS là công ty chứng khoán, hoạt động theo mô hình Công ty Cổ phần, chịu trách nhiệm tuân thủ các quy định và hướng dẫn của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán và các văn bản pháp lý có liên quan khác. Các hoạt động của Công ty được giám sát bởi hệ thống các cơ quan nhà nước bao gồm: Bộ Tài chính, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, SGDCK Việt Nam (VNX), SGDCK TP Hồ Chí Minh (HOSE), SGDCK Hà Nội (HINX), Tổng cục thuế... và được điều chỉnh bởi hệ thống văn bản quy phạm pháp luật. Luật và các văn bản dưới luật trong lĩnh vực chứng khoán cũng đang trong quá trình hoàn thiện, do đó bất kỳ sự thay đổi về mặt chính sách nào xảy ra sẽ ít nhiều ảnh hưởng đến hoạt động quản trị, kinh doanh của Công ty. Mặt khác, rủi ro này cũng xuất hiện khi các công ty chứng khoán không tuân thủ nghiêm ngặt các quy định pháp luật, thực hiện các giao dịch không được cho phép của pháp luật dẫn đến những tổn thất nặng nề và tổn hại uy tín của chính mình.

Vì vậy, để quản trị rủi ro và hạn chế tổn thất có thể xảy ra, SHS đã thành lập Bộ phận Pháp chế để tư vấn pháp lý cho Ban Tổng giám đốc và các Phòng, Ban, Chi nhánh trong Công ty; tham gia xây dựng các sản phẩm, dịch vụ của Công ty; soạn thảo, soát xét hầu hết các thỏa thuận, hợp đồng, văn bản, giấy tờ của Công ty; cập nhật, phổ biến các văn bản, chế độ, chính sách pháp luật cho toàn Công ty... Cán bộ, nhân viên pháp chế thường xuyên được yêu cầu tham gia các hội thảo về pháp lý và góp ý kiến đầy đủ về các dự thảo văn bản pháp luật khi được yêu cầu. Ngoài ra, Công ty cũng chú trọng nâng cao kiến thức, kinh nghiệm pháp lý cho Ban lãnh đạo và phụ trách các phòng ban trên cơ sở tăng cường trao đổi, đào tạo nội bộ, chia sẻ kiến thức, kinh nghiệm pháp lý với Bộ phận Pháp chế và các cơ quan quản lý Nhà nước liên quan đến hoạt động pháp chế.

3. **Rủi ro đặc thù**

3.1. **Rủi ro về hoạt động cung cấp dịch vụ môi giới**

Hoạt động môi giới là mảng kinh doanh được các công ty chứng khoán trên thị trường nói chung và SHS nói riêng tập trung nhiều công sức và nguồn lực. Đây là mảng hoạt động mang lại vị thế cho các công ty chứng khoán nên Ban lãnh đạo SHS luôn đặt ra mục tiêu ở топ dẫn đầu về thị phần môi giới chứng khoán ở cả hai SGDCK. Tuy nhiên, đi kèm với mục tiêu kinh doanh cao, SHS nhận thức đây cũng là mảng kinh doanh tiềm ẩn các rủi ro lớn, trong đó các

rủi ro trọng yếu như:

- Rủi ro đạo đức nghề nghiệp do các cá nhân vi phạm đạo đức trong hành nghề môi giới nhằm trục lợi, gây tổn thất cho khách hàng và công ty chứng khoán thông qua các hành vi gian dối, giả mạo, các giao dịch xung đột lợi ích nhằm mang lại nguồn lợi cho cá nhân.
- Rủi ro sai sót, nhầm lẫn khi thực hiện giao dịch của khách hàng có thể xảy ra với tần suất lớn do áp lực đặc thù của ngành nghề chứng khoán cần nhanh chóng và khối lượng giao dịch yêu cầu tập trung cao.
- Rủi ro hạ tầng thông tin không ổn định.

Để hạn chế và giảm thiểu tối đa các rủi ro trong hoạt động này, Công ty xây dựng hệ thống quy trình, quy định kiểm soát chặt chẽ, tất cả các nghiệp vụ đều được kiểm soát hai cấp; tăng cường đưa công nghệ vào quản trị hoạt động để giảm thiểu yếu tố sai sót của con người; nhân sự thuộc hoạt động môi giới được tuyển chọn, khảo sát đánh giá và đào tạo thường xuyên để nâng cao trình độ và nhận thức rủi ro.

Mặt khác, công ty có hệ thống kiểm soát độc lập bao gồm quản trị rủi ro, kiểm soát nội bộ, Ủy ban Kiểm toán được duy trì hoạt động đánh giá độc lập, khách quan và liên tục lên các chương trình rà soát luân phiên nhằm phát hiện kịp thời và ngăn chặn các sự kiện rủi ro phát sinh gây thiệt hại cho công ty.

3.2. *Rủi ro trong hoạt động tự doanh*

Thị trường chứng khoán luôn biến động không ngừng theo những diễn biến của nền kinh tế. Biến động giá của các cổ phiếu là rủi ro đối với hoạt động kinh doanh của SHS, ảnh hưởng đến kết quả hoạt động của Công ty mà chủ yếu là hoạt động tự doanh chứng khoán. Tuy nhiên, đối với SHS, rủi ro này được hạn chế với một danh mục đầu tư được đa dạng hóa, được quản lý bởi Ban lãnh đạo và đội ngũ chuyên viên nhiều kinh nghiệm và có tầm nhìn chiến lược về xu hướng thị trường. Do vậy, hoạt động tự doanh của SHS đã và đang là hoạt động đóng góp đáng kể vào doanh thu, lợi nhuận của Công ty trong năm vừa qua.

3.3. *Rủi ro cho vay giao dịch ký quỹ*

Không chỉ riêng ở SHS mà hầu hết các Công ty chứng khoán đang hoạt động trên thị trường, mảng hoạt động cho vay giao dịch ký quỹ là mảng mang lại nguồn thu lớn nhưng cũng là mảng chứa đựng rất nhiều rủi ro. Rủi ro phát sinh khi:

- Công ty chứng khoán không thu hồi được hoặc không thu hồi được hết các khoản cho vay và lãi cho vay do đối tác không thực hiện được hoặc mất khả năng hoàn trả.
- Thị trường không có thanh khoản của cổ phiếu mà công ty đã cho vay khách hàng không tuân thủ hoặc chối bỏ trách nhiệm nộp tiền trả nợ cho công ty, khiến các công ty chứng khoán phải chấp nhận khoản lỗ lớn, thậm chí đánh giá là khoản không có khả năng thu hồi khi nắm giữ cổ phiếu có thị giá thấp hơn giá gốc để thu hồi vốn và đảm bảo cho hoạt động luân chuyển vốn của công ty không bị tắc nghẽn.
- Một bộ phận nhỏ khách hàng giả mạo, chối bỏ trách nhiệm và nghĩa vụ tài chính, phá vỡ các cam kết đã ký kết với công ty chứng khoán. SHS đã thực hiện thẩm định khách hàng một cách cẩn thận và kỹ lưỡng để đảm bảo thấp nhất rủi ro này có thể xảy ra.

SHS đã xây dựng một bộ máy quản trị để giảm thiểu rủi ro tài chính cho cả Công ty và khách hàng. Bộ máy quản trị rủi ro đứng đầu là Tổng giám đốc và bao gồm Bộ phận Quản trị rủi ro, Bộ phận Kiểm soát nội bộ. Rủi ro tín dụng đối với nghiệp vụ Ký quỹ được quản trị qua hệ thống các hạn mức đối với từng khách hàng cũng như đối với nhân viên quản lý tài khoản. Các hạn mức Công ty đặt ra đảm bảo tính tuân thủ cũng như tạo điều kiện giao dịch thuận lợi cho khách hàng. Tuy nhiên, Công ty cũng xác định rủi ro chính cần quản trị cho hoạt động ký quỹ là rủi ro từng khoản vay và rủi ro thị trường.

3.4. Rủi ro trong hoạt động Bảo lãnh phát hành

Bảo lãnh phát hành chứng khoán là việc cam kết với tổ chức phát hành nhận mua một phần hoặc toàn bộ chứng khoán của tổ chức phát hành để bán lại hoặc mua số chứng khoán còn lại chưa được phân phối hết hoặc cố gắng tối đa để phân phối số chứng khoán cần phát hành của tổ chức phát hành.

Rủi ro lớn nhất có thể phát sinh từ hoạt động này đối với công ty chứng khoán chính là sự ảnh hưởng đến khả năng thanh toán của công ty. Rủi ro này chủ yếu đến từ các hợp đồng bảo lãnh phát hành với phương thức cam kết chắc chắn vì với phương thức này, công ty chứng khoán phải mua lại toàn bộ số lượng chứng khoán chưa bán hết. Bên cạnh đó, việc nắm giữ các chứng khoán này có khả năng ảnh hưởng lớn đến kết quả kinh doanh của công ty.

Vì vậy, để hạn chế rủi ro từ hoạt động này, SHS đã định hướng và xây dựng các tiêu chuẩn cụ thể trong việc xác định, lựa chọn doanh nghiệp được bảo lãnh, đồng thời, chuẩn hóa các quy trình cho việc thực hiện nghiệp vụ từ nhân viên đến cấp có thẩm quyền nhằm đảm bảo cho việc quản trị rủi ro tốt nhất. SHS cũng không ngừng nâng cao năng lực tài chính và đáp ứng các chỉ tiêu về an toàn tài chính theo đúng quy định pháp luật.

3.5. Rủi ro nguồn nhân lực

Do đặc thù của ngành, nguồn nhân lực trên thị trường chứng khoán luôn đòi hỏi có trình độ chuyên môn nghiệp vụ, đạo đức kinh doanh, kinh nghiệm làm việc rất cao. Do đó, nguồn nhân lực chất lượng chính là điểm mạnh, nhưng ngược lại cũng chính là rủi ro đối với các doanh nghiệp hoạt động trong ngành trong đó có SHS. Rủi ro này thường mang tính chu kỳ, khi thị trường chứng khoán tăng trưởng mạnh mẽ, sự cạnh tranh giữa các tổ chức tài chính, công ty chứng khoán trong việc thu hút nhân lực là rất gay gắt. Ngược lại khi thị trường chứng khoán sụt giảm thì hiện tượng chảy máu chất xám ồ ạt từ lĩnh vực chứng khoán sang các lĩnh vực khác làm cho các doanh nghiệp chứng khoán thiếu hụt nhân sự trầm trọng.

Tuy nhiên với tầm nhìn chiến lược, SHS đã có những chính sách hợp lý về nhân sự kể từ khi thành lập. SHS đã đặc biệt chú ý đến công tác đào tạo, cơ hội thăng tiến và môi trường tập thể, tạo điều kiện cho nhân viên được trang bị thêm kiến thức và trưởng thành trong công việc, đồng lòng phấn đấu vì sự thành công chung của SHS. Vì vậy, trong điều kiện cạnh tranh ngày càng cao về nhân sự ngành chứng khoán, SHS đã và đang tạo ra được sự ổn định về mặt nhân sự. Sự ổn định về nguồn nhân lực chính là sức mạnh để SHS thực hiện được mục tiêu đã đề ra, xác lập được vị thế cao trên thị trường.

3.6. Rủi ro thanh toán

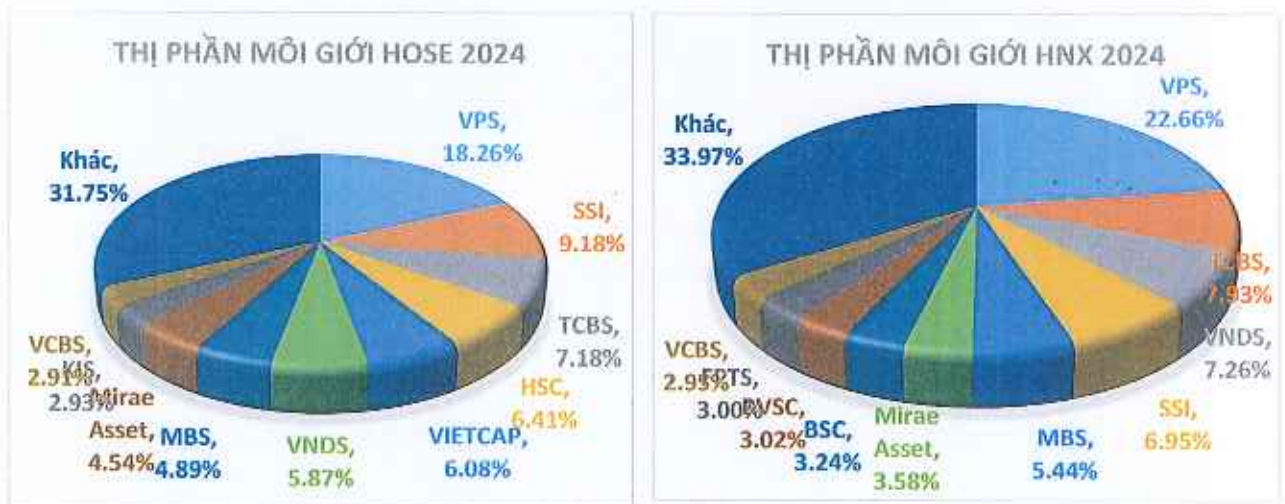
Rủi ro thanh toán phát sinh khi CTCK thiếu hụt số dư tiền hay chứng khoán trên tài khoản để thanh toán cho các giao dịch phát sinh trong ngày như thanh toán bù trừ với VSDC, thanh toán

các nghĩa vụ đến hạn của CTCK đối với đối tác, cơ quan ban ngành. Rủi ro này có thể dẫn đến nguy cơ CTCK bị đình chỉ hoạt động kinh doanh làm ảnh hưởng đến các khách hàng đang có tài khoản giao dịch tại công ty.

Mục tiêu của SHS là luôn luôn hoàn thành các trách nhiệm thanh toán của mình, trong cả các trường hợp thị trường gặp nhiều biến động bất lợi. Công ty đã xây dựng một hệ thống kiểm soát nguồn vốn chặt chẽ nhằm phân bổ vốn hiệu quả, không để xảy ra tình trạng mất cân đối vốn; đa dạng đối tác huy động vốn cho công ty để SHS chủ động về nguồn vốn; xây dựng hệ thống đánh giá các chỉ tiêu an toàn tài chính và đưa ra các cấp cảnh báo để xử lý kịp thời; thực hiện công tác trích lập đủ số tiền dự phòng cho các kịch bản xấu xảy ra.

3.7. *Rủi ro cạnh tranh*

Hiện nay trên thị trường chứng khoán Việt Nam có trên 70 CTCK đang hoạt động, trong đó ưu thế thị phần thuộc về một số ít các công ty: theo công bố của Sở GDCK Tp. Hồ Chí Minh (Hose), tổng thị phần của top 10 CTCK chiếm 68,25% giá trị giao dịch toàn thị trường năm 2024.



Nguồn: HOSE, HNX, SHS Research

Sự tranh giành thị phần giữa các CTCK đang diễn ra rất gay gắt. Những hình thức cạnh tranh chủ yếu là:

- Cạnh tranh bằng giảm phí môi giới, giảm phí tư vấn để lôi kéo khách hàng có ảnh hưởng không nhỏ đến doanh thu của các CTCK, đặc biệt là các công ty mới gia nhập ngành.
- Cạnh tranh về công nghệ thông tin, mặt bằng kinh doanh,... làm cho chi phí vận hành và đầu tư phát triển doanh nghiệp ngày càng tăng cao.
- Cạnh tranh thu hút nhân sự lẫn nhau làm ảnh hưởng đến sự ổn định trong hoạt động kinh doanh của các CTCK.

Nhận thức rõ các yếu tố cạnh tranh, tầm quan trọng của nhân lực cũng như chiến lược đầu tư hợp lý, SHS đã bắt tay vào xây dựng cơ sở vật chất là nền tảng công nghệ cao, nhân sự có chất lượng cao, tạo dựng sức cạnh tranh ngay từ thời điểm ban đầu. Với mục tiêu cuối cùng là sự hài lòng của khách hàng, SHS đã, đang và sẽ làm hết sức mình để mang đến cho khách hàng cơ hội và môi trường đầu tư chuyên nghiệp nhất. Định hướng mang tính chiến lược này đã và đang tạo dựng một thương hiệu SHS được sự tín nhiệm của khách hàng, giúp SHS không những

đứng vững mà còn tiến xa trong môi trường kinh doanh cạnh tranh nhiều cơ hội và thách thức.

3.8. *Rủi ro công nghệ và an toàn thông tin*

Phát triển hệ thống công nghệ thông tin thay thế cho hoạt động của con người trong kinh doanh là xu thế chung của thế giới. Đây cũng chính là định hướng đầu tư và phát triển của SHS trong dài hạn. Do đó, những rủi ro liên quan đến sự ổn định của hệ thống và vấn đề an toàn thông tin sẽ có ảnh hưởng không nhỏ đến hoạt động của Công ty.

Hệ thống Công nghệ thông tin (CNTT) đặc thù đóng vai trò quan trọng trong việc hỗ trợ thực hiện các quy trình và triển khai dịch vụ của SHS. Sự phát triển và tăng trưởng về khách hàng, mở rộng kinh doanh của SHS phụ thuộc rất lớn vào dịch vụ được cung cấp cho khách hàng qua hệ thống CNTT, các ứng dụng và dịch vụ công nghệ được sử dụng. Các rủi ro về đường truyền, lỗi phần mềm trên các ứng dụng, thiết bị công nghệ... đều có thể ảnh hưởng đến sự ổn định giao dịch đối với khách hàng, thất thoát dữ liệu, bảo mật, giảm hiệu suất làm việc gây ra những thiệt hại về tài chính của khách hàng và của SHS.

Khi lượng truy cập gia tăng đột biến, đường truyền dữ liệu của SHS có thể bị gián đoạn, ảnh hưởng đến hoạt động giao dịch của khách hàng. Để hạn chế tối đa rủi ro này, Công ty đã và đang không ngừng thực hiện nâng cấp hệ thống, chú trọng đến việc xây dựng hệ thống hạ tầng công nghệ theo các nguyên tắc và chuẩn mực quốc tế.

4. *Rủi ro về đợt chào bán*

4.1. *Rủi ro về khả năng chào bán không thành công*

Kế hoạch chào bán cổ phiếu của Công ty tiềm ẩn rủi ro không thành công khi Nhà đầu tư không thực hiện mua cổ phiếu đã đăng ký. Kết quả này phụ thuộc khá nhiều vào thị trường chứng khoán Việt Nam giai đoạn 2024 - 2025 và nội tại của cổ phiếu SHS.

Đối với thị trường chung: Sau đợt điều chỉnh mạnh và phục hồi vào cuối năm 2023, thị trường tăng trong Quý 1/2024 và sau đó diễn biến tích lũy trong vùng rộng từ 1.166 điểm đến 1.306 điểm. Kết thúc năm 2024, chỉ số VN-Index tăng 12,1% so với cuối năm 2023, đóng cửa tại 1.266,78 điểm. HNX-Index đóng cửa tại 227,43 điểm, giảm 1,6% và Upcom-Index là 95,06 điểm, tăng 9,2%. Nhóm VN-30 có mức tăng cao hơn VN-Index, đạt 18,9% với nhiều mã tăng mạnh như GVR (+43,2%), FPT (+82,5%), TCB (+55%) MWG (+42,5%). Thanh khoản toàn thị trường năm 2024 đạt bình quân 20.985 tỷ đồng/phiên, tăng 19% so với cùng kỳ năm 2023.

Đối với cổ phiếu SHS: Nhiều năm liền, cổ phiếu SHS luôn nằm trong Danh sách dẫn đầu về thanh khoản hàng tháng tại thị trường cổ phiếu niêm yết tại HNX. Số liệu ghi nhận trong năm 2024, SHS tiếp tục nằm Nhóm 3 cổ phiếu dẫn đầu về thanh khoản tốt nhất thị trường (SHS, CEO và PVS) với khối lượng giao dịch bình quân đạt trên 12 triệu cổ phiếu/phiên giao dịch.

Trong trường hợp thị trường không thuận lợi và cổ phiếu không chào bán hết như dự kiến, tùy thuộc vào tình hình thị trường tại thời điểm chào bán, HĐQT sẽ quyết định chào bán tiếp phần còn lại cho các Nhà đầu tư khác theo Phương án đã được thông qua.

4.2. *Rủi ro sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán*

Tổng số tiền thu được từ đợt chào bán dự kiến khoảng 8.131,6 tỷ đồng sẽ được Công ty sử dụng để bổ sung nguồn vốn cho hoạt động cho vay margin, ứng trước và cho hoạt động đầu tư chứng khoán (cổ phiếu và/hoặc trái phiếu). Kế hoạch sử dụng vốn của Công ty từ đợt chào bán

nhằm đáp ứng nhu cầu hoạt động hiện tại của Công ty. Tuy nhiên, rủi ro trong việc sử dụng nguồn vốn từ đợt chào bán có khả năng xảy ra khi hoạt động kinh doanh của Công ty không đạt hiệu quả như mong đợi cho biến động không lường trước được của tình hình thị trường trong nước và quốc tế.

Để giảm thiểu các rủi ro này, Ban Tổng giám đốc SHS đã chỉ đạo các phòng ban liên quan cùng phối hợp, nghiên cứu phương án khả thi của mỗi khoản mục đầu tư và giám sát giao dịch ký quỹ để đảm bảo tối ưu mục tiêu an toàn vốn.

5. **Rủi ro pha loãng**

Tổng số cổ phần Công ty dự kiến phát hành là 813.156.748 cổ phiếu, như vậy số lượng cổ phiếu chào bán trong đợt này bằng 100% lượng cổ phiếu đang lưu hành của Công ty. Do tăng lượng cổ phiếu lưu hành nên đợt phát hành tăng vốn có thể dẫn tới các rủi ro pha loãng như: (i) pha loãng thu nhập cơ bản trên mỗi cổ phần – EPS (Earning per share); (ii) điều chỉnh kỹ thuật giá cổ phiếu SHS trên sàn giao dịch (iii) pha loãng tỷ lệ nắm giữ và quyền biểu quyết của cổ đông hiện hữu, mà nhà đầu tư cần lưu ý như sau:

5.1. **Rủi ro pha loãng Thu nhập cơ bản trên mỗi cổ phiếu (EPS) và Giá trị sổ sách (BV)**

Thu nhập cơ bản trên mỗi cổ phần:

$$\text{EPS} = \frac{\text{Lợi nhuận sau thuế}}{\text{Số lượng cổ phiếu đang lưu hành bình quân trong kỳ}}$$

Giá trị sổ sách trên mỗi cổ phần (Mệnh giá 10.000 đồng/cổ phần):

$$\text{Giá trị sổ sách 1 cổ phần} = \frac{\text{Nguồn vốn chủ sở hữu – Nguồn kinh phí và các quỹ khác}}{\text{Số cổ phần đã phát hành – Cổ phiếu quỹ}}$$

Trên thực tế, sự khác biệt về tốc độ tăng trưởng của lợi nhuận và vốn chủ sở hữu SHS sẽ ảnh hưởng đến chỉ số EPS cũng như giá trị sổ sách của Công ty. Vì vậy nhà đầu tư cần có đánh giá cân trọng về vấn đề này.

5.2. **Điều chỉnh kỹ thuật giá cổ phiếu SHS**

Trong đợt phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ lần này, SHS triển khai thực hiện 03 phương án cùng một đợt: (i) Chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng cho cổ đông hiện hữu; (ii) Phát hành cổ phiếu để trả cổ tức năm 2023; (iii) Phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu.

Sau khi báo cáo và nhận được văn bản thông báo của UBCKNN, Hội đồng quản trị Công ty sẽ tiến hành chốt Danh sách cổ đông (Danh sách Người sở hữu chứng khoán SHS) để thực hiện đồng thời các quyền vào cùng một ngày: (1) Quyền mua cổ phiếu phát hành thêm đợt chào bán cổ phiếu ra công chúng cho cổ đông hiện hữu và (2) Quyền nhận cổ phiếu phát hành để trả cổ tức năm 2023 và (3) Quyền nhận cổ phiếu để phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu.

Cổ phiếu SHS đang niêm yết trên SGDCK Hà Nội. Tại ngày giao dịch không hưởng quyền đối với quyền mua cổ phiếu chào bán (“Ngày Giao Dịch Không Hưởng Quyền”): giá tham chiếu của cổ phiếu sẽ được SGDCK Hà Nội điều chỉnh theo công thức như sau:

$$P_{tc} = \frac{PR_{t-1} + (I_1 \times P_{r1}) + (I_2 \times P_{r2}) + (I_3 \times P_{r3})}{1 + I_1 + I_2 + I_3}$$

Trong đó:

- P_{tc} : Giá tham chiếu tại Ngày Giao Dịch Không Hưởng Quyền.
- PR_{t-1} : Giá đóng cửa của cổ phiếu tại ngày giao dịch gần nhất trước Ngày Giao Dịch Không Hưởng Quyền.
- P_{r1} : Giá chào bán cho cổ đông hiện hữu (10.000 đồng/cổ phiếu).
- P_{r2} : Giá phát hành cổ phiếu để trả cổ tức năm 2023 (0 đồng/cổ phiếu).
- P_{r3} : Giá phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ NVCSH (0 đồng/cổ phiếu).
- I_1 : Tỷ lệ vốn tăng thêm do phát hành quyền mua cổ phiếu cho CĐHIII.
- I_2 : Tỷ lệ vốn tăng thêm do phát hành cổ phiếu để trả cổ tức năm 2023.
- I_3 : Tỷ lệ vốn tăng thêm do phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ NVCSH.

Trường hợp tại ngày giao dịch không hưởng quyền đối với quyền mua cổ phiếu chào bán (“Ngày Giao Dịch Không Hưởng Quyền”), giá đóng cửa của cổ phiếu tại ngày giao dịch gần nhất trước Ngày Giao Dịch Không Hưởng Quyền nhỏ hơn hoặc bằng giá chào bán cho cổ đông hiện hữu (10.000 đồng/cổ phiếu).

Theo quy định tại Điểm a Khoản 4 Điều 32 Quyết định số 17/QĐ-HĐTV ngày 31/12/2022 của SGDCK Việt Nam về việc ban hành Quy chế niêm yết và giao dịch chứng khoán niêm yết, Giá tham chiếu của cổ phiếu sẽ được SGDCK Hà Nội điều chỉnh theo công thức như sau:

$$P_{tc} = \frac{PR_{t-1} + (I_2 \times P_{r2}) + (I_3 \times P_{r3})}{1 + I_2 + I_3}$$

5.3. *Rủi ro pha loãng tỷ lệ biểu quyết*

Do số lượng cổ phiếu lưu hành sẽ tăng lên sau khi hoàn tất việc phát hành cổ phiếu ra công chúng nên tỷ lệ nắm giữ và quyền biểu quyết của cổ đông sẽ bị giảm xuống trong trường hợp cổ đông không mua thêm cổ phiếu.



6. Rủi ro quản trị Công ty**Rủi ro về quản trị Công ty**

Trong bất kỳ ngành nghề kinh doanh nào, việc lựa chọn cơ cấu tổ chức quản trị rủi ro là nền tảng quan trọng trong chiến lược quản trị rủi ro của doanh nghiệp. Tùy vào tình hình cụ thể của từng doanh nghiệp mà khung quản trị rủi ro cần được xây dựng phù hợp với định hướng của doanh nghiệp. Doanh nghiệp cần quan tâm từ những vấn đề cơ bản nhất để có thể tìm ra giải pháp hữu hiệu nhất, giảm thiểu tối đa rủi ro có thể xảy ra trong tương lai.

Rủi ro quản trị Công ty xuất phát từ việc quản trị Công ty không tốt, thiếu nhất quán, ảnh hưởng đến sự phát triển ổn định và lâu dài, gây thiệt hại cho Công ty, người lao động và cổ đông của Công ty. Trường hợp Hội đồng Quản trị quản lý không hiệu quả, thiếu minh bạch, không kịp thời phát hiện những rủi ro do hành vi sai phạm của Ban Điều hành sẽ gây rủi ro và ảnh hưởng đến hoạt động của Công ty.

Những thông tin liên quan đến quản trị Công ty như cơ cấu cổ đông, mối quan hệ sở hữu giữa các cổ đông, giữa các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Điều hành và các bên liên quan, giữa các cổ đông với Công ty..., cũng là yếu tố gây rủi ro ảnh hưởng đến hoạt động của Công ty, quyền lợi của các cổ đông và người lao động.

Trường hợp Hội đồng quản trị, Ban điều hành Công ty quản lý, sử dụng số tiền thu được từ đợt chào bán này không hiệu quả sẽ ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của Công ty, quyền lợi của cổ đông. Ngoài ra, việc phát hành cổ phiếu cũng tạo áp lực về doanh thu, lợi nhuận, cổ tức, hiệu quả sử dụng vốn..., khi quy mô hoạt động kinh doanh, công tác quản lý chưa phù hợp.

Để khắc phục những rủi ro có thể xảy ra nêu trên, Công ty luôn hoàn thiện các thể chế hoạt động, năng lực quản lý, trình độ chuyên môn của Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc cũng như công tác giám sát từ Ủy ban kiểm toán; thực hiện đúng chủ trương, kế hoạch hoạt động kinh doanh đã trình và được ĐHCĐ thông qua hàng năm. Bên cạnh đó, Công ty không ngừng nâng cấp, hoàn thiện hệ thống truyền thông, thông tin, thực hiện công bố và truyền tải thông tin thường xuyên, đầy đủ, hiệu quả tới cổ đông và Nhà đầu tư, thực hiện tốt công tác quản trị, quan hệ cổ đông.

Rủi ro về cơ chế quản lý

Cơ chế quản lý của Công ty hiện được xây dựng dựa trên quy mô vốn điều lệ hiện tại với các ngành nghề kinh doanh hiện tại. Cùng với việc tăng vốn, SHS cũng tiếp tục mở rộng quy mô kinh doanh trong các lĩnh vực hoạt động. Điều này tạo ra áp lực lớn, yêu cầu một cơ chế quản lý hiệu quả và thông suốt để triển khai một cách có hiệu quả lượng vốn mới tăng thêm và theo kịp với yêu cầu phát triển mới. Trong thời gian qua, SHS không ngừng nâng cao năng lực quản lý, xây dựng đội ngũ cán bộ có trình độ cao, tạo môi trường làm việc chuyên nghiệp để đáp ứng chiến lược, quy mô phát triển mới của Công ty.

7. Rủi ro khác

Các rủi ro khác có thể kể đến như thiên tai, cháy nổ, bệnh dịch, chiến tranh... Các rủi ro này thường ít xảy ra và khó lường trước được. Nếu xảy ra, những rủi ro đó sẽ có thể gây thiệt hại về con người, tài sản của Công ty hoặc làm cho số lượng khách hàng của Công ty bị giảm sút và các thị trường tiềm năng có thể mất ổn định. Những rủi ro này dù ít hay nhiều cũng sẽ có những tác động trực tiếp hoặc gián tiếp đến kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty.

III. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC PHÁT HÀNH**1. Thông tin chung về Tổ chức phát hành**

Tên Công ty	: CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN - HÀ NỘI
Tên viết tắt	: SHS
Tên Công ty viết tiếng Anh	: SAI GON - HA NOI SECURITIES JOINT STOCK COMPANY
Trụ sở chính	: Tầng 1-5, Tòa nhà Unimex Hà Nội, Số 41 Phố Ngô Quyền, Phường Hàng Bài, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội
Điện thoại	: (84-24) 3818 1888
Fax	: (84-24) 3818 1868
Chi nhánh TP.Hồ Chí Minh	: Tầng 3, Cao ốc Sài Gòn Metropolitan, Số 235 Đường Đồng Khởi, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh
Chi nhánh Đà Nẵng	: Tầng 8, Tòa nhà Thành Lợi 2, số 03 Đường Lê Đình Lý, Phường Vĩnh Trung, Quận Thanh Khê, Thành phố Đà Nẵng
Website	: www.shs.com.vn
Logo	: 
Giấy Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp	: Số 0102524651 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hà Nội cấp lần đầu ngày 15/11/2007, đăng ký thay đổi lần thứ 10 ngày 05/04/2024.
Giấy phép thành lập và hoạt động kinh doanh chứng khoán	: Giấy phép thành lập số 66/UBCK-GP ngày 15/11/2007 và Giấy phép điều chỉnh lần gần nhất số 16/GPĐC-UBCK ngày 25/03/2024 do UBCKNN cấp.
Đại diện theo pháp luật	: Ông Nguyễn Chí Thành – Tổng Giám đốc
Vốn điều lệ	: 8.131.567.480.000 đồng (Tám nghìn một trăm ba mươi một tỷ năm trăm sáu mươi bảy triệu bốn trăm tám mươi nghìn đồng).
Mã cổ phiếu	: SHS Sàn giao dịch: HNX
Tài khoản ngân hàng	: 1001085188
Nơi mở	: Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội (SHB) – Chi nhánh Đông Đô

- Ngành nghề kinh doanh chính :
- Môi giới chứng khoán;
 - Tự doanh chứng khoán;
 - Tư vấn đầu tư chứng khoán;
 - Bảo lãnh phát hành chứng khoán;
 - Lưu ký chứng khoán;
 - Môi giới, Tự doanh, Đầu tư Chứng khoán phái sinh;
 - Các dịch vụ tài chính khác được cho phép.

2. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển của Tổ chức phát hành

SHS được thành lập năm 2007, theo Giấy phép thành lập số 66/UBCK-GP ngày 15/11/2007 do UBCKNN cấp với vốn điều lệ ban đầu là 350 tỷ đồng.

Trải qua gần 20 năm xây dựng, phát triển và trưởng thành, Vốn điều lệ hiện nay của SHS là 8.131,6 tỷ đồng.

Các dấu mốc quan trọng của Công ty:

- Năm 2007** 15/11/2007: Công ty được thành lập với Vốn điều lệ 350 tỷ đồng theo Giấy phép số 66/UBCK-GP do UBCKNN cấp; Trụ sở chính tại số 162 Phố Thái Hà, Phường Trung Liệt, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội.
- Năm 2008** 15/2/2008: SHS trở thành Thành viên SGDCK TP Hồ Chí Minh và SGDCK Hà Nội.
05/05/2008: Thành lập Chi nhánh TP Hồ Chí Minh theo Quyết định số 320/QĐ-UBCK của UBCKNN.
- Năm 2009** 16/02/2009: Khai trương Trụ sở mới tại Tầng 1&5, Toà nhà Đào Duy Anh, số 9 Phố Đào Duy Anh, Phường Phương Liên, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội.
05/06/2009: Tăng vốn điều lệ lên 410,6 tỷ đồng theo Giấy phép số 240/UBCK-GP do UBCKNN cấp.
17/06/2009: Chính thức niêm yết tại SGDCK Hà Nội theo Quyết định số 245/QĐ-TTGDHN với mã chứng khoán “SHS”.
25/06/2009: Ngày giao dịch đầu tiên của cổ phiếu SHS tại SGDCK Hà Nội.
21/09/2009: Thành lập Chi nhánh Đà Nẵng theo Quyết định số 611/QĐ-UBCK của UBCKNN.
- Năm 2010** 18/05/2010: Tăng Vốn điều lệ lên 1.000 tỷ đồng theo Giấy phép số 323/UBCK-GP do UBCKNN cấp.
27/09/2010: SHS chính thức triển khai áp dụng hệ thống phần mềm lõi chứng khoán của nhà cung cấp phần mềm chứng khoán hàng đầu của Hàn Quốc là TongYang.
30/09/2010: Trở thành thành viên giao dịch Trái phiếu Chính phủ chuyên biệt tại SGDCK Hà Nội.

- Năm 2011** 07/01/2011: Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh chuyển đến địa điểm mới tại số 141-143 Đường Hàm Nghi, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, TP Hồ Chí Minh theo Quyết định số 20/QĐ-UBCK của UBCKNN.
- 23/11/2011: Khai trương Trụ sở mới tại Tầng 1&3, Tòa nhà Trung tâm Hội nghị Công đoàn, Số 1 Phố Yết Kiêu, Phường Trần Hưng Đạo, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội theo Quyết định số 62/GPĐC-UBCK của UBCKNN.
- Năm 2013** 04/04/2013: Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh chuyển đến địa điểm mới tại Tầng 3, Tòa nhà Artex Sài Gòn, số 236-238 Đường Nguyễn Công Trứ, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, TP.HCM theo Quyết định số 189/QĐ-UBCK của UBCKNN.
- 29/05/2013: SHS thay đổi địa điểm Trụ sở chính là Tầng 3, Tòa nhà Trung tâm Hội nghị Công đoàn, Số 1 Phố Yết Kiêu, Phường Trần Hưng Đạo, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội theo Giấy phép điều chỉnh số 23/GPĐC-UBCK của UBCKNN.
- Tháng 12/2013: SHS lọt top 10 CTCK có thị phần môi giới chứng khoán niêm yết lớn nhất tại HNX và top 10 CTCK có thị phần môi giới Trái phiếu lớn nhất tại HOSE.
- Năm 2014** 05/09/2014: Thành lập Phòng Giao dịch Thăng Long tại Tầng 3, Tòa nhà M5, Số 91 Đường Nguyễn Chí Thanh, Phường Láng Hạ, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội theo Quyết định số 662/QĐ-UBCK của UBCKNN.
- Tháng 12/2014: SHS nằm trong Top 10 CTCK có thị phần môi giới chứng khoán lớn nhất Việt Nam trên cả 2 sàn HNX và HOSE.
- Năm 2015** Tháng 12/2015: SHS nằm trong Top 5 CTCK có thị phần môi giới chứng khoán lớn nhất Việt Nam trên cả 2 sàn HNX và HOSE.
- Năm 2016** 27/10/2016: Thành lập Văn phòng đại diện Đồng Nai tại Số 129 Đường Hà Huy Giáp, Phường Quyết Thắng, TP. Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai theo Quyết định số 1148/QĐ-UBCK của UBCKNN.
- Tháng 12/2016: SHS duy trì vị thế top 5 CTCK có thị phần môi giới chứng khoán lớn nhất Việt Nam trên cả 2 sàn HNX và HOSE. Trong đó, riêng Quý 4/2016 đứng vị trí thứ nhất trên sàn HNX.
- Năm 2017** 27/11/2017: Mở rộng Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh tại Tầng 1&3, Tòa nhà AS, số 236-238 Đường Nguyễn Công Trứ, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, TP Hồ Chí Minh theo Quyết định số 1127/QĐ-UBCK của UBCKNN.
- 29/12/2017: Hội đồng quản trị SHS thông qua Nghị quyết số 03-2017/NQ-HĐQT về việc nhận sáp nhập Công ty Chứng khoán Ngân hàng TMCP Sài Gòn – Hà Nội (SHBS) vào SHS.
- Năm 2018** Chuyển Trụ sở chính đến Tầng 1-5, Tòa nhà Unimex Hà Nội, số 41 Phố Ngô Quyền, Phường Hàng Bài, Quận Hoàn Kiếm, TP Hà Nội.
- 29/08/2018: Chính thức sáp nhập SHBS vào SHS và tăng vốn điều lệ lên 1.054 tỷ đồng bằng phương thức hoán đổi cổ phần theo Giấy phép số 68/GPĐC-UBCK do UBCKNN cấp.

- Năm 2019** Chuyển Chi nhánh Đà Nẵng đến Tầng 8, Tòa nhà Thành Lợi 2, Số 3 Đường Lê Đình Lý, Phường Vĩnh Trung, Quận Thanh Khê, TP. Đà Nẵng.
25/04/2019: Tăng vốn điều lệ lên 2.072,7 tỷ đồng thông qua phương thức phát hành cổ phần tăng vốn điều lệ cho cổ đông hiện hữu, cán bộ nhân viên theo Giấy phép số 27/GPĐC-UBCK do UBCKNN cấp.
- Năm 2020** Thành lập Văn phòng đại diện tại Hải Phòng tại Tầng 3, Tòa nhà DG Tower, số 15 Phố Trần Phú, Phường Lương Khánh Thiện, Quận Ngô Quyền, TP. Hải Phòng.
- Năm 2021** 27/10/2021: Tăng vốn điều lệ lên 3.252,7 tỷ đồng theo phương thức phát hành thêm cổ phiếu tăng vốn điều lệ từ nguồn vốn chủ sở hữu và chào bán cho cổ đông hiện hữu, CBNV theo Giấy phép số 96/GPĐC-UBCK do UBCKNN cấp.
- Năm 2022** 24/6/2022, tăng vốn điều lệ lên 6.505,3 tỷ đồng theo phương thức chào bán ra công chúng cho cổ đông hiện hữu theo Giấy phép số 51/GPĐC-UBCK do UBCKNN cấp.
05/09/2022, tiếp tục tăng vốn điều lệ lên 8.131,6 tỷ đồng theo phương thức phát hành cổ phiếu trả cổ tức năm 2021 và tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu theo Giấy phép số 85/GPĐC-UBCK do UBCKNN cấp.
Đóng cửa Văn phòng Đại diện tại Đồng Nai.
Được UBCKNN chấp thuận cho cung cấp dịch vụ ứng trước tiền bán chứng khoán.
Được Sở Kế hoạch và Đầu tư TP Hà Nội cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 9 cho Hội sở; Sở Kế hoạch và Đầu tư TP Đà Nẵng cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động lần thứ 4 cho Chi nhánh Đà Nẵng.
- Năm 2023** Chuyển Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh đến địa chỉ mới tại: Tầng 3, Cao ốc Sài Gòn Metropolitan, Số 235 Đường Đồng Khởi, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh.
Được Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hà Nội cấp Giấy chứng nhận đăng ký địa điểm kinh doanh thay đổi lần đầu cho Phòng Giao dịch Thăng Long.
Phòng Sở KHĐT Tp. Hồ Chí Minh cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh thay đổi lần thứ 9 cho Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh.
Được UBCKNN cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh chứng khoán phái sinh và Giấy chứng nhận đủ điều kiện cung cấp dịch vụ bù trừ, thanh toán giao dịch chứng khoán phái sinh.
Được SGDCK Việt Nam chấp thuận thành viên giao dịch trái phiếu riêng lẻ và thành viên giao dịch chứng khoán phái sinh.
Được SGDCK Hà Nội chấp thuận kết nối giao dịch trực tuyến, giao dịch từ xa thị trường chứng khoán phái sinh.
Được VSDC cấp Giấy chứng nhận Thành viên giao dịch trái phiếu riêng lẻ và Thành viên bù trừ chứng khoán phái sinh.

Năm 2024 Ngày 15/11/2024, nhân dịp kỷ niệm tròn 17 năm thành lập, Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội (SHS) công bố định vị và nhận diện thương hiệu mới, đánh dấu bước tiến chiến lược với cam kết lâu dài đồng hành cùng khách hàng trên hành trình kiến tạo tài chính thịnh vượng và bền vững.

Câu slogan, cũng là Sứ mệnh của SHS được thay đổi từ “Biến cơ hội thành giá trị” thành “Kiến tạo Tài chính thịnh vượng”, đánh dấu sự chuyển mình trong cách thức tiếp cận thị trường và văn hóa doanh nghiệp của SHS.

3. Cơ cấu tổ chức của Tổ chức phát hành



Nguồn: SHS

Hiện nay, Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn – Hà Nội có 02 Chi nhánh, 01 Văn phòng đại diện và 1 Phòng giao dịch hoạt động trên cả ba miền đất nước.

Trụ Sở chính

Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn – Hà Nội

- Địa chỉ: Tầng 1-5, Tòa nhà Unimex Hà Nội, Số 41 Phố Ngô Quyền, Phường Hàng Bài, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội
- Điện thoại: 84-24-38181 888 Fax: 84-24-38181 688

Chi nhánh

Thành phố Hồ Chí Minh

- Địa chỉ: Tầng 3, Cao ốc Sài Gòn Metropolitan, Số 235 Đường Đồng Khởi, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

Đà Nẵng

- Địa chỉ: Tầng 8, Tòa nhà Thành Lợi 2, Số 3 Đường Lê Đình Lý, Phường Vĩnh Trung, Quận Thanh Khê, Thành phố Đà Nẵng

Văn phòng đại diện

Hải Phòng

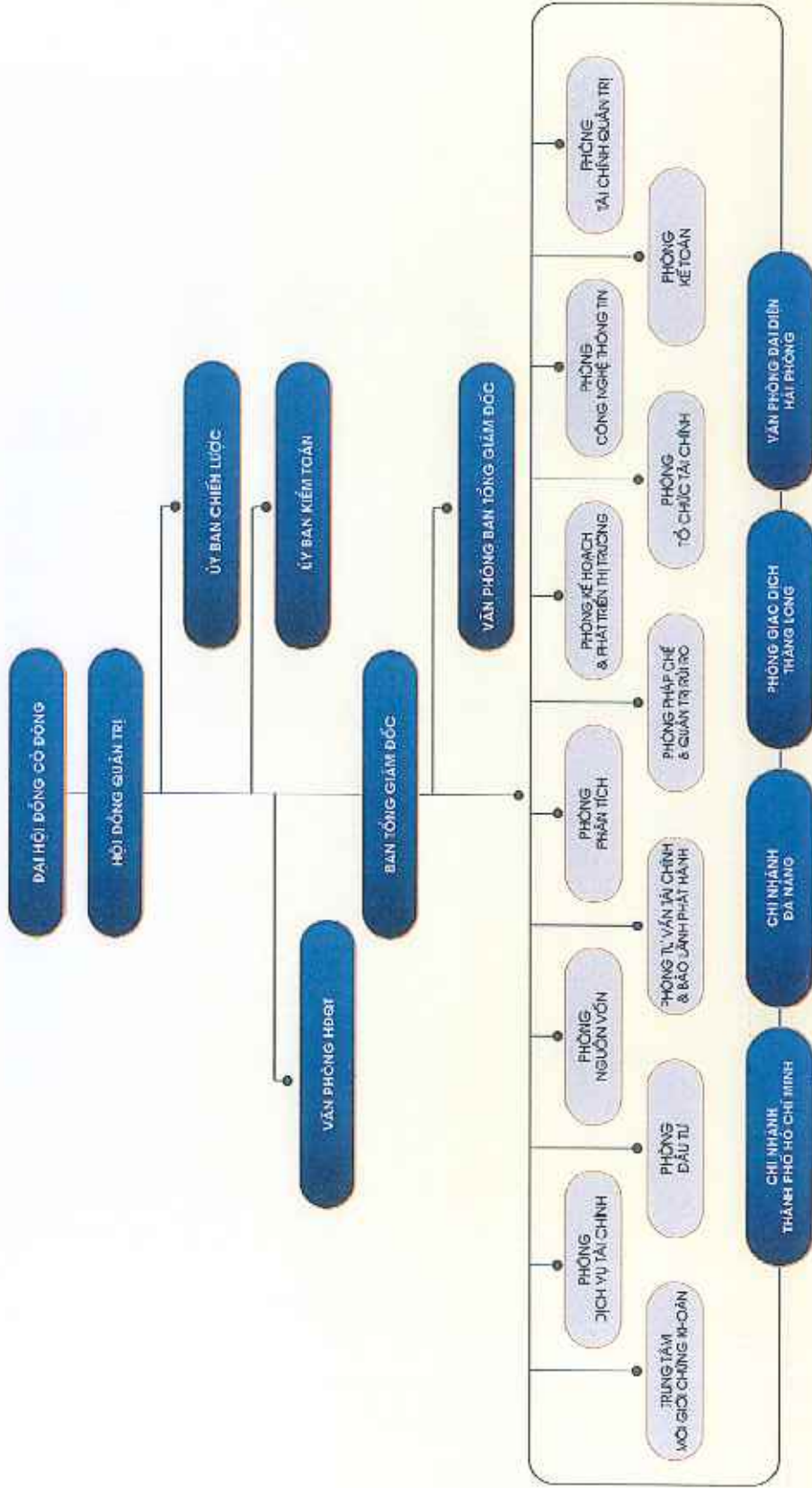
- Địa chỉ: Tầng 3, Tòa nhà DG Tower, Số 15 Phố Trần Phú, Phường Lương Khánh Thiện, Quận Ngô Quyền, Thành phố Hải Phòng

Phòng Giao dịch

Phòng giao dịch Thăng Long

- Địa chỉ: Tầng 3, Tòa nhà M5, Số 91 Đường Nguyễn Chí Thanh, Phường Láng Hạ, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội

CƠ CẤU TỔ CHỨC CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN - HÀ NỘI



26

4.1. Đại hội đồng Cổ đông

Đại hội đồng Cổ đông gồm tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty, quyết định những vấn đề được luật pháp và Điều lệ Công ty quy định.

4.2. Hội đồng quản trị

Hội đồng quản trị do Đại hội đồng Cổ đông bầu ra, là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định mọi vấn đề liên quan đến quyền lợi của Công ty, trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng Cổ đông. Hội đồng quản trị giữ vai trò định hướng chiến lược kế hoạch hoạt động hàng năm, chỉ đạo và giám sát hoạt động của Công ty thông qua Ủy ban Kiểm toán, Ban Tổng giám đốc và các đơn vị trực thuộc HĐQT.

HĐQT của Công ty gồm 05 thành viên với cơ cấu như sau:

Ông Đỗ Quang Vinh	Chủ tịch HĐQT, Chủ tịch Ủy ban Chiến lược
Bà Nguyễn Diệu Trinh	Thành viên HĐQT độc lập, Chủ tịch UBKT
Ông Lê Đăng Khoa	Thành viên HĐQT, Thành viên UBKT
Ông Vũ Đức Tiến	Thành viên HĐQT
Ông Lưu Danh Đức	Thành viên HĐQT

4.2.1. Ủy ban Chiến lược trực thuộc Hội đồng quản trị

Ủy ban Chiến lược (UBCL) trực thuộc HĐQT, bao gồm: Chủ tịch UBCL là Chủ tịch HĐQT; Thành viên UBCL là Thành viên HĐQT và Tổng giám đốc và các cá nhân khác theo Quyết định của Chủ tịch UBCL tại từng thời điểm.

Chức năng nhiệm vụ: Tham mưu cho HĐQT trong công tác hoạch định Chiến lược phát triển Công ty, chính sách về nhân sự, dịch vụ - sản phẩm, công nghệ và chuyển đổi số, thương hiệu – truyền thông...

4.2.2. Ủy ban Kiểm toán trực thuộc Hội đồng quản trị

Ủy ban Kiểm toán (UBKT) trực thuộc HĐQT, bao gồm Chủ tịch UBKT là một Thành viên HĐQT độc lập và Thành viên UBKT là một Thành viên HĐQT không điều hành. ĐHĐCĐ đã thông qua thay đổi mô hình cơ cấu quản trị, kiểm soát SHS không có Ban Kiểm soát, có UBKT trực thuộc HĐQT từ tháng 5/2024.

Ủy ban Kiểm toán của Công ty gồm 02 thành viên với cơ cấu như sau:

Bà Nguyễn Diệu Trinh	Chủ tịch UBKT, Thành viên HĐQT độc lập
Ông Lê Đăng Khoa	Thành viên UBKT, Thành viên HĐQT

Ủy ban Kiểm toán trực thuộc HĐQT có nhiệm vụ thực hiện việc giám sát tính trung thực của báo cáo và kết quả về tài chính; tuân thủ các quy định nội bộ và pháp luật; giám sát/rà soát/kiến nghị các vấn đề/giải pháp liên quan hệ thống kiểm toán nội bộ và quản trị rủi ro.

4.3. Ban Tổng giám đốc

Ban Tổng giám đốc bao gồm Tổng giám đốc và (các) Phó Tổng giám đốc.

Ông Nguyễn Chí Thành

Tổng giám đốc

- Tổng giám đốc là người điều hành công việc kinh doanh hàng ngày của Công ty theo Nghị quyết, Quyết định của ĐHĐCĐ và HĐQT; chịu sự giám sát của HĐQT và chịu trách nhiệm trước HĐQT và trước pháp luật về việc thực hiện các quyền hạn và nhiệm vụ được giao.
- Giúp việc cho Tổng giám đốc có (các) Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng, Giám đốc Chi nhánh, Giám đốc vận hành và các cá nhân khác được phân công, ủy quyền thực hiện các nhiệm vụ do Tổng giám đốc giao.
- Tổng giám đốc quy định cụ thể về nhiệm vụ, quyền hạn của các cá nhân nêu trên bằng văn bản phân công nhiệm vụ.

4.4. Văn phòng Hội đồng quản trị

- Tham mưu, giúp việc cho HĐQT trong công tác quản trị đối với mọi hoạt động của Công ty; triển khai các hoạt động hỗ trợ HĐQT trong công tác quản trị Công ty và thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của HĐQT;
- Đầu mối trong công tác thông tin, báo cáo giữa HĐQT và Ban Tổng giám đốc Công ty;
- Ban Thư ký của HĐQT, giúp việc cho HĐQT triển khai và tổ chức các cuộc họp có sự tham gia của HĐQT, phổ biến thực hiện các Nghị quyết, Quyết định của ĐHĐCĐ, HĐQT;
- Kiểm tra, giám sát việc thực hiện và tuân thủ các chỉ đạo của HĐQT và Chủ tịch HĐQT;
- Chịu trách nhiệm quản lý cổ đông, cổ phần, cổ phiếu và các công việc liên quan đến cổ đông, cổ phần, cổ phiếu SHS;
- Thực hiện các nhiệm vụ khác theo sự phân công của HĐQT.

4.5. Văn phòng Ban Tổng giám đốc

- Nghiên cứu, tham mưu chiến lược và đầu mối trong việc lập, xây dựng và quản lý, giám sát việc thực hiện kế hoạch kinh doanh của Công ty;
- Thực hiện công tác thư ký, văn thư, hành chính, hậu cần hỗ trợ cho hoạt động hàng ngày của Ban Tổng giám đốc;
- Nghiên cứu, đánh giá, xây dựng và phát triển sản phẩm, dịch vụ; nghiên cứu thị trường, tiềm năng phát triển;
- Thực hiện các công việc khác theo sự chỉ đạo, điều hành, quản lý, giám sát trực tiếp của Ban Tổng giám đốc, tuân thủ pháp luật, Điều lệ và các quy định nội bộ Công ty.

4.6. Trung tâm Môi giới chứng khoán

- Tìm kiếm, chăm sóc và phát triển mạng lưới NĐT cá nhân và tổ chức trong nước và nước ngoài;
- Thực hiện giao dịch chứng khoán;
- Tư vấn đầu tư cho khách hàng;

- Tổ chức bán đấu giá cổ phần của doanh nghiệp; làm đại lý đấu giá của HOSE và HNX;
- Thực hiện lưu ký, thực hiện quyền cho Người sở hữu chứng khoán;
- Quản lý sổ cổ đông cho các công ty cổ phần theo các hợp đồng/thỏa thuận về cung cấp dịch vụ;
- Thực hiện phát triển sản phẩm nâng cao chất lượng dịch vụ phục vụ khách hàng/Nhà đầu tư;
- Thực hiện hướng dẫn nghiệp vụ và quản lý ngành dọc đối với hoạt động môi giới, giao dịch chứng khoán, tổ chức bán đấu giá cổ phần doanh nghiệp, lưu ký, quản lý sổ cổ đông tại các chi nhánh, phòng giao dịch của Công ty.
- Các phòng trực thuộc Trung tâm bao gồm: Các phòng Môi giới, Phòng Giao dịch, Phòng Lưu ký & Quản lý sổ Cổ đông, Phòng phát triển kinh doanh.

4.7. Phòng Dịch vụ tài chính

- Quản lý và cung cấp các sản phẩm DVTC:
 - Lập và kiểm soát các hợp đồng giao dịch ký quỹ, các hợp đồng liên quan đến DVTC;
 - Cập nhật thông tin khách hàng, theo dõi và cài đặt đối tượng khách hàng sử dụng sản phẩm DVTC;
 - Lập báo cáo giao dịch ký quỹ gửi UBCK hàng tháng và các báo cáo về DVTC.
- Phát triển sản phẩm DVTC:
 - Cập nhật Danh mục chứng khoán, tỷ lệ cho vay, thời gian, hạn mức cho vay,... vào hệ thống;
 - Cải tiến chức năng hệ thống phần mềm cung cấp sản phẩm DVTC.
- Kiểm soát rủi ro:
 - Xây dựng các tiêu chí thẩm định khách hàng để kiểm soát tỷ lệ cho vay cung cấp cho khách hàng theo chính sách Công ty;
 - Kiểm soát việc cung cấp sức mua cho hệ thống khách hàng SHS;
 - Tham gia đóng góp tiêu chí xây dựng danh mục cổ phiếu được cho vay trên quan điểm QTRR.

4.8. Phòng Đầu tư

- Thực hiện các hoạt động tự doanh của Công ty tuân thủ theo Quy chế quản trị Công ty và các quy định khác có liên quan;
- Thực hiện các hoạt động phân tích đầu tư, lập các báo cáo phân tích đầu tư và các báo cáo nghiệp vụ khác có liên quan phục vụ cho hoạt động tự doanh và kinh doanh nguồn vốn của Công ty;
- Nghiên cứu, đề xuất và triển khai các phương án quản trị rủi ro;
- Thực hiện các chức năng khác dưới sự chỉ đạo của Ban TGD.

4.9. Phòng Nguồn vốn

- Tham mưu ban TGD chỉ đạo, điều hành các hoạt động liên quan đến việc cân đối, huy động và sử dụng nguồn vốn;

- Quản lý, cân đối nguồn vốn (dòng tiền ra, vào), đảm bảo nhu cầu nguồn vốn cho hoạt động kinh doanh của Công ty;
- Nghiên cứu, đề xuất triển khai các hoạt động góp vốn hợp tác đầu tư với khách hàng tổ chức và cá nhân;
- Thực hiện các nghiệp vụ về nguồn vốn nhằm đa dạng hóa, mở rộng nguồn vốn và sử dụng hiệu quả nguồn vốn kinh doanh của Công ty.

4.10. Phòng Tư vấn Tài chính và Bảo lãnh Phát hành

Phòng Tư vấn tài chính và Bảo lãnh phát hành triển khai các hoạt động tư vấn bao gồm:

- Tư vấn tài chính doanh nghiệp;
- Tư vấn cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước;
- Tư vấn chuyển đổi, tái cấu trúc doanh nghiệp;
- Tư vấn niêm yết chứng khoán;
- Tư vấn phát hành chứng khoán;
- Bảo lãnh phát hành trái phiếu, cổ phiếu;
- Tư vấn mua bán, sáp nhập doanh nghiệp; tư vấn về quản trị doanh nghiệp;
- Tư vấn tài chính dự án đầu tư, chứng khoán hóa...;
- Phân tích, tư vấn đầu tư dự án.

4.11. Phòng Phân tích

- Phòng có chức năng tham mưu và giúp việc cho Tổng giám đốc trong các hoạt động phân tích, tư vấn đầu tư và nghiên cứu thị trường và đối thủ cạnh tranh trong lĩnh vực chứng khoán;
- Chức năng quản lý, giám sát ngành nghiệp vụ chuyên môn đối với các Chi nhánh trực thuộc Công ty.

4.12. Phòng Pháp chế và quản trị rủi ro

Gồm ba bộ phận: Bộ phận Pháp chế, Bộ phận Quản trị rủi ro và Bộ phận Kiểm soát nội bộ.

➤ Bộ phận Pháp chế:

- Chủ trì và/hoặc tham gia công tác soạn thảo, sửa đổi, bổ sung, thay thế các văn bản nội bộ phục vụ hoạt động Công ty;
- Tư vấn pháp luật đối với toàn bộ hoạt động của Công ty;
- Soạn thảo, góp ý dưới góc độ pháp lý các hợp đồng của Công ty với đối tác, khách hàng;
- Tham gia giải quyết các tranh chấp phát sinh trong hoạt động Công ty với khách hàng, đối tác, người lao động để bảo vệ quyền lợi Công ty;
- Cập nhật các văn bản quy phạm, phổ biến, hướng dẫn cho các phòng, ban, chi nhánh thực hiện đúng các quy định pháp luật;
- Hỗ trợ các phòng ban liên quan trong việc gửi báo cáo định kỳ cho cơ quan nhà nước;

- Thực hiện công bố thông tin định kỳ/bất thường của Công ty;
- Đầu mối tiếp nhận thông tin, yêu cầu của cơ quan quản lý nhà nước liên quan đến nghĩa vụ báo cáo, Công bố thông tin và truyền đạt đến các bộ phận liên quan.

➤ **Bộ phận Quản trị rủi ro:**

- Tham mưu, giúp việc cho Ban TGD trong việc xây dựng chính sách, hạn mức và các quy trình Quản trị rủi ro liên quan hoạt động công ty;
- Đánh giá khẩu vị rủi ro, đề xuất hạn mức rủi ro hàng năm cho các loại rủi ro chủ yếu của Công ty;
- Phân tích, đưa ra những cảnh báo về mức độ an toàn của Công ty trước những nguy cơ tiềm ẩn rủi ro có thể ảnh hưởng và biện pháp phòng ngừa đối với các rủi ro này trong ngắn hạn cũng như dài hạn;
- Đánh giá tính phù hợp và hiệu quả của các quy trình, chính sách QTRR hiện hành của Công ty để đưa ra các khuyến nghị, đề xuất đối với Ban TGD về những yêu cầu thay đổi quy trình, chính sách hiện hành.

➤ **Bộ phận Kiểm soát nội bộ:**

- Kiểm tra, giám sát việc tuân thủ quy định pháp luật, Điều lệ công ty, quyết định của ĐHĐCĐ, quyết định của HĐQT, các quy chế, quy trình nghiệp vụ, quy trình quản trị rủi ro của Công ty, của các bộ phận có liên quan và của người hành nghề chứng khoán trong Công ty;
- Kiểm tra, kiểm soát các giao dịch phát sinh trên hệ thống phần mềm;
- Giám sát thực thi các quy định nội bộ, các hoạt động tiềm ẩn xung đột lợi ích trong nội bộ Công ty, đặc biệt đối với các hoạt động kinh doanh của bản thân Công ty và các giao dịch cá nhân của nhân viên Công ty; giám sát việc thực thi trách nhiệm của cán bộ, nhân viên trong Công ty, thực thi trách nhiệm của đối tác đối với các hoạt động đã ủy quyền;
- Các chức năng khác dưới sự chỉ đạo của TGD.

4.13. Phòng Kế hoạch và phát triển thị trường

- Nghiên cứu và tham mưu cho TGD xây dựng chiến lược của Công ty trong từng thời kỳ để trình ĐHĐCĐ và HĐQT thông qua;
- Xây dựng kế hoạch kinh doanh hàng năm;
- Thống kê, phân tích đánh giá tình hình thực hiện kế hoạch kinh doanh;
- Nghiên cứu và đề xuất kế hoạch phát triển thị trường, phát triển hệ thống và mạng lưới;
- Thực hiện công tác PR, Marketing...

4.14. Phòng Tổ chức Hành chính

➤ **Hoạt động quản trị nhân lực:**

- Đầu mối tổ chức tuyển dụng nhân sự;
- Quản lý và sắp xếp việc sử dụng nguồn nhân sự Công ty;
- Quản lý lao động, đào tạo nguồn nhân lực theo yêu cầu phát triển Công ty;

- Tổ chức đánh giá, xếp loại nhân viên để xác định nhu cầu đào tạo và đảm bảo việc thực hiện các chính sách về lương, thưởng cho NLĐ;
- Tham mưu cho Ban TGD trong việc quản lý và sử dụng nguồn nhân sự.

➤ **Hoạt động Hành chính - Tổng hợp:**

- Quản lý và thực hiện các công tác hành chính quản trị, hành chính văn phòng;
- Mua sắm, quản lý các tài sản, dịch vụ phục vụ cho hoạt động kinh doanh toàn Công ty;
- Đảm bảo các điều kiện về cơ sở vật chất, an ninh, an toàn cho các phòng ban tại Hội sở chính.

4.15. Phòng Công nghệ thông tin

- Quản lý hệ thống mạng nội bộ, đường truyền kết nối, hệ thống máy chủ;
- Quản lý các hệ thống phần mềm phục vụ hoạt động kinh doanh của SHS;
- Là đầu mối quản lý website của SHS;
- Tham mưu cho BTGD trong hoạt động CNTT cho phù hợp với mô hình tổ chức hoạt động, phát triển của SHS trong từng thời kỳ;
- Xây dựng chiến lược đầu tư CNTT phục vụ hoạt động của SHS;
- Hỗ trợ trực tiếp các Phòng, Ban, CBNV của Công ty trong các vấn đề liên quan đến CNTT, từng bước nâng cao chất lượng dịch vụ CNTT trong SHS.

4.16. Phòng Kế toán

- Xây dựng chế độ chính sách kế toán, tổ chức thực hiện công tác kế toán phù hợp với hoạt động của Công ty trong từng thời kỳ;
- Tham mưu cho Ban Tổng giám đốc, Hội đồng quản trị trong công tác xây dựng chế độ, chính sách kế toán của Công ty;
- Thực hiện các Công việc khác theo sự chỉ đạo, điều hành, quản lý, giám sát trực tiếp của Ban Tổng giám đốc, tuân thủ pháp luật, Điều lệ và các quy định nội bộ Công ty.

4.17. Phòng Tài chính Quản trị

- Phối hợp cung cấp số liệu tài chính, rà soát để chuẩn hóa lại kế hoạch kinh doanh;
- Phân tích các chỉ số tài chính, đưa ra các khuyến nghị đề xuất nhằm tối ưu hóa hiệu quả của các hoạt động kinh doanh chính;
- Thực hiện các Báo cáo Quản trị định kỳ theo yêu cầu;
- Thực hiện các công việc khác theo sự chỉ đạo, điều hành, quản lý, giám sát trực tiếp của Tổng giám đốc, tuân thủ pháp luật, Điều lệ và các quy định nội bộ Công ty.

4.18. Chi nhánh, Văn phòng đại diện, Phòng giao dịch

Chi nhánh: Công ty hiện có 2 chi nhánh tại Đà Nẵng và Thành phố Hồ Chí Minh là đơn vị phụ thuộc của Công ty, được xây dựng từ những ngày đầu SHS thành lập đến nay.

Chi nhánh có nhiệm vụ thực hiện toàn bộ hoặc một phần chức năng của Công ty, bao gồm cả chức năng đại diện theo ủy quyền. Ngành, nghề kinh doanh của chi nhánh phải đúng với ngành,

ngành kinh doanh của Công ty. Hai chi nhánh đóng vai trò rất lớn trong việc xây dựng nền móng, hình ảnh của SHS tại thị trường Miền Trung và Miền Nam bên cạnh việc góp phần không nhỏ vào doanh thu, lợi nhuận của Công ty.

Văn phòng đại diện tại Hải Phòng: là đơn vị trực thuộc Hội sở chính Công ty, có nhiệm vụ đại diện theo ủy quyền cho lợi ích của Công ty và bảo vệ các lợi ích đó. Văn phòng Đại diện không thực hiện chức năng kinh doanh của Công ty.

- Là văn phòng liên lạc và nghiên cứu thị trường;
- Xúc tiến xây dựng các dự án hợp tác trong lĩnh vực chứng khoán và thị trường chứng khoán tại Hải Phòng;
- Thúc đẩy, giám sát thực hiện các dự án, hợp đồng, thỏa thuận mà Công ty đã ký kết liên quan đến các lĩnh vực Công ty đang hoạt động.

Phòng Giao dịch Thăng Long: Phòng giao dịch tại Hà Nội có nhiệm vụ thực hiện hoạt động bao gồm: Môi giới Chứng khoán, Tư vấn Đầu tư Chứng khoán và Lưu ký Chứng khoán.

5. Thông tin về công ty mẹ, công ty con của Tổ chức phát hành, những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với Tổ chức phát hành, những công ty mà Tổ chức phát hành nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần, phần vốn góp chi phối

5.1. Công ty mẹ của SHS

Không có

5.2. Công ty con của SHS

Không có

5.3. Công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với SHS

Không có

5.4. Công ty mà SHS nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần, phần vốn góp chi phối

Không có.

[Phần còn lại bỏ trống là do cố ý]

6. Thông tin về quá trình tăng vốn điều lệ của Tổ chức phát hành

Bảng 1: Quá trình tăng vốn điều lệ của SHS

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Thời điểm	Vốn điều lệ trước phát hành	Vốn điều lệ sau phát hành	Số vốn điều lệ tăng thêm	Lý do tăng	Hồ sơ pháp lý	Cơ quan chấp thuận
Góp vốn thành lập công ty							
1	11/2007		350.000	350.000	22.514.000 cổ phần cho cổ đông sáng lập, nhân viên Ban dự án thành lập Công ty và Ban lãnh đạo, giá 10.000 đồng/cổ phần 12.486.000 cổ phần cho cổ đông khác mệnh giá 10.000 đồng/cổ phần và góp bổ sung Quỹ vốn hoạt động với mức 5.000 đồng/cổ phần	Giấy phép thành lập số 66/UBCK-GP ngày 15/11/2007	UBCKNN
Phát hành cổ phiếu thường từ nguồn thặng dư vốn cho cổ đông hiện hữu với tỷ lệ 1000:174							
2	06/2009	350.000	410.629,96	60.629,96	Phát hành cổ phiếu thường từ nguồn thặng dư vốn cho cổ đông hiện hữu với tỷ lệ 1000:174	- Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2009 số 01-2009/NQ-ĐHĐCĐ ngày 27/3/2009 - Giấy phép số 240/UBCK-GP ngày 05/06/2009	UBCKNN
Phát hành cho cổ đông hiện hữu (tỷ lệ 1:1): 40.907.996 cổ phần							
3	05/2010	410.629,96	1.000.000	589.370,04	- Phát hành cho cổ đông hiện hữu (tỷ lệ 1:1): 40.907.996 cổ phần - Phát hành cho CBNV: 2.045.399 cổ phần	Nghị quyết ĐHĐCĐ năm 2009 số 02-2009/NQ-ĐHĐCĐ ngày 12/11/2009 theo hình thức lấy ý kiến bảng văn bản	UBCKNN

TT	Thời điểm	Vốn điều lệ trước phát hành	Vốn điều lệ sau phát hành	Số vốn điều lệ tăng thêm	Lý do tăng	Hồ sơ pháp lý	Cơ quan chấp thuận
					phần	- Quyết định HĐQT SHS số 77/2009/QĐ-HĐQT ngày 11/12/2009 thông qua phương án phân bổ quyền mua cổ phiếu SHS cho CBNV - Giấy phép số 323/UBCK-GP ngày 18/05/2010 của UBCKNN	
					- Phát hành cho đối tác: 15.983.609 cổ phần		
4	08/2018	1.000.000	1.053.956	53.956	- Phát hành thêm cổ phần riêng lẻ để hoán đổi cổ phiếu SHBS thực hiện nhận sáp nhập SHBS vào SHS	- Nghị quyết ĐHĐCĐ SHS số 01-2017/NQ-ĐHĐCĐ ngày 26/04/2017 v.v SHS nhận sáp nhập doanh nghiệp & Nghị quyết ĐHĐCĐ CTCP Chứng khoán SHB (SHBS) số 01/NQ-ĐHĐCĐ ngày 26/06/2017 v.v sáp nhập doanh nghiệp - Quyết định số 234/QĐ-UBCK của UBCKNN ngày 23/3/2018 v.v sáp nhập CTCP Chứng khoán SHBS vào CTCP Chứng khoán Sài Gòn – Hà Nội - Giấy phép điều chỉnh Giấy phép thành lập và hoạt động CTCK 68/GPĐC-UBCK của UB	UBCKNN

Vốn điều lệ trước phát hành		Vốn điều lệ sau phát hành		Số vốn điều lệ tăng thêm		Lý do tăng	Hồ sơ pháp lý	Cơ quan chấp thuận
TT	Thời điểm							
							CKNN ngày 29/8/2018 cho CTCP Chứng khoán Sài Gòn – Hà Nội	
							- Quyết định số 713/QĐ-UBCK ngày 29/8/2018 về việc thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động lưu ký chứng khoán cho SHBS	
							- Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2018 SHS số 01-2018/NQ-ĐHĐCĐ ngày 24/04/2018 - Giấy chứng nhận Đăng ký chào bán cổ phần ra công chúng số 78/GCN-UBCK do UBCKNN cấp ngày 13/12/2018 - Giấy phép điều chỉnh Giấy phép thành lập và hoạt động CTCK số 27/GPĐC-UBCK do UBCKNN cấp ngày 25/04/2019	UBCKNN
5	04/2019	1.053.956	2.072.682	1.018.726		- Phát hành cổ phiếu trả cổ tức (tỷ lệ 4:1): 26.348.744 cổ phần - Phát hành cho cổ đông hiện hữu (tỷ lệ 3:2): 70.263.783 cổ phần - Phát hành cho CBNV: 5.260.000 cổ phần		
6	10/2021	2.072.682	3.252.650	1.179.968		- Phát hành cổ phiếu tăng vốn từ nguồn vốn chủ sở hữu (tỷ lệ 100:5): 10.362.725	- Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2021 SHS số 01-	UBCKNN

TT	Thời điểm	Vốn điều lệ trước phát hành	Vốn điều lệ sau phát hành	Số vốn điều lệ tăng thêm	Lý do tăng	Hồ sơ pháp lý	Cơ quan chấp thuận
					cổ phần	2021/NQ-ĐHĐCĐ 16/6/2021	ngày
					- Chào bán cho cổ đông hiện hữu (tỷ lệ 2:1): 103.634.101 cổ phần	- Giấy chứng nhận Đăng ký chào bán cổ phần ra công chúng số 128/GCN-UBCK cấp ngày 06/8/2021	
					- Phát hành cho CBNV: 4.000.000 cổ phần	- Giấy phép điều chỉnh Giấy phép thành lập và hoạt động CTCK số 96/GPĐC-UBCK cấp ngày 27/10/2021	
						- Nghị quyết ĐHĐCĐ bất thường năm 2022 SHS số 01-2022/NQ-ĐHĐCĐ ngày 28/01/2022	
						- Giấy chứng nhận đăng ký chào bán cổ phiếu ra công chúng số 69/GCN-UBCK cấp ngày 22/03/2022	UBCKNN
7	06/2022	3.252.650	6.505.300	3.252.650	- Chào bán cho cổ đông hiện hữu (tỷ lệ 1:1): 325.265.027 cổ phần	- Giấy phép điều chỉnh Giấy phép thành lập và hoạt động CTCK số 51/GPĐC-UBCK cấp ngày 24/06/2022	

TT	Thời điểm	Vốn điều lệ trước phát hành	Vốn điều lệ sau phát hành	Số vốn điều lệ tăng thêm	Lý do tăng	Hồ sơ pháp lý	Cơ quan chấp thuận
8	09/2022	6.505.300	8.131.567	1.626.267	- Phát hành cổ phiếu để trả cổ tức năm 2021 (tỷ lệ 100:18): 117.092.515 cổ phần - Phát hành cổ phiếu tăng vốn từ nguồn vốn chủ sở hữu (tỷ lệ 100:7): 45.534.179 cổ phần.	- Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2022 SHS số 02-2022/NQ-ĐHĐCĐ ngày 27/04/2022 - Công văn số 4285/UBCK-QLKD cấp ngày 06/07/2022 về việc phát hành cổ phiếu để trả cổ tức năm 2021 và tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu của SHS; - Giấy phép điều chỉnh Giấy phép thành lập và hoạt động CTCK số 85/GPĐC-UBCK cấp ngày 05/09/2022	UBCKNN

Nguồn: SHS

[Phần còn lại bỏ trống là do cố ý]

Chi tiết quá trình tăng vốn điều lệ

• **Tăng vốn điều lệ lần 1:**

Theo Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2009 số 01-2009/NQ-ĐHĐCĐ ngày 27/3/2009, Công ty thực hiện Phương án tăng vốn điều lệ từ 350 tỷ đồng lên 410,6 tỷ đồng bằng hình thức phát hành cổ phiếu thưởng từ nguồn thặng dư vốn cho cổ đông hiện hữu với tỷ lệ 1000:174.

Đối tượng phát hành	Số lượng phát hành (Cổ phiếu)	Giá phát hành (đồng/cổ phiếu)
Cổ đông hiện hữu	6.062.996	Cổ phiếu thưởng
Tổng cộng	6.062.996	

- Tỷ lệ phát hành thành công: 100%
- Tổng số tiền thu được : 0 đồng
- Vốn điều lệ tăng thêm : 60.629.960.000 đồng
- Vốn điều lệ của Công ty sau đợt phát hành: **410.629.960.000 đồng**

• **Tăng vốn điều lệ lần 2:**

Theo Nghị quyết ĐHĐCĐ năm 2009 số 02-2009/NQ-ĐHĐCĐ ngày 12/11/2009 theo hình thức lấy ý kiến bằng văn bản, Công ty thực hiện tăng vốn điều lệ từ 410,6 tỷ đồng lên 1.000 tỷ đồng.

Đối tượng phát hành	Số lượng phát hành (Cổ phiếu)	Giá phát hành (đồng/cổ phiếu)
Cổ đông hiện hữu	40.854.647	10.000
Cán bộ nhân viên	2.043.700	15.000
Nhà đầu tư chiến lược	16.038.657	16.000
Tổng cộng	58.937.004	

- Tỷ lệ phát hành thành công: 100%
- Tổng số tiền thu được : 695.820.482.000 đồng
- Vốn điều lệ tăng thêm : 589.370.040.000 đồng
- Vốn điều lệ của Công ty sau đợt phát hành: **1.000.000.000.000 đồng**

• **Tăng vốn điều lệ lần 3:**

Theo Nghị quyết ĐHĐCĐ SHS số 01-2017/NQ-ĐHĐCĐ ngày 26/04/2017 về việc nhận sáp nhập doanh nghiệp, SHS phát hành thêm cổ phần riêng lẻ để hoán đổi cổ phiếu SHBS, nhận sáp nhập SHBS vào SHS, thực hiện Phương án tăng vốn điều lệ từ 1.000 tỷ đồng lên 1.054 tỷ đồng.

Đối tượng phát hành	Số lượng phát hành (Cổ phiếu)	Giá phát hành (đồng/cổ phiếu)
Cổ đông hiện hữu SHBS	5.395.674	Hoán đổi cổ phiếu

Đối tượng phát hành	Số lượng phát hành (Cổ phiếu)	Giá phát hành (đồng/cổ phiếu)
Tổng cộng	5.395.674	

- Tỷ lệ phát hành thành công: 99,99%
- Tổng số tiền thu được : 0 đồng
- Vốn điều lệ tăng thêm : 53.956.740.000 đồng
- Vốn điều lệ của Công ty sau đợt phát hành: **1.053.956.740.000 đồng**

• **Tăng vốn điều lệ lần 4:**

Theo Nghị quyết ĐHĐCĐ SHS thường niên năm 2018 số 01-2018/NQ-ĐHĐCĐ ngày 24/04/2018, SHS phát hành thêm cổ phần ra công chúng cho cổ đông hiện hữu, trả cổ tức bằng cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu và phát hành cổ phiếu cho cán bộ nhân viên, thực hiện Phương án tăng vốn điều lệ từ 1.053 tỷ đồng lên 2.073 tỷ đồng.

Đối tượng phát hành	Số lượng phát hành (Cổ phiếu)	Giá phát hành (đồng/cổ phiếu)
Cổ đông hiện hữu	96.612.527	
- Chào bán thêm cổ phiếu	70.263.783	12.000
- Trả cổ tức bằng cổ phiếu	26.348.744	-
Cán bộ nhân viên	5.260.000	12.000
Tổng cộng	101.872.527	

- Tỷ lệ phát hành thành công: 99,99%
- Tổng số tiền thu được : 906.285.396.000 đồng
- Vốn điều lệ tăng thêm : 1.018.725.270.000 đồng
- Vốn điều lệ của Công ty sau đợt phát hành: **2.072.682.010.000 đồng**

• **Tăng vốn điều lệ lần 5:**

Theo Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2021 SHS số 01-2021/NQ-ĐHĐCĐ ngày 16/06/2021, SHS phát hành thêm cổ phần ra công chúng cho cổ đông hiện hữu, phát hành cổ phiếu tăng vốn từ nguồn vốn chủ sở hữu và phát hành cổ phiếu cho cán bộ nhân viên, thực hiện Phương án tăng vốn điều lệ từ 2.072 tỷ đồng lên 3.252 tỷ đồng.

Đối tượng phát hành	Số lượng phát hành (Cổ phiếu)	Giá phát hành (đồng/cổ phiếu)
Cổ đông hiện hữu	113.996.826	
- Chào bán thêm cổ phiếu	103.634.101	13.500
- Phát hành tăng vốn từ NVCSH	10.362.725	-
Cán bộ nhân viên	4.000.000	12.500

Đối tượng phát hành	Số lượng phát hành (Cổ phiếu)	Giá phát hành (đồng/cổ phiếu)
Tổng cộng	117.996.826	

- Tỷ lệ phát hành thành công: 99,99%
- Tổng số tiền thu được : 1.399.060.363.500 đồng
- Vốn điều lệ tăng thêm : 1.179.968.260.000 đồng
- Vốn điều lệ của Công ty sau đợt phát hành: **3.252.650.270.000 đồng**

• **Tăng vốn điều lệ lần 6:**

Theo Nghị quyết ĐHĐCĐ SHS phiên họp bất thường năm 2022 số 01-2022/NQ-ĐHĐCĐ ngày 28/01/2022, SHS chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng cho cổ đông hiện hữu, thực hiện Phương án tăng vốn điều lệ từ 3.252 tỷ đồng lên 6.505 tỷ đồng.

Đối tượng phát hành	Số lượng phát hành (Cổ phiếu)	Giá phát hành (đồng/cổ phiếu)
Cổ đông hiện hữu		
<i>Chào bán thêm cổ phiếu</i>	<i>325.265.027</i>	<i>12.000</i>
Tổng cộng	325.265.027	

- Tỷ lệ phát hành thành công: 100%
- Tổng số tiền thu được : 3.903.180.324.000 đồng
- Vốn điều lệ tăng thêm : 3.252.650.270.000 đồng
- Vốn điều lệ của Công ty sau đợt phát hành: **6.505.300.540.000 đồng**

• **Tăng vốn điều lệ lần 7:**

Theo Nghị quyết ĐHĐCĐ SHS thường niên năm 2022 số 02-2022/NQ-ĐHĐCĐ ngày 27/04/2022, SHS phát hành thêm cổ phiếu trả cổ tức năm 2021 và phát hành cổ phiếu tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu, thực hiện Phương án tăng vốn điều lệ từ 6.505 tỷ đồng lên 8.131 tỷ đồng.

Đối tượng phát hành	Số lượng phát hành (Cổ phiếu)
Cổ đông hiện hữu	
- <i>Phát hành cổ phiếu để trả cổ tức năm 2021</i>	<i>117.092.515</i>
- <i>Phát hành tăng vốn cổ phần từ NVCSH</i>	<i>45.534.179</i>
Tổng cộng	162.626.694

- Vốn điều lệ tăng thêm : 1.626.266.940.000 đồng
- Vốn điều lệ của Công ty sau đợt phát hành: **8.131.567.480.000 đồng**

7. Thông tin về các khoản góp vốn, thoái vốn lớn của Tổ chức phát hành tại các doanh nghiệp khác

Không có

8. Thông tin về chứng khoán đang lưu hành

8.1. Cổ phiếu phổ thông

Bảng 2: Cơ cấu cổ đông Công ty tại thời điểm 12/04/2024

TT	Nhóm cổ đông	Số lượng cổ đông	Số lượng sở hữu (cổ phiếu)	Giá trị theo mệnh giá (đồng)	Tỷ lệ (%)
1	Cổ đông trong nước	53.049	734.330.700	7.343.307.000.000	90,31
	Tổ chức	67	55.645.960	556.459.600.000	6,84
	Cá nhân	52.982	678.684.740	6.786.847.400.000	83,47
2	Cổ đông nước ngoài	205	78.816.048	788.160.480.000	9,69
	Tổ chức	31	74.893.722	748.937.220.000	9,21
	Cá nhân	174	3.922.326	39.223.260.000	0,48
3	Tổ chức kinh tế có nhà đầu tư nước ngoài nắm giữ trên 50% vốn điều lệ	1	10.000	100.000.000	0,00
4	Cổ phiếu quỹ	0	0	0	0
	Tổng cộng	53.255	813.156.748	8.131.567.480.000	100,00

(Nguồn: SHS)

8.2. Cổ phiếu ưu đãi

Không có.

8.3. Các loại chứng khoán khác

Không có.

9. Thông tin về tỷ lệ sở hữu nước ngoài

- Tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa tại Tổ chức phát hành: áp dụng theo quy định tại Điểm a Khoản 6 Điều 8 Điều lệ Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn – Hà Nội: 49%.
- Theo thông tin về số liệu sở hữu của nhà đầu tư nước ngoài do VSDC công bố, tỷ lệ sở hữu của Nhà đầu tư nước ngoài tại ngày 31/12/2024 (bao gồm cá nhân và tổ chức) tại Công ty là 3,01%.

10. Hoạt động kinh doanh

10.1. Đặc điểm hoạt động kinh doanh

10.1.1. Các sản phẩm dịch vụ chính:

Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội là một trong những công ty chứng khoán trên Thị trường Tài chính Việt Nam, được cấp phép thực hiện tất cả các nghiệp vụ kinh doanh chứng khoán và cung cấp tất cả các dịch vụ liên quan đến các nghiệp vụ kinh doanh chứng khoán được cấp phép bao gồm:

- **Môi giới chứng khoán**
 - **Dịch vụ đối với chứng khoán niêm yết:** mở tài khoản giao dịch trực tuyến; tài khoản lưu ký chứng khoán; hỗ trợ thực hiện giao dịch chứng khoán (thỏa thuận, lô chẵn, lô lẻ đối với cổ phiếu, trái phiếu, chứng chỉ quỹ niêm yết và chưa niêm yết...); Dịch vụ giao dịch ký quỹ; Các công cụ hỗ trợ, cảnh báo: các khuyến nghị đầu tư, cảnh báo chứng khoán, cung cấp các bản tin, khuyến nghị tới khách hàng...; đấu giá dưới nhiều hình thức khác nhau (đấu giá trực tiếp tại SHS, tại doanh nghiệp; đại lý đấu giá của Sở GDCK...); cung cấp thông tin bảng giá, giá chứng khoán, lịch đấu giá và các dịch vụ khác theo nhu cầu của khách hàng và trong phạm vi hoạt động của SHS.
 - **Dịch vụ đối với chứng khoán phái sinh:** mở tài khoản giao dịch; thực hiện lệnh mua bán chứng khoán; chuyển tiền chứng khoán và các dịch vụ khác.
 - **Các kênh/công cụ giao dịch chứng khoán:** giao dịch trực tiếp tại sàn; giao dịch qua môi giới; giao dịch qua hệ thống tổng đài có ghi âm; giao dịch qua điện thoại, website; ứng dụng SHTrading ...
- **Lưu ký chứng khoán**
 - **Dịch vụ lưu ký chứng khoán:** bao gồm gửi, rút chứng khoán; lưu ký và tái lưu ký chứng khoán; thực hiện quyền; chuyển khoản, tất toán chứng khoán; biểu, tặng, cho, thừa kế, chuyển quyền sở hữu chứng khoán; phong tỏa và giải tỏa chứng khoán.
 - **Dịch vụ quản lý danh sách người sở hữu chứng khoán:** theo dõi và quản lý chuyển nhượng; thực hiện quyền cho cổ đông, trái chủ; báo cáo việc quản lý chứng khoán, chuyển nhượng chứng khoán và người sở hữu chứng khoán...
- **Dịch vụ Tài chính**
 - **Các dịch vụ tài chính:** ứng trước tiền bán chứng khoán, cho vay giao dịch ký quỹ.
- **Đầu tư chứng khoán**
 - **Danh mục đầu tư đa dạng:** cổ phiếu, trái phiếu, chứng chỉ quỹ... niêm yết và chưa niêm yết thuộc nhiều quy mô, lĩnh vực, ngành nghề khác nhau.
 - **Danh mục đầu tư của SHS** bao gồm các doanh nghiệp có chất lượng tài sản tốt, tiềm năng tăng trưởng cao và khả năng sinh lời hấp dẫn.
- **Tư vấn tài chính và đại lý bảo lãnh phát hành**
 - **Dịch vụ tư vấn tài chính:** tư vấn, đại lý phát hành cổ phiếu (riêng lẻ, ra công chúng,...), phát hành trái phiếu (riêng lẻ, ra công chúng,...), tư vấn niêm yết, tư vấn cổ phần hóa, tư vấn chuyển đổi hình thức doanh nghiệp, tư vấn thoái vốn và bán đấu giá cổ phần, tư vấn tái cấu trúc doanh nghiệp, tư vấn mua bán, sáp nhập, tư vấn khác (tổ chức ĐHĐCĐ, công bố thông tin,

lập báo cáo thường niên, đăng ký công ty đại chúng, đăng ký giao dịch, quản lý cổ đông, huy động vốn...).

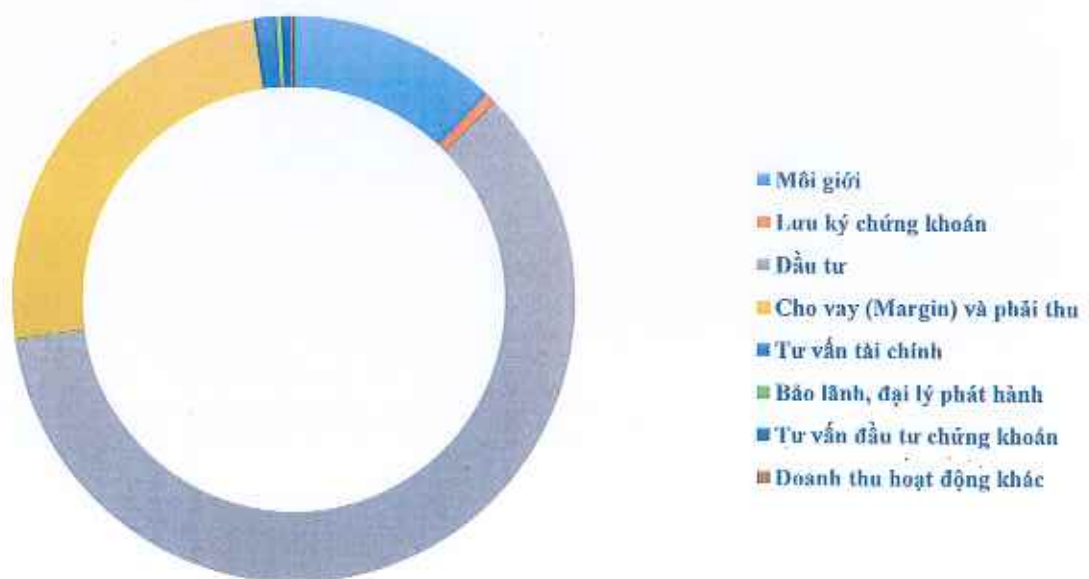
- **Dịch vụ tư vấn đầu giá** dưới các hình thức khác nhau như trực tiếp tổ chức đầu giá tại doanh nghiệp, tại SHS; đại lý đầu giá của Sở GDCK...
- **Dịch vụ bảo lãnh phát hành:** bảo lãnh với cam kết chắc chắn, bảo lãnh với cố gắng cao nhất... cho nhiều loại chứng khoán khác nhau như cổ phiếu, trái phiếu...

- **Tư vấn Đầu tư chứng khoán**

- **Sản phẩm tư vấn đầu tư:** các báo cáo phân tích như báo cáo phân tích vĩ mô, báo cáo nhận định thị trường, báo cáo phân tích ngành, báo cáo phân tích doanh nghiệp, báo cáo phân tích chứng khoán, báo cáo khuyến nghị đầu tư...
- **Dịch vụ tư vấn đầu tư:** thông qua nhiều kênh khác nhau như các bản tin, báo cáo phân tích trên các phương tiện truyền thông hoặc gửi trực tiếp cho nhà đầu tư, tổ chức các buổi hội thảo giới thiệu cơ hội đầu tư, thăm và tìm hiểu doanh nghiệp, báo giá chứng khoán...

Các mảng hoạt động của SHS luôn vận hành độc lập nhưng vẫn có thể hỗ trợ nhau để tạo ra lợi ích lớn hơn cho toàn công ty. Cụ thể như các Phòng Môi giới đã hỗ trợ tìm kiếm đối tác cho Phòng Tư vấn tài chính, cũng giúp phát triển nguồn khách hàng cho dịch vụ môi giới chứng khoán... Ngoài ra, các bộ phận, phòng ban khác trong công ty cũng phối hợp với nhau một cách nhịp nhàng, tạo nên một tổng thể thống nhất và vận hành hiệu quả.

Cơ cấu Doanh thu hoạt động SHS năm 2024



Nguồn: SHS

a. *Hoạt động Môi giới và Lưu ký*

Đơn vị: tỷ đồng

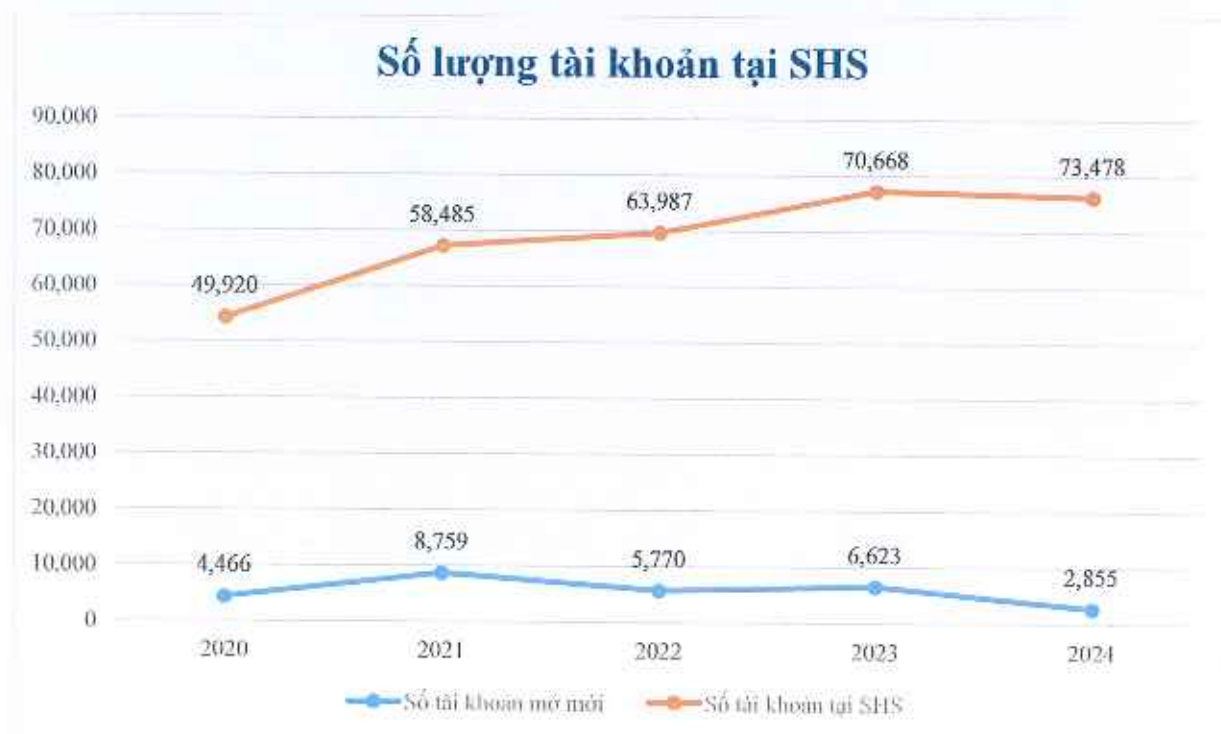
Doanh thu	Năm 2023	Năm 2024	% thay đổi so với năm 2023
Môi giới	222,4	237,96	7,0%
Lưu ký	15,5	13,56	-12,9%
Tổng cộng	237,9	251,5	5,7%

- **Kết quả hoạt động:**

Doanh thu hoạt động môi giới và lưu ký năm 2024 đạt 251,5 tỷ đồng, tăng 5,7% so với năm 2023 (đạt 82,6% kế hoạch và chiếm 12,7% Tổng doanh thu của SHS). Thị trường chứng khoán năm 2024 mặc dù có sự tăng trưởng về chỉ số và giá trị giao dịch. Tuy nhiên, hiệu quả đầu tư nhìn chung không cao do giá cổ phiếu phân hóa và nhiều biến động. Các nhà đầu tư nước ngoài bán ròng liên tiếp 11/12 tháng năm 2024 với giá trị kỷ lục gần 90 nghìn tỷ đồng, do biến động tỷ giá và sự dịch chuyển của dòng vốn đầu tư toàn cầu. Ngoài ra, các công ty chứng khoán khác tiếp tục thực hiện miễn giảm phí, lãi vay, nâng hoa hồng...để cạnh tranh. Những yếu tố này đã ảnh hưởng đến hoạt động môi giới của SHS.

- **Số lượng tài khoản mở mới tăng nhẹ:**

Số lượng tài khoản mở mới trong năm 2024 tại SHS là 2.855 tài khoản. Tính đến ngày 31/12/2024, tổng số lượng tài khoản chứng khoán mở tại SHS đạt 73.478 tài khoản.



Nguồn: SHS

- **Nâng cao trải nghiệm khách hàng**

Tiếp tục phương châm “*Lấy khách hàng làm trọng tâm*”, trong năm 2024 SHS đã liên tục phát triển thêm các tính năng trên các ứng dụng giao dịch chứng khoán trực tuyến để hỗ trợ khách hàng từ khâu mở tài khoản, giao dịch, quản lý tài khoản một cách nhanh chóng, thuận tiện nhất, điển hình như nâng cấp eKYC, đăng ký dịch vụ gia tăng online, tối ưu hóa sức mua phái sinh, chuẩn hóa tính giá vốn đầu tư, hỗ trợ nộp tiền vào tài khoản bằng mã QR, nâng cấp bảng giá mới theo hướng tiện dụng, thông minh hơn.

- **Ra mắt các sản phẩm mới**

Với mong muốn mang đến cho khách hàng đa dạng giải pháp đầu tư thông minh và hiệu quả và tăng khả năng cạnh tranh, SHS đã cho ra mắt gói sản phẩm T-Plus có các ưu điểm vượt trội như lãi suất ưu đãi, phí giao dịch linh hoạt. Ngoài ra với các khách hàng mới và khách hàng giao dịch trở lại, Công ty cũng triển khai gói sản phẩm SH69 cho các khách hàng mới với phí giao dịch 0% và lãi suất vay ưu đãi 6,9%. Trong thời gian tới, SHS sẽ tiếp tục nghiên cứu và cho ra mắt thêm các sản phẩm cạnh tranh nhằm hướng tới đáp ứng các yêu cầu của khách hàng.

Trong năm 2024, Công ty cũng đã hoàn thành xây dựng và triển khai cơ chế môi giới mới nhằm thu hút các chuyên viên môi giới giỏi. Đồng thời, các khóa đào tạo nhằm nâng cao chất lượng hoạt động nghiệp vụ, năng lực tư vấn đầu tư cũng được duy trì nhằm đáp ứng tốt hơn yêu cầu của khách hàng và các nhà đầu tư.

b. Hoạt động Dịch vụ Tài chính

Kết quả hoạt động

Đơn vị: tỷ đồng

Doanh thu	Năm 2023	Năm 2024	% thay đổi so với năm 2023
Cho vay và phải thu	547,1	497,7	-9,0%

- Hoạt động dịch vụ tài chính đóng góp đáng kể vào doanh thu và lợi nhuận của Công ty trong năm 2024, chỉ sau hoạt động đầu tư. Doanh thu dịch vụ tài chính ghi nhận 508,2 tỷ đồng, chiếm 25% tổng doanh thu toàn công ty, đạt 93,7% kế hoạch năm.
- Công ty đã thực hiện nhiều hoạt động cải thiện chất lượng dịch vụ, cải tiến về công nghệ và hoàn thiện quy trình, nghiệp vụ. Cụ thể, bộ phận Dịch vụ tài chính đã phối hợp với các bộ phận có liên quan hoàn thiện các tính năng liên quan tới sức mua, tính phí và lãi, chuyển đổi nhiều dịch vụ hỗ trợ khách hàng sang tự động và hoàn toàn online trên các nền tảng giao dịch... Hệ thống các báo cáo hỗ trợ quản lý, chấm điểm và phân hạng khách hàng, kiểm soát, tác nghiệp nghiệp vụ được rà soát và cập nhật, sửa đổi kịp thời phù hợp với thực tế hoạt động của Công ty.

c. Hoạt động đầu tư

- **Kết quả hoạt động:**

Hoạt động đầu tư năm 2024 tăng trưởng mạnh so với năm 2023 và là mảng đóng góp chủ yếu vào Tổng doanh thu của Công ty với doanh thu đạt 1.194,7 tỷ đồng, hoàn thành 128% kế hoạch, tăng 31,5% so với năm 2023. Trong năm, Công ty đã tập trung giải ngân vốn đầu tư vào các cổ

phiếu cơ bản, có tiềm năng tăng trưởng, và tình hình tài chính lành mạnh. Đồng thời, hiện thực hóa lợi nhuận đối với các chứng khoán đã đạt mức lợi nhuận kỳ vọng. Cụ thể như sau:

Đơn vị: tỷ đồng

Doanh thu	Năm 2023	Năm 2024	% thay đổi so với năm 2023
Đầu tư	618,4	1.194,7	31,5%

Công ty chú trọng đầu tư cổ phiếu niêm yết trong đó tập trung vào danh mục cổ phiếu có tiềm năng tăng trưởng. Đối với cổ phiếu chưa niêm yết, Công ty đã thực hiện theo đúng kế hoạch là giữ nguyên hoặc tăng ít do dư địa tăng không còn nhiều. Ngoài ra, hoạt động đầu tư tiếp tục có sự dịch chuyển mạnh mẽ theo đó, Công ty chú trọng vào hoạt động đầu tư trái phiếu niêm yết, chưa niêm yết (như trái phiếu chính phủ, ngân hàng, doanh nghiệp) và tiền gửi có kỳ hạn đang có nhiều cơ hội trong năm 2024. Một số khoản đầu tư mang lại hiệu quả cao cho SHS trong năm 2024 như:

- Cổ phiếu niêm yết và chưa niêm yết: SHB, VPB, FPT, FRT, VTP...
- Trái phiếu niêm yết và chưa niêm yết gồm: Trái phiếu của các tổ chức tín dụng và doanh nghiệp lớn, có uy tín trên thị trường.

- **Quy mô đầu tư được mở rộng, cơ cấu đầu tư có sự thay đổi:**

Nhằm bảo đảm an toàn hoạt động, Công ty thực hiện chiến lược phân bổ danh mục phù hợp dựa trên các yếu tố (i) phân tích cơ bản, đánh giá giá trị nội tại của doanh nghiệp và (ii) diễn biến của thị trường chứng khoán, vận động của nền kinh tế vĩ mô. Đối với các nhóm ngành có sức tăng trưởng tốt trong ngắn hạn nhưng tỷ lệ đòn bẩy cao, tiềm ẩn nhiều rủi ro, Công ty duy trì quan điểm thận trọng, đầu tư ngắn hạn với tỷ trọng nhỏ nhằm tận dụng đà tăng của cổ phiếu do tác động của chính sách và đón sóng dòng tiền. Ngược lại, trong trung và dài hạn, Công ty ưu tiên dành tỷ trọng đầu tư đáng kể cho chứng khoán thuộc các ngành có sự tăng trưởng tốt, hưởng lợi từ quá trình phục hồi kinh tế trong nước và trên thế giới như: công nghệ, ngân hàng, cảng biển...

Tại ngày 31/12/2024, cổ phiếu niêm yết chiếm tỷ trọng lớn trong cơ cấu đầu tư của Công ty, với tỷ trọng 41,2%, tiếp theo là trái phiếu niêm yết, đạt 24,7%

Đơn vị: tỷ đồng

	Quy mô đầu tư tại ngày 31/12/2024	Tỷ lệ đầu tư
Cổ phiếu niêm yết	3.469,7	41,2%
Cổ phiếu giao dịch Upcom	533,5	6,3%
Cổ phiếu chưa niêm yết	474,2	5,6%
Trái phiếu niêm yết	2.077,5	24,7%
Trái phiếu chưa niêm yết	650,0	7,7%

	Quy mô đầu tư tại ngày 31/12/2024	Tỷ lệ đầu tư
Công cụ thị trường tiền tệ	1.214,9	14,4%
Tổng cộng	8.419,8	100%

Tính chung cả năm 2024, Công ty chủ yếu tập trung đầu tư trái phiếu và chứng chỉ tiền gửi của ngân hàng. Tỷ trọng đầu tư năm 2024 của Công ty vào trái phiếu chưa niêm yết và chứng chỉ tiền gửi chiếm lần lượt 27,13% và 62,45%. Đầu tư vào cổ phiếu niêm yết, chưa niêm yết chỉ chiếm tỷ trọng nhỏ.

Đơn vị: tỷ đồng

Chứng khoán đầu tư	Quy mô đầu tư trong năm 2024	Tỷ lệ đầu tư
Cổ phiếu niêm yết	4.188,6	4,90%
Cổ phiếu giao dịch Upcom	105,3	0,12%
Cổ phiếu chưa niêm yết	598,0	0,70%
Trái phiếu niêm yết	4.018,3	4,70%
Trái phiếu chưa niêm yết	23.208,0	27,13%
Công cụ thị trường tiền tệ	53.423,9	62,45%
Tổng cộng	85.542,0	100,0%

d. Hoạt động Tư vấn tài chính và bảo lãnh phát hành

Đơn vị: tỷ đồng

Doanh thu	Năm 2023	Năm 2024	% thay đổi so với năm 2023
Tư vấn tài chính	16,3	25,5	56,44%
Bảo lãnh phát hành, Đại lý phát hành chứng khoán	37,7	8,8	-76,66%
Tổng cộng	54,0	34,3	-36,48%

- Hoạt động tư vấn tài chính và bảo lãnh, đại lý phát hành của Công ty năm 2024 chịu nhiều ảnh hưởng do các yếu tố thị trường không thuận lợi. Tính chung cả năm 2024, doanh thu tư vấn tài chính và bảo lãnh, đại lý phát hành của Công ty đạt 34,3 tỷ đồng, giảm 36,48% so với năm trước. Trong năm 2024, số doanh nghiệp được cấp phép chào bán cổ phiếu huy động vốn và cấp phép niêm yết giảm. Cụ thể, có 3 doanh nghiệp được chấp thuận niêm yết mới trên HOSE và 2 doanh nghiệp trên HNX. Trong khi đó, hoạt động cổ phần hóa, thoái vốn doanh nghiệp nhà nước vẫn diễn ra chậm. Năm 2024 có 117 doanh nghiệp được phê duyệt đề án cơ cấu lại và chủ yếu trong

giai đoạn cuối năm nên chưa thể triển khai các hoạt động tư vấn.

- Mặc dù vậy, năm 2024, SHS đã tư vấn niêm yết được 1 trong 3 doanh nghiệp niêm yết mới tại HOSE, tham gia đấu thầu và trúng thầu một số dự án thoái vốn nhà nước từ các Tập đoàn, Tổng Công ty để thực hiện trong năm 2025.

e. Hoạt động Tư vấn đầu tư

Kết quả hoạt động

Đơn vị: tỷ đồng

Doanh thu	Năm 2023	Năm 2024	% thay đổi so với năm 2023
Tư vấn đầu tư	2,2	10,5	377,27%

Năm 2024, doanh thu từ hoạt động Tư vấn đầu tư đạt 10,5 tỷ đồng, chiếm 0,53% Tổng doanh thu của SHS, tăng 377,27% so với năm 2023.

10.1.2. Quản lý rủi ro và an toàn vốn

Mô hình quản trị rủi ro: SHS tổ chức quản trị rủi ro theo 3 tuyến, gồm:

- **Tuyến 01** ➤ (Các bộ phận tác nghiệp): chịu trách nhiệm thực hiện chức năng quản lý rủi ro, là các đơn vị trực tiếp thực hiện các hoạt động nghiệp vụ theo chức năng, nhiệm vụ của mình, chịu trách nhiệm quản lý và kiểm soát các rủi ro phát sinh trong quá trình tác nghiệp.
- **Tuyến 02** ➤ (Bộ phận quản trị rủi ro trực thuộc Phòng Pháp chế & Quản trị rủi ro): thực hiện chức năng giám sát rủi ro của toàn Công ty và giám sát việc thực hiện quản lý rủi ro của tuyến thứ nhất, xây dựng quy trình, hướng dẫn đối với các loại rủi ro trọng yếu, xây dựng và phát triển các phương pháp đo lường rủi ro.
- **Tuyến 03** ➤ (Bộ phận Kiểm toán nội bộ trực thuộc Ủy ban Kiểm toán - Hội đồng quản trị): thực hiện chức năng đánh giá độc lập về tính hiệu lực và hiệu quả của hệ thống quản trị rủi ro của SHS.

Để thực hiện được điều đó, mô hình quản trị rủi ro tại SHS được xây dựng theo 3 cấp nhằm thực hiện đầy đủ các chức năng xây dựng chiến lược, thực thi chiến lược và giám sát thực hiện chiến lược quản trị rủi ro.

- **Hội đồng quản trị** ➤ Xây dựng, ban hành chiến lược, chính sách, quy chế, hạn mức rủi ro.
- **Ban Tổng giám đốc** ➤ Thực tiếp thực hiện quản trị rủi ro bằng việc sử dụng công cụ, quy trình, hạn mức rủi ro.
- **Các phòng ban, chi nhánh, phòng giao dịch, văn phòng đại diện**

- **Phòng Pháp chế & Quản trị rủi ro** ➤ Giám sát đảm bảo hoạt động quản trị rủi ro phù hợp với chiến lược và chính sách. Giám sát và đánh giá độc lập về tính hiệu quả của công tác quản trị rủi ro.
- **Kiểm toán nội bộ**
- **Ủy ban Kiểm toán**

Quy trình quản trị rủi ro

Quy trình quản trị rủi ro của SHS tham chiếu theo các tiêu chuẩn quốc tế với 5 bước thực hiện nhằm nhận diện, đo lường, theo dõi, báo cáo và xử lý hiệu quả các loại rủi ro.

- **Nhận diện rủi ro** ➤ Xác định các rủi ro, nguyên nhân gây rủi ro và ảnh hưởng của rủi ro
- **Đánh giá, đo lường rủi ro**
 - Xếp loại rủi ro dựa trên tính chất của loại rủi ro, mức độ rủi ro
 - Đo lường mức độ vốn tổn thất chấp nhận (hạn mức rủi ro) cho từng loại rủi ro
- **Theo dõi rủi ro**
 - Thiết lập các chốt kiểm soát để giảm thiểu ảnh hưởng hoặc khả năng xảy ra của các loại rủi ro
 - Các công cụ sử dụng để giảm thiểu rủi ro còn lại
 - Giám sát nguy cơ rủi ro và hiệu quả của các biện pháp kiểm soát
- **Báo cáo rủi ro** ➤ Đảm bảo trạng thái rủi ro của SHS được thông tin đầy đủ, kịp thời tới các bên liên quan và lên các cấp lãnh đạo
- **Xử lý rủi ro** ➤ Khi rủi ro không thể chấp nhận được, xác định và đánh giá phương án xử lý, lựa chọn phương án xử lý

Nhận diện các rủi ro trọng yếu của Công ty

SHS tập trung nhận diện và xử lý 6 loại rủi ro trọng yếu gồm: rủi ro pháp lý, rủi ro hoạt động, rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro thương hiệu.

- **Rủi ro pháp lý**
 - Nhận diện: Rủi ro pháp lý là loại rủi ro phát sinh do Công ty không tuân thủ, tuân thủ không đầy đủ, không đúng các quy định pháp luật hiện hành trong quá trình hoạt động; Công ty hoạt động và cung cấp sản phẩm, dịch vụ khi chưa có quy định của pháp luật; Công ty ký kết hợp đồng bất hợp pháp, vượt quá thẩm quyền, thiếu sót các điều khoản quan trọng; Tranh chấp, khiếu kiện liên quan đến các Hợp đồng kinh tế mà Công ty đã ký kết với khách hàng, đối tác, người lao động...
 - Phương pháp xác định: Rủi ro pháp lý được xác định trong quá trình Bộ phận Pháp chế phối hợp với các phòng ban liên quan rà soát các quy định pháp lý hiện hành và mới ban hành với thực tế áp dụng tại Công ty.
 - Biện pháp ngăn ngừa, phát hiện: Công ty đã thành lập Bộ phận Pháp chế để tư vấn pháp lý cho Ban Tổng giám đốc và các Phòng, Ban, Chi

nhánh trong Công ty; tham gia xây dựng các sản phẩm, dịch vụ của Công ty; soạn thảo, soát xét hầu hết các thỏa thuận, hợp đồng, văn bản, giấy tờ của Công ty; cập nhật, phổ biến các văn bản, chế độ, chính sách pháp luật cho toàn Công ty... Cán bộ, nhân viên pháp chế thường xuyên được yêu cầu tham gia các hội thảo về pháp lý và góp ý kiến đầy đủ về các dự thảo văn bản pháp luật khi được yêu cầu. Công ty cũng chú trọng nâng cao kiến thức, kinh nghiệm pháp lý cho Ban lãnh đạo và phụ trách các phòng ban trên cơ sở tăng cường trao đổi, đào tạo, chia sẻ kiến thức, kinh nghiệm pháp lý với Bộ phận Pháp chế và các CQQLNN liên quan đến hoạt động pháp chế.

- **Rủi ro hoạt động**
 - Nhận diện: Rủi ro hoạt động là rủi ro xảy ra do lỗi kỹ thuật, lỗi hệ thống của hệ thống công nghệ thông tin; do quy trình nghiệp vụ và thủ tục không đầy đủ, không cập nhật, không phù hợp; do lỗi của con người thực hiện không đúng hoặc cố tình làm sai; do kiểm soát tài chính và báo cáo chậm trễ, có sai sót; do thiếu vốn kinh doanh và do các nguyên nhân khách quan từ bên ngoài khác.
 - Phương pháp xác định: Rủi ro hoạt động được xác định trong quá trình Bộ phận Pháp chế, Bộ phận Kiểm soát nội bộ và Bộ phận Quản trị rủi ro phối hợp với các phòng ban liên quan rà soát quy trình, quy chế nội bộ và thực tế hoạt động của Công ty; trong quá trình Bộ phận KTNB và UBKT đánh giá độc lập hệ thống KSNB của Công ty.
 - Biện pháp ngăn ngừa, phát hiện: Công ty đã xây dựng hệ thống KSNB và thành lập Bộ phận KSNB; áp dụng các hoạt động để thực hiện giảm thiểu rủi ro này như: ban hành Bộ quy tắc đạo đức nghề nghiệp và giám sát việc tuân thủ bộ quy tắc này; thường xuyên rà soát, sửa đổi, bổ sung, cập nhật quy chế, quy trình, quy định nội bộ; tăng cường tự động hóa trong việc cung cấp sản phẩm, dịch vụ, hạn chế tối đa thao tác thủ công; nâng cấp các phần mềm bảo mật, phối hợp chặt chẽ, thường xuyên, liên tục với đối tác cung cấp phần mềm để đảm bảo tính ổn định, bảo mật của hệ thống phần mềm giao dịch; xây dựng hạn mức phê duyệt; phân công, phân nhiệm rõ ràng; tăng cường cơ chế kiểm tra chéo, giám sát lẫn nhau giữa các bộ phận, cá nhân; tăng cường các hoạt động kiểm tra, kiểm soát việc tuân thủ quy chế, quy trình, quy định nội bộ; xây dựng cơ chế dự phòng để đối phó với các rủi ro phát sinh.
- **Rủi ro thị trường**
 - Nhận diện: Rủi ro thị trường là rủi ro phát sinh trong các hoạt động đầu tư, gửi tiền, cho vay... của Công ty mà nguyên nhân là do giảm giá trị các khoản đầu tư của Công ty, giảm lãi suất tiền gửi và giảm giá trị tài sản đảm bảo của Khách hàng đối với các khoản cho vay từ đó gây nên những ảnh hưởng bất lợi cho Công ty.
 - Phương pháp xác định: Rủi ro thị trường được xác định bằng cách theo dõi và phân tích thường xuyên trên cơ sở phối hợp chặt chẽ giữa Bộ

phận Quản trị rủi ro và các phòng nghiệp vụ liên quan như: Phòng Đầu tư, Dịch vụ tài chính, Nguồn vốn.

- Biện pháp ngăn ngừa, phát hiện: Công ty thực hiện nhiều biện pháp khác nhau để ngăn ngừa, phát hiện các rủi ro thị trường như:
 - ✓ Đối với hoạt động đầu tư cổ phiếu và chứng chỉ quỹ niêm yết và chưa niêm yết, Phòng Đầu tư được yêu cầu thực hiện tốt công tác phân tích, dự báo, theo dõi sát diễn biến thị trường và giá chứng khoán, áp dụng các công cụ đánh giá rủi ro... để thực hiện vào, ra kịp thời.
 - ✓ Đối với hoạt động đầu tư trái phiếu Chính phủ, trái phiếu doanh nghiệp và các công cụ tài chính khác, Phòng Nguồn vốn có trách nhiệm theo dõi sát sao biến động mặt bằng lãi suất trên thị trường để ra quyết định mua, bán nhanh chóng, kịp thời.
 - ✓ Đối với hoạt động gửi tiền tại các ngân hàng, Phòng Nguồn vốn có trách nhiệm cập nhật mặt bằng lãi suất tiền gửi tại các ngân hàng hằng ngày, cân đối nguồn vốn toàn Công ty một cách hợp lý, đa dạng hóa các ngân hàng và các kỳ hạn tiền gửi nhằm đảm bảo tối đa hóa lợi ích của SHS.
 - ✓ Đối với hoạt động cho vay, Phòng Phân tích và Phòng Dịch vụ tài chính có trách nhiệm cập nhật mặt bằng lãi suất cho vay của các CTCK; phân tích, dự báo, theo dõi sát diễn biến thị trường và giá chứng khoán làm tài sản đảm bảo cho khoản vay của khách hàng; xây dựng và tuân quy định về bán giải chấp chứng khoán.

Rủi ro tín dụng

- Nhận diện: Rủi ro tín dụng là rủi ro phát sinh khi khách hàng, ngân hàng, đối tác không thanh toán, thanh toán không đầy đủ, không kịp thời cho SHS các khoản tiền cho vay, các khoản tiền gửi và các khoản đầu tư công cụ nợ dưới dạng trái phiếu...
- Phương pháp xác định: Rủi ro tín dụng được xác định theo từng khách hàng, đối tác và khoản nợ trong quá trình các phòng ban nghiệp vụ như Dịch vụ tài chính, Nguồn vốn... phối hợp với Bộ phận Quản trị rủi ro, Kiểm soát nội bộ và Pháp chế theo dõi, quản lý và đánh giá khách hàng, đối tác, khoản nợ.
- Biện pháp ngăn ngừa, phát hiện: Công ty thực hiện nhiều biện pháp khác nhau để ngăn ngừa, phát hiện rủi ro tín dụng như:
 - ✓ Đối với hoạt động cho vay, Công ty thực hiện phân loại khách hàng; xây dựng hạn mức cho vay, áp dụng chính sách tín dụng phù hợp với độ tín nhiệm, khả năng thanh toán và tài sản ký quỹ của khách hàng; xây dựng danh mục chứng khoán cho vay và tỷ lệ cho vay, tỷ lệ duy trì, tỷ lệ giải chấp phù hợp với quy định pháp luật và quy định Công ty; bán giải chấp, gọi bổ sung tài sản đảm bảo và thu hồi

nợ kịp thời.

- ✓ Đối với hoạt động đầu tư trái phiếu bao gồm cả trái phiếu Chính phủ và trái phiếu Doanh nghiệp, Công ty thực hiện tuân thủ hạn mức đầu tư theo quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty và quy định nội bộ Công ty về đầu tư; đánh giá cẩn thận mức độ tín nhiệm, khả năng thanh toán, tài sản đảm bảo của tổ chức phát hành; xây dựng chính sách cụ thể để xử lý tài sản đảm bảo của tổ chức phát hành trong trường hợp phải đối diện với rủi ro không có khả năng thanh toán.
- ✓ Đối với hoạt động gửi tiền, Công ty thực hiện tuân thủ hạn mức tiền gửi hàng năm được HĐQT phê duyệt; lựa chọn gửi tiền tại các tổ chức tín dụng được các tổ chức xếp hạng đánh giá có độ tín nhiệm cao; đa dạng kỳ hạn gửi và ngân hàng gửi.

- Rủi ro thanh khoản

- Nhận diện: Rủi ro thanh khoản là rủi ro xảy ra khi Công ty không thể thanh toán các nghĩa vụ tài chính đến hạn hoặc không thể chuyển đổi kịp thời các loại tài sản thành tiền mặt với giá trị hợp lý trong ngắn hạn. Rủi ro này phát sinh khi Công ty không cân đối được dòng vốn đầu vào và dòng vốn đầu ra của Công ty.
- Phương pháp xác định: Rủi ro thanh khoản được xác định bằng cách theo dõi và phân tích thường xuyên trên cơ sở phối hợp chặt chẽ giữa Bộ phận Quản trị rủi ro và các phòng nghiệp vụ liên quan như Phòng Nguồn vốn, Kế toán tài chính.
- Biện pháp ngăn ngừa, phát hiện: Công ty thực hiện mở rộng hình thức và quy mô vốn huy động như sáp nhập, tăng vốn, phát hành trái phiếu doanh nghiệp; mở rộng số lượng tổ chức tín dụng cho Công ty vay vốn kinh doanh; tăng cường hợp tác với các tổ chức tín dụng để cho khách hàng vay tiền đầu tư chứng khoán nhằm giảm áp lực lên việc sử dụng vốn tự có để cho vay; cân đối hợp lý kỳ hạn các khoản đi vay và cho vay; phân bổ hợp lý nguồn vốn cho các hoạt động; tận dụng tiền gửi nhàn rỗi để tối đa hóa hiệu quả sử dụng nguồn cũng như góp phần ổn định thanh khoản.

- Rủi ro thương hiệu

- Nhận diện: Rủi ro thương hiệu là những tổn thất, thiệt hại về hình ảnh, thương hiệu của Công ty do sự thay đổi trong quan niệm của khách hàng, đối tác về Công ty, có thể ảnh hưởng lớn đến nhu cầu sử dụng sản phẩm, dịch vụ của Công ty cũng như ảnh hưởng đến toàn bộ hoạt động của Công ty.
- Phương pháp xác định: Rủi ro thương hiệu thường đi theo sau các rủi ro khác như: rủi ro pháp lý, rủi ro hoạt động... Công ty xác định các rủi ro này bằng cách phân tích các ảnh hưởng, tác động của các rủi ro liên quan (nếu có) đến hình ảnh, thương hiệu của Công ty.

- Biện pháp ngăn ngừa, phát hiện: Công ty không ngừng nâng cao chất lượng sản phẩm, dịch vụ; hoàn thiện cơ cấu tổ chức, bộ máy hoạt động; không ngừng xây dựng mối quan hệ tốt với Cổ đông, Khách hàng, Đối tác; truyền thông nội bộ và ra bên ngoài hiệu quả thông qua việc đa dạng hóa các kênh thông tin, truyền thông mang tính chủ động, nhất quán, duy trì tần suất xuất hiện trên các phương tiện truyền thông; đẩy mạnh thông tin chính thống bằng tiếng Anh đều đặn nhằm tăng cường thông tin cho các nhà đầu tư và đối tác quốc tế; cử cán bộ chuyên trách phụ trách công tác truyền thông, công tác báo cáo & công bố thông tin đầy đủ, kịp thời, minh bạch; chủ động lập các kế hoạch dự phòng để quản trị rủi ro thương hiệu.

- Các rủi ro khác

- Bên cạnh 6 loại rủi ro trọng yếu nêu trên, một số rủi ro khác cũng được Công ty xem xét, đánh giá trong quá trình hoạt động như rủi ro của môi trường kinh doanh, rủi ro chiến lược, rủi ro cạnh tranh... Cụ thể:
 - ✓ Đối với rủi ro của môi trường kinh doanh: SHS hoạt động trong lĩnh vực tài chính nên các yếu tố của môi trường kinh doanh như chính trị, kinh tế, văn hóa... đều ảnh hưởng không nhỏ đến hoạt động kinh doanh của SHS. Do đó, Công ty thường xuyên cập nhật những thay đổi của môi trường kinh doanh và đánh giá các tác động của nó đến mọi mặt hoạt động của Công ty, khi các yếu tố của môi trường kinh doanh thay đổi.
 - ✓ Đối với rủi ro chiến lược: SHS đánh giá việc không có chiến lược kinh doanh phù hợp, hiệu quả hoặc thực hiện không đúng chiến lược kinh doanh đã đề ra là rủi ro chiến lược của Công ty. Theo đó, hàng năm và định kỳ, Công ty tập trung nguồn lực xây dựng chiến lược phù hợp, hiệu quả; thường xuyên rà soát, đánh giá việc triển khai thực hiện chiến lược đã đề ra.
 - ✓ Đối với rủi ro cạnh tranh: SHS hoạt động trong lĩnh vực tài chính có môi trường kinh doanh thay đổi liên tục, nên thường xuyên phải đối mặt với rủi ro cạnh tranh. Đó là rủi ro không giữ vững vị trí và thị phần... Để kiểm soát rủi ro này, SHS tập trung nguồn lực tổng hợp thông tin, nhận định diễn biến tình hình chính trị, kinh tế, thị trường chứng khoán và đối thủ cạnh tranh ảnh hưởng đến hoạt động Công ty; xây dựng chiến lược kinh doanh hàng năm một cách khả thi, hiệu quả; kiên trì thực hiện chiến lược đã đề ra; ứng biến linh hoạt theo diễn biến phát triển của thị trường và đối thủ cạnh tranh.

Hoạt động quản trị rủi ro năm 2024

- ✓ Tiếp tục nhận diện rủi ro, đề xuất biện pháp quản trị rủi ro theo danh mục đã được nhận diện. Tổ chức thực hiện quản lý rủi ro theo kế hoạch đã được phê duyệt. Bộ phận Quản trị rủi ro tăng cường giám sát quản lý rủi ro nhằm hoàn thành tốt nhiệm vụ về quản trị rủi ro.

- ✓ Tiếp tục phối hợp với Ban Dự án đổi mới công nghệ thông tin và các phòng ban liên quan trong Công ty để hoàn thành việc nâng cấp phần mềm và bổ sung các tính năng mới của hệ thống; xây dựng các công cụ quản trị rủi ro tự động trên hệ thống; xây dựng các quy trình quản trị rủi ro cũng như phối hợp với các phòng xây dựng các quy trình nghiệp vụ đầy đủ, kịp thời, hiệu quả.
- ✓ Tăng cường năng lực quản trị rủi ro trên cơ sở tuyển dụng thêm nhân sự có chất lượng trong lĩnh vực chứng khoán và quản trị rủi ro.

Công thức tính:

$$\text{Tỷ lệ vốn khả dụng} = \frac{\text{Vốn khả dụng} \times 100\%}{\text{Tổng giá trị rủi ro}}$$

Bảng 3: Tỷ lệ vốn khả dụng

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Các chỉ tiêu	31/12/2023	31/12/2024
1	Tổng giá trị rủi ro thị trường	1.069.136	1.282.638
2	Tổng giá trị rủi ro thanh toán	880.351	90.149
3	Tổng giá trị rủi ro hoạt động	139.118	180.000
4	Tổng giá trị rủi ro	2.088.606	1.552.787
5	Vốn khả dụng	10.275.080	11.139.137
6	Tỷ lệ vốn khả dụng	491,96%	717,36%

(Nguồn: Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính tại ngày 31/12/2023 và 31/12/2024)

Tỷ lệ vốn khả dụng của Công ty tại thời điểm ngày 31/12/2024 đạt 717,36%, tăng 225,4% so với cùng kỳ năm trước, bảo đảm an toàn theo các quy định hiện hành của pháp luật.

10.1.3. Công nghệ áp dụng

Nhận thức được vai trò quan trọng của công nghệ thông tin đối với công ty chứng khoán, SHS luôn chú trọng vào việc ứng dụng công nghệ thông tin phục vụ cho các hoạt động nghiệp vụ nhằm tạo ra nhiều tiện ích tối đa đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của khách hàng.

- **Hệ thống máy chủ IBM** cao cấp, đồng bộ, chạy theo nhóm; tất cả các máy chủ và thiết bị mạng đều có cấu hình cao, được dự phòng nóng. Dữ liệu được tự động sao lưu liên tục và có thể hồi phục ngay lập tức khi có sự cố xảy ra. Tất cả đảm bảo hệ thống hoạt động thông suốt, tin cậy, an toàn trong mọi trường hợp.

Hệ thống phần mềm linh hoạt, với độ tin cậy cao, hỗ trợ nhiều dịch vụ tài chính cao cấp, có khả năng mở rộng và tương tác cao với các hệ thống bên ngoài như các ngân hàng, Sở và Trung tâm

giao dịch. Là một công ty đi đầu trong thực hiện giao dịch từ xa với IINX và giao dịch không sàn với HOSE, với hệ thống gateway chuẩn mực, SHS đã mang đến sự tin cậy, an toàn và tốc độ đáng kinh ngạc đối với tất cả các lệnh của nhà đầu tư.

- **Hệ thống giao dịch trực tuyến trên nền tảng website SHS** (<https://trading.shs.com.vn>; <https://sboard.shs.com.vn>) và các phiên bản được cập nhật thể hiện đăng cấp đứng đầu, phong phú về hình thức, đa dạng về nội dung, cung cấp cho nhà đầu tư các dịch vụ với chất lượng hàng đầu như đặt và hủy lệnh trực tuyến – nhanh chóng và chính xác, ứng trước tiền bán chứng khoán trực tuyến – cực kỳ tiện lợi; tra cứu nhiều loại thông tin bổ ích như lịch sử lệnh, phát sinh giao dịch nộp rút tiền và chứng khoán, thống kê lãi lỗ, quản lý danh mục đầu tư.
- Bên cạnh đó, hệ thống tin tức được phân loại kỹ, cập nhật đầy đủ và tức thời thông tin về thị trường trong và ngoài nước. Các thông tin chuyên sâu như các báo cáo phân tích, báo cáo tài chính, các chỉ số về các doanh nghiệp được chất lọc, tổng hợp sẽ mang đến cái nhìn chân thực, nhiều chiều trước mỗi cơ hội đầu tư. An toàn, tiện lợi, nhanh chóng là chìa khóa để SHS mở cánh cửa Internet, mang đến tiện ích thiết thực cho các nhà đầu tư của mình.
- **Hệ thống HRM, CRM:** SHS luôn xác định Công nghệ thông tin là một trong những yếu tố then chốt để nâng cao chất lượng sản phẩm và dịch vụ. Toàn bộ ban lãnh đạo, nhân viên của SHS từ hội sở và tất cả các chi nhánh, phòng giao dịch đều trao đổi, phân công, báo cáo công việc qua mạng. Hồ sơ năng lực, đào tạo, quá trình công tác của mọi nhân sự từ hệ thống HRM cũng như quá trình giao dịch của khách hàng từ hệ thống CRM đều được lưu trữ đồng bộ ở Datawarehouse, các dữ liệu phân tích tài chính phong phú.

Kết quả hoạt động năm 2024

Năm 2024, Phòng công nghệ thông tin của SHS đã hoàn thành một số dự án quan trọng, bên cạnh việc đảm bảo hoạt động ổn định của hệ thống, hỗ trợ tốt cho các hoạt động kinh doanh và khách hàng. Cụ thể:

- **Về phát triển hệ thống:**
 - ✓ Triển khai bộ lệnh nâng cao trên MTS/WTS cho cơ sở và phái sinh.
 - ✓ Thực hiện quy hoạch, triển khai giải pháp phần mềm Internal API Gateway phục vụ các bài toán nghiệp vụ riêng của SHS.
 - ✓ Nâng cấp hệ thống giao dịch chứng khoán phái sinh.
 - ✓ Thực hiện pentest tổng thể các ứng dụng giao dịch gồm MTS, WTS và SHPRO (hoàn thành trước Golive hệ thống giao dịch chứng khoán phái sinh).
 - ✓ Nâng cấp hạ tầng firewall.
 - ✓ Các dự án khác.
- **Về vận hành:**
 - ✓ Dựng hệ thống nền tảng như Jira, Confluence, ServiceDesk.
 - ✓ Tạo các luồng CI/CD theo yêu cầu.
 - ✓ Hỗ trợ giám sát hoạt động cụm services chạy trên container.

- ✓ Duy trì hệ thống core chứng khoán cơ sở hoạt động ổn định. Đáp ứng các yêu cầu thay đổi, nâng cấp phần mềm của 2 Sở giao dịch chứng khoán HSX, HNX và VSD.
- ✓ Duy trì hệ thống hạ tầng/mạng/bảo mật hoạt động ổn định – xử lý dứt điểm các phát sinh sự cố làm ảnh hưởng đến giao dịch nhằm giảm downtime của hệ thống giao dịch.

10.1.4. Tính thời vụ của hoạt động sản xuất kinh doanh

SHS hoạt động trong lĩnh vực tài chính, chứng khoán do đó các hoạt động kinh doanh diễn ra thường xuyên, liên tục quanh năm, không chịu ảnh hưởng của tính thời vụ.

10.1.5. Sản lượng sản phẩm, giá trị dịch vụ trong 02 năm gần nhất

a. Doanh thu hoạt động kinh doanh

Tổng doanh thu và thu nhập khác của Công ty trong năm 2024 đạt 1.997,6 tỷ đồng, tăng 36,4% so với cùng kỳ năm 2023. Trong năm 2024, các hoạt động kinh doanh chính của Công ty có sự biến động khác nhau về doanh thu. Cụ thể:

- **Doanh thu từ đầu tư tài sản tài chính đạt 1.194,8 tỷ đồng, tăng 576,5 tỷ đồng (tương đương 93,2%) so với năm 2023.** Dù thị trường chứng khoán năm 2024 có nhiều biến động, chiến lược của Công ty là lựa chọn cổ phiếu của các doanh nghiệp đầu ngành, có tiềm năng tăng trưởng hấp dẫn, chỉ số tài chính tốt, thanh khoản dồi dào, chú trọng quản trị rủi ro. Hoạt động đầu tư hiệu quả đã giúp đưa SHS vào Top các công ty chứng khoán có lợi nhuận ròng và hiệu quả sinh lời dẫn đầu thị trường năm 2024.
- **Lãi từ hoạt động cho vay và phải thu đạt 497,7 tỷ đồng, giảm 9,03% so với năm trước. Quy mô cho vay tại thời điểm 31/12/2024 đạt 4.079 tỷ đồng, tăng 11,6% so với thời điểm cuối năm 2023.** Dù quy mô vay ký quỹ tăng, lãi suất cho vay giảm dần trong năm do áp lực cạnh tranh trên thị trường nên kết quả kinh doanh hoạt động này chưa đạt mục tiêu đề ra. Công ty đã công bố nhiều chính sách lãi suất hấp dẫn, cạnh tranh nhằm thu hút khách hàng theo xu thế chung của ngành. Chính sách kiểm soát, xử lý thu hồi nợ vay cũng được cơ cấu phù hợp để bảo đảm an toàn vốn và tuân thủ chặt chẽ chính sách quản trị rủi ro của Công ty.
- **Doanh thu môi giới chứng khoán đạt 238 tỷ đồng, tăng 15,5 tỷ đồng (tương đương 7%) so với năm 2023.** Trong bối cảnh cạnh tranh giữa các công ty chứng khoán tiếp tục diễn ra gay gắt, một mặt Công ty đã duy trì sự ổn định của các sản phẩm dịch vụ hiện có. Mặt khác SHS xây dựng cơ chế kinh doanh mới, nâng cấp hạ tầng công nghệ, triển khai thêm sản phẩm mới và phát triển nguồn nhân lực để chuẩn bị cho giai đoạn phát triển mới.
- **Các mảng hoạt động còn lại ghi nhận doanh thu giảm so với năm 2023: doanh thu tư vấn tài chính & đại lý phát hành chứng khoán đạt 34,3 tỷ đồng (giảm 36,48%), doanh thu lưu ký chứng khoán đạt 13,5 tỷ đồng (giảm 12,5%).** Hoạt động tư vấn tài chính và bảo lãnh, đại lý phát hành chứng khoán chịu sự cạnh tranh về giá dịch vụ tư vấn, đại lý phát hành giữa các công ty chứng khoán. Hoạt động IPO trên thị trường chứng khoán Việt Nam giữ gam màu trầm kể từ sau dịch bệnh Covid-19. Hoạt động thoái vốn, cổ phần hóa doanh nghiệp Nhà nước còn chậm, nhiều khó khăn, vướng mắc cần được giải quyết trong thời gian tới. Bên cạnh đó, thị trường trái phiếu doanh nghiệp vẫn đang trong giai đoạn phục hồi, với tín hiệu tích cực từ chính sách hỗ trợ của Chính phủ và niềm tin dần trở lại từ nhà đầu tư.

b. Chi phí hoạt động kinh doanh

Tổng chi phí năm 2024 của Công ty là 758,3 tỷ đồng, đạt 93,7% kế hoạch và giảm 2,86% so với năm 2023. Cụ thể như sau:

- **Chi phí hoạt động kinh doanh đạt 566 tỷ đồng, giảm 6,66% so với năm 2023.** Chi phí hoạt động kinh doanh của Công ty bao gồm: lỗ bán và đánh giá lại tài sản tài chính; dự phòng tài sản tài chính; chi phí các hoạt động tự doanh, môi giới, tư vấn tài chính và bảo lãnh phát hành, tư vấn đầu tư chứng khoán, lưu ký chứng khoán... Chi phí hoạt động kinh doanh năm 2024 giảm mạnh chủ yếu do giảm lỗ bán tài sản tài chính, chi phí môi giới chứng khoán.
- **Chi phí quản lý doanh nghiệp đạt 129,1 tỷ đồng, tăng 11,77% so với năm trước.** Chi phí lương và các khoản trích theo lương cho nhân viên tăng là nguyên nhân thúc đẩy chi phí quản lý doanh nghiệp tăng trong năm 2024.
- **Chi phí tài chính đạt 63,2 tỷ đồng, tăng 7,67% so với năm 2023.** Chi phí tài chính (chủ yếu là chi phí lãi vay) tăng do Công ty trong năm sử dụng vốn vay nhiều hơn để đáp ứng các nhu cầu kinh doanh

c. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh

Lũy kế cả năm 2024, SHS mang về doanh thu hoạt động đạt hơn 1.991,3 tỷ đồng, tăng 36,4% so với năm 2023; lợi nhuận trước thuế 1.239,3 tỷ đồng, tăng 81,14%; lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp đạt hơn 1.015,6 tỷ đồng, tăng 81,59%. Đây cũng là năm thứ hai trong lịch sử hoạt động, SHS đạt mức lợi nhuận nghìn tỷ đồng, sau năm 2021 đạt kỷ lục.

[Phần còn lại bỏ trống là do cố ý]

Bảng 4: Cơ cấu Doanh thu từ hoạt động kinh doanh năm 2023 - 2024

Đơn vị: Triệu đồng

Stt	Chi tiêu:	Năm 2023		Năm 2024		%+/- so với năm 2023
		Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)	
I	Hoạt động Môi giới và Lưu ký	237.846,23	16,29	251.518,86	12,63%	5,75%
1	Nghiệp vụ Môi giới Chứng khoán	222.361,44	15,23	237.961,04	11,95%	7,02%
2	Hoạt động Lưu ký Chứng khoán	15.484,80	1,06	13.557,83	0,68%	-12,44%
II	Hoạt động Dịch vụ Tài chính	547.158,30	37,47	497.714,57	24,99%	-9,04%
1	Lãi từ các khoản Cho vay và Phái thu	547.158,30	37,47	497.714,57	24,99%	-9,04%
III	Hoạt động Đầu tư	618.449,01	42,36	1.194.742,00	60,00%	93,18%
1	Lãi từ các Tài sản Tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)	580.920,24	39,79	1.155.256,44	58,02%	98,87%
2	Lãi từ các khoản nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM)	37.528,77	2,57	12.693,15	0,64%	-66,18%
3	Lãi từ các tài sản tài chính sẵn sàng để bán (AFS)	-	-	26.792,40	1,35%	-
IV	Hoạt động Tư vấn Tài chính và Bảo lãnh phát hành	53.993,81	3,70	34.259,78	1,72%	-36,55%
1	Nghiệp vụ Tư vấn Tài chính	16.282,45	1,12	25.507,80	1,28%	56,66%
2	Nghiệp vụ Bảo lãnh, Đại lý phát hành Chứng khoán	37.711,36	2,58	8.751,98	0,44%	-76,79%
V	Hoạt động Tư vấn đầu tư	2.201,46	0,15	10.532,35	0,53%	378,43%
1	Nghiệp vụ Tư vấn Đầu tư Chứng khoán	2.201,46	0,15	10.532,35	0,53%	378,43%
VI	Hoạt động khác	420,63	0,03	2.537,99	0,13%	503,38%
	Tổng cộng	1.460.069,44	100,00	1.991.305,55	100,00%	36,38%

Nguồn: BCTC năm 2023, 2024 đã được kiểm toán của SHS

Bảng 5: Cơ cấu Chi phí hoạt động kinh doanh năm 2023 - 2024

Đơn vị: Triệu đồng

Stt	Chi tiêu:	Năm 2023		Năm 2024		% +/- so với năm 2023
		Giá trị	%/ DTHD	Giá trị	%/ DTHD	
I	Hoạt động Môi giới và Lưu ký	180.564,21	12,37	214.882,09	10,79%	19,01%
1	Nghiệp vụ Môi giới Chứng khoán	168.959,94	11,57	203.616,47	10,23%	20,51%
2	Hoạt động Lưu ký Chứng khoán	11.604,27	0,79	11.265,61	0,57%	-2,92%
II	Hoạt động Dịch vụ Tài chính	8.307,04	0,57	1.204,96	0,06%	-85,49%
1	Chi phí dự phòng tài sản tài chính, xử lý tổn thất các khoản phải thu khó đòi và lỗ suy giảm tài sản tài chính và chi phí đi vay của các khoản cho vay	8.307,04	0,57	1.204,96	0,06%	-85,49%
III	Hoạt động Đầu tư	352.381,10	24,13	270.494,98	13,58%	-23,24%
1	Lỗ từ các Tài sản Tài chính ghi nhận thông qua lại/lỗ (FVTPL)	336.713,87	23,06	233.548,22	11,73%	-30,64%
2	Chi phí hoạt động Tự doanh	15.667,23	1,07	36.946,76	1,86%	135,82%
IV	Hoạt động Tư vấn Tài chính và Bảo lãnh phát hành	17.531,45	1,20	13.863,20	0,70%	-20,92%
1	Nghiệp vụ Tư vấn Tài chính	8.782,38	0,60	6.202,61	0,31%	-29,37%
2	Nghiệp vụ Bảo lãnh, Đại lý phát hành Chứng khoán	8.749,07	0,60	7.660,59	0,38%	-12,44%
V	Hoạt động Tư vấn đầu tư	13.415,80	0,92	13.154,34	0,66%	-1,95%
1	Nghiệp vụ Tư vấn Đầu tư Chứng khoán	13.415,80	0,92	13.154,34	0,66%	-1,95%
VI	Các Dịch vụ khác	34.241,49	2,35	52.443,20	2,63%	53,16%
	Tổng cộng	606.441,08	41,54	566.042,77	28,43%	-6,66%

Nguồn: BCTC năm 2023, 2024 đã được kiểm toán của SHS

Bảng 6: Cơ cấu Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh năm 2023 - 2024

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Chi tiêu:	Năm 2023		Năm 2024		%+/- so với năm 2023
		Giá trị	%/ DTHD	Giá trị	%/ DTHD	
I	Hoạt động Môi giới và Lưu ký	57.282,03	3,92	36.636,78	1,84%	-36,04%
1	Nghiệp vụ Môi giới Chứng khoán	53.401,50	3,66	34.344,56	1,72%	-35,69%
2	Hoạt động Lưu ký Chứng khoán	3.880,53	0,27	2.292,21	0,12%	-40,93%
II	Hoạt động Dịch vụ Tài chính	538.851,26	36,91	496.509,61	24,93%	-7,86%
1	Hoạt động Cho vay và Phái thu	538.851,26	36,91	496.509,61	24,93%	-7,86%
III	Hoạt động Đầu tư	266.067,91	18,22	924.247,02	46,41%	247,37%
1	Hoạt động từ các Tài sản Tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)	244.206,37	16,73	921.708,22	46,29%	277,43%
2	Hoạt động từ các khoản nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM)	21.861,54	1,50	(24.253,61)	-	-
3	Hoạt động từ các tài sản tài chính sẵn sàng để bán (AFS)	-	-	26.792,40	1,35%	-
IV	Hoạt động Tư vấn Tài chính và Bảo lãnh phát hành	36.462,36	2,50	20.396,58	1,02%	-44,06%
1	Nghiệp vụ Tư vấn Tài chính	7.500,07	0,51	19.305,19	0,97%	157,40%
2	Nghiệp vụ Bảo lãnh, Đại lý phát hành Chứng khoán	28.962,29	1,98	1.091,39	0,05%	-96,23%
V	Hoạt động Tư vấn đầu tư	(11.214,34)	-	(2.621,99)	-	-76,62%
1	Nghiệp vụ Tư vấn Đầu tư Chứng khoán	(11.214,34)	-	(2.621,99)	-	-76,62%
VI	Hoạt động khác	(33.820,87)	-	(49.905,22)	-	47,56%
	Tổng cộng	853.628,36	58,46	1.425.262,78	71,57%	66,97%

Nguồn: BCTC năm 2023, 2024 đã được kiểm toán của SHS

10.2. Tài sản

Bảng 7: Tài sản tại thời điểm 31/12/2023

Đơn vị: triệu đồng

TT	Khoản mục	Nguyên giá (NG)	Giá trị còn lại (GTCL)	GTCL/NG
I	TSCĐ hữu hình	40.786.012.398	7.507.949.662	18,41%
1	Máy móc, thiết bị	33.804.447.688	6.194.654.477	18,32%
2	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	6.580.850.000	1.313.295.185	19,96%
3	Thiết bị dụng cụ, quản lý	400.714.710	0	0,00%
II	TSCĐ vô hình	28.967.980.987	2.579.274.413	8,90%
1	Phần mềm giao dịch, kế toán	28.967.980.987	2.579.274.413	8,90%
	Tổng	69.753.993.385	10.087.224.075	14,46%

(Nguồn: BCTC năm 2023 đã được kiểm toán)

Nguyên giá TSCĐ cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 20.046.731.027 đồng.

Bảng 8: Tài sản tại thời điểm 31/12/2024

Đơn vị: triệu đồng

TT	Khoản mục	Nguyên giá (NG)	Giá trị còn lại (GTCL)	GTCL/NG
I	TSCĐ hữu hình	47.006.353.456	8.957.254.968	19,06%
1	Máy móc, thiết bị	40.024.788.746	8.273.000.355	20,67%
2	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	6.580.850.000	684.254.613	10,40%
3	Thiết bị dụng cụ, quản lý	400.714.710	0	0,00%
II	TSCĐ vô hình	50.421.975.987	20.914.673.943	41,48%
1	Phần mềm giao dịch, kế toán	50.421.975.987	20.914.673.943	41,48%
	Tổng	97.428.329.443	29.871.928.911	30,66%

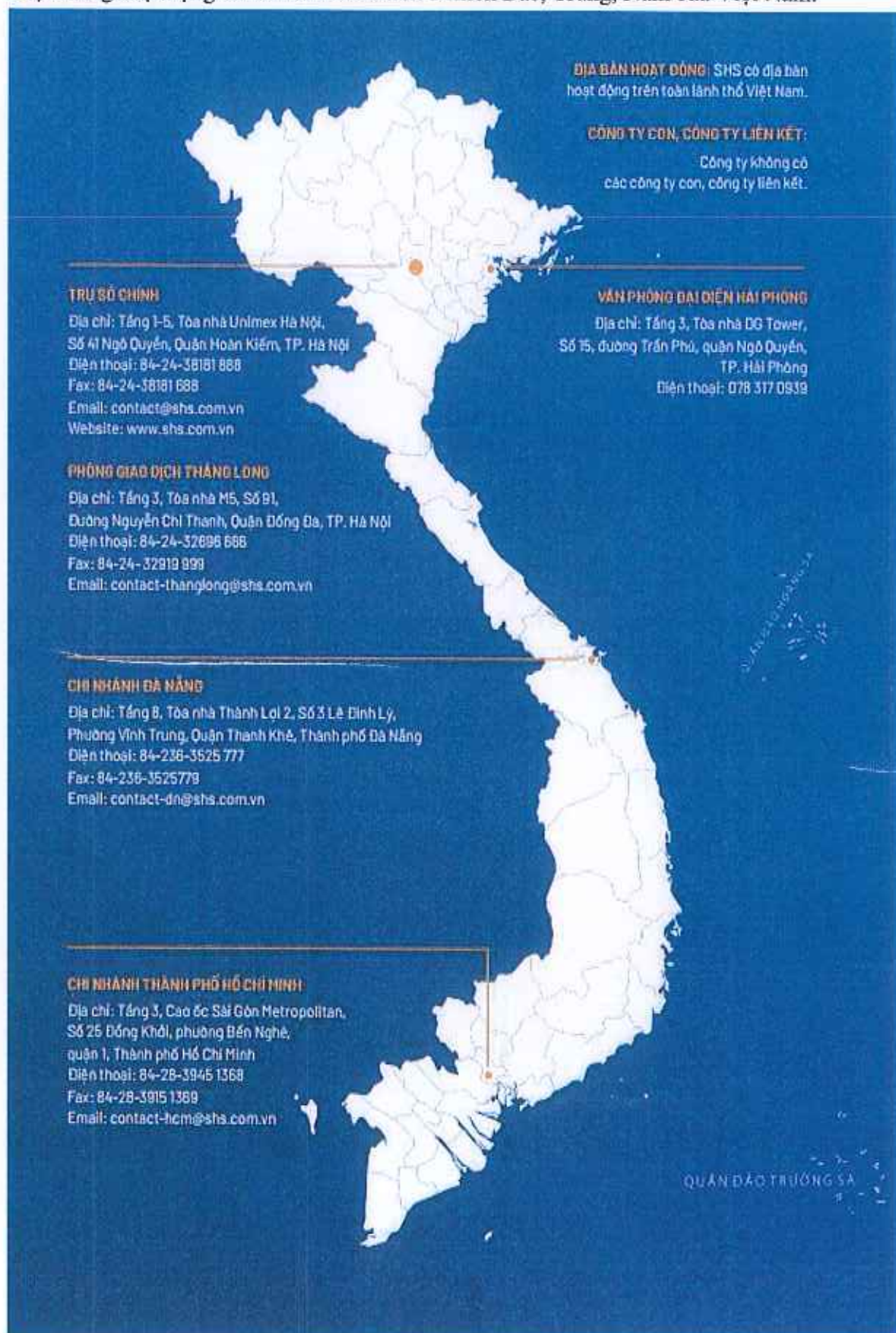
(Nguồn: BCTC năm 2024 đã được kiểm toán)

Nguyên giá TSCĐ cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 31.444.637.506 đồng.

Thông tin về tài sản bất động sản SHS đang nắm giữ: Không có

10.3. Thị trường hoạt động

Thị trường hoạt động của SHS trải dài trên 3 miền Bắc, Trung, Nam của Việt Nam.



Nguồn: SHS

10.4. Báo cáo tình hình đầu tư, hiệu quả đầu tư, hiệu quả kinh doanh, cung cấp dịch vụ trong các lĩnh vực hoạt động chính

Đầu tư tài chính

Nhằm bảo đảm an toàn hoạt động, Công ty thực hiện chiến lược phân bổ danh mục phù hợp dựa trên các yếu tố (i) phân tích cơ bản, đánh giá giá trị nội tại của doanh nghiệp và (ii) diễn biến của thị trường chứng khoán, vận động của nền kinh tế vĩ mô. Đối với các nhóm ngành có sức tăng trưởng tốt trong ngắn hạn nhưng tỷ lệ đòn bẩy cao, tiềm ẩn nhiều rủi ro, Công ty duy trì quan điểm thận trọng, đầu tư ngắn hạn với tỷ trọng nhỏ nhằm tận dụng đà tăng của cổ phiếu do tác động của chính sách và đón sóng dòng tiền. Ngược lại, trong trung và dài hạn, Công ty ưu tiên dành tỷ trọng đầu tư đáng kể cho chứng khoán thuộc các ngành có sự tăng trưởng tốt, hưởng lợi từ quá trình phục hồi kinh tế trong nước và trên thế giới như: bán lẻ - tiêu dùng, công nghệ, chứng khoán, vật liệu xây dựng...

Bảng 9: Tình hình đầu tư

Đơn vị: tỷ đồng

Chi tiêu	01/01/2024	31/12/2024	Thay đổi	
			Số tiền	%
GIÁ MUA	5.395,5	8.419,9	3.024,4	56,05
Tài sản FVTPL	4.920,3	7.944,7	3.024,4	61,47
Cổ phiếu niêm yết, Upcom	2.964,9	3.528,0	563,1	18,99
Cổ phiếu chưa niêm yết	620,0	474,3	(145,8)	-23,52
Trái phiếu niêm yết	831,0	2.077,5	1.392,7	203,37
Trái phiếu chưa niêm yết	504,4	650	(0,6)	-0,09
Công cụ thị trường tiền tệ	-	1.214,9	1.214,9	100,00
Tài sản AFS	475,2	475,2	-	-
Cổ phiếu niêm yết	475,2	475,2	-	-

Nguồn: BCTC năm 2024 đã được kiểm toán

Tại thời điểm 31/12/2024, danh mục đầu tư của Công ty có giá trị 8.420 tỷ đồng, tăng 56% so với thời điểm cuối năm 2023. Quy mô tài sản FVTPL tăng thêm 3.024,4 tỷ đồng so với đầu năm, đạt 7.944,7 tỷ đồng do Công ty tăng tỷ trọng cổ phiếu niêm yết; trái phiếu niêm yết và công cụ thị trường tiền tệ.

QUY MÔ ĐẦU TƯ CỦA SHS



Đầu tư Dự án

- Công ty không có khoản đầu tư dự án lớn nào trong năm 2023 và năm 2024;
- Công ty không có bất kỳ công ty con, công ty liên kết nào.

10.5. Các hợp đồng lớn

Bảng 10: Danh sách các Hợp đồng lớn đã và đang thực hiện năm 2022 – 2024

Đơn vị: triệu đồng

Stt	Tên đối tác	Giá trị (triệu đồng)	Thời gian ký kết	Thời gian thực hiện	Sản phẩm	Mối quan hệ với HĐQT, UBKT, BDH, CĐL
Năm 2022						
1	Ngân hàng TMCP Đông Nam Á	1% (*)	2022	Năm 2022	Tư vấn phát hành và Đại lý phát hành trái phiếu	Không có
2	Ngân hàng TMCP Phát triển Tp. Hồ Chí Minh	1% (*)	2022	Năm 2022	Tư vấn phát hành và Đại lý phát hành trái phiếu	Không có

Stt	Tên đối tác	Giá trị (triệu đồng)	Thời gian ký kết	Thời gian thực hiện	Sản phẩm	Mối quan hệ với HHQT, UBKT, BDH, CDL
3	Ngân hàng TMCP Bưu điện Liên Việt	1.100	2021	Từ năm 2021	Tư vấn chào bán ra công chúng, đại lý phát hành, đăng ký và niêm yết trái phiếu	Không có
4	CTCP Sản xuất và đầu tư Hoàng Gia	1,375% giá trị vốn điều lệ niêm yết thành công	2022	Từ năm 2022	Tư vấn tái cấu trúc, IPO và niêm yết cổ phiếu	Không có
5	Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng	500.000	2022	2022	SHS vay tiền của ngân hàng	Không có
6	Ngân hàng TMCP Bắc Á	200.000	2022	2022	Mua trái phiếu	Không có
7	Công ty Cổ phần Bamboo Capital	496.200	2022	2022	Mua trái phiếu	Không có
Năm 2023						
1	Ngân hàng TMCP Phát triển Tp. Hồ Chí Minh	1.400	2023	Từ năm 2023	Tư vấn phát hành và Đại lý phát hành trái phiếu ra công chúng	Không có
2	Ngân hàng TMCP Phát triển Tp. Hồ Chí Minh	2.450	2023	Từ năm 2023	Tư vấn hồ sơ chào bán trái phiếu riêng lẻ; đại diện người sở hữu trái phiếu	Không có
3	Ngân hàng TMCP Hàng hải Việt Nam	430	2023	2023	Tư vấn phát hành trái phiếu riêng lẻ	Không có
4	Ngân hàng TMCP Á Châu	230	2023	2023	Tư vấn phát hành trái phiếu riêng lẻ	Không có

Stt	Tên đối tác	Giá trị (triệu đồng)	Thời gian ký kết	Thời gian thực hiện	Sản phẩm	Mối quan hệ với HHQT, UBKT, BDH, CDI
5	Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng	350.000	2023	2023	SHS vay tiền của ngân hàng	Không có
6	Ngân hàng TMCP Bắc Á	196.000	2023	2023	SHS vay tiền của ngân hàng	Không có
7	Ngân hàng TMCP Bưu Điện Liên Việt	100.000	2023	2023	Mua trái phiếu	Không có
8	Ngân hàng TMCP Bưu Điện Liên Việt	100.000	2023	2023	Mua trái phiếu	Không có
9	Ngân hàng TMCP Bắc Á	200.000	2023	2023	Mua trái phiếu	Không có
10	Ngân hàng TMCP Quân Đội	250.000	2023	2023	Mua trái phiếu	Không có
Năm 2024						
1	Ngân hàng TMCP Kiên Long	1.400	2024	2024	Tư vấn phát hành trái phiếu ra công chúng	Không có
2	Ngân hàng TMCP Phát triển Tp. Hồ Chí Minh	2.450	2024	2024	Tư vấn phát hành trái phiếu riêng lẻ Đại diện người sở hữu trái phiếu	Không có
3	Ngân hàng TMCP Á Châu	230	2024	2024	Tư vấn phát hành trái phiếu riêng lẻ	Không có
4	Ngân hàng TMCP Hàng hải Việt Nam	545	2024	Năm 2024	Tư vấn phát hành trái phiếu riêng lẻ	Không có
5	Công ty Cổ phần tập đoàn Đầu tư I.P.A	900	2024	Năm 2024	Tư vấn, đại lý phát hành trái phiếu riêng lẻ	Không có

Stt	Tên đối tác	Giá trị (triệu đồng)	Thời gian ký kết	Thời gian thực hiện	Sản phẩm	Mối quan hệ với HDQT, UBKT, BĐH, CĐL
6	Ngân hàng TMCP Sài Gòn – Hà Nội	670	2024	Năm 2024	Tư vấn phát hành trái phiếu riêng lẻ	Người có liên quan của TV HDQT
7	Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng	300.000	2024	2024	SHS vay tiền của ngân hàng	Không có
8	Ngân hàng TMCP Bắc Á	196.000	2024	2024	SHS vay tiền của ngân hàng	Không có
9	Ngân hàng TMCP Phát triển Tp. Hồ Chí Minh	250.000	2024	2024	Mua trái phiếu	Không có
10	Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	250.000	2024	2024	Mua trái phiếu	Không có

(*) tính theo giá trị trái phiếu chào bán

Nguồn: SHS

10.6. Các khách hàng, nhà cung cấp lớn

Công ty hiện là đối tác tư vấn dịch vụ tài chính cho một số Tổng Công ty, Tập đoàn lớn như: Tổng Công ty Lắp máy Việt Nam – CTCP; Tổng Công ty Bia - Rượu - Nước giải khát Hà Nội - CTCP; Tập đoàn Công nghiệp Than – Khoáng sản Việt Nam; Tổng CTCP Bảo hiểm hàng không, Ngân hàng TMCP Sài Gòn – Hà Nội, Ngân hàng TMCP Phát triển Tp. Hồ Chí Minh (HDBank); Ngân hàng TMCP Bưu điện Liên Việt/ Lộc Phát (LPBank), Ngân hàng TMCP Á Châu (ACB);...

Hiện nay, Công ty đang sử dụng các dịch vụ do SGDCK Hà Nội; SGDCK TP. Hồ Chí Minh; VSDC cung cấp và có một số khoản vay ngắn hạn tại các tổ chức tín dụng: Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam; Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng; Ngân hàng TMCP Bắc Á; Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam.

[Phần còn lại bỏ trống là do cố ý]

TT	Tên đối tác	Giá trị (triệu đồng)	Sản phẩm	Mối quan hệ với HĐQT, UBKT, BDH, CDL
Năm 2022				
1	Ngân hàng TMCP Đông Nam Á	1% (*)	Tư vấn phát hành và Đại lý phát hành trái phiếu	Không có
2	Ngân hàng TMCP Phát triển Tp. Hồ Chí Minh	1% (*)	Tư vấn phát hành và Đại lý phát hành trái phiếu	Không có
3	CTCP Sản xuất và Đầu tư Hoàng Gia	4.500	Tư vấn tái cấu trúc, IPO và niêm yết cổ phiếu	Không có
4	Ngân hàng TMCP Bưu điện Liên Việt	1,375% vốn điều lệ niêm yết thành công	Tư vấn chào bán ra công chúng, đại lý phát hành, đăng ký và niêm yết trái phiếu	Không có
5	Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng	2.598.000	SHS vay tiền của ngân hàng	Không có
Năm 2023				
1	Ngân hàng TMCP Phát triển Tp. Hồ Chí Minh	3.850	Tư vấn phát hành và Đại lý phát hành trái phiếu	Không có
2	Ngân hàng TMCP Hàng hải Việt Nam	430	Tư vấn phát hành trái phiếu riêng lẻ	Không có
3	Ngân hàng TMCP Á Châu	230	Tư vấn phát hành trái phiếu riêng lẻ	Không có
4	Tổng Công ty Bưu điện Việt Nam	300	Tư vấn chào bán cạnh tranh, chào bán quyền mua cổ phiếu	Không có
5	Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng	2.731.000	SHS vay tiền của ngân hàng	Không có
6	Ngân hàng TMCP Bắc Á	588.000	SHS vay tiền của ngân hàng	Không có
Năm 2024				
1	CTCP Sản xuất Bao bì và Xuất nhập khẩu Hà Nội	1.628	Tư vấn lập báo cáo phân tích ngành	Không có

TT	Tên đối tác	Giá trị (triệu đồng)	Sản phẩm	Mối quan hệ với HĐQT, UBKT, BDH, CĐL
2	CTCP Liên hiệp Xuất nhập khẩu và Đầu tư Hà Nội	700	Tư vấn lập báo cáo phân tích ngành	Không có
3	Ngân hàng TMCP Kiên Long	1.400	Tư vấn phát hành trái phiếu ra công chúng	Không có
4	Ngân hàng TMCP Phát triển Tp. Hồ Chí Minh	2.450	Tư vấn phát hành trái phiếu riêng lẻ Đại diện người sở hữu trái phiếu	Không có
5	Ngân hàng TMCP Á Châu	230	Tư vấn phát hành trái phiếu riêng lẻ	Không có
6	Ngân hàng TMCP Hàng hải Việt Nam	545	Tư vấn phát hành trái phiếu riêng lẻ	Không có
7	Công ty Cổ phần tập đoàn Đầu tư I.P.A	900	Tư vấn, đại lý phát hành trái phiếu riêng lẻ	Không có
8	Ngân hàng TMCP Sài Gòn – Hà Nội	1.870	Tư vấn phát hành trái phiếu riêng lẻ	Người có liên quan của TV HĐQT
9	Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng	1.000.000	SHS vay tiền của ngân hàng	Không có
10	Ngân hàng TMCP Bắc Á	196.000	SHS vay tiền của ngân hàng	Không có

(*) tính theo giá trị trái phiếu chào bán

Nguồn: SHS

10.7. Vị thế của Tổ chức phát hành trong ngành

10.7.1. Vị thế của công ty trong ngành

Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội được thành lập từ năm 2007 với số vốn điều lệ ban đầu 350 tỷ đồng. Sau nhiều năm hoạt động, SHS đã tăng vốn điều lệ lên hơn 8.131,5 tỷ đồng với địa bàn hoạt động trên toàn lãnh thổ Việt Nam, mạng lưới trải dài ba miền Bắc – Trung - Nam. Hiện nay, SHS đang là một trong những CTCK hàng đầu trên thị trường chứng khoán Việt Nam, cùng đội ngũ chuyên viên tư vấn giàu kinh nghiệm, Công ty đã và đang thành công trong việc cung cấp hoạt động đa dạng ở tất cả các mảng nghiệp vụ trên thị trường chứng khoán, bao gồm: (i) Môi giới chứng khoán; (ii) Lưu ký chứng khoán; (iii) Đầu tư chứng khoán; (iv) Dịch vụ tài chính và tư vấn đầu tư chứng khoán (iii) Tư vấn tài chính và bảo lãnh phát hành chứng khoán.

CTCP Chứng khoán Sài Gòn – Hà Nội (mã CK: SHS) được vinh danh TOP 50 Công ty Đại chúng uy tín và hiệu quả năm 2024 với kết quả tài chính ấn tượng trong năm 2024, tiềm năng tăng trưởng cao, ngày càng gây dựng niềm tin với khách hàng và nhà đầu tư.

SHS là một trong số ít CTCK nằm trong bảng xếp hạng VIX50 (Top 50 Công ty đại chúng uy tín và hiệu quả) năm 2024 sau khi được các chuyên gia nghiên cứu và đánh giá khách quan theo tiêu chuẩn quốc tế và bình chọn, vinh danh những công ty đại chúng có nền tảng tài chính vững vàng, đạt những thành tựu đáng ghi nhận, thể hiện tiềm năng tăng trưởng, mức độ phát triển bền vững, chất lượng quản trị và vị thế trong ngành.

Tại thời điểm công bố bảng xếp hạng, vốn hóa của 50 công ty đại chúng trong danh sách VIX50 chiếm trên 51% của toàn thị trường, cho thấy mức độ ảnh hưởng của các công ty trong bảng xếp hạng. Nằm trong danh sách VIX50 năm nay, SHS là một trong số ít những định chế tài chính được bình chọn của ngành chứng khoán, bên cạnh các ngân hàng và tổ chức lớn như Vietcombank, BIDV, SHB, Techcombank, FPT, Vinhomes, Tập đoàn Hòa Phát,...

Thời gian gần đây, CTCP Chứng khoán SHS ghi nhận những dấu ấn tăng trưởng vượt trội về năng lực nguồn vốn. Chỉ tính riêng năm 2022, SHS đã 2 lần tăng vốn điều lệ, từ 3.252,7 tỷ đồng lên 8.131,6 tỷ đồng. Năm 2024, SHS đang trong quá trình tăng vốn điều lệ lên 17.126,2 tỷ đồng, nhằm nâng cao năng lực tài chính, giữ vững vị thế là một trong những CTCK có quy mô lớn dẫn đầu thị trường.

Lũy kế cả năm 2024, SHS mang về doanh thu hoạt động đạt hơn 1.991,3 tỷ đồng, tăng 36,4% so với năm 2023; lợi nhuận trước thuế 1.239,3 tỷ đồng, tăng 81,14%; lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp đạt hơn 1.015,6 tỷ đồng, tăng 81,59%.

Theo kế hoạch kinh năm 2024, SHS dự kiến mang về doanh thu 1.844,7 tỷ đồng, lợi nhuận trước thuế 1.035,3 tỷ đồng. Như vậy, kết thúc năm 2024, SHS đã hoàn thành 107,9% kế hoạch doanh thu và 119,7% kế hoạch lợi nhuận trước thuế đề ra.

SHS đã liên tục triển khai các giải pháp nhằm đồng hành, mang đến giá trị thiết thực cho nhà đầu tư. Trong năm 2024, SHS nhiều lần nâng cấp nền tảng giao dịch trên cả 2 phiên bản SHTrading và SHWeb, ra mắt phiên bản mới **Bảng giá SHS sBoard: <https://sboard.shs.com.vn>** tối ưu trải nghiệm người dùng, và ra mắt các sản phẩm mới cho khách hàng như Margin Tplus.

Là CTCK uy tín hàng đầu trong mảng ngân hàng đầu tư & khách hàng tổ chức, đồng thời là một công ty niêm yết đại chúng, SHS luôn đề cao yếu tố minh bạch trong quản trị công ty. SHS tham chiếu và áp dụng tiêu chuẩn hoạt động kinh doanh phát triển bền vững theo GSI – Tổ chức Sáng kiến Báo cáo toàn cầu, đạt Top 10 báo cáo thường niên tốt nhất năm 2023 trong danh mục tổ chức tài chính lớn. Năm 2024, SHS là một trong 21 tổ chức tài chính quy mô vốn hóa lớn đạt chuẩn công bố thông tin do IR Awards 2024 bình chọn.

Với vai trò là một thành viên lớn trong thị trường chứng khoán Việt Nam, SHS góp phần cùng thị trường khơi thông nguồn vốn hoạt động kinh doanh hỗ trợ các doanh nghiệp trong nước, đồng thời hàng năm đã đóng góp hàng trăm tỷ đồng vào NSNN và cộng đồng. Năm 2023 và năm 2024, SHS đóng góp lần lượt 124,9 tỷ đồng và 223,7 tỷ đồng thuế TNDN.

So sánh SHS với Thị trường và với ngành (số liệu năm 2024)

Trong năm 2024, so với thị trường chứng khoán nói chung và lĩnh vực chứng khoán nói riêng, cổ phiếu SHS có kết quả kinh doanh và EPS vượt trội. Với định giá P/B hấp dẫn và quy mô vốn chủ sở hữu trong Top 8 ngành chứng khoán, Công ty được kỳ vọng sẽ có nhiều tiềm năng để phát triển và bứt phá trong tương lai so với các công ty khác trong ngành.

Tiêu chí	EPS (VND/cp)	P/E	P/B
SHS	1.249	10,29	0,93
VN-Index	2.461	12,52	1,62
HNX-Index	1.029	29,72	1,51
Upcom - Index	1.314	24,25	2,63
Ngành chứng khoán	1.102	17,64	1,50

Nguồn: FiinPro, SHS Research

So sánh SHS với một số CTCK trong ngành (SSI, TCBS, VND, HCM, VPS, VPBankS, VCI, ACBS, MASC, VIX - Số liệu năm 2024)

➤ **Về quy mô vốn chủ sở hữu**

Tính đến ngày 31/12/2024, SHS có quy mô vốn chủ sở hữu đứng thứ 8 thị trường với 11.211 tỷ đồng và quy mô vốn điều lệ đứng thứ 6 thị trường với 8.132 tỷ đồng. Bộ đệm vốn chủ sở hữu dày dặn là điểm tựa cho an toàn tài chính của SHS và khả năng triển khai các hoạt động kinh doanh.

➤ **Quy mô tổng tài sản**

Trong nhóm 10 công ty chứng khoán hàng đầu trên thị trường chứng khoán Việt Nam hiện nay, SHS có với quy mô Tổng tài sản là 14.028 tỷ đồng, còn khá thấp so với các CTCK hàng đầu khác.

➤ **Về doanh thu hoạt động & Lợi nhuận sau thuế**

SHS có mức doanh thu hoạt động năm 2024 thấp nhất và lợi nhuận sau thuế xếp thứ 6 trong nhóm 10 công ty chứng khoán hàng đầu.

➤ **Tỷ suất sinh lời trên tổng tài sản (ROA) và vốn chủ (ROE)**

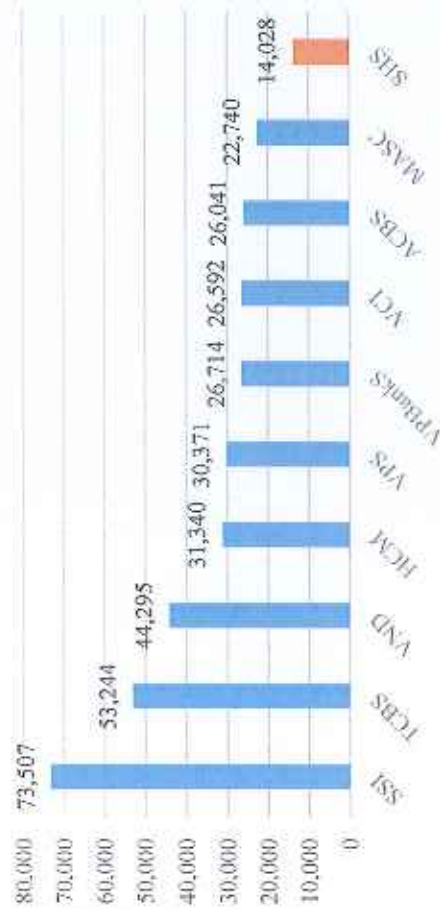
SHS có tỷ suất sinh lời trên Tổng tài sản (ROA) năm 2024 là 7,97%, cao hơn so với mức bình quân của các công ty chứng khoán Top 10 là 4,84%. Tuy nhiên, do việc sử dụng đòn bẩy còn thấp nên SHS chỉ đạt ROE là 9,46%, ngang mức trung bình với các công ty chứng khoán được so sánh.

➤ **Về thị phần giao dịch cổ phiếu**

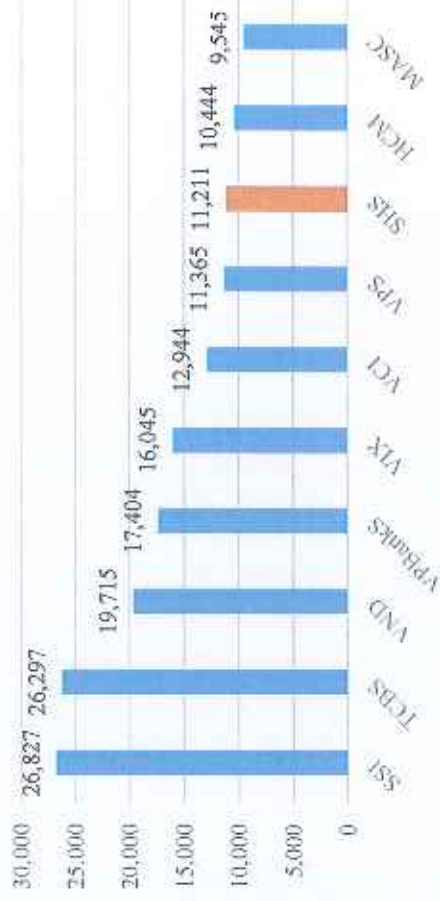
Theo công bố từ thông tin từ SGDCK TP. Hồ Chí Minh (HOSE) và SGDCK Hà Nội (HNX) về thị phần giao dịch cổ phiếu của các Công ty Chứng khoán năm 2024, SHS nằm ngoài top 10 thị phần môi giới tại HOSE và HNX.

So sánh SHS với một số CTCK trong ngành (Số liệu năm 2024)

Tổng Tài sản (tỷ đồng)



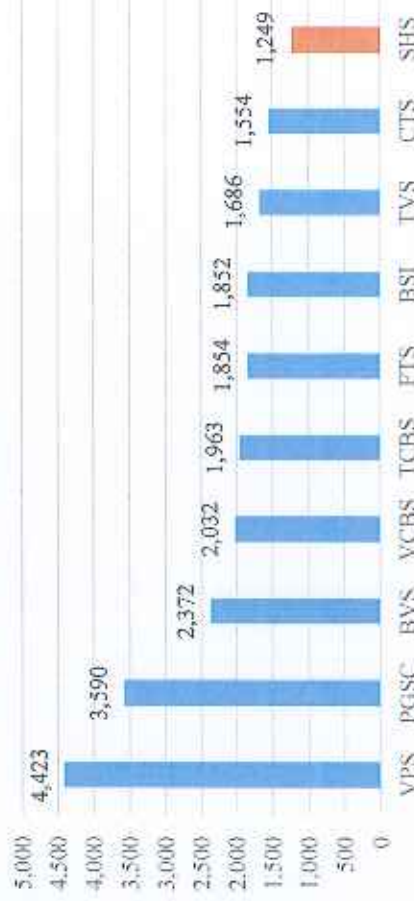
Vốn chủ sở hữu (tỷ đồng)



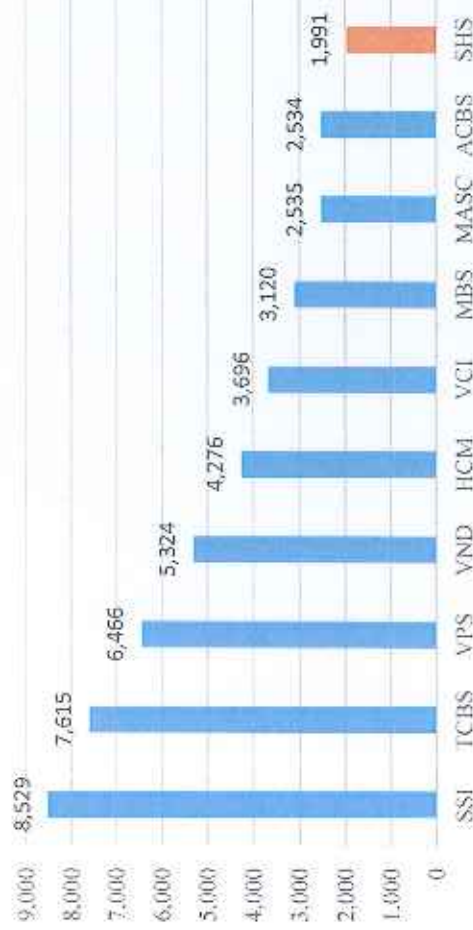
Vốn điều lệ (tỷ đồng)



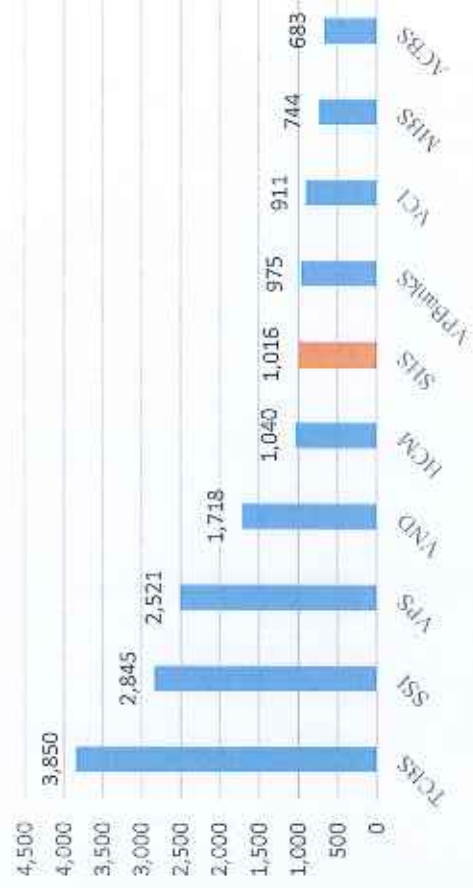
EPS (VND/CP)



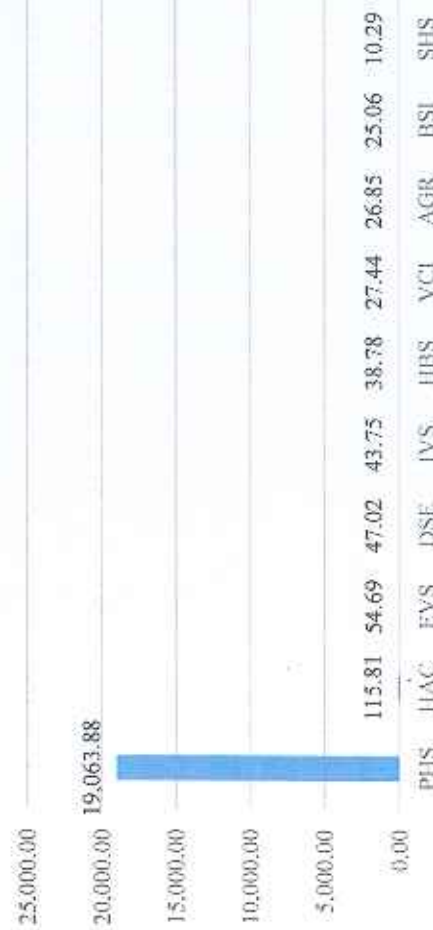
Doanh thu (tỷ đồng)



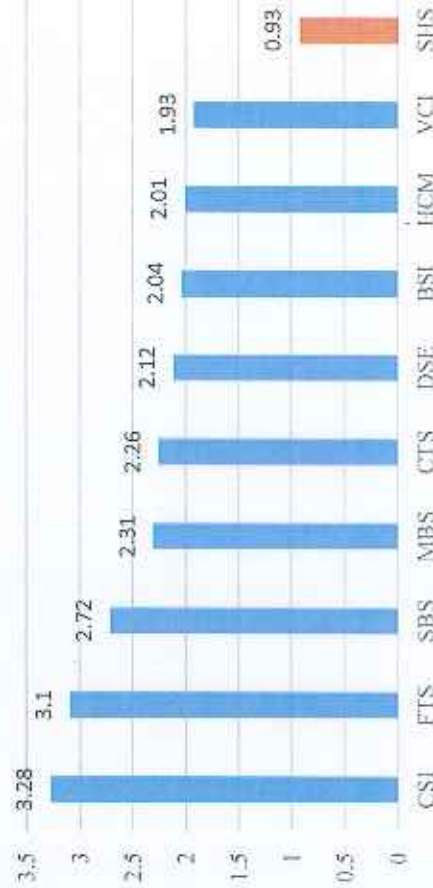
Lợi nhuận sau thuế (tỷ đồng)



P/E (lần)



P/B (lần)



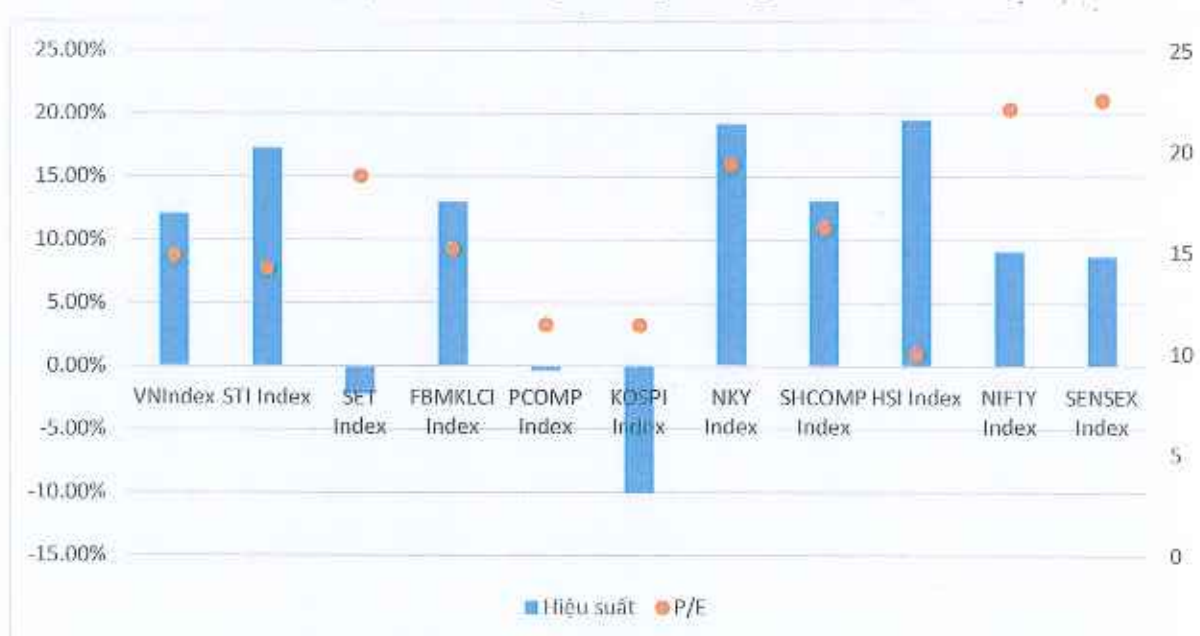
Nguồn: FinPro, SHS Research.

10.7.2. Triển vọng phát triển của ngành

THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN

Năm 2024, VNIndex biến động giằng co trong vùng 1.200 – 1.300 điểm trên nền thanh khoản thấp. Tại phiên giao dịch cuối cùng của năm 2024, VNIndex đạt 1.266,78 điểm, tăng 12,11% so với thời điểm đầu năm, đánh dấu hai năm liên tiếp tăng điểm (năm 2023 tăng 12,2%). Thị trường nằm trong chuyển động tăng giá của kênh tích lũy rộng trung hạn. Một số trở ngại chính mà thị trường chứng khoán Việt Nam gặp phải trong năm vừa qua gồm: (i) Nhà đầu tư nước ngoài bán ròng kỷ lục, (ii) Thiếu vắng dòng tiền dẫn dắt cùng hàng hóa chất lượng và (iii) Câu chuyện nâng hạng thị trường chứng khoán chưa hoàn thành. Mặc dù vậy, so với nhiều chỉ số chứng khoán châu Á như Thái Lan (-2,3%), Philippines (-0,4%), Hàn Quốc (-10,1%), VNIndex có hiệu suất tương đối tốt

PE và hiệu suất các Thị trường Chứng khoán Châu Á



Nguồn: FiinPro, SHS Research

Bảng 11: Số liệu thống kê Thị trường Chứng khoán Việt Nam năm 2024

Chỉ tiêu	2021	2022	2023	2024	+/- 2024 so với 2023 (%)
VN-Index	1.498,28	1.007,09	1.129,93	1.266,78	12,11%
HNX-Index	473,99	205,31	231,04	227,43	-1,56%
Upcom-Index	112,63	71,65	87,04	95,06	9,21%
Vốn hóa thị trường (tỷ đồng)	7.729	5.261	5.863	7,2	22,80%
Vốn hóa/GDP (%)	112,8	61	56,4	69,3%	12,9%
Số lượng tài khoản (triệu tài khoản)	4,3	6,8	7,3	9,3	27,4%

Nguồn: FiinPro, SHS research

Nhà đầu tư nước ngoài bán ròng kỷ lục trong năm 2024. Nhà đầu tư nước ngoài mua ròng tháng 01/2024 và bán ròng trong 11 tháng còn lại. Tổng giá trị bán ròng trên toàn thị trường đạt trên 85 nghìn tỷ đồng. Xét trên quy mô vốn hóa, Việt Nam là thị trường bị rút ròng mạnh nhất trong khu vực ASEAN. Động thái bán ròng của khối ngoại đến từ nhiều nguyên nhân như: áp lực tỷ giá USD so với VND lên cao; xu hướng đầu tư vào lĩnh vực công nghệ, AI; định giá kém hấp dẫn hay việc thị trường chứng khoán Việt Nam lỡ hẹn nâng hạng lên thị trường mới nổi...

Thị trường trái phiếu doanh nghiệp hồi phục tích cực. Cụ thể, trong năm 2024, tổng giá trị trái phiếu phát hành đạt khoảng 443.458 tỷ đồng, tăng trên 30% so với năm 2023. Trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ có khối lượng phát hành đạt khoảng 410.544 tỷ đồng, trái phiếu doanh nghiệp phát hành ra công chúng có giá trị khoảng 32.914 tỷ đồng. Nhóm tổ chức tín dụng tiếp tục dẫn đầu về giá trị phát hành với tỷ trọng 67,1% tổng giá trị phát hành, tiếp theo là nhóm doanh nghiệp bất động sản. Thị trường ghi nhận sự cải thiện về chất khi có thêm nhiều tổ chức phát hành mới, đa dạng lĩnh vực hoạt động và đặc biệt xuất hiện sản phẩm trái phiếu xanh.

Làn sóng tăng vốn khủng của các công ty chứng khoán. Tiếp nối xu hướng diễn ra từ cuối 2023, trong năm 2024, nhiều công ty chứng khoán tiếp tục phát hành chứng khoán thành công, thực hiện tăng vốn thông qua nhiều hình thức khác nhau, trong đó nổi bật là SSI, VCI, VIX, VND, LPBS... Thống kê trong năm 2024, ngành chứng khoán có khoảng 22 công ty đã tăng vốn thành công. Với gần 2,5 tỷ chứng khoán được chào bán, phát hành, các công ty chứng khoán đã huy động thêm gần 25.000 tỷ đồng để củng cố tiềm lực về nguồn vốn cho các hoạt động kinh doanh. Việc các công ty chứng khoán đẩy mạnh tăng vốn cho thấy sự chủ động nguồn lực để đón cơ hội mới từ hệ thống công nghệ thông tin mới vận hành, nâng hạng thị trường và bước ngoặt phát triển mới của thị trường chứng khoán.

Về chính sách, nhiều văn bản pháp luật đã được ban hành mới ở các ngành nghề, lĩnh vực của nền kinh tế: Luật số 56/2024/QH15 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật chứng khoán, Luật kế toán, Luật kiểm toán độc lập, Luật ngân sách nhà nước, Luật quản lý, sử dụng tài sản công, Luật quản lý thuế, Luật thuế thu nhập cá nhân, Luật dự trữ quốc gia, Luật xử lý vi phạm hành chính; Luật các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15; Luật đất đai; Thông tư 68/2024/TT-BTC sửa đổi Thông tư quy định về giao dịch chứng khoán trên hệ thống giao dịch chứng khoán; bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán; hoạt động của công ty chứng khoán và công bố thông tin trên thị trường chứng khoán do Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành... Với sự ra đời của các Văn bản pháp luật mới, ngành chứng khoán nói riêng và thị trường tài chính Việt Nam nói riêng được kỳ vọng sẽ tháo gỡ được các vướng mắc trên thực tiễn, thúc đẩy sự phát triển của thị trường chứng khoán hướng tới mục tiêu nâng hạng thị trường trong năm 2025.

HOẠT ĐỘNG CỦA CÁC CÔNG TY CHỨNG KHOÁN

Tính tới thời điểm cuối năm 2024, lợi nhuận của các công ty chứng khoán phục hồi năm thứ 02 liên tiếp sau đợt giảm năm 2022. 68 công ty chứng khoán đã báo cáo kết quả kinh doanh có lãi với tổng doanh thu đạt trên 76.923,32 tỷ đồng, tổng lợi nhuận sau thuế đạt 24.141,19 tỷ đồng. Trong đó, 06 công ty chứng khoán hàng đầu ghi nhận lợi nhuận trên 1.000 tỷ đồng bao gồm: TCBS, SSI, VPS, VNDirect, HSC và SHS.

Về hoạt động môi giới chứng khoán, cạnh tranh về phí giữa các công ty chứng khoán ngày càng gay gắt. Trong giai đoạn 2019 – 2024, tỷ trọng doanh thu và lợi nhuận hoạt động môi giới chứng khoán trên giá trị giao dịch có xu hướng giảm khi ngày càng có nhiều công ty chứng khoán tham gia cuộc đua miễn, giảm phí giao dịch chứng khoán cho khách hàng. Cá biệt, năm 2024, phần lợi nhuận thuộc về các doanh nghiệp sau khi trừ đi chi phí liên quan chỉ còn 0,02%

giá trị giao dịch.

Đơn vị tính: Tỷ đồng

Chỉ tiêu	2021	2022	2023	2024
Doanh thu hoạt động Môi giới	20.956	16.087	12.495	13.801
Lợi nhuận gộp hoạt động môi giới	7.431	4.686	2.245	2.427
Giá trị giao dịch toàn thị trường	6.647.312	5.020.856	4.389.910	5.246.370
Tỷ lệ Doanh thu môi giới/Giá trị giao dịch	0,15%	0,16%	0,14%	0,13%
Tỷ lệ Lợi nhuận môi giới/Giá trị giao dịch	0,06%	0,05%	0,03%	0,02%

Nguồn: FlinPro, SHS research

Hoạt động tự doanh và dịch vụ tài chính là nguồn thu nhập chính của các công ty chứng khoán trong năm 2024. Trong những năm gần đây, hoạt động cung cấp dịch vụ tài chính cho khách hàng đã mang về nguồn thu đều đặn, ổn định, chiếm tỷ trọng ngày càng cao trong tổng lợi nhuận của các công ty chứng khoán. Đây không còn là thế mạnh của riêng các công ty chứng khoán có vốn đầu tư nước ngoài. Nhiều công ty chứng khoán lớn trong nước như TCBS, SSI, VPS, HSC... đã vươn lên thống lĩnh thị trường. Bên cạnh đó, hoạt động tự doanh cũng là thế mạnh của các công ty chứng khoán hàng đầu với chiến lược lựa chọn doanh nghiệp tiềm năng, định giá hấp dẫn và quản trị rủi ro chặt chẽ, hiệu quả. Các hoạt động này có đóng góp chủ yếu trong thành công của các công ty chứng khoán trong năm 2024.

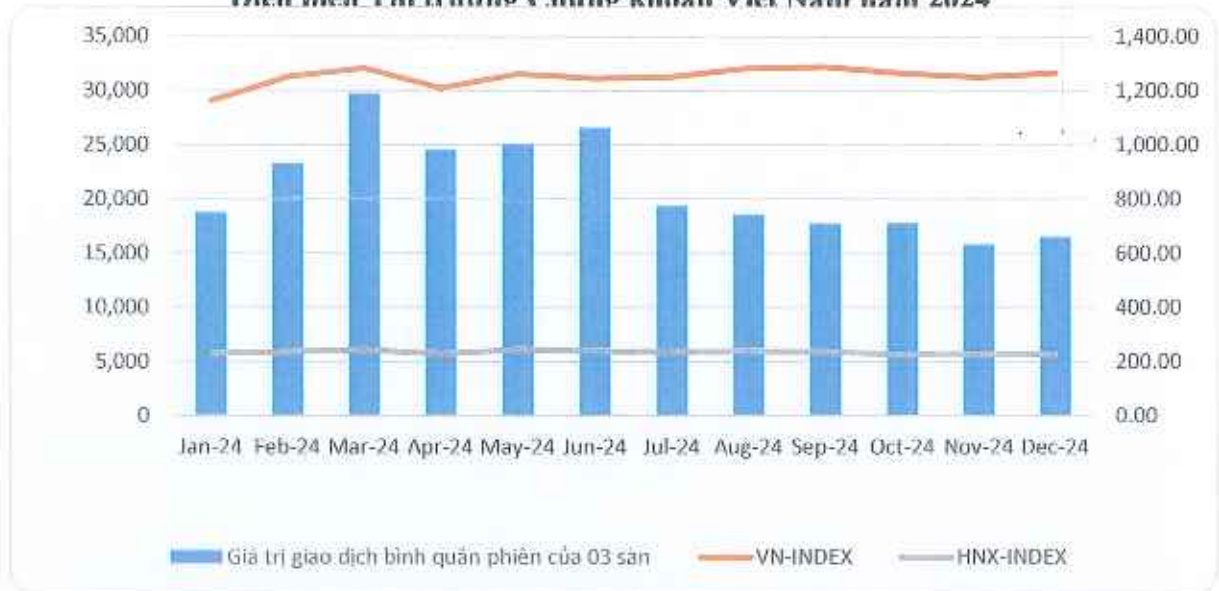
Hoạt động tư vấn, đại lý và bảo lãnh phát hành chứng khoán gặp nhiều khó khăn do: (i) những hạn chế trong điều kiện phát hành, chào bán chứng khoán ra công chúng và niêm yết chứng khoán; (ii) thiếu hàng hóa uy tín, chất lượng cho thị trường chứng khoán; (iii) thị trường trái phiếu vẫn đang trong giai đoạn phục hồi. Năm 2024, toàn thị trường ghi nhận 2 doanh nghiệp chuyển cổ phiếu từ sàn UPCoM sang niêm yết trên Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội và 8 doanh nghiệp niêm yết trên Sở Giao dịch chứng khoán Tp. Hồ Chí Minh. Trong bối cảnh Việt Nam có trên 900.000 doanh nghiệp đang hoạt động, tỷ lệ doanh nghiệp đưa cổ phiếu lên sàn chứng khoán để quảng bá uy tín, thương hiệu và huy động vốn còn ở mức hạn chế trong tổng thể nền kinh tế Việt Nam.

TRIỂN VỌNG PHÁT TRIỂN CỦA NGÀNH

Trải qua 25 năm phát triển, TTCK Việt Nam ngày phát triển về quy mô, sản phẩm chứng khoán, công cụ giao dịch. Cùng với đó, sự quan tâm của Chính phủ và các cấp ban ngành để thị trường ngày càng hoàn thiện hơn nữa về cấu trúc, thể chế kinh tế thị trường và thúc đẩy hội nhập quốc tế... để từ đó hướng đến việc nâng hạng thị trường, thu hút thêm vốn đầu tư trong và ngoài nước, giúp chứng khoán trở thành một kênh dẫn vốn quan trọng, đóng góp nhiều hơn nữa vào sự đi lên của nền kinh tế Việt Nam.

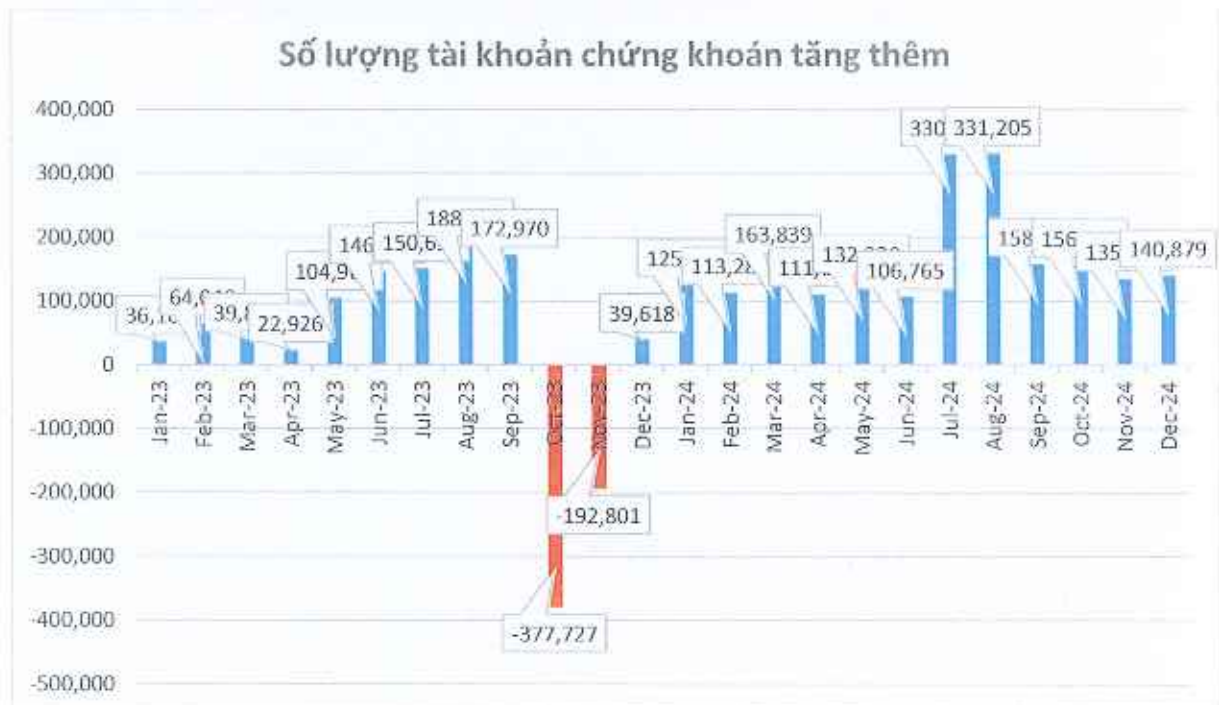
Do vậy, tiềm năng phát triển của ngành chứng khoán Việt Nam trong những năm tới là rất lớn, với các động lực chính sau:

Diễn biến Thị trường Chứng khoán Việt Nam năm 2024



Nguồn: FiinPro, SHS Research

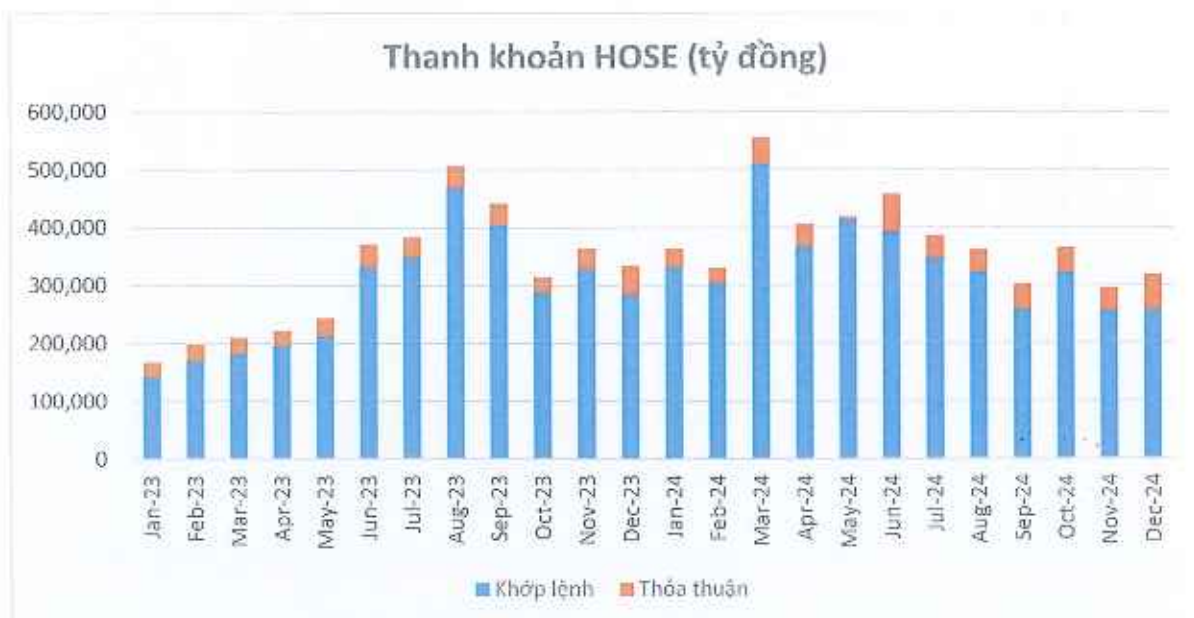
Số lượng tài khoản chứng khoán mở mới tiếp tục tăng:



Nguồn: VSDC, SHS Research

Sau quá trình làm sạch dữ liệu nhà đầu tư vào Quý 4/2023. Năm 2024, số lượng tài khoản mở mới đã tiếp tục tăng trưởng tốt, trong đó tháng 7 và 8/2024 đạt trên 300.000 tài khoản chứng khoán tăng thêm theo số liệu từ VSDC.

Theo Chiến lược phát triển TTCK đến năm 2030 của Việt Nam tại Quyết định số 1726/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ ngày 29/12/2023, đặt mục tiêu số lượng tài khoản giao dịch chứng khoán của nhà đầu tư trên TTCK đạt 9 triệu tài khoản vào năm 2025 và 11 triệu tài khoản vào năm 2030. Lũy kế đến cuối năm 2024, Việt Nam có gần 9,3 triệu tài khoản chứng khoán cá nhân, tương đương khoảng 9,3% dân số.

Thanh khoản thị trường hồi phục:

Nguồn: HOSE, SHS Research

Sau giai đoạn trầm lắng từ tháng 5/2022, đến tháng 03/2024 thanh khoản TTCK Việt Nam đã trở lại vượt mức 1 tỷ USD/phần, cao gấp 3 lần so với cùng kỳ năm 2023 cho thấy niềm tin vào TTCK của các nhà đầu tư đã hồi phục, sự sôi động trở lại của giao dịch sẽ mở ra cơ hội phát triển cho TTCK và cơ sở để tiếp tục thu hút thêm các nguồn vốn mới tham gia thị trường.

TTCK giai đoạn 2024-2025 dự báo sẽ tăng trưởng triển vọng nhờ các yếu tố hỗ trợ sau:

- Triển vọng nâng hạng thị trường Việt Nam từ “cận biên” sang “mới nổi”: Hiện tại, Việt Nam đang được 2 tổ chức xếp hạng thị trường MSCI và FTSE Russell xếp vào nhóm thị trường cận biên. Trong giai đoạn 2024 - 2025, khả năng Việt Nam được FTSE Russell xem xét nâng hạng chính thức có xác suất cao hơn, do Việt Nam đã được tổ chức này đưa vào danh sách theo dõi nâng hạng từ năm 2018 và Việt Nam đã đáp ứng được phần lớn những tiêu chí để được xem xét nâng hạng. Các cơ quan quản lý và thành viên thị trường đang thể hiện sự nỗ lực và quyết tâm với mục tiêu đưa Việt Nam nâng hạng lên thị trường mới nổi trong năm 2025. Việc nâng hạng thị trường sẽ thổi một luồng “sinh khí” mạnh mẽ và đầy năng lượng, mở ra “vận hội mới” cho TTCK Việt Nam khi có thể thu hút thêm dòng vốn mới lên đến 25 tỷ USD từ các nhà đầu tư quốc tế cho tới năm 2030 (theo World Bank).
- Nhằm nâng cao hơn nữa hiệu lực thực thi pháp luật, tăng cường hiệu quả quản lý nhà nước về chứng khoán và TTCK, đảm bảo thị trường hoạt động an toàn, minh bạch, phát triển bền vững, phù hợp với thực tiễn và tiệm cận hơn với thông lệ quốc tế, trong năm 2024, UBCKNN đã chủ động, tích cực trong việc xây dựng chiến lược, các văn bản quy phạm pháp luật. Điển hình là ngày 29/11/2024, Luật Chứng khoán sửa đổi đã được Quốc hội biểu quyết thông qua tại kỳ họp thứ 8, khóa XV; đặc biệt, Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng đã ký ban hành Thông tư số 68/2024/TT-BTC ngày 18/9/2024.
- Hoàn thiện khung pháp lý: Triển khai nhiệm vụ trong năm 2025, UBCKNN đặt ra nhiều mục tiêu, nhiệm vụ trọng tâm và quyết tâm thực hiện để hỗ trợ TTCK phát triển. Theo đó, UBCKNN, tiếp tục hoàn thiện pháp lý, hệ thống chính sách, tạo khung pháp lý đồng bộ, toàn diện cho thị trường phát triển minh bạch, hiệu quả; tập trung triển khai Chương trình hành động

thực hiện Chiến lược phát triển TTCK đến năm 2030.

- UBCKNN tiếp tục, đẩy mạnh hiện đại hóa công nghệ thông tin của ngành Chứng khoán, từng bước ứng dụng các thành tựu của Cách mạng công nghệ 4.0 nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động quản lý, giám sát TTCK. Tiếp tục tái cấu trúc các CTCK, công ty quản lý quỹ để nâng cao năng lực hoạt động và an toàn tài chính của các tổ chức kinh doanh chứng khoán.

10.7.3. Đánh giá về sự phù hợp định hướng phát triển của Công ty với định hướng của ngành, chính sách của Nhà nước, và xu thế chung trên thế giới

Xu thế hội nhập, toàn cầu hóa đang trở nên phổ biến trên toàn thế giới, mà trong đó, để hội nhập với kinh tế quốc tế, Việt Nam cần phải chú trọng xây dựng và phát triển TTCK.

Nắm bắt được xu hướng phát triển của thị trường, SHS đã có những định hướng phát triển phù hợp với đường lối phát triển, quy mô hoạt động và trình độ công nghệ theo yêu cầu của TTCK Việt Nam.

- *Phù hợp về quy mô hoạt động:* Nhận thức được yêu cầu cạnh tranh ngày càng gay gắt và xu thế giảm về số lượng, nâng cao chất lượng các CTCK trong thời gian tới, SHS đã chuẩn bị nguồn lực tài chính với 8.131,5 tỷ đồng vốn đầu tư của chủ sở hữu và là một trong những CTCK có vốn điều lệ cao trên thị trường. Chính nhờ vậy, công ty đã tiến hành mở rộng mạng lưới chi nhánh để tiếp cận với các đối tượng khách hàng tiềm năng, chiêu mộ đội ngũ nhân sự có chất lượng và đa dạng hóa các loại hình dịch vụ nhằm gia tăng khả năng cạnh tranh trên thị trường.
- *Phù hợp về tổ chức nhân sự:* Đối với các CTCK, yếu tố nhân sự là yếu tố quan trọng và quyết định đến sự thành công của công ty, chính vì vậy, SHS tiến hành tuyển dụng và chọn lọc nhân sự có trình độ cao, được đào tạo bài bản ở trong và ngoài nước. Tổ chức cơ cấu nhân sự cũng được xây dựng hợp lý, đảm bảo sự ổn định và có thể luân chuyển cán bộ kịp thời. Bên cạnh đó, để đón đầu cho sự ra đời của thị trường phái sinh trong thời gian tới, Công ty đã tổ chức nhiều lớp đào tạo cho các cán bộ làm việc tại công ty, trang bị đủ chuyên môn để tư vấn tốt nhất cho khách hàng.
- *Phù hợp về công nghệ:* SHS xác định đầu tư vào công nghệ và nâng cấp hệ thống phần mềm chính là mấu chốt để hoàn thiện dịch vụ cung cấp cho khách hàng. Công ty cũng cho ra đời nhiều sản phẩm công nghệ mới nhằm phục vụ cho hoạt động giao dịch của khách hàng và hoạt động quản lý của các phòng ban trong Công ty.

10.8. Hoạt động Marketing, truyền thông, quan hệ công chúng

Với quan điểm nhất quán việc xây dựng hình ảnh của Công ty được dựa trên cơ sở chất lượng của các sản phẩm dịch vụ, chất lượng của đội ngũ nhân sự, đồng thời kết hợp truyền thông và các Chương trình PR chuyên nghiệp, từ Tâm, trung thực để đưa SHS đến gần hơn nữa với khách hàng, từ đó gây dựng hình ảnh đẹp, chất lượng, đáng tin cậy về SHS trong lòng khách hàng và nhà đầu tư. Đến nay, thương hiệu SHS đã dần được nhiều nhà đầu tư biết đến và có được chỗ đứng trên thị trường chứng khoán Việt Nam.

Các hoạt động trong thời gian qua:

- Định kỳ hàng tháng xuất bản Bản tin chiến lược đầu tư nhằm cung cấp cho các nhà đầu tư những thông tin cập nhật về kinh tế và TTCK trong nước và thế giới, cùng những phân tích chuyên sâu giúp các nhà đầu tư có cơ sở đưa ra những quyết định đầu tư đúng đắn.

- Tích cực quảng cáo dịch vụ của công ty trên các ấn phẩm chuyên ngành, trong các sự kiện đại chúng như các trận đấu của Đội tuyển Bóng đá Quốc gia Việt Nam.
- Tích cực đưa hình ảnh SHS đến với đông đảo khách hàng thông qua hiển thị logo và link kết nối website SHS trên website của các doanh nghiệp lớn như CTCP Đạm Phú Mỹ, Ngân hàng TMCP Sài Gòn – Hà Nội, Công ty Cổ phần Tập đoàn T&T và các doanh nghiệp trong hệ sinh thái, Đội bóng đá Hà Nội (Hà Nội FC)...
- Tích cực quảng bá hình ảnh công ty thông qua hình thức công bố và đăng tải thông tin có liên quan đến hoạt động của công ty trên báo chí, truyền thông, tổ chức các sự kiện khuếch trương hình ảnh công ty, hội thảo nhà đầu tư; tham gia các giải thưởng chứng khoán uy tín,...
- Thiết lập và duy trì mối quan hệ tốt với giới báo chí và giới truyền thông.
- Tham dự nhiều hội thảo, hội nghị chuyên ngành cả trong và ngoài nước để thúc đẩy các cơ hội làm ăn hợp tác. Một số hội thảo lớn mà SHS đã tham dự bao gồm: Hội thảo Triển lãm Đầu tư Tài chính châu Á tại Tokyo, Nhật Bản, Hội thảo triển lãm Đầu tư Tài chính châu Á (ATIC) tại TP Hồ Chí Minh, Hội chợ Quốc tế Hà Nội, các Hội thảo về quản trị Công ty, thành viên niêm yết và thành viên giao dịch, lưu ký....

10.9. Hoạt động Thiện nguyện chung tay cùng Cộng đồng:

- Tích cực tham gia hoạt động từ thiện: SHS tham gia mọi Hoạt động Thiện nguyện chung tay cùng Cộng đồng vì sự phát triển của xã hội, thông qua nhiều hình thức: tài trợ bằng tiền mặt, hiện vật hoặc cử CBNV cùng tham gia hoặc cùng hỗ trợ, đặc biệt trong việc phòng chống Covid và hỗ trợ nạn nhân chịu ảnh hưởng bởi dịch bệnh Covid, thiên tai, cháy nổ, bão lũ..., đồng thời hỗ trợ, khuyến khích, uơm mầm tài năng trẻ thêm kiến thức về tài chính, đầu tư thông qua việc tài trợ cho các Chương trình Bàn lĩnh Nhà Đầu tư, Chương trình đào tạo nghề, kỹ năng nghiệp vụ cho Thực tập sinh ngành Tài chính – Chứng khoán.

10.10. Quyền sở hữu trí tuệ, nhãn hiệu, tên thương mại, sáng chế

Ngày 15/11/2024, nhân dịp kỷ niệm tròn 17 năm thành lập, SHS đã công bố định vị và nhận diện thương hiệu mới. Trước đó, SHS đã thực hiện nộp tờ khai đăng ký nhãn hiệu cho các nhãn hiệu với logo mới tại Cục sở hữu Trí tuệ (Số đơn: 4-2024-51663/51664/51665). Các đơn được tiếp nhận ngày 28/10/2024.

➤ Hình ảnh và thông điệp của nhận diện thương hiệu mới



- Biểu tượng thương hiệu (Logo) mới được thiết kế với hình ảnh hai chữ S song hành tạo thành dải lụa vươn lên – một biểu tượng mạnh mẽ về sự kết nối bền chặt giữa SHS và khách hàng, không ngừng vươn tới những thành tựu mới. Hình ảnh dải lụa uyển chuyển, mềm mại nhưng đầy vững chắc, thể hiện tinh thần không ngừng đổi mới và linh hoạt của SHS, đồng thời nhấn mạnh tính tận tâm, chuyên nghiệp, hướng tới cung cấp những giải pháp phù hợp cho mỗi khách hàng.

- Hai chữ S này cũng đại diện cho các giá trị mà SHS hướng đến: **"Thành công" (Success)** được xây dựng trên nền tảng **"Bền vững" (Sustainability)**. Đây là những yếu tố nền tảng mà SHS cam kết đồng hành cùng khách hàng, xây dựng một hệ sinh thái tài chính an toàn, vững chắc và không ngừng tiến xa.
 - Bộ nhận diện thương hiệu mới của SHS kế thừa và tiếp tục sử dụng màu sắc chủ đạo là màu cam, vàng và xanh dương. Sắc cam khi kết hợp cùng màu vàng tượng trưng cho sự nhiệt huyết, ấm áp, thân thiện; còn xanh dương thể hiện sự vững chãi, an toàn, chuyên nghiệp.
- **Tầm nhìn, sứ mệnh mới: *"Kiến tạo tài chính thịnh vượng"***

- Trải qua 17 năm phát triển (15/11/2007 - 15/11/2024), đây là lần đầu tiên Chứng khoán SHS thực hiện tái định vị thương hiệu với tầm nhìn trở thành Tập đoàn Tài chính Đầu tư hàng đầu với hệ thống quản trị và sản phẩm dịch vụ tiêu chuẩn quốc tế.
- Câu slogan, cũng là Sứ mệnh của SHS được thay đổi từ **"Biến cơ hội thành giá trị"** thành **"Kiến tạo tài chính thịnh vượng"**, đánh dấu sự chuyển mình trong cách thức tiếp cận thị trường và văn hóa doanh nghiệp của SHS. Slogan mới thể hiện cam kết mạnh mẽ của SHS trong việc giữ vững hình ảnh của một đối tác tin cậy, luôn song hành cùng khách hàng vượt qua những khó khăn của thị trường, tạo dựng những giá trị bền vững, coi lợi ích tài chính và cuộc sống thịnh vượng của khách hàng là nhiệm vụ tối thượng.

Nhận diện thương hiệu mới của SHS không chỉ là hình ảnh, diện mạo, mà còn là biểu tượng cho cam kết sâu sắc về sự phát triển bền vững, đồng hành cùng khách hàng trên từng bước đi.

10.11. Chính sách nghiên cứu và phát triển

Hoạt động nghiên cứu và phát triển của Công ty tập trung việc phát triển các sản phẩm mới phục vụ khách hàng trong môi giới, tư vấn tài chính doanh nghiệp và chất lượng hệ thống công nghệ thông tin. Cụ thể:

- Hoạt động môi giới, năm 2024, SHS đã triển khai các hoạt động phát triển sản phẩm mới.
- Hoạt động tư vấn tài chính: SHS chuyển dịch cơ cấu theo hướng chuyên sâu tập trung vào hoạt động tư vấn và bảo lãnh, đại lý phát hành trái phiếu và đạt được kết quả đáng khích lệ.
- Hệ thống công nghệ thông tin: theo xu hướng của thị trường chứng khoán, HĐQT Công ty đã phê duyệt dự án nâng cấp phần mềm lõi giao dịch chứng khoán cơ sở và phái sinh giúp khách hàng gia tăng giá trị tài sản ròng bền vững qua việc nâng cao khả năng quản lý danh mục, phân bổ tỷ trọng.

Trong thời gian tới, SHS sẽ tiếp tục tập trung nâng cao, phát triển đội ngũ môi giới theo chiều sâu, tăng cường năng lực phục vụ của mỗi môi giới; nâng cao chất lượng tư vấn, khả năng cập nhật thông tin và phát hiện cơ hội đầu tư cho nhà đầu tư nhằm tạo điểm khác biệt của SHS so với các đơn vị cùng ngành.

10.12. Chiến lược kinh doanh

ĐỊNH HƯỚNG, MỤC TIÊU CỦA SHS TRONG DÀI HẠN

Trong giai đoạn từ nay đến năm 2030, Hội đồng quản trị SHS định hướng lấy SHS làm Lá cờ đầu, sớm xây dựng một Tập đoàn Tài chính Đầu tư hàng đầu Việt Nam mà trong đó SHS là Trung tâm cốt lõi.

Tập đoàn Tài chính sẽ bao gồm SHS và những công ty thành viên hoàn toàn mới của thị trường tài chính. Với sự hỗ trợ của những công ty thành viên chuyên biệt khác, SHS sẽ có nhiều động lực cất cánh trong lĩnh vực chứng khoán. Trong thời gian từ một đến hai năm tới, SHS sẽ có kế hoạch cụ thể trình Đại hội đồng Cổ đông thông qua.

- **Tầm nhìn** ➤ Trở thành Tập đoàn Tài chính Đầu tư hàng đầu với hệ thống quản trị và sản phẩm dịch vụ tiêu chuẩn quốc tế.
- **Sứ mệnh** ➤ Kiến tạo tài chính thịnh vượng: SHS luôn song hành cùng khách hàng, tạo dựng những giá trị bền vững, coi lợi ích tài chính và cuộc sống thịnh vượng của khách hàng là nhiệm vụ tối thượng.

Chiến lược phát triển chung: SHS phát triển đồng đều tất cả các mảng hoạt động của một công ty chứng khoán đa năng, với sản phẩm dịch vụ tốt nhất theo tiêu chuẩn hàng đầu thế giới, không ngừng nâng cấp quy trình nghiệp vụ, nền tảng công nghệ thông tin nhằm hướng tới một tổ chức ngày càng chuyên nghiệp, bài bản, tập trung phục vụ khách hàng một cách hiệu quả và bám sát biến động thị trường.

- **Môi giới** ➤ Đạt thị phần trong Top 10 CTCK có thị phần môi giới lớn nhất trên cả hai sàn HOSE và HNX, đẩy mạnh phát triển hoạt động môi giới cả bề rộng về quy mô và chiều sâu về chất lượng, nâng cao chất lượng hoạt động tư vấn đầu tư, giữ được sự ổn định nguồn tài chính phục vụ nhu cầu nhà đầu tư.
➤ Triển khai hoạt động kinh doanh chứng khoán phái sinh theo quy định của pháp luật, gia tăng hiệu quả sử dụng vốn cho Nhà đầu tư và Cổ đông
- **Tư vấn tài chính** ➤ SHS hướng tới việc cung cấp các dịch vụ ngân hàng đầu tư với chất lượng hàng đầu và giá trị gia tăng cao như: thu xếp vốn, bảo lãnh phát hành, M&A, tái cấu trúc doanh nghiệp. Qua đó, định vị SHS là một trong những nhà tư vấn tài chính và thu xếp vốn hàng đầu trên thị trường tài chính Việt Nam.
- **Đầu tư** ➤ Tiếp tục duy trì danh mục đầu tư theo hướng gia tăng tỷ trọng đầu tư dài hạn vào các doanh nghiệp có hoạt động kinh doanh tốt, có nền tảng vững chắc, có thể tham gia đồng hành, hỗ trợ doanh nghiệp phát triển bền vững. Danh mục ngắn hạn được đầu tư theo xu hướng thị trường chung và tập trung quản lý rủi ro.
- **Nguồn vốn** ➤ SHS đã thực hiện tăng quy mô vốn chủ sở hữu của Công ty, làm cơ sở cho việc đa dạng hóa các kênh hợp tác, kinh doanh nguồn vốn, với mục tiêu phân tán rủi ro trên cơ sở tự chủ tài chính
- **Quản trị Công ty** ➤ Hoàn thiện mô hình quản trị doanh nghiệp theo định hướng chiến lược của Công ty, tuân thủ quy định pháp luật hiện hành và các thông lệ quản trị hiện đại

10.13. Trường hợp Tổ chức phát hành hoạt động trong lĩnh vực ngành nghề kinh doanh có điều kiện, nêu thông tin về việc đáp ứng các điều kiện kinh doanh theo quy định pháp luật liên quan

SHS được cấp giấy phép hoạt động kinh doanh chứng khoán số 66/UBCK-GP do UBCKNN cấp ngày 15/11/2007 và các Giấy phép điều chỉnh với các ngành nghề kinh doanh chính: Môi giới Chứng khoán, Tự doanh Chứng khoán, Bảo lãnh phát hành Chứng khoán, Tư vấn Đầu tư Chứng khoán, Lưu ký và các nghiệp vụ kinh doanh chứng khoán được cấp phép. Từ khi thành lập đến nay, SHS luôn duy trì và tuân thủ các điều kiện theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán và các văn bản hướng dẫn thi hành liên quan.

11. Chính sách đối với người lao động

11.1. Số lượng người lao động trong Công ty

Tổng số nhân viên Công ty tại thời điểm 31/12/2024 là 312 người.

Bảng 12: Cơ cấu lao động tại SHS

(Đơn vị: người)

Mục	31/12/2022	31/12/2023	31/12/2024
1. Cơ cấu theo vùng miền	253	262	312
Miền Bắc	196	200	247
Miền Nam	40	43	20
Miền Trung	17	19	45
2. Cơ cấu theo giới tính	253	262	312
Nam	122	131	160
Nữ	131	131	152
3. Cơ cấu theo trình độ	253	262	312
Trên đại học	60	63	81
Đại học	175	184	215
Cao đẳng, Trung cấp, khác	18	15	16
Tổng cộng	253	262	312

Nguồn: SHS

11.2. Chính sách đào tạo, lương thưởng, trợ cấp

SHS hiểu rằng với một Công ty cung cấp dịch vụ như SHS thì người lao động chính là tài nguyên, là nội lực to lớn, quyết định của quá trình phát triển Doanh nghiệp. Do đó, SHS rất

chú trọng đầu tư vào nhân tố con người từ khâu tuyển dụng cho đến khâu quản lý, bồi dưỡng, đào tạo.

11.2.1 Chính sách đào tạo

SHS đặc biệt coi trọng vấn đề đào tạo vì cán bộ, nhân viên của Công ty được coi là tài sản quý giá nhất của Công ty. Công ty chỉ có thể phát triển bền vững nếu cán bộ, nhân viên được chăm lo và bồi dưỡng thường xuyên. Ngoài ra, việc giáo dục, đào tạo tại Công ty được định hướng theo hướng thiết thực và để phát triển đội ngũ nhân sự kế cận, tạo sự chủ động về vấn đề nhân sự cho Công ty. Do đó, trong năm 2023 và 2024, Công ty tập trung vào đào tạo nội bộ thông qua công việc. Ngoài ra, Công ty đã cử cán bộ, nhân viên tham gia các khóa đào tạo về chứng chỉ chứng khoán do Trung tâm Nghiên cứu khoa học và Đào tạo chứng khoán (SRTC) tổ chức nhằm giúp nâng cao trình độ chuyên môn và chất lượng phục vụ khách hàng.

Bảng 13: Các khóa học đào tạo

Tên khóa học	Số người tham dự	Đơn vị tổ chức
Những vấn đề Cơ bản về chứng khoán và TTCK	24	SRTC
Pháp luật về Chứng khoán và TTCK	22	SRTC
Phân tích và đầu tư chứng khoán	30	SRTC
Môi giới và Tư vấn đầu tư chứng khoán	19	SRTC
Phân tích báo cáo tài chính doanh nghiệp	14	SRTC
Tư vấn tài chính và bảo lãnh phát hành	3	SRTC
Chứng khoán phái sinh&TTCKPS	49	SRTC
Sử dụng BTS, Hệ thống E-BTS, Hệ thống Repos Kho bạc Nhà Nước, Infobond và hệ thống chỉ báo trái phiếu Chính phủ	1	HNX
Sử dụng hệ thống giao dịch TPDNRL	1	HNX
Kỹ năng nhận biết tài liệu thật giả (2 khóa)	72	Thuê giảng viên ngoài
Đào tạo hệ thống KRX	>100	Đào tạo nội bộ
Đào tạo sản phẩm dịch vụ	90	Đào tạo nội bộ
Đào tạo về cơ chế khoán lương mới cho TVĐT	95	Đào tạo nội bộ
Đào tạo về chuỗi giá trị	7	Đào tạo nội bộ
Đào tạo hội nhập tháng 9.2024	20	Đào tạo nội bộ

Tên khóa học	Số người tham dự	Đơn vị tổ chức
Đào tạo tiêu chí đánh giá khách hàng mới	89	Đào tạo nội bộ
Đầu tư chuyên nghiệp số 01	32	Đào tạo nội bộ
Chính sách sản phẩm cho KH mới, Khách hàng Reactive, giới thiệu bằng giá và GD phái sinh mới	85	Đào tạo nội bộ

Công ty luôn đảm bảo sự công bằng trong môi trường làm việc cũng như cơ hội phát triển cho lao động nữ của Công ty. Tỷ lệ nữ giới trong Công ty là 50%. Chế độ lương, thưởng dành cho nữ giới của Công ty không có sự phân biệt nào so với lao động nam. Nữ giới luôn được khuyến khích đưa ý kiến và tham gia vào các vị trí quản lý của Công ty. Ngoài ra, Công ty luôn tuân thủ các quy định của pháp luật về chính sách dành cho nữ giới như thời giờ làm việc, thời giờ nghỉ ngơi khi mang thai, sinh con...

Cán bộ, nhân viên được tự do lập hội, nhóm để trao đổi kiến thức, kinh nghiệm, nâng cao chất lượng tinh thần, sức khỏe và trình độ chuyên môn.

Công ty thực hiện chế độ lao động theo Luật Lao động và các quy định pháp luật hiện hành Thỏa ước lao động tập thể được 100% CBNV của Công ty thông qua và được đăng ký với Sở Lao động và Thương binh Xã hội. Toàn thể người lao động trong Công ty được hưởng lợi ích từ Thỏa ước lao động tập thể. Đời sống của cán bộ, nhân viên được chăm lo thông qua tổ chức công đoàn của Công ty và quỹ khen thưởng, phúc lợi. Bất kỳ sự xung đột lợi ích nào giữa Công ty và cán bộ, nhân viên (nếu có) đều được tổ chức Công đoàn đứng ra giải quyết nhằm đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của người lao động.

11.2.2 Chính sách lương, thưởng

Quy chế lương, thưởng của Công ty được ban hành dựa trên nguyên tắc thỏa thuận đảm bảo sự cạnh tranh, minh bạch, khuyến khích người lao động gắn bó lâu dài với Công ty và tạo động lực nâng cao chất lượng và tinh thần trách nhiệm trong công việc.

Thu nhập của người lao động tại SHS là thu nhập thuần hàng tháng. Cán bộ, nhân viên của Công ty được trả lương 2 lần/tháng trong đó lần 1 là tạm ứng lương 30%, lần 2 là trả 70% lương còn lại. Công ty trích, nộp các khoản KPCĐ, BHXH, BHYT, BIITN, thuế TNCN cho 100% người lao động trước khi chi trả thu nhập cho người lao động theo đúng quy định của pháp luật và Công ty.

Cơ cấu thu nhập của Người lao động bao gồm lương cơ bản trả hàng tháng, lương theo kết quả kinh doanh trả hàng tháng, thưởng theo kết quả kinh doanh, lương làm thêm giờ, tiền ăn ca và các khoản thu nhập khác... Riêng đối với Khối môi giới và các phòng ban, cá nhân hỗ trợ, Công ty có chính sách chia sẻ phí môi giới với các Môi giới và lương theo Doanh thu môi giới cho Bộ phận hỗ trợ. Lương, thưởng bình quân đầu người/tháng năm sau luôn cao hơn năm trước.

11.2.3 Chính sách trợ cấp

Ngoài tiền lương, tiền thưởng, người lao động còn được hưởng các khoản phụ cấp, trợ cấp khác tùy thuộc theo đặc thù công việc, vị trí công tác và kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty (như phụ cấp điện thoại, xăng xe, ăn ca, công tác phí, sinh nhật cá nhân, sinh nhật công ty

15/11, ngày 8/3, ngày 20/10, trợ cấp đối với cán bộ, nhân viên đã từng tham gia quân ngũ ...).

Lao động nữ được nghỉ đủ 6 tháng khi sinh con và được giảm 1 giờ làm khi mang thai từ tháng thứ 7 trở đi và sau khi sinh con trong vòng 1 năm. Lao động nam được nghỉ từ 5-14 ngày khi vợ sinh con. Công ty giải quyết chế độ thai sản cho-lao động nữ, thực hiện đầy đủ các chế độ khác như nghỉ ốm, nghỉ dưỡng thai, dưỡng sức, nghỉ phép.... đảm bảo tối đa quyền lợi cho người lao động và không có phát sinh khiếu nại nào về việc thực hiện chính sách cho NLD.

Công ty không chỉ quan tâm trực tiếp đến NLD mà còn quan tâm đến thân nhân, gia đình của NLD. Hàng năm, Công ty đều tổ chức khen thưởng các cháu có thành tích học tập tốt trong năm; tổ chức tặng quà các cháu nhân ngày Tết Thiếu nhi, Rằm Trung thu; hỗ trợ những gia đình có người thân đau ốm, gia đình có việc hiếu, hỉ...; tổ chức Chương trình du lịch, hợp tác trao đổi kinh nghiệm, teambuilding...để nâng cao đời sống tinh thần của CBNV cũng như kết nối CBNV các vùng miền.

Công ty tiếp tục mua bảo hiểm sức khỏe cho toàn thể Người lao động trong Công ty, cung cấp chương trình khám sức khỏe định kỳ hàng năm cho cán bộ, nhân viên tại các Đơn vị chăm sóc sức khỏe, y tế chất lượng cao tại Hà Nội, TPHCM và Đà Nẵng song song với mua bảo hiểm tài sản của toàn Công ty.

Việc duy trì và tăng các chế độ phúc lợi, bảo hiểm cho Người lao động hàng năm đã thể hiện sự quan tâm sâu sắc của Công ty đối với Người lao động nhằm nâng cao chất lượng cuộc sống, an tâm về tài chính trước những rủi ro không mong muốn cũng như gia tăng tài chính khi nghỉ hưu của Người lao động.

11.3. *Phát hành cổ phiếu cho Người lao động*

Thực hiện năm 2021

- **Đối tượng phân phối cổ phiếu ESOP:** Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Tổng giám đốc và cán bộ nhân viên (CBNV) Công ty đáp ứng theo các nhóm tiêu chí phân phối.
- **Tiêu chí phân phối:** Việc phân phối cổ phiếu cho các đối tượng trên được đánh giá qua 04 nhóm tiêu chí và mỗi nhóm tiêu chí có 01 hệ số như sau:
 - *Vị trí chức danh (hệ số 0.3):* vị trí chức danh của cá nhân tại SHS được cấp có thẩm quyền ra quyết định bổ nhiệm/giao nhiệm vụ/tuyển dụng tính đến thời điểm 22/06/2021.
 - *Thâm niên làm việc tại SHS (hệ số 0.2):* thời gian thực tế CBNV làm việc tại SHS tính đến ngày 22/06/2021 hoặc thời gian được SHS ghi nhận về mặt thâm niên làm việc khi ký HĐLĐ/tuyển dụng.
 - *Kết quả thực hiện công việc (hệ số 0.2):* là kết quả đánh giá thực hiện công việc của CBNV theo quy định quản trị thành tích của SHS; được soát xét trong kỳ đánh giá gần nhất.
 - *Hệ số thu hút (0.3):* là hệ số được đánh giá bởi lãnh đạo công ty đối với từng chức danh phụ thuộc vào: yêu cầu chuyên môn của công việc và sự khác biệt của vị trí tại SHS.

12. *Chính sách cổ tức*

Công ty thực hiện chi trả cổ tức theo các quy định của Luật Doanh nghiệp, các văn bản pháp lý liên quan, các quy định về chi trả cổ tức trong Điều lệ Công ty.

Kết thúc niên độ tài chính, HĐQT có trách nhiệm xây dựng Phương án phân phối lợi nhuận và

trích lập các quỹ để trình Đại hội đồng Cổ đông phê duyệt. Phương án này được xây dựng trên cơ sở:

- Lợi nhuận sau thuế mà Công ty thu được từ hoạt động kinh doanh trong năm tài chính liền trước đó sau khi đã thực hiện các nghĩa vụ nộp thuế, các nghĩa vụ tài chính khác, trích lập các quỹ theo quy định của pháp luật hiện hành và Điều lệ của Công ty.
- Bên cạnh đó, Công ty cũng xét tới kế hoạch và định hướng kinh doanh, chiến lược đầu tư mở rộng hoạt động kinh doanh trong năm tiếp theo để đưa ra mức cổ tức dự kiến hợp lý.
- Việc chi trả cổ tức bằng tiền hoặc cổ phiếu được căn cứ tình hình thực tế và không ảnh hưởng đến khả năng thanh toán công nợ.
- Tình hình trả cổ tức của Công ty trong những năm gần đây:

Bảng 14: Tình hình chi trả cổ tức của SHS giai đoạn năm 2021 - 2024

Năm	Phương thức chia cổ tức
Năm 2021	Cổ tức bằng cổ phiếu, tỷ lệ 18%
Năm 2022	Không có
Năm 2023	Cổ tức bằng cổ phiếu, tỷ lệ 5% (dự kiến thời gian chi trả trong năm 2025)
Năm 2024	Tỷ lệ cổ tức dự kiến được thông qua tại ĐHĐCĐ thường niên năm 2025 và dự kiến thực hiện trong năm 2025

Nguồn: SHS

13. Thông tin về tình hình sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán gần nhất

- Theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông bất thường năm 2022 số 01-2022/NQ-ĐHĐCĐ ngày 28/01/2022 và Quyết định số 02-2022/QĐ-HĐQT ngày 28/01/2022 của Hội đồng quản trị về việc triển khai phương án phát hành cổ phiếu để tăng vốn điều lệ của CTCP Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội, số tiền huy động thành công từ đợt phát hành được sử dụng như sau:

Mục đích sử dụng vốn	Tỷ lệ/ Tổng số tiền thu được từ đợt chào bán	Số tiền theo phương án sử dụng vốn (đồng)
- Bổ sung nguồn vốn cho hoạt động cho vay giao dịch ký quỹ chứng khoán	60%	2.341.908.194.400
- Bổ sung nguồn vốn cho hoạt động đầu tư kinh doanh cổ phiếu, trái phiếu, giấy tờ có giá trên thị trường	40%	1.561.272.129.600
Tổng cộng		3.903.180.324.000

- Căn cứ báo cáo tình hình sử dụng vốn thu được từ đợt phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ từ 3.252.650.270.000 đồng lên 6.505.300.540.000 đồng đã được kiểm toán, đến thời điểm 04/07/2022, Công ty đã sử dụng số tiền thu được từ đợt phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ từ 3.252.650.270.000 đồng lên 6.505.300.540.000 đồng để phục vụ cho hoạt động kinh doanh theo đúng phương án sử dụng vốn đã công bố thông tin, cụ thể như sau:

Mục đích sử dụng vốn	Tỷ lệ/ Tổng số tiền thu được từ đợt chào bán	Số tiền theo phương án sử dụng vốn (đồng)
- Bổ sung nguồn vốn cho hoạt động cho vay giao dịch ký quỹ chứng khoán	60%	2.341.908.194.400
- Bổ sung nguồn vốn cho hoạt động đầu tư kinh doanh cổ phiếu, trái phiếu, giấy tờ có giá trên thị trường	40%	1.561.272.129.600
Tổng cộng		3.903.180.324.000

14. Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của Tổ chức phát hành
Không có.
15. Các thông tin, nghĩa vụ nợ tiềm ẩn, tranh chấp kiện tụng liên quan tới Tổ chức phát hành có thể ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh, tình hình tài chính của Tổ chức phát hành, đợt chào bán, giá cổ phiếu chào bán, dự án sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán
Không có.
16. Thông tin về cam kết của Tổ chức phát hành không thuộc trường hợp đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc đã bị kết án về một trong các tội xâm phạm trật tự quản lý kinh tế mà chưa được xóa án tích
SHS cam kết không thuộc trường hợp đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc đã bị kết án về một trong các tội xâm phạm trật tự quản lý kinh tế mà chưa được xóa án tích.

IV. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH, TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH VÀ DỰ KIẾN KẾ HOẠCH

1. Kết quả hoạt động kinh doanh

- 1.1. Tóm tắt một số chỉ tiêu về hoạt động kinh doanh của Tổ chức phát hành trong 02 năm gần nhất và lũy kế đến Quý gần nhất

[Phần còn lại bỏ trống là do cố ý]

Bảng 15: Tóm tắt một số chỉ tiêu hoạt động kinh doanh

Đơn vị: triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2023	Năm 2024	% tăng/ giảm
Tổng giá trị tài sản	11.457.207,54	14.027.689,76	22,44%
Doanh thu hoạt động	1.460.069,44	1.991.305,55	36,38%
Chi phí hoạt động	606.441,08	566.042,77	-6,66%
Doanh thu hoạt động tài chính	4.715,31	3.600,86	-23,63%
Chi phí tài chính	58.742,47	63.188,30	7,57%
Chi phí quản lý	115.526,40	129.127,04	11,77%
Kết quả hoạt động	684.074,80	1.236.548,29	80,76%
Thu nhập khác và chi phí khác	98,70	2.742,46	2678,67%
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	684.173,50	1.239.290,75	81,14%
Lợi nhuận sau thuế TNDN	559.293,40	1.015.614,43	81,59%
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	79,15%	-	-
Tỷ lệ cổ tức	Dự kiến 5,00%	-(*)	-

Nguồn: BCTC năm 2023, 2024 đã được kiểm toán

(*): Tỷ lệ cổ tức năm 2024: đang được Hội đồng quản trị công ty xây dựng và sẽ trình ĐHĐCĐ thường niên Công ty thông qua dự kiến vào tháng 4/2025.

Trong năm 2024, SHS ghi nhận tổng doanh thu và thu nhập khác đạt 1.997,6 tỷ đồng, đạt 108,3% kế hoạch năm. Lợi nhuận kế toán trước thuế đạt 1.239,3 tỷ đồng, đạt 119,7% kế hoạch và gấp 1,8 lần so với năm 2023. Kết quả kinh doanh của một số hoạt động kinh doanh chính của Công ty như sau:

- ❖ **Hoạt động đầu tư:** ghi nhận doanh thu 1.194,8 tỷ đồng, thực hiện được 128,0% kế hoạch, tăng 31,5% so với năm trước. Năm 2024, Công ty tiếp tục tăng cường quản trị rủi ro, linh hoạt trong việc tái cơ cấu danh mục để kịp thời nắm bắt cơ hội trên thị trường. Công ty tập trung giải ngân vốn đầu tư vào các cổ phiếu có tiềm năng tăng trưởng, tình hình tài chính lành mạnh đồng thời, hiện thực hóa lợi nhuận đối với các chứng khoán đã đạt kỳ vọng. Tại thời điểm cuối năm 2024, danh mục đầu tư của Công ty có giá trị 8.757,0 tỷ đồng. Công ty ưu tiên dành tỷ trọng đầu tư đáng kể cho cổ phiếu thuộc các ngành có sự tăng trưởng tốt, hưởng lợi từ quá trình phục hồi kinh tế trong nước và trên thế giới như: công nghệ, ngân hàng, cảng biển.

- ❖ **Hoạt động dịch vụ tài chính:** ghi nhận doanh thu đạt 497,7 tỷ đồng, giảm 9,1% so với năm 2023. Doanh thu dịch vụ tài chính chiếm 25% tổng doanh thu, đóng góp đáng kể vào tổng doanh thu và lợi nhuận của Công ty. Các chính sách lãi suất được thiết kế linh hoạt, phù hợp với nhu cầu của từng nhóm khách hàng. Chính sách kiểm soát, xử lý thu hồi nợ vay, giải chấp tài sản cũng được cơ cấu phù hợp để bảo đảm an toàn vốn và tuân thủ chặt chẽ chính sách quản trị rủi ro của Công ty. Quy mô cho vay và ứng trước tiền bán tại thời điểm 31/12/2024 đạt 4.186,9 tỷ đồng, tăng 9,2% so với cùng kỳ năm 2023.
- ❖ **Hoạt động môi giới chứng khoán:** tổng doanh thu môi giới và lưu ký chứng khoán cả năm đạt 251,5 tỷ đồng, tăng 5,7% so với năm 2023 và đạt 82,6% kế hoạch. Hoạt động môi giới đang được chú trọng đầu tư, phân bổ nguồn lực nhằm mục tiêu mở rộng thị phần. Trong bối cảnh thị trường môi giới chứng khoán cạnh tranh gay gắt, một mặt Công ty đã duy trì sự ổn định của các sản phẩm dịch vụ hiện có. Mặt khác, SHS xây dựng cơ chế kinh doanh mới, nâng cấp hạ tầng công nghệ, triển khai thêm sản phẩm mới và phát triển nguồn nhân lực để chuẩn bị cho giai đoạn phát triển mới.
- ❖ **Hoạt động tư vấn tài chính và bảo lãnh, đại lý phát hành:** đạt 34,3 tỷ đồng doanh thu, giảm 36,5% so với năm trước. Hoạt động tư vấn tài chính và bảo lãnh, đại lý phát hành chứng khoán chịu sự cạnh tranh gay gắt về giá dịch vụ tư vấn, đại lý phát hành giữa các công ty chứng khoán. Hoạt động IPO trên thị trường chứng khoán Việt Nam giữ gam màu trầm kể từ sau dịch Covid-19. Hoạt động thoái vốn, cổ phần hóa doanh nghiệp Nhà nước còn chậm, nhiều khó khăn, vướng mắc cần được giải quyết trong thời gian tới. Bên cạnh đó, thị trường trái phiếu doanh nghiệp vẫn đang trong giai đoạn phục hồi..

1.2. Những nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của Tổ chức phát hành

1.2.1. Thuận lợi:

- Năm 2024, nền kinh tế toàn cầu giữ vững nhịp tăng trưởng, lạm phát được kiểm soát, chính sách tiền tệ dần chuyển sang nới lỏng. Cùng với đó, nền kinh tế Việt Nam tăng trưởng vượt kế hoạch đề ra. Các chỉ số kinh tế vĩ mô lớn ở trạng thái tích cực, chính sách tài khóa mở rộng, chính sách tiền tệ linh hoạt cùng với đầu tư trực tiếp nước ngoài, thặng dư cán cân thương mại tăng trưởng cao... đã tạo hỗ trợ tốt cho thị trường chứng khoán trong nước.
- Hệ thống văn bản pháp quy hiện hành được ban hành kịp thời, đầy đủ nhằm nâng cao hiệu lực thực thi pháp luật, tăng cường hiệu quả quản lý nhà nước về chứng khoán và TTCK, đảm bảo thị trường hoạt động an toàn, minh bạch, phát triển bền vững, phù hợp với thực tiễn, tiệm cận với thông lệ quốc tế.

1.2.2. Khó khăn

- Mặc dù có tốc độ tăng trưởng kinh tế ấn tượng, thị trường chứng khoán Việt Nam vẫn còn phải chờ đợi để được nâng hạng lên “thị trường mới nổi”. Việc chậm trễ nâng hạng thị trường chứng khoán không chỉ hạn chế khả năng thu hút vốn đầu tư gián tiếp, ảnh hưởng đến tâm lý nhà đầu tư mà còn hạn chế tiềm năng tăng trưởng kinh tế bền vững.
- Xu hướng dịch chuyển dòng vốn đầu tư toàn cầu từ các thị trường cận biên, mới nổi trở về Mỹ là một trong những nguyên nhân dẫn đến khối ngoại bán ròng kỷ lục trên thị trường chứng khoán Việt Nam năm 2024. Ngoài ra, thị trường chứng khoán hiện nay được đánh giá là thiếu các sản phẩm, hàng hóa mới có chất lượng tốt, hấp dẫn nhà đầu tư như: các sản

phẩm chứng khoán phái sinh, phòng ngừa rủi ro, trái phiếu xanh, cổ phiếu mới niêm yết trên thị trường...

- Khung pháp lý của thị trường chứng khoán mặc dù thường xuyên được sửa đổi, bổ sung nhưng chưa hoàn thiện, đồng bộ, còn tạo một số khó khăn cho các thành viên của thị trường. Hệ thống văn bản pháp luật điều chỉnh hoạt động cổ phần hóa, thoái vốn Nhà nước tương đối phức tạp, gây ra nhiều khó khăn, vướng mắc chưa được giải quyết cho bản thân các doanh nghiệp và tổ chức tư vấn.

1.2.3. Thông tin về những biến động lớn có thể ảnh hưởng đến kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty kể từ thời điểm kết thúc năm tài chính gần nhất

Không có

2. Tình hình tài chính

2.1. Các chỉ tiêu cơ bản

2.1.1. Báo cáo về vốn điều lệ, vốn kinh doanh và tình hình sử dụng vốn điều lệ, vốn kinh doanh

CTCP Chứng khoán Sài Gòn – Hà Nội sử dụng, quản lý vốn góp của Cổ đông và vốn kinh doanh theo đúng quy định pháp luật và đúng mục đích sử dụng quy định tại Điều lệ Công ty.

Bảng 16: Báo cáo tình hình sử dụng vốn

Đơn vị: triệu đồng

TT	Chỉ tiêu	31/12/2023	31/12/2024
1	Vốn góp của chủ sở hữu	8.131.567	8.131.567
2	Thặng dư vốn cổ phần	721.753	721.753
3	Chênh lệch đánh giá tài sản theo giá trị hợp lý	(48.729)	(96.689)
4	Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	77.137	77.137
5	Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ	0	0
6	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	1.381.782	2.377.397
6.1	Lợi nhuận sau thuế đã thực hiện	1.089.116	2.014.523
6.2	Lợi nhuận sau thuế chưa thực hiện	292.666	362.874
Tổng cộng		10.263.511	11.211.165

Nguồn: BCTC năm 2023, 2024 đã được kiểm toán

Tình hình Tài sản**Về cơ cấu tài sản**

Tổng tài sản của Công ty tại thời điểm cuối năm 2024 đạt 14.027,7 tỷ đồng, tăng 22,4% so với thời điểm đầu năm. Tài sản ngắn hạn đạt 13.935 tỷ đồng, chiếm 99,3% Tổng tài sản. Tài sản ngắn hạn của Công ty chủ yếu gồm:

Tài sản ngắn hạn của Công ty chủ yếu gồm:

- Các khoản đầu tư ngắn hạn đạt 8.757 tỷ đồng, chiếm 62,4% Tổng tài sản. Các khoản đầu tư ngắn hạn bao gồm: chứng khoán niêm yết và chưa niêm yết: cổ phiếu, trái phiếu Chính phủ, trái phiếu doanh nghiệp... Bên cạnh hoạt động đầu tư cổ phiếu, Công ty cũng lựa chọn đầu tư vào các tài sản có mức sinh lời ổn định và ít rủi ro hơn như trái phiếu của các tổ chức tín dụng, các đối tác lớn và đáng tin cậy.
- Các khoản phải thu ngắn hạn với số tiền 4.455,4 tỷ đồng, chiếm tỷ trọng 31,8% Tổng tài sản. Các khoản phải thu ngắn hạn bao gồm: phải thu từ cho vay các dịch vụ tài chính, trả trước cho người bán, phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi và phải thu khác.
- Tiền và các khoản tương đương tiền của Công ty chiếm 4,9% Tổng tài sản, bao gồm: tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng dưới dạng tài khoản thanh toán, tài khoản tiền gửi dưới 3 tháng, tiền gửi về bán chứng khoán bảo lãnh phát hành, tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán.

Tài sản dài hạn: Tài sản dài hạn của Công ty chủ yếu là tài sản cố định, chi phí xây dựng cơ bản dở dang và các chi phí trả trước dài hạn khác. Các khoản mục này có số dư 62,7 tỷ đồng, duy trì tỷ trọng dưới 1% Tổng tài sản.

Về biến động tài sản

Tổng tài sản năm 2024 của Công ty có sự tăng trưởng so với năm 2023. Biến động của từng nhóm tài sản chủ yếu như sau:

- Các khoản đầu tư ngắn hạn tại thời điểm cuối năm 2024 đạt 8.757 tỷ đồng, tăng 53,83% so với đầu năm. Danh mục đầu tư của Công ty gồm cổ phiếu và chứng chỉ quỹ (niêm yết, Upcom, chưa niêm yết) với tỷ trọng 55,1%, trái phiếu (niêm yết, chưa niêm yết) với tỷ trọng 31% và công cụ thị trường tiền tệ (13,9%). Các cổ phiếu trong danh mục đều là cổ phiếu của các doanh nghiệp cơ bản, có tiềm năng tăng trưởng, tình hình tài chính lành mạnh, hưởng lợi từ quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế, thu hút dòng tiền và được quản trị tốt, minh bạch.
- Các khoản phải thu giảm 7,8%, đạt 4.455,4 tỷ đồng tại thời điểm cuối năm 2024. Các khoản phải thu của Công ty bao gồm: phải thu hoạt động cho vay ký quỹ, cho vay ứng trước tiền bán chứng khoán, phải thu về hợp tác kinh doanh chứng khoán và phải thu về hoạt động giao dịch chứng khoán khác. Số dư cho vay ký quỹ của Công ty tại ngày 31/12/2024 đạt 4.079 tỷ đồng, tăng 11,57% so với năm 2023, do thị trường có sự hồi phục cả về thanh khoản và điểm số. Phải thu các hoạt động khác giảm 68% và được quản trị rủi ro tốt. Công ty không phát sinh các khoản nợ xấu.

Về cơ cấu nguồn vốn

Tổng nguồn vốn của Công ty tại thời điểm cuối năm 2024 đạt 14.027,7 tỷ đồng. Trong đó, vốn chủ sở hữu đạt 11.211,2 tỷ đồng, chiếm 79,9% Tổng nguồn vốn. Nợ phải trả đạt 2.816,5 tỷ đồng, chiếm 20,1% Tổng nguồn vốn.

- Nợ phải trả của Công ty tại ngày 31/12/2024 bao gồm:
 - + Nợ ngắn hạn: đạt 2.725,8 tỷ đồng, chiếm 19,5% Tổng nguồn vốn. Các khoản vay ngân hàng chiếm 78,4% số dư Phải trả ngắn hạn. Còn lại là các khoản phải trả người bán, phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán, phải trả thuế và các khoản phải trả Nhà nước, phải trả cho người lao động, quỹ khen thưởng phúc lợi, phải trả, phải nộp khác...
 - + Nợ dài hạn: có số dư 90,7 tỷ đồng. Nợ dài hạn của Công ty chỉ bao gồm thuế thu nhập hoãn lại phải trả và doanh thu chưa thực hiện..
- Vốn chủ sở hữu bao gồm:
 - + Vốn đầu tư của chủ sở hữu: đạt 8.853,3 tỷ đồng, chiếm 63,1% Tổng nguồn vốn, bao gồm vốn đầu tư của chủ sở hữu và thặng dư vốn cổ phần.
 - + Các quỹ và lợi nhuận chưa phân phối: với số tiền 2.357,9 tỷ đồng, chiếm 16,8% Tổng nguồn vốn, bao gồm quỹ bổ sung vốn điều lệ, quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ, các quỹ khác và lợi nhuận chưa phân phối.

Về biến động nguồn vốn

Tổng nguồn vốn tại ngày 31/12/2024 tăng 22,4% so với thời điểm đầu năm. Cụ thể:

- Nợ phải trả tăng 1.622,8 tỷ đồng chủ yếu do tăng quy mô vay ngân hàng ngắn hạn. Trong đó, nợ phải trả ngắn hạn tăng 1.605,3 tỷ đồng và nợ phải trả dài hạn tăng 17,5 tỷ đồng.
- Nguồn vốn chủ sở hữu của Công ty tăng 947,7 tỷ đồng so với thời điểm cuối năm 2023 chủ yếu do tăng trưởng lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trong năm.

[Phần còn lại bỏ trống là do cố ý]

Tình hình Tài sản

Đơn vị: triệu đồng

Chi tiêu	31/12/2023		31/12/2024		Thay đổi	
	Số tiền (triệu đồng)	Tỷ trọng (%)	Số tiền (triệu đồng)	Tỷ trọng (%)	Số tiền (triệu đồng)	% tăng/ giảm
Tài sản ngắn hạn	11.385.435,03	99,37	13.935.073,12	99,34%	2.549.638,09	22,39%
Tiền và các khoản tương đương tiền (*)	851.889,36	7,44	680.759,31	4,85%	(171.130,05)	-20,09%
Các khoản đầu tư ngắn hạn	5.692.768,94	49,69	8.756.995,78	62,43%	3.064.226,84	53,83%
Các khoản phải thu	4.833.256,27	42,19	4.455.379,28	31,76%	(377.876,98)	-7,82%
Tài sản ngắn hạn khác	7.520,46	0,07	41.938,74	0,30%	34.418,28	457,66%
Tài sản dài hạn	71.772,51	0,63	92.616,65	0,66%	20.844,14	29,04%
Tài sản cố định	20.747,70	0,18	32.551,23	0,23%	11.803,53	56,89%
Tài sản dài hạn khác	51.024,81	0,45	60.065,41	0,43%	9.040,60	17,72%
Tổng cộng Tài sản	11.457.207,54	100,00	14.027.689,76	100,00%	2.570.482,22	22,44%

Nguồn: BCTC năm 2023, 2024 đã được kiểm toán

(*) Chi tiết số dư Tiền và các khoản tương đương tiền

Đơn vị: đồng

TT	Chi tiêu	31/12/2023	30/06/2024	31/12/2024
1	Tiền mặt tại quỹ	40.649.806	151.942.951	-
2	Tiền gửi ngân hàng cho hoạt động Công ty	850.566.043.927	1.637.175.284.758	680.501.235.812
3	Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán	1.282.669.822	10.109.852	258.078.336
4	Các khoản tương đương tiền	-	500.000.000.000	
	Tổng cộng	851.889.363.555	2.137.337.337.561	680.759.314.148

Nguồn: BCTC năm 2023 đã được kiểm toán; BCTC giữa niên độ năm 2024 đã được soát xét; BCTC năm 2024 đã được kiểm toán

Số dư tiền và các khoản tương đương tiền tại thời điểm 30/06/2024 tăng 151% so với thời điểm đầu năm nguyên nhân chủ yếu là do: Nhận định cơ hội của thị trường chứng khoán trong năm 2024, Công ty đã có kế hoạch chuẩn bị gia tăng nguồn vốn cho hoạt động đầu tư và hoạt động cho vay giao dịch ký quỹ (cho vay margin)/ ứng trước tiền bán chứng khoán cho nhà đầu tư trong Quý 2/2024. Tuy nhiên, do diễn biến thị trường chứng khoán trong Quý 2/2024 chưa thuận lợi như kỳ vọng kế hoạch đề ra trước đó, căn cứ tình hình thực tế thị trường tại thời điểm đó và dự báo diễn biến thị trường trong các tháng tiếp theo, Công ty đã chủ động cân đối, tối ưu nguồn vốn đối với số tiền chưa sử dụng: đối với số tiền chưa sử dụng lớn hơn 01 tháng, Công ty đã gửi tiết kiệm với số tiền 500 tỷ đồng và số tiền 1.637 tỷ đồng gửi không kỳ hạn phục vụ cho hoạt động đầu tư và cho vay margin trong các tháng tiếp theo. Tại thời điểm 31/12/2024, số dư tiền và các khoản tương đương tiền của Công ty là 680.759.314.148 đồng, các khoản tiền gửi tiết kiệm và gửi không kỳ hạn đã được công ty sử dụng cho hoạt động đầu tư và cho vay margin.

Tình hình nguồn vốn

Đơn vị: triệu đồng

Chi tiêu	31/12/2023		31/12/2024		Thay đổi	
	Số tiền (triệu đồng)	Tỷ trọng (%)	Số tiền (triệu đồng)	Tỷ trọng (%)	Số tiền (triệu đồng)	% tăng/ giảm
Nợ phải trả	1.193.696,80	10,42	2.816.524,55	20,08%	1.622.827,76	135,95%
Nợ phải trả ngắn hạn	1.120.505,21	9,78	2.725.781,17	19,43%	1.605.275,96	143,26%
Nợ phải trả dài hạn	73.191,58	0,64	90.743,38	0,65%	17.551,80	23,98%
Vốn chủ sở hữu	10.263.510,74	89,58	11.211.165,21	79,92%	947.654,47	9,23%
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	8.853.320,43	77,27	8.853.320,43	63,11%	0,00	0,00%
Các quỹ và lợi nhuận chưa phân phối	1.410.190,31	12,31	2.357.844,78	16,81%	947.654,47	67,20%
Tổng cộng Nguồn vốn	11.457.207,54	100,00	14.027.689,76	100,00%	2.570.482,22	22,44%

Nguồn: BCTC năm 2023, 2024 đã được kiểm toán

2.1.2. Trích khấu hao TSCĐ

Công ty tính khấu hao TSCĐ hữu hình được ghi nhận theo giá gốc và tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản, phù hợp với Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn về chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định. Thời gian cụ thể của các loại tài sản cố định như sau:

- Máy móc, thiết bị	03 - 07 năm
- Phương tiện vận tải	06 năm
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	04 - 05 năm
- Phần mềm giao dịch, phần mềm kế toán	03 - 05 năm

2.1.3. Mức lương bình quân

Bảng 17: Mức thu nhập bình quân 2023 - 2024

Thu nhập bình quân (đồng/người/tháng)	2023	2024
CTCP Chứng khoán Sài Gòn – Hà Nội	28.000.000	28.000.000

(Nguồn: SHS)

2.1.4. Tình hình công nợ

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Chỉ tiêu	31/12/2023	31/12/2024
1	Các khoản phải trả	1.193.697	2.816.525
2	Các khoản phải thu	4.833.256	4.455.379

Nguồn: BCTC năm 2023, 2024 đã được kiểm toán

❖ Các khoản phải trả

Bảng 18: Chi tiết các khoản phải trả của SHS

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Chỉ tiêu	31/12/2023	31/12/2024
I	Nợ ngắn hạn	1.120.505	2.725.781
1	Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	892.000	2.141.000
1.1	Vay ngắn hạn	892.000	2.141.000
2	Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	11.122	125
3	Phải trả người bán ngắn hạn	3.215	298.493
4	Người mua trả tiền trước ngắn hạn	1.771	1.961
5	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	44.250	100.967

TT	Chi tiêu	31/12/2023	31/12/2024
6	Phải trả người lao động	28.669	54.545
7	Các khoản trích nộp phúc lợi nhân viên	1.943	2.594
8	Chi phí phải trả ngắn hạn	24.453	32.755
9	Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	16	16
10	Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	8.126	7.835
11	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	104.942	85.490
II	Nợ dài hạn	73.192	90.743
1	Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	25	25
2	Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	73.167	90.718
	Tổng cộng	1.193.697	2.816.525

Nguồn: BCTC năm 2023, 2024 đã được kiểm toán

❖ **Thanh toán các khoản nợ đến hạn:**

Công ty thực hiện tốt trong việc thanh toán các khoản nợ đến hạn.

Kết quả kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2023 và 2024 của Công ty phản ánh: Công ty đã thanh toán đúng hạn và đầy đủ các khoản nợ, không có nợ quá hạn.

❖ **Các khoản phải thu**

Bảng 19: Chi tiết các khoản phải thu của SHS

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Chi tiêu	31/12/2023	31/12/2024
1	Các khoản cho vay	3.835.139	4.186.916
2	Các khoản phải thu	103.125	275.449
	<i>Phải thu cổ tức, tiền lãi đến ngày nhận</i>	<i>103.125</i>	<i>104.342</i>
3	Trả trước cho người bán	1.751	1.242
4	Phải thu các dịch vụ CTCK cung cấp (**)	1.378.240	498.761
5	Các khoản phải thu khác	45.007	0
6	Dự phòng suy giảm giá trị các khoản phải thu (*)	(530.005)	(506.988)
	Tổng cộng	4.833.256	4.455.379

Nguồn: BCTC năm 2023, 2024 đã được kiểm toán

(*) Tại thời điểm 31/12/2024, theo BCTC năm 2024 đã được kiểm toán, SHS trích lập dự phòng suy giảm giá trị các khoản phải thu với giá trị 506.988 triệu đồng. Đây là các khoản dự phòng phải thu khó đòi của khách hàng và đã được Công ty trích lập dự phòng theo đúng quy định.

(**) Chi tiết Phải thu các dịch vụ CTCK cung cấp

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Chỉ tiêu	31/12/2023	31/12/2024
1	Phải thu hợp đồng hợp tác kinh doanh	435.067	417.768
2	Phải thu lãi các hợp đồng hợp tác kinh doanh	57.241	56.911
3	Phải thu về ứng trước để chi trả hệ cổ tức	10.000	10.000
4	Phải thu hoạt động tư vấn	6.542	5.635
5	Phải thu về hoạt động giao dịch chứng khoán khác	869.391	8.448
Tổng cộng		1.378.240	498.761

Nguồn: SHS

❖ Các khoản phải thu khó đòi:

Bảng 20: Các khoản phải thu khó đòi tại thời điểm 31/12/2024

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Thời gian quá hạn	Dư nợ gốc	Tổng Tài sản đảm bảo	Dự phòng phải thu
1	Từ 06 tháng – 01 năm	2.333,2	1.043,3	1.289,9
2	Từ 01 năm – 03 năm	99.535,2	38.122,4	70.144,2
3	Từ 03 năm – 10 năm	40.151,4	2.795,1	37.356,3
4	Trên 10 năm	475.806,5	113.372,1	398.198,0
Tổng cộng		617.826,3	155.332,9	506.988,4

Nguồn: SHS

- **Nguyên nhân:** Các khoản phải thu khó đòi chủ yếu là khó đòi phải thu hợp đồng giao dịch ký quỹ (margin) (do biến động thị trường sụt giảm dẫn đến không tất toán được các khoản đầu tư) và Phải thu gốc và lãi các hợp đồng hợp tác kinh doanh chứng khoán (tồn tại từ năm 2012 trở về trước).
- **Khả năng thu hồi:** Hầu hết các khoản phải thu quá hạn trên đã được Công ty trích lập dự phòng 100% theo đúng quy định. Công ty sẽ tiếp tục thực hiện theo dõi các khoản phải thu quá hạn này và tích cực đối chiếu công nợ, làm việc tiếp đối với các cá nhân/tổ chức liên quan khi thấy có khả năng thu hồi.

Bảng 21: Chi tiết Dự phòng phải thu khó đòi cho kỳ kế toán từ 01/01/2024 đến 31/12/2024 của SHS

Đơn vị tính: đồng

Stt	Chi tiêu	Giá trị phải thu khó đòi	01/01/2024	Số trích lập	Số hoàn nhập	Số xóa nợ	31/12/2024
1	Dự phòng phải thu hợp đồng giao dịch ký quỹ (margin)	129.938.050.038	68.489.223.325	30.537.501.282	(1.140.821.231)	0	97.885.903.376
2	Dự phòng phải thu gốc và lãi các hợp đồng hợp tác kinh doanh chứng khoán	474.678.326.322	403.397.874.966	11.219.159.993	(881.264.310)	(17.299.222.746)	396.436.547.903
3	CTCP Vật tư Nông sản	0	45.006.580.297	0	0	(45.006.580.297)	0
4	Dự phòng Phải thu về ứng trước để chi trả hộ cổ tức	10.000.000.000	10.000.000.000	0	0	0	10.000.000.000
5	Dự phòng phải thu dịch vụ tư vấn	3.209.922.315	3.111.711.158	429.284.463	(875.000.000)	0	2.665.995.621
Tổng cộng		617.826.298.675	530.005.389.746	42.185.945.738	(2.897.085.541)	(62.305.803.043)	506.988.446.900

Nguồn: SHS, BCTC năm 2024 đã được kiểm toán

Thông tin chi tiết về việc xóa nợ trong kỳ:

Ngày 12/06/2024, theo Quyết định số 34A-2024/QĐ-HĐQT của Hội đồng quản trị Công ty về việc xử lý các khoản nợ phải thu của Công ty, Công ty quyết định xóa số công nợ phải thu số tiền 62.305.803.043 đồng, bao gồm:

- (i) số tiền 17.299.746 đồng là khoản phải thu liên quan đến Hợp đồng hợp tác kinh doanh giữa Công ty và CTCP Vật tư Nông sản, và
- (ii) số tiền 45.006.580.297 đồng là khoản tiền mà Công ty phải nộp thi hành án theo Quyết định của Bản án xét xử phúc thẩm số 36/2017/KDTM-PT ngày 16/05/2017 của Tòa án nhân dân Thành phố Hà Nội.

2.1.5. Tổng dư nợ vay

+ Nợ ngắn hạn, nợ dài hạn;

Bảng 22: Chi tiết số dư các khoản vay của SHS

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Chỉ tiêu	31/12/2023	31/12/2024
1	Vay và nợ ngắn hạn ⁽¹⁾	892.000	2.141.000
	Vay ngân hàng	892.000	2.141.000
	Tổng cộng	892.000	2.141.000

Nguồn: BCTC năm 2023, 2024 đã được kiểm toán

(1) Chi tiết các khoản vay ngắn hạn.

TT	Chỉ tiêu	31/12/2023	31/12/2024
1	Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng	500.000	500.000
2	Ngân hàng TMCP Bắc Á	392.000	196.000
3	Ngân hàng TNHH Indovina	0	300.000
4	Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	0	245.000
5	Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh	0	250.000
6	Ngân hàng TMCP Sài Gòn – Hà Nội	0	400.000
7	Các ngân hàng khác	0	250.000
	Tổng cộng	892.000	2.141.000

Tại thời điểm 31/12/2024, Công ty có các khoản vay ngắn hạn theo khế ước có thời hạn từ 03 tháng đến 06 tháng để đầu tư, kinh doanh trái phiếu chính phủ... với lãi suất được quy định cụ thể trên từng giấy nhận nợ. Hình thức đảm bảo là tín chấp hoặc bảo đảm bằng các tài sản theo các biện pháp bảo đảm theo Hợp đồng bảo đảm, các phụ lục, hợp đồng sửa đổi, bổ sung Hợp đồng bảo đảm này và các chứng từ khác có liên quan.

2.1.6. Các khoản phải nộp theo luật định

Công ty luôn tuân thủ và thực hiện đúng các quy định của pháp luật.

Về nghĩa vụ tài chính với Nhà nước, Công ty không có khoản thuế và các khoản phải nộp Nhà nước nào quá hạn.

Bảng 23: Chi tiết các khoản Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

Đơn vị: Triệu đồng

Stt	Chi tiêu	31/12/2023	31/12/2024
1	Thuế GTGT	1.425	240
2	Thuế thu nhập doanh nghiệp	22.833	88.739
3	Thuế thu nhập cá nhân	19.992	11.953
4	Các loại thuế khác	0	36
Tổng cộng		44.250	100.967

Nguồn: BCTC năm 2023, 2024 đã được kiểm toán

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

2.1.7. Trích lập các quỹ theo luật định

Công ty thực hiện trích lập các quỹ đúng theo Điều lệ và quy định pháp luật. Cụ thể như sau:

Bảng 24: Chi tiết các quỹ thời điểm 31/12/2023 và 31/12/2024

Đơn vị: Triệu đồng

Stt	Chi tiêu	31/12/2023	31/12/2024
1	Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ (*)	77.137	77.137
2	Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ	0	0
3	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	104.942	85.490
Tổng cộng		182.079	162.626

Nguồn: BCTC năm 2023, 2024 đã được kiểm toán

(*) ĐHĐCĐ thường niên năm 2024 đã thông qua phương án phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu, nguồn vốn sử dụng từ nguồn Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ và Thặng dư vốn cổ phần lũy kế đến 31/12/2023, căn cứ trên BCTC năm 2023 đã được kiểm toán và đảm bảo tuân thủ các quy định của pháp luật.

Công ty ưu tiên dùng nguồn Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ trước để xử lý hết Quỹ theo quy định tại Thông tư 114/2021/TT-BTC ngày 17/12/2021.

2.1.8. Những biến động lớn có thể ảnh hưởng tới tình hình tài chính của Tổ chức phát hành kể từ thời điểm kết thúc năm tài chính gần nhất

Không có.

2.2. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Bảng 25: Các chỉ tiêu tài chính

Các chỉ tiêu	Dvt	Năm 2023	Năm 2024
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán:			
Hệ số thanh toán ngắn hạn: (TSNH/Nợ ngắn hạn)	lần	10,16	5,11
Hệ số thanh toán nhanh: (TSNH- Hàng tồn kho)/ Nợ ngắn hạn	lần	9,54	4,95
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn:			
Hệ số Nợ/Tổng tài sản	lần	0,10	0,20
Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	lần	0,12	0,25
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
Vòng quay tổng tài sản: (Doanh thu thuần/Tổng tài sản bình quân)	%	13,06	15,63
Vòng quay vốn lưu động: Doanh thu thuần/Tổng tài sản ngắn hạn bình quân	%	13,14	15,73
Vòng quay hàng tồn kho: Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho bình quân	Vòng	2.325	3.566
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
Tỷ suất lợi nhuận trên doanh thu (ROS): (Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần)	%	38,31	51,00
Hệ số lợi nhuận sau thuế trên vốn kinh doanh (ROA): (Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản bình quân)	%	5,00	7,97

Các chỉ tiêu	Đvt	Năm 2023	Năm 2024
Hệ số lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu (ROE): (Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu bình quân)	%	5,68	9,46
Thu nhập trên cổ phần (EPS)	Đồng/cổ phần	688	1.249

(Nguồn: Tính toán từ BCTC năm 2023, 2024 đã được kiểm toán)

- Các hệ số thanh toán của SHS thời điểm cuối năm 2024 giảm so với năm 2023 nhưng vẫn cao hơn mức bình quân của ngành. Hệ số thanh toán hiện hành đạt 5,1 lần. Hệ số thanh toán nhanh ở mức 0,25 lần. Các chỉ số này cho thấy khả năng thanh toán nợ ngắn hạn của SHS vẫn bảo đảm.
 - Các chỉ tiêu về cơ cấu vốn như hệ số Nợ/Tổng tài sản, hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu năm 2024 tăng do Công ty tăng cường vay nợ ngắn hạn để phục vụ cho hoạt động kinh doanh. Hệ số nợ ở mức thấp và SHS ghi nhận lợi nhuận tăng trưởng tốt cho thấy Công ty đang sử dụng hiệu quả các nguồn vốn.
 - Các chỉ tiêu về năng lực hoạt động và khả năng sinh lời của Công ty như: ROE, ROA, vòng quay các khoản phải thu, vòng quay vốn lưu động, vòng quay tổng tài sản... năm 2024 đều có sự cải thiện so với năm 2023 cho thấy xu hướng hoạt động hiệu quả, sinh lời tốt hơn.
3. **Ý kiến của Tổ chức kiểm toán độc lập đối với Báo cáo tài chính của Tổ chức phát hành**
Tổ chức kiểm toán độc lập: Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC

3.1. Ý kiến kiểm toán đối với Báo cáo tài chính năm 2023

Ý kiến của Kiểm toán viên

“Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn – Hà Nội tại ngày 31/12/2023, cũng như kết quả hoạt động, tình hình lưu chuyển tiền tệ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán Việt Nam áp dụng đối với Công ty chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính”.

3.2. Ý kiến kiểm toán đối với Báo cáo tài chính năm 2024 đã được kiểm toán

Kết luận của Kiểm toán viên

“Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn – Hà Nội tại ngày 31/12/2024, cũng như kết quả hoạt động, tình hình lưu chuyển tiền tệ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán Việt Nam áp dụng đối với Công ty chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính”.

4. Kế hoạch doanh thu, lợi nhuận và cổ tức

Trên cơ sở nhận định tổng quan về tình hình thế giới và Việt Nam trong năm 2025, Công ty tập trung vào phân tích điểm mạnh, điểm yếu của SHS cũng như cơ hội và thách thức đối với Công ty làm cơ sở cho việc lập kế hoạch hoạt động kinh doanh năm 2025 của SHS.

Năm 2025 sẽ đánh dấu một năm mở ra nhiều cơ hội mới để SHS khẳng định vị thế và tăng trưởng bền vững.

Bảng 26: Kế hoạch kinh doanh

Đơn vị: Tỷ đồng

Chỉ tiêu	Thực hiện năm 2024	Năm 2025	
		Kế hoạch	% tăng/giảm so với 2024
Vốn điều lệ	8.131,5	17.126,2	110,62
Vốn chủ sở hữu bình quân	11.207,5	15.842,9	41,36
Tổng Doanh thu	1.997,6	2.519,8	26,14
Lợi nhuận kế toán trước thuế	1.239,3	1.600,6	29,15
Lợi nhuận sau thuế	1.015,6	1.280,5	26,08
Tỷ lệ Lợi nhuận sau thuế/ Tổng Doanh thu	50,84	50,82	-0,02
Tỷ lệ Lợi nhuận sau thuế/ Vốn chủ sở hữu bình quân	9,06	8,08	-0,98
Tỷ lệ cổ tức	-	-	-

Tỷ lệ cổ tức năm 2024, Kế hoạch kinh doanh năm 2025 là số liệu SHS đang dự kiến và sẽ trình HĐQT, ĐHĐCĐ thường niên thông qua trong các Phiên họp sắp tới.

Nguồn: SHS

- **Điểm mạnh**
 - Thương hiệu uy tín, vị thế vững chắc: SHS là công ty chứng khoán có thương hiệu mạnh và uy tín trên thị trường, được khách hàng và đối tác tin cậy.
 - Nguồn lực mới, sẵn sàng bứt phá: Đội ngũ lãnh đạo cấp cao được trẻ hóa, năng động, kết hợp cùng hệ thống phần mềm tiên tiến và các sản phẩm giao dịch chứng khoán hiện đại, thường xuyên cập nhật theo xu hướng thị trường.
 - Hậu thuẫn vững chắc từ hệ sinh thái lớn: SHS nhận được sự hỗ trợ mạnh mẽ từ Ngân hàng SHB, Tập đoàn T&T và các định chế tài chính liên kết, đảm bảo nguồn lực tài chính dồi dào, hệ thống khách hàng rộng lớn và định hướng chiến lược rõ ràng.

- Mạng lưới khách hàng và đối tác lớn: SHS sở hữu hệ thống khách hàng đa dạng, bền vững cùng các đối tác chiến lược uy tín, tạo nền tảng quan trọng cho tăng trưởng dài hạn.
 - Đội ngũ nhân sự chất lượng cao: Đội ngũ nhân sự có trình độ chuyên môn cao, giàu kinh nghiệm và gắn bó lâu dài với Công ty, đảm bảo năng lực tư vấn và triển khai dịch vụ hiệu quả.
 - Sản phẩm tài chính đa dạng, linh hoạt: Danh mục sản phẩm và dịch vụ tài chính của SHS phong phú, đáp ứng nhu cầu đa dạng của nhà đầu tư và tối ưu hóa lợi ích khách hàng.
 - Tiềm lực tài chính vững mạnh: SHS nằm trong top 6 công ty chứng khoán có vốn chủ sở hữu lớn nhất, tạo nền tảng quan trọng cho việc mở rộng hoạt động kinh doanh năm 2025 và thực hiện các chiến lược phát triển dài hạn.
-
- Điểm yếu**
- Kết quả hoạt động kinh doanh, tăng trưởng lợi nhuận của Công ty chịu tác động và ảnh hưởng lớn từ các biến động của thị trường chứng khoán.
 - Nguồn vốn kinh doanh dồi dào nhưng lãi suất cho vay chưa thực sự cạnh tranh.
-
- Cơ hội**
- Kinh tế vĩ mô hồi phục: Với sự phục hồi của nền kinh tế vĩ mô, cùng với hoạt động đầu tư công được đẩy mạnh và môi trường lãi suất thấp, tạo ra cơ hội lớn cho hoạt động Môi giới, Tự doanh và Dịch vụ tài chính của Công ty. SHS sẽ tận dụng các yếu tố này để mở rộng thị trường, thu hút thêm nhà đầu tư và củng cố niềm tin vững chắc từ cộng đồng đầu tư.
 - Dòng vốn FDI tiếp tục tăng trưởng mạnh: Việt Nam tiếp tục là điểm đến hấp dẫn của dòng vốn FDI nhờ lợi thế chi phí sản xuất cạnh tranh, các hiệp định thương mại tự do (FTAs) và sự dịch chuyển chuỗi cung ứng toàn cầu. Dòng vốn FDI có thể thúc đẩy tăng trưởng của nhiều doanh nghiệp niêm yết, từ đó tạo cơ hội cho thị trường chứng khoán phát triển.
 - Triển vọng nâng hạng thị trường Việt Nam từ “cận biên” sang “mới nổi”: Hiện tại, Việt Nam đang được 2 tổ chức xếp hạng thị trường MSCI và FTSE Russell xếp vào nhóm thị trường cận biên. Theo kỳ đánh giá gần nhất vào tháng 9/2024, Việt Nam đã đáp ứng được 7/9 tiêu chí để được xem xét nâng hạng của FTSE Russell. Hiện tại, các cơ quan quản lý và thành viên thị trường đang thể hiện sự nỗ lực và quyết tâm với mục tiêu đưa Việt Nam nâng hạng lên thị trường mới nổi trong năm 2025. Theo World Bank, thị trường chứng khoán Việt Nam có thể thu hút dòng vốn ròng 5 tỷ USD nhờ vào việc tái phân bổ danh mục đầu tư của các quỹ thị trường mới nổi toàn cầu vào Việt Nam sau khi được nâng hạng.
 - Hệ thống KRX được kỳ vọng đưa vào vận hành trong năm 2025: Hệ thống KRX là cơ sở hạ tầng cần thiết để triển khai mô hình Đối tác bù trừ trung tâm (CCP), là điều kiện cần thiết để thị trường được nâng hạng. Ngoài ra,

việc triển khai hệ thống KRX có thể tạo cơ chế cho việc triển khai các sản phẩm mới như giao dịch trong ngày (T+0), hợp đồng quyền chọn, bán khống hay mở rộng ra nhiều sản phẩm giao dịch khác, qua đó thu hút thêm dòng tiền các nhà đầu tư và nâng cao thanh khoản trên thị trường.

- Xu hướng số hóa và ứng dụng công nghệ trong tài chính: Việc ứng dụng công nghệ tài chính (Fintech), giao dịch điện tử và trí tuệ nhân tạo (AI) trong lĩnh vực chứng khoán giúp nâng cao trải nghiệm khách hàng, tối ưu quy trình vận hành và mở rộng tập khách hàng, đặc biệt là nhà đầu tư trẻ.
- Chính sách hỗ trợ thị trường chứng khoán từ Chính phủ: Các chính sách mới nhằm thúc đẩy tính minh bạch, bảo vệ nhà đầu tư và cải thiện hệ thống giao dịch sẽ góp phần nâng cao niềm tin và thu hút dòng tiền vào thị trường.

- **Thách thức**

- Kiểm soát chặt chẽ tín dụng vào thị trường chứng khoán: Các quy định về cho vay công ty chứng khoán và nhà đầu tư chứng khoán của Ngân hàng thương mại vẫn duy trì xu hướng thắt chặt, ảnh hưởng tới dòng tiền trên thị trường chứng khoán, trong đó có SHS.
- Áp lực cạnh tranh ngày càng gay gắt: Thị trường chứng khoán chứng kiến sự cạnh tranh khốc liệt, không chỉ giữa các công ty trong nước mà còn từ các công ty chứng khoán có vốn nước ngoài, đặc biệt với chính sách “zero fee”, lãi suất margin ưu đãi và phí dịch vụ môi giới thấp. Điều này tạo áp lực lớn lên các công ty trong nước, buộc SHS phải không ngừng nâng cao chất lượng dịch vụ và tối ưu hóa chi phí để duy trì lợi thế cạnh tranh.
- Cuộc đua nâng cao chất lượng dịch vụ: Không chỉ mở rộng quy mô, các công ty chứng khoán còn tập trung đầu tư chiều sâu vào công nghệ và nhân sự nhằm nâng cao chất lượng dịch vụ tài chính. SHS cần tiếp tục đầu tư mạnh mẽ để giữ vững vị thế, gia tăng thị phần và nâng cao hiệu quả kinh doanh. Tuy nhiên, điều này cũng kéo theo áp lực chi phí vận hành gia tăng trong ngắn hạn.
- Biến động địa chính trị và kinh tế toàn cầu: Bối cảnh thế giới tiếp tục diễn biến khó lường với nhiều yếu tố bất định như căng thẳng địa chính trị tại Trung Đông, cuộc chiến Nga – Ukraine, xu hướng bảo hộ thương mại gia tăng và nguy cơ leo thang sau khi Tổng thống Mỹ Donald Trump nhậm chức vào đầu năm 2025. Bên cạnh đó, thách thức về chính sách tài khóa và nguy cơ khủng hoảng nợ công tại một số quốc gia có thể tác động đến dòng vốn đầu tư toàn cầu.
- Rủi ro từ biến đổi khí hậu và bất ổn kinh tế vĩ mô: Những biến động bất ngờ từ thiên tai, biến đổi khí hậu ngày càng khắc nghiệt có thể ảnh hưởng trực tiếp đến nhiều ngành kinh tế, các doanh nghiệp tham gia thị trường, từ đó tác động đến thị trường chứng khoán Việt Nam và kết quả kinh doanh của SHS.

Căn cứ để đạt kế hoạch doanh thu, lợi nhuận và cổ tức

Để đạt được kế hoạch doanh thu, lợi nhuận và cổ tức đã đề ra, hoạt động kinh doanh của SHS năm 2025 sẽ tập trung ưu tiên theo các thứ tự sau:

- ✓ **Đẩy mạnh phát triển hoạt động môi giới** theo cả bề rộng về quy mô và chiều sâu về chất lượng, nâng cao chất lượng tư vấn đầu tư, giữ được sự ổn định nguồn tài chính phục vụ nhu cầu nhà đầu tư. Mục tiêu là lấy lại thị phần trong Top 5 CTCK có thị phần lớn nhất trên cả hai sàn HNX và HOSE và phấn đấu cho mục tiêu lọt vào Top 3.
- ✓ Trên cơ sở những kết quả đã đạt được đối với mảng hoạt động kinh doanh Fixed Income trong năm 2024, tiếp tục tận dụng các cơ hội trading cũng như tư vấn, bảo lãnh phát hành trái phiếu của doanh nghiệp, tổ chức tín dụng trong năm 2025.
- ✓ Hoạt động đầu tư chứng khoán niêm yết sẽ có thể gặp nhiều khó khăn hơn năm 2024 do vậy cần tận dụng tốt các cơ hội đầu tư mang tính chất ngắn hạn, tiếp tục tìm kiếm cơ hội đầu tư giá trị thông qua việc tham gia làm cổ đông chiến lược, đầu giá các DNNN sẽ IPO trong các năm 2025.
- ✓ Tập trung hoàn thành nâng cấp hệ thống công nghệ thông tin và hệ thống giao dịch chứng khoán phái sinh.
- ✓ Trước những biến động mạnh của thị trường, công tác kiểm soát, quản trị rủi ro, tăng cường an toàn tài chính cần tiếp tục tập trung nâng cao hơn nữa.
- ✓ Nâng cao chất lượng sản phẩm dịch vụ tài chính, nghiên cứu phát triển các sản phẩm mới mang tính cạnh tranh so với thị trường và phù hợp với các phân khúc khách hàng.
- ✓ Trước xu hướng tại các thị trường chứng khoán phát triển là CTCK chuyển dịch hoạt động từ thu phí môi giới sang thu phí tư vấn quản lý tài sản, SHS sẽ tập trung nghiên cứu, xây dựng và triển khai mô hình cung cấp dịch vụ quản lý danh mục đầu tư cho các khách hàng.
- ✓ Xây dựng mô hình cơ cấu tổ chức mới theo hướng hiện đại, chuyên nghiệp. Xây dựng và triển khai hệ thống BSC – KPI (Thẻ điểm cân bằng – Các chỉ tiêu hiệu suất công việc) trong công tác Quản trị chiến lược và Quản trị hiệu suất.
- ✓ Tăng cường nhân sự có chất lượng cho các mảng hoạt động đặc biệt nhân sự cho hoạt động tư vấn IPO, M&A; Tư vấn tái cấu trúc.
- ✓ Bổ sung nguồn vốn, tăng cường nguồn lực tài chính hướng tới Công ty sẽ có các chỉ số an toàn tài chính tốt đáp ứng yêu cầu của UBCK và có đủ nguồn vốn cho các hoạt động.

V. THÔNG TIN VỀ CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP, CỔ ĐÔNG LỚN, THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, TỔNG GIÁM ĐỐC, KÊ TOÁN TRƯỞNG**1. Thông tin về cổ đông sáng lập**

Tổ chức phát hành không có cổ đông sáng lập đang trong thời gian hạn chế chuyển nhượng.

2. Thông tin về cổ đông lớn (tính đến ngày 31/12/2024)

Bảng 27: Danh sách cổ đông nắm giữ trên 5% vốn điều lệ

Tên cổ đông	Số ĐKKD	Địa chỉ	Số cổ phần	Tỷ lệ (%)
CTCP Tập đoàn T&T	0100233223	31-33 Ngô Quyền, Phường Hàng Bài, Quận Hoàn Kiếm, Tp. Hà Nội, Việt Nam	45.505.734	5,6
Tổng			45.505.734	5,6

(Nguồn: Danh sách cổ đông lớn của Công ty theo số liệu của VSDC cung cấp và nguồn công bố thông tin của Cổ đông lớn)

❖ Công ty Cổ phần Tập đoàn T&T (T&T Group)

Năm thành lập: 1993

Giấy ĐKKD số 0100233223 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp thay đổi lần 24 ngày 15/08/2023

Địa chỉ trụ sở chính: Số 31-33 Phố Ngô Quyền, Phường Hàng Bài, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội

Vốn điều lệ: 22.000.000.000.000 đồng (Hai mươi hai ngàn tỷ đồng)

Người đại diện theo pháp luật: 03 người

- Ông Đỗ Quang Hiến Chức vụ: Giám đốc Vận hành; Chủ tịch Ủy ban Chiến lược
- Ông Nguyễn Tất Thắng Chức vụ: Chủ tịch HĐQT – Phó Tổng giám đốc
- Ông Mai Xuân Sơn Chức vụ: Thành viên HĐQT - Tổng giám đốc

Các hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã được ký kết và chưa thực hiện: Không có

Lợi ích liên quan với Công ty: Không có

Cổ đông có lợi ích liên quan tại doanh nghiệp khác hoạt động kinh doanh trong cùng lĩnh vực với Công ty hoặc là khách hàng/ nhà cung cấp lớn của Công ty: Không có.

[Phần còn lại bỏ trống là do cố ý]

Bảng 28: Danh sách người có liên quan đến cổ đông lớn

Stt	Họ và tên	Quan hệ với cổ đông lớn	Tại thời điểm trở thành cổ đông lớn (ngày 15/11/2007)		Hiện tại (12/4/2024) (*)		Dự kiến sau đợt chào bán	
			Số cổ phần SHS	Tỷ lệ (%)VDL SHS	Số cổ phần SHS	Tỷ lệ (%)VDL SHS	Số cổ phần SHS	Tỷ lệ (%)VDL SHS
I	CTCP Tập đoàn T&T		5.250.000	15	45.505.734	5,59	91.011.468	5,59
Người có liên quan của CTCP Tập đoàn T&T								
1	Lê Thị Thanh	Thành viên HĐQT	0	0	0	0	0	0
2	Đỗ Quang Hiến	Người đại diện theo pháp luật - CT Ủy ban Chiến lược - GD Vận hành	0	0	4.424.484	0,54	8.848.868	0,54
3	Nguyễn Tất Thắng	Người đại diện theo pháp luật - Chủ tịch HĐQT – Phó TGD	0	0	0	0	0	0
4	Đỗ Vinh Quang	Phó Chủ tịch HĐQT – Phó TGD	0	0	0	0	0	0
5	Mai Xuân Sơn	Người đại diện theo pháp luật – Thành viên HĐQT - Tổng Giám đốc	0	0	337.691	0,04	675.382	0,04
6	Nguyễn Ngọc Nghị	Thành viên HĐQT - Phó TGD	0	0	0	0	0	0
7	Nguyễn Thị Thanh Bình	Phó TGD	0	0	0	0	0	0
8	Nguyễn Anh Tuấn	Phó TGD	0	0	0	0	0	0
9	Nguyễn Mạnh Hùng	Kế toán trưởng	0	0	0	0	0	0

(*) Ngày chốt danh sách cổ đông tham dự Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 của SHS

3. Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc, Ủy ban Kiểm toán, Kế toán trưởng

3.1. Hội đồng quản trị

TT	Họ và tên	Số CCCD	Năm sinh	Chức vụ
1	Đỗ Quang Vinh			Chủ tịch HĐQT, Chủ tịch UBCL
2	Nguyễn Diệu Trinh			Thành viên HĐQT, Chủ tịch UBKT
3	Lê Đăng Khoa			Thành viên HĐQT, Thành viên UBKT
4	Vũ Đức Tiến			Thành viên HĐQT
5	Lưu Danh Đức			Thành viên HĐQT

• Ông Đỗ Quang Vinh – Chủ tịch HĐQT – Chủ tịch Ủy ban Chiến lược

Họ tên: **ĐỖ QUANG VINH**

Giới tính: **Nam**

Ngày tháng năm sinh:

Nơi sinh:

Quốc tịch: **Việt Nam**

Địa chỉ:

CCCD:

Trình độ chuyên môn: -Thạc sĩ chuyên ngành Tài chính và Quản trị tại University of East Anglia, Vương quốc Anh

- Cử nhân chuyên ngành Tiền tệ, Ngân hàng, Tài chính – Middlesex University, Vương quốc Anh

Chức vụ đang nắm giữ tại công ty: Chủ tịch Hội đồng quản trị - Chủ tịch Ủy ban Chiến lược CTCP Chứng khoán Sài Gòn – Hà Nội

Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác:

- Giám đốc Đầu tư Tài chính Quốc tế - CTCP Tập đoàn T&T
- Giám đốc Điều hành - T&T Hoa Kỳ
- Phó Chủ tịch HĐQT – Phó Tổng giám đốc tại Ngân hàng TMCP Sài Gòn – Hà Nội
- Chủ tịch HĐQT - CTCP Quản lý Quỹ BVIM (BVIM)

Quá trình công tác:

- 12/2013 – 02/2015 Giám đốc Đầu tư Tài chính Quốc tế - CTCP Tập đoàn T&T
- 03/2015 – 07/2015 Giám đốc Đầu tư Tài chính Quốc tế - CTCP Tập đoàn T&T
Chuyên viên Tín dụng - Ngân hàng Hana Bank
- 08/2015 - 02/2020 Giám đốc Đầu tư Tài chính Quốc tế - CTCP Tập đoàn T&T
Giám đốc Điều hành - T&T Hoa Kỳ
- 02/2020 – 03/2021 Giám đốc Đầu tư Tài chính Quốc tế - CTCP Tập đoàn T&T
Giám đốc Điều hành - T&T Hoa Kỳ
Phó Giám đốc Khối Ngân hàng bán lẻ - Ngân hàng TMCP Sài Gòn – Hà Nội
- 03/2021 – 10/2021 Giám đốc Đầu tư Tài chính Quốc tế - CTCP Tập đoàn T&T
Giám đốc Điều hành - T&T Hoa Kỳ
Phó Giám đốc Khối Ngân hàng bán lẻ - Ngân hàng TMCP Sài Gòn – Hà Nội
Chủ tịch Hội đồng Thành viên - Công ty Tài chính TNHH MTV Ngân hàng TMCP Sài Gòn – Hà Nội (SHBFinance)
- 10/2021 – 4/2022 Giám đốc Đầu tư Tài chính Quốc tế - CTCP Tập đoàn T&T
Giám đốc Điều hành - T&T Hoa Kỳ
Phó Tổng giám đốc, Giám đốc Khối Ngân hàng số Ngân hàng TMCP Sài Gòn – Hà Nội
Phó Chủ tịch thường trực Hội đồng thành viên - Công ty Tài chính TNHH MTV Ngân hàng TMCP Sài Gòn – Hà Nội
- 4/2022 – 4/2023 Giám đốc Đầu tư Tài chính Quốc tế - CTCP Tập đoàn T&T
Giám đốc Điều hành - T&T Hoa Kỳ
Thành viên HĐQT, Phó Tổng giám đốc - Ngân hàng TMCP Sài Gòn – Hà Nội
Phó Chủ tịch thường trực Hội đồng thành viên - Công ty Tài chính TNHH MTV Ngân hàng TMCP Sài Gòn – Hà Nội
Chủ tịch HĐQT - Tổng CTCP Bảo hiểm Sài Gòn – Hà Nội (BSHC)
Chủ tịch HĐQT - CTCP Chứng khoán Sài Gòn – Hà Nội
Chủ tịch HĐQT - CTCP Quản lý Quỹ BVIM
- 4/2023 – 6/2023 Giám đốc Đầu tư Tài chính Quốc tế - CTCP Tập đoàn T&T
Giám đốc Điều hành - T&T Hoa Kỳ
Phó Chủ tịch HĐQT, Phó Tổng giám đốc - Ngân hàng TMCP Sài Gòn – Hà Nội
Phó Chủ tịch thường trực Hội đồng thành viên - Công ty Tài chính TNHH MTV Ngân hàng TMCP Sài Gòn – Hà Nội
Chủ tịch HĐQT - Tổng CTCP Bảo hiểm Sài Gòn – Hà Nội
Chủ tịch HĐQT - CTCP Chứng khoán Sài Gòn – Hà Nội
Chủ tịch HĐQT - CTCP Quản lý Quỹ BVIM

- 6/2023 – 4/2024	Giám đốc Đầu tư Tài chính Quốc tế - CTCP Tập đoàn T&T Giám đốc Điều hành - T&T Hoa Kỳ Phó Chủ tịch HĐQT, Phó Tổng giám đốc - Ngân hàng TMCP Sài Gòn – Hà Nội Chủ tịch HĐQT - Tổng CTCP Bảo hiểm Sài Gòn – Hà Nội Chủ tịch HĐQT - CTCP Chứng khoán Sài Gòn – Hà Nội Chủ tịch HĐQT - CTCP Quản lý Quỹ BVIM
- 4/2024 - nay	Giám đốc Đầu tư Tài chính Quốc tế - CTCP Tập đoàn T&T Phó Chủ tịch HĐQT – Phó Tổng giám đốc - Ngân hàng TMCP Sài Gòn – Hà Nội Giám đốc Điều hành - T&T Hoa Kỳ Chủ tịch HĐQT - CTCP Quản lý Quỹ BVIM Chủ tịch HĐQT – Chủ tịch Ủy ban Chiến lược CTCP Chứng khoán Sài Gòn – Hà Nội
Hành vi vi phạm pháp luật:	Không
Số lượng cổ phiếu SHS đang sở hữu và đại diện:	12.500.000 cổ phiếu, chiếm tỷ lệ 1,54% vốn điều lệ
Trong đó:	
- Sở hữu cá nhân	12.500.000 cổ phiếu, chiếm tỷ lệ 1,54% vốn điều lệ
- Được ủy quyền đại diện	0 cổ phiếu, chiếm 0% vốn điều lệ
Số lượng cổ phiếu SHS đang nắm giữ của những người liên quan:	4.424.484 cổ phiếu, chiếm tỷ lệ 0,54% vốn điều lệ
<i>NCLQ-Bổ đề: Đỗ Quang Hiến</i>	<i>4.424.484 cổ phiếu, chiếm tỷ lệ 0,54% vốn điều lệ</i>
Lợi ích liên quan đối với Công ty:	Không có
Thù lao và lợi ích khác nhận được từ Công ty:	Thù lao Thành viên HĐQT
- Năm 2023	2.033.333.328 đồng
- Năm 2024	3.677.777.774 đồng
Các khoản nợ đối với Công ty:	Không có
Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty:	Không có
Thông tin về các hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện giữa Công ty với cá nhân và người có liên quan:	- Quyết định số 23-2023/QĐ-HĐQT ngày 04/10/2023 của HĐQT SHS về việc thỏa thuận hợp tác với SHB về việc cung cấp dữ liệu; - Quyết định số 24-2023/QĐ-HĐQT ngày 23/10/2023 của HĐQT SHS về việc SHS vay vốn theo hạn mức tại SHB Đông Đô (TCCLQ của Chủ tịch HĐQT SHS); - Quyết định số 30-2024/QĐ-HĐQT ngày 05/06/2024 của HĐQT SHS thông qua phương án cung cấp cho Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội (TCCLQ CT HĐQT SHS) dịch vụ

Tư vấn Hồ sơ chào bán, Đại lý phát hành, Đại lý Đăng ký lưu ký và đăng ký niêm yết Trái phiếu;

- Quyết định số 37-2024/QĐ-HĐQT ngày 01/7/2024 của HĐQT SHS thông qua phương án cung cấp cho SHB dịch vụ tư vấn liên quan chào bán Trái phiếu riêng lẻ.

- Quyết định số 55-2024/QĐ-HĐQT ngày 15/10/2024 của HĐQT SHS thông qua việc phối hợp với SHB cung cấp dịch vụ cho khách hàng vay tiền mua chứng khoán và ứng trước tiền bán chứng khoán.

- Quyết định số 64-2024/QĐ-HĐQT ngày 12/12/2024 của HĐQT về việc giao kết, thực hiện các hợp đồng, giao dịch liên quan đến việc thuê địa điểm làm Trụ sở chính với ông Đỗ Vinh Quang (NCLQ của Chủ tịch HĐQT SHS)

- Quyết định số 10-2025/QĐ-HĐQT ngày 10/02/2025 của HĐQT về việc vay vốn theo hạn mức tín dụng tại Ngân hàng TMCP Sài Gòn – Hà Nội (TCCLQ của Chủ tịch HĐQT SHS)

Thông tin về lợi ích liên quan tại doanh nghiệp khác hoạt động kinh doanh trong cùng lĩnh vực với Công ty hoặc là khách hàng/ nhà cung cấp lớn của Công ty:

Không có

• **Bà Nguyễn Diệu Trinh – Thành viên HĐQT (Thành viên độc lập), Chủ tịch Ủy ban Kiểm toán**

Họ tên: **NGUYỄN DIỆU TRINH**

Giới tính: **Nữ**

Ngày tháng năm sinh:

Nơi sinh:

Quốc tịch: **Việt Nam**

Địa chỉ:

CCCD:

Trình độ chuyên môn: **Thạc sĩ Tài chính Ngân hàng – Trung tâm Đào tạo Quản lý Pháp Việt (CFVG)**

**Cử nhân Quản trị kinh doanh – Đại học Kinh tế quốc dân
Chứng chỉ hành nghề Quản lý Quỹ**

Chức vụ hiện nay: **Thành viên Hội đồng quản trị (Thành viên độc lập),
Chủ tịch Ủy ban Kiểm toán – CTCP Chứng khoán Sài Gòn – Hà Nội**

Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác: **Thành viên HĐQT – TCT CP Bảo hiểm Hàng không (VNI)
Chủ tịch HĐQT CTCP Dược phẩm Hà Nội (DHN)**

Quá trình công tác:

- 01/2001-06/2003 Kế toán - Cty TNHH Japfa Comfeed Việt Nam
- 06/2003-06/2004 Giám đốc Tài chính thực tập - Japfa Oberoi India INC.
- 06/2004-05/2005 Q. Trưởng phòng Tài chính - Cty TNHH Japfa Long An
- 06/2004-07/2006 Kế toán trưởng - Cty TNHH Astral Infotech Việt Nam
- 07/2006-08/2007 Chuyên viên Tài chính cao cấp - CTCP Tập đoàn Vincom
- 08/2007-3/2016 Giám đốc Tài chính CTCP Quản lý Quỹ Đầu tư Sài Gòn – Hà Nội
- 06/2017-05/2020 Thành viên Ban Kiểm soát TCT Rau quả, Nông sản - CTCP
- 03/2016 – 01/2020 Chuyên viên Quản lý đầu tư - CTCP Tập đoàn T&T
- 01/2020-5/2020 Chuyên viên Quản lý đầu tư - CTCP Tập đoàn T&T
- Thành viên HĐQT - CTCP Chứng khoán Sài Gòn – Hà Nội
- Thành viên HĐQT - CTCP Dược phẩm Hà Nội (DHN)
- 5/2020-12/2020 Chuyên viên Quản lý đầu tư - CTCP Tập đoàn T&T
- Thành viên HĐQT - CTCP Chứng khoán Sài Gòn – Hà Nội
- Thành viên HĐQT – CTCP Sách và Thiết bị trường học Hà Nội
- Thành viên HĐQT - CTCP Dược phẩm Hà Nội
- 12/2020-2022 Chuyên viên Quản lý đầu tư - CTCP Tập đoàn T&T
- Thành viên HĐQT - CTCP Chứng khoán Sài Gòn – Hà Nội
- Thành viên HĐQT – CTCP Sách và Thiết bị trường học Hà Nội
- Thành viên HĐQT – CTCP Armepharco
- Thành viên HĐQT - CTCP Dược phẩm Hà Nội (DHN)
- 2022-6/2022 Thành viên HĐQT - CTCP Chứng khoán Sài Gòn – Hà Nội
- Thành viên HĐQT – CTCP Armepharco
- Thành viên HĐQT - CTCP Dược phẩm Hà Nội
- 6/2022-9/2023 Thành viên HĐQT - CTCP Chứng khoán Sài Gòn – Hà Nội
- Thành viên HĐQT – CTCP Armepharco
- Chủ tịch HĐQT - CTCP Dược phẩm Hà Nội
- Thành viên HĐQT - CTCP Bảo hiểm Hàng không
- 9/2023-4/2024 Thành viên HĐQT - CTCP Chứng khoán Sài Gòn – Hà Nội
- Thành viên HĐQT – CTCP Armepharco
- Thành viên HĐQT - CTCP Bảo hiểm Hàng không
- 4/2024 – 6/2024 Thành viên HĐQT – CTCP Armepharco
- Thành viên HĐQT - CTCP Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội

- 6/2024 – 9/2024 Thành viên HĐQT, Chủ tịch UBKT - CTCP Chứng khoán Sài Gòn – Hà Nội
- 9/2024 – 11/2024 Thành viên HĐQT – TCT CP Bảo hiểm Hàng không
Thành viên HĐQT, Chủ tịch UBKT - CTCP Chứng khoán Sài Gòn – Hà Nội
- 11/2024 - nay Thành viên HĐQT – TCT CP Bảo hiểm Hàng không
Thành viên HĐQT, Chủ tịch UBKT - CTCP Chứng khoán Sài Gòn – Hà Nội
Chủ tịch HĐQT CTCP Dược phẩm Hà Nội (DHN)

Hành vi vi phạm pháp luật: Không

Số lượng cổ phiếu SHS đang sở hữu và đại diện: 0 cổ phiếu, chiếm tỷ lệ 0% vốn điều lệ

Trong đó:

- Sở hữu cá nhân 0 cổ phiếu
- Được ủy quyền đại diện 0 cổ phiếu

Số lượng cổ phiếu SHS đang nắm giữ của những người liên quan: Không có

Lợi ích liên quan đối với Công ty: Không có

Thù lao và lợi ích khác nhận được từ Công ty: Thù lao Thành viên HĐQT

- Năm 2023 316.666.667 đồng
- Năm 2024 1.624.444.448 đồng

Các khoản nợ đối với Công ty: Không có

Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không có

Thông tin về các hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện giữa Công ty với cá nhân và người có liên quan: Không có

Thông tin về lợi ích liên quan tại doanh nghiệp khác hoạt động kinh doanh trong cùng lĩnh vực với Công ty hoặc là khách hàng/ nhà cung cấp lớn của Công ty: Không có

• **Ông Lê Đăng Khoa – Thành viên Hội đồng quản trị, Thành viên Ủy ban Kiểm toán**

Họ tên: **LÊ ĐĂNG KHOA**

Giới tính: Nam

Ngày tháng năm sinh:

Nơi sinh:

Quốc tịch: Việt Nam

Địa chỉ:

CCCD:

Trình độ chuyên môn:

Thạc sĩ Quản trị kinh doanh – Đại học Kinh tế Quốc dân
Cử nhân Kế toán – Học viện Ngân hàng

Chức vụ hiện nay:

Thành viên Hội đồng quản trị, Thành viên Ủy ban Kiểm toán
CTCP Chứng khoán Sài Gòn – Hà Nội

Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác:

- Phó Tổng giám đốc Ngân hàng TMCP Sài Gòn – Hà Nội
- Chủ tịch HĐQT - CTCP Bất động sản Lilama (Lilama Land)
- Thành viên HĐQT - CTCP in Sách giáo khoa tại Thành phố Hà Nội (TPH)

Quá trình công tác:

- 12/1994 – 3/2009

Chuyên viên Kiểm soát viên – Phó phòng – Trưởng phòng –
Giám đốc phụ trách- Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam
(VIB)

- 4/2009 – 3/2013

Phó Tổng giám đốc - Ngân hàng TMCP Sài Gòn-Hà Nội

- 3/2013 – 3/2014

Phó Tổng giám đốc - Ngân hàng TMCP Sài Gòn-Hà Nội
Thành viên HĐQT - CTCP Chứng khoán Sài Gòn – Hà Nội

- 3/2014 – 5/2014

Phó Tổng giám đốc - Ngân hàng TMCP Sài Gòn-Hà Nội
Thành viên HĐQT - CTCP Chứng khoán Sài Gòn – Hà Nội
Thành viên HĐQT - Tổng CTCP Bảo hiểm Sài Gòn – Hà Nội

- 5/2014 – 4/2019

Phó Tổng giám đốc - Ngân hàng TMCP Sài Gòn-Hà Nội
Thành viên HĐQT - CTCP Chứng khoán Sài Gòn – Hà Nội
Thành viên HĐQT - Tổng CTCP Bảo hiểm Sài Gòn – Hà Nội
Chủ tịch HĐQT - CTCP Bất động sản Lilama (Lilama Land)
Thành viên HĐQT - Tổng Công ty Thăng Long – CTCP

- 4/2019 – 10/2019

Phó Tổng giám đốc - Ngân hàng TMCP Sài Gòn-Hà Nội
Thành viên HĐQT - CTCP Chứng khoán Sài Gòn – Hà Nội
Thành viên HĐQT - Tổng CTCP Bảo hiểm Sài Gòn – Hà Nội
Chủ tịch HĐQT - CTCP Bất động sản Lilama
Thành viên HĐQT - CTCP in Sách Giáo khoa tại Thành phố Hà Nội (TPH)

- 10/2019 – 6/2023

Phó Tổng giám đốc - Ngân hàng TMCP Sài Gòn-Hà Nội
Thành viên HĐQT - CTCP Chứng khoán Sài Gòn – Hà Nội
Thành viên HĐQT - Tổng CTCP Bảo hiểm Sài Gòn – Hà Nội
Chủ tịch HĐQT - CTCP Bất động sản Lilama
Thành viên HĐQT - CTCP in Sách Giáo khoa tại Thành phố

	Hà Nội (TPH)
	Thành viên HĐQT – Công ty Tài chính TNHH MTV Ngân hàng TMCP Sài Gòn – Hà Nội (SHBFinance)
- 6/2023 – 4/2024	Phó Tổng giám đốc - Ngân hàng TMCP Sài Gòn-Hà Nội Thành viên HĐQT - CTCP Chứng khoán Sài Gòn – Hà Nội Thành viên HĐQT - Tổng CTCP Bảo hiểm Sài Gòn – Hà Nội Chủ tịch HĐQT - CTCP Bất động sản Lilama Thành viên HĐQT - CTCP in Sách Giáo khoa tại Thành phố Hà Nội
- 4/2024 – 6/2024	Phó Tổng giám đốc - Ngân hàng TMCP Sài Gòn-Hà Nội Thành viên HĐQT - CTCP Chứng khoán Sài Gòn – Hà Nội Chủ tịch HĐQT - CTCP Bất động sản Lilama Thành viên HĐQT - CTCP in Sách Giáo khoa tại Thành phố Hà Nội
- 6/2024 – nay	Phó Tổng giám đốc - Ngân hàng TMCP Sài Gòn-Hà Nội Thành viên HĐQT, Thành viên UBKT - CTCP Chứng khoán Sài Gòn – Hà Nội Chủ tịch HĐQT - CTCP Bất động sản Lilama Thành viên HĐQT - CTCP in Sách Giáo khoa tại Thành phố Hà Nội
Hành vi vi phạm pháp luật:	Không
Số lượng cổ phiếu SHS đang sở hữu và đại diện:	0 cổ phiếu, chiếm tỷ lệ 0% vốn điều lệ
Trong đó:	
- Sở hữu cá nhân	0 cổ phiếu
- Được ủy quyền đại diện	0 cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu SHS đang nắm giữ của những người liên quan:	0 cổ phiếu
Lợi ích liên quan đối với Công ty:	Không có
Thù lao và lợi ích khác nhận từ Công ty:	Thù lao Thành viên HĐQT
- Năm 2023	316.666.667 đồng
- Năm 2024	886.666.667 đồng
Các khoản nợ đối với Công ty:	Không có
Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty:	Không có
Thông tin về các hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện giữa Công ty với cá nhân và người có liên quan:	- Quyết định số 23-2023/QĐ-HĐQT ngày 04/10/2023 của HĐQT SHS về việc thỏa thuận hợp tác với SHB về việc cung cấp dữ liệu; - Quyết định số 24-2023/QĐ-HĐQT ngày 23/10/2023 của

HDQT SHS về việc SHS vay vốn theo hạn mức tại SHB Đồng Đô (TCCLQ của Thành viên HDQT SHS);

- Quyết định số 30-2024/QĐ-HDQT ngày 05/06/2024 của HDQT SHS thông qua phương án cung cấp cho Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội (TCCLQ TV/HDQT SHS) dịch vụ Tư vấn Hồ sơ chào bán, Đại lý phát hành, Đại lý Đăng ký lưu ký và đăng ký niêm yết Trái phiếu;

- Quyết định số 37-2024/QĐ-HDQT ngày 01/7/2024 của HDQT SHS thông qua phương án cung cấp cho SHB dịch vụ tư vấn liên quan chào bán Trái phiếu riêng lẻ.

- Quyết định số 55-2024/QĐ-HDQT ngày 15/10/2024 của HDQT SHS thông qua việc phối hợp với SHB cung cấp dịch vụ cho khách hàng vay tiền mua chứng khoán và ứng trước tiền bán chứng khoán.

- Quyết định số 10-2025/QĐ-HDQT ngày 10/02/2025 của HDQT về việc vay vốn theo hạn mức tín dụng tại Ngân hàng TMCP Sài Gòn – Hà Nội (TCCLQ của Thành viên HDQT SHS)

Thông tin về lợi ích liên quan tại doanh nghiệp khác hoạt động kinh doanh trong cùng lĩnh vực với Công ty hoặc là khách hàng/ nhà cung cấp lớn của Công ty:

Không có

• **Ông Vũ Đức Tiến - Thành viên HDQT**

Họ tên: **VŨ ĐỨC TIẾN**

Giới tính: **Nam**

Ngày tháng năm sinh:

Nơi sinh:

Quốc tịch: **Việt Nam**

Địa chỉ:

CCCD:

Trình độ chuyên môn:

- Cử nhân Tài chính Ngân hàng – Học viện Ngân hàng
- Cử nhân tiếng Anh – Đại học Ngoại ngữ Hà Nội
- Chứng chỉ hành nghề Phân tích tài chính – UBCKNN cấp

Chức vụ hiện nay:

Thành viên Hội đồng quản trị CTCP Chứng khoán Sài Gòn – Hà Nội

Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác:

- Phó Chủ tịch HDQT – CTCP Xây lắp Dầu khí Thanh Hóa (PVH)

- Thành viên HĐQT – CTCP Đầu tư Dịch vụ Hạ tầng Xăng dầu (PLA)
- Thành viên HĐQT - CTCP Du lịch Thương mại Nha Trang

Quá trình công tác:

- 1995-1998 Phó Trưởng phòng Tín dụng - Ngân hàng TMCP Châu Á – Thái Bình Dương
- 1998-2000 Phó Trưởng phòng XNK 5 - CTCP XNK Than TKV (COALIMEX)
- 2000-2008 Giám đốc - CTCP Du lịch Thương mại Thanh Nhân
- 3/2008-5/2012 Chánh văn phòng HĐQT - CTCP Chứng khoán Sài Gòn – Hà Nội
- 4/2012 - 3/2014 Phó Tổng giám đốc, Chánh văn phòng HĐQT - CTCP Chứng khoán Sài Gòn – Hà Nội
- 4/2014 – 10/2014 Phó Tổng giám đốc phụ trách điều hành, Chánh văn phòng HĐQT - CTCP Chứng khoán Sài Gòn – Hà Nội
Phó Chủ tịch HĐQT - CTCP Xây lắp Dầu khí Thanh Hóa (PVH)
Thành viên HĐQT - Tổng CTCP Bảo hiểm Sài Gòn – Hà Nội
Thành viên HĐQT CTCP Xây lắp và Địa ốc Vũng Tàu
- 11/2014 – 4/2015 Thành viên HĐQT kiêm Tổng giám đốc, Chánh Văn phòng HĐQT - CTCP Chứng khoán Sài Gòn – Hà Nội
Phó Chủ tịch HĐQT - CTCP Xây lắp Dầu khí Thanh Hóa
Thành viên HĐQT - Tổng CTCP Bảo hiểm Sài Gòn – Hà Nội
Thành viên HĐQT CTCP Xây lắp và Địa ốc Vũng Tàu (VRC)
- 4/2015 – 1/2017 Thành viên HĐQT kiêm Tổng giám đốc, Chánh Văn phòng HĐQT - CTCP Chứng khoán Sài Gòn – Hà Nội
Phó Chủ tịch HĐQT - CTCP Xây lắp Dầu khí Thanh Hóa
Thành viên HĐQT - Tổng CTCP Bảo hiểm Sài Gòn – Hà Nội
Thành viên HĐQT CTCP Xây lắp và Địa ốc Vũng Tàu
Thành viên HĐQT CTCP Điện cơ Thống nhất (Vinawind)
Thành viên HĐQT - CTCP Đầu tư Dịch vụ Hạ tầng Xăng dầu
- 1/2017 – 8/2017 Thành viên HĐQT kiêm Tổng giám đốc, Chánh Văn phòng HĐQT - CTCP Chứng khoán Sài Gòn – Hà Nội
Phó Chủ tịch HĐQT - CTCP Xây lắp Dầu khí Thanh Hóa
Thành viên HĐQT - Tổng CTCP Bảo hiểm Sài Gòn – Hà Nội
Thành viên HĐQT - CTCP Xây lắp và Địa ốc Vũng Tàu
Thành viên HĐQT CTCP Điện cơ Thống nhất
Thành viên HĐQT - CTCP Đầu tư Dịch vụ Hạ tầng Xăng dầu.

- 8/2017 – 6/2018
 - Thành viên HĐQT kiêm Tổng giám đốc - CTCP Chứng khoán Sài Gòn – Hà Nội
 - Phó Chủ tịch HĐQT - CTCP Xây lắp Dầu khí Thanh Hóa
 - Thành viên HĐQT - Tổng CTCP Bảo hiểm Sài Gòn – Hà Nội
 - Thành viên HĐQT - CTCP Xây lắp và Địa ốc Vũng Tàu
 - Thành viên HĐQT CTCP Điện cơ Thống nhất
 - Thành viên HĐQT - CTCP Đầu tư Dịch vụ Hạ tầng Xăng dầu.
 - Thành viên HĐQT - CTCP Sản xuất và Công nghệ Nhựa Pha Lê

- 6/2018 – 1/2019
 - Thành viên HĐQT kiêm Tổng giám đốc - CTCP Chứng khoán Sài Gòn – Hà Nội
 - Phó Chủ tịch HĐQT - CTCP Xây lắp Dầu khí Thanh Hóa
 - Thành viên HĐQT - Tổng CTCP Bảo hiểm Sài Gòn – Hà Nội
 - Thành viên HĐQT - CTCP Xây lắp và Địa ốc Vũng Tàu
 - Thành viên HĐQT CTCP Điện cơ Thống nhất
 - Thành viên HĐQT - CTCP Đầu tư Dịch vụ Hạ tầng Xăng dầu.
 - Thành viên HĐQT - CTCP Du lịch Thương mại Nha Trang

- 1/2019 – 12/2019
 - Thành viên HĐQT kiêm Tổng giám đốc - CTCP Chứng khoán Sài Gòn – Hà Nội
 - Phó Chủ tịch HĐQT - CTCP Xây lắp Dầu khí Thanh Hóa
 - Thành viên HĐQT - Tổng CTCP Bảo hiểm Sài Gòn – Hà Nội
 - Thành viên HĐQT CTCP Điện cơ Thống nhất
 - Thành viên HĐQT - CTCP Đầu tư Dịch vụ Hạ tầng Xăng dầu
 - Thành viên HĐQT - CTCP Du lịch Thương mại Nha Trang
 - Thành viên HĐQT - Công ty Bao bì Biên Hòa

- 12/2019 – 5/2020
 - Thành viên HĐQT kiêm Tổng giám đốc - CTCP Chứng khoán Sài Gòn – Hà Nội
 - Phó Chủ tịch HĐQT - CTCP Xây lắp Dầu khí Thanh Hóa
 - Thành viên HĐQT - Tổng CTCP Bảo hiểm Sài Gòn – Hà Nội
 - Thành viên HĐQT - CTCP Đầu tư Dịch vụ Hạ tầng Xăng dầu
 - Thành viên HĐQT - CTCP Du lịch Thương mại Nha Trang

- 5/2020 – 4/2021
 - Thành viên HĐQT kiêm Tổng giám đốc - CTCP Chứng khoán Sài Gòn – Hà Nội
 - Phó Chủ tịch HĐQT - CTCP Xây lắp Dầu khí Thanh Hóa
 - Thành viên HĐQT - Tổng CTCP Bảo hiểm Sài Gòn – Hà Nội
 - Thành viên HĐQT - CTCP Đầu tư Dịch vụ Hạ tầng Xăng dầu
 - Thành viên HĐQT - CTCP Du lịch Thương mại Nha Trang
 - Thành viên HĐQT CTCP Máy – Thiết bị dầu khí (PVM)

- 4/2021 – 3/2024
 - Thành viên HĐQT kiêm Tổng giám đốc - CTCP Chứng khoán Sài Gòn – Hà Nội

- Phó Chủ tịch HĐQT - CTCP Xây lắp Dầu khí Thanh Hóa
- Thành viên HĐQT - Tổng CTCP Bảo hiểm Sài Gòn – Hà Nội
- Thành viên HĐQT - CTCP Đầu tư Dịch vụ Hạ tầng Xăng dầu (PLA)
- Thành viên HĐQT - CTCP Du lịch Thương mại Nha Trang
- Chủ tịch HĐQT CTCP Máy – Thiết bị dầu khí
- Thành viên HĐQT - CTCP Chứng khoán Sài Gòn – Hà Nội
- Phó Chủ tịch HĐQT - CTCP Xây lắp Dầu khí Thanh Hóa
- Thành viên HĐQT - CTCP Đầu tư Dịch vụ Hạ tầng Xăng dầu
- Thành viên HĐQT - CTCP Du lịch Thương mại Nha Trang

- 3/2024 - nay

Hành vi vi phạm pháp luật:

Không

Số lượng cổ phiếu SHS đang sở hữu và đại diện:

20.054.983 cổ phiếu, chiếm tỷ lệ 2,47% vốn điều lệ

Trong đó:

- Sở hữu cá nhân: 20.054.983 cổ phiếu, chiếm tỷ lệ 2,47% vốn điều lệ
- Được ủy quyền đại diện: 0 cổ phiếu, chiếm 0% vốn điều lệ

Số lượng cổ phiếu đang nắm giữ của những người liên quan: *Vợ : Bà Uông Văn Hạnh*

237.514 cổ phiếu, chiếm tỷ lệ 0,03% vốn điều lệ

Lợi ích liên quan đối với Công ty:

Không có

Thù lao và lợi ích khác nhận được từ Công ty:

Thù lao Thành viên HĐQT và Lương, thưởng của Tổng giám đốc (Thôi giữ chức vụ Tổng giám đốc SHS từ tháng 03/2024)

- Năm 2023: 7.829.458.211 đồng
- Năm 2024: 865.277.779 đồng

Các khoản nợ đối với Công ty:

Không có

Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty:

Không có

Thông tin về các hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện giữa Công ty với cá nhân và người có liên quan:

Không có

Thông tin về lợi ích liên quan tại doanh nghiệp khác hoạt động kinh doanh trong cùng lĩnh vực với Công ty hoặc là khách hàng/ nhà cung cấp lớn của Công ty:

Không có

- Ông Lưu Danh Đức - Thành viên Hội đồng quản trị (Ngày 17/12/2024, Ông Lưu Danh Đức đã có đơn từ nhiệm gửi ĐHĐCĐ, HĐQT SHS, SHS sẽ trình ĐHĐCĐ thường niên năm 2025 thông qua việc miễn nhiệm tư cách thành viên HĐQT tại kỳ họp tới đây).

Họ tên:

LƯU DANH ĐỨC

Giới tính:	Nam
Ngày tháng năm sinh:	
Nơi sinh:	
Quốc tịch:	Việt Nam
Địa chỉ:	
CCCD	
Trình độ chuyên môn:	- Thạc sĩ Công nghệ Thông tin - Học viện CNTT Các nước nói tiếng Pháp – IFI (Institut de la Francophonie pour l'Informatique) - Kỹ sư Công nghệ Thông tin – Đại học Bách khoa Hà Nội
Chức vụ hiện nay:	- Thành viên Hội Đồng Quản Trị
Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác:	- Phó Tổng Giám đốc kiêm Giám đốc Khối Công nghệ thông tin – Ngân hàng TMCP Lộc Phát Việt Nam
Quá trình công tác:	
- 3/2016 – 2/2018	Phó Tổng giám đốc - Công ty Thu phí tự động VETC
- 3/2018 – 11/2020	Phó Tổng giám đốc - Tập đoàn Sun Group
- 1/2021 – 3/2022	Phó Tổng giám đốc - Công ty Galaxy1, Tập đoàn Sovico
- 3/2022 – 9/2022	Giám đốc Ban Công nghệ Thông tin - CTCP Tập đoàn T&T Thành viên HĐQT - CTCP Chứng khoán Sài Gòn – Hà Nội
- 5/2022-9/2022	Giám đốc Ban Công nghệ Thông tin - CTCP Tập đoàn T&T Thành viên HĐQT Tổng CTCP Bảo hiểm Sài Gòn – Hà Nội Thành viên HĐQT - CTCP Chứng khoán Sài Gòn – Hà Nội
- 9/2022 – 4/2024	Giám đốc Ban Công nghệ Thông tin - CTCP Tập đoàn T&T Thành viên HĐQT Tổng CTCP Bảo hiểm Sài Gòn – Hà Nội Thành viên HĐQT - CTCP Chứng khoán Sài Gòn – Hà Nội Phó Tổng giám đốc - Ngân hàng TMCP Sài Gòn – Hà Nội
- 4/2024 – 12/2024	Giám đốc Ban Công nghệ Thông tin - CTCP Tập đoàn T&T Phó Tổng giám đốc - Ngân hàng TMCP Sài Gòn – Hà Nội Thành viên HĐQT - CTCP Chứng khoán Sài Gòn – Hà Nội
- 12/2024 - nay	Thành viên HĐQT - CTCP Chứng khoán Sài Gòn – Hà Nội Phó Tổng Giám đốc kiêm Giám đốc Khối Công nghệ thông tin – Ngân hàng TMCP Lộc Phát Việt Nam
Hành vi vi phạm pháp luật	Không
Số lượng cổ phiếu SHS đang sở hữu và đại diện:	0 cổ phiếu

Trong đó:

- Sở hữu cá nhân 0 cổ phiếu
- Đại diện và ủy quyền 0 cổ phiếu

Số lượng cổ phiếu SHS đang nắm giữ của những người liên quan: 0 cổ phiếu

Lợi ích liên quan đối với Công ty: Không có

Thù lao và lợi ích khác nhận được từ Công ty: Thù lao Thành viên HĐQT

- Năm 2023 316.666.667 đồng
- Năm 2024 570.959.597 đồng

Các khoản nợ đối với Công ty: Không có

Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không có

Thông tin về các hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện giữa Công ty với cá nhân và người có liên quan: Không có

Thông tin về lợi ích liên quan tại doanh nghiệp khác hoạt động kinh doanh trong cùng lĩnh vực với Công ty hoặc là khách hàng/ nhà cung cấp lớn của Công ty: Không có

3.2. Ban Tổng giám đốc

STT	Họ và tên	Số CCCD	Năm sinh	Chức vụ
1	Nguyễn Chí Thành			Tổng giám đốc

• Ông Nguyễn Chí Thành – Tổng giám đốc

Họ tên: NGUYỄN CHÍ THÀNH

Giới tính: Nam

Ngày tháng năm sinh:

Nơi sinh:

Quốc tịch: Việt Nam

Địa chỉ:

CCCD:

Trình độ chuyên môn: - Thạc sỹ Quản trị kinh doanh

	- Cử nhân Kinh tế Đối ngoại - Đại học Ngoại Thương - Chứng chỉ hành nghề chứng khoán: Quản lý Quỹ (do UBCKNN cấp)
Chức vụ hiện nay:	Tổng giám đốc CTCP Chứng khoán Sài Gòn – Hà Nội Trưởng Văn phòng đại diện SHS tại Hải Phòng
Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác:	Phó Chủ tịch HĐQT - CTCP Dược phẩm Dược liệu PHARMEDIC (PMC)
Quá trình công tác:	
- 2003 - 2005	Chuyên viên dự án - Trung tâm Hợp tác chuyên gia và Kỹ thuật với nước ngoài
- 2007 - 2009	Chuyên viên cao cấp Phòng Tư vấn tài chính doanh nghiệp - CTCP Chứng khoán Bản Việt – Chi nhánh Hà Nội
- 2009 - 2011	Trợ lý Tổng giám đốc - CTCP Chứng khoán Sài Gòn – Hà Nội
- 2011 - 5/2014	Trưởng phòng Dịch vụ Ngân hàng Đầu tư - Công ty Chứng khoán Đại Dương
- 05/2014 - 11/2019	Phó Tổng giám đốc – CTCP Chứng khoán Sài Gòn – Hà Nội
- 11/2019 - 9/2020	Phó Tổng giám đốc, Giám đốc Chi nhánh Tp.HCM - CTCP Chứng khoán Sài Gòn – Hà Nội
- 09/2020 - 9/2022	Phó Tổng giám đốc, Giám đốc Chi nhánh Tp.HCM , Trưởng văn phòng đại diện Hải Phòng - CTCP Chứng khoán Sài Gòn – Hà Nội
- 9/2022 - 3/2024	Phó Tổng giám đốc, Trưởng văn phòng đại diện Hải Phòng - CTCP Chứng khoán Sài Gòn – Hà Nội
- 3/2024 - nay	Tổng giám đốc CTCP Chứng khoán Sài Gòn – Hà Nội; Trưởng Văn phòng đại diện SHS tại Hải Phòng; Phó Chủ tịch HĐQT - CTCP Dược phẩm Dược Liệu PHARMEDIC (PMC)
Hành vi vi phạm pháp luật:	Không
Số lượng cổ phiếu SHS đang sở hữu và đại diện:	0 cổ phiếu, chiếm tỷ lệ 0% vốn điều lệ
Trong đó:	
- Sở hữu cá nhân	0 cổ phiếu
- Được ủy quyền đại diện	0 cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu SHS đang nắm giữ của những người liên quan:	0 cổ phiếu
Lợi ích liên quan đối với Công ty:	Không có
Thù lao và lợi ích khác nhận được từ Công	Lương, thưởng theo quy định Công ty

ty:

- Năm 2023 4.496.395.857 đồng
- Năm 2024 8.757.334.360 đồng

Các khoản nợ đối với Công ty: Không có

Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty Không có

Thông tin về các hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện giữa Công ty với cá nhân và người có liên quan: - Quyết định số 09-2025/QĐ-HĐQT ngày 10/02/2025 của HĐQT về cung cấp dịch vụ tư vấn cho CTCP Dược phẩm Dược liệu Pharmedic (NCLQ của Tổng Giám đốc SHS)

Thông tin về lợi ích liên quan tại doanh nghiệp khác hoạt động kinh doanh trong cùng lĩnh vực với Công ty hoặc là khách hàng/ nhà cung cấp lớn của Công ty: Không có

3.3. Ủy ban Kiểm toán

STT	Họ và tên	Số CCCD	Năm sinh	Chức danh
1	Bà Nguyễn Diệu Trinh			Thành viên HĐQT, Chủ tịch UBKT
2	Ông Lê Đăng Khoa			Thành viên HĐQT, Thành viên UBKT

- Bà Nguyễn Diệu Trinh – Chủ tịch Ủy ban Kiểm toán (Xem thông tin phần HĐQT)
- Ông Lê Đăng Khoa - Thành viên Ủy ban Kiểm toán (Xem thông tin phần HĐQT)

3.4. Kế toán trưởng

- Bà Phạm Thị Thanh Hào – Kế toán trưởng:

Họ tên: PHẠM THỊ THANH HẢO

Giới tính: Nữ

Ngày tháng năm sinh:

Nơi sinh:

Quốc tịch: Việt Nam

Địa chỉ thường trú:

CCCD:

Trình độ chuyên môn: - Thạc sỹ Kinh tế - Đại học Kinh doanh và Công nghệ Hà Nội;

- Cử nhân Kinh tế - Đại học Tài chính Kế toán

Chức vụ hiện nay: Kế toán trưởng CTCP Chứng khoán Sài Gòn – Hà Nội

Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác:	Không có
Quá trình công tác:	
- 11/1997 – 12/1998	Kế toán trưởng Xi nghiệp Khảo sát thiết kế xây dựng - SUDECON
- 01/1999 – 12/2001	Kế toán Tổng hợp Công ty Hỗ trợ phát triển Công nghiệp
- 01/2002 – 04/2008	Kế toán, Kế toán trưởng Công ty TNHH T&T Hưng Yên
- 05/2008 – 08/2008	Chuyên viên Tài chính CTCP Tập đoàn T&T
- 09/2008 – 09/2009	Kế toán trưởng CTCP T&H Hạ Long
- 10/2009 – 06/2013	Kế toán trưởng Công ty TNHH MTV Quản lý Nợ và Khai thác Tài sản – SHB (SHB AMC)
- 07/2013 – 10/2017	Phó Chánh văn phòng TGD Ngân hàng TMCP Sài Gòn – Hà Nội
- 11/2017 – 03/2024	Kế toán trưởng Công ty Tài chính TNHH MTV Ngân hàng TMCP Sài Gòn – Hà Nội (SHB Finance)
- 28/3/2024 – nay	Kế toán trưởng CTCP Chứng khoán Sài Gòn – Hà Nội
Hành vi vi phạm pháp luật:	Không
Số lượng cổ phiếu SHS đang sở hữu và đại diện:	0 cổ phiếu
Trong đó:	
- Sở hữu cá nhân	0 cổ phiếu
- Được ủy quyền đại diện	0 cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu SHS đang nắm giữ của những người liên quan:	0 cổ phiếu
Lợi ích liên quan đối với Công ty:	Không có
Thù lao và lợi ích khác nhận được từ Công ty	Lương, thưởng theo quy định Công ty
- Năm 2024	2.171.277.385 đồng
Các khoản nợ đối với Công ty:	Không có
Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty	Không có
Thông tin về các hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện giữa Công ty với cá nhân và người có liên quan:	Không có
Thông tin về lợi ích liên quan tại doanh nghiệp khác hoạt động kinh doanh trong cùng lĩnh vực với Công ty hoặc là khách hàng/ nhà cung cấp lớn của Công ty:	Không có



VI. THÔNG TIN VỀ ĐỢT CHÀO BÁN

1. Loại cổ phiếu: Cổ phiếu phổ thông
2. Mệnh giá cổ phiếu: 10.000 đồng/cổ phiếu
3. Tổng số lượng cổ phiếu chào bán:

Chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu: 813.156.748 cổ phiếu

4. Tổng giá trị cổ phiếu chào bán theo mệnh giá: 8.131.567.480.000 đồng
5. Giá chào bán dự kiến:

Giá chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu: 10.000 đồng/cổ phiếu.

6. Phương pháp tính giá:

Công ty sử dụng kết hợp các phương pháp: phương pháp giá trị sổ sách (BVPS), phương pháp giá thị trường.

6.1. Giá cổ phiếu theo phương pháp giá trị sổ sách:

- Giá trị sổ sách 01 CP (tại thời điểm 31/12/2023 trên BCTC đã được kiểm toán năm 2023) = Vốn chủ sở hữu / Tổng số CP đang lưu hành = 12.621 đồng/cổ phần

6.2. Giá cổ phiếu theo phương pháp giá thị trường

Giá đóng cửa của cổ phiếu SHS bình quân trong 20 phiên giao dịch gần nhất (từ ngày 03/04/2024 đến ngày 06/05/2024) là: 19.140 đồng/cổ phiếu

Kết luận: Giá cổ phiếu bình quân theo 2 phương pháp:

Phương pháp	Giá cổ phiếu (đồng/cổ phiếu)
Phương pháp giá trị sổ sách	12.621
Phương pháp giá thị trường	19.140
Giá bình quân	15.880

Căn cứ thực tế giá trị sổ sách và giá giao dịch cổ phiếu trên thị trường hiện tại, nhằm tăng khả năng huy động vốn, Công ty quyết định giá chào bán cổ phiếu ra công chúng cho cổ đông hiện hữu là 10.000 đồng/cổ phiếu.

7. Phương thức phân phối

Cổ phiếu chào bán cho cổ đông hiện hữu được phân phối theo quy định hiện hành sau khi nhận được Giấy chứng nhận đăng ký chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng của UBCKNN.

Đối tượng chào bán: Cổ đông hiện hữu có tên trong danh sách cổ đông tại ngày đăng ký cuối cùng thực hiện quyền mua cổ phiếu chào bán cho cổ đông hiện hữu.

- Tỷ lệ chào bán: 100% tương ứng tỷ lệ thực hiện quyền 1:1, theo đó căn cứ

vào ngày đăng ký cuối cùng phân bổ quyền, cổ đông sở hữu 01 cổ phiếu tại ngày chốt danh sách thì có 01 quyền mua, cứ 01 quyền mua thì được mua thêm 01 cổ phiếu mới. Do tỷ lệ thực hiện quyền 1:1 nên không phát sinh cổ phiếu lẻ.

- Chuyển nhượng quyền mua: Cổ đông có quyền chuyển nhượng quyền mua cổ phiếu cho người khác nhưng chỉ được chuyển nhượng 01 lần trong thời gian quy định. Người nhận chuyển nhượng quyền mua không được chuyển nhượng quyền mua đó cho người thứ 3.
- Phương án xử lý cổ phiếu còn dư:
 - Số cổ phiếu còn dư là số cổ phiếu do cổ đông hiện hữu không đăng ký, không nộp tiền mua một phần hoặc toàn bộ trong đợt chào bán.
 - Số cổ phần còn lại này HĐQT sẽ chào bán cho các Nhà đầu tư khác với điều kiện chào bán không thuận lợi hơn so với điều kiện chào bán cho cổ đông hiện hữu (trong đó bao gồm mức giá chào bán không thấp hơn giá bán cho cổ đông hiện hữu) để đảm bảo phát hành hết toàn bộ số cổ phần chào bán.
 - Số cổ phần còn lại chưa phân phối hết nói trên khi chào bán cho Nhà đầu tư khác theo quyết định của HĐQT bị hạn chế chuyển nhượng 01 năm kể từ ngày kết thúc đợt chào bán.
 - Việc xử lý cổ phiếu còn dư đảm bảo phù hợp theo quy định tại Điều 42 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 và đảm bảo các điều kiện khác theo quy định tại khoản 2 Điều 195 Luật Doanh nghiệp và các quy định khác có liên quan của pháp luật hiện hành.
 - Trong trường hợp hết hạn phân phối cổ phiếu theo quy định của pháp luật (bao gồm cả thời gian được gia hạn (nếu có)), nếu vẫn còn cổ phiếu chưa phân phối hết thì số cổ phiếu chưa phân phối hết này được hủy và HĐQT ra quyết định kết thúc đợt phát hành.
- Hạn chế chuyển nhượng:
 - Toàn bộ số cổ phiếu chào bán cho cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ thực hiện quyền được tự do chuyển nhượng;
 - Số lượng cổ phiếu còn dư mà cổ đông hiện hữu được mua nhưng từ chối mua được chào bán cho đối tượng khác bị hạn chế chuyển nhượng trong vòng 01 năm kể từ ngày kết thúc đợt chào bán theo quy định Khoản 2 Điều 42 Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ).

8. Đăng ký mua cổ phiếu

- Số lượng cổ phiếu đăng ký mua tối thiểu: Không quy định
- Thời hạn đăng ký: Công ty sẽ thông báo thời gian đăng ký cụ thể trong Bản Thông báo phát hành cổ phiếu và đảm bảo thời gian đăng ký và nộp tiền mua chứng khoán cho nhà đầu tư tối thiểu là 20 (hai mươi) ngày theo đúng quy định.

- Phương thức đăng ký và thanh toán tiền mua cổ phiếu: Danh sách cổ đông tại thời điểm chốt danh sách là cơ sở đăng ký thực hiện quyền mua cổ phiếu mới chào bán theo tỷ lệ được mua đã quy định.
 - + Đối với cổ đông đã lưu ký cổ phiếu tại các thành viên lưu ký: Các cổ đông mở tài khoản và lưu ký cổ phiếu ở thành viên lưu ký nào sẽ đăng ký thực hiện quyền tại thành viên lưu ký đó.
 - + Đối với cổ đông chưa thực hiện lưu ký: thì việc đăng ký mua, chuyển nhượng quyền mua được thực hiện tại Trụ sở Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn – Hà Nội.
- Việc nộp tiền mua cổ phiếu mới chào bán được nộp vào tài khoản phong tỏa của Công ty với thông tin tài khoản quy định tại Mục 12.

9. Lịch trình dự kiến phân phối cổ phiếu

Sau khi nhận Giấy chứng nhận đăng ký chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng do UBCKNN cấp, Hội đồng quản trị SHS sẽ tiến hành chốt danh sách cổ đông (Danh sách Người sở hữu chứng khoán) để thực hiện phân bổ quyền mua cổ phiếu chào bán.

Thời gian chào bán và phân phối cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu dự kiến sẽ được thực hiện trong vòng 90 ngày kể từ ngày được UBCKNN cấp Giấy chứng nhận đăng ký chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng.

Thời gian cụ thể sẽ được nêu chi tiết trên Thông báo Phát hành cổ phiếu

Lộ trình dự kiến như sau:

Stt	Nội dung công việc	Thời gian dự kiến thực hiện
1	UBCKNN cấp giấy chứng nhận đăng ký chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng	D
2	Công bố thông tin Thông báo Phát hành theo quy định	D - D + 7
3	Chốt danh sách cổ đông thực hiện quyền mua cổ phiếu chào bán trong đợt chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng cho cổ đông hiện hữu	D + 11 đến D + 25
4	Chuyển nhượng quyền mua cổ phiếu trong đợt chào bán	D + 30 đến D + 50
5	Đăng ký và nộp tiền mua cổ phiếu trong đợt chào bán	D + 30 đến D + 55
6	Thực hiện chào bán và xử lý đối với số cổ phiếu còn dư mà cổ đông hiện hữu không mua hết	D + 55 đến D + 65
7	Báo cáo kết quả chào bán	D + 65 đến D + 70
8	Đăng ký Chứng khoán bổ sung và Đăng ký Niêm yết bổ sung cổ phiếu sau đợt chào bán	D + 70 đến D + 100

Lưu ý: Thời gian trên là dự tính và có thể thay đổi tùy thuộc vào tình hình thực tế triển khai công việc.

10. Phương thức thực hiện quyền

Cổ đông hiện hữu có tên trong danh sách tại ngày chốt Danh sách cổ đông để thực hiện quyền mua cổ phiếu phát hành thêm có quyền chuyển nhượng quyền mua cổ phiếu của mình cho người khác trong thời gian quy định và chỉ được chuyển nhượng 01 lần (người nhận chuyển nhượng không được chuyển nhượng lại cho người thứ ba).

Cổ phiếu chào bán thêm cho cổ đông hiện hữu không bị hạn chế chuyển nhượng.

Quyền mua cổ phần được phép chia nhỏ để chuyển nhượng cho nhiều nhà đầu tư khác nhau theo thỏa thuận giữa hai bên

Số cổ phiếu còn lại mà cổ đông hiện hữu không thực hiện quyền mua khi được chào bán cho các nhà đầu tư khác sẽ bị hạn chế chuyển nhượng trong thời hạn 01 năm kể từ ngày kết thúc đợt chào bán theo đúng quy định của pháp luật.

11. Các hạn chế liên quan đến việc chuyển nhượng cổ phiếu

Toàn bộ số cổ phiếu chào bán cho cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ thực hiện quyền được tự do chuyển nhượng;

Số lượng cổ phiếu lẻ phát sinh và số lượng cổ phiếu mà cổ đông hiện hữu được mua nhưng từ chối mua được chào bán cho đối tượng khác bị hạn chế chuyển nhượng trong vòng 01 năm kể từ ngày kết thúc đợt chào bán theo quy định Khoản 2 Điều 42 Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ.

12. Ngân hàng mở tài khoản phong tỏa nhận tiền mua cổ phiếu

Toàn bộ số tiền thu được từ đợt chào bán cổ phiếu sẽ được chuyển vào tài khoản phong tỏa:

- Số tài khoản: 1222344100
- Mở tại: Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BIDV) – Chi nhánh Hà Thành
- Tên người thụ hưởng: Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội

Ngân hàng nơi tài khoản phong tỏa được mở không phải là tổ chức có liên quan của SHS.

Tài khoản phong tỏa không trùng với tài khoản thanh toán của SHS.

13. Ý kiến của cơ quan có thẩm quyền về đợt tăng vốn điều lệ của Tổ chức phát hành

Không có.

14. Hủy bỏ đợt chào bán

Không có

15. Biện pháp đảm bảo tuân thủ quy định về sở hữu nước ngoài

Tỷ lệ sở hữu của Nhà Đầu tư nước ngoài của Công ty tuân thủ theo các quy định sau.

- Luật Chứng khoán năm 2019 số 54/2019/QH14:

“Điều 51. Tham gia của nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài trên thị trường chứng khoán Việt Nam

1. Nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài khi tham gia đầu tư, hoạt động trên thị trường chứng khoán Việt Nam tuân thủ quy định về tỷ lệ sở hữu nước ngoài, điều kiện, trình tự, thủ tục đầu tư theo quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

2. Chính phủ quy định chi tiết tỷ lệ sở hữu nước ngoài, điều kiện, trình tự, thủ tục đầu tư, việc tham gia của nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài trên thị trường chứng khoán Việt Nam.

Điều 77. Tham gia của nhà đầu tư nước ngoài trong công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán

1. Nhà đầu tư nước ngoài được tham gia góp vốn thành lập, mua cổ phần, phần vốn góp của công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán theo nguyên tắc sau đây:

a) Nhà đầu tư nước ngoài là tổ chức đáp ứng điều kiện quy định tại khoản 2 Điều này và người có liên quan được sở hữu đến 100% vốn điều lệ của công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán. Trường hợp không đáp ứng quy định tại khoản 2 Điều này, nhà đầu tư nước ngoài là tổ chức và người có liên quan chỉ được sở hữu đến 49% vốn điều lệ của công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán;

b) Nhà đầu tư nước ngoài là cá nhân và người có liên quan chỉ được sở hữu đến 49% vốn điều lệ của công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán;

c) Tuân thủ quy định tại điểm c khoản 2 Điều 74 và điểm c khoản 2 Điều 75 của Luật này.

2. Tổ chức nước ngoài tham gia góp vốn thành lập, mua cổ phần, phần vốn góp để sở hữu 100% vốn điều lệ của công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán phải đáp ứng các điều kiện sau đây:

a) Được cấp phép và có thời gian hoạt động liên tục trong lĩnh vực ngân hàng, chứng khoán, bảo hiểm trong thời hạn 02 năm liền trước năm tham gia góp vốn thành lập, mua cổ phần, phần vốn góp;

b) Cơ quan cấp phép của nước nguyên xứ và Ủy ban Chứng khoán Nhà nước đã ký kết thỏa thuận hợp tác song phương hoặc đa phương về trao đổi thông tin, hợp tác quản lý, thanh tra, giám sát hoạt động về chứng khoán và thị trường chứng khoán;

c) Hoạt động kinh doanh có lãi trong 02 năm liền trước năm tham gia góp vốn thành lập, mua cổ phần, phần vốn góp và báo cáo tài chính năm gần nhất phải được kiểm toán với ý kiến chấp nhận toàn phần.

3. Công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ nước ngoài được thành lập chi nhánh, văn phòng đại diện theo quy định tại Điều 76 và Điều 78 của Luật này”.

- Nghị định 155/2020/NĐ-CP: “Điều 139. Tỷ lệ sở hữu nước ngoài trên thị trường chứng khoán Việt Nam. 5. Trường hợp công ty đại chúng có tỷ lệ sở hữu nước ngoài vượt quá tỷ lệ quy định tại khoản 1 Điều này, công ty đại chúng phải bảo đảm không làm tăng tỷ lệ sở hữu nước ngoài tại công ty. Trường hợp pháp luật liên quan không có quy định khác, các cổ đông của công ty đại chúng là nhà đầu tư nước ngoài và tổ chức kinh tế có nhà đầu tư nước ngoài sở hữu trên 50% vốn điều lệ chỉ được phép bán ra cổ phiếu cho đến khi tỷ lệ sở hữu nước ngoài tại công ty đại chúng tuân thủ quy định tại khoản 1 Điều này, ngoại trừ việc nhận cổ tức bằng cổ phiếu hoặc mua cổ phiếu trong đợt phát hành thêm cho cổ đông hiện hữu”.

- Điểm a Khoản 6 Điều 8 Điều lệ SHS:

“Điều 8: Vốn Điều lệ và Tỷ lệ sở hữu nước ngoài tại Công ty:

...6. Tỷ lệ sở hữu nước ngoài tại Công ty:

a. Tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa tại Công ty là không quá 49% Vốn Điều lệ của Công ty”

- Theo Văn bản số 1349/UBCK-QLKD ngày 18/03/2022 của UBCKNN về hồ sơ thông báo tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa, tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa tại Công ty là 49% Vốn Điều lệ của Công ty.

Theo thông tin về số liệu sở hữu của nhà đầu tư nước ngoài do VSDC công bố, tỷ lệ sở hữu của Nhà đầu tư nước ngoài ngày 31/12/2024 (bao gồm cá nhân và tổ chức) tại Công ty là 3,01%.

- Phương án đảm bảo tỷ lệ sở hữu của nhà đầu tư nước ngoài trong đợt chào bán được thực hiện như sau:

- ✓ Trong thời gian thực hiện quyền mua cổ phiếu chào bán, việc phân phối cổ phiếu cho CDHH, Công ty đảm bảo tuân thủ quy định về Tỷ lệ SIINN tối đa theo quy định pháp luật.
- ✓ Đối với trường hợp chuyển nhượng quyền mua của CDHH, căn cứ tỷ lệ sở hữu của Nhà đầu tư nước ngoài tại SHS theo Danh sách người sở hữu chứng khoán (Danh sách cổ đông) tại Ngày đăng ký cuối cùng để thực hiện quyền mua từ đợt chào bán, SHS sẽ phối hợp với Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam (VSDC) kiểm soát việc chuyển nhượng quyền mua của CDHH (nếu có) để đảm bảo Tỷ lệ sở hữu của Cổ đông tại SHS sau đợt chào bán tuân thủ theo quy định pháp luật.
- ✓ Khi thực hiện phân phối cổ phiếu còn dư cho các đối tượng khác, HĐQT SHS phối hợp với VSDC trong việc đảm bảo Tỷ lệ SHNN của Công ty tuân thủ theo các quy định tại khoản 1, 2 Điều 51 Luật Chứng khoán và khoản 5 Điều 139 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 và Văn bản số 1349/UBCK-QLKD ngày 18/03/2022 UBCKNN.

16. Các loại thuế có liên quan

16.1. Đối với Công ty

- Thuế thu nhập doanh nghiệp

Theo Luật Thuế TNDN số 14/2008/QH12 ngày 03/06/2008 và Luật số 32/2013/QH13 được Quốc hội ban hành ngày 19/06/2013 về việc sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Thuế TNDN, thì mức thuế suất thuế TNDN của Công ty hiện nay là 20%.

- Thuế giá trị gia tăng (VAT)

- Thuế giá trị gia tăng áp dụng đối với hoạt động kinh doanh của Công ty thực hiện theo quy định của Luật Thuế giá trị gia tăng năm 2008 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thuế giá trị gia tăng năm 2013 và các văn bản hướng dẫn thi hành.
- Thuế suất thuế giá trị gia tăng mà Công ty phải chịu là 10%.

16.2. Đối với nhà đầu tư

16.2.1 Đối với nhà đầu tư cá nhân

Thu nhập từ chuyển nhượng chứng khoán

- Đối với nhà đầu tư trong nước: thì thu nhập từ chuyển nhượng chứng khoán áp dụng thuế suất là 20% trên thu nhập tính thuế của cả năm hoặc áp dụng thuế suất 0,1% trên giá chuyển nhượng chứng khoán từng lần. Việc áp dụng thuế suất 20% trên thu nhập tính thuế cả năm phải đáp ứng điều kiện quy định tại khoản 4a. Điều 2. Thông tư số 111/2013/TT-BTC ngày 27/6/2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn về thuế thu nhập cá nhân và căn cứ khoản 5. Điều 16. Thông tư số 156/2013/TT-BTC ngày 6/11/2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều của Luật Quản lý thuế; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quản lý thuế thì: *Thu nhập từ chuyển nhượng chứng khoán áp dụng thuế suất là 20% trên thu nhập tính thuế của cả năm hoặc áp dụng thuế suất 0,1% trên giá chuyển nhượng chứng khoán từng lần đối với cá nhân cư trú.*
- Đối với nhà đầu tư nước ngoài: thu nhập từ chuyển nhượng chứng khoán áp dụng thuế suất thuế TNCN 0,1% trên tổng số tiền nhận được từ việc chuyển nhượng.

Thu nhập từ cổ tức

- Cũng theo Thông tư số 111/2013/TT-BTC, thu nhập của cá nhân từ cổ tức cũng được xem là thu nhập chịu thuế với mức thuế suất toàn phần là 5%.
- Trường hợp nhà đầu tư nhận cổ tức bằng tiền mặt, thuế thu nhập cá nhân được tính bằng cổ tức mỗi lần trả nhân với thuế suất 5%.

Trường hợp nhận cổ tức bằng cổ phiếu hoặc cổ phiếu thưởng, nhà đầu tư chưa phải nộp thuế khi nhận cổ phiếu, nhưng khi tiến hành chuyển nhượng số cổ phiếu này thì nhà đầu tư mới phải thực hiện nghĩa vụ thuế và áp dụng mức thuế suất tương tự như trường hợp chuyển nhượng chứng khoán.

16.2.2 Đối với nhà đầu tư tổ chức

Thu nhập từ chuyển nhượng chứng khoán

- Tổ chức trong nước: Theo quy định tại Luật Thuế TNDN số 14/2008/QH12 ngày 03/6/2008 và Luật số 32/2013/QH13 ngày 19/06/2013 sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Thuế TNDN số 14/2008/QH12 thì thu nhập từ chuyển nhượng vốn, chuyển nhượng chứng khoán là thu nhập khác áp dụng thuế suất thuế TNDN là 20%.
- Riêng đối với doanh nghiệp nước ngoài, tổ chức nước ngoài sản xuất kinh doanh tại Việt Nam không theo Luật Doanh nghiệp, Luật Đầu tư thì thu nhập từ chuyển nhượng chứng khoán sẽ nộp thuế TNDN theo tỷ lệ 0,1% trên doanh thu tính thuế.

Thu nhập từ cổ tức: Được miễn thuế theo quy định tại Khoản 6. Điều 4 Luật Thuế TNDN 2008.

17. Thông tin về các cam kết

- Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn – Hà Nội cam kết sẽ triển khai việc đăng ký chứng khoán bổ sung tại Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam và niêm yết bổ sung tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội đối với toàn bộ số lượng cổ phiếu đã được chào bán của Công ty sau khi kết thúc đợt chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng theo đúng quy định của pháp luật.
- Cam kết khác liên quan đến đợt chào bán: Không có.

18. Thông tin về các chứng khoán khác được chào bán, phát hành trong cùng đợt

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn – Hà Nội đã ban hành Quyết định số 48-2024/QĐ-HĐQT ngày 26/09/2024 thông qua trình tự thực hiện 03 Phương án phát hành Cổ phiếu để tăng Vốn điều lệ Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn – Hà Nội năm 2024 theo Nghị quyết số 01-2024/NQ-DHĐCĐ ngày 15/05/2024 của Đại hội đồng Cổ đông:

“Triển khai thực hiện 03 Phương án: (1) Phát hành cổ phiếu để trả cổ tức năm 2023; (2) Phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu; (3) Chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng cho Cổ đông hiện hữu trong cùng một đợt, cụ thể như sau:

Sau khi nộp Hồ sơ đăng ký chào bán/ Tài liệu báo cáo phát hành và nhận được văn bản/thông báo của UBCKNN về việc cấp Giấy chứng nhận đăng ký chào bán/ Thông báo về việc nhận được Tài liệu báo cáo phát hành của SHS, HĐQT SHS sẽ tiến hành chốt Danh sách cổ đông để thực hiện đồng thời các quyền: (1) Quyền nhận cổ phiếu phát hành để trả cổ tức năm 2023 và (2) Quyền nhận cổ phiếu phát hành để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu và (3) Quyền mua cổ phiếu phát hành thêm đợt chào bán cổ phiếu ra công chúng cho CĐHH vào cùng một ngày và theo các quy định, hướng dẫn của CQQLNN liên quan.”

➤ **Phát hành cổ phiếu để trả cổ tức năm 2023**

1. Số lượng cổ phiếu dự kiến phát hành:	40.657.838 (Bốn mươi triệu sáu trăm năm mươi bảy nghìn tám trăm ba mươi tám) cổ phiếu.
2. Tổng giá trị cổ phiếu dự kiến phát hành theo mệnh giá:	406.578.380.000 (Bốn trăm linh sáu tỷ năm trăm bảy mươi tám triệu ba trăm tám mươi nghìn) đồng.
3. Phương thức phát hành:	Phát hành cổ phiếu để trả cổ tức năm 2023
4. Tỷ lệ phát hành:	5% tương ứng tỷ lệ thực hiện quyền 100:5; Theo đó căn cứ vào ngày đăng ký cuối cùng để phân bổ quyền, cổ đông hiện hữu sở hữu 01 cổ phiếu tương ứng sẽ được hưởng 01 quyền nhận cổ phiếu, cứ 100 quyền sẽ được nhận thêm 05 cổ phiếu mới.

5. Nguồn vốn thực hiện:	Từ nguồn lợi nhuận sau thuế năm 2023, căn cứ trên Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2023, 2024 và đảm bảo tuân thủ các quy định của pháp luật, cụ thể như sau:	
	Nguồn vốn sử dụng	Giá trị (đồng)
	Lợi nhuận sau thuế năm 2023	406.578.380.000
6. Đối tượng phát hành:	Cổ đông hiện hữu theo Danh sách cổ đông tại ngày đăng ký cuối cùng thực hiện quyền nhận cổ phiếu phát hành để trả cổ tức năm 2023.	
7. Chuyển nhượng quyền:	Quyền nhận cổ phiếu phát hành để trả cổ tức năm 2023 không được phép chuyển nhượng. Cổ phiếu quỹ (nếu có) không được thực hiện quyền.	
8. Xử lý số cổ phiếu lẻ phát sinh (nếu có):	Cổ phiếu phát hành để trả cổ tức năm 2023 cho cổ đông hiện hữu sẽ được làm tròn xuống đến hàng đơn vị. Phần lẻ cổ phiếu phát sinh do làm tròn xuống (nếu có) sẽ bị hủy bỏ. <i>Ví dụ: Cổ đông Nguyễn Văn A sở hữu 157 cổ phiếu SHS sẽ được quyền nhận thêm: $157 \times 5/100 = 7,85$ làm tròn xuống thành 7 cổ phiếu SHS, phần lẻ cổ phiếu sẽ bị hủy bỏ.</i>	
9. Phương án sử dụng vốn từ đợt phát hành:	Sau khi hoàn tất việc phát hành, số vốn điều lệ tăng thêm sẽ được sử dụng cho mục đích bổ sung nguồn vốn hoạt động kinh doanh của Công ty.	
10. Các hạn chế liên quan:	Cổ phiếu phát hành để trả cổ tức năm 2023 không bị hạn chế chuyển nhượng. Các cổ phiếu trong tình trạng hạn chế chuyển nhượng vẫn được nhận cổ phiếu từ đợt phát hành.	

➤ **Phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu**

1. Số lượng cổ phiếu dự kiến phát hành:	40.657.838 (Bốn mươi triệu sáu trăm năm mươi bảy nghìn tám trăm ba mươi tám) cổ phiếu.
2. Tổng giá trị cổ phiếu dự kiến phát hành theo mệnh giá:	406.578.380.000 (Bốn trăm linh sáu tỷ năm trăm bảy mươi tám triệu ba trăm tám mươi nghìn) đồng.
3. Phương thức phát hành:	Phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu
4. Tỷ lệ phát hành:	5% tương ứng tỷ lệ thực hiện quyền 100:5 ; Theo đó căn cứ vào ngày đăng ký cuối cùng để phân bổ quyền,

	cổ đông hiện hữu sở hữu 01 cổ phiếu tương ứng sẽ được hưởng 01 quyền nhận cổ phiếu, cứ 100 quyền sẽ được nhận thêm 05 cổ phiếu mới.								
5. Nguồn vốn thực hiện:	Từ nguồn Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ và Thặng dư vốn cổ phần lũy kế đến 31/12/2023, căn cứ trên Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2023, 2024 và đảm bảo tuân thủ các quy định của pháp luật, cụ thể như sau: <table border="1"> <thead> <tr> <th>Nguồn vốn sử dụng</th><th>Giá trị (đồng)</th></tr> </thead> <tbody> <tr> <td>Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ</td><td>77.136.777.489</td></tr> <tr> <td>Thặng dư vốn cổ phần</td><td>329.441.602.511</td></tr> <tr> <td>Tổng cộng</td><td>406.578.380.000</td></tr> </tbody> </table>	Nguồn vốn sử dụng	Giá trị (đồng)	Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	77.136.777.489	Thặng dư vốn cổ phần	329.441.602.511	Tổng cộng	406.578.380.000
Nguồn vốn sử dụng	Giá trị (đồng)								
Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	77.136.777.489								
Thặng dư vốn cổ phần	329.441.602.511								
Tổng cộng	406.578.380.000								
6. Đối tượng phát hành:	Cổ đông hiện hữu theo danh sách cổ đông tại ngày đăng ký cuối cùng thực hiện quyền nhận cổ phiếu phát hành để tăng vốn cổ phần từ NVCSH.								
7. Chuyển nhượng quyền:	Quyền nhận cổ phiếu tăng vốn cổ phần từ NVCSH không được phép chuyển nhượng. Cổ phiếu quỹ (nếu có) không được thực hiện quyền.								
8. Xử lý số cổ phiếu lẻ phát sinh (nếu có):	Cổ phiếu tăng vốn cổ phần từ NVCSH cho cổ đông hiện hữu sẽ được làm tròn xuống đến hàng đơn vị. Phần lẻ cổ phiếu phát sinh do làm tròn xuống (nếu có) sẽ bị hủy bỏ. <i>Ví dụ: Cổ đông Nguyễn Văn A sở hữu 157 cổ phiếu SHS sẽ được quyền nhận thêm: $157 \times 5/100 = 7,85$ làm tròn xuống thành 7 cổ phiếu SHS, phần lẻ cổ phiếu sẽ bị hủy bỏ.</i>								
9. Phương án sử dụng vốn từ đợt phát hành:	Sau khi hoàn tất việc phát hành, số vốn điều lệ tăng thêm sẽ được sử dụng cho mục đích bổ sung nguồn vốn hoạt động kinh doanh của Công ty.								
10. Các hạn chế liên quan:	Cổ phiếu phát hành để tăng vốn cổ phần từ NVCSH không bị hạn chế chuyển nhượng. Các cổ phiếu trong tình trạng hạn chế chuyển nhượng vẫn được nhận cổ phiếu từ đợt phát hành.								

VII. MỤC ĐÍCH CHÀO BÁN

Công ty chào bán cổ phiếu nhằm mục đích bổ sung nguồn vốn cho hoạt động cho vay margin, ứng trước tiền bán chứng khoán, bổ sung nguồn vốn cho hoạt động đầu tư chứng khoán (cổ phiếu và/ hoặc trái phiếu).

VIII. KẾ HOẠCH SỬ DỤNG SỐ TIỀN THU ĐƯỢC TỪ ĐỢT CHÀO BÁN

Dự kiến số tiền thu được từ đợt chào bán cổ phần là 8.131.567.480.000 đồng.

Số tiền dự kiến thu được từ đợt chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng sẽ được sử dụng cho mục đích bổ sung nguồn vốn hoạt động kinh doanh của Công ty theo thứ tự ưu tiên từ trên xuống dưới, dự kiến như sau:

TT	Nội dung	Số tiền (đồng)	Tỷ lệ tương ứng/ số tiền thu được (%)	Tiến độ sử dụng vốn dự kiến
1	Bổ sung nguồn vốn cho hoạt động cho vay margin, ứng trước tiền bán chứng khoán, trong đó:	3.252.626.992.000	40,00	Tối đa 03 tháng kể từ ngày UBCKNN có thông báo nhận được Báo cáo kết quả chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng của SHS
	- Cho vay margin	2.252.626.992.000	27,70	
	- Ứng trước tiền bán chứng khoán	1.000.000.000.000	12,30	
2	Bổ sung nguồn vốn cho hoạt động đầu tư chứng khoán (Cổ phiếu và/hoặc Trái phiếu), trong đó:	4.878.940.488.000	60,00	
	- Đầu tư Trái phiếu	4.378.940.488.000	53,85	
	- Đầu tư Cổ phiếu	500.000.000.000	6,15	
	Tổng cộng	8.131.567.480.000	100,00	

Trong trường hợp cổ phần chào bán không được phân phối hết và số lượng vốn huy động không đủ tài trợ cho mục đích chào bán, HĐQT sẽ xem xét và quyết định sử dụng linh hoạt các nguồn vốn hợp pháp khác như vay ngân hàng, phát hành trái phiếu, vay các tổ chức khác để bổ sung (nếu cần).

IX. CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN ĐẾN ĐỢT CHÀO BÁN**TỔ CHỨC KIỂM TOÁN****Công ty TNHH Hãng kiểm toán AASC****Trụ sở chính:** Số 01 Phố Lê Phụng Hiểu, Phường Trảng Tiền, Quận Hoàn Kiếm, TP Hà Nội**Điện thoại:** (84.24) 3824 1990 **Fax:** (84.24) 3825 3973**Văn phòng tại Thành phố Hồ Chí Minh:** Lầu 3, Tòa nhà Galaxy 9 - Số 9 Đường Nguyễn Khoái, Phường 1, Quận 4, TP HCM**Điện thoại:** (84.28) 3945 0505 **Fax:** (84.28) 3945 1106**Website:** www.aasc.com.vn**X. CÁC THÔNG TIN QUAN TRỌNG KHÁC CÓ THỂ ẢNH HƯỞNG ĐẾN QUYẾT ĐỊNH CỦA NHÀ ĐẦU TƯ**

Ngày 24/01/2025, UBCKNN đã có Quyết định số 63/QĐ-XPHC xử phạt vi phạm hành chính đối với Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn – Hà Nội, như sau:

- *“Vi phạm quy định về nhận lệnh và thực hiện lệnh giao dịch của khách hàng (Tại một số thời điểm, Công ty cổ phần Chứng khoán Sài Gòn – Hà Nội (Công ty) cho một số khách hàng đặt lệnh mua chứng khoán khi chưa đủ tiền trên tài khoản giao dịch chứng khoán);*
- *Báo cáo không đúng thời hạn theo quy định pháp luật (Công ty báo cáo UBCKNN không đúng thời hạn theo quy định pháp luật về việc mở tài khoản chuyên dụng tại ngân hàng thương mại để quản lý tiền gửi giao dịch chứng khoán của khách hàng);*
- *Không thực hiện quản lý tách biệt tài sản của khách hàng với tài sản của công ty chứng khoán (Tại một số thời điểm, Công ty phát sinh giao dịch chuyển tiền giữa tài khoản chuyên dụng và tài khoản thanh toán của Công ty);*
- *Cho khách hàng thực hiện giao dịch ký quỹ vượt quá sức mua hiện có trên tài khoản giao dịch ký quỹ của khách hàng (Tại một số thời điểm, Công ty cho một số khách hàng thực hiện giao dịch ký quỹ vượt quá sức mua hiện có trên tài khoản giao dịch ký quỹ của khách hàng);*
- *Thực hiện dịch vụ quy định tại điểm b khoản 1 Điều 86 Luật Chứng khoán khi chưa được UBCKNN chấp thuận bằng văn bản (Công ty phối hợp với Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam và Ngân hàng TMCP Sài Gòn – Hà Nội (SHB) cung cấp dịch vụ cho một số khách hàng vay tiền mua chứng khoán khi chưa được UBCKNN chấp thuận);*
- *Vi phạm quy định về hạn chế cho vay (Công ty cho khách hàng vay tiền qua hình thức giao tiền đặt cọc theo các Hợp đồng tìm kiếm, giới thiệu khách hàng với Công ty Cổ phần Đầu tư Tài chính Công nghệ Hà Nội (Fintech) và Hợp đồng mua bán cổ phần với Công ty Cổ phần Encapital Holdings nhưng không thực hiện theo các hợp đồng đã ký kết, có hoàn trả gốc và phí);*
- *Cung cấp các dịch vụ chứng khoán hoặc dịch vụ khác phải báo cáo UBCKNN trước khi thực hiện nhưng chưa báo cáo UBCKNN hoặc khi chưa có ý kiến bằng văn bản của UBCKNN hoặc chưa có quy định hướng dẫn của cơ quan nhà nước có thẩm quyền (Công ty thực hiện dịch vụ*

kết nối, luân chuyển tiền từ các khách hàng ký hợp đồng môi giới chứng khoán tới tài khoản giao dịch chứng khoán của khách hàng khác (Fintech) khi chưa báo cáo UBCKNN);

- Công bố thông tin không đầy đủ nội dung theo quy định pháp luật (Công ty công bố thông tin không đầy đủ nội dung giao dịch với bên liên quan tại các Báo cáo tình hình quản trị Công ty năm 2022, 2023 và 6 tháng đầu năm 2022, 2023, 2024, cụ thể: Công ty không nêu đầy đủ số lượng, tổng giá trị giao dịch tại mục giao dịch giữa Công ty với người có liên quan của Công ty; hoặc giữa Công ty với cổ đông lớn, người nội bộ, người có liên quan của người nội bộ theo mẫu quy định tại Phụ lục V ban hành kèm theo Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán);
- Vi phạm quy định về giao dịch với cổ đông, người quản lý doanh nghiệp và người có liên quan của các đối tượng này (Theo Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2022 được kiểm toán, Công ty phát sinh các giao dịch nhận tiền vay có tổng giá trị giao dịch là 5.381.490.000.000 và trả nợ vay có tổng giá trị giao dịch là 7.118.490.000.000 đồng với SHB (bên liên quan), lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản của Công ty trên Báo cáo tài chính năm 2022 nhưng chưa được Đại hội đồng cổ đông thông qua);
- Không công bố đối với thông tin phải công bố theo quy định pháp luật (Công ty không công bố đối với thông tin phải công bố theo quy định pháp luật trên chuyên trang thông tin về trái phiếu doanh nghiệp của Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội đối với các tài liệu: Báo cáo định kỳ tình hình thực hiện các cam kết của doanh nghiệp phát hành đối với người sở hữu trái phiếu năm 2022 và Báo cáo tình hình sử dụng số tiền thu được từ việc phát hành trái phiếu được kiểm toán năm 2022).

Hình thức xử phạt, biện pháp khắc phục hậu quả như sau:

a) Hình thức xử phạt chính: Phạt tiền, cụ thể

- Phạt tiền 125.000.000 đồng (Một trăm hai mươi lăm triệu đồng) đối với hành vi vi phạm quy định về nhận lệnh và thực hiện lệnh giao dịch của khách hàng;
- Phạt tiền 125.000.000 đồng (Một trăm hai mươi lăm triệu đồng) đối với hành vi vi phạm cáo không đúng thời hạn theo quy định pháp luật;
- Phạt tiền 125.000.000 đồng (Một trăm hai mươi lăm triệu đồng) đối với hành vi không thực hiện quản lý tách biệt tài sản của khách hàng với tài sản của công ty chứng khoán;
- Phạt tiền 125.000.000 đồng (Một trăm hai mươi lăm triệu đồng) đối với hành vi cho khách hàng thực hiện giao dịch ký quỹ vượt quá sức mua hiện có trên tài khoản giao dịch ký quỹ của khách hàng;
- Phạt tiền 125.000.000 đồng (Một trăm hai mươi lăm triệu đồng) đối với hành vi thực hiện dịch vụ quy định tại điểm b khoản 1 Điều 86 Luật Chứng khoán khi chưa được UBCKNN chấp thuận bằng văn bản;
- Phạt tiền 125.000.000 đồng (Một trăm hai mươi lăm triệu đồng) đối với hành vi vi phạm quy định về hạn chế cho vay;
- Phạt tiền 125.000.000 đồng (Một trăm hai mươi lăm triệu đồng) đối với hành vi cung cấp các dịch vụ chứng khoán hoặc dịch vụ khác phải báo cáo UBCKNN trước khi thực hiện nhưng

chưa báo cáo UBCKNN hoặc khi chưa có ý kiến bằng văn bản của UBCKNN hoặc chưa có quy định hướng dẫn của cơ quan nhà nước có thẩm quyền;

- Phạt tiền 125.000.000 đồng (Một trăm hai mươi lăm triệu đồng) đối với hành vi công bố thông tin không đầy đủ nội dung theo quy định pháp luật;
- Phạt tiền 125.000.000 đồng (Một trăm hai mươi lăm triệu đồng) đối với hành vi vi phạm quy định về giao dịch với cổ đông, người quản lý doanh nghiệp và người có liên quan của các đối tượng này;
- Phạt tiền 125.000.000 đồng (Một trăm hai mươi lăm triệu đồng) đối với hành vi không công bố đối với thông tin phải công bố theo quy định pháp luật
- Tổng số tiền phạt: 1.392.500.000 đồng (Một tỷ ba trăm chín mươi ba triệu năm trăm nghìn đồng).

b) Hình thức xử phạt bổ sung:

- Tước quyền sử dụng chứng chỉ hành nghề chứng khoán từ 01 tháng đến 03 tháng đối với người hành nghề chứng khoán thực hiện hành vi vi phạm quy định về nhận lệnh và thực hiện lệnh giao dịch của khách hàng theo quy định tại điểm b khoản 7 Điều 26 Nghị định 156/2020/NĐ-CP: **Không áp dụng do xử phạt công ty chứng khoán;**
- Đình chỉ hoạt động kinh doanh, dịch vụ chứng khoán có thời hạn từ 01 tháng đến 03 tháng đối với hành vi cung cấp các dịch vụ chứng khoán hoặc dịch vụ khác phải báo cáo UBCKNN trước khi thực hiện nhưng chưa báo cáo UBCKNN hoặc khi chưa có ý kiến bằng văn bản của UBCKNN hoặc chưa có quy định hướng dẫn của cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định tại điểm b khoản 7 Điều 24 Nghị định số 156/2020/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung tại khoản 20 Điều 1 Nghị định số 128/2021/NĐ-CP: **Không áp dụng** (Căn cứ khoản 5 Điều 86 Luật Chứng khoán, UBCKNN yêu cầu Công ty dừng các hoạt động phối hợp với các tổ chức tín dụng để cung cấp dịch vụ cho khách hàng vay tiền mua chứng khoán, dừng việc thực hiện dịch vụ kết nối, luân chuyển tiền giữa các khách hàng ký hợp đồng môi giới chứng khoán để chuyển tới tài khoản giao dịch chứng khoán của Công ty Cổ phần Đầu tư Tài chính Công nghệ Hà Nội. UBCKNN yêu cầu Công ty không được cung cấp các dịch vụ chứng khoán hoặc dịch vụ khác khi chưa báo cáo UBCKNN, khi chưa có ý kiến bằng văn bản của UBCKNN hoặc chưa có quy định hướng dẫn của cơ quan nhà nước có thẩm quyền).

c) Biện pháp khắc phục hậu quả: **Không có."**

Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn – Hà Nội đã nghiêm chỉnh chấp hành quyết định xử phạt này và nộp tiền phạt tại Kho bạc Nhà nước Hà Nội theo đúng quy định tại Quyết định xử phạt.

[Phần còn lại bỏ trống là do cố ý]

XI. NGÀY THÁNG, CHỮ KÝ ĐÓNG DẤU CỦA ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC PHÁT HÀNH

Hà Nội, ngày 06 tháng 03 năm 2025

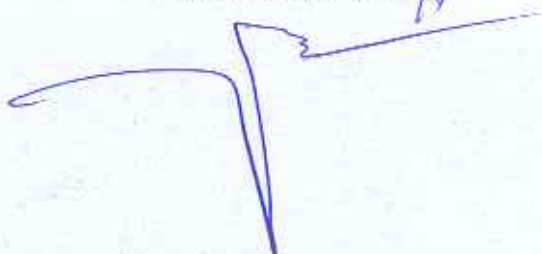
TỔ CHỨC PHÁT HÀNH
CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN - HÀ NỘI

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



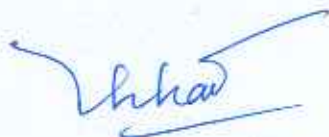
ĐỖ QUANG VINH

TỔNG GIÁM ĐỐC



NGUYỄN CHÍ THÀNH

KÊ TOÁN TRƯỞNG



PHẠM THỊ THANH HẢO

XII. PHỤ LỤC

1. Phụ lục I

Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 số 01-2024/NQ-ĐHĐCĐ ngày 15/05/2024 kèm Tờ trình số 14-2024/TTr-ĐHĐCĐ về việc thông qua Phương án tăng vốn điều lệ năm 2024 của SHS;

Quyết định của Hội đồng quản trị số 35-2024/QĐ-HĐQT ngày 21/06/2024 thông qua triển khai phương án phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ năm 2024 và thông qua phương án đảm bảo việc phát hành cổ phiếu đáp ứng quy định về tỷ lệ sở hữu nước ngoài;

Quyết định của Hội đồng quản trị số 48-2024/QĐ-HĐQT ngày 26/09/2024 sửa đổi, bổ sung một số điểm của Quyết định của Hội đồng quản trị số 35-2024/QĐ-HĐQT ngày 21/06/2024;

2. Phụ lục II

Giấy phép thành lập và hoạt động của Công ty chứng khoán;

Giấy Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.

3. Phụ lục III

Điều lệ Công ty.

4. Phụ lục IV

Báo cáo tài chính năm 2023, 2024 đã được kiểm toán;

[Phần còn lại bỏ trống là do cố ý]



NGHỊ QUYẾT
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN 2024
(Thường niên lần thứ XVII)

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CÔNG TY CP CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN – HÀ NỘI

Căn cứ:

- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14, Luật số 03/2022/QH15 ngày 11/01/2022 và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thi hành;
- Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019 và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thi hành;
- Điều lệ Công ty CP Chứng khoán Sài Gòn – Hà Nội (SHS) được thông qua và có hiệu lực kể từ ngày 28/04/2023;
- Biên bản họp Đại hội đồng Cổ đông Công ty CP Chứng khoán Sài Gòn – Hà Nội phiên họp thường niên năm 2024 (ĐHĐCĐ thường niên lần thứ XVII) số 01-2024/BBH-ĐHĐCĐ ngày 15/05/2024,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1: Thông qua Báo cáo của Hội đồng Quản trị của Công ty CP Chứng khoán Sài Gòn – Hà Nội tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024, bao gồm kết quả hoạt động của Hội đồng Quản trị và từng thành viên Hội đồng Quản trị trong năm 2023 và định hướng hoạt động trong năm 2024, các nội dung theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, Nghị định 155-2020/NĐ-CP.

Điều 2: Thông qua Báo cáo của Ban Kiểm soát của Công ty CP Chứng khoán Sài Gòn – Hà Nội tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 gồm: (i) Báo cáo của Ban kiểm soát về kết quả kinh doanh của công ty, kiểm tra xem xét Báo cáo Tài chính năm 2023 đã được kiểm toán, kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị và Tổng Giám đốc; (ii) Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban kiểm soát và Thành viên Kiểm soát; (iii) Chương trình hành động, kế hoạch hoạt động của Ban Kiểm soát trong năm 2024, các nội dung theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, Nghị định 155-2020/NĐ-CP.

Điều 3: Thông qua Báo cáo Tài chính năm 2023 của Công ty CP Chứng khoán Sài Gòn – Hà Nội đã được kiểm toán độc lập, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh năm 2023.

Điều 4: Thông qua Kế hoạch hoạt động Kinh doanh năm 2024 của Công ty CP Chứng

Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông SHS thường niên năm 2024

khoán Sài Gòn – Hà Nội (theo Tờ trình số 01-2024/TTr-ĐHĐCĐ).

Điều 5: Thông qua Phương án lựa chọn Công ty kiểm toán độc lập năm tài chính 2024 (theo nội dung Tờ trình số 10-2024/TTr-ĐHĐCĐ).

Điều 6: Thông qua việc thay đổi mô hình cơ cấu tổ chức quản lý và hoạt động của Công ty theo điểm b, Khoản 1, Điều 137 Luật Doanh nghiệp, đồng thời bãi nhiệm toàn bộ các thành viên Ban Kiểm soát đương nhiệm của Công ty (theo nội dung Tờ trình số 12-2024/TTr-ĐHĐCĐ).

Theo đó Công ty sẽ tổ chức hoạt động và quản trị theo mô hình bao gồm:

- Đại hội đồng Cổ đông;
- Hội đồng Quản trị (có Ủy ban Kiểm toán trực thuộc Hội đồng Quản trị);
- Tổng Giám đốc.

Điều 7: Thông qua các nội dung sửa đổi, bổ sung và áp dụng Điều lệ Công ty, các Quy chế thuộc thẩm quyền phê duyệt của Đại hội đồng cổ đông (theo nội dung Tờ trình số 13-2024/TTr-ĐHĐCĐ).

Điều 8: Thông qua Phương án Phân phối lợi nhuận năm 2023 và trích lập các quỹ của Công ty CP Chứng khoán Sài Gòn – Hà Nội (theo nội dung Tờ trình số 02-2024/TTr-ĐHĐCĐ).

Điều 9: Thông qua Phương án tăng vốn điều lệ năm 2024 của Công ty CP Chứng khoán Sài Gòn – Hà Nội (theo nội dung tại Tờ trình số 14-2024/TTr-ĐHĐCĐ), bao gồm:

- 9.1. Phương án phát hành cổ phiếu để trả cổ tức năm 2023 và Giao/Ủy quyền cho HĐQT triển khai thực hiện;
- 9.2. Phương án Phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu cổ phần và Giao/Ủy quyền cho HĐQT triển khai thực hiện;
- 9.3. Phương án Chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng cho cổ đông hiện hữu và Giao/Ủy quyền cho HĐQT triển khai thực hiện;
- 9.4. Phương án Phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động trong công ty (ESOP 2024) và Giao/Ủy quyền cho HĐQT triển khai thực hiện.

Điều 10: Thông qua Báo cáo năm 2023 và Kế hoạch năm 2024 về Ngân sách, tổng mức thù lao, thưởng, phụ cấp và lợi ích khác cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát (theo nội dung Tờ trình số 04-2024/TTr-ĐHĐCĐ).

Điều 11: Thông qua chủ trương thay đổi địa điểm Trụ sở chính của Công ty (theo nội dung tại Tờ trình số 06-2024/TTr-ĐHĐCĐ).

Điều 12: Thông qua Phương án triển khai hoạt động cung cấp dịch vụ bù trừ, thanh toán giao dịch chứng khoán qua đối tác bù trừ trung tâm và chào bán sản phẩm tài chính tại SHS (theo nội dung Tờ trình số 07-2024/TTr-ĐHĐCĐ).

Điều 13: Thông qua Phương án niêm yết Trái phiếu SHS phát hành ra công chúng năm 2024 (theo nội dung Tờ trình số 08-2024/TTr-ĐHĐCĐ).

Điều 14: Thông qua chủ trương ký kết, thực hiện các hợp đồng, thỏa thuận, giao dịch với các Bên liên quan (theo nội dung Tờ trình số 09-2024/TTr-ĐHĐCĐ).

Điều 15: Nghị quyết có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 5 năm 2024.

Biên bản họp, các báo cáo và Tờ trình tại Đại hội đồng cổ đông thường niên 2024 của Công ty CP Chứng khoán Sài Gòn – Hà Nội là một phần không tách rời của Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024.

Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc, toàn thể Cổ đông, các phòng ban, cá nhân có liên quan thuộc Công ty CP Chứng khoán Sài Gòn – Hà Nội chịu trách nhiệm thi hành Nghị quyết này.

Nơi nhận:

1. Như Điều 15;
2. UBCKNN, TTLKC;
Sở GD&ĐT HN, HN & TPHCM (để b/cáo);
3. Lưu VP HĐQT, VT.

TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CHỦ TỊCH



ĐỖ QUANG VINH



Hà Nội, ngày 07 tháng 05 năm 2024

TỜ TRÌNH

(V/v: Phương án phát hành/chào bán cổ phiếu để tăng vốn điều lệ năm 2024
của Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn – Hà Nội)

Kính gửi: Đại hội đồng Cổ đông Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn – Hà Nội

Căn cứ

- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020 và các văn bản hướng dẫn thi hành;
- Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019 và các văn bản hướng dẫn thi hành;
- Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Chứng khoán;
- Thông tư số 121/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ tài chính quy định về hoạt động của Công ty chứng khoán;
- Điều lệ hiện hành của Công ty CP Chứng khoán Sài Gòn – Hà Nội;

Hội đồng Quản trị (HĐQT) kính trình Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) xem xét và thông qua Phương án phát hành cổ phiếu để tăng vốn điều lệ năm 2024 của Công ty, như sau:

I. SỰ CẦN THIẾT THỰC HIỆN PHƯƠNG ÁN TĂNG VỐN ĐIỀU LỆ

Trong bối cảnh thị trường tài chính Việt Nam đang trên đà phát triển mạnh mẽ, việc tăng vốn điều lệ cho SHS không chỉ là một bước đi chiến lược mà còn là một động thái cần thiết để tận dụng cơ hội và thúc đẩy sự tăng trưởng. Cụ thể như sau:

- Thị trường chứng khoán (TTCK) Việt Nam đang trong giai đoạn bùng nổ về quy mô, số lượng tài khoản chứng khoán đã tăng thêm khoảng 5 triệu tài khoản trong giai đoạn 2020 - 2023. Tại thời điểm 31/12/2023, Việt Nam có gần 7,3 triệu tài khoản chứng khoán cá nhân, tương đương khoảng 7,3% dân số. Theo Chiến lược phát triển TTCK đến năm 2030, Việt Nam hướng đến mục tiêu đạt mốc 9,0 triệu tài khoản giao dịch chứng khoán vào năm 2025 và 11 triệu tài khoản vào năm 2030. Điều này cho thấy dư địa phát triển của thị trường còn rất lớn. Ngoài ra, nhu cầu đối với các sản phẩm tài chính đang gia tăng do thu nhập khả dụng của hộ gia đình tại Việt Nam tăng trưởng mạnh trong những năm gần đây.
- Song song với đó, Chính phủ cũng đang nỗ lực triển khai các giải pháp cụ thể nhằm đưa TTCK Việt Nam nâng hạng lên thị trường mới nổi trong năm 2025. Việc nâng hạng thị



trường sẽ mang lại vị thế mới cho TTCK Việt Nam đồng thời thu hút thêm nguồn vốn đầu tư lớn từ các quỹ đầu tư nước ngoài.

- SHS cần bổ sung thêm nguồn lực nhằm tăng vốn kinh doanh, mở rộng quy mô cho vay margin, kinh doanh vốn và hoạt động đầu tư đầu tư trong bối cảnh thị trường khởi sắc.
- SHS cần tăng cường sức mạnh tài chính, nâng cao khả năng cạnh tranh đồng thời tạo bộ đệm dự phòng vững chắc để ứng phó với các rủi ro trong hoạt động kinh doanh.
- SHS đang trong quá trình xây dựng và ra mắt thêm nhiều sản phẩm dịch vụ mới để thu hút thêm nhiều khách hàng và gia tăng thị phần. Bên cạnh đó, cơ sở hạ tầng và hệ thống công nghệ thông tin cũng cần được đầu tư nâng cấp và mở rộng để phục vụ cho các sản phẩm dịch vụ mới.

Có thể thấy, việc tăng vốn điều lệ là nhu cầu thiết yếu và cơ hội quan trọng để SHS bứt phá trong giai đoạn mới. Với việc nắm bắt thời cơ thị trường và tăng cường năng lực cạnh tranh, SHS có thể đạt được mục tiêu phát triển trong dài hạn và gia tăng giá trị cho cổ đông.

II. PHƯƠNG ÁN TĂNG VỐN ĐIỀU LỆ NĂM 2024

Với mục đích tiếp tục nâng cao năng lực tài chính, tạo nền tảng tăng trưởng mạnh mẽ và hiệu quả toàn diện, thực hiện định hướng phát triển của Công ty trong những năm tiếp theo, HĐQT kính trình ĐHCĐ xem xét phê duyệt Phương án tăng vốn điều lệ năm 2024 với một số nội dung cơ bản như sau:

- Vốn điều lệ trước phát hành: 8.131.567.480.000 đồng
- Vốn điều lệ dự kiến tăng thêm tối đa: 8.994.724.240.000 đồng
- Số lượng cổ phiếu dự kiến phát hành: 899.472.424 cổ phiếu

Trong đó:

- Phát hành cổ phiếu để trả cổ tức năm 2023: 40.657.838 cổ phiếu, tỷ lệ phát hành 5%
 - Phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu cổ phần: 40.657.838 cổ phiếu, tỷ lệ phát hành 5%
 - Chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng cho cổ đông hiện hữu: 813.156.748 cổ phiếu, tỷ lệ phát hành dự kiến 100%
 - Phát hành cổ phiếu theo Chương trình lựa chọn cho người lao động trong công ty (ESOP 2024): 5.000.000 cổ phiếu
- Vốn điều lệ dự kiến sau khi tăng tối đa: 17.126.291.720.000 đồng
 - Nội dung chi tiết: Theo “*Phương án tăng vốn điều lệ năm 2024 của Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn – Hà Nội*” đính kèm.
 - Thời gian thực hiện dự kiến: Năm 2024 -2025 và/hoặc sau khi báo cáo/được sự chấp thuận từ các cơ quan quản lý nhà nước liên quan.

III. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG ỦY QUYỀN CHO HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Kính trình ĐHĐCĐ giao/ Ủy quyền cho HĐQT các vấn đề có liên quan như sau:

- Quyết định và thực hiện các công việc và thủ tục liên quan để hoàn tất việc phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ;
- Bổ sung, sửa đổi, hoàn chỉnh và/hoặc phê chuẩn/chấp thuận/thông qua toàn bộ các tài liệu hiệu chỉnh/hoàn chỉnh phương án tăng vốn điều lệ, phù hợp với nhu cầu thực tiễn hoạt động của Công ty, phù hợp với quy định của pháp luật, đảm bảo quyền lợi của cổ đông, theo đúng hướng dẫn của các cơ quan quản lý Nhà nước, tiến hành trình các cơ quan quản lý Nhà nước xem xét chấp thuận và triển khai thực hiện các thủ tục phát hành theo quy định;
- Hoàn thiện và triển khai phương án phát hành cổ phiếu theo Chương trình lựa chọn cho người lao động (ESOP 2024) chi tiết:
 - + Lập tiêu chuẩn và Danh sách Người lao động được quyền mua cổ phiếu.
 - + Nguyên tắc xác định và phê duyệt số lượng cổ phiếu phân bổ cho từng người lao động.
- Lựa chọn thời điểm triển khai việc phát hành cổ phiếu, quyết định trình tự triển khai các phương án phát hành phù hợp, qua đó **xác định tỷ lệ phát hành** của từng đợt phát hành theo đúng số lượng cổ phiếu dự kiến phát hành của từng đợt và số lượng cổ phiếu đang lưu hành tại thời điểm thực hiện phát hành, ưu tiên quyền lợi của cổ đông hiện hữu được thực hiện trước.
- Xử lý cổ phiếu lẻ và cổ phiếu chưa phân phối hết (nếu có).
- Lập kế hoạch sử dụng vốn chi tiết cho từng mục đích sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán. Cân đối và sử dụng vốn phù hợp với tình hình kinh doanh của Công ty, đảm bảo hiệu quả sử dụng vốn và lợi ích của cổ đông; Điều chỉnh việc phân bổ số tiền thu được từ đợt phát hành cho các mục đích sử dụng vốn đã được thông qua và/hoặc thay đổi mục đích sử dụng vốn thu được từ đợt phát hành theo quy định của Pháp luật cho phù hợp với tình hình thực tế và báo cáo Đại hội đồng cổ đông gần nhất về các nội dung điều chỉnh liên quan đến phương án sử dụng vốn này;
- Thông qua phương án đảm bảo việc phát hành cổ phiếu đáp ứng quy định về tỷ lệ sở hữu nước ngoài;
- Đăng ký chứng khoán bổ sung và niêm yết bổ sung toàn bộ số cổ phiếu mới phát hành theo đúng quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán;
- Thực hiện thay đổi giấy đăng ký kinh doanh, giấy phép thành lập và hoạt động và sửa đổi điều khoản liên quan đến vốn điều lệ và cổ phần tại Điều lệ sau khi hoàn tất việc phát hành theo quy mô vốn điều lệ mới tăng thêm và báo cáo cho Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp gần nhất;
- Ngoài những nội dung ủy quyền trên đây, trong quá trình thực hiện phương án phát hành,

DHĐCD ủy quyền cho Hội đồng Quản trị bổ sung, sửa đổi, hoàn chỉnh phương án phát hành (bao gồm cả quyết định về các nội dung chưa được trình bày trong phương án tăng vốn này) theo yêu cầu của Cơ quan quản lý Nhà nước sao cho việc huy động vốn của Công ty được thực hiện hợp pháp, đúng quy định, đảm bảo quyền lợi của cổ đông và Công ty./.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua.

Trân trọng cảm ơn.

Nơi nhận:

- Như trên;

-CBTT;

-Lưu VT. VPĐQT.



Hà Nội, ngày 07 tháng 05 năm 2024

PHƯƠNG ÁN PHÁT HÀNH CỔ PHIẾU TĂNG VỐN ĐIỀU LỆ

(Được đính kèm Tờ trình số 14-2024 /TTr-ĐHĐCĐ ngày 07/05/2024 về việc phê duyệt
Phương án tăng vốn điều lệ năm 2024 của Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn – Hà Nội
(SHS))

I. PHƯƠNG ÁN PHÁT HÀNH CỔ PHIẾU TĂNG VỐN ĐIỀU LỆ NĂM 2024

1. Tên tổ chức phát hành:	Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn – Hà Nội.
2. Tên cổ phiếu phát hành:	Cổ phiếu Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn – Hà Nội.
3. Loại cổ phiếu phát hành:	Cổ phiếu phổ thông
4. Mệnh giá cổ phiếu:	10.000 đồng/cổ phiếu
5. Vốn điều lệ trước khi phát hành:	8.131.567.480.000 đồng
6. Số lượng cổ phiếu đang lưu hành:	813.156.748 cổ phiếu
7. Cổ phiếu quỹ:	0 cổ phiếu
8. Số lượng cổ phiếu dự kiến phát hành:	899.472.424 cổ phiếu
➤ Phát hành cổ phiếu để trả cổ tức năm 2023	40.657.838 cổ phiếu
➤ Phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu cổ phần	40.657.838 cổ phiếu
➤ Chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng cho cổ đông hiện hữu	813.156.748 cổ phiếu
➤ Phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động trong công ty	5.000.000 cổ phiếu

1. PHƯƠNG ÁN PHÁT HÀNH CỔ PHIẾU ĐỂ TRẢ CỔ TÚC NĂM 2023

1. Số lượng cổ phiếu dự kiến phát hành:	40.657.838 (Bốn mươi triệu sáu trăm năm mươi bảy nghìn tám trăm ba mươi tám) cổ phiếu.
2. Tổng giá trị cổ phiếu dự kiến phát hành theo mệnh giá:	406.578.380.000 (Bốn trăm linh sáu tỷ năm trăm bảy mươi tám triệu ba trăm tám mươi nghìn) đồng.
3. Phương thức phát hành:	Phát hành cổ phiếu phát hành để trả cổ tức năm 2023

4. Tỷ lệ phát hành:	5% tương ứng tỷ lệ thực hiện quyền 100:5, theo đó căn cứ vào ngày đăng ký cuối cùng để phân bổ quyền, cổ đông hiện hữu sở hữu 01 cổ phiếu tương ứng sẽ được hưởng 01 quyền nhận cổ phiếu, cứ 100 quyền sẽ được nhận thêm 05 cổ phiếu mới.
5. Nguồn vốn thực hiện:	Từ nguồn lợi nhuận sau thuế năm 2023, căn cứ trên Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2023 và đảm bảo tuân thủ các quy định của pháp luật.
6. Đối tượng phát hành:	Cổ đông hiện hữu theo danh sách cổ đông tại ngày đăng ký cuối cùng thực hiện quyền nhận cổ phiếu phát hành để trả cổ tức năm 2023.
7. Chuyển nhượng quyền:	Quyền nhận cổ phiếu phát hành để trả cổ tức năm 2023 không được phép chuyển nhượng. Cổ phiếu quỹ (nếu có) không được thực hiện quyền.
8. Xử lý số cổ phiếu lẻ phát sinh (nếu có):	Cổ phiếu phát hành để trả cổ tức năm 2023 cho cổ đông hiện hữu sẽ được làm tròn xuống đến hàng đơn vị. Phần lẻ cổ phiếu phát sinh do làm tròn xuống (nếu có) sẽ bị hủy bỏ. <i>Ví dụ: Cổ đông Nguyễn Văn A sở hữu 157 cổ phiếu SHS sẽ được quyền nhận thêm: $157 \times 5 / 100 = 7,85$ làm tròn xuống thành 7 cổ phiếu SHS, phần lẻ cổ phiếu sẽ bị hủy bỏ.</i>
9. Phương án sử dụng vốn từ đợt phát hành:	Sau khi hoàn tất việc phát hành, số vốn điều lệ tăng thêm sẽ được sử dụng cho mục đích bổ sung nguồn vốn hoạt động kinh doanh của Công ty.
10. Thời gian thực hiện dự kiến	Năm 2024 - 2025 và/hoặc sau khi SHS hoàn thành việc báo cáo UBCKNN về việc phát hành để trả cổ tức năm 2023.
11. Các hạn chế liên quan:	Cổ phiếu phát hành để trả cổ tức năm 2023 không bị hạn chế chuyển nhượng. Các cổ phiếu trong tình trạng hạn chế chuyển nhượng vẫn được nhận cổ phiếu từ đợt phát hành.

2. PHƯƠNG ÁN PHÁT HÀNH CỔ PHIẾU ĐỂ TĂNG VỐN CỔ PHẦN TỪ NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU CHO CỔ ĐÔNG HIỆN HỮU

1. Số lượng cổ phiếu dự kiến phát hành:	40.657.838 (Bốn mươi triệu sáu trăm năm mươi bảy nghìn tám trăm ba mươi tám) cổ phiếu.
2. Tổng giá trị cổ phiếu dự kiến phát hành theo mệnh giá:	406.578.380.000 (Bốn trăm linh sáu tỷ năm trăm bảy mươi tám triệu ba trăm tám mươi nghìn) đồng.
3. Phương thức phát hành:	Phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu

4. Tỷ lệ phát hành:	5% tương ứng tỷ lệ thực hiện quyền 100:5, theo đó căn cứ vào ngày đăng ký cuối cùng để phân bổ quyền, cổ đông hiện hữu sở hữu 01 cổ phiếu tương ứng sẽ được hưởng 01 quyền nhận cổ phiếu, cứ 100 quyền sẽ được nhận thêm 05 cổ phiếu mới.
5. Nguồn vốn thực hiện:	Từ nguồn Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ và Thặng dư vốn cổ phần lũy kế đến 31/12/2023, căn cứ trên Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2023 và đảm bảo tuân thủ các quy định của pháp luật. <i>Ưu tiên dùng nguồn Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ trước để xử lý hết Quỹ theo quy định tại Thông tư 114/2021/TT-BTC ngày 17/12/2021.</i>
6. Đối tượng phát hành:	Cổ đông hiện hữu theo danh sách cổ đông tại ngày đăng ký cuối cùng thực hiện quyền nhận cổ phiếu phát hành để tăng vốn cổ phần từ NVCSH.
7. Chuyển nhượng quyền:	Quyền nhận cổ phiếu tăng vốn cổ phần từ NVCSH không được phép chuyển nhượng. Cổ phiếu quỹ (nếu có) không được thực hiện quyền.
8. Xử lý số cổ phiếu lẻ phát sinh (nếu có):	Cổ phiếu tăng vốn cổ phần từ NVCSH cho cổ đông hiện hữu sẽ được làm tròn xuống đến hàng đơn vị. Phần lẻ cổ phiếu phát sinh do làm tròn xuống (nếu có) sẽ bị hủy bỏ. <i>Ví dụ: Cổ đông Nguyễn Văn A sở hữu 157 cổ phiếu SHS sẽ được quyền nhận thêm: $157 \times 5 / 100 = 7,85$ làm tròn xuống thành 7 cổ phiếu SHS, phần lẻ cổ phiếu sẽ bị hủy bỏ.</i>
9. Phương án sử dụng vốn từ đợt phát hành:	Sau khi hoàn tất việc phát hành, số vốn điều lệ tăng thêm sẽ được sử dụng cho mục đích bổ sung nguồn vốn hoạt động kinh doanh của Công ty.
10. Thời gian thực hiện dự kiến	Năm 2024 - 2025 và/hoặc sau khi SHS hoàn thành việc báo cáo UBCKNN về việc phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ NVCSH.
11. Các hạn chế liên quan:	Cổ phiếu phát hành để tăng vốn cổ phần từ NVCSH không bị hạn chế chuyển nhượng. Các cổ phiếu trong tình trạng hạn chế chuyển nhượng vẫn được nhận cổ phiếu từ đợt phát hành.

3. CHÀO BÁN THÊM CỔ PHIẾU RA CÔNG CHÚNG CHO CỔ ĐÔNG HIỆN HỮU

1. Số lượng cổ phiếu dự kiến chào bán:	813.156.748 (Tám trăm mười ba triệu một trăm năm mươi sáu nghìn bảy trăm bốn mươi tám) cổ phiếu.
2. Tổng giá trị cổ phiếu dự kiến chào bán theo mệnh giá:	8.131.567.480.000 (Tám nghìn một trăm ba mươi một tỷ năm trăm sáu mươi bảy triệu bốn trăm tám mươi nghìn) đồng.

3. Phương thức chào bán:	Chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng cho cổ đông hiện hữu								
4. Tỷ lệ chào bán dự kiến:	Tỷ lệ chào bán = Số lượng cổ phiếu dự kiến chào bán/số lượng cổ phiếu đang lưu hành tại thời điểm chào bán. Tỷ lệ chào bán tại thời điểm lập Phương án này là 100%, tương ứng tỷ lệ thực hiện quyền 1:1, theo đó căn cứ vào ngày đăng ký cuối cùng để phân bổ quyền, cổ đông hiện hữu sở hữu 01 cổ phiếu tương ứng sẽ được hưởng 01 quyền mua cổ phiếu, cứ 01 quyền mua sẽ được mua thêm 01 cổ phiếu mới. ĐHĐCĐ ủy quyền cho HĐQT quyết định tỷ lệ chào bán cụ thể tại thời điểm triển khai phương án chào bán.								
5. Giá chào bán và nguyên tắc xác định giá chào bán	a. Nguyên tắc xác định giá chào bán: - Giá trị sổ sách cổ phiếu Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn – Hà Nội tại thời điểm 31/12/2023 trên BCTC kiểm toán Giá trị sổ sách = Vốn chủ sở hữu / Số cổ phiếu đang lưu hành = 10.263.510.744.618/ 813.156.748 = 12.621 đồng/ cổ phiếu - Giá trị thị trường cổ phiếu Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn – Hà Nội giao dịch tại sàn giao dịch HNX: được tính theo giá đóng cửa trung bình trong 20 phiên giao dịch (từ ngày 03/04/2024 đến 06/05/2024) là 19.140 đồng/cổ phiếu. Giá cổ phiếu bình quân theo 2 phương pháp: <table border="1" style="margin-left: auto; margin-right: auto;"> <thead> <tr> <th>Phương pháp</th><th>Giá cổ phiếu (đồng/cp)</th></tr> </thead> <tbody> <tr> <td>Phương pháp giá trị sổ sách</td><td>12.621</td></tr> <tr> <td>Phương pháp giá trị trường</td><td>19.140</td></tr> <tr> <td>Giá bình quân</td><td>15.880</td></tr> </tbody> </table> b. Xác định giá chào bán: Căn cứ nhu cầu huy động vốn, đồng thời để tăng hiệu quả huy động vốn, Hội đồng Quản trị đề xuất giá chào bán là 10.000 đồng/cổ phiếu.	Phương pháp	Giá cổ phiếu (đồng/cp)	Phương pháp giá trị sổ sách	12.621	Phương pháp giá trị trường	19.140	Giá bình quân	15.880
Phương pháp	Giá cổ phiếu (đồng/cp)								
Phương pháp giá trị sổ sách	12.621								
Phương pháp giá trị trường	19.140								
Giá bình quân	15.880								
6. Đối tượng chào bán:	Cổ đông hiện hữu theo Danh sách cổ đông tại ngày đăng ký cuối cùng thực hiện thực hiện quyền mua cổ phiếu.								
7. Chuyển nhượng quyền mua:	Cổ đông có quyền chuyển nhượng quyền mua cổ phiếu cho người khác nhưng chỉ được chuyển nhượng 01 lần trong thời gian quy định. Người nhận chuyển nhượng quyền mua không được chuyển nhượng quyền mua đó cho người thứ 3								
8. Phương án xử lý cổ phiếu cổ đông hiện hữu	+ Đối với số cổ phiếu không chào bán hết do cổ đông hiện hữu từ chối mua một phần hoặc toàn bộ trong đợt chào bán, Đại hội								

không mua hết (cổ phiếu còn dư)	đồng cổ đồng ủy quyền cho Hội đồng quản trị thực hiện phân phối cho các đối tượng khác với điều kiện chào bán, điều kiện về quyền, nghĩa vụ của nhà đầu tư không thuận lợi hơn so với điều kiện chào bán cho cổ đông hiện hữu (trong đó bao gồm mức giá chào bán không thấp hơn giá bán cho cổ đông hiện hữu), hạn chế chuyển nhượng 01 năm kể từ ngày kết thúc đợt chào bán. + Việc xử lý cổ phiếu còn dư đảm bảo phù hợp theo quy định tại Điều 42 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 và đảm bảo các điều kiện khác theo quy định tại khoản 2 Điều 195 Luật Doanh nghiệp và các quy định khác có liên quan của pháp luật hiện hành. + Trong trường hợp hết hạn phân phối cổ phiếu theo quy định của pháp luật (bao gồm cả thời gian được gia hạn (nếu có)), nếu vẫn còn cổ phiếu chưa phân phối hết thì số cổ phiếu chưa phân phối hết này được hủy và Hội đồng quản trị ra quyết định kết thúc đợt chào bán.
9. Phương án sử dụng vốn từ đợt chào bán:	Sau khi hoàn tất việc phát hành, số vốn điều lệ tăng thêm sẽ được sử dụng cho mục đích bổ sung nguồn vốn hoạt động kinh doanh của Công ty, cụ thể như sau: + 40% cho hoạt động cho vay margin, ứng trước. + 60% cho hoạt động đầu tư chứng khoán (cổ phiếu và/hoặc trái phiếu)
10. Tỷ lệ chào bán thành công tối thiểu	Tỷ lệ chào bán thành công tối thiểu của đợt chào bán: không quy định. Trường hợp cổ phiếu không phân phối hết theo dự kiến và số lượng vốn huy động không đạt đủ như dự kiến, Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng quản trị sẽ xem xét huy động nguồn vốn khác để bổ sung hoặc sử dụng linh hoạt các nguồn vốn hiện có.
11.	a. Pha loãng giá cổ phiếu Trong đợt phát hành này, Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội chào bán 813.156.748 cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu. Sau khi lượng cổ phiếu này chào bán, giá cổ phiếu của Công ty sẽ bị pha loãng với mức độ nhất định. Giá cổ phiếu sau khi pha loãng được tính theo công thức sau: $P_{tc} = \frac{PR_{t+1} + (I_1 \times P_{t1})}{1 + I_1}$ Trong đó: P_{tc} : Giá tham chiếu tại Ngày Giao Dịch Không Hưởng Quyền.

	Giá giao dịch đóng cửa của cổ phiếu tại P_{R-1} : ngày giao dịch gần nhất trước Ngày Giao Dịch Không Hưởng Quyền. P_{R1} : Giá chào bán cho cổ đông hiện hữu. I_1 : Tỷ lệ vốn tăng thêm do phát hành quyền mua cổ phiếu cho CĐHH. Ví dụ: giá giao dịch đóng cửa của cổ phiếu SHS tại ngày giao dịch gần nhất trước Ngày Giao Dịch Không Hưởng Quyền là 20.000 đồng/cổ phiếu và cổ phiếu phát hành thêm được chào bán với giá 10.000 đồng, giá cổ phiếu của SHS sau khi pha loãng tính theo công thức: $\text{Giá điều chỉnh} = \frac{20.000 + (1 \times 10.000)}{1 + 1} = 15.000 \text{ đồng/CP}$ Như vậy, việc phát hành thêm lượng cổ phiếu như trên sẽ làm pha loãng giá cổ phiếu của Công ty. b. Pha loãng thu nhập trên mỗi cổ phiếu (EPS) Trên góc độ sổ sách kế toán, thu nhập trên mỗi cổ phiếu (EPS) bằng (=) Lợi nhuận sau thuế /Số lượng cổ phiếu đang lưu hành bình quân. Như vậy, đợt chào bán cổ phiếu lần này sẽ làm cho số lượng cổ phiếu đang lưu hành của Công ty tăng lên, ảnh hưởng đến thu nhập trên mỗi cổ phiếu của Công ty. Chỉ số này sẽ giảm xuống nếu tốc độ tăng lợi nhuận thấp hơn tốc độ tăng của số lượng cổ phiếu. c. Pha loãng giá trị sổ sách Sau khi hoàn thành đợt chào bán, giá trị sổ sách của mỗi cổ phần sẽ có thể bị thay đổi trong trường hợp giá chào bán thấp hơn giá trị sổ sách của mỗi cổ phần tại thời điểm chào bán.
12. Thời gian thực hiện dự kiến	Năm 2024-2025 và/hoặc sau khi SHS hoàn thành việc báo cáo UBCKNN về việc chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng cho cổ đông hiện hữu và được cấp phép chào bán thêm cổ phần cho cổ đông hiện hữu theo đúng quy định.
13. Các hạn chế liên quan;	+ Toàn bộ số cổ phiếu chào bán cho cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ thực hiện quyền được tự do chuyển nhượng; + Số lượng cổ phiếu mà cổ đông hiện hữu được mua nhưng từ chối mua được chào bán cho đối tượng khác bị hạn chế chuyển nhượng trong vòng 01 năm kể từ ngày kết thúc đợt chào bán theo quy định Khoản 2 Điều 42 Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ).

4. PHÁT HÀNH CỔ PHIẾU THEO CHƯƠNG TRÌNH LỰA CHỌN CHO NGƯỜI LAO ĐỘNG TRONG CÔNG TY (ESOP 2024)

1. Số lượng cổ phiếu dự kiến phát hành:	5.000.000 (Năm triệu) cổ phiếu.
2. Tổng giá trị cổ phiếu dự kiến phát hành theo mệnh giá:	50.000.000.000 (Năm mươi tỷ) đồng.
3. Phương thức phát hành:	Phát hành cổ phiếu theo Chương trình lựa chọn cho người lao động trong công ty
4. Đối tượng phát hành:	Người lao động trong Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn – Hà Nội. Tiêu chuẩn, Danh sách người lao động được tham gia chương trình, nguyên tắc xác định và thực hiện phân bổ số cổ phiếu phát hành ĐHDCĐ ủy quyền cho HĐQT Công ty phê duyệt sau khi được ĐHDCĐ Công ty thông qua Phương án phát hành cổ phiếu ESOP này.
5. Tiêu chuẩn, danh sách người lao động tham gia chương trình và nguyên tắc xác định số cổ phiếu được phân phối.	DHDCĐ ủy quyền cho HĐQT triển khai phương án phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động: - Lập tiêu chuẩn và danh sách người lao động được quyền mua cổ phiếu. - Nguyên tắc xác định và phê duyệt số lượng cổ phiếu phân bổ cho từng người lao động.
6. Giá chào bán và nguyên tắc xác định giá chào bán	Nguyên tắc xác định giá chào bán: - <i>Giá trị sổ sách cổ phiếu Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn – Hà Nội tại thời điểm 31/12/2023 trên BCTC kiểm toán</i> $\text{Giá trị sổ sách} = \text{Vốn chủ sở hữu} / \text{Số cổ phiếu đang lưu hành}$ $= 10.263.510.744.618 / 813.156.748$ $= 12.621 \text{ đồng/ cổ phiếu}$ - <i>Giá trị thị trường cổ phiếu Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn – Hà Nội giao dịch tại sàn giao dịch HNX: được tính theo giá đóng cửa trung bình trong 20 phiên giao dịch (từ ngày 03/04/2024 đến 06/05/2024) là 19.140 đồng/cổ phiếu.</i> <i>Giá cổ phiếu bình quân theo 2 phương pháp:</i>

	Phương pháp	Giá cổ phiếu (đồng/cp)
	Phương pháp giá trị sổ sách	12.621
	Phương pháp giá trị trường	19.140
	Giá bình quân	15.880
	c. Xác định giá chào bán: Căn cứ vào chiến lược phát triển Công ty cũng như khuyến khích, tạo động lực và tăng hiệu quả làm việc nên HĐQT Công ty đề xuất phát hành cho Người lao động của Công ty với giá 10.000 đồng/cổ phiếu	
7. Chuyển nhượng quyền:	Người lao động không được chuyển nhượng quyền mua cổ phiếu ESOP cho người khác	
8. Phương án xử lý cổ phiếu không thực hiện quyền:	Trong trường hợp người lao động từ bỏ quyền mua số cổ phiếu được phân bổ hoặc nghỉ việc hoặc có đơn xin nghỉ việc trong thời điểm phát hành cổ phiếu, Đại hội đồng Cổ đông ủy quyền Hội đồng quản trị quyết định phân bổ số cổ phiếu này cho người lao động khác với mức giá không thấp hơn giá phát hành cho các đối tượng tương ứng tùy thuộc Quyết định của HĐQT	
9. Phương án sử dụng vốn từ đợt chào bán:	Sau khi hoàn tất việc phát hành, số vốn điều lệ tăng thêm sẽ được sử dụng cho mục đích bổ sung nguồn vốn hoạt động kinh doanh của Công ty.	
10. Thời gian thực hiện dự kiến	Năm 2024-2025 và/hoặc sau khi SHS hoàn thành việc báo cáo UBCKNN về việc phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động.	
11. Các hạn chế liên quan:	Cổ phiếu phát hành theo chương trình lựa chọn cho người lao động trong Công ty bị hạn chế chuyển nhượng 01 (một) năm kể từ ngày kết thúc đợt phát hành.	

II. ĐĂNG KÝ CHỨNG KHOÁN BỔ SUNG VÀ NIÊM YẾT BỔ SUNG CỔ PHIẾU PHÁT HÀNH THÊM

Toàn bộ cổ phiếu phát hành tăng vốn điều lệ sẽ được đăng ký chứng khoán bổ sung tại Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam và niêm yết bổ sung tại Sở Giao dịch Chứng khoán theo đúng quy định của Pháp luật.

III. SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ THEO QUY MÔ VỐN MỚI TĂNG THÊM SAU KHI HOÀN TẤT ĐỢT PHÁT HÀNH

Sửa đổi khoản mục Vốn điều lệ tại Điều lệ Công ty theo quy mô vốn mới sau khi kết thúc từng đợt phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ.

IV. GIÁ CỔ PHIẾU SHS

Giá đóng cửa của cổ phiếu SHS trong 20 phiên giao dịch từ 03/04/2024 đến 06/05/2024

TT	Phiên giao dịch	Giá đóng cửa (đồng)	Khối lượng khớp lệnh (cổ phiếu)
1	6/5/2024	18.800	24.460.632
2	3/5/2024	18.200	12.955.428
3	2/5/2024	18.200	10.885.550
4	26/4/2024	18.300	15.190.042
5	25/4/2024	18.700	15.203.995
6	24/4/2024	18.600	23.529.347
7	23/4/2024	17.900	17.849.311
8	22/4/2024	18.400	24.252.185
9	19/4/2024	17.400	44.790.623
10	17/4/2024	18.600	20.102.153
11	16/4/2024	19.300	38.201.121
12	15/4/2024	19.000	50.495.135
13	12/4/2024	20.800	29.052.672
14	11/4/2024	20.100	19.549.798
15	10/4/2024	19.800	11.612.702
16	9/4/2024	20.200	19.822.622
17	8/4/2024	19.500	15.242.040
18	5/4/2024	19.800	27.480.207
19	4/4/2024	20.400	20.892.897
20	3/4/2024	20.800	23.464.149
	Giá bình quân	19.140	

QUYẾT ĐỊNH

(V/v: Triển khai phương án phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ năm 2024)

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ CÔNG TY CP CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN – HÀ NỘI

Căn cứ:

- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020 và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thi hành Luật;
- Luật Chứng khoán số 54/2019/ ngày 26/11/2019 và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thi hành Luật;
- Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
- Điều lệ Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn – Hà Nội (SHS) hiện hành;
- Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 Công ty CP Chứng khoán Sài Gòn – Hà Nội số 01-2024/NQ-ĐHĐCĐ ngày 15/05/2024;
- Biên bản họp của Hội đồng Quản trị Công ty CP Chứng khoán Sài Gòn – Hà Nội số 13-2024/BBH-HĐQT ngày 20/6/2024 về việc Triển khai phương án phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ năm 2024,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Thông qua triển khai đồng thời 03 Phương án phát hành Cổ phiếu để tăng Vốn điều lệ Công ty CP Chứng khoán Sài Gòn – Hà Nội năm 2024 theo Nghị quyết số 01-2024/NQ-ĐHĐCĐ ngày 15/05/2024 của Đại hội đồng Cổ đông Công ty, cụ thể như sau:

1.1. Các Phương án bao gồm:

- (i) Phát hành cổ phiếu để trả cổ tức năm 2023;
- (ii) Phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu;
- (iii) Chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng cho cổ đông hiện hữu.

1.2. Nội dung triển khai:

Tên tổ chức phát hành:	Công ty CP Chứng khoán Sài Gòn – Hà Nội
Tên cổ phiếu phát hành:	Cổ phiếu Công ty CP Chứng khoán Sài Gòn – Hà Nội
Mã chứng khoán:	SHS

Loại cổ phiếu:	Cổ phiếu phổ thông
Mệnh giá:	10.000 đồng/ cổ phiếu
Vốn điều lệ trước phát hành:	8.131.567.480.000 đồng
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành:	813.156.748 cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu dự kiến phát hành:	894.472.424 cổ phiếu

Trong đó:

- Phát hành cổ phiếu để trả cổ tức năm 2023:	40.657.838 cổ phiếu, tỷ lệ phát hành 5%
- Phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu cổ phần:	40.657.838 cổ phiếu, tỷ lệ phát hành 5%
- Chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng cho cổ đông hiện hữu:	813.156.748 cổ phiếu, tỷ lệ chào bán 100%

Thời gian thực hiện dự kiến: Năm 2024-2025 và/hoặc sau khi báo cáo/được sự chấp thuận từ các Cơ quan quản lý Nhà nước liên quan.

Nội dung chi tiết theo Phụ lục đính kèm Quyết định này.

Điều 2. Đăng ký chứng khoán bổ sung, Niêm yết bổ sung Cổ phiếu phát hành thêm:

Hội đồng Quản trị giao/ủy quyền cho Tổng Giám đốc thực hiện thủ tục đăng ký chứng khoán bổ sung và niêm yết bổ sung đối với toàn bộ số lượng Cổ phiếu phát hành thêm sau khi kết thúc **Đợt phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ năm 2024** theo quy định pháp luật và Điều lệ Công ty.

Tổng Giám đốc có trách nhiệm thực hiện theo Nghị quyết của ĐHĐCĐ, Nghị quyết, Quyết định của HĐQT và báo cáo HĐQT khi hoàn tất thủ tục nêu trên.

Điều 3. Thông qua Phương án đảm bảo việc phát hành cổ phiếu đáp ứng quy định về Tỷ lệ sở hữu nước ngoài trong đợt chào bán cổ phiếu ra công chúng cho cổ đông hiện hữu:

- (i) Theo Văn bản số 1349/UBCK-QLKD ngày 18/03/2022 của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước về hồ sơ thông báo tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa, tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa tại Công ty là **49%** Vốn Điều lệ của Công ty.
- (ii) Phương án đảm bảo Tỷ lệ sở hữu của Nhà đầu tư nước ngoài trong đợt chào bán được thực hiện như sau:
 - Trong thời gian thực hiện quyền mua cổ phiếu chào bán, việc phân phối cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu, Công ty đảm bảo tuân thủ quy định về Tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa theo quy định pháp luật.
 - Khi thực hiện phân phối cổ phiếu còn dư cho các đối tượng khác, Hội đồng quản trị Công ty CP Chứng khoán Sài Gòn – Hà Nội phối hợp với Tổng

Công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam (VSDC) trong việc đảm bảo tỷ lệ sở hữu nước ngoài của Công ty tuân thủ theo các quy định tại khoản 1, 2 Điều 51 Luật Chứng khoán và khoản 5 Điều 139 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 và Văn bản số 1349/UBCK-QLKD ngày 18/03/2022 của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.

Điều 4. Hội đồng Quản trị giao và ủy quyền cho Tổng Giám đốc Công ty CP Chứng khoán Sài Gòn – Hà Nội chịu trách nhiệm triển khai các nội dung đã được HĐQT thông qua tại các Điều khoản trên đảm bảo tuân thủ pháp luật, Nghị quyết ĐHCĐ, Điều lệ Công ty và thực hiện các điều chỉnh, bổ sung nội dung và hồ sơ phù hợp (nếu cần), ký và ban hành các văn bản liên quan và báo cáo HĐQT về việc thực hiện

Điều 5. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc và các phòng ban có liên quan thuộc Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn – Hà Nội chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:

- Như Điều 5;
- CBTT-UBCKNN, SGDCK, website;
- Lưu VT, VPHĐQT.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



ĐỖ QUANG VINH

PHỤ LỤC
(kèm theo Quyết định số 35-2024/QĐ-HĐQT ngày 21/6/2024 của Hội đồng Quản trị)
PHƯƠNG ÁN PHÁT HÀNH CỔ PHIẾU ĐỂ TĂNG VỐN ĐIỀU LỆ NĂM 2024
CÔNG TY CP CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN – HÀ NỘI

I. Phát hành cổ phiếu để trả cổ tức năm 2023

1. Số lượng cổ phiếu dự kiến phát hành:	40.657.838 cổ phiếu (Bốn mươi triệu sáu trăm năm mươi bảy nghìn tám trăm ba mươi tám)	
2. Tổng giá trị cổ phiếu dự kiến phát hành theo mệnh giá:	406.578.380.000 đồng (Bốn trăm linh sáu tỷ năm trăm bảy mươi tám triệu ba trăm tám mươi nghìn)	
3. Phương thức phát hành:	Phát hành cổ phiếu phát hành để trả cổ tức năm 2023	
4. Tỷ lệ phát hành:	5% tương ứng tỷ lệ thực hiện quyền 100:5, theo đó căn cứ vào ngày đăng ký cuối cùng để phân bổ quyền, cổ đông hiện hữu sở hữu 01 cổ phiếu tương ứng sẽ được hưởng 01 quyền nhận cổ phiếu, cứ 100 quyền sẽ được nhận thêm 05 cổ phiếu mới.	
5. Nguồn vốn thực hiện:	Từ nguồn lợi nhuận sau thuế năm 2023, căn cứ trên Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2023 và đảm bảo tuân thủ các quy định của pháp luật, cụ thể như sau:	
	Nguồn vốn sử dụng	Giá trị (đồng)
	Lợi nhuận sau thuế năm 2023	406.578.380.000
6. Đối tượng phát hành:	Cổ đông hiện hữu theo Danh sách cổ đông tại ngày đăng ký cuối cùng thực hiện quyền nhận cổ phiếu phát hành để trả cổ tức năm 2023.	
7. Chuyển nhượng quyền:	Quyền nhận cổ phiếu phát hành để trả cổ tức năm 2023 không được phép chuyển nhượng. Cổ phiếu quỹ (nếu có) không được thực hiện quyền.	
8. Xử lý số cổ phiếu lẻ phát sinh (nếu có):	Cổ phiếu phát hành để trả cổ tức năm 2023 cho cổ đông hiện hữu sẽ được làm tròn xuống đến hàng đơn vị. Phần lẻ cổ phiếu phát sinh do làm tròn xuống (nếu có) sẽ bị hủy bỏ. Ví dụ: Cổ đông Nguyễn Văn A sở hữu 157 cổ phiếu SHS sẽ được quyền nhận thêm: $157 \times 5 / 100 = 7,85$ làm tròn xuống thành 7 cổ phiếu SHS, phần lẻ cổ phiếu sẽ bị hủy bỏ.	
9. Phương án sử dụng vốn từ đợt phát hành:	Sau khi hoàn tất việc phát hành, số vốn điều lệ tăng thêm sẽ được sử dụng cho mục đích bổ sung nguồn vốn hoạt động kinh doanh của Công ty.	
10. Các hạn chế liên quan:	Cổ phiếu phát hành để trả cổ tức năm 2023 không bị hạn chế chuyển nhượng. Các cổ phiếu trong tình trạng hạn chế chuyển nhượng vẫn được nhận cổ phiếu từ đợt phát hành.	

II. Phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu

1. Số lượng cổ phiếu dự kiến phát hành:	40.657.838 cổ phiếu (Bốn mươi triệu sáu trăm năm mươi bảy nghìn tám trăm ba mươi tám)								
2. Tổng giá trị cổ phiếu dự kiến phát hành theo mệnh giá:	406.578.380.000 đồng (Bốn trăm linh sáu tỷ năm trăm bảy mươi tám triệu ba trăm tám mươi nghìn)								
3. Phương thức phát hành:	Phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu								
4. Tỷ lệ phát hành:	5% tương ứng tỷ lệ thực hiện quyền 100:5, theo đó căn cứ vào ngày đăng ký cuối cùng để phân bổ quyền, cổ đông hiện hữu sở hữu 01 cổ phiếu tương ứng sẽ được hưởng 01 quyền nhận cổ phiếu, cứ 100 quyền sẽ được nhận thêm 05 cổ phiếu mới.								
5. Nguồn vốn thực hiện:	Từ nguồn Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ và Thặng dư vốn cổ phần lũy kế đến 31/12/2023, căn cứ trên Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2023 và đảm bảo tuân thủ các quy định của pháp luật, cụ thể như sau: <table> <tr> <th>Nguồn vốn sử dụng</th><th>Giá trị (đồng)</th></tr> <tr> <td>Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ</td><td>77.136.777.489</td></tr> <tr> <td>Thặng dư vốn cổ phần</td><td>329.441.602.511</td></tr> <tr> <td>Tổng cộng</td><td>406.578.380.000</td></tr> </table>	Nguồn vốn sử dụng	Giá trị (đồng)	Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	77.136.777.489	Thặng dư vốn cổ phần	329.441.602.511	Tổng cộng	406.578.380.000
Nguồn vốn sử dụng	Giá trị (đồng)								
Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	77.136.777.489								
Thặng dư vốn cổ phần	329.441.602.511								
Tổng cộng	406.578.380.000								
6. Đối tượng phát hành:	Cổ đông hiện hữu theo Danh sách cổ đông tại ngày đăng ký cuối cùng thực hiện quyền nhận cổ phiếu phát hành để tăng vốn cổ phần từ NVCSH.								
7. Chuyển nhượng quyền:	Quyền nhận cổ phiếu tăng vốn cổ phần từ NVCSH không được phép chuyển nhượng. Cổ phiếu quỹ (nếu có) không được thực hiện quyền.								
8. Xử lý số cổ phiếu lẻ phát sinh (nếu có):	Cổ phiếu tăng vốn cổ phần từ NVCSH cho cổ đông hiện hữu sẽ được làm tròn xuống đến hàng đơn vị. Phần lẻ cổ phiếu phát sinh do làm tròn xuống (nếu có) sẽ bị hủy bỏ. <i>Ví dụ: Cổ đông Nguyễn Văn A sở hữu 157 cổ phiếu SHS sẽ được quyền nhận thêm: $157 \times 5 / 100 = 7,85$ làm tròn xuống thành 7 cổ phiếu SHS, phần lẻ cổ phiếu sẽ bị hủy bỏ.</i>								
9. Phương án sử dụng vốn từ đợt phát hành:	Sau khi hoàn tất việc phát hành, số vốn điều lệ tăng thêm sẽ được sử dụng cho mục đích bổ sung nguồn vốn hoạt động kinh doanh của Công ty.								
10. Các hạn chế liên quan:	Cổ phiếu phát hành để tăng vốn cổ phần từ NVCSH không bị hạn chế chuyển nhượng. Các cổ phiếu trong tình trạng hạn chế chuyển nhượng vẫn được nhận cổ phiếu từ đợt phát hành.								

III. Chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng cho cổ đông hiện hữu

1. Số lượng cổ phiếu dự kiến chào bán:	813.156.748 cổ phiếu (Tám trăm mười ba triệu một trăm năm mươi sáu nghìn bảy trăm bốn mươi tám)
2. Tổng giá trị cổ phiếu dự kiến chào bán theo mệnh giá:	8.131.567.480.000 đồng (Tám nghìn một trăm ba mươi một tỷ năm trăm sáu mươi bảy triệu bốn trăm tám mươi nghìn)
3. Phương thức chào bán:	Chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng cho cổ đông hiện hữu
4. Tỷ lệ chào bán dự kiến:	Tỷ lệ chào bán là 100% , tương ứng tỷ lệ thực hiện quyền 1:1 , theo đó căn cứ vào ngày đăng ký cuối cùng để phân bổ quyền, cổ đông hiện hữu sở hữu 01 cổ phiếu tương ứng sẽ được hưởng 01 quyền mua cổ phiếu, cứ 01 quyền mua sẽ được mua thêm 01 cổ phiếu mới.
5. Giá chào bán	10.000 đồng/cổ phiếu
6. Đối tượng chào bán:	Cổ đông hiện hữu theo Danh sách cổ đông tại ngày đăng ký cuối cùng thực hiện thực hiện quyền mua cổ phiếu.
7. Chuyển nhượng quyền mua:	Cổ đông có quyền chuyển nhượng quyền mua cổ phiếu cho người khác nhưng chỉ được chuyển nhượng 01 lần trong thời gian quy định. Người nhận chuyển nhượng quyền mua không được chuyển nhượng quyền mua đó cho người thứ 3
8. Phương án xử lý cổ phiếu cổ đông hiện hữu không mua hết (cổ phiếu còn dư)	+ Đối với số cổ phiếu không chào bán hết do cổ đông hiện hữu từ chối mua một phần hoặc toàn bộ trong đợt chào bán, Hội đồng quản trị thực hiện phân phối cho các đối tượng khác với điều kiện chào bán, điều kiện về quyền, nghĩa vụ của nhà đầu tư không thuận lợi hơn so với điều kiện chào bán cho cổ đông hiện hữu (trong đó bao gồm mức giá chào bán không thấp hơn giá bán cho cổ đông hiện hữu), hạn chế chuyển nhượng 01 năm kể từ ngày kết thúc đợt chào bán. + Việc xử lý cổ phiếu còn dư đảm bảo phù hợp theo quy định tại Điều 42 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 và đảm bảo các điều kiện khác theo quy định tại khoản 2 Điều 195 Luật Doanh nghiệp và các quy định khác có liên quan của pháp luật hiện hành. + Trong trường hợp hết hạn phân phối cổ phiếu theo quy định của pháp luật (bao gồm cả thời gian được gia hạn (nếu có)), nếu vẫn còn cổ phiếu chưa phân phối hết thì số cổ phiếu chưa phân phối hết này được hủy và Hội đồng quản trị ra quyết định kết thúc đợt chào bán.
9. Phương án sử dụng vốn từ đợt chào bán:	Sau khi hoàn tất việc phát hành, số vốn điều lệ tăng thêm sẽ được sử dụng cho mục đích bổ sung nguồn vốn hoạt động kinh doanh của Công ty, cụ thể như sau:

	+ 40% cho hoạt động cho vay margin, ứng trước. + 60% cho hoạt động đầu tư chứng khoán (cổ phiếu và/hoặc trái phiếu)
10. Tỷ lệ chào bán thành công tối thiểu	Tỷ lệ chào bán thành công tối thiểu của đợt chào bán: không quy định. Trường hợp cổ phiếu không phân phối hết theo dự kiến và số lượng vốn huy động không đạt đủ như dự kiến, Hội đồng quản trị sẽ xem xét huy động nguồn vốn khác để bổ sung hoặc sử dụng linh hoạt các nguồn vốn hiện có.
11. Pha loãng	a. Pha loãng giá cổ phiếu Trong đợt phát hành này, Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội chào bán 813.156.748 cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu. Sau khi lượng cổ phiếu này chào bán, giá cổ phiếu của Công ty sẽ bị pha loãng với mức độ nhất định. Giá cổ phiếu sau khi pha loãng được tính theo công thức sau: $P_{tc} = \frac{PR_{t-1} + (I_1 \times P_{R1})}{1 + I_1}$ Trong đó: P_{tc} : Giá tham chiếu tại Ngày Giao Dịch Không Hưởng Quyền. PR_{t-1} : Giá giao dịch đóng cửa của cổ phiếu tại ngày giao dịch gần nhất trước Ngày Giao Dịch Không Hưởng Quyền. P_{R1} : Giá chào bán cho cổ đông hiện hữu. I_1 : Tỷ lệ vốn tăng thêm do phát hành quyền mua cổ phiếu cho CĐHH. Ví dụ: giá giao dịch đóng cửa của cổ phiếu SHS tại ngày giao dịch gần nhất trước Ngày Giao Dịch Không Hưởng Quyền là 20.000 đồng/cổ phiếu và cổ phiếu phát hành thêm được chào bán với giá 10.000 đồng, giá cổ phiếu của SHS sau khi pha loãng tính theo công thức: $\text{Giá điều chỉnh} = \frac{20.000 + (1 \times 10.000)}{1 + 1} = 15.000 \text{ đồng/CP}$ Như vậy, việc phát hành thêm lượng cổ phiếu như trên sẽ làm pha loãng giá cổ phiếu của Công ty. b. Pha loãng thu nhập trên mỗi cổ phiếu (EPS) Trên góc độ sổ sách kế toán, thu nhập trên mỗi cổ phiếu (EPS) bằng (=) Lợi nhuận sau thuế / Số lượng cổ phiếu đang lưu hành bình quân. Như vậy, đợt chào bán cổ phiếu lần này sẽ làm cho số lượng cổ phiếu đang lưu hành của Công ty tăng lên, ảnh hưởng đến thu nhập trên mỗi cổ phiếu của Công ty. Chỉ số này sẽ giảm xuống

	nếu tốc độ tăng lợi nhuận thấp hơn tốc độ tăng của số lượng cổ phiếu. c. Pha loãng giá trị sổ sách Sau khi hoàn thành đợt chào bán, giá trị sổ sách của mỗi cổ phần sẽ có thể bị thay đổi trong trường hợp giá chào bán thấp hơn giá trị sổ sách của mỗi cổ phần tại thời điểm chào bán.
12. Các hạn chế liên quan:	+ Toàn bộ số cổ phiếu chào bán cho cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ thực hiện quyền được tự do chuyển nhượng; + Số lượng cổ phiếu mà cổ đông hiện hữu được mua nhưng từ chối mua được chào bán cho đối tượng khác bị hạn chế chuyển nhượng trong vòng 01 năm kể từ ngày kết thúc đợt chào bán theo quy định Khoản 2 Điều 42 Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ).



Hà Nội, ngày 26 tháng 9 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

(V/v: sửa đổi, bổ sung nội dung công việc triển khai Phương án phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ năm 2024 theo Quyết định số 35-2024/QĐ-HĐQT ngày 21/06/2024)

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CÔNG TY CP CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN – HÀ NỘI

Căn cứ:

- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020 và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thi hành Luật;
- Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019 và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thi hành Luật;
- Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
- Điều lệ Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn – Hà Nội (“SHS”) hiện hành;
- Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông SHS thường niên năm 2024 số 01-2024/NQ-ĐHĐCĐ ngày 15/05/2024;
- Quyết định của Hội đồng Quản trị (“HĐQT”) SHS số 35-2024/QĐ-HĐQT ngày 21/06/2024 về việc triển khai Phương án phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ năm 2024;
- Biên bản họp HĐQT SHS số 24-2024/BBH-HĐQT ngày 26/9/2024 về việc sửa đổi, bổ sung Quyết định số 35-2024/QĐ-HĐQT ngày 21/06/2024,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Thông qua Trình tự thực hiện 03 Phương án phát hành Cổ phiếu để tăng Vốn điều lệ Công ty CP Chứng khoán Sài Gòn – Hà Nội năm 2024 theo Nghị quyết số 01-2024/NQ-ĐHĐCĐ ngày 15/05/2024 của Đại hội đồng Cổ đông và Quyết định của Hội đồng Quản trị số 35-2024/QĐ-HĐQT ngày 21/06/2024 như sau:

Triển khai thực hiện 03 Phương án: (1) Phát hành cổ phiếu để trả cổ tức năm 2023; (2) Phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu; (3) Chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng cho Cổ đông hiện hữu (“CDHH”) trong cùng một đợt, cụ thể như sau:

Sau khi nộp Hồ sơ đăng ký chào bán/ Tài liệu báo cáo phát hành và nhận được văn bản/thông báo của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước (“UBCKNN”) về việc cấp Giấy chứng nhận đăng ký chào bán/ Thông báo về việc nhận được Tài liệu báo



cáo phát hành của SHS, HĐQT SHS sẽ tiến hành chốt Danh sách cổ đông để thực hiện đồng thời các quyền: (1) Quyền nhận cổ phiếu phát hành để trả cổ tức năm 2023 và (2) Quyền nhận cổ phiếu phát hành để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu và (3) Quyền mua cổ phiếu phát hành thêm đợt chào bán cổ phiếu ra công chúng cho CDHH vào cùng một ngày và theo các quy định, hướng dẫn của CQQLNN liên quan.

Điều 2. Thông qua chi tiết Phương án sử dụng vốn thu được từ đợt Chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng cho Cổ đông hiện hữu, cụ thể như sau:

1. Tổng số tiền dự kiến thu được từ đợt chào bán: **8.131.567.480.000 đồng**
2. Phương án sử dụng vốn chi tiết:

Số tiền dự kiến thu được từ đợt chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng sẽ được sử dụng cho mục đích bổ sung nguồn vốn hoạt động kinh doanh của Công ty theo thứ tự ưu tiên từ trên xuống dưới, dự kiến như sau:

TT	Nội dung	Số tiền (VND)	Tỷ lệ tương ứng/số tiền thu được (%)	Tiến độ sử dụng vốn dự kiến
1	Bổ sung nguồn vốn cho hoạt động cho vay margin, ứng trước, trong đó:	3.252.626.992.000	40	Tối đa 03 tháng kể từ ngày UBCKNN có thông báo nhận được Báo cáo kết quả chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng của SHS
	- Cho vay margin	2.252.626.992.000	27,70	
	- Ứng trước	1.000.000.000.000	12,30	
2	Bổ sung nguồn vốn cho hoạt động đầu tư chứng khoán (Cổ phiếu và/hoặc Trái phiếu), trong đó:	4.878.940.488.000	60,00	
	- Đầu tư Trái phiếu	4.378.940.488.000	53,85	
	- Đầu tư Cổ phiếu	500.000.000.000	6,15	
	Tổng cộng	8.131.567.480.000	100,00	

3. Trong trường hợp cổ phần chào bán không được phân phối hết và số lượng vốn huy động không đủ tài trợ cho mục đích chào bán, HĐQT sẽ xem xét và

quyết định sử dụng linh hoạt các nguồn vốn hợp pháp khác như vay ngân hàng, phát hành trái phiếu, vay các tổ chức khác để bổ sung (nếu cần).

Điều 3. Thông qua Cam kết của HĐQT SHS về việc triển khai đăng ký niêm yết cổ phiếu SHS được phát hành thêm trên hệ thống giao dịch chứng khoán sau khi kết thúc đợt phát hành theo đúng quy định, chi tiết như sau:

“Hội đồng Quản trị SHS cam kết sẽ triển khai thực hiện thủ tục đăng ký chứng khoán bổ sung và niêm yết bổ sung đối với toàn bộ số lượng Cổ phiếu phát hành thêm sau khi kết thúc Đợt phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ năm 2024 theo quy định pháp luật và Điều lệ Công ty”.

Chủ tịch Hội đồng Quản trị SHS chịu trách nhiệm chỉ đạo thực hiện Cam kết nêu trên, ký và ban hành các văn bản liên quan, ủy quyền cho Tổng Giám đốc triển khai (nếu cần) và báo cáo Hội đồng Quản trị về việc thực hiện.

Điều 4. Thông qua Phương án đảm bảo việc phát hành cổ phiếu đáp ứng quy định về Tỷ lệ sở hữu nước ngoài (“SHNN”) trong đợt chào bán cổ phiếu ra công chúng cho CDHH (thay thế cho Phương án đảm bảo đã được thông qua tại Điều 3, Quyết định số 35-2024/QĐ-HĐQT ngày 21/06/2024), cụ thể như sau:

1. Theo Văn bản số 1349/UBCK-QLKD ngày 18/03/2022 của UBCKNN về Hồ sơ thông báo Tỷ lệ SHNN tối đa, Tỷ lệ SHNN tối đa tại SHS là 49% Vốn Điều lệ của Công ty.
2. Phương án đảm bảo Tỷ lệ sở hữu của Nhà đầu tư nước ngoài trong đợt chào bán được thực hiện như sau:
 - Trong thời gian thực hiện quyền mua cổ phiếu chào bán, việc phân phối cổ phiếu cho CDHH, Công ty đảm bảo tuân thủ quy định về Tỷ lệ SHNN tối đa theo quy định pháp luật.
 - Đối với trường hợp chuyển nhượng quyền mua của CDHH, căn cứ tỷ lệ sở hữu của Nhà đầu tư nước ngoài tại SHS theo Danh sách người sở hữu chứng khoán (Danh sách cổ đông) tại Ngày đăng ký cuối cùng để thực hiện quyền mua từ đợt chào bán, SHS sẽ phối hợp với Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam (VSDC) kiểm soát việc chuyển nhượng quyền mua của CDHH (nếu có) để đảm bảo Tỷ lệ sở hữu của Cổ đông tại SHS sau đợt chào bán tuân thủ theo quy định pháp luật.
 - Khi thực hiện phân phối cổ phiếu còn dư cho các đối tượng khác, HĐQT SHS phối hợp với VSDC trong việc đảm bảo Tỷ lệ SHNN của Công ty tuân thủ theo các quy định tại khoản 1, 2 Điều 51 Luật Chứng khoán và khoản 5 Điều 139 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 và Văn bản số 1349/UBCK-QLKD ngày 18/03/2022 của UBCKNN.

Điều 5. Hội đồng Quản trị giao và ủy quyền cho Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm triển khai các nội dung đã được thông qua tại các Điều khoản trên trong phạm vi thẩm quyền cho phép, đảm bảo tuân thủ pháp luật, Nghị quyết ĐHĐCĐ, Điều lệ



Công ty và thực hiện các điều chỉnh, bổ sung nội dung và Hồ sơ phù hợp (nếu cần), ký và ban hành các văn bản liên quan và báo cáo HĐQT về việc thực hiện.

Điều 6. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc và các phòng ban có liên quan thuộc Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn – Hà Nội chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:

- Như Điều 6;
- CBTT: UBCKNN, SGDCK, website;
- Lưu YT, VP HĐQT.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



ĐỖ QUANG VINH

**GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ DOANH NGHIỆP
CÔNG TY CỔ PHẦN**

Mã số doanh nghiệp: 0102524651

Đăng ký lần đầu: ngày 15 tháng 11 năm 2007

Đăng ký thay đổi lần thứ: 10, ngày 05 tháng 04 năm 2024

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN - HÀ NỘI

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: SAI GON – HA NOI SECURITIES JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt:

2. Địa chỉ trụ sở chính

Tầng 1-5, Tòa nhà Unimex Hà Nội, Số 41 Ngõ Quyền, Phường Hàng Bài, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 02438181888

Fax: 02438181688

Email: contact@shs.com.vn

Website: www.shs.com.vn

3. Vốn điều lệ: 8.131.567.480.000 đồng.

Bằng chữ: Tám nghìn một trăm ba mươi một tỷ năm trăm sáu mươi bảy triệu bốn trăm tám mươi nghìn đồng

Mệnh giá cổ phần: 10.000 đồng

Tổng số cổ phần: 813.156.748 Ngày: 11-04-2024

4. Người đại diện theo pháp luật của công ty

* Họ và tên: NGUYỄN CHÍ THANH Số chứng thực: 063430020 SCT/BS Giới tính: Nam

Chức danh: Tổng giám đốc

Sinh ngày:

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân:

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân:

Ngày cấp:

Nơi cấp:

Địa chỉ thường trú:

Địa chỉ liên lạc:



CÔNG CHỨNG VIÊN
Bà Trương Quân



Bà Văn Linh

BẢN SAO

BỘ TÀI CHÍNH
ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC

Số: 66 /UBCK-GP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 15 tháng 11 năm 2007

CHỦ TỊCH ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC

Căn cứ Luật Chứng khoán ngày 29 tháng 06 năm 2006;

Căn cứ Nghị định số 14/2007/NĐ-CP ngày 19 tháng 01 năm 2007 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Quyết định số 63/2007/QĐ-TTg ngày 10 tháng 05 năm 2007 của Thủ tướng Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước thuộc Bộ Tài chính;

Căn cứ Quyết định số 27/2007/QĐ-BTC ngày 24 tháng 04 năm 2007 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của công ty chứng khoán;

Xét Hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép thành lập và hoạt động của Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội ngày 20 tháng 06 năm 2007;

Theo đề nghị của Trưởng ban Quản lý Kinh doanh Chứng khoán,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp Giấy phép thành lập và hoạt động cho:

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN - HÀ NỘI

- Tên Công ty viết bằng tiếng nước ngoài:
SAI GON - HA NOI SECURITIES JOINT STOCK COMPANY
- Tên Viết tắt: SHS
- Trụ sở chính đặt tại: Số 162 - 164 Phố Thái Hà, Quận Đống Đa,
Thành phố Hà Nội.
- Vốn điều lệ: 350.000.000.000 (Ba trăm năm mươi tỷ) đồng.
- Vốn pháp định : 300.000.000.000 (Ba trăm tỷ) đồng.
- Thời gian hoạt động : Không thời hạn.
- Cổ đông sáng lập:

Số T T	Tên	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân hoặc đăng ký trụ sở chính đối với tổ chức	Số Giấy CNDKKD/ Giấy phép/ CMND	Quốc tịch	Số cổ phần
--------------	-----	---	--	--------------	---------------

1.	Công ty TNHH T&T	số 18, phố Hàng Chuối, Phường Phạm Đình Hổ, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội	0102007780	Việt Nam	5.250.000
2.	Ngân hàng TMCP Sài Gòn – Hà Nội	số 138 đường 3/2, Hưng Lợi, Quận Ninh Kiều, Thành phố Cần Thơ	5703000085	Việt Nam	3.500.000
3.	Tập đoàn Công nghiệp Than – Khoáng sản Việt Nam	số 226 Lê Duẩn, Phường Trung Phụng, Quận Đống Đa, T.p Hà Nội	0106000574	Việt Nam	3.500.000
4.	Công ty cổ phần Phát triển đô thị và khu công nghiệp GERUCO	số 58, đường Hồng Quang, Phường Nguyễn Trãi, Thành phố Hải Dương, Tỉnh Hải Dương	0403000336	Việt Nam	3.500.000
5.	Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam	số 236 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường 6, Quận 3, Tp. Hồ Chí Minh	4106000341	Việt Nam	1.750.000
6.	Công ty cổ phần An Sinh	tổ 6, khu 5, Phường Hồng Hà, Tp. Hạ Long, Tỉnh Quảng Ninh	2203000158	Việt Nam	1.750.000
7.	Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Hà Nội	số 17 phố Phù Đồng Thiên Vương, Phường Ngô Thị Nhâm, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội	044981	Việt Nam	1.750.000

- Người đại diện theo pháp luật của Công ty:

Chức danh: **Tổng Giám đốc**

Họ và tên: **Nguyễn Thế Minh**

Giới tính: **Nam**

Sinh ngày: **29/03/1971**

Dân tộc: **Kinh**

Quốc tịch: **Việt Nam**

Chứng minh thư nhân dân số: **182367676**

Ngày cấp: **18/10/1997**

Nơi cấp: **Công an Tỉnh Nghệ An**

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú:

Xã Cát Văn, Huyện Thanh Chương, Tỉnh Nghệ An

Chỗ ở hiện tại:

P207 A1, Tập thể Hào Nam, Phường Ô Chợ Dừa, Quận Đống Đa, Tp. Hà Nội

Điều 2. Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn – Hà Nội được thực hiện các nghiệp vụ kinh doanh sau đây:

1. Môi giới chứng khoán;
2. Tự doanh chứng khoán;
3. Tư vấn đầu tư chứng khoán;
4. Bảo lãnh phát hành chứng khoán;
5. Lưu ký chứng khoán.

Điều 3. Trong quá trình hoạt động, Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn – Hà Nội phải tuân thủ pháp luật Việt Nam về chứng khoán và thị trường chứng khoán, các văn bản pháp luật khác có liên quan và Điều lệ của Công ty.

Điều 4. Giấy phép này có hiệu lực kể từ ngày ký. Trong thời hạn 12 tháng kể từ ngày được cấp Giấy phép thành lập và hoạt động, Công ty phải khai trương hoạt động. Sau thời hạn trên, nếu Công ty không khai trương hoạt động Ủy ban Chứng khoán Nhà nước sẽ thu hồi Giấy phép.

Điều 5. Giấy phép này được lập thành hai (02) bản gốc; Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn – Hà Nội giữ một (01) bản; Ủy ban Chứng khoán Nhà nước giữ một (01) bản.

CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH

Ngày: 26-03-2024

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Số chứng thực.....03889.....01.....
Quyển số.....SCT/BS


Nguyễn Đoàn Hùng



CÔNG CHỨNG VIÊN
Bùi Trường Quân

Số: 08/GPĐC - UBCK

Hà Nội, ngày 23 tháng 04 năm 2018

GIẤY PHÉP ĐIỀU CHỈNH
Giấy phép thành lập và hoạt động công ty chứng khoán

CHỦ TỊCH ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC

Căn cứ Luật Chứng khoán ngày 29 tháng 06 năm 2006;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán ngày 24 tháng 11 năm 2010;

Căn cứ Nghị định số 58/2012/NĐ-CP ngày 20 tháng 7 năm 2012 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Chứng khoán và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Nghị định số 60/2015/NĐ-CP ngày 26 tháng 6 năm 2015 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 58/2012/NĐ-CP ngày 20 tháng 7 năm 2012 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Chứng khoán và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Nghị định số 86/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 07 năm 2016 của Chính phủ quy định điều kiện đầu tư, kinh doanh chứng khoán;

Căn cứ Quyết định số 48/2015/QĐ-TTg ngày 08 tháng 10 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước trực thuộc Bộ Tài chính;

Căn cứ Thông tư số 210/2012/TT-BTC ngày 30 tháng 11 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn về thành lập và hoạt động công ty chứng khoán và Thông tư số 07/2016/TT-BTC ngày 18 tháng 01 năm 2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 210/2012/TT-BTC;

Căn cứ Giấy phép thành lập và hoạt động công ty chứng khoán số 66/UBCK-GP ngày 15 tháng 11 năm 2007 của Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp cho Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn- Hà Nội;

Căn cứ hồ sơ đề nghị sửa đổi Giấy phép thành lập và hoạt động công ty chứng khoán của Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn- Hà Nội;

Theo đề nghị của Vụ Trưởng Vụ Quản lý Kinh doanh Chứng khoán,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Điều chỉnh Giấy phép thành lập và hoạt động công ty chứng khoán số 66/UBCK-GP ngày 15 tháng 11 năm 2007 do Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp cho Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn- Hà Nội với nội dung như sau:

Địa điểm trụ sở chính: Tầng 1-5 Tòa nhà Unimex Hà Nội, Số 41 Ngô Quyền, Phường Hàng Bài, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội.

Điều 2. Giấy phép điều chỉnh này có hiệu lực kể từ ngày ký và là bộ phận không tách rời của Giấy phép thành lập và hoạt động công ty chứng khoán số 66/UBCK-GP ngày 15 tháng 11 năm 2007 do Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp cho Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn- Hà Nội.

Điều 3. Giấy phép điều chỉnh này được lập thành hai (02) bản chính; 01 bản cấp cho Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn- Hà Nội; 01 bản lưu tại Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.

Ngày: 26-03-2024

03888,01

Số chứng thực.....Quyển số.....SCT/BS

KT. CHỦ TỊCH
RHỒ CHỦ TỊCH



Phạm Hồng Sơn



CÔNG CHỨNG VIÊN
Bùi Trường Quân

BỘ TÀI CHÍNH
ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 85 /GPĐC-UBCK

Hà Nội, ngày 05 tháng 9 năm 2022

GIẤY PHÉP ĐIỀU CHỈNH

Giấy phép thành lập và hoạt động công ty chứng khoán

CHỦ TỊCH ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC

Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Quyết định số 48/2015/QĐ-TTg ngày 08 tháng 10 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước trực thuộc Bộ Tài chính;

Căn cứ Thông tư số 121/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về hoạt động của công ty chứng khoán;

Căn cứ Giấy phép thành lập và hoạt động Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn – Hà Nội số 66/UBCK-GP do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 15 tháng 11 năm 2007;

Căn cứ hồ sơ đề nghị điều chỉnh Giấy phép thành lập và hoạt động của Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn – Hà Nội;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Quản lý Kinh doanh Chứng khoán.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Điều chỉnh Giấy phép thành lập và hoạt động số 66/UBCK-GP do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 15 tháng 11 năm 2007 cho Công ty cổ phần chứng khoán Sài Gòn – Hà Nội với nội dung như sau:

- **Vốn điều lệ: 8.131.567.480.000 VNĐ** (Tám nghìn một trăm ba mươi một tỷ, năm trăm sáu mươi bảy triệu, bốn trăm tám mươi nghìn đồng).

Điều 2. Giấy phép này có hiệu lực kể từ ngày ký và là bộ phận không tách rời của Giấy phép thành lập và hoạt động số 66/UBCK-GP do Ủy ban

Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 15 tháng 11 năm 2007 cho Công ty cổ phần chứng khoán Sài Gòn – Hà Nội;

Các nội dung quy định tại Điều lệ của Công ty cổ phần chứng khoán Sài Gòn – Hà Nội phải được sửa đổi theo nội dung nêu tại Giấy phép điều chỉnh này.

Điều 3. Giấy phép điều chỉnh được lập thành hai (02) bản chính: 01 bản cấp cho Công ty cổ phần chứng khoán Sài Gòn – Hà Nội; 01 bản lưu tại Ủy ban Chứng khoán Nhà nước. /

Ngày: 26-03-2024

Số chứng thư 03971, Quyết số SCT/BS

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Vũ Thị Chân Phương



CÔNG CHỨNG VIÊN
Bùi Trường Quân

BỘ TÀI CHÍNH
ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 16 /GPĐC-UBCK

Hà Nội, ngày 25 tháng 3 năm 2024

BẢN SAO

GIẤY PHÉP ĐIỀU CHỈNH
Giấy phép thành lập và hoạt động công ty chứng khoán
CHỦ TỊCH ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC

Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Quyết định số 48/2015/QĐ-TTg ngày 08 tháng 10 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước trực thuộc Bộ Tài chính;

Căn cứ Thông tư số 121/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về hoạt động của công ty chứng khoán;

Căn cứ Giấy phép thành lập và hoạt động Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn – Hà Nội số 66/UBCK-GP do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 15 tháng 11 năm 2007;

Căn cứ hồ sơ đề nghị điều chỉnh Giấy phép thành lập và hoạt động của Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn – Hà Nội;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Quản lý Kinh doanh Chứng khoán.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Điều chỉnh Giấy phép thành lập và hoạt động số 66/UBCK-GP do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 15 tháng 11 năm 2007 cho Công ty cổ phần Chứng khoán Sài Gòn – Hà Nội với nội dung như sau:

- Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Chí Thành

Chức danh: Tổng Giám đốc

Sinh ngày:

Quốc tịch: Việt Nam

Số CCCD:

Ngày cấp:

Nơi cấp:

Địa chỉ thường trú:

Điều 2. Giấy phép này có hiệu lực kể từ ngày ký và là bộ phận không tách rời của Giấy phép thành lập và hoạt động số 66/UBCK-GP do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 15 tháng 11 năm 2007 cho Công ty cổ phần Chứng khoán Sài Gòn – Hà Nội;

Điều 3. Giấy phép điều chỉnh được lập thành hai (02) bản chính: 01 bản cấp cho Công ty cổ phần Chứng khoán Sài Gòn – Hà Nội; 01 bản lưu tại Ủy ban Chứng khoán Nhà nước./.

CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH

Ngày: 11-04-2024

Số chứng thực.....06344'02.....Quyển số.....

**CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Hoàng Văn Thu



CÔNG CHỨNG VIÊN
Bùi Trường Quân





Biển cơ hội thành giá trị

CÔNG TY CP CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN – HÀ NỘI
SAI GON – HA NOI SECURITIES J.S.C

Trụ sở: Tầng 1 – 5, tòa nhà UNIMEX Hà Nội, số 41 Ngô Quyền,
Phường Hàng Bài, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội
Tel: 024.38 181 888 / Fax: 024.38 181 688 / Website: www.shs.com.vn

ĐIỀU LỆ
CÔNG TY CỔ PHẦN
CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN – HÀ NỘI

*(ban hành kèm theo Nghị quyết số 01-2024/NQ-ĐHĐCĐ ngày 15/5/2024
của Đại hội đồng Cổ đông phiên họp thường niên năm 2024
và Quyết định số 31-2024/QĐ-HĐQT ngày 06/06/2024 của Hội đồng Quản trị
Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn – Hà Nội)*

Hà Nội, tháng 6 năm 2024



MỤC LỤC

PHẦN MỞ ĐẦU	4
CHƯƠNG I - QUY ĐỊNH CHUNG	4
Điều 1. Giải thích thuật ngữ	4
Điều 2. Tên, hình thức, Trụ sở, Chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh, thời hạn hoạt động của Công ty	6
Điều 3. Người đại diện theo pháp luật	7
CHƯƠNG II - MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY	9
Điều 4. Mục tiêu hoạt động	9
Điều 5. Phạm vi kinh doanh và hoạt động	9
Điều 6. Nguyên tắc hoạt động	12
Điều 7. Quyền hạn và nghĩa vụ của Công ty	12
CHƯƠNG III - VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP	23
Điều 8. Vốn Điều lệ và Tỷ lệ sở hữu nước ngoài tại Công ty	23
Điều 9. Thay đổi vốn Điều lệ	24
Điều 10. Cổ đông sáng lập của Công ty	24
Điều 11. Chứng nhận Cổ phiếu	25
Điều 12. Sổ đăng ký Cổ đông	26
Điều 13. Chứng chỉ chứng khoán khác	26
Điều 14. Cổ phần của Công ty	27
Điều 15. Chào bán cổ phần	27
Điều 16. Bán cổ phần	28
Điều 17. Mua lại cổ phần	28
Điều 18. Chuyển nhượng cổ phần	29
Điều 19. Thu hồi cổ phần (đối với trường hợp khi đăng ký thành lập doanh nghiệp)	30
CHƯƠNG IV - CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN TRỊ VÀ KIỂM SOÁT	31
Điều 20. Cơ cấu tổ chức quản trị và kiểm soát	31
CHƯƠNG V - CỔ ĐÔNG, ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG CÔNG TY	32
Điều 21. Cổ đông của Công ty	32
Điều 22. Quyền của Cổ đông	32
Điều 23. Nghĩa vụ của Cổ đông	35
Điều 24. Đại hội đồng Cổ đông	36
Điều 25. Quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng Cổ đông	37
Điều 26. Ủy quyền tham dự họp Đại hội đồng Cổ đông	38
Điều 27. Thay đổi các quyền	39
Điều 28. Triệu tập họp, Chương trình họp và Thông báo mời họp Đại hội đồng Cổ đông	39
Điều 29. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng Cổ đông	42

Điều 30. Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông	42
Điều 31. Điều kiện để Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông được thông qua	44
Điều 32. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến Cổ đông bằng văn bản để thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông	45
Điều 33. Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng Cổ đông	47
Điều 34. Yêu cầu huỷ bỏ Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông	48
CHƯƠNG VI - HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	49
Điều 35. Ứng cử, đề cử, bầu cử Thành viên Hội đồng Quản trị	49
Điều 36. Thành phần và nhiệm kỳ của Thành viên Hội đồng Quản trị	50
Điều 37. Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng Quản trị	51
Điều 38. Thủ lao và lợi ích của thành viên Hội đồng Quản trị	53
Điều 39. Chủ tịch Hội đồng Quản trị	54
Điều 40. Tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Hội đồng Quản trị	56
Điều 41. Thành viên HĐQT độc lập, không điều hành	56
Điều 42. Các cuộc họp của Hội đồng Quản trị	57
Điều 43. Biên bản họp Hội đồng Quản trị	59
Điều 44. Miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế và bổ sung thành viên Hội đồng Quản trị	61
Điều 45. Các Tiểu ban thuộc Hội đồng Quản trị	62
Điều 46. Ủy ban Kiểm toán	63
Điều 47. Ban thư ký Hội đồng Quản trị	66
Điều 48. Bộ phận Kiểm toán nội bộ thuộc Hội đồng Quản trị	66
Điều 49. Người phụ trách quản trị Công ty	68
CHƯƠNG VII - TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC	69
Điều 50. Tổ chức bộ máy quản lý	69
Điều 51. Người điều hành Công ty	69
Điều 52. Cán bộ quản lý	69
Điều 53. Tổng Giám đốc	70
Điều 54. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng Giám đốc	71
Điều 55. Thủ lao của Tổng Giám đốc và các thành viên khác trong Ban Điều hành	73
Điều 56. Bộ phận Kiểm soát nội bộ trực thuộc Ban Tổng Giám đốc	73
CHƯƠNG VIII - TRÁCH NHIỆM CỦA TV HĐQT, TGD, NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC	74
Điều 57. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi	74
Điều 58. Công khai các lợi ích có liên quan	75
Điều 59. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường	77
Điều 60. Các hợp đồng, giao dịch phải được Đại hội đồng Cổ đông, Hội đồng Quản trị chấp thuận	77
CHƯƠNG IX - QUYỀN TRA CỨU SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ	79
Điều 61. Quyền tra cứu sổ sách và hồ sơ	79
CHƯƠNG X - NGƯỜI LAO ĐỘNG VÀ CÔNG ĐOÀN	79

Điều 62. Người lao động và công đoàn	79
CHƯƠNG XI - PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN	80
Điều 63. Phân phối lợi nhuận	80
CHƯƠNG XII - TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, NĂM TÀI CHÍNH VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN	83
Điều 64. Tài khoản ngân hàng	83
Điều 65. Năm tài chính	83
Điều 66. Chế độ kế toán	83
CHƯƠNG XIII - BÁO CÁO TÀI CHÍNH, BCTN VÀ TRÁCH NHIỆM CBTT	84
Điều 67. Báo cáo Tài chính năm	84
Điều 68. Báo cáo thường niên	84
Điều 69. Chế độ báo cáo, công bố thông tin và thông báo ra công chúng	84
CHƯƠNG XIV KIỂM TOÁN CÔNG TY	86
Điều 70. Kiểm toán	86
CHƯƠNG XV DẤU CỦA CÔNG TY	86
Điều 71. Dấu của Công ty	86
CHƯƠNG XVI - TỔ CHỨC LẠI, GIẢI THỂ VÀ THANH LÝ CÔNG TY	87
Điều 72. Chấm dứt hoạt động và giải thể Công ty	87
Điều 73. Gia hạn hoạt động, Tổ chức lại	87
Điều 74. Thanh lý Công ty	87
CHƯƠNG XVII - GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ	89
Điều 75. Giải quyết tranh chấp nội bộ	89
Điều 76. Trường hợp bế tắc giữa các thành viên Hội đồng Quản trị và Cổ đông	89
CHƯƠNG XVIII - ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH	90
Điều 77. Bổ sung và sửa đổi Điều lệ	90
Điều 78. Ngày hiệu lực	90
PHỤ LỤC - CHI TIẾT VỐN ĐIỀU LỆ CÔNG TY TỪ NGÀY THÀNH LẬP ĐẾN NAY	91

PHẦN MỞ ĐẦU

Điều lệ Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội (SHS) được lập dựa trên các quy định sau:

- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020, Luật số 03/2022/QH15 ngày 11/01/2022 được Quốc hội nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua và các văn bản hướng dẫn thi hành, sửa đổi, bổ sung, thay thế Luật tại từng thời điểm;
- Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26/11/2019 và các văn bản hướng dẫn thi hành, sửa đổi, bổ sung, thay thế Luật này tại từng thời điểm;
- Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
- Thông tư số 121/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn về thành lập và hoạt động Công ty chứng khoán;
- Điều lệ mẫu ban hành kèm theo Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 hướng dẫn một số điều về quản trị Công ty áp dụng đối với Công ty đại chúng;
- Các quy định pháp luật hiện hành.

Điều lệ này là cơ sở pháp lý cho tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội - được thành lập theo Giấy phép thành lập và hoạt động số 66/UBCK-GP do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 15/11/2007 và các Giấy phép điều chỉnh, bổ sung; Đăng ký doanh nghiệp theo Mã số Doanh nghiệp số 0102524651 do Sở KHĐT TP Hà Nội cấp lần đầu ngày 15/11/2007 và các lần đăng ký thay đổi điều chỉnh, bổ sung.

Điều lệ này được sửa đổi, bổ sung tại Nghị quyết số 01-2024/NQ-ĐHĐCĐ ngày 15/5/2024 của Đại hội đồng Cổ đông phiên họp thường niên năm 2024 và Quyết định số 31-2024/QĐ-HĐQT ngày 06/06/2024 của Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội.

CHƯƠNG I QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Giải thích thuật ngữ

1. Trong Điều lệ này, những thuật ngữ dưới đây được hiểu như sau:

- a) “**Luật Doanh nghiệp**” có nghĩa là Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020, Luật số 03/2022/QH15 ngày 11/01/2022 được Quốc hội nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua và các văn bản hướng dẫn thi hành, sửa đổi, bổ sung, thay thế Luật này tại từng thời điểm.
- b) “**Luật Chứng khoán**” có nghĩa là Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26/11/2019 và các văn bản hướng dẫn thi hành, sửa đổi, bổ sung, thay thế Luật này tại từng thời điểm.
- c) “**Pháp luật**” có nghĩa là tất cả các Luật, Pháp lệnh, Nghị định, Thông tư, Quy định, Quyết định và các văn bản pháp luật khác được các cơ quan Nhà nước Việt Nam ban hành theo từng thời kỳ liên quan đến tổ chức và hoạt động của Công ty, bao gồm cả các văn bản sửa

đổi, bổ sung, thay thế các văn bản quy phạm pháp luật này.

- d) "**Vốn điều lệ**" là tổng mệnh giá cổ phần đã bán hoặc được đăng ký mua khi thành lập Công ty và theo quy định tại Điều 8 Điều lệ này và được ghi vào Phụ lục Điều lệ này.
- e) "**Ngày thành lập**" là ngày Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn – Hà Nội được cấp Giấy phép thành lập và hoạt động.
- f) "**Người quản lý Công ty**" bao gồm Chủ tịch Hội đồng Quản trị, Thành viên Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc, và cá nhân khác được Hội đồng Quản trị bổ nhiệm là Cán bộ quản lý (được ghi rõ trong Quyết định bổ nhiệm là "Cán bộ quản lý") và phù hợp với quy định pháp luật liên quan.¹
- g) "**Người có liên quan**" là cá nhân, tổ chức được quy định tại Luật Chứng khoán và Luật Doanh nghiệp.
- h) "**Người nội bộ**" là cá nhân, tổ chức được quy định tại Luật Chứng khoán và Luật Doanh nghiệp.
- i) "**Người hành nghề chứng khoán**" là người có Chứng chỉ hành nghề chứng khoán, làm việc tại Công ty theo quy định của Luật Chứng khoán và Luật Doanh nghiệp.²
- j) "**Giá thị trường của phần vốn góp hoặc cổ phần**" là giá giao dịch trên thị trường cao nhất ngày hôm trước, giá thỏa thuận giữa người bán và người mua, hoặc giá do một tổ chức thẩm định giá chuyên nghiệp xác định.
- k) "**Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp**" là văn bản hoặc bản điện tử mà Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp cho doanh nghiệp ghi lại những thông tin về đăng ký doanh nghiệp.
- l) "**Cổ tức**" là khoản lợi nhuận ròng được trả cho mỗi cổ phần bằng tiền mặt hoặc bằng tài sản khác từ nguồn lợi nhuận còn lại của Công ty cổ phần sau khi đã được thực hiện các nghĩa vụ về tài chính theo pháp luật.
- m) "**Cổ đông**" là tổ chức hoặc cá nhân trong và ngoài nước đang sở hữu ít nhất một cổ phần của Công ty và được ghi tên trong Sổ đăng ký Cổ đông của Công ty.
- n) "**Cổ đông sáng lập**" là cổ đông sở hữu ít nhất một cổ phần phổ thông và ký tên trong danh sách cổ đông sáng lập Công ty cổ phần.
- o) "**Cổ đông lớn**" là Cổ đông sở hữu từ 5 (năm) % trở lên số cổ phiếu có quyền biểu quyết của Công ty.
- p) "**Cổ phần**" là Vốn Điều lệ được chia thành các phần bằng nhau.
- q) "**Cổ phiếu**" là loại chứng khoán xác nhận quyền và lợi ích hợp pháp của người sở hữu đối với một phần vốn cổ phần của tổ chức phát hành.
- r) "**Sổ đăng ký Cổ đông**" là văn bản giấy và tập dữ liệu điện tử ghi nhận thông tin về sở hữu cổ phần của các cổ đông Công ty, phải có các nội dung chủ yếu theo Điều 122 Luật Doanh nghiệp và các quy định của pháp luật liên quan.
- s) "**Trái phiếu**" là loại chứng khoán xác nhận quyền và lợi ích hợp pháp của người sở hữu đối

¹ Khoản 24 Điều 4 Luật Doanh nghiệp 2020

² Khoản 47 Điều 5 Luật Chứng khoán

với một phần nợ của tổ chức phát hành.

- l) **“Chứng quyền”** là loại chứng khoán được phát hành cùng với việc phát hành trái phiếu hoặc cổ phiếu ưu đãi, cho phép người sở hữu chứng quyền được quyền mua một số cổ phiếu phổ thông nhất định theo mức giá đã được xác định trước trong khoảng thời gian xác định.³
 - u) **“Chứng quyền có bảo đảm”** (Covered warrant – viết tắt là CW) là loại chứng khoán có tài sản bảo đảm do Công ty chứng khoán phát hành cho phép người sở hữu được quyền mua (chứng quyền mua) hoặc được quyền bán (chứng quyền bán) chứng khoán cơ sở với tổ chức phát hành chứng quyền có bảo đảm đó theo mức giá đã được xác định trước, tại một thời điểm hoặc trước một thời điểm đã được ấn định hoặc nhận khoản tiền chênh lệch giữa giá thực hiện và giá chứng khoán cơ sở tại thời điểm thực hiện.
 - v) **“Tỷ lệ sở hữu nước ngoài”** là tổng tỷ lệ sở hữu cổ phần, phần vốn góp tính trên vốn điều lệ của tất cả nhà đầu tư nước ngoài và tổ chức kinh tế có nhà đầu tư nước ngoài nắm giữ trên 50% vốn điều lệ trong Công ty.⁴
 - w) **“Thời hạn hoạt động”** có nghĩa là thời hạn hoạt động của Công ty được quy định trong Điều lệ này và thời gian gia hạn (nếu có) được Đại hội đồng Cổ đông của Công ty thông qua bằng Nghị quyết.
 - x) **“Việt Nam”** có nghĩa là Nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam.
 - y) **“UBCKNN”** được hiểu là Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.
 - z) **“SGDCK”** được hiểu là Sở Giao dịch Chứng khoán.
 - aa) **“VSD”** là Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam, nay là Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam.
 - bb) **“Công ty”, “SHS”** là Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội.
2. Trong Điều lệ này, việc tham chiếu tới bất cứ quy định hoặc văn bản pháp luật khác sẽ bao gồm cả những sửa đổi hoặc văn bản pháp luật thay thế.
3. Các tiêu đề (Chương, Mục, Điều) tại Điều lệ này được đưa vào chỉ để thuận lợi hơn cho việc theo dõi và không ảnh hưởng tới ý nghĩa tại Điều lệ này.
4. Các từ hoặc thuật ngữ đã được định nghĩa trong Luật Doanh nghiệp và Luật Chứng khoán sẽ có nghĩa tương tự trong Điều lệ này nếu không mâu thuẫn với chủ thể hoặc ngữ cảnh.

Điều 2. Tên, hình thức, Trụ sở, Chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh, thời hạn hoạt động của Công ty

- 1. Công ty được tổ chức dưới hình thức Công ty Cổ phần có tư cách pháp nhân, được cấp giấy phép hoạt động và kinh doanh theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, các quy định tại Điều lệ này và phù hợp với pháp luật hiện hành của Việt Nam.
- 2. Tên của Công ty:
 - a) Tên tiếng Việt: **Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội**
 - b) Tên tiếng Anh: **Sai Gon – Ha Noi Securities Joint Stock Company**
 - c) Tên viết tắt: **SHS**

³ Khoản 5,6 Điều 4 Luật Chứng khoán

⁴ Khoản 38 Điều 3 Nghị định 155-2020/NĐ-CP

3. Trụ sở Công ty:

- a) Trụ sở chính của Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn – Hà Nội đặt tại:

Tầng 1 – 5 Tòa nhà Unimex Hà Nội, số 41, Phố Ngô Quyền, Phường Hàng Bài, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam.

- Điện thoại: (84.24) 38 181 888
- Fax: (84.24) 38 181 688
- E-mail: contact@shs.com.vn
- Website: www.shs.com.vn

- b) Việc thay đổi Trụ sở chính của Công ty do Đại hội đồng Cổ đông thông qua và phải được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận.

4. Công ty có thể thành lập, đóng cửa Chi nhánh, Văn phòng Đại diện, Phòng Giao dịch tại địa bàn kinh doanh theo quyết định của Hội đồng Quản trị và sau khi được cơ quan quản lý nhà nước có liên quan chấp thuận bằng văn bản.

- a) Chi nhánh là ⁵đơn vị phụ thuộc của Công ty, có nhiệm vụ thực hiện toàn bộ hoặc một phần chức năng của Công ty, bao gồm cả chức năng đại diện theo ủy quyền. Ngành, nghề kinh doanh của chi nhánh phải đúng với ngành, nghề kinh doanh của Công ty.
- b) Văn phòng Đại diện là đơn vị phụ thuộc của Công ty, có nhiệm vụ đại diện theo ủy quyền cho lợi ích của Công ty và bảo vệ các lợi ích đó. Văn phòng Đại diện không thực hiện chức năng kinh doanh của Công ty.
- c) Địa điểm kinh doanh là nơi Công ty tiến hành hoạt động kinh doanh cụ thể.

5. Thời hạn hoạt động của Công ty

Trừ khi chấm dứt hoạt động trước thời hạn quy định tại khoản 2 Điều 72 hoặc gia hạn hoạt động theo quy định tại Điều 73 Điều lệ này, thời hạn hoạt động của Công ty là vô thời hạn kể từ ngày Công ty được cấp Giấy phép thành lập và hoạt động.

Điều 3. Người đại diện theo pháp luật⁶

1. Tổng Giám đốc là Người đại diện theo pháp luật của Công ty CP Chứng khoán Sài Gòn – Hà Nội.
2. Người đại diện theo pháp luật đại diện cho Công ty thực hiện các quyền và nghĩa vụ phát sinh từ giao dịch của Công ty, đại diện cho Công ty với tư cách người yêu cầu giải quyết việc dân sự, nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trước Trọng tài, Tòa án và các quyền, nghĩa vụ khác theo quy định tại Điều 12 và 13 Luật Doanh nghiệp và các quy định liên quan khác của pháp luật.
3. Trách nhiệm của người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp:
 - a) Thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất nhằm bảo đảm lợi ích hợp pháp của doanh nghiệp;

⁵ Điều 44 Luật Doanh nghiệp

⁶ Điều 12 Luật Doanh nghiệp

- b) Trung thành với lợi ích của doanh nghiệp; không lạm dụng địa vị, chức vụ và sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh, tài sản khác của doanh nghiệp để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;
 - c) Thông báo kịp thời, đầy đủ, chính xác cho doanh nghiệp về doanh nghiệp mà mình, người có liên quan của mình làm chủ hoặc có cổ phần, phần vốn góp theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, Điều lệ Công ty và các quy định pháp luật liên quan.
 - d) Người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp chịu trách nhiệm cá nhân đối với thiệt hại cho doanh nghiệp do vi phạm trách nhiệm quy định tại mục a, b, c khoản 3 Điều này..
4. Người đại diện theo pháp luật của Công ty phải thường trú ở Việt Nam.
5. Người đại diện theo pháp luật trước khi xuất cảnh khỏi Việt Nam phải ủy quyền bằng văn bản cho cá nhân khác cư trú tại Việt Nam và đủ năng lực hành vi thực hiện quyền và nghĩa vụ của người đại diện theo pháp luật.
- Trường hợp này, người đại diện theo pháp luật vẫn phải chịu trách nhiệm về việc thực hiện quyền và nghĩa vụ đã ủy quyền.
6. Trường hợp hết thời hạn ủy quyền theo khoản 5 Điều này mà Người đại diện theo pháp luật chưa trở lại Việt Nam và không có ủy quyền khác thì người được ủy quyền vẫn tiếp tục thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Người đại diện theo pháp luật trong phạm vi đã được ủy quyền cho đến khi Người đại diện theo pháp luật của Công ty trở lại làm việc tại Công ty, hoặc cho đến khi Hội đồng Quản trị quyết định cử người khác làm Người đại diện theo pháp luật của Công ty.
7. Trường hợp vắng mặt tại Việt Nam quá 30 ngày mà không ủy quyền cho người khác thực hiện các quyền và nhiệm vụ của Người đại diện theo pháp luật của Công ty, hoặc chết, mất tích, đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự, bị tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự, có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi, bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định thì Hội đồng Quản trị cử người khác làm đại diện theo pháp luật của Công ty.
8. Trường hợp Tổng Giám đốc là Người đại diện theo pháp luật hoặc chết, mất tích, đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự, bị tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự, có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi, bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định, hoặc sau khi được cho thôi giữ chức vụ Tổng Giám đốc hoặc bị miễn nhiệm mà Công ty chưa bổ nhiệm được Tổng Giám đốc mới thì đương nhiên Chủ tịch Hội đồng Quản trị là Người đại diện theo pháp luật của Công ty cho đến khi Hội đồng Quản trị bổ nhiệm được người khác vào chức danh trên.
9. Trong một số trường hợp đặc biệt, Tòa án, cơ quan có thẩm quyền tổ tụng khác có quyền chỉ định cá nhân là Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong quá trình tổ tụng tại Tòa án theo đúng quy định pháp luật.

CHƯƠNG II

MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Điều 4. Mục tiêu hoạt động

1. Mục tiêu hoạt động của Công ty là:
 - (1) Kinh doanh để mang lại lợi nhuận cao nhất cho Cổ đông trong điều kiện tuân thủ các quy định của pháp luật;
 - (2) Phát triển bền vững lâu dài, hội nhập với kinh tế khu vực và thế giới để trở thành một trong những Công ty chứng khoán hàng đầu tại Việt Nam;
 - (3) Mang lại lợi ích cho các Cổ đông, Người lao động; và cung ứng cho khách hàng các sản phẩm, dịch vụ chất lượng cao.
2. Nếu bất kỳ mục tiêu nào trong số những mục tiêu nêu tại Khoản 1, Điều này cần có sự phê duyệt thì Công ty chỉ có thể thực hiện mục tiêu đó sau khi được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền phê duyệt.

Điều 5. Phạm vi kinh doanh và hoạt động⁷

1. Công ty tham gia các hoạt động kinh doanh chứng khoán theo quy định của Luật Chứng khoán và các văn bản hướng dẫn thi hành, bao gồm các hoạt động sau:
 - a) Môi giới chứng khoán:
 - Môi giới chứng khoán là việc làm trung gian thực hiện mua, bán chứng khoán cho khách hàng;⁸
 - Nhận ủy thác quản lý tài khoản giao dịch chứng khoán của nhà đầu tư cá nhân; thực hiện phân phối hoặc làm đại lý phân phối chứng khoán; quản lý tài khoản giao dịch chứng khoán; cung ứng dịch vụ quản lý danh sách người sở hữu chứng khoán cho các doanh nghiệp khác;⁹
 - Cung cấp dịch vụ giao dịch chứng khoán trực tuyến; cung cấp hoặc phối hợp với các tổ chức tín dụng cung cấp dịch vụ cho khách hàng vay tiền mua chứng khoán hoặc cung cấp dịch vụ cho vay chứng khoán; cung cấp hoặc phối hợp với các tổ chức tín dụng cung cấp dịch vụ ứng trước tiền bán chứng khoán; lưu ký chứng khoán; bù trừ và thanh toán chứng khoán.
 - b) Tự doanh chứng khoán là việc Công ty chứng khoán mua, bán chứng khoán cho chính mình.¹⁰
 - Công ty được giao dịch chứng khoán trên tài khoản tự doanh chứng khoán và được đầu tư, góp vốn, phát hành, chào bán các sản phẩm tài chính.¹¹
 - c) Bảo lãnh phát hành chứng khoán:
 - Bảo lãnh phát hành chứng khoán là việc cam kết với tổ chức phát hành nhận mua một

⁷ Điều 13- Điều 25 Thông tư 121/2020/TT-BTC

⁸ Khoản 29 Điều 4 Luật Chứng khoán

⁹ Điều 86 Luật Chứng khoán

¹⁰ Khoản 30 Điều 4 Luật Chứng khoán

¹¹ Khoản 2, Điều 86, Luật Chứng khoán

phần hoặc toàn bộ chứng khoán của tổ chức phát hành để bán lại hoặc mua số chứng khoán còn lại chưa được phân phối hết hoặc cố gắng tối đa để phân phối số chứng khoán cần phát hành của tổ chức phát hành.¹²

- Công ty được cung cấp dịch vụ tư vấn hồ sơ chào bán chứng khoán, thực hiện các thủ tục trước khi chào bán chứng khoán; đại lý lưu ký, thanh toán, chuyển nhượng chứng khoán; tư vấn tái cơ cấu, hợp nhất, sáp nhập, tổ chức lại, mua bán doanh nghiệp; tư vấn quản trị, tư vấn chiến lược doanh nghiệp; tư vấn chào bán, niêm yết, đăng ký giao dịch chứng khoán; tư vấn cổ phần hóa doanh nghiệp.

d) Tư vấn đầu tư chứng khoán:

- Công ty được cung cấp cho khách hàng kết quả phân tích, báo cáo phân tích và đưa ra khuyến nghị liên quan đến việc mua, bán, nắm giữ chứng khoán;
- Công ty được ký hợp đồng cung cấp dịch vụ cho khách hàng theo quy định tại khoản 32 Điều 4 của Luật Chứng khoán và các văn bản hướng dẫn thi hành;

e) Lưu ký chứng khoán: Công ty được nhận ký gửi, bảo quản, chuyển giao chứng khoán cho khách hàng, giúp khách hàng thực hiện các quyền liên quan đến chứng khoán lưu ký;¹³

f) Các dịch vụ tài chính khác phù hợp với quy định của pháp luật sau khi báo cáo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước bằng văn bản.

2. Ngoài các nghiệp vụ, dịch vụ kinh doanh chứng khoán quy định tại khoản 1 Điều này, Công ty được tham gia các hoạt động sau đây nếu được pháp luật và Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cho phép:

a) Cung cấp dịch vụ bù trừ, thanh toán giao dịch chứng khoán;

b) Chào bán Sản phẩm tài chính (bao gồm chào bán chứng quyền có bảo đảm và các sản phẩm tài chính khác theo quy định pháp luật);

c) Kinh doanh chứng khoán phái sinh, gồm:

- Môi giới chứng khoán phái sinh;
- Tự doanh chứng khoán phái sinh;
- Tư vấn đầu tư chứng khoán phái sinh.

d) Cung cấp dịch vụ bù trừ, thanh toán giao dịch chứng khoán phái sinh và các hoạt động khác liên quan;

e) Cung cấp dịch vụ giao dịch chứng khoán trong ngày; hoạt động tạo lập thị trường;

f) Phát hành, chào bán và giao dịch chứng quyền có bảo đảm:

- Công ty được phép phát hành, chào bán và giao dịch chứng quyền có bảo đảm theo quy định pháp luật có liên quan, bao gồm:
 - Công ty được chào bán chứng quyền dựa trên chứng khoán cơ sở là chứng khoán trong danh sách chứng khoán đáp ứng điều kiện chào bán chứng quyền;
 - Công ty không được chào bán chứng quyền dựa trên cổ phiếu của chính tổ chức phát

¹² Khoản 32 Điều 4 Luật Chứng khoán

¹³ Khoản 33, Điều 4, Luật Chứng khoán

hành và chứng khoán của tổ chức là người có liên quan của tổ chức phát hành theo quy định tại Luật Chứng khoán;

- Công ty đặt tên Chứng quyền, quyết định hạn mức chứng quyền, ký quỹ bảo đảm thanh toán hoặc có bảo lãnh thanh toán của ngân hàng lưu ký, thực hiện hoạt động chào bán, niêm yết, giao dịch, thực hiện nghĩa vụ đối với người sở hữu chứng quyền, công bố thông tin và phòng ngừa rủi ro theo quy định pháp luật có liên quan;
 - Các nghiệp vụ liên quan đến chứng quyền có bảo đảm bao gồm:
 - Phát hành, chào bán và niêm yết chứng quyền;
 - Hoạt động tạo lập thị trường cho chứng quyền;
 - Môi giới, tư vấn đầu tư chứng quyền;
 - Các nghiệp vụ khác liên quan đến chứng quyền theo quy định pháp luật.
 - **Người sở hữu chứng quyền** thực hiện nghĩa vụ và quyền lợi theo quy định pháp luật có liên quan, bao gồm:
 - Quyền được thanh toán bằng tiền hoặc chuyển giao chứng khoán cơ sở theo điều kiện và phương thức thanh toán; quyền và nghĩa vụ khác do Công ty quy định trong bản cáo bạch của từng đợt phát hành và theo quy định pháp luật có liên quan;
 - Quyền mua (chứng quyền mua) hoặc được quyền bán (chứng quyền bán) chứng khoán cơ sở với Công ty theo mức giá đã được xác định trước, tại một thời điểm hoặc trước một thời điểm đã được ấn định hoặc nhận khoản tiền chênh lệch giữa giá thực hiện và giá chứng khoán cơ sở tại thời điểm thực hiện theo nội dung của chứng quyền;
 - Quyền được thanh toán bằng tiền khi chứng quyền có bảo đảm bị hủy niêm yết theo quy định pháp luật;
 - Quyền chuyển nhượng, cho tặng, để lại thừa kế, cầm cố vay vốn trong các quan hệ dân sự theo quy định pháp luật;
 - Quyền được ưu tiên thanh toán khi Công ty giải thể hoặc phá sản theo quy định của pháp luật;
 - Và các quyền khác theo quy định của pháp luật.
3. Công ty được phép lập kế hoạch và tiến hành tất cả các hoạt động kinh doanh chứng khoán, cung cấp dịch vụ tư vấn tài chính và dịch vụ tài chính khác trong nội dung Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, Giấy phép thành lập và hoạt động Công ty Chứng khoán và được Luật Chứng khoán cho phép và thực hiện các biện pháp thích hợp để đạt được các mục tiêu của Công ty.
 4. Công ty cung cấp dịch vụ, sản phẩm mới theo quyết định của Hội đồng Quản trị và phải được sự chấp thuận trước bằng văn bản của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.
 5. Công ty có thể tiến hành hoạt động kinh doanh trong các lĩnh vực khác được pháp luật cho phép và được Đại hội đồng Cổ đông phê chuẩn.
 6. Công ty có thể tiến hành thay đổi hoặc bổ sung một hoặc một số trong những loại hình kinh doanh quy định tại khoản 1 Điều này theo quyết định của Hội đồng Quản trị sau khi được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước phê duyệt.

Điều 6. Nguyên tắc hoạt động¹⁴

Công ty hoạt động và kinh doanh tuân thủ các nguyên tắc:

1. Tuân thủ các quy định pháp luật của Luật Chứng khoán, Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định khác của pháp luật có liên quan;
2. Tuân thủ các nguyên tắc, thông lệ về quản trị và điều hành Công ty;
3. Tuân thủ đạo đức nghề nghiệp;
4. Liêm trực và thực hiện hoạt động kinh doanh một cách công bằng;
5. Đảm bảo nguồn lực về con người, vốn và cơ sở vật chất cần thiết khác để thực hiện hoạt động kinh doanh chứng khoán và ban hành bằng văn bản các quy trình thực hiện nghiệp vụ kinh doanh phù hợp;
6. Ban hành và áp dụng các quy trình hoạt động cho các nghiệp vụ, quy tắc đạo đức hành nghề, quy trình kiểm soát nội bộ và quản trị rủi ro và giám sát, ngăn ngừa những xung đột lợi ích trong nội bộ Công ty và trong giao dịch với người có liên quan, phù hợp với quy định của Chứng khoán và các văn bản pháp luật liên quan;
7. Bố trí người hành nghề chứng khoán có chứng chỉ hành nghề chứng khoán phù hợp với các nghiệp vụ hoạt động.

Nhân viên hành nghề chứng khoán thực hiện nghiệp vụ môi giới chứng khoán, tư vấn đầu tư chứng khoán không được kiêm nhiệm thực hiện các công việc tại các bộ phận thực hiện nghiệp vụ tự doanh chứng khoán, bảo lãnh phát hành chứng khoán, quản lý tài khoản giao dịch ủy thác;

8. Dự báo giá hoặc khuyến nghị giao dịch liên quan đến một loại chứng khoán cụ thể trên các phương tiện truyền thông phải ghi rõ cơ sở phân tích và nguồn trích dẫn thông tin.

Điều 7. Quyền hạn và nghĩa vụ của Công ty

1. Quyền của Công ty:

- a) Ký hợp đồng bằng văn bản với khách hàng về giao dịch chứng khoán, đăng ký và lưu ký chứng khoán, bảo lãnh phát hành chứng khoán, tư vấn đầu tư chứng khoán và tư vấn tài chính;
- b) Thực hiện thu phí theo các mức phí, lệ phí do Bộ Tài chính quy định;
- c) Tuyển dụng, thuê và sử dụng lao động theo yêu cầu kinh doanh;
- d) Ưu tiên sử dụng lao động trong nước, bảo đảm quyền và lợi ích của người lao động theo quy định của Bộ Luật Lao động, tôn trọng quyền tổ chức công đoàn theo quy định pháp luật;
- e) Sở hữu, sử dụng, định đoạt tài sản của Công ty;
- f) Quản lý, sử dụng vốn do các Cổ đông góp để thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ kinh doanh của Công ty theo quy định tại Điều lệ này, Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông, Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng Quản trị và pháp luật hiện hành;

¹⁴ Điều 4 Thông tư 121-2020/TT-BTC

- g) Chủ động trong mọi hoạt động kinh doanh đã đăng ký;
- h) Đổi mới công nghệ, áp dụng phương thức quản lý khoa học, hiện đại để nâng cao hiệu quả và khả năng cạnh tranh;
- i) Tổ chức bộ máy quản lý và nhân sự, tổ chức kinh doanh phù hợp với mục đích và nội dung hoạt động của Công ty và theo quy định của pháp luật;
- j) Quyết định mở, sáp nhập hoặc đóng cửa chi nhánh, văn phòng đại diện Công ty ở trong và ngoài nước theo quy định của pháp luật;
- k) Lựa chọn hình thức huy động vốn theo quy định của pháp luật;
- l) Có quyền đề nghị khách hàng cung cấp thông tin về tình hình tài chính, sản xuất kinh doanh khi quyết định xác lập quan hệ giao dịch với khách hàng và có quyền từ chối các quan hệ đó nếu thấy trái pháp luật, không đem lại hiệu quả hoặc không có khả năng thực hiện;
- m) Khiếu nại, tố cáo hoặc khởi kiện các hành vi xâm hại tới quyền và lợi ích hợp pháp của Công ty;
- n) Từ chối hoặc tố cáo mọi yêu cầu cung cấp các nguồn lực không được pháp luật quy định của bất kỳ cá nhân, cơ quan hay tổ chức nào, trừ những khoản tự nguyện đóng góp vì mục đích nhân đạo và công ích;
- o) Các quyền khác theo quy định của pháp luật hiện hành.

2. Nghĩa vụ của Công ty:

a) Nghĩa vụ chung:

- Thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán và các quy định pháp luật có liên quan¹⁵;
- Công ty phải duy trì và tuân thủ các điều kiện để được cấp giấy phép hoạt động theo quy định tại khoản 1, điểm c và d khoản 2, khoản 4, khoản 5 Điều 74 Luật Chứng khoán và quy định pháp luật liên quan;
- Hoạt động kinh doanh theo đúng ngành, nghề mà pháp luật không cấm, được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận; chủ động lựa chọn ngành, nghề, địa bàn, hình thức kinh doanh; chủ động điều chỉnh quy mô và ngành, nghề kinh doanh; đảm bảo điều kiện kinh doanh theo quy định của pháp luật;
- Chịu trách nhiệm trước pháp luật về toàn bộ hoạt động của mình;
- Chịu trách nhiệm về hoạt động nghiệp vụ của Người hành nghề chứng khoán thuộc Công ty;
- Tự chủ về tài chính, đảm bảo chi phí, tự chịu trách nhiệm về kết quả kinh doanh, về sự tăng trưởng và bảo toàn vốn của Công ty;
- Thiết lập hệ thống kiểm toán nội bộ, kiểm soát nội bộ, quản trị rủi ro và giám sát, ngăn ngừa những xung đột lợi ích trong nội bộ Công ty và trong giao dịch với người có liên quan;

¹⁵ Điều 24 và Điều 89 Luật Chứng khoán

- Tuân thủ các nguyên tắc về quản trị Công ty theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty;
- Tuân thủ các quy định bảo đảm vốn khả dụng, chỉ tiêu an toàn tài chính theo quy định của Bộ Tài chính;
- Tuân thủ các quy định về phòng, chống rửa tiền theo các quy định pháp luật hiện hành;
- Lưu giữ đầy đủ các chứng từ và tài khoản phản ánh chi tiết, chính xác các giao dịch của khách hàng và của Công ty;
- Thực hiện việc bán hoặc cho khách hàng bán chứng khoán khi không sở hữu chứng khoán và cho khách hàng vay chứng khoán để bán theo quy định của Bộ Tài chính;
- Tuân thủ các quy định của Bộ Tài chính về thực hiện nghiệp vụ kinh doanh chứng khoán;
- Thực hiện dịch vụ tài chính khác theo quy định tại Khoản 5 Điều 86 Luật Chứng khoán phải có liên quan và hỗ trợ cho các nghiệp vụ đã được cấp phép của Công ty và phải đảm bảo không được ảnh hưởng đến lợi ích của khách hàng, của chính Công ty chứng khoán và của thị trường;
- Thực hiện chế độ kế toán, kiểm toán, thống kê, nghĩa vụ tài chính theo quy định của pháp luật có liên quan;
- Thực hiện công bố thông tin, báo cáo và lưu trữ theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán và các văn bản hướng dẫn thi hành;
- Xây dựng hệ thống công nghệ thông tin, cơ sở dữ liệu dự phòng để bảo đảm hoạt động an toàn và liên tục;
- Đóng góp quỹ hỗ trợ thanh toán theo quy định tại Quy chế về đăng ký, lưu ký, bù trừ và thanh toán chứng khoán;
- Thực hiện giám sát tài chính giao dịch chứng khoán theo quy định của Bộ trưởng Bộ Tài chính;
- Khi tiến hành giao dịch với người có liên quan, Công ty phải ký kết hợp đồng bằng văn bản theo nguyên tắc bình đẳng, tự nguyện;¹⁶
- Công ty áp dụng các biện pháp cần thiết để ngăn ngừa cổ đông và những người có liên quan tiến hành các giao dịch làm thất thoát vốn, tài sản hoặc các nguồn lực khác của Công ty;
- Đảm bảo quyền hợp pháp của người có quyền lợi liên quan đến Công ty, thực hiện trách nhiệm với cộng đồng và người có quyền lợi liên quan đến Công ty theo quy định của pháp luật hiện hành và Điều lệ Công ty;¹⁷
- Tuân thủ các quy định của pháp luật về lao động, môi trường và xã hội.

b) Nghĩa vụ với cổ đông:

- Phân định rõ trách nhiệm giữa Đại hội đồng Cổ đông, Hội đồng Quản trị, Ban Tổng

¹⁶ Điều 292 Nghị định 155-2020/NĐ-CP

¹⁷ Điều 294 Nghị định 155-2020/NĐ-CP

Giám đốc phù hợp các quy định của pháp luật có liên quan;¹⁸

- Thiết lập hệ thống thông tin liên lạc với các cổ đông, thành viên để đảm bảo cung cấp thông tin đầy đủ và đối xử công bằng giữa các cổ đông, giữa các thành viên, đảm bảo các quyền và lợi ích hợp pháp của cổ đông, của thành viên.

c) Nghĩa vụ với khách hàng:

- Luôn giữ chữ Tín với khách hàng, trung thực với khách hàng, không xâm phạm tài sản, quyền và lợi ích hợp pháp khác của khách hàng;
- Hoàn thành nghĩa vụ của mình với khách hàng một cách tốt nhất;
- Quản lý tách biệt tài sản, chứng khoán tiền gửi của từng khách hàng, tách biệt tài sản, chứng khoán, tiền gửi của khách hàng với tài sản của Công ty tuân thủ quy định pháp luật;
- Mọi giao dịch liên quan đến tiền mặt của khách hàng phải thực hiện qua ngân hàng;
- Quản lý tách biệt về văn phòng làm việc, nhân sự, hệ thống dữ liệu, báo cáo giữa các bộ phận nghiệp vụ để đảm bảo tránh xung đột lợi ích giữa Công ty với khách hàng, giữa khách hàng với nhau;
- Quản lý tập trung và phải lưu giữ dự phòng tại địa điểm khác các dữ liệu về tài khoản môi giới của khách hàng mở tài khoản tại Công ty;
- Ký hợp đồng bằng văn bản với khách hàng khi cung cấp dịch vụ cho khách hàng; cung cấp đầy đủ, trung thực thông tin cho khách hàng khi thực hiện dịch vụ mà mình cung cấp; mở tài khoản giao dịch cho từng khách hàng trên cơ sở hợp đồng mở tài khoản giao dịch chứng khoán với khách hàng theo quy định pháp luật;
- Trực tiếp thực hiện giao dịch chứng khoán cho khách hàng và chịu trách nhiệm trước pháp luật về các hoạt động này;
- Thu thập, tìm hiểu thông tin về tình hình tài chính, mục tiêu đầu tư, khả năng chấp nhận rủi ro, kỳ vọng lợi nhuận, kinh nghiệm và hiểu biết về đầu tư của khách hàng của khách hàng và cập nhật thông tin theo quy định của pháp luật;
- Chỉ đưa ra lời tư vấn phù hợp với khách hàng trên cơ sở nỗ lực thu thập thông tin về khách hàng; đã giải thích nội dung hợp đồng mở tài khoản giao dịch và các thủ tục có liên quan khi thực hiện giao dịch chứng khoán cho khách hàng; bảo đảm các khuyến nghị, tư vấn đầu tư của Công ty cho khách hàng phải phù hợp với mục tiêu đầu tư và tình hình tài chính của khách hàng;
- Các nội dung tư vấn đầu tư chứng khoán phải có cơ sở hợp lý và phù hợp dựa trên thông tin đáng tin cậy, phân tích logic.

Khuyến nghị đầu tư chứng khoán được đưa ra phải liên quan và phù hợp với nội dung phân tích chứng khoán và thị trường chứng khoán. Các báo cáo phân tích chứng khoán và thị trường, khuyến nghị đầu tư phải ghi rõ nguồn trích dẫn số liệu và tên người chịu trách nhiệm về nội dung báo cáo, khuyến nghị đầu tư chứng khoán;

¹⁸ Điều 3 Thông tư 121-2020/TT-BTC

- Chịu trách nhiệm về kết quả phân tích và độ tin cậy của thông tin cung cấp cho khách hàng, rằng khách hàng đưa ra quyết định đầu tư trên cơ sở được cung cấp thông tin đầy đủ bao gồm cả nội dung và rủi ro của sản phẩm, dịch vụ cung cấp, trừ trường hợp khách hàng không cung cấp thông tin hoặc cung cấp thông tin nhưng không đầy đủ, chính xác;
- Nhận lệnh và thực hiện lệnh giao dịch của khách hàng tuân thủ các quy định pháp luật;
- Ưu tiên thực hiện lệnh của khách hàng trước lệnh của Công ty;
- Đảm bảo đủ tiền, chứng khoán theo quy định và có các biện pháp cần thiết để đảm bảo khả năng thanh toán của khách hàng khi lệnh giao dịch được thực hiện; và để thanh toán các lệnh giao dịch cho tài khoản của chính mình;
- Cung cấp dịch vụ giao dịch chứng khoán trực tuyến, báo cáo UBCKNN về hoạt động giao dịch chứng khoán trực tuyến, tình trạng hệ thống giao dịch chứng khoán trực tuyến và công bố thông tin theo quy định pháp luật về hướng dẫn giao dịch điện tử theo quy định pháp luật hiện hành;
- Thận trọng, không tạo ra xung đột lợi ích với khách hàng. Trong trường hợp không thể tránh được, Công ty phải công bố cho khách hàng biết trước về những xung đột lợi ích có thể phát sinh giữa Công ty, người hành nghề và khách hàng; và áp dụng các biện pháp cần thiết để đảm bảo đối xử công bằng với khách hàng;
- Công bố cho khách hàng biết khi mình là đối tác trong giao dịch thỏa thuận với khách hàng;
- Theo dõi chi tiết tiền và chứng khoán của từng khách hàng, cung cấp thông tin về số dư, số phát sinh tiền và chứng khoán cho khách hàng khi khách hàng yêu cầu;
- Công bố rõ ràng mức phí giao dịch chứng khoán trước khi khách hàng thực hiện giao dịch, phải công bố về mức phí giao dịch chứng khoán trên trang thông tin điện tử của Công ty;
- Cung cấp dịch vụ nhận ủy thác quản lý tài khoản giao dịch chứng khoán của nhà đầu tư cá nhân theo quy định pháp luật;
- Cập nhật các thông tin thay đổi của khách hàng khi khách hàng có yêu cầu;
- Bảo mật các thông tin nhận được từ người sử dụng dịch vụ tư vấn trong quá trình cung ứng dịch vụ tư vấn trừ trường hợp được khách hàng đồng ý hoặc pháp luật có quy định khác;
- Bảo mật các thông tin liên quan đến cá nhân, tài khoản chứng khoán, tình trạng sở hữu chứng khoán và tiền của khách hàng, từ chối việc điều tra, phong tỏa, cầm giữ, trích chuyển tài sản của khách hàng mà không có sự đồng ý của khách hàng.

Quy định tại điểm này không áp dụng trong các trường hợp sau đây:

- Kiểm toán viên thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty;
- Khách hàng của Công ty muốn biết thông tin liên quan đến sở hữu chứng khoán và tiền của chính họ;
- Cung cấp thông tin theo yêu cầu của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền.
- Thiết lập một bộ phận chuyên trách, chịu trách nhiệm thông tin liên lạc với khách hàng và giải quyết các thắc mắc, khiếu nại của khách hàng.

3. Các quy định hạn chế

a) Quy định hạn chế chung:

Công ty khi thực hiện hoạt động nghiệp vụ phải đảm bảo các quy định theo Điều 91 Luật Chứng khoán và các quy định liên quan khác, bao gồm:

- Thực hiện hoạt động kinh doanh, tự doanh, cung cấp dịch vụ chứng khoán với danh nghĩa của chính mình; không được sử dụng danh nghĩa tổ chức, cá nhân khác hoặc cho tổ chức, cá nhân khác sử dụng danh nghĩa của mình để kinh doanh, cung cấp dịch vụ chứng khoán; không được mượn danh nghĩa của người khác hoặc thực hiện với danh nghĩa cá nhân hoặc cho người khác sử dụng tài khoản tự doanh;
- Không được đưa ra nhận định hoặc bảo đảm với khách hàng về mức thu nhập hoặc lợi nhuận đạt được trên khoản đầu tư của mình hoặc bảo đảm khách hàng không bị thua lỗ, ngoại trừ đầu tư vào chứng khoán có thu nhập cố định;
- Không được tiết lộ thông tin về khách hàng trừ khi được khách hàng đồng ý hoặc theo yêu cầu của cơ quan quản lý Nhà nước có thẩm quyền;
- Không được cung cấp thông tin sai lệch, gian lận; không được thực hiện những hành vi làm cho khách hàng và nhà đầu tư hiểu nhầm về giá chứng khoán; không được có hành vi cung cấp thông tin sai sự thật để dụ dỗ hay mời gọi khách hàng mua bán một loại chứng khoán nào đó;
- Không được thỏa thuận hoặc đưa ra lãi suất cụ thể hoặc chia sẻ lợi nhuận/thua lỗ với khách hàng để lôi kéo khách hàng tham gia giao dịch;
- Không được trực tiếp hoặc gián tiếp thiết lập các địa điểm ngoài các địa điểm giao dịch đã được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận để ký hợp đồng mở tài khoản giao dịch với khách hàng, nhận lệnh, thực hiện lệnh giao dịch chứng khoán hoặc thanh toán giao dịch chứng khoán với khách hàng, trừ trường hợp thực hiện giao dịch chứng khoán trực tuyến;
- Không nhận lệnh, thanh toán giao dịch với người khác không phải là người đứng tên tài khoản giao dịch mà không có ủy quyền của khách hàng bằng văn bản;
- Không sử dụng tên hoặc tài khoản của khách hàng để đăng ký, giao dịch chứng khoán;
- Hợp đồng mở tài khoản giao dịch chứng khoán không được chứa những thỏa thuận nhằm trốn tránh nghĩa vụ pháp lý của Công ty, hạn chế phạm vi bồi thường của Công ty hoặc chuyển rủi ro từ Công ty sang khách hàng, buộc khách hàng thực hiện nghĩa vụ bồi thường một cách không công bằng và các thỏa thuận gây bất lợi một cách không công bằng cho khách hàng;
- Không được quyết định hoặc thực hiện đầu tư thay cho khách hàng, trừ trường hợp ủy thác quản lý tài khoản giao dịch chứng khoán của nhà đầu tư cá nhân theo quy định pháp luật có liên quan;
- Không được trực tiếp nhận và chi trả tiền mặt để giao dịch chứng khoán của khách hàng mà phải thực hiện qua ngân hàng thương mại;
- Không được cung cấp dịch vụ tư vấn đầu tư chứng khoán cho Công ty mà mình nắm giữ từ 10% trở lên vốn điều lệ;

- Không được cung cấp dịch vụ tư vấn chào bán, tư vấn niêm yết chứng khoán, tư vấn cổ phần hóa, tư vấn xác định giá trị doanh nghiệp cho Công ty mà mình nắm giữ từ 10% trở lên vốn điều lệ;
- Không được quảng cáo, tuyên bố rằng nội dung, hiệu quả, hoặc các phương pháp phân tích chứng khoán của mình có giá trị cao hơn của Công ty chứng khoán khác;
- Không được đưa ra ý kiến về việc tăng hay giảm giá chứng khoán mà không có căn cứ để lôi kéo khách hàng tham gia giao dịch;
- Không được tiết lộ các nội dung đặt lệnh giao dịch của khách hàng hoặc thông tin bí mật khác có được khi thực hiện giao dịch cho khách hàng mà không phải để công bố thông tin hoặc theo yêu cầu thanh tra, kiểm tra theo quy định của pháp luật;
- Không được mua, bán trước cùng loại chứng khoán đó cho chính mình hoặc tiết lộ thông tin cho bên thứ ba mua, bán chứng khoán đó trong trường hợp lệnh mua, bán chứng khoán của khách hàng có thể ảnh hưởng lớn tới giá của loại chứng khoán đó;
- Khi khách hàng đặt lệnh giới hạn, Công ty không được mua hoặc bán cùng chiều cùng loại chứng khoán đó cho mình ở mức giá bằng hoặc tốt hơn mức giá của khách hàng trước khi lệnh của khách hàng được thực hiện;
- Không được xâm phạm tài sản, quyền và lợi ích khác của khách hàng;
- Không lạm dụng các tài sản do khách hàng ủy thác cho Công ty quản lý và tiền thanh toán giao dịch của khách hàng;
- Các hạn chế khác theo quy định của pháp luật hiện hành.

b) Hạn chế vay nợ¹⁹

- Tỷ lệ tổng nợ trên vốn chủ sở hữu của Công ty không được vượt quá 05 (năm) lần. Giá trị tổng nợ theo quy định này không bao gồm các khoản sau đây:
 - Tiền gửi giao dịch chứng khoán của khách hàng;
 - Quỹ khen thưởng phúc lợi;
 - Dự phòng trợ cấp mất việc làm;
 - Dự phòng bồi thường thiệt hại cho nhà đầu tư.
- Nợ ngắn hạn của Công ty tối đa bằng tài sản ngắn hạn.
- Công ty chào bán Trái phiếu thực hiện theo quy định tại Điều 31 Luật Chứng khoán, Nghị định quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán, pháp luật về phát hành trái phiếu doanh nghiệp và phải đảm bảo tuân thủ tỷ lệ theo các quy định ở trên.

c) Hạn chế cho vay²⁰

- Trừ trường hợp quy định tại Khoản 1 Điều 86 Luật Chứng khoán, Công ty không được cho vay tiền, chứng khoán dưới mọi hình thức.
- Công ty không được dùng tiền, tài sản của Công ty hoặc của khách hàng để bảo đảm nghĩa

¹⁹ Điều 26 Thông tư 121/2020/TT-BTC

²⁰ Điều 27 Thông tư 121/2020/TT-BTC; Điều 273 Nghị định 155/2020/NĐ-CP

vụ thanh toán cho bên thứ ba.

- Công ty không được cho vay dưới bất kỳ hình thức nào đối với Chủ sở hữu, Cổ đông lớn, Thành viên Hội đồng Quản trị, Thành viên Ban Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng, các chức danh quản lý khác do Hội đồng Quản trị Công ty bổ nhiệm và người hoặc tổ chức có liên quan của những đối tượng nêu trên.
- Công ty cho khách hàng vay tiền mua chứng khoán dưới hình thức giao dịch ký quỹ theo hướng dẫn của Bộ Tài chính.
- Công ty được cho vay chứng khoán để sửa lỗi giao dịch, hoặc cho vay để thực hiện các giao dịch hoán đổi chứng chỉ quỹ hoán đổi danh mục hoặc các hình thức khác theo quy định của pháp luật có liên quan.
- Công ty không được cung cấp khoản vay hoặc bảo lãnh cho cổ đông là cá nhân và người có liên quan của cổ đông đó là cá nhân.
- Công ty không được cung cấp khoản vay hoặc bảo lãnh cho cổ đông là tổ chức và người có liên quan của cổ đông đó là cá nhân.
- Công ty không được cung cấp khoản vay hoặc bảo lãnh cho người có liên quan của cổ đông là tổ chức.

d) Hạn chế đầu tư²¹

- Công ty không được mua, góp vốn mua bất động sản trừ trường hợp để sử dụng làm Trụ sở chính, Chi nhánh, Phòng giao dịch phục vụ trực tiếp cho các hoạt động nghiệp vụ của Công ty, thực hiện theo quy định tại Điều 28 Thông tư 121/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 và các quy định pháp luật liên quan.
- Công ty mua, đầu tư vào bất động sản theo quy định trên và tài sản cố định theo nguyên tắc giá trị còn lại của tài sản cố định và bất động sản không được vượt quá 50 (năm mươi) % giá trị tổng tài sản của Công ty.
- Tổng giá trị đầu tư vào các Trái phiếu doanh nghiệp của Công ty không được vượt quá 70 (bảy mươi) % vốn chủ sở hữu. Công ty được cấp phép thực hiện nghiệp vụ tự doanh chứng khoán được mua bán lại trái phiếu niêm yết theo quy định có liên quan về giao dịch mua bán lại trái phiếu.
- Công ty không được trực tiếp hoặc ủy thác cho tổ chức, cá nhân khác thực hiện:
 - Đầu tư vào cổ phiếu hoặc phần vốn góp của Công ty có sở hữu trên 50 (năm mươi) % vốn điều lệ của Công ty, trừ trường hợp mua cổ phiếu lô lẻ theo yêu cầu của khách hàng;
 - Cùng với người có liên quan đầu tư từ 5 (năm) % trở lên vốn điều lệ của Công ty chứng khoán khác;
 - Đầu tư quá 20 (hai mươi) % tổng số cổ phiếu, chứng chỉ quỹ đang lưu hành của một tổ chức niêm yết;
 - Đầu tư quá 15 (mười lăm) % tổng số cổ phiếu, chứng chỉ quỹ đang lưu hành của một tổ

²¹ Điều 28 Thông tư 121-2020/TT-BTC

chức chưa niêm yết, quy định này không áp dụng đối với chứng chỉ quỹ thành viên, quỹ hoán đổi danh mục và quỹ mở;

- Đầu tư hoặc góp vốn quá 10 (mười) % tổng số vốn góp của một Công ty trách nhiệm hữu hạn hoặc dự án kinh doanh;
 - Đầu tư hoặc góp vốn quá 15 (mười lăm) % vốn chủ sở hữu vào một tổ chức hoặc dự án kinh doanh;
 - Đầu tư quá 70 (bảy mươi)% vốn chủ sở hữu vào cổ phiếu, phần vốn góp và dự án kinh doanh, trong đó không được đầu tư quá 20 (hai mươi) % vốn chủ sở hữu vào cổ phiếu chưa niêm yết, phần vốn góp và dự án kinh doanh.
- Công ty được thành lập, mua lại Công ty quản lý quỹ làm Công ty con nếu đáp ứng các điều kiện theo quy định pháp luật và Điều lệ Công ty.

Trường hợp công ty đầu tư vượt quá hạn mức do thực hiện bảo lãnh phát hành theo hình thức cam kết chắc chắn, do hợp nhất, sáp nhập hoặc do biến động tài sản, vốn chủ sở hữu của Công ty hoặc tổ chức góp vốn, Công ty phải áp dụng các biện pháp cần thiết để tuân thủ hạn mức đầu tư theo quy định pháp luật trong thời hạn 01 (một) năm.

c) Hạn chế bảo lãnh phát hành chứng khoán²²

- Công ty thực hiện bảo lãnh phát hành chứng khoán ra công chúng thực hiện bảo lãnh theo phương thức nhận mua một phần hoặc toàn bộ chứng khoán của tổ chức phát hành chỉ được phép bảo lãnh phát hành tổng giá trị chứng khoán không được lớn hơn vốn chủ sở hữu và không được vượt quá 15 (mười lăm) lần hiệu số giữa giá trị tài sản ngắn hạn và nợ ngắn hạn tính theo báo cáo tài chính quý gần nhất.
- Công ty không được bảo lãnh phát hành theo hình thức cam kết chắc chắn hoặc là người bảo lãnh chính trong các trường hợp sau đây:
 - Công ty, độc lập hoặc cùng Công ty con hoặc cùng với người có liên quan sở hữu từ 10% (mười) trở lên vốn điều lệ của tổ chức phát hành, hoặc có quyền kiểm soát tổ chức phát hành, hoặc có quyền bổ nhiệm Tổng Giám đốc (Giám đốc) của tổ chức phát hành;
 - Tối thiểu 30 (ba mươi) % vốn điều lệ của Công ty và tối thiểu 30 (Ba mươi) % vốn điều lệ của tổ chức phát hành do cùng một cá nhân hoặc một tổ chức nắm giữ;
 - Tổ chức phát hành, độc lập hoặc cùng các Công ty con hoặc cùng với người có liên quan sở hữu từ 20 (hai mươi) % trở lên vốn điều lệ của Công ty, hoặc có quyền kiểm soát Công ty hoặc có quyền bổ nhiệm Tổng Giám đốc của Công ty;
 - Thành viên Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc và người có liên quan của Công ty đồng thời là Thành viên Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc (Giám đốc) của tổ chức phát hành;
 - Thành viên Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc (Giám đốc) và người có liên quan của tổ chức phát hành là Thành viên Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc của Công ty;

²² Điều 23 Thông tư 121-2020/TT-BTC; Điều 20, 26, 32, 39, 46 Nghị định 156-2020/NĐ-CP

- Công ty và tổ chức phát hành có chung người đại diện theo pháp luật.
- Công ty nhận bảo lãnh phát hành chứng khoán phải mở tài khoản riêng biệt tại ngân hàng thương mại để nhận tiền đặt mua chứng khoán của nhà đầu tư.

f) Quy định đối với người hành nghề chứng khoán của Công ty²³

- Người hành nghề chứng khoán là người được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp chứng chỉ hành nghề chứng khoán và làm việc tại Công ty;²⁴
- Người được cấp chứng chỉ hành nghề chứng khoán chỉ được hành nghề chứng khoán với tư cách đại diện cho Công ty.

Trừ trường hợp được cử là người đại diện phần vốn góp hoặc được cử vào Ban quản lý Công ty của tổ chức sở hữu Công ty hoặc tổ chức mà Công ty đầu tư, Người hành nghề Chứng khoán phải:

- Không được đồng thời làm việc cho tổ chức khác có quan hệ sở hữu với Công ty chứng khoán nơi mình đang làm việc;
- Không được đồng thời làm việc cho từ 02 Công ty chứng khoán, Công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán, chi nhánh Công ty chứng khoán và Công ty quản lý quỹ nước ngoài tại Việt Nam, Công ty đầu tư chứng khoán trở lên;
- Không được đồng thời làm Giám đốc hoặc Tổng Giám đốc của một tổ chức chào bán chứng khoán ra công chúng hoặc tổ chức niêm yết;
- Không được mở, quản lý tài khoản giao dịch chứng khoán tại Công ty chứng khoán khác nơi mình làm việc trừ trường hợp Công ty không còn nghiệp vụ môi giới chứng khoán;
- Không được thực hiện hành vi vượt quá phạm vi ủy quyền của Công ty;
- Khi thực hiện các hoạt động giao dịch trên tài khoản khách hàng, người hành nghề chứng khoán là đại diện cho Công ty và thực hiện với tư cách Công ty.
- Không được sử dụng tiền, chứng khoán trên tài khoản của khách hàng khi không được Công ty ủy quyền theo sự ủy thác của khách hàng cho Công ty bằng văn bản;
- Phải tham gia các khóa tập huấn về pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán, hệ thống giao dịch, loại chứng khoán mới do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở Giao dịch chứng khoán Việt Nam và Công ty con, Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam tổ chức theo quy định và hướng dẫn.

g) Quy định đối với Thành viên Hội đồng Quản trị, Thành viên Ban Tổng Giám đốc

- Thành viên Hội đồng Quản trị, Thành viên Ban Tổng Giám đốc phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Luật doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, các quy định khác tại Điều lệ Công ty và pháp luật có liên quan;
- Thành viên Hội đồng Quản trị có thể không phải là cổ đông của Công ty;
- Chủ tịch Hội đồng Quản trị không được kiêm nhiệm chức danh Tổng Giám đốc Công ty;

²³ Điều 98 Luật Chứng khoán

²⁴ Khoản 47 Điều 4, Luật Chứng khoán

- Thành viên Hội đồng Quản trị của Công ty không được đồng thời là thành viên Hội đồng Quản trị tại quá 05 Công ty khác;²⁵
- Thành viên Hội đồng Quản trị của Công ty không được đồng thời là thành viên Hội đồng Quản trị, Thành viên Hội đồng thành viên, Giám đốc (Tổng Giám đốc) của Công ty chứng khoán khác;
- Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc không được đồng thời làm việc cho Công ty chứng khoán, Công ty quản lý quỹ hoặc doanh nghiệp khác. Tổng Giám đốc không được là thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Hội đồng thành viên của Công ty chứng khoán khác;
- Thành viên Hội đồng Quản trị phải báo cáo theo thời hạn pháp luật quy định và đầy đủ với Hội đồng Quản trị các khoản thù lao nhận được từ các Công ty con, Công ty liên kết và các tổ chức khác²⁶;
- Thành viên Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc báo cáo theo quy định pháp luật cho Hội đồng Quản trị về giao dịch giữa Công ty với Công ty trong đó thành viên Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian 03 năm gần nhất trước thời điểm giao dịch hoặc về các giao dịch giữa Công ty với Công ty trong đó người có liên quan của Thành viên Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc là Thành viên Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc hoặc cổ đông lớn;
- Thành viên Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc và người quản lý khác có nghĩa vụ thông báo bằng văn bản cho Hội đồng Quản trị về các giao dịch giữa Công ty, Công ty con, Công ty do SHS nắm quyền kiểm soát trên 50 (năm mươi)% trở lên vốn điều lệ với chính đối tượng đó hoặc với những người liên quan của đối tượng đó theo quy định của pháp luật.²⁷
Đối với các giao dịch nêu trên do Đại hội đồng Cổ đông hoặc Hội đồng Quản trị chấp thuận, Công ty phải thực hiện công bố thông tin về các Nghị quyết này theo quy định của pháp luật chứng khoán về công bố thông tin;
- Chủ tịch Hội đồng Quản trị, Thành viên Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc, người quản lý khác của Công ty không được thực hiện hợp đồng, giao dịch khi chưa được Đại hội đồng Cổ đông hoặc Hội đồng Quản trị chấp thuận theo quy định liên quan của pháp luật, của Công ty và tại Điều lệ Công ty²⁸;
- Thành viên Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc và người quản lý khác phải công khai các lợi ích liên quan theo quy định của Điều 58 Điều lệ này, Luật Doanh nghiệp và các văn bản pháp luật liên quan;
- Thành viên Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc, người quản lý khác và những người có liên quan của các thành viên này chỉ được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để phục vụ lợi ích của Công ty đại chúng;
- Thành viên Hội đồng Quản trị không được biểu quyết đối với giao dịch mang lại lợi ích cho thành viên đó hoặc người có liên quan của thành viên đó theo quy định của Luật Doanh

²⁵ Điều 275 Nghị định 155-2020/NĐ-CP

²⁶ Khoản 5 Điều 41 Luật Chứng khoán

²⁷ Khoản 3 Điều 291 Nghị định 155-2020/NĐ-CP

²⁸ Điều 15 Nghị định 156-2020/NĐ-CP

ng nghiệp và Điều lệ Công ty;²⁹

- Thành viên Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc, người quản lý khác và những người có liên quan của các đối tượng này không được sử dụng hoặc tiết lộ cho người khác các thông tin nội bộ để thực hiện các giao dịch có liên quan.

4. Quy tắc đạo đức nghề nghiệp

- a) Bộ Quy tắc đạo đức nghề nghiệp do Công ty ban hành dưới hình thức văn bản trên cơ sở các quy định, hướng dẫn của UBCKNN và “Quy tắc Ứng xử của Công ty chứng khoán” do Hiệp hội Kinh doanh Chứng khoán Việt Nam ban hành. Mọi cán bộ, nhân viên của Công ty đều phải tuân thủ nghiêm ngặt Bộ Quy tắc này.
- b) Bộ phận Kiểm toán nội bộ và Kiểm soát nội bộ có trách nhiệm giám sát việc tuân thủ Quy tắc Đạo đức nghề nghiệp của Công ty.

CHƯƠNG III

VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP

Điều 8. Vốn Điều lệ và Tỷ lệ sở hữu nước ngoài tại Công ty³⁰

1. Vốn Điều lệ của Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn – Hà Nội được quy định chi tiết trong Phụ lục kèm theo Điều lệ này. Phụ lục là một phần không thể tách rời của Điều lệ này.
2. Vốn Điều lệ của Công ty được chia thành các cổ phần có giá trị bằng nhau với mệnh giá là: 10.000 đồng/cổ phần (*Mười nghìn đồng trên một cổ phần*).
3. Vốn Điều lệ được hạch toán bằng đồng Việt Nam (VNĐ).
4. Công ty phải luôn duy trì mức vốn Điều lệ thực có không thấp hơn mức vốn pháp định theo quy định của pháp luật. Trường hợp vốn Điều lệ thấp hơn vốn pháp định, Công ty tiến hành bổ sung vốn Điều lệ của Công ty phù hợp với quy định của pháp luật.
5. Vốn Điều lệ được sử dụng vào các mục đích:
 - a) Mua, đầu tư vào tài sản cố định;
 - b) Góp vốn, mua cổ phần, liên doanh với các tổ chức trong và ngoài nước theo quy định của pháp luật;
 - c) Thành lập Công ty trực thuộc theo quy định của pháp luật;
 - d) Kinh doanh và làm các dịch vụ khác theo quy định của pháp luật.
6. Tỷ lệ sở hữu nước ngoài tại Công ty:
 - a) Tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa tại Công ty là 49 (*bốn mươi chín*) % Vốn Điều lệ của Công ty;
 - b) Công ty báo cáo UBCKNN và công bố về Tỷ lệ sở hữu nước ngoài trên Trang Thông tin điện tử của Công ty, và theo quy định pháp luật.

²⁹ Điều 291 Nghị định 155-2020/NĐ-CP;

³⁰ Khoản 34 Điều 4, Điều 111, Điều 112 Luật Doanh nghiệp

Điều 9. Thay đổi vốn Điều lệ³¹

1. Việc thay đổi vốn Điều lệ của Công ty (tăng hoặc giảm) phải được thực hiện trên cơ sở quyết định của Đại hội đồng Cổ đông, phù hợp với quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và pháp luật hiện hành.
2. Trình tự, thủ tục, hồ sơ xin chấp thuận thay đổi vốn Điều lệ thực hiện theo quy định pháp luật.
3. Công ty có thể thay đổi vốn Điều lệ trong các trường hợp sau đây:
 - a) Công ty có nhu cầu mở rộng quy mô hoạt động kinh doanh;
 - b) Công ty bị giảm vốn hoạt động kinh doanh chứng khoán hiện thời và phương án huy động vốn từ các nguồn bên ngoài không thực hiện được;
 - c) Theo Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông, Công ty hoàn trả một phần vốn góp cho cổ đông theo tỷ lệ sở hữu cổ phần của họ trong Công ty;
 - d) Công ty mua lại cổ phần đã phát hành (*bao gồm cổ phiếu quỹ*) theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Luật Chứng khoán;
 - e) Vốn điều lệ không được các cổ đông thanh toán đầy đủ và đúng hạn theo quy định của Luật Doanh nghiệp.
4. Các hình thức tăng vốn Điều lệ của Công ty³²:
 - a) Phát hành cổ phiếu mới để huy động thêm vốn theo quy định của pháp luật;
 - b) Chuyển đổi trái phiếu đã phát hành thành cổ phần;
 - c) Kết chuyển lợi nhuận để lại, các nguồn vốn khác hợp lệ theo quy định của pháp luật;
 - d) Phát hành cổ phiếu để trả cổ tức, phát hành cổ phiếu thưởng;
 - e) Chuyển nợ thành vốn góp theo thỏa thuận giữa Công ty và chủ nợ;
 - f) Các hình thức khác theo quy định của pháp luật.
5. Đại hội đồng Cổ đông Công ty có thể quyết định việc giảm vốn Điều lệ nhưng phải đảm bảo không thấp hơn mức vốn pháp định theo quy định của pháp luật và tuân thủ các hướng dẫn của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán và các văn bản có liên quan.
6. Sau khi đã thay đổi Vốn điều lệ, Công ty phải công bố Vốn điều lệ mới của Công ty theo quy định của pháp luật; sửa đổi Phụ lục của Điều lệ này phù hợp với mức vốn Điều lệ mới. Việc sửa đổi Phụ lục do thay đổi mức vốn Điều lệ do Hội đồng Quản trị thực hiện mà không cần thông qua Đại hội đồng Cổ đông.

Điều 10. Cổ đông sáng lập của Công ty³³

1. Tên, địa chỉ, số lượng cổ phần thực góp khi thành lập Công ty và các chi tiết khác về Cổ đông sáng lập theo quy định của Luật Doanh nghiệp sẽ được nêu tại Phụ lục đính kèm.
2. Hạn chế đối với quyền của Cổ đông sáng lập:

³¹ Điều 112, Điều 113, Điều 123, Điều 130, Điều 134-135 Điều lệ Công ty; Nghị định 155-2020/NĐ-CP, Thông tư 121-2020/TT-BTC;

³² Điều 123- Luật Doanh nghiệp; Nghị định 155-2020/NĐ-CP.

³³ Khoản 4 Điều 44, Điều 22, 24-25, 31-32, 120 Luật Doanh nghiệp; Điều 74, 91, 118 Luật Chứng khoán; Điều 24, 33 Nghị định 156-2020/NĐ-CP. Điều 32 Thông tư 96-2020/TT-BTC;

- a) Cổ đông sáng lập của Công ty không được chuyển nhượng cổ phần của mình trong thời hạn 03 năm kể từ ngày được cấp Giấy phép thành lập và hoạt động, trừ trường hợp chuyển nhượng cho Cổ đông sáng lập khác trong Công ty.

Các Cổ đông khác là Thành viên Hội đồng Quản trị, Cổ đông giữ chức vụ Tổng Giám đốc Công ty cũng phải tuân thủ các hạn chế tại điều này.

- b) Cổ đông sáng lập không được trích lợi nhuận khi Công ty không thanh toán đủ các khoản nợ và các nghĩa vụ tài sản khác đến hạn.

Điều 11. Chứng nhận Cổ phiếu³⁴

1. Cổ đông của Công ty được cấp chứng nhận cổ phiếu tương ứng với số cổ phần và loại cổ phần sở hữu.
2. Công ty phát hành Chứng nhận cổ phiếu xác nhận quyền sở hữu một hoặc một số cổ phần của Công ty đó theo hình thức bút toán ghi sổ hoặc dữ liệu điện tử. Chứng nhận Cổ phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:
 - a) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính của Công ty;
 - b) Số lượng cổ phần và loại cổ phần;
 - c) Mệnh giá mỗi cổ phần và tổng mệnh giá số cổ phần ghi trên cổ phiếu;
 - d) Họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân/ Giấy chứng minh nhân dân/ Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của Cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, số giấy tờ pháp lý, địa chỉ trụ sở chính của Cổ đông là tổ chức;
 - e) Tóm tắt về thủ tục chuyển nhượng cổ phần;
 - f) Chữ ký của Người đại diện theo pháp luật và dấu của Công ty (nếu có);
 - g) Số đăng ký tại Sở đăng ký Cổ đông của Công ty và Ngày phát hành cổ phiếu;
 - h) Các nội dung khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp đối với cổ phiếu của cổ phần ưu đãi.
3. Trường hợp có sai sót trong nội dung và hình thức cổ phiếu do Công ty phát hành thì quyền và lợi ích của người sở hữu nó không bị ảnh hưởng. Người đại diện theo pháp luật Công ty chịu trách nhiệm về thiệt hại do những sai sót đó gây ra.
4. Trường hợp cổ phiếu bị mất, bị hủy hoại hoặc bị hư hỏng dưới hình thức khác thì Cổ đông được Công ty cấp lại cổ phiếu theo đề nghị của Cổ đông đó.
 - a) Cổ phiếu đã bị mất, bị hủy hoại hoặc bị hư hỏng dưới hình thức khác; trường hợp bị mất thì phải cam đoan rằng đã tiến hành tìm kiếm hết mức và nếu tìm lại được sẽ đem trả Công ty để tiêu hủy;
 - b) Chịu trách nhiệm về những tranh chấp phát sinh từ việc cấp lại cổ phiếu mới.

Đối với cổ phiếu có tổng mệnh giá trên Mười triệu Đồng Việt Nam (10.000.000 VNĐ), trước khi tiếp nhận đề nghị cấp cổ phiếu mới, Người đại diện theo pháp luật của Công ty có thể yêu cầu Chủ sở hữu cổ phiếu đăng Thông báo về việc cổ phiếu bị mất, bị hủy hoại hoặc bị hư hỏng

³⁴ Điều 121 Luật Doanh nghiệp

dưới hình thức khác và sau 15 ngày, kể từ ngày đăng Thông báo sẽ đề nghị Công ty cấp cổ phiếu mới.

Điều 12. Sổ đăng ký Cổ đông³⁵

1. Công ty phải lập và lưu giữ Sổ đăng ký Cổ đông dưới dạng văn bản, tập dữ liệu điện tử hoặc cả hai loại này từ khi Công ty được cấp Giấy phép thành lập và hoạt động.
2. Sổ đăng ký Cổ đông phải có các nội dung chủ yếu như sau:
 - a) Tên, địa chỉ trụ sở chính của Công ty;
 - b) Họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với Cổ đông là cá nhân; tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Quyết định thành lập hoặc số Đăng ký kinh doanh đối với Cổ đông là tổ chức;
 - c) Số lượng cổ phần từng loại của mỗi Cổ đông, ngày đăng ký cổ phần;
 - d) Tổng số cổ phần được quyền chào bán, loại cổ phần được quyền chào bán và số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;
 - e) Tổng số cổ phần đã bán của từng loại và giá trị vốn cổ phần đã góp.
3. Sổ đăng ký Cổ đông được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty hoặc có thể được lưu giữ tại cả Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam hoặc các tổ chức khác có chức năng lưu giữ Sổ đăng ký cổ đông theo quy định.

Cổ đông có quyền kiểm tra, tra cứu hoặc trích lục, sao chép nội dung sổ đăng ký Cổ đông (theo quy định tại Điều 22 Điều lệ này) trong giờ làm việc của Công ty hoặc Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam, các tổ chức lưu giữ theo hướng dẫn của các tổ chức trên và theo quy định pháp luật.

4. Cổ đông thay đổi địa chỉ liên lạc thì phải thông báo kịp thời với Công ty để cập nhật vào Sổ đăng ký cổ đông. Công ty không chịu trách nhiệm về việc không liên lạc được với cổ đông do không được thông báo thay đổi địa chỉ liên lạc của cổ đông.
5. Công ty phải cập nhật kịp thời thay đổi cổ đông trong sổ đăng ký cổ đông theo yêu cầu của cổ đông có liên quan theo quy định tại Điều lệ Công ty.

Điều 13. Chứng chỉ chứng khoán khác³⁶

1. Công ty có thể phát hành các loại chứng khoán khác bao gồm cả trái phiếu, trái phiếu chuyển đổi và các loại trái phiếu khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.
2. Chứng chỉ trái phiếu hoặc các chứng chỉ chứng khoán khác của Công ty (trừ các thư chào bán, các chứng chỉ tạm thời và các tài liệu tương tự) sẽ được phát hành có dấu của Công ty và chữ ký mẫu của đại diện theo pháp luật của Công ty, trừ trường hợp mà các điều khoản và điều kiện phát hành quy định khác.
3. Công ty không thanh toán đủ cả gốc và lãi của trái phiếu đã phát hành, không thanh toán hoặc thanh toán không đủ các khoản nợ đến hạn trong ba (03) năm liên tiếp trước đó sẽ không được quyền phát hành trái phiếu, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

³⁵ Điều 122 Luật Doanh nghiệp

³⁶ Điều 8 Điều lệ mẫu Thông tư 116-2020/TT-BTC

4. Hội đồng Quản trị chịu trách nhiệm thẩm định, đánh giá và quyết định các vấn đề, nội dung liên quan tới việc phát hành Trái phiếu và các chứng chỉ chứng khoán khác, thực hiện công bố thông tin và báo cáo Đại hội đồng Cổ đông phiên họp gần nhất về các đợt phát hành theo quy định pháp luật và nội bộ SHS.
5. Trường hợp Công ty cổ phần phát hành trái phiếu chuyển đổi thành cổ phần thì thực hiện theo trình tự, thủ tục tương ứng chào bán cổ phần theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán và quy định khác của pháp luật có liên quan. Công ty thực hiện đăng ký thay đổi vốn điều lệ theo quy định pháp luật có liên quan kể từ ngày hoàn thành việc chuyển đổi trái phiếu thành cổ phần.

Điều 14. Cổ phần của Công ty³⁷

1. Tất cả cổ phần của Công ty vào ngày thông qua Điều lệ này đều là cổ phần phổ thông. Cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông là Cổ đông phổ thông.
2. Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn – Hà Nội có thể phát hành các loại cổ phần ưu đãi khác sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng Cổ đông và phù hợp với các quy định của pháp luật.
3. Mỗi cổ phần của cùng một loại đều tạo cho người sở hữu nó các quyền, nghĩa vụ và lợi ích ngang nhau.
4. Cổ phần phổ thông không thể chuyển đổi thành cổ phần ưu đãi. Cổ phần ưu đãi có thể chuyển đổi thành cổ phần phổ thông theo Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông.
5. Cổ phần của Công ty có thể được mua bằng tiền đồng Việt Nam, giá trị quyền sử dụng đất và các tài sản khác được quy định tại Điều lệ Công ty và theo các quy định của pháp luật.
6. Trường hợp góp vốn bằng giá trị quyền sử dụng đất và các tài sản khác không phải là tiền Việt Nam, ngoại tệ tự do chuyển đổi, vàng thì phải là những tài sản cần thiết phục vụ trực tiếp cho hoạt động của Công ty và phải được Đại hội đồng Cổ đông thông qua.

Việc định giá và chuyển quyền sử dụng đất và quyền sở hữu tài sản này thực hiện theo quy định tại Luật Doanh nghiệp và các quy định của pháp luật có liên quan.

Điều 15. Chào bán cổ phần

1. Chào bán cổ phần là việc Công ty tăng thêm số lượng cổ phần được quyền chào bán và bán các cổ phần đó trong quá trình hoạt động để tăng vốn điều lệ.
2. Chào bán cổ phần có thể thực hiện theo một trong các hình thức sau đây:
 - a) Chào bán cho các Cổ đông hiện hữu;
 - b) Chào bán ra công chúng;
 - c) Chào bán cổ phần riêng lẻ.
3. Chào bán cổ phần của Công ty được thực hiện theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán và các quy định của pháp luật có liên quan.
4. Công ty thực hiện đăng ký thay đổi vốn điều lệ trong thời hạn pháp luật cho phép và tuân thủ các quy định pháp luật liên quan sau khi hoàn thành đợt bán cổ phần kể từ ngày hoàn thành đợt bán cổ phần.

³⁷ Điều 114 Luật Doanh nghiệp

Điều 16. Bán cổ phần³⁸

1. Hội đồng Quản trị quyết định thời điểm, phương thức, giá bán cổ phần trong sổ cổ phần được quyền chào bán. Giá bán cổ phần không được thấp hơn giá thị trường tại thời điểm chào bán hoặc giá trị được ghi trong sổ sách của cổ phần tại thời điểm gần nhất trừ các trường hợp do pháp luật quy định như sau:
 - a) Cổ phần chào bán lần đầu tiên cho những người không phải Cổ đông sáng lập;
 - b) Cổ phần chào bán cho tất cả Cổ đông theo tỷ lệ cổ phần hiện có của họ tại Công ty;
 - c) Cổ phần chào bán cho người môi giới hoặc người bảo lãnh. Trong trường hợp này, số chiết khấu hoặc tỷ lệ chiết khấu cụ thể phải được sự chấp thuận của số Cổ đông đại diện cho ít nhất 65% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết;
 - d) Trường hợp khác theo quy định của Luật Chứng khoán và các văn bản liên quan.
2. Cổ phần phổ thông phải được ưu tiên chào bán cho các Cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của họ tại Công ty, trừ trường hợp Đại hội đồng Cổ đông có quy định khác. Công ty phải thông báo việc chào bán cổ phần, trong thông báo phải nêu rõ số cổ phần được chào bán và thời hạn đăng ký mua phù hợp (tối thiểu 15 ngày làm việc) để Cổ đông có thể đăng ký mua.

Điều 17. Mua lại cổ phần

1. Các trường hợp mua lại cổ phần:
 - Mua lại theo yêu cầu của cổ đông;
 - Mua lại theo yêu cầu của Công ty.
2. Mua lại cổ phần theo yêu cầu của Cổ đông³⁹:
 - a) Cổ đông biểu quyết không thông qua Nghị quyết về việc tổ chức lại Công ty hoặc thay đổi quyền, nghĩa vụ của Cổ đông quy định tại Điều lệ này, có quyền yêu cầu Công ty mua lại cổ phần của mình.

Yêu cầu phải bằng văn bản, trong đó nêu rõ tên, địa chỉ của Cổ đông, số lượng cổ phần từng loại, giá dự định bán, lý do yêu cầu Công ty mua lại. Yêu cầu phải được gửi đến Công ty trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày Đại hội Cổ đông thông qua quyết định các vấn đề quy định tại khoản này.
 - b) Công ty phải mua lại cổ phần theo yêu cầu của cổ đông với giá thị trường hoặc giá được tính theo nguyên tắc do Công ty ban hành trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày nhận được yêu cầu của cổ đông. Trường hợp không thỏa thuận được về giá, cổ đông đó có thể bán cổ phần cho người khác hoặc các bên có thể lựa chọn một tổ chức thẩm định giá chuyên nghiệp để cổ đông lựa chọn và lựa chọn đó là quyết định cuối cùng. Công ty có quyền từ chối nhận mua lại cổ phiếu của các đối tượng sau⁴⁰:
 - Cổ đông lớn, Người nội bộ và người có liên quan của Người nội bộ.
 - Cổ phiếu đang bị hạn chế chuyển nhượng.

³⁸ Điều 125, 126 Luật Doanh nghiệp

³⁹ Điều 132. Luật Doanh nghiệp

⁴⁰ Khoản 4 Điều 36 Luật Chứng khoán

- c) Công ty chỉ được mua lại nếu ngay sau khi thanh toán hết số cổ phần được mua lại, Công ty vẫn bảo đảm thanh toán đủ các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác⁴¹.
3. Mua lại theo yêu cầu của Công ty: Công ty thực hiện mua lại cổ phiếu của chính mình phải đáp ứng các điều kiện, tỷ lệ và trình tự thủ tục theo đúng quy định của pháp luật.
4. Trừ các trường hợp nêu tại Khoản 5 Điều này, Công ty phải thực hiện thủ tục giảm vốn điều lệ tương ứng với tổng giá trị theo mệnh giá số cổ phần mua lại trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày hoàn thành việc mua lại.
5. Công ty được phép mua lại cổ phiếu của chính Công ty đã phát hành và được bán ra cổ phiếu ngay sau khi mua lại trong các trường hợp sau đây:
- Công ty mua lại cổ phiếu của chính mình để sửa lỗi giao dịch hoặc mua lại cổ phiếu lộ lẻ;
 - Công ty mua lại cổ phiếu lẻ theo phương án phát hành cổ phiếu để trả cổ tức, phương án phát hành cổ phiếu từ nguồn vốn chủ sở hữu;
 - Công ty mua lại cổ phiếu lộ lẻ theo yêu cầu của cổ đông.

Điều 18. Chuyển nhượng cổ phần⁴²

1. Tất cả các cổ phần đều có thể được tự do chuyển nhượng trừ những cổ phần bị hạn chế chuyển nhượng theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.
- Cổ phiếu của Công ty khi niêm yết trên Sở Giao dịch chứng khoán sẽ được chuyển nhượng theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán của Sở GDCK.
2. Cổ phần chưa được thanh toán đầy đủ không được chuyển nhượng và không được hưởng cổ tức.
3. Việc chuyển nhượng được thực hiện bằng văn bản, bằng hợp đồng hoặc giao dịch trên thị trường chứng khoán hoặc bằng các phương thức khác do Hội đồng Quản trị Công ty quyết định. Cổ phiếu của Công ty khi niêm yết trên Sở GDCK sẽ được chuyển nhượng theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.
- Trường hợp chuyển nhượng bằng Hợp đồng thì giấy tờ chuyển nhượng phải được bên chuyển nhượng và bên nhận chuyển nhượng hoặc người đại diện theo ủy quyền của họ ký.
- Trường hợp giao dịch trên thị trường chứng khoán thì trình tự, thủ tục chuyển nhượng được thực hiện theo quy định của pháp luật về chứng khoán.
4. Trường hợp Điều lệ Công ty có quy định hạn chế về chuyển nhượng cổ phần thì các quy định này chỉ có hiệu lực khi được nêu rõ trong cổ phiếu của cổ phần tương ứng.
5. Trường hợp Cổ đông là cá nhân chết thì người thừa kế theo di chúc hoặc theo pháp luật của Cổ đông đó là Cổ đông của Công ty.
6. Trường hợp cổ phần của Cổ đông là cá nhân chết mà không có người thừa kế, người thừa kế từ chối nhận thừa kế hoặc bị truất quyền thừa kế thì số cổ phần đó được giải quyết theo quy định của pháp luật về dân sự.
7. Cổ đông có quyền tặng cho một phần hoặc toàn bộ cổ phần của mình tại Công ty cho người

⁴¹ Khoản 1 Điều 134 Luật Doanh nghiệp

⁴² Điều 127; Điều 111.1.d; Điều 113.3.a; Điều 113.3.b; Điều 115.1.d; Điều 116.3 Luật DN; Điều 9. Điều lệ mẫu Thông tư 116-2020/TT-BTC

khác; sử dụng cổ phần để trả nợ. Cá nhân, tổ chức được tặng cho hoặc nhận trả nợ bằng cổ phần sẽ trở thành cổ đông của Công ty.

8. Trường hợp Cổ đông chuyển nhượng một số cổ phần thì cổ phiếu cũ bị hủy bỏ và Công ty phát hành cổ phiếu mới ghi nhận số cổ phần đã chuyển nhượng và số cổ phần còn lại.
9. Cá nhân, tổ chức nhận cổ phần trong các trường hợp quy định tại Điều này chỉ trở thành cổ đông Công ty từ thời điểm các thông tin của họ quy định tại khoản 2 Điều 122 của Luật Doanh nghiệp được ghi đầy đủ vào sổ đăng ký cổ đông.
10. Công ty phải đăng ký thay đổi cổ đông trong sổ đăng ký cổ đông theo yêu cầu của cổ đông có liên quan trong thời hạn 24 giờ kể từ khi nhận được yêu cầu theo quy định tại Điều lệ Công ty.

Điều 19. Thu hồi cổ phần (đối với trường hợp khi đăng ký thành lập doanh nghiệp)⁴³

1. Trường hợp Cổ đông không thanh toán đầy đủ và đúng hạn số tiền phải trả mua cổ phiếu, Hội đồng Quản trị thông báo và có quyền yêu cầu Cổ đông đó thanh toán số tiền còn lại cùng với lãi suất trên khoản tiền đó và những chi phí phát sinh do việc không thanh toán đầy đủ gây ra cho Công ty theo quy định.

Thông báo thanh toán nêu trên phải ghi rõ thời hạn thanh toán mới (tối thiểu là bảy (07) ngày kể từ ngày gửi thông báo), địa điểm thanh toán và thông báo phải ghi rõ: trường hợp không thanh toán theo đúng yêu cầu, số cổ phần chưa thanh toán hết sẽ bị thu hồi.

2. Trường hợp các yêu cầu trong thông báo nêu trên không được thực hiện, trước khi thanh toán đầy đủ tất cả các khoản phải nộp, các khoản lãi và các chi phí liên quan, Hội đồng Quản trị có quyền thu hồi số cổ phần đó.

Việc thu hồi này sẽ bao gồm tất cả cổ tức được công bố đối với cổ phần bị thu hồi mà thực tế chưa được chi trả cho đến thời điểm thu hồi.

Hội đồng Quản trị có thể chấp nhận việc giao nộp các cổ phần bị thu hồi theo quy định tại các khoản 3, 4 và 5, Điều này và trong các trường hợp khác được quy định tại Điều lệ này.

3. Cổ phần bị thu hồi sẽ trở thành tài sản của Công ty, được coi là các cổ phần được quyền chào bán quy định tại khoản 3 Điều 112 Luật Doanh nghiệp.

Hội đồng Quản trị có thể trực tiếp hoặc ủy quyền bán, tái phân phối hoặc giải quyết cho người đã sở hữu cổ phần bị thu hồi hoặc các đối tượng khác theo những điều kiện và cách thức mà Hội đồng Quản trị thấy là phù hợp.

4. Cổ đông nắm giữ cổ phần bị thu hồi sẽ phải từ bỏ tư cách Cổ đông đối với những cổ phần đó, nhưng vẫn phải thanh toán tất cả các khoản tiền có liên quan cộng với tiền lãi theo tỷ lệ do Hội đồng Quản trị quyết định (nhưng không quá 10%/năm), chịu trách nhiệm tương ứng với tổng mệnh giá cổ phần đã đăng ký mua đối với nghĩa vụ tài chính của Công ty phát sinh vào thời điểm thu hồi theo quyết định của Hội đồng Quản trị kể từ ngày bị thu hồi cho đến ngày thực hiện thanh toán.

Hội đồng Quản trị có toàn quyền quyết định việc cưỡng chế thanh toán toàn bộ giá trị cổ phiếu vào thời điểm thu hồi hoặc có thể miễn giảm thanh toán một phần hoặc toàn bộ số tiền đó.

⁴³ Điều 10 Điều lệ mẫu theo Thông tư 116-2020/TT-BTC, Khoản 3 Điều 112 Luật Doanh nghiệp

Thông báo thu hồi sẽ được gửi đến người nắm giữ cổ phần bị thu hồi trước thời điểm thu hồi. Việc thu hồi vẫn có hiệu lực kể cả trong trường hợp có sai sót hoặc bất cẩn trong việc gửi thông báo.

CHƯƠNG IV

CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN TRỊ VÀ KIỂM SOÁT

Điều 20. Cơ cấu tổ chức quản trị và kiểm soát

1. Cơ cấu tổ chức quản lý, quản trị và kiểm soát của Công ty bao gồm:
 - a) Đại hội đồng Cổ đông;
 - b) Hội đồng Quản trị, Ủy ban Kiểm toán trực thuộc Hội đồng Quản trị;
 - c) Tổng Giám đốc.
2. Cơ cấu tổ chức của Công ty chủ yếu bao gồm các thành phần sau:
 - a) Trụ sở chính;
 - b) Các Chi nhánh, Văn phòng đại diện, các Công ty con trực thuộc;
 - c) Các phòng giao dịch.
3. Công ty được phép mở Chi nhánh, văn phòng đại diện, phòng giao dịch, Công ty con trực thuộc khi có nhu cầu và được pháp luật cho phép.
Cơ cấu tổ chức của các đơn vị trên sẽ do Hội đồng Quản trị quy định phù hợp với các quy định của pháp luật.
4. Bộ máy giúp việc Tổng Giám đốc:
 - a) Các Phó Tổng Giám đốc;
 - b) Kế toán trưởng;
 - c) Các phòng, ban nghiệp vụ;
 - d) Bộ phận kiểm soát nội bộ.

CHƯƠNG V

CỔ ĐỒNG, ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐỒNG CÔNG TY

Điều 21. Cổ đồng của Công ty

1. Cổ đồng là người chủ sở hữu của Công ty, có các quyền và nghĩa vụ tương ứng theo số cổ phần và loại cổ phần mà họ sở hữu. Cổ đồng chỉ chịu trách nhiệm về nợ và các nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi số vốn đã góp vào Công ty.
2. Quyền sở hữu cổ phần và mọi quyền lợi hợp pháp khác của Cổ đồng được pháp luật bảo vệ.
3. Cổ đồng được công nhận chính thức khi đóng đủ tiền mua cổ phần hoặc chuyển quyền sở hữu hoặc thừa kế cổ phần hợp pháp và được ghi tên vào Sổ đăng ký Cổ đồng của Công ty.
4. Việc cử người đại diện theo uỷ quyền của Cổ đồng tại Công ty thực hiện theo Điều 14 Luật Doanh nghiệp và các quy định có liên quan của pháp luật.
5. Việc không thanh toán được các khoản nợ, phạm tội hay chết, chấm dứt hoạt động của các Cổ đồng không ảnh hưởng đến các hoạt động của Công ty.
6. Giới hạn sở hữu cổ phần đối với các Cổ đồng của Công ty phải tuân thủ các quy định của pháp luật có liên quan.

Điều 22. Quyền của Cổ đồng⁴⁴

1. Cổ đồng sở hữu cổ phần phổ thông có các quyền sau:
 - a) Tham dự và phát biểu trong các cuộc họp Đại hội đồng Cổ đồng, thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp hoặc thông qua đại diện được uỷ quyền.
Mỗi cổ phần phổ thông có một phiếu biểu quyết;
 - b) Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng Quản trị theo quy định tại Điều lệ này và các quy định của pháp luật có liên quan;
 - c) Nhận cổ tức theo Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đồng;
 - d) Tự do chuyển nhượng cổ phần đã được thanh toán đầy đủ theo quy định tại Điều lệ này và pháp luật hiện hành; trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 120, khoản 1 Điều 127 của Luật Doanh nghiệp và quy định khác của pháp luật có liên quan;
 - e) Được ưu tiên mua cổ phiếu mới chào bán tương ứng với tỷ lệ cổ phần phổ thông mà họ sở hữu;
 - f) Được nhận thông tin về tình hình hoạt động của Công ty theo quy định tại Điều lệ này và các quy định của pháp luật có liên quan;
 - g) Xem xét, tra cứu và trích lục thông tin về tên và địa chỉ liên lạc trong danh sách cổ đồng có quyền biểu quyết; yêu cầu sửa đổi thông tin không chính xác của mình;
 - h) Xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ Công ty, biên bản họp Đại hội đồng Cổ đồng và nghị quyết Đại hội đồng Cổ đồng;
 - i) Trường hợp Công ty giải thể hoặc phá sản, được nhận một phần tài sản còn lại tương ứng

⁴⁴ Điều 115 Luật DN; Điều 12 Điều lệ mẫu Thông tư 116-2020/TT-BTC

- với số cổ phần góp vốn vào Công ty sau khi Công ty đã thanh toán cho chủ nợ và các Cổ đông loại khác theo quy định của pháp luật;
- j) Yêu cầu Công ty mua lại cổ phần của họ trong các trường hợp quy định tại Điều lệ này và Luật Doanh nghiệp;
- k) Các quyền khác theo quy định tại Điều lệ này và pháp luật.
2. Ngoài các quyền quy định trên đây, Cổ đông hoặc nhóm Cổ đông nắm giữ từ 05% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền sau đây:
- a) Xem xét, tra cứu, trích lục sổ biên bản và nghị quyết, quyết định của Hội đồng Quản trị, báo cáo tài chính giữa năm và hằng năm, hợp đồng, giao dịch phải thông qua Hội đồng Quản trị và tài liệu khác, trừ tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của Công ty;
- b) Yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng Cổ đông trong trường hợp quy định tại khoản 3 Điều này và khoản 3 Điều 115 Luật Doanh nghiệp;
- c) Kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng Cổ đông.
- Kiến nghị phải bằng văn bản và được gửi đến Công ty chậm nhất là 03 ngày làm việc trước ngày khai mạc.
- Kiến nghị phải ghi rõ tên cổ đông, số lượng từng loại cổ phần của cổ đông, vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp;
- d) Quyền khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.
3. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều này có quyền yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng Cổ đông trong trường hợp sau đây:
- a) Hội đồng Quản trị vi phạm nghiêm trọng quyền của cổ đông, nghĩa vụ của người quản lý hoặc ra quyết định vượt quá thẩm quyền được giao;
- b) Trường hợp khác theo quy định tại Điều lệ Công ty.
- c) Yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng Cổ đông quy định tại khoản 3 Điều này phải được lập thành văn bản và phải bao gồm các nội dung sau đây: họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của Công ty, căn cứ và lý do và mục đích yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng Cổ đông;
- Văn bản có đủ chữ ký của các cổ đông liên quan hoặc văn bản yêu cầu được lập thành nhiều bản và tập hợp đủ chữ ký của các cổ đông có liên quan;
- Kèm theo yêu cầu triệu tập họp phải có các tài liệu, chứng cứ về các vi phạm của Hội đồng Quản trị, mức độ vi phạm hoặc về quyết định vượt quá thẩm quyền.
4. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% ($\geq 10\%$) tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử người vào Hội đồng Quản trị.
- Việc đề cử người vào Hội đồng Quản trị thực hiện như sau:

- a) Các cổ đông phổ thông hợp thành nhóm để đề cử người vào Hội đồng Quản trị phải thông báo về việc hợp nhóm cho các cổ đông dự họp biết trước khi khai mạc Đại hội đồng Cổ đông;
- b) Căn cứ số lượng thành viên Hội đồng Quản trị, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản này được quyền đề cử một hoặc một số người theo quyết định của Đại hội đồng Cổ đông làm ứng cử viên Hội đồng Quản trị.

5. Quyền dự họp Đại hội đồng Cổ đông

- a) Cổ đông được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông trong trường hợp sau đây:
 - Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
 - Ủy quyền cho một người khác tham dự và biểu quyết tại cuộc họp;
 - Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;
 - Gửi Thẻ/phieu biểu quyết đến cuộc họp thông qua gửi thư, fax, thư điện tử.
- b) Trường hợp cổ phần được chuyển nhượng trong thời gian từ ngày lập xong danh sách Cổ đông dự họp đến ngày khai mạc họp Đại hội đồng Cổ đông thì quyền dự họp Đại hội đồng Cổ đông thay thế cho người chuyển nhượng đối với số cổ phần đã chuyển nhượng được xác định tuân thủ theo các quy định pháp luật liên quan.

6. Quyền khởi kiện đối với thành viên Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc⁴⁵

- a) Cổ đông, nhóm Cổ đông sở hữu ít nhất 01% số cổ phần phổ thông có quyền tự mình hoặc nhân danh Công ty khởi kiện trách nhiệm cá nhân, trách nhiệm liên đới đối với các Thành viên Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc để yêu cầu hoàn trả lợi ích hoặc bồi thường thiệt hại cho Công ty hoặc người khác trong trường hợp sau đây:
 - Vi phạm trách nhiệm của người quản lý Công ty theo quy định tại Điều 165 của Luật Doanh nghiệp;
 - Không thực hiện, thực hiện không đầy đủ, thực hiện không kịp thời hoặc thực hiện trái với quy định của pháp luật hoặc Điều lệ Công ty, nghị quyết, quyết định của Hội đồng Quản trị đối với quyền và nghĩa vụ được giao;
 - Lạm dụng địa vị, chức vụ và sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh, tài sản khác của Công ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;
 - Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.
- b) Trình tự, thủ tục khởi kiện thực hiện theo quy định của pháp luật về tố tụng dân sự.
Chi phí khởi kiện trong trường hợp cổ đông, nhóm cổ đông khởi kiện nhân danh Công ty được tính vào chi phí của Công ty, trừ trường hợp bị bác yêu cầu khởi kiện.
- c) Cổ đông, nhóm cổ đông khởi kiện có quyền xem xét, tra cứu, trích lục thông tin cần thiết theo quyết định của Tòa án, Trọng tài trước hoặc trong quá trình khởi kiện.

⁴⁵ Điều 166 Luật Doanh nghiệp

Điều 23. Nghĩa vụ của Cổ đông⁴⁶

1. Cổ đông phổ thông của Công ty có nghĩa vụ sau:

- a) Tuân thủ Điều lệ Công ty và các Quy chế, Quy định của Công ty; chấp hành Nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng Cổ đông, Hội đồng Quản trị;
- b) Thanh toán đầy đủ tiền mua cổ phần đã đăng ký mua theo quy định và chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp của nguồn vốn mua cổ phần;
- c) Không được rút vốn đã góp bằng cổ phần phổ thông ra khỏi Công ty dưới mọi hình thức, trừ trường hợp Công ty hoặc người khác mua lại cổ phần;

Trường hợp có Cổ đông rút một phần hoặc toàn bộ vốn góp trái với quy định này thì Hội đồng Quản trị và Tổng Giám đốc Công ty phải cùng chịu trách nhiệm liên đới về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi giá trị cổ phần đã bị rút;

- d) Cung cấp địa chỉ chính xác khi đăng ký mua cổ phần;
- e) Bảo vệ uy tín, tài sản, lợi ích của Công ty và giữ bí mật các hoạt động của Công ty;

Bảo mật các thông tin được Công ty cung cấp theo quy định tại Điều lệ Công ty và pháp luật; chỉ sử dụng thông tin được cung cấp để thực hiện, bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của mình; nghiêm cấm phát tán hoặc sao, gửi thông tin được Công ty cung cấp cho tổ chức, cá nhân khác;

- f) Chịu rủi ro về thua lỗ và chịu trách nhiệm về các khoản nợ, các nghĩa vụ tài sản của Công ty trong phạm vi số vốn đã góp;
- g) Chịu trách nhiệm cá nhân khi nhân danh Công ty dưới mọi hình thức để thực hiện một trong các hành vi sau đây:
 - Vi phạm pháp luật;
 - Tiến hành kinh doanh và các giao dịch khác để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;
 - Thanh toán các khoản nợ chưa đến hạn trước nguy cơ tài chính có thể xảy ra đối với Công ty.

2. Ngoài các nghĩa vụ của Cổ đông quy định tại khoản 1, Điều này, Cổ đông nội bộ, Cổ đông sở hữu từ 05% (năm phần trăm) trở lên trên tổng số cổ phần phổ thông của Công ty được gọi là Cổ đông lớn và phải thực hiện nghĩa vụ công bố thông tin của cổ đông lớn theo quy định của pháp luật, đối với Công ty, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và Sở Giao dịch chứng khoán nơi cổ phiếu của Công ty được niêm yết.

3. Cổ đông sở hữu từ mười phần trăm (10%) trở lên vốn điều lệ của Công ty thì Cổ đông đó và người có liên quan không được sở hữu trên năm phần trăm (5%) vốn điều lệ của một Công ty chứng khoán khác, không được lợi dụng ưu thế của mình gây tổn hại đến quyền và lợi ích của Công ty và các Cổ đông khác.

4. Hoàn thành các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật hiện hành.

⁴⁶ Điều 119 Luật Doanh nghiệp

Điều 24. Đại hội đồng Cổ đông

1. Đại hội đồng Cổ đông gồm tất cả cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất của Công ty.
2. Đại hội đồng Cổ đông họp thường niên mỗi năm một lần và trong thời hạn bốn (04) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính.

Hội đồng Quản trị quyết định gia hạn họp Đại hội đồng Cổ đông thường niên trong trường hợp cần thiết, nhưng không quá 06 tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính.

Việc gia hạn này phải báo cáo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.⁴⁷

3. Ngoài cuộc họp thường niên, Đại hội đồng Cổ đông có thể họp bất thường trong các trường hợp sau:
 - a) Hội đồng Quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty;
 - b) Số lượng thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Hội đồng Quản trị độc lập còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định của pháp luật;
 - c) Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 22 Điều lệ này;
Yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng Cổ đông phải được thể hiện bằng văn bản, trong đó nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có đủ chữ ký của các cổ đông liên quan hoặc văn bản yêu cầu được lập thành nhiều bản và tập hợp đủ chữ ký của các cổ đông có liên quan;
 - d) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.
4. Đại hội đồng Cổ đông thường niên quyết định những vấn đề theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty, đặc biệt thông qua báo cáo tài chính năm được kiểm toán.
5. Đại hội đồng Cổ đông thảo luận và thông qua các vấn đề sau⁴⁸:
 - a) Kế hoạch kinh doanh hằng năm của Công ty;
 - b) Báo cáo tài chính hằng năm đã được kiểm toán.

Trường hợp Báo cáo kiểm toán báo cáo tài chính năm của Công ty có các khoản ngoại trừ trọng yếu, ý kiến kiểm toán trái ngược hoặc từ chối, Công ty phải mời đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty dự họp Đại hội đồng Cổ đông thường niên và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận nêu trên có trách nhiệm tham dự họp Đại hội đồng Cổ đông thường niên của Công ty⁴⁹;

- c) Báo cáo của Hội đồng Quản trị về quản trị và kết quả hoạt động của Hội đồng Quản trị và từng thành viên Hội đồng Quản trị;
- d) Báo cáo hoạt động của thành viên Hội đồng Quản trị trong Ủy ban Kiểm toán;
- e) Mức cổ tức đối với mỗi cổ phần của từng loại;
- f) Số lượng thành viên Hội đồng Quản trị;
- g) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng Quản trị;

⁴⁷ Điều 139 Luật Doanh nghiệp

⁴⁸ Điều 139 Luật Doanh nghiệp

⁴⁹ Điều 14 Điều lệ mẫu Thông tư 116-2020/TT-BTC

- h) Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác đối với Hội đồng Quản trị;
 - i) Phê duyệt danh sách Công ty kiểm toán được chấp thuận; quyết định Công ty kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra các hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết;
 - j) Bổ sung và sửa đổi Điều lệ Công ty;
 - k) Loại cổ phần và số lượng cổ phần mới được phát hành đối với mỗi loại cổ phần và việc chuyển nhượng cổ phần của thành viên sáng lập trong vòng 03 năm đầu tiên kể từ ngày thành lập;
 - l) Chia, tách, hợp nhất, sáp nhập hoặc chuyển đổi Công ty;
 - m) Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong Báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;
 - n) Quyết định mua lại cổ phần đã phát hành, trừ các trường hợp không cần thông qua Đại hội đồng Cổ đông theo quy định pháp luật;
 - o) Hợp đồng, giao dịch khác nêu tại Khoản 3 Điều 60 Điều lệ này;
 - p) Phê duyệt Quy chế nội bộ về quản trị Công ty, Quy chế hoạt động Hội đồng Quản trị⁵⁰;
 - q) Các vấn đề khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.
6. Tất cả các Nghị quyết và các vấn đề đã được đưa vào chương trình họp phải được đưa ra thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông.
7. Thủ tục để tổ chức họp Đại hội đồng Cổ đông thực hiện theo quy định tại khoản 5 Điều 140 Luật Doanh nghiệp.

Điều 25. Quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng Cổ đông⁵¹

1. Đại hội đồng Cổ đông có các quyền và nghĩa vụ sau đây:
 - a) Thông qua định hướng phát triển của Công ty;
 - b) Quyết định loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được quyền chào bán; quyết định mức cổ tức hằng năm của từng loại cổ phần;
 - c) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng Quản trị;
 - d) Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;
 - e) Quyết định sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty;
 - f) Thông qua báo cáo tài chính hằng năm;
 - g) Quyết định mua lại cổ phần đã phát hành, trừ các trường hợp không cần thông qua Đại hội đồng Cổ đông theo quy định pháp luật;
 - h) Xem xét, xử lý vi phạm của thành viên Hội đồng Quản trị gây thiệt hại cho Công ty và cổ đông Công ty;

⁵⁰ Điều 287; Điều 288 Nghị định 155-2020/NĐ-CP; Điều 15 Điều lệ mẫu Thông tư 116-2020/TT-BTC

⁵¹ Điều 138 Luật Doanh nghiệp

- i) Quyết định tổ chức lại, giải thể Công ty;
 - j) Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác cho Hội đồng Quản trị;
 - k) Phê duyệt Quy chế quản trị nội bộ; Quy chế hoạt động của Hội đồng Quản trị;
 - l) Phê duyệt danh sách Công ty kiểm toán được chấp thuận; quyết định Công ty kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra hoạt động của Công ty, bãi miễn kiểm toán viên được chấp thuận khi xét thấy cần thiết;
 - m) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, pháp luật chứng khoán và Điều lệ Công ty.
2. Đại hội đồng Cổ đông có thể ủy quyền cho Hội đồng Quản trị quyết định các vấn đề thuộc thẩm quyền giải quyết của Đại hội đồng Cổ đông phù hợp với Điều lệ này và các quy định của pháp luật.

Điều 26. Ủy quyền tham dự họp Đại hội đồng Cổ đông⁵²

1. Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức có thể ủy quyền cho một hoặc một số cá nhân, tổ chức khác dự họp thông qua một trong các hình thức quy định tại điểm a khoản 5 điều 22 Điều lệ này và khoản 3 Điều 144 Luật Doanh nghiệp.
2. Việc ủy quyền cho cá nhân, tổ chức đại diện dự họp Đại hội đồng Cổ đông theo quy định tại khoản 1 Điều này phải lập thành văn bản.
Văn bản ủy quyền được lập theo quy định của pháp luật về dân sự và phải nêu rõ tên cổ đông ủy quyền, tên cá nhân, tổ chức được ủy quyền, số lượng cổ phần được ủy quyền, nội dung ủy quyền, phạm vi ủy quyền, thời hạn ủy quyền, chữ ký của bên ủy quyền và bên được ủy quyền.
3. Người được ủy quyền dự họp Đại hội đồng Cổ đông phải nộp văn bản ủy quyền khi đăng ký dự họp.
Trường hợp ủy quyền lại thì người tham dự họp phải xuất trình thêm văn bản ủy quyền ban đầu của cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức (nếu trước đó chưa đăng ký với Công ty).
4. Phiếu biểu quyết của người được ủy quyền dự họp trong phạm vi được ủy quyền vẫn có hiệu lực khi xảy ra một trong các trường hợp sau đây trừ trường hợp:
 - a) Người ủy quyền đã chết, bị hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự;
 - b) Người ủy quyền đã hủy bỏ việc chỉ định ủy quyền;
 - c) Người ủy quyền đã hủy bỏ thẩm quyền của người thực hiện việc ủy quyền.
 Điều khoản này không áp dụng trong trường hợp Công ty nhận được thông báo về một trong các sự kiện trên trước giờ khai mạc cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông hoặc trước khi cuộc họp được triệu tập lại.
5. Trường hợp luật sư thay mặt cho người ủy quyền ký giấy chỉ định đại diện, việc chỉ định đại

⁵² Điều 144 Luật Doanh nghiệp; Điều 16 Thông tư 116-2020/TT-BTC

diện trong trường hợp này chỉ được coi là có hiệu lực nếu giấy chỉ định đại diện đó được xuất trình cùng với thư ủy quyền cho luật sư hoặc bản sao hợp lệ của thư ủy quyền đó.

Điều 27. Thay đổi các quyền

1. Việc thay đổi hoặc hủy bỏ các quyền đặc biệt gắn liền với một loại cổ phần ưu đãi có hiệu lực khi được cổ đông đại diện từ 65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp thông qua.

Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông về nội dung làm thay đổi bất lợi quyền và nghĩa vụ của cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi chỉ được thông qua nếu được số cổ đông ưu đãi cùng loại dự họp sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành hoặc được các cổ đông ưu đãi cùng loại sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành trong trường hợp thông qua Nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.

2. Việc tổ chức cuộc họp của các cổ đông nắm giữ một loại cổ phần ưu đãi đề thông qua việc thay đổi quyền nêu trên chỉ có giá trị khi có tối thiểu 02 cổ đông (hoặc đại diện theo ủy quyền của họ) và nắm giữ tối thiểu 1/3 giá trị mệnh giá của các cổ phần loại đó đã phát hành.

Trường hợp không có đủ số đại biểu như nêu trên thì cuộc họp được tổ chức lại trong thời hạn 30 ngày tiếp theo và những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó (không phụ thuộc vào số lượng người và số cổ phần) có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện theo ủy quyền đều được coi là đủ số lượng đại biểu yêu cầu.

Tại các cuộc họp của cổ đông nắm giữ cổ phần ưu đãi nêu trên, những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó có mặt trực tiếp hoặc qua người đại diện có thể yêu cầu bỏ phiếu kín. Mỗi cổ phần cùng loại có quyền biểu quyết ngang bằng nhau tại các cuộc họp nêu trên.

3. Thủ tục tiến hành các cuộc họp riêng biệt như vậy được thực hiện tương tự với các quy định tại Điều 28, 29, 30 Điều lệ này.
4. Trừ khi các điều khoản phát hành cổ phần quy định khác, các quyền đặc biệt gắn liền với các loại cổ phần có quyền ưu đãi đối với một số hoặc tất cả các vấn đề liên quan đến việc phân phối lợi nhuận hoặc tài sản của Công ty không bị thay đổi khi Công ty phát hành thêm các cổ phần cùng loại.

Điều 28. Triệu tập họp, Chương trình họp và Thông báo mời họp Đại hội đồng Cổ đông⁵³

1. Triệu tập họp Đại hội đồng Cổ đông thường niên: Hội đồng Quản trị triệu tập họp Đại hội đồng Cổ đông thường niên và lựa chọn địa điểm phù hợp.
2. Triệu tập họp Đại hội đồng Cổ đông bất thường:
 - a) Hội đồng Quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng Cổ đông trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày số thành viên Hội đồng Quản trị, Thành viên độc lập Hội đồng Quản trị còn lại như quy định tại điểm b khoản 3 Điều 24 hoặc nhận được yêu cầu quy định tại điểm c và điểm d khoản 3 Điều 24 Điều lệ này;
 - b) Trường hợp Hội đồng Quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng Cổ đông theo quy định tại điểm a khoản này thì trong thời hạn 30 ngày tiếp theo, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy

⁵³ Điều 141, 142 Luật Doanh nghiệp; Điều 14 Điều lệ mẫu Thông tư 116/2020/TT-BTC

định tại khoản 2 Điều 22 Điều lệ này có quyền yêu cầu đại diện Công ty triệu tập họp Đại hội đồng Cổ đông theo quy định tại Luật Doanh nghiệp;

Trong trường hợp này, cổ đông hoặc nhóm cổ đông triệu tập họp Đại hội đồng Cổ đông có thể đề nghị Cơ quan đăng ký kinh doanh giám sát trình tự, thủ tục triệu tập, tiến hành họp và ra quyết định của Đại hội đồng Cổ đông.

Tất cả chi phí cho việc triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng Cổ đông được Công ty hoàn lại. Chi phí này không bao gồm những chi phí do cổ đông chi tiêu khi tham dự cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông, kể cả chi phí ăn ở và đi lại.

3. Thủ tục để tổ chức họp Đại hội đồng Cổ đông theo quy định tại khoản 5 Điều 140 Luật Doanh nghiệp.
4. Người triệu tập họp Đại hội đồng Cổ đông theo quy định tại Điều lệ này phải thực hiện các nhiệm vụ sau đây:
 - a) Tuân thủ các quy định pháp luật, hướng dẫn của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở Giao dịch Chứng khoán và Trung tâm Lưu ký chứng khoán về việc chuẩn bị, công bố thông tin và tổ chức Đại hội đồng Cổ đông;
 - b) Lập Danh sách cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng Cổ đông được lập không quá 10 ngày trước ngày gửi thông báo mời họp Đại hội đồng Cổ đông Công ty phải công bố thông tin về việc lập danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng Cổ đông tối thiểu 20 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng;
 - c) Chuẩn bị Chương trình, nội dung Đại hội;
 - d) Chuẩn bị Tài liệu cho Đại hội;
 - e) Dự thảo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp;
 - f) Xác định thời gian và địa điểm tổ chức đại hội;
 - g) Thông báo và gửi thông báo họp Đại hội đồng Cổ đông cho tất cả các cổ đông có quyền dự họp;
 - h) Các công việc khác phục vụ Đại hội.
5. Địa điểm họp Đại hội đồng Cổ đông phải ở trên lãnh thổ Việt Nam.

Trường hợp cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông được tổ chức đồng thời ở nhiều địa điểm khác nhau thì địa điểm họp Đại hội đồng Cổ đông được xác định là nơi chủ tọa tham dự họp.

6. Thông báo mời họp Đại hội đồng Cổ đông được gửi cho tất cả các cổ đông bằng phương thức để bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của cổ đông, đồng thời công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty và Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở Giao dịch chứng khoán nơi cổ phiếu của Công ty niêm yết hoặc đăng ký giao dịch.

Trường hợp Cổ đông đã thông báo cho Công ty bằng văn bản về số fax hoặc địa chỉ thư điện tử, Thông báo mời họp Đại hội đồng Cổ đông có thể được gửi tới số fax hoặc địa chỉ thư điện tử đó.

Trường hợp Cổ đông là người làm việc trong Công ty, thông báo có thể đựng trong phong bì dán kín gửi tận tay họ tại nơi làm việc.

7. Người triệu tập họp Đại hội đồng Cổ đông phải gửi thông báo mời họp đến tất cả các cổ đông trong Danh sách cổ đông có quyền dự họp chậm nhất 21 ngày trước ngày khai mạc cuộc họp (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ).
8. Thông báo mời họp Đại hội đồng Cổ đông phải có tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp; tên, địa chỉ liên lạc của cổ đông, thời gian, địa điểm họp và những yêu cầu khác đối với người dự họp. Thông báo mời họp phải gửi kèm các tài liệu nêu tại Khoản 9 Điều này.
9. Chương trình họp Đại hội đồng Cổ đông, các tài liệu liên quan đến các vấn đề sẽ được biểu quyết tại Đại hội được gửi cho các cổ đông hoặc/và đăng trên trang thông tin điện tử của Công ty.

Việc gửi tài liệu họp kèm theo Thông báo mời họp có thể thay thế bằng việc đăng tải lên trang Thông tin điện tử của Công ty. Trường hợp này, Thông báo mời họp phải nêu rõ đường dẫn đến toàn bộ tài liệu họp để các cổ đông có thể tiếp cận, bao gồm:

- a) Chương trình họp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp;
 - b) Danh sách và thông tin chi tiết của các ứng viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng Quản trị;
 - c) Phiếu biểu quyết;
 - d) Dự thảo Nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp.
10. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông theo quy định tại khoản 2 Điều 22 Điều lệ này có quyền kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng Cổ đông.
Kiến nghị phải bằng văn bản và phải được gửi đến Công ty chậm nhất 03 ngày làm việc trước ngày khai mạc cuộc họp. Kiến nghị phải ghi rõ tên cổ đông, số lượng từng loại cổ phần của cổ đông, vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp.
 11. Người triệu tập họp Đại hội đồng Cổ đông có quyền từ chối kiến nghị quy định tại khoản 10 Điều này nếu thuộc một trong các trường hợp sau:
 - a) Kiến nghị được gửi đến không đúng thời hạn hoặc không đủ, không đúng nội dung không đúng quy định tại khoản 10 Điều này;
 - b) Vào thời điểm kiến nghị, cổ đông hoặc nhóm cổ đông không nắm giữ đủ từ 5% cổ phần phổ thông trở lên theo quy định tại khoản 2 Điều 22 Điều lệ này;
 - c) Vấn đề kiến nghị không thuộc phạm vi thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng Cổ đông bàn bạc và thông qua;
 - d) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.
 12. Người triệu tập họp Đại hội đồng Cổ đông phải chấp nhận và đưa kiến nghị quy định của Cổ đông hoặc nhóm Cổ đông tại khoản 10 Điều này vào dự kiến chương trình và nội dung cuộc họp, trừ trường hợp quy định tại khoản 11 Điều này.

Kiến nghị được chính thức bổ sung vào chương trình và nội dung cuộc họp nếu được Đại hội đồng Cổ đông chấp thuận.

Điều 29. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng Cổ đông⁵⁴

1. Cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện trên 50% tổng số phiếu có quyền biểu quyết.
2. Trường hợp cuộc họp lần thứ nhất không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 1 Điều này thì thông báo mời họp lần thứ hai được gửi trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất.
3. Cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông lần thứ hai được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện từ 33% tổng số phiếu có quyền biểu quyết trở lên.
4. Trường hợp cuộc họp lần thứ hai không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 2 Điều này thì thông báo mời họp lần thứ ba phải được gửi trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ hai.
5. Cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông lần thứ ba được tiến hành không phụ thuộc vào tổng số phiếu có quyền biểu quyết của các cổ đông dự họp.
6. Chỉ có Đại hội đồng Cổ đông mới có quyền quyết định thay đổi Chương trình họp đã được gửi kèm theo Thông báo mời họp.

Điều 30. Thủ tục tiến hành họp và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông

1. Trước khi khai mạc phiên họp Đại hội đồng Cổ đông, phải tiến hành đăng ký cổ đông dự họp:
 - a) Vào ngày tổ chức Đại hội đồng Cổ đông, Công ty thực hiện thủ tục đăng ký Cổ đông và phải thực hiện việc đăng ký cho đến khi các Cổ đông có quyền dự họp có mặt đăng ký hết.
 - b) Khi tiến hành đăng ký Cổ đông, Công ty sẽ cấp cho từng Cổ đông hoặc người được ủy quyền có quyền biểu quyết một Thẻ/Phiếu biểu quyết, trên đó có ghi số đăng ký, họ và tên của Cổ đông, họ và tên người được ủy quyền và số phiếu biểu quyết của Cổ đông đó.
 - c) Cổ đông, người được ủy quyền đến dự Đại hội đồng Cổ đông muộn có quyền đăng ký dự họp và ngay sau đó có quyền tham gia, biểu quyết tại Đại hội. Chủ tọa không có trách nhiệm dừng Đại hội để cho Cổ đông đến muộn đăng ký và hiệu lực của các nội dung đã được biểu quyết trước khi Cổ đông đến muộn tham dự sẽ không bị ảnh hưởng, không thay đổi.
2. Việc bầu Chủ tọa, Thư ký và Ban Kiểm phiếu được quy định như sau:
 - a) Chủ tịch Hội đồng Quản trị làm Chủ tọa hoặc ủy quyền cho thành viên Hội đồng Quản trị khác làm chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông do Hội đồng Quản trị triệu tập.
Trường hợp Chủ tịch Hội đồng Quản trị vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các Thành viên Hội đồng Quản trị còn lại bầu một người trong số họ làm Chủ tọa cuộc họp theo nguyên tắc đa số;
 - b) Trừ trường hợp quy định tại điểm a khoản này, người ký tên triệu tập họp Đại hội đồng Cổ đông điều hành để Đại hội đồng Cổ đông bầu Chủ tọa cuộc họp và người có số phiếu bầu cao nhất làm Chủ tọa cuộc họp;
 - c) Chủ tọa cử một hoặc một số người làm Thư ký cuộc họp;

⁵⁴ Điều 145 Luật Doanh nghiệp, Điều 19 Thông tư 116-2020/TT-BTC

- d) Đại hội đồng Cổ đông bầu một hoặc một số người vào Ban Kiểm phiếu theo đề nghị của Chủ tọa cuộc họp.
3. Chương trình và nội dung họp phải được Đại hội đồng Cổ đông thông qua trong phiên khai mạc. Chương trình phải xác định thời gian đối với từng vấn đề trong nội dung Chương trình.
 4. Chủ tọa có quyền thực hiện các biện pháp cần thiết và hợp lý để điều hành cuộc họp một cách có trật tự, đúng theo Chương trình đã được thông qua và phản ánh được mong muốn của đa số người dự họp.
 5. Đại hội đồng Cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung Chương trình. Việc biểu quyết được tiến hành bằng biểu quyết tán thành, không tán thành và không có ý kiến. Kết quả kiểm phiếu được Chủ tọa công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp.
 6. Người triệu tập họp hoặc Chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông có quyền sau đây:
 - a) Yêu cầu tất cả người dự họp chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh hợp pháp, hợp lý khác;
 - b) Yêu cầu cơ quan có thẩm quyền duy trì trật tự cuộc họp; trục xuất những người không tuân thủ quyền điều hành của Chủ tọa, cố ý gây rối trật tự, ngăn cản tiến triển bình thường của cuộc họp hoặc không tuân thủ các yêu cầu về kiểm tra an ninh ra khỏi cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông.
 7. Chủ tọa có quyền hoãn cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông khi đã có đủ số người đăng ký dự họp tối đa không quá 03 ngày làm việc kể từ ngày cuộc họp dự định khai mạc và chỉ được hoãn cuộc họp hoặc thay đổi địa điểm họp trong trường hợp sau đây:
 - a) Địa điểm họp không có đủ chỗ ngồi thuận tiện cho tất cả người dự họp;
 - b) Phương tiện thông tin tại địa điểm họp không bảo đảm cho cổ đông dự họp tham gia, thảo luận và biểu quyết;
 - c) Có người dự họp cản trở, gây rối trật tự, có nguy cơ làm cho cuộc họp không được tiến hành một cách công bằng và hợp pháp.
 8. Trường hợp Chủ tọa hoãn hoặc tạm dừng họp Đại hội đồng Cổ đông trái với quy định tại khoản 7 Điều này, Đại hội đồng Cổ đông bầu một người khác trong số những người dự họp để thay thế Chủ tọa điều hành cuộc họp cho đến lúc kết thúc; tất cả Nghị quyết được thông qua tại cuộc họp đó đều có hiệu lực thi hành.
 9. Hội đồng Quản trị Công ty có quyền yêu cầu các Cổ đông hoặc đại diện được uỷ quyền tham dự Đại hội đồng Cổ đông chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh mà Hội đồng Quản trị cho là thích hợp.

Trường hợp có Cổ đông hoặc đại diện được uỷ quyền không chịu tuân thủ những quy định về kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh nói trên, Hội đồng Quản trị sau khi xem xét, đánh giá một cách cẩn trọng có thể từ chối hoặc trục xuất Cổ đông hoặc đại diện nói trên tham gia Đại hội.
 10. Hội đồng Quản trị, sau khi đã xem xét một cách cẩn trọng, có thể tiến hành các biện pháp được Hội đồng Quản trị cho là thích hợp để:
 - a) Điều chỉnh số người có mặt tại địa điểm chính họp Đại hội đồng Cổ đông;
 - b) Bảo đảm an toàn cho mọi người có mặt tại địa điểm đó;

c) Tạo điều kiện cho Cổ đông tham dự (hoặc tiếp tục tham dự) Đại hội.

Hội đồng Quản trị có toàn quyền thay đổi những biện pháp nêu trên và áp dụng tất cả các biện pháp nếu Hội đồng Quản trị thấy cần thiết. Các biện pháp áp dụng có thể là cấp giấy vào cửa hoặc sử dụng những hình thức lựa chọn khác.

11. Trong trường hợp tại Đại hội đồng Cổ đông có áp dụng các biện pháp nói trên, Hội đồng Quản trị khi xác định địa điểm Đại hội có thể:

- a) Thông báo rằng Đại hội sẽ được tiến hành tại địa điểm ghi trong Thông báo và Chủ tọa Đại hội sẽ có mặt tại đó (“Địa điểm chính của Đại hội”);
- b) Bố trí, tổ chức để những Cổ đông hoặc đại diện được uỷ quyền không dự họp được theo điều khoản này hoặc những người muốn tham gia ở địa điểm khác với địa điểm chính của Đại hội có thể đồng thời tham dự Đại hội;

Thông báo về việc tổ chức Đại hội không cần nêu chi tiết những biện pháp tổ chức theo Điều khoản này.

12. Trong Điều lệ này (trừ khi hoàn cảnh yêu cầu khác), mọi Cổ đông sẽ được coi là tham gia Đại hội ở Địa điểm chính của Đại hội.

13. Trường hợp Công ty áp dụng công nghệ hiện đại để tổ chức Đại hội đồng Cổ đông thông qua họp trực tuyến, Công ty có trách nhiệm đảm bảo để cổ đông tham dự, biểu quyết bằng hình thức bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này. Hội đồng Quản trị có trách nhiệm xây dựng Quy chế tổ chức họp Đại hội đồng Cổ đông trực tuyến, biểu quyết điện tử hoặc hình thức điện tử khác trình Đại hội đồng Cổ đông thông qua.

Điều 31. Điều kiện để Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông được thông qua⁵⁵

1. Đại hội đồng Cổ đông thông qua các quyết định thuộc thẩm quyền bằng hình thức biểu quyết sau đây:

- Thông qua biểu quyết tại cuộc họp trực tiếp và/hoặc trực tuyến; hoặc
- Thông qua biểu quyết lấy ý kiến bằng văn bản;
- Thông qua và các phương thức khác theo quy định pháp luật.

2. Nghị quyết về nội dung sau đây được thông qua nếu được số Cổ đông đại diện ít nhất 65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả Cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại các khoản 3, 4 và 6 Điều 148 Luật Doanh nghiệp:

- Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;
- Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh;
- Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý Công ty;
- Dự án đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;
- Tổ chức lại, giải thể Công ty.

3. Các Nghị quyết khác được thông qua khi được số Cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu

⁵⁵ Điều 147-148 Luật Doanh nghiệp; Điều 21 Điều lệ mẫu Thông tư 116-2020/TT-BTC.

quyết của tất cả Cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này và khoản 3, 4 và 6 Điều 148 Luật Doanh nghiệp.

4. Trường hợp thông qua Nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản thì Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông được thông qua nếu được số Cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông có quyền biểu quyết tán thành.
5. Việc bầu thành viên Hội đồng Quản trị phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi Cổ đông có tổng số phiếu bầu tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng Quản trị; Cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên.

Người trúng cử thành viên Hội đồng Quản trị được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên cần bầu.

Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng Quản trị thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy định tại quy chế bầu cử hoặc Điều lệ Công ty.

6. Số phiếu biểu quyết của mỗi Cổ đông có quyền biểu quyết hoặc người đại diện được uỷ quyền bằng số cổ phần mà Cổ đông đó đang sở hữu.
7. Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông phải được thông báo đến Cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng Cổ đông trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nghị quyết được thông qua; trường hợp Công ty có trang Thông tin điện tử, việc gửi nghị quyết có thể thay thế bằng việc đăng tải lên trang Thông tin điện tử của Công ty.

Điều 32. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến Cổ đông bằng văn bản để thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông

1. Hội đồng Quản trị có quyền lấy ý kiến Cổ đông bằng văn bản để thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông bất cứ lúc nào nếu xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty.
2. Hội đồng Quản trị chuẩn bị Phiếu lấy ý kiến, dự thảo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông, các tài liệu giải trình dự thảo Nghị quyết và gửi đến tất cả cổ đông có quyền biểu quyết chậm nhất là 10 ngày trước thời hạn phải gửi lại Phiếu lấy ý kiến.

Việc lập danh sách cổ đông gửi Phiếu lấy ý kiến thực hiện theo quy định tại điểm b khoản 4 Điều 28 Điều lệ này.

Yêu cầu và quyền đăng ký dự họp cách thức gửi Phiếu lấy ý kiến và tài liệu kèm theo thực hiện theo quy định tại Khoản 6 đến 9 Điều 28 Điều lệ này.

3. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:
 - a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số Công ty;
 - b) Mục đích lấy ý kiến;
 - c) Họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với Cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý đối với Cổ đông là tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với Cổ đông là tổ chức hoặc họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với đại diện của Cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng

loại và số phiếu biểu quyết của Cổ đông;

- d) Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định;
 - e) Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề lấy ý kiến;
 - f) Thời hạn phải gửi về Công ty phiếu lấy ý kiến đã được trả lời;
 - g) Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng Quản trị.
4. Cổ đông có thể gửi Phiếu lấy ý kiến đã trả lời đến Công ty theo một trong các hình thức sau đây:
- a) Gửi thư. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của Cổ đông là cá nhân, của người đại diện theo ủy quyền hoặc người đại diện theo pháp luật của Cổ đông là tổ chức. Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu;
 - b) Gửi fax hoặc thư điện tử. Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty qua fax hoặc thư điện tử phải được giữ bí mật đến thời điểm kiểm phiếu.
5. Các Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở trong trường hợp gửi thư và bị tiết lộ trong trường hợp gửi fax, thư điện tử là không hợp lệ; Phiếu lấy ý kiến không gửi về được coi là phiếu không tham gia biểu quyết.
6. Hội đồng Quản trị kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của Cổ đông không nắm giữ chức vụ quản lý tại Công ty.

Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

- a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số Công ty;
 - b) Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua Nghị quyết;
 - c) Số Cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số phiếu quyết không hợp lệ, và phương thức gửi Phiếu biểu quyết, kèm theo phụ lục danh sách Cổ đông tham gia biểu quyết;
 - d) Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề;
 - e) Vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;
 - f) Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng Quản trị, người kiểm phiếu và của người giám sát kiểm phiếu.
7. Các thành viên Hội đồng Quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của Biên bản Kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác.
8. Biên bản ghi kết quả kiểm phiếu phải được gửi đến các Cổ đông trong thời hạn mười lăm (15) ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu.

Trường hợp Công ty có trang Thông tin điện tử, việc gửi Biên bản kiểm phiếu có thể thay thế bằng việc đăng tải lên trang Thông tin điện tử của Công ty trong thời hạn 24 giờ, kể từ thời điểm kết thúc kiểm phiếu.

9. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, Biên bản kiểm phiếu, toàn văn Nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến đều phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.
10. Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản có giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông.

Điều 33. Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng Cổ đông⁵⁶

1. Cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông phải được ghi biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác.

Biên bản phải lập bằng tiếng Việt, có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài và có các nội dung chủ yếu sau đây:

- a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số Công ty;
- b) Thời gian và địa điểm họp Đại hội đồng Cổ đông;
- c) Chương trình và nội dung cuộc họp;
- d) Họ tên Chủ tọa và Thư ký cuộc họp;
- e) Tóm tắt diễn biến trong cuộc họp và các ý kiến phát biểu tại Đại hội đồng Cổ đông về từng vấn đề trong nội dung chương trình họp;
- f) Số Cổ đông và tổng số phiếu biểu quyết của các Cổ đông dự họp, phụ lục danh sách đăng ký Cổ đông, đại diện Cổ đông dự họp với số cổ phần và số phiếu bầu tương ứng;
- g) Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết, trong đó ghi rõ phương thức biểu quyết, tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến; tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp;
- h) Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ phiếu biểu quyết thông qua tương ứng;
- i) Họ, tên và chữ ký của chủ tọa và thư ký.

Trường hợp chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp thì biên bản này có hiệu lực nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng Quản trị hoặc Đoàn Chủ tọa tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại khoản này.

Biên bản họp ghi rõ việc chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp.

2. Biên bản họp Đại hội đồng Cổ đông phải làm xong và thông qua trước khi kết thúc cuộc họp.
3. Chủ tọa và thư ký cuộc họp hoặc người khác ký tên trong biên bản họp phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản.
4. Biên bản lập bằng tiếng Việt và tiếng nước ngoài có hiệu lực pháp lý như nhau.

Trường hợp có sự khác nhau về nội dung giữa biên bản bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản bằng tiếng Việt được áp dụng.

5. Biên bản họp Đại hội đồng Cổ đông phải được công bố trên trang Thông tin điện tử của Công

⁵⁶ Điều 150 Luật DN; Điều 23 Điều lệ mẫu Thông tư 116-2020/TT-BTC

ty theo các quy định pháp luật về công bố thông tin, gửi đến tất cả cổ đông trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày kết thúc cuộc họp; Việc gửi Biên bản họp Đại hội đồng Cổ đông có thể thay thế bằng việc đăng tải lên trang thông tin điện tử của Công ty và/hoặc đăng báo tùy theo điều kiện của Công ty.

6. Phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp, văn bản ủy quyền tham dự họp, tài liệu có liên quan gửi kèm theo thông báo mời họp, Biên bản họp và nghị quyết đã được thông qua và tất cả các tài liệu đính kèm Biên bản (nếu có) phải được lưu giữ tại Công ty.
7. Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng Cổ đông, tất cả các tài liệu đính kèm Biên bản (nếu có) phải được công bố thông tin theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.
8. Hiệu lực các Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông
 - a) Các nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông có hiệu lực kể từ ngày được thông qua hoặc từ thời điểm hiệu lực ghi tại nghị quyết đó. Nghị quyết hợp lệ của Đại hội đồng Cổ đông có hiệu lực thi hành đối với tất cả các Cổ đông vắng mặt hay bất đồng ý kiến.
 - b) Các nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông được thông qua bằng 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự và thủ tục thông qua nghị quyết đó không được thực hiện đúng như quy định.
 - c) Trường hợp có Cổ đông, nhóm Cổ đông yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài hủy bỏ nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, thì các nghị quyết đó vẫn có hiệu lực thi hành cho đến khi Tòa án, Trọng tài có quyết định khác, trừ trường hợp áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền.

Điều 34. Yêu cầu hủy bỏ Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông⁵⁷

Trong thời hạn chín mươi (90) ngày, kể từ ngày nhận được Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng Cổ đông hoặc Biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến Cổ đông, Cổ đông, nhóm Cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 22 Điều lệ này có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ nghị quyết hoặc một phần nội dung nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông trong các trường hợp sau đây:

1. Trình tự và thủ tục triệu tập họp Đại hội đồng Cổ đông không thực hiện đúng theo quy định tại Điều lệ Công ty và các quy định pháp luật có liên quan, trừ trường hợp quy định tại điểm b khoản 8 Điều 33 Điều lệ này.
2. Trình tự, thủ tục ra Nghị quyết, quyết định và nội dung Nghị quyết, quyết định vi phạm quy định của pháp luật hoặc Điều lệ Công ty.

Trường hợp Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông bị hủy bỏ theo quyết định của Tòa án hoặc Trọng tài, người triệu tập cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông bị hủy bỏ có thể xem xét tổ chức tại Đại hội đồng Cổ đông trong vòng chín mươi (90) ngày theo trình tự, thủ tục quy định.

⁵⁷ Điều 151 Luật Doanh nghiệp; Điều 24 Điều lệ Mẫu Thông tư 116-2020/TT-BTC

CHƯƠNG VI

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 35. Ứng cử, đề cử, bầu cử Thành viên Hội đồng Quản trị⁵⁸

1. Việc bầu, thành viên Hội đồng Quản trị do Đại hội đồng Cổ đông quyết định theo nguyên tắc bầu dồn phiếu, miễn nhiệm và bãi nhiệm theo nguyên tắc biểu quyết.
2. Nguyên tắc đề cử, ứng cử vào Hội đồng Quản trị:
 - a) Các cổ đông phổ thông hợp thành nhóm để đề cử người vào Hội đồng Quản trị phải thông báo về việc hợp nhóm cho các cổ đông dự họp biết trước khi khai mạc Đại hội đồng Cổ đông;
Căn cứ số lượng thành viên Hội đồng Quản trị, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản này được quyền đề cử một hoặc một số người theo Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông làm ứng cử viên Hội đồng Quản trị.
 - b) Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên tại ngày đăng ký cuối cùng tổ chức phiên họp Đại hội đồng Cổ đông có quyền đề cử ứng cử viên Hội đồng Quản trị theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty;
 - Cổ đông hoặc nhóm Cổ đông nắm giữ từ 10% đến dưới 20% số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa 01 thành viên;
 - Cổ đông hoặc nhóm Cổ đông nắm giữ từ 20% đến dưới 30% số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa 02 thành viên;
 - Cổ đông hoặc nhóm Cổ đông nắm giữ từ 30% đến dưới 40% số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử 03 thành viên;
 - Cổ đông hoặc nhóm Cổ đông nắm giữ từ 40% đến dưới 50% số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử 04 thành viên;
 - Cổ đông hoặc nhóm Cổ đông nắm giữ từ 50% số cổ phần có quyền biểu quyết trở lên được đề cử đủ số thành viên dự kiến bầu.
 - c) Trường hợp số lượng ứng cử viên Hội đồng Quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần bầu, Hội đồng Quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên hoặc cổ đông khác đề cử theo quy định tại Điều lệ Công ty, Quy chế nội bộ về quản trị Công ty và Quy chế hoạt động của Hội đồng Quản trị.
 - d) Danh sách ứng cử viên thành viên Hội đồng Quản trị phải được công bố rõ ràng trước và được Đại hội đồng Cổ đông thông qua trước khi tiến hành bầu theo quy định tại Khoản 5 Điều 31 Điều lệ này.
3. Trường hợp đã xác định được ứng cử viên Hội đồng Quản trị, Công ty phải công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên tối thiểu 10 ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng Cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu.
4. Ứng cử viên Hội đồng Quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của

⁵⁸ Điều 115; 155 Luật Doanh nghiệp; Điều 25 Thông tư 116-2020/TT-BTC, Điều 274 Nghị định 155-2020/NĐ-CP

các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của Công ty nếu được bầu làm thành viên Hội đồng Quản trị. Thông tin liên quan đến ứng cử viên Hội đồng Quản trị được công bố bao gồm:

- a) Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;
 - b) Trình độ chuyên môn;
 - c) Quá trình công tác;
 - d) Các chức danh quản lý khác (bao gồm cả chức danh Hội đồng Quản trị của Công ty khác);
 - e) Lợi ích có liên quan tới Công ty và các bên có liên quan của Công ty;
 - f) Các thông tin khác (nếu có) theo quy định tại Điều lệ Công ty và cơ quan quản lý Nhà nước;
 - g) Công ty có trách nhiệm công bố thông tin về các Công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng Quản trị, các chức danh quản lý khác và các lợi ích có liên quan tới Công ty của ứng cử viên Hội đồng Quản trị (nếu có).
5. Thành viên Hội đồng Quản trị phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 155 Luật doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.

Điều 36. Thành phần và nhiệm kỳ của Thành viên Hội đồng Quản trị⁵⁹

1. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng Quản trị không quá 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.
2. Một cá nhân chỉ được bầu làm thành viên độc lập Hội đồng Quản trị của một Công ty không quá 02 nhiệm kỳ liên tục.
3. Trường hợp tất cả thành viên Hội đồng Quản trị cùng kết thúc nhiệm kỳ thì các thành viên đó tiếp tục là thành viên Hội đồng Quản trị cho đến khi có thành viên mới được bầu thay thế và tiếp quản công việc.
4. Số lượng thành viên Hội đồng Quản trị là năm (05) người.
5. Tối thiểu một phần hai (1/2) thành viên Hội đồng Quản trị phải thường trú ở Việt Nam.
6. Cơ cấu Hội đồng Quản trị phải đảm bảo sự cân đối giữa các thành viên có kiến thức và kinh nghiệm về pháp luật, tài chính và chứng khoán, đảm bảo tính độc lập của Hội đồng Quản trị, đảm bảo sự cân đối giữa các thành viên kiêm điều hành và các thành viên không điều hành, số lượng thành viên Hội đồng Quản trị độc lập để đảm bảo tính độc lập của Hội đồng Quản trị.
Tối thiểu một phần ba (1/3) tổng số thành viên Hội đồng Quản trị phải là Thành viên Hội đồng Quản trị không điều hành.
Số lượng tối thiểu Thành viên Hội đồng Quản trị không điều hành được xác định theo phương thức làm tròn xuống.
7. Có tối thiểu 01 Thành viên độc lập.
8. Trường hợp có thành viên được bầu bổ sung hoặc thay thế thành viên Hội đồng Quản trị bị miễn nhiệm, bãi nhiệm trong thời hạn nhiệm kỳ thì nhiệm kỳ của thành viên đó là thời hạn còn lại của nhiệm kỳ Hội đồng Quản trị.

⁵⁹ Điều 26 Điều lệ mẫu Thông tư 116-2020, Điều 276 Nghị định 155-2020/NĐ-CP

9. Việc bổ nhiệm thành viên Hội đồng Quản trị phải được công bố thông tin theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

Điều 37. Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng Quản trị

1. Hội đồng Quản trị là cơ quan quản trị của Công ty, có đầy đủ quyền hạn để thực hiện tất cả các quyền nhân danh Công ty để quyết định các vấn đề liên quan đến mục đích, quyền lợi của Công ty trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng Cổ đông, chịu trách nhiệm trước các Cổ đông về kết quả hoạt động của Công ty.

Hoạt động kinh doanh và các công việc của Công ty phải chịu sự quản lý hoặc chỉ đạo thực hiện của Hội đồng Quản trị.

2. Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng Quản trị do luật pháp, Điều lệ, các quy chế nội bộ của Công ty và Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông quy định.

Cụ thể, Hội đồng Quản trị có những quyền hạn và nhiệm vụ sau:

- a) Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hằng năm của Công ty;
- b) Xác định các mục tiêu hoạt động trên cơ sở các mục tiêu chiến lược được Đại hội đồng Cổ đông thông qua;
- c) Quyết định bán cổ phần chưa bán trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác;
- d) Thẩm định, đánh giá và quyết định các vấn đề, nội dung liên quan tới việc phát hành Trái phiếu và các chứng chỉ chứng khoán khác, cổ phiếu và các loại chứng khoán chuyển đổi khác của Công ty;
- e) Quyết định mua lại cổ phần (trừ trường hợp mua lại thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng Cổ đông) hoặc thu hồi cổ phần, giá mua hoặc thu hồi cổ phần theo quy định Điều lệ này và các quy định có liên quan của pháp luật;
- f) Quyết định phương án đầu tư và dự án đầu tư trong thẩm quyền và giới hạn theo quy định của pháp luật;
- g) Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ;
- h) Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng, giao dịch khác có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty, trừ hợp đồng, giao dịch thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng Cổ đông theo quy định tại Khoản 5 Điều 24 Điều lệ này;
- i) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng Quản trị; bổ nhiệm, miễn nhiệm, quyết định việc ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng, khen thưởng, kỷ luật và quyết định mức lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác đối với Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng, Người Phụ trách quản trị và các cán bộ quản lý khác của Công ty thuộc thẩm quyền bổ nhiệm của Hội đồng Quản trị theo quy định của pháp luật; cử người đại diện theo ủy quyền tham gia Hội đồng thành viên, Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát/Ủy ban Kiểm toán, Ban Tổng Giám đốc, Ban Giám đốc hoặc Đại hội đồng Cổ đông ở các doanh nghiệp và tổ chức khác, quyết định mức thù lao và quyền lợi khác của những người đó;

- j) Giám sát, chỉ đạo Tổng Giám đốc và người quản lý khác trong điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty;
- k) Quyết định cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty, quyết định thành lập Công ty con, chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác⁶⁰;
- l) Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng Cổ đông, triệu tập họp Đại hội đồng Cổ đông hoặc lấy ý kiến để Đại hội đồng Cổ đông thông qua Nghị quyết;
- m) Quyết định ban hành các văn bản thuộc thẩm quyền Đại hội đồng Cổ đông phê duyệt theo Nghị quyết của ĐHĐCĐ;
Quyết định ban hành Nội quy Lao động, Quy định Tổ chức và hoạt động của các Tiểu ban, bộ phận trực thuộc Hội đồng Quản trị, Quy chế về công bố thông tin của Công ty;
- n) Quản lý Công ty theo quy định của pháp luật và Điều lệ này vì lợi ích của Công ty, Cổ đông;
- o) Giải quyết các khiếu nại của Công ty đối với cán bộ quản lý cũng như quyết định lựa chọn đại diện của Công ty để giải quyết các vấn đề liên quan tới các thủ tục pháp lý chống lại cán bộ quản lý đó;
- p) Trích lập và sử dụng các quỹ, chia cổ tức theo Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông;
- q) Chỉ định và bãi nhiệm những người được Công ty uỷ nhiệm là đại diện thương mại và Luật sư của Công ty;
- r) Các khoản đầu tư tài sản cố định không nằm trong kế hoạch kinh doanh và ngân sách hàng năm hoặc các khoản đầu tư tài sản cố định vượt quá 10% giá trị kế hoạch và ngân sách kinh doanh hàng năm đã được Đại hội đồng Cổ đông thông qua và theo quy định pháp luật;
- s) Thông qua việc định giá các tài sản góp vào Công ty không phải bằng tiền liên quan đến việc phát hành cổ phiếu hoặc trái phiếu của Công ty, bao gồm vàng, quyền sử dụng đất, quyền sở hữu trí tuệ, công nghệ và bí quyết công nghệ;
- aa) Quyết định các vấn đề kinh doanh hoặc giao dịch mà Hội đồng Quản trị quyết định cần phải có sự chấp thuận trong phạm vi quyền hạn và trách nhiệm của mình, các giao dịch nằm ngoài phạm vi kế hoạch kinh doanh và tài chính do Tổng Giám đốc đệ trình;
- bb) Thiết lập các bộ phận hoặc cử người đại diện thực hiện nhiệm vụ kiểm soát rủi ro và quản trị rủi ro nhằm quy định chính sách chiến lược quản lý rủi ro trong hoạt động của Công ty và kiểm tra, đánh giá về sự phù hợp hiệu quả của hệ thống Quản trị rủi ro đã được thiết lập trong Công ty;
- cc) Công khai các lợi ích liên quan, không được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để tư lợi cá nhân hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;
- dd) Trình Đại hội đồng Cổ đông thông qua các vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng Cổ đông phê duyệt/chấp thuận;
- ee) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, quy

⁶⁰ Điều 153.2.1 Luật Doanh nghiệp

định khác của pháp luật và Điều lệ Công ty.

3. Hội đồng Quản trị thông qua Nghị quyết, Quyết định bằng biểu quyết tại cuộc họp, lấy ý kiến bằng văn bản hoặc hình thức khác do Điều lệ Công ty quy định. Mỗi thành viên Hội đồng Quản trị có một phiếu biểu quyết.
4. Trường hợp Nghị quyết, Quyết định do Hội đồng Quản trị thông qua trái với quy định của pháp luật, nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông, Điều lệ Công ty gây thiệt hại cho Công ty thì các thành viên tán thành thông qua nghị quyết, quyết định đó phải cùng liên đới chịu trách nhiệm cá nhân về nghị quyết, quyết định đó và phải đền bù thiệt hại cho Công ty; thành viên phản đối thông qua nghị quyết, quyết định nói trên được miễn trừ trách nhiệm. Trường hợp này, cổ đông của Công ty có quyền yêu cầu Tòa án đình chỉ thực hiện hoặc hủy bỏ nghị quyết, quyết định nói trên.
5. Hội đồng Quản trị phải chịu trách nhiệm trước cổ đông về hoạt động của Công ty; bảo đảm hoạt động của Công ty tuân thủ quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty và quy định nội bộ của Công ty.
6. Hội đồng Quản trị phải tổ chức họp ít nhất mỗi Quý một (01) lần theo trình tự, thủ tục quy định tại Điều lệ Công ty và Quy chế nội bộ về quản trị, Quy chế Tổ chức và hoạt động của Hội đồng Quản trị Công ty.
Việc tổ chức họp Hội đồng Quản trị, chương trình họp và các tài liệu liên quan được thông báo trước cho các thành viên Hội đồng Quản trị theo thời hạn quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.
7. Hội đồng Quản trị phải báo cáo Đại hội đồng Cổ đông về hoạt động của mình, cụ thể là về việc giám sát của Hội đồng Quản trị đối với Tổng Giám đốc và những cán bộ quản lý khác trong năm tài chính.
8. Có quyền phủ quyết quyết định của Tổng Giám đốc và Ban Tổng Giám đốc trong việc tiến hành bất kì một hoạt động quy chuẩn nào, với điều kiện phủ quyết đó là có cơ sở.
9. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền yêu cầu Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, người quản lý khác trong Công ty cung cấp thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của Công ty và của đơn vị trong Công ty.⁶¹

Người quản lý được yêu cầu phải cung cấp kịp thời, đầy đủ và chính xác thông tin, tài liệu theo yêu cầu của thành viên Hội đồng Quản trị.

Trình tự, thủ tục yêu cầu và cung cấp thông tin do Điều lệ Công ty quy định.

Điều 38. Thù lao và lợi ích của thành viên Hội đồng Quản trị⁶²

1. Công ty có quyền trả thù lao, thưởng cho thành viên Hội đồng Quản trị theo kết quả và hiệu quả kinh doanh.
2. Thành viên Hội đồng Quản trị được hưởng thù lao công việc và thưởng. Thù lao công việc được tính theo số ngày công cần thiết hoàn thành nhiệm vụ của Thành viên Hội đồng Quản trị và mức thù lao mỗi ngày.

⁶¹ Điều 159. Quyền được cung cấp thông tin của thành viên Hội đồng Quản trị - Luật Doanh nghiệp

⁶² Điều 159; Điều 163 Luật Doanh nghiệp; Điều 28. Điều lệ mẫu Thông tư 116-2020/TT-BTC, Điều 277 Nghị định 155-2020/NĐ-CP

Hội đồng Quản trị dự tính mức thù lao cho từng thành viên theo nguyên tắc nhất trí. Tổng mức thù lao và thưởng của Hội đồng Quản trị do Đại hội đồng Cổ đông quyết định tại cuộc họp thường niên.

3. Thù lao của từng thành viên Hội đồng Quản trị được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty và phải báo cáo Đại hội đồng Cổ đông tại cuộc họp thường niên.
4. Thành viên Hội đồng Quản trị nắm giữ chức vụ điều hành hoặc thành viên Hội đồng Quản trị làm việc tại các Tiểu ban của Hội đồng Quản trị hoặc thực hiện những công việc khác ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên Hội đồng Quản trị, có thể được trả thêm thù lao dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của Hội đồng Quản trị.
5. Thành viên Hội đồng Quản trị có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn, ở và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên Hội đồng Quản trị của mình, bao gồm cả các chi phí phát sinh trong việc tới tham dự các cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông, Hội đồng Quản trị hoặc các Tiểu ban của Hội đồng Quản trị. Các khoản chi phí này được tính vào chi phí hoạt động của Công ty.
6. Thành viên Hội đồng Quản trị có thể được Công ty mua bảo hiểm trách nhiệm sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng Cổ đông.
Bảo hiểm này không bao gồm bảo hiểm cho những trách nhiệm của thành viên Hội đồng Quản trị liên quan đến việc vi phạm pháp luật và Điều lệ Công ty.

Điều 39. Chủ tịch Hội đồng Quản trị

1. Chủ tịch Hội đồng Quản trị do Hội đồng Quản trị bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm trong số các thành viên Hội đồng Quản trị.
Hội đồng Quản trị lựa chọn trong số các thành viên Hội đồng Quản trị để bầu ra một Chủ tịch Hội đồng Quản trị và một số Phó Chủ tịch Hội đồng Quản trị theo nguyên tắc quá bán.
2. Chủ tịch Hội đồng Quản trị không được kiêm nhiệm Tổng Giám đốc và tuân thủ các quy định khác tại Điều 7 Điều lệ Công ty và các quy định pháp luật.
3. Chủ tịch Hội đồng Quản trị có quyền và nghĩa vụ sau đây:
 - a) Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng Quản trị;
 - b) Tổ chức thực hiện, giám sát quá trình tổ chức thực hiện các Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông, Nghị quyết và Quyết định của Hội đồng Quản trị;
 - c) Triệu tập và Chủ tọa các cuộc họp Hội đồng Quản trị, Đại hội đồng Cổ đông, trừ trường hợp phiên họp Đại hội đồng Cổ đông được triệu tập theo quy định tại điểm b, khoản 2, Điều 28, Điều lệ này;
 - d) Chuẩn bị nội dung, chương trình các cuộc họp Hội đồng Quản trị và cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông;
 - e) Tổ chức lấy ý kiến Hội đồng Quản trị bằng văn bản trong trường hợp không tổ chức họp Hội đồng Quản trị;

- f) Thay mặt Hội đồng Quản trị phê duyệt và ký ban hành các văn bản thuộc trách nhiệm của Hội đồng Quản trị; giám sát hoặc tổ chức giám sát việc thực hiện các văn bản đó;
 - g) Quyết định và thực hiện các vấn đề được Hội đồng Quản trị ủy quyền;
 - h) Lập kế hoạch và phân công các thành viên Hội đồng Quản trị thực hiện việc kiểm tra, giám sát các hoạt động của Công ty;
 - i) Kiểm tra, giám sát mọi hoạt động của Công ty và đình chỉ hoặc huỷ bỏ các quyết định của bộ máy điều hành Công ty nếu trái Pháp luật, trái Điều lệ, trái Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông, trái Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng Quản trị;
 - j) Ký văn bản uỷ quyền cho một trong số các thành viên Hội đồng Quản trị đảm nhiệm công việc của mình trong thời gian vắng mặt;
 - k) Có trách nhiệm đảm bảo việc Hội đồng Quản trị gửi Báo cáo tài chính hàng năm, báo cáo hoạt động của Công ty, báo cáo kiểm toán và báo cáo kiểm tra của Hội đồng Quản trị cho các Cổ đông tại Đại hội đồng Cổ đông;
 - l) Thực hiện các quyền hạn và nhiệm vụ khác theo quy định tại Điều lệ này và quy định của pháp luật.
4. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng Quản trị có đơn từ chức hoặc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm, Hội đồng Quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận đơn từ chức hoặc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm.
5. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng Quản trị vắng mặt hoặc không thể thực hiện được nhiệm vụ của mình thì phải ủy quyền bằng văn bản cho một thành viên khác thực hiện quyền, nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng Quản trị theo nguyên tắc quy định tại Điều lệ Công ty.
- Trường hợp không có người được ủy quyền hoặc Chủ tịch Hội đồng Quản trị chết, mất tích, bị tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc, trốn khỏi nơi cư trú, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự, có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi, bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định thì các thành viên còn lại bầu một trong số các thành viên giữ chức Chủ tịch Hội đồng Quản trị theo nguyên tắc đa số thành viên còn lại tán thành cho đến khi có quyết định mới của Hội đồng Quản trị.
6. Phó Chủ tịch là người giúp việc cho Chủ tịch trong một số lĩnh vực được phân công.
- Phó Chủ tịch có các quyền và nghĩa vụ như Chủ tịch trong trường hợp được Chủ tịch uỷ quyền nhưng chỉ trong trường hợp Chủ tịch đã thông báo cho Hội đồng Quản trị rằng mình vắng mặt hoặc phải vắng mặt vì những lý do bất khả kháng hoặc mất khả năng thực hiện nhiệm vụ của mình.
- Trong trường hợp nêu trên Chủ tịch không chỉ định Phó Chủ tịch hành động như vậy, các thành viên còn lại của Hội đồng Quản trị sẽ chỉ định một Phó Chủ tịch.
7. Trường hợp cả Chủ tịch và Phó Chủ tịch tạm thời không thể thực hiện nhiệm vụ của họ vì lý do nào đó, Hội đồng Quản trị có thể bổ nhiệm một người khác trong số họ để thực hiện nhiệm vụ của Chủ tịch theo nguyên tắc đa số quá bán.

Điều 40. Tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Hội đồng Quản trị

1. Có đủ năng lực hành vi dân sự, không thuộc đối tượng bị cấm quản lý doanh nghiệp theo quy định của Luật Doanh nghiệp;
2. Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản trị kinh doanh hoặc trong lĩnh vực, ngành, nghề kinh doanh của Công ty và không nhất thiết phải là cổ đông của Công ty;
3. Thành viên Hội đồng Quản trị của Công ty không được đồng thời là thành viên Hội đồng Quản trị tại quá 05 Công ty khác.⁶³
4. Thành viên Hội đồng Quản trị của Công ty không được đồng thời là thành viên Hội đồng Quản trị, Thành viên Hội đồng thành viên, Tổng Giám đốc (Giám đốc) của Công ty chứng khoán khác;
5. Có sức khỏe, có tư cách phẩm chất đạo đức tốt, trung thực, liêm khiết;
6. Các điều kiện khác theo quy định tại Điều 7 Điều lệ Công ty và của pháp luật có liên quan.

Điều 41. Thành viên HĐQT độc lập, không điều hành⁶⁴

1. Thành viên Hội đồng Quản trị không điều hành là thành viên không nắm giữ một vị trí điều hành nào trong Công ty, tức là không đồng thời là Thành viên Ban Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng hoặc cán bộ quản lý khác được Hội đồng Quản trị bổ nhiệm.
2. Thành viên độc lập Hội đồng Quản trị phải có các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây⁶⁵:
 - a) Không phải là người đang làm việc cho Công ty, Công ty mẹ hoặc Công ty con của Công ty; không phải là người đã từng làm việc cho Công ty, Công ty mẹ hoặc Công ty con của Công ty ít nhất trong 03 năm liền trước đó;
 - b) Không phải là người đang hưởng lương, thù lao từ Công ty, trừ các khoản phụ cấp mà thành viên Hội đồng Quản trị được hưởng theo quy định;
 - c) Không phải là người có vợ hoặc chồng, bố đẻ, bố nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột là cổ đông lớn của Công ty; là người quản lý của Công ty hoặc Công ty con của Công ty;
 - d) Không phải là người trực tiếp hoặc gián tiếp sở hữu ít nhất 01% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty;
 - e) Không phải là người đã từng làm thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát của Công ty ít nhất trong 05 năm liền trước đó, trừ trường hợp được bổ nhiệm liên tục 02 nhiệm kỳ.
3. Thành viên độc lập Hội đồng Quản trị phải thông báo với Hội đồng Quản trị về việc không còn đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện quy định tại khoản 2 Điều này và đương nhiên không còn là thành viên độc lập Hội đồng Quản trị kể từ ngày không đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện.
4. Hội đồng Quản trị phải thông báo trường hợp thành viên độc lập Hội đồng Quản trị không còn đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện tại cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông gần nhất hoặc triệu

⁶³ Điều 275 Nghị định 155-2020

⁶⁴ Điều 137 Luật Doanh nghiệp

⁶⁵ Điều 155 Luật Doanh nghiệp

tập hợp Đại hội đồng Cổ đông để bầu bổ sung hoặc thay thế thành viên độc lập Hội đồng Quản trị trong thời hạn 06 tháng kể từ ngày nhận được thông báo của thành viên độc lập Hội đồng Quản trị có liên quan nếu số lượng thành viên Hội đồng Quản trị độc lập còn lại không đảm bảo số lượng tối thiểu theo quy định của Pháp luật và Điều lệ Công ty.

5. Thành viên độc lập Hội đồng Quản trị có các nhiệm vụ và quyền hạn giống thành viên Hội đồng Quản trị khác.

Điều 42. Các cuộc họp của Hội đồng Quản trị⁶⁶

1. Cuộc họp đầu tiên của nhiệm kỳ Hội đồng Quản trị để bầu Chủ tịch và ra các quyết định khác thuộc thẩm quyền phải được tiến hành trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng Quản trị nhiệm kỳ đó.

Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất triệu tập và chủ trì. Trường hợp có nhiều hơn một thành viên có số phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên bầu theo nguyên tắc đa số một người trong số họ triệu tập họp Hội đồng Quản trị.

2. Các cuộc họp thường kỳ: Hội đồng Quản trị họp định kỳ mỗi Quý một lần (hoặc có thể ngắn hơn theo quyết định của Chủ tịch Hội đồng Quản trị trong mỗi nhiệm kỳ) và có thể triệu tập họp bất thường để kịp thời giải quyết các công việc đột xuất.

Chủ tịch phải triệu tập các cuộc họp Hội đồng Quản trị, lập chương trình nghị sự, thời gian và địa điểm họp ít nhất bảy (7) ngày trước ngày họp dự kiến.

3. Các cuộc họp bất thường: Chủ tịch phải triệu tập họp Hội đồng Quản trị, không được trì hoãn nếu không có lý do chính đáng, khi một trong số các đối tượng dưới đây đề nghị bằng văn bản trình bày mục đích cuộc họp và các vấn đề cần bàn:

- a) Tổng Giám đốc hoặc ít nhất năm (5) cán bộ quản lý;
- b) Ít nhất hai thành viên Hội đồng Quản trị;
- c) Chủ tịch Hội đồng Quản trị;
- d) Thành viên độc lập Hội đồng Quản trị;

4. Đề nghị quy định tại khoản 3 Điều này phải được lập thành văn bản, trong đó nêu rõ mục đích, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của Hội đồng Quản trị.

5. Chủ tịch Hội đồng Quản trị phải triệu tập họp Hội đồng Quản trị trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị quy định tại khoản 3 Điều này.

Trường hợp không triệu tập họp Hội đồng Quản trị theo đề nghị thì Chủ tịch Hội đồng Quản trị phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công ty; người đề nghị có quyền thay thế Chủ tịch Hội đồng Quản trị triệu tập họp Hội đồng Quản trị.

6. Chủ tịch Hội đồng Quản trị hoặc người triệu tập họp Hội đồng Quản trị phải gửi thông báo mời họp chậm nhất là 03 ngày làm việc trước ngày họp. Các thành viên Hội đồng Quản trị có thể từ chối thông báo mời họp bằng văn bản và việc từ chối này có thể có hiệu lực hồi tố.

7. Thông báo mời họp phải xác định cụ thể thời gian và địa điểm họp, chương trình, các vấn đề

⁶⁶ Điều 157 Luật Doanh nghiệp; Điều 279 Nghị định 155-2020/NĐ-CP

thảo luận và quyết định. Thông báo mời họp phải kèm theo tài liệu sử dụng tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên.

Thông báo mời họp Hội đồng Quản trị có thể gửi bằng giấy mời, điện thoại, fax, phương tiện điện tử hoặc phương thức khác do Điều lệ Công ty quy định và bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội đồng Quản trị được đăng ký tại Công ty.

Những người được mời dự họp Hội đồng Quản trị:

Tổng Giám đốc và các cán bộ quản lý, chuyên gia khác có thể được Hội đồng Quản trị mời dự các cuộc họp mà Hội đồng Quản trị thấy cần thiết. Những người được mời dự họp không được tham gia biểu quyết.

8. Cuộc họp Hội đồng Quản trị được tiến hành khi có từ $\frac{1}{4}$ (bốn phần tư) tổng số thành viên Hội đồng Quản trị hoặc qua người đại diện thay thế trở lên dự họp.

Trường hợp cuộc họp được triệu tập theo quy định tại khoản này không đủ số thành viên dự họp theo quy định thì được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn 07 (bảy) ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Trường hợp này, cuộc họp được tiến hành nếu có hơn một nửa số thành viên Hội đồng Quản trị dự họp.

9. Trường hợp có yêu cầu của Kiểm toán viên độc lập, Chủ tịch Hội đồng Quản trị phải triệu tập họp Hội đồng Quản trị để bàn về báo cáo kiểm toán và tình hình Công ty.

10. Địa điểm họp: Các cuộc họp Hội đồng Quản trị sẽ được tiến hành ở địa chỉ đã đăng ký của Công ty hoặc những địa chỉ khác ở Việt Nam hoặc ở nước ngoài theo quyết định của Chủ tịch Hội đồng Quản trị và được sự nhất trí của Hội đồng Quản trị.

11. Biểu quyết:

- Trừ quy định tại điểm b, khoản này, mỗi thành viên Hội đồng Quản trị hoặc người được uỷ quyền trực tiếp có mặt với tư cách cá nhân tại cuộc họp Hội đồng Quản trị sẽ có một Thẻ/Phiếu biểu quyết; Thành viên không trực tiếp dự họp có quyền biểu quyết thông qua bỏ phiếu bằng văn bản.
- Thành viên Hội đồng Quản trị không được biểu quyết về các hợp đồng, các giao dịch hoặc đề xuất mà thành viên đó hoặc người có liên quan tới thành viên đó có lợi ích, lợi ích đó mâu thuẫn hoặc có thể mâu thuẫn với lợi ích của Công ty;
- Theo quy định tại điểm d, khoản này, khi có vấn đề phát sinh trong một cuộc họp của Hội đồng Quản trị liên quan đến mức độ lợi ích của thành viên Hội đồng Quản trị hoặc liên quan đến quyền biểu quyết một thành viên mà những vấn đề đó không được giải quyết bằng sự tự nguyện từ bỏ quyền biểu quyết của thành viên Hội đồng Quản trị đó, những vấn đề phát sinh đó sẽ được chuyển tới chủ tọa cuộc họp và phán quyết của chủ tọa liên quan đến tất cả các thành viên Hội đồng Quản trị khác sẽ có giá trị là quyết định cuối cùng, trừ trường hợp tính chất hoặc phạm vi lợi ích của thành viên Hội đồng Quản trị liên quan chưa được công bố một cách thích đáng;
- Thành viên Hội đồng Quản trị hưởng lợi từ một hợp đồng được quy định tại Điều lệ này sẽ được coi là có lợi ích đáng kể trong hợp đồng đó.

12. Công khai lợi ích:

Thành viên Hội đồng Quản trị trực tiếp hoặc gián tiếp được hưởng lợi từ một hợp đồng hoặc

giao dịch đã được ký kết hoặc đang dự kiến ký kết với Công ty và biết là mình có lợi ích trong đó, sẽ phải công khai bản chất, nội dung của quyền lợi đó trong cuộc họp mà Hội đồng Quản trị lần đầu tiên xem xét vấn đề ký kết hợp đồng hoặc giao dịch này.

Thành viên này có thể công khai điều đó tại cuộc họp đầu tiên của Hội đồng Quản trị được tổ chức sau khi thành viên này biết rằng mình có lợi ích hoặc sẽ có lợi ích trong giao dịch hoặc hợp đồng liên quan.

13. Biểu quyết đa số: Hội đồng Quản trị thông qua các Nghị quyết và ra quyết định bằng cách tuân theo ý kiến tán thành của đa số thành viên Hội đồng Quản trị có mặt (trên 50%).

Trường hợp số phiếu tán thành và phản đối ngang bằng nhau, lá phiếu của Chủ tịch sẽ là lá phiếu quyết định, quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng Quản trị.

14. Thành viên Hội đồng Quản trị được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp trong trường hợp sau đây:

- a) Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
- b) Ủy quyền cho người khác đến dự họp theo quy định tại khoản 11 Điều 157 Luật Doanh nghiệp;
- c) Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;
- d) Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử;
- e) Gửi phiếu biểu quyết bằng phương tiện khác theo quy định trong Điều lệ Công ty.

15. Trường hợp gửi Phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, Phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì dán kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng Quản trị chậm nhất là 01 (một) giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những người dự họp.

16. Thành viên phải tham dự đầy đủ các cuộc họp Hội đồng Quản trị. Thành viên được ủy quyền cho người khác dự họp và biểu quyết nếu được đa số thành viên Hội đồng Quản trị chấp thuận.

Điều 43. Biên bản họp Hội đồng Quản trị⁶⁷

1. Các cuộc họp Hội đồng Quản trị phải được ghi biên bản và có thể ghi âm, ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác.

Chủ tịch Hội đồng Quản trị có trách nhiệm chuyển biên bản họp Hội đồng Quản trị cho các thành viên và những biên bản đó sẽ phải được xem như những bằng chứng xác thực về công việc đã được tiến hành trong các cuộc họp đó trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản trong thời hạn mười (10) ngày kể từ khi chuyển đi.

2. Biên bản họp Hội đồng Quản trị được lập bằng tiếng Việt và phải có chữ ký của tất cả các thành viên Hội đồng Quản trị tham dự cuộc họp.

⁶⁷ Điều 17 Điều lệ mẫu, Điều 158 Luật Doanh nghiệp

Biên bản họp Hội đồng Quản trị phải có các nội dung chủ yếu sau:

- a) Tên, địa chỉ trụ sở chính của Công ty, số và ngày cấp Giấy phép thành lập và hoạt động, nơi đăng ký kinh doanh;
 - b) Thời gian, địa điểm họp;
 - c) Mục đích, chương trình và nội dung họp;
 - d) Họ và tên các thành viên Hội đồng Quản trị dự họp hoặc người được uỷ quyền dự họp, các thành viên vắng mặt và lý do vắng mặt;
 - e) Các vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp;
 - f) Tóm tắt phát biểu ý kiến của từng thành viên dự họp theo trình tự diễn biến của cuộc họp;
 - g) Kết quả biểu quyết trong đó ghi rõ những thành viên tán thành, không tán thành và không có ý kiến;
 - h) Vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;
 - i) Họ, tên, chữ ký chủ tọa và người ghi biên bản, trừ trường hợp quy định tại khoản 5 Điều này.
3. Trường hợp không thể tổ chức họp, Chủ tịch Hội đồng Quản trị quyết định việc lấy ý kiến các thành viên Hội đồng Quản trị bằng văn bản, mỗi thành viên Hội đồng Quản trị có 01 Thẻ/Phiếu biểu quyết.

Văn bản lấy ý kiến Hội đồng Quản trị phải có các nội dung sau:

- a) Tên, địa chỉ trụ sở chính của Công ty, số và ngày cấp Giấy phép thành lập và hoạt động, nơi đăng ký kinh doanh;
- b) Mục đích lấy ý kiến; Thời hạn lấy ý kiến;
- c) Các nội dung lấy ý kiến các thành viên Hội đồng Quản trị;
- d) Ý kiến của thành viên Hội đồng Quản trị được lấy ý kiến và biểu quyết tán thành hay không tán thành;
- e) Họ tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng Quản trị và thành viên Hội đồng Quản trị được lấy ý kiến.

Ban Thư ký Hội đồng Quản trị có trách nhiệm tổng hợp văn bản lấy ý kiến của các thành viên Hội đồng Quản trị để lập Nghị quyết của Hội đồng Quản trị.

Nghị quyết phải được chuyển cho tất cả các thành viên Hội đồng Quản trị trong thời hạn bảy (07) ngày kể từ ngày kết thúc việc lấy ý kiến.

Nghị quyết, các văn bản lấy ý kiến và các tài liệu sử dụng trong việc lấy ý kiến thành viên Hội đồng Quản trị phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

4. Biên bản họp Hội đồng Quản trị lấy ý kiến bằng văn bản:

Biên bản họp lấy ý kiến hoặc Biên bản kiểm phiếu Lấy ý kiến bằng văn bản hoặc Biên bản tổng hợp ý kiến của Hội đồng Quản trị được lập khi Hội đồng Quản trị triển khai lấy ý kiến các Thành viên bằng văn bản.

Các Nghị quyết được Hội đồng Quản trị thông qua theo hình thức này có hiệu lực và giá trị

như Nghị quyết được các thành viên Hội đồng Quản trị thông qua tại một cuộc họp được triệu tập và tổ chức theo thông lệ.

Nghị quyết có thể được thông qua bằng cách sử dụng nhiều bản sao của cùng một văn bản nếu mỗi bản sao đó có ít nhất một chữ ký của thành viên.

5. Trường hợp chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp nhưng nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng Quản trị tham dự và đồng ý thông qua biên bản họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại các điểm a, b, c, d, e, g, h và i khoản 2 Điều này thì biên bản này có hiệu lực.

Biên bản họp ghi rõ việc chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp.

Người ký biên bản họp chịu trách nhiệm liên đới về tính chính xác và trung thực của nội dung biên bản họp Hội đồng Quản trị.

Chủ tọa, người ghi biên bản chịu trách nhiệm cá nhân về thiệt hại xảy ra đối với doanh nghiệp do từ chối ký biên bản họp theo quy định của Luật này, Điều lệ Công ty và pháp luật liên quan.

6. Chủ tọa, người ghi biên bản và những người ký tên trong biên bản phải chịu trách nhiệm về tính trung thực và chính xác của nội dung biên bản họp Hội đồng Quản trị.
7. Biên bản họp, Nghị quyết được lập bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài có hiệu lực pháp lý như nhau.

Trường hợp có sự khác nhau về nội dung giữa văn bản bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài thì nội dung trong văn bản bằng tiếng Việt được áp dụng.

8. Biên bản họp Hội đồng Quản trị phải được chuyển cho tất cả các thành viên Hội đồng Quản trị trong thời hạn bảy (07) ngày kể từ ngày kết thúc cuộc họp.

Điều 44. Miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế và bổ sung thành viên Hội đồng Quản trị⁶⁸

1. Đại hội đồng Cổ đông miễn nhiệm thành viên Hội đồng Quản trị trong trường hợp sau đây:
 - a) Không có đủ tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 40 Điều lệ này;
 - b) Có đơn từ chức và được chấp thuận;
 - c) Trường hợp khác quy định tại các điều khoản khác tại Điều lệ Công ty và/hoặc theo Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông.
2. Đại hội đồng Cổ đông bãi nhiệm thành viên Hội đồng Quản trị trong trường hợp sau đây:
 - a) Không tham gia các hoạt động của Hội đồng Quản trị trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;
 - b) Trường hợp khác quy định tại các điều khoản khác tại Điều lệ Công ty và/hoặc theo Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông.
3. Khi xét thấy cần thiết, Đại hội đồng Cổ đông quyết định thay thế thành viên Hội đồng Quản trị; miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng Quản trị ngoài trường hợp quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này.

⁶⁸ Điều 160 Luật Doanh nghiệp

4. Hội đồng Quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng Cổ đông để bầu bổ sung thành viên Hội đồng Quản trị trong trường hợp sau đây:
- a) Số thành viên Hội đồng Quản trị bị giảm quá một phần ba so với số quy định tại Điều lệ Công ty.
Trường hợp này, Hội đồng Quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng Cổ đông trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày số thành viên bị giảm quá một phần ba (1/3);
 - b) Số lượng thành viên độc lập Hội đồng Quản trị giảm xuống, không bảo đảm tỷ lệ theo quy định tại Khoản 4 Điều 36 Điều lệ này;
 - c) Trừ trường hợp quy định tại điểm a và điểm b khoản này, Đại hội đồng Cổ đông bầu thành viên mới thay thế thành viên Hội đồng Quản trị đã bị miễn nhiệm, bãi nhiệm tại cuộc họp gần nhất.
5. Thành viên Hội đồng Quản trị không còn tư cách Thành viên Hội đồng Quản trị trong trường hợp bị Đại hội đồng Cổ đông miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế theo quy định tại khoản 1,2 và 3 Điều này.
6. Chủ tịch Hội đồng Quản trị muốn từ chức Chủ tịch phải có đơn gửi đến Hội đồng Quản trị. Trong thời hạn sáu mươi (60) ngày kể từ ngày nhận đơn, Hội đồng Quản trị phải tổ chức họp để xem xét quyết định và tiến hành các thủ tục miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng Quản trị theo quy định tại Điều lệ này.
- Trường hợp Chủ tịch Hội đồng Quản trị đương nhiên mất tư cách, từ chức, bị bãi nhiệm, miễn nhiệm thì các thành viên còn lại của Hội đồng Quản trị bầu một Phó Chủ tịch thay thế theo nguyên tắc đa số.
- Trường hợp cả Chủ tịch và Phó Chủ tịch Hội đồng Quản trị từ chức, bị bãi miễn hoặc đương nhiên mất tư cách thì Hội đồng Quản trị phải bầu một trong các thành viên còn lại thay thế.
- Việc bầu Chủ tịch Hội đồng Quản trị mới thay thế Chủ tịch Hội đồng Quản trị bị bãi nhiệm, miễn nhiệm hoặc đương nhiên mất tư cách phải được thực hiện trong thời hạn chậm nhất mười (10) ngày kể từ ngày phát sinh sự kiện này.
7. Những người được bầu giữ chức Chủ tịch Hội đồng Quản trị và Thành viên Hội đồng Quản trị có trách nhiệm tiếp nhận và đảm nhiệm ngay công việc của chức danh được bầu. Chủ tịch và các Thành viên Hội đồng Quản trị bị miễn nhiệm, bãi nhiệm có trách nhiệm bàn giao công việc cho Chủ tịch và các thành viên Hội đồng Quản trị mới được bầu; đồng thời phải chịu trách nhiệm cá nhân đối với các quyết định của mình trong thời gian có tư cách đảm nhiệm chức danh đó.

Điều 45. Các Tiểu ban thuộc Hội đồng Quản trị⁶⁹

1. Hội đồng Quản trị có thể thành lập Tiểu ban trực thuộc để phụ trách về chính sách phát triển, nhân sự, lương thưởng, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro.
Thành viên của Tiểu ban có thể gồm một hoặc nhiều thành viên của Hội đồng Quản trị và một hoặc nhiều thành viên bên ngoài theo quyết định của Hội đồng Quản trị.

⁶⁹ Điều 31 Điều lệ mẫu

2. Các thành viên độc lập Hội đồng Quản trị/thành viên Hội đồng Quản trị không điều hành nên chiếm đa số trong Tiểu ban và một trong số các thành viên này được bổ nhiệm làm Trưởng Tiểu ban theo quyết định của Hội đồng Quản trị.
3. Hoạt động của Tiểu ban phải tuân thủ theo quy định của Hội đồng Quản trị. Nghị quyết của Tiểu ban chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và biểu quyết thông qua tại cuộc họp của Tiểu ban.
4. Việc thành lập và hoạt động của các Tiểu ban thuộc Hội đồng Quản trị, gồm các nội dung chính sau đây:
 - a) Vai trò, trách nhiệm, thẩm quyền của các Tiểu ban thuộc Hội đồng Quản trị và từng thành viên trong Tiểu ban;
 - b) Đề cử, ứng cử, bầu, miễn nhiệm và bãi nhiệm thành viên của các Tiểu ban thuộc Hội đồng Quản trị;
 - c) Nhiệm kỳ, số lượng, tiêu chuẩn, cơ cấu của các Tiểu ban thuộc Hội đồng Quản trị;
 - d) Cách thức bầu cử, ứng cử, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên của các Tiểu ban;
 - e) Hoạt động của các Tiểu ban thuộc Hội đồng Quản trị.
5. Việc thực thi quyết định của Hội đồng Quản trị, hoặc của Tiểu ban trực thuộc Hội đồng Quản trị phải phù hợp với các quy định pháp luật hiện hành và quy định tại Điều lệ Công ty, Quy chế nội bộ về quản trị Công ty.
6. Các quy định này có thể điều chỉnh hoặc cho phép kết nạp thêm những người không phải là thành viên Hội đồng Quản trị vào các Tiểu ban trên và cho phép người đó được quyền biểu quyết với tư cách thành viên của Tiểu ban nhưng phải đảm bảo đủ điều kiện sau:
 - a) Số lượng thành viên bên ngoài ít hơn một nửa tổng số thành viên của Tiểu ban;
 - b) Nghị quyết của các Tiểu ban chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và biểu quyết tại cuộc họp của Tiểu ban là thành viên Hội đồng Quản trị.
7. Giá trị pháp lý của hành động: Các hành động thực thi quyết định của Hội đồng Quản trị, hoặc của Tiểu ban trực thuộc Hội đồng Quản trị, hoặc của người có tư cách thành viên Tiểu ban Hội đồng Quản trị sẽ được coi là có giá trị pháp lý kể cả trong trường hợp việc bầu, chỉ định thành viên của Tiểu ban hoặc Hội đồng Quản trị có thể có sai sót.
8. Các Tiểu ban của Hội đồng Quản trị: Hội đồng Quản trị có thể thành lập và ủy quyền hành động cho các Tiểu ban trực thuộc. Trong quá trình thực hiện quyền hạn được ủy thác, các Tiểu ban phải tuân thủ các quy định mà Hội đồng Quản trị đề ra.

Điều 46. Ủy ban Kiểm toán⁷⁰

1. Ủy ban Kiểm toán là cơ quan chuyên môn trực thuộc Hội đồng Quản trị.
2. Thành phần Ủy ban Kiểm toán:
 - a. Ủy ban Kiểm toán có từ 02 thành viên trở lên. Chủ tịch Ủy ban Kiểm toán phải là Thành viên độc lập Hội đồng Quản trị. Các thành viên khác của Ủy ban Kiểm toán phải là Thành viên Hội

⁷⁰ Điều 161 Luật Doanh nghiệp và Mẫu Quy chế hoạt động của UBKT ban hành theo Thông tư 116/202/TT-BTC

đồng Quản trị không điều hành.

- b. Thành viên Ủy ban kiểm toán phải có kiến thức về kế toán, kiểm toán, có hiểu biết chung về pháp luật và hoạt động của Công ty và không thuộc các trường hợp sau:
- Làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của công ty;
 - Là thành viên hay nhân viên của tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của công ty trong 03 năm liền trước đó.
- c. Chủ tịch Ủy ban Kiểm toán phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh.
- d. Cơ cấu tổ chức, số lượng thành viên Ủy ban Kiểm toán cụ thể; việc bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Ủy ban kiểm toán và các Thành viên khác trong Ủy ban Kiểm toán; và Quy chế tổ chức, hoạt động của Ủy ban Kiểm toán do Hội đồng Quản trị quyết định, thông qua.

3. Quyền và nghĩa vụ của Ủy ban Kiểm toán

- a) Giám sát tính trung thực của báo cáo tài chính của công ty và công bố chính thức liên quan đến kết quả tài chính của công ty;
- b) Rà soát hệ thống kiểm soát nội bộ và quản trị rủi ro;
- c) Rà soát giao dịch với người có liên quan thuộc thẩm quyền phê duyệt của Hội đồng Quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông và đưa ra khuyến nghị về những giao dịch cần có phê duyệt của Hội đồng Quản trị hoặc Đại hội đồng Cổ đông;
- d) Giám sát bộ phận Kiểm toán nội bộ của công ty;
- e) Kiến nghị công ty kiểm toán độc lập, mức thù lao và điều khoản liên quan trong hợp đồng với công ty kiểm toán để Hội đồng Quản trị thông qua trước khi trình lên Đại hội đồng Cổ đông thường niên phê duyệt;
- f) Theo dõi và đánh giá sự độc lập, khách quan của công ty kiểm toán và hiệu quả của quá trình kiểm toán, đặc biệt trong trường hợp công ty có sử dụng các dịch vụ phi kiểm toán của bên kiểm toán;
- g) Giám sát nhằm bảo đảm công ty tuân thủ quy định của pháp luật, yêu cầu của cơ quan quản lý và quy định nội bộ khác của công ty.
- h) Được quyền tiếp cận các tài liệu liên quan đến tình hình hoạt động của Công ty, trao đổi với các Thành viên Hội đồng Quản trị khác, Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng và cán bộ quản lý khác để thu thập thông tin phục vụ hoạt động của Ủy ban Kiểm toán.
- i) Có quyền yêu cầu đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận tham dự và trả lời các vấn đề liên quan báo cáo tài chính kiểm toán tại các cuộc họp của Ủy ban kiểm toán.
- j) Sử dụng dịch vụ tư vấn pháp luật, kế toán hoặc các tư vấn khác bên ngoài khi cần thiết.
- k) Xây dựng và trình Hội đồng Quản trị các chính sách phát hiện và quản trị rủi ro; đề xuất với Hội đồng Quản trị các giải pháp xử lý rủi ro phát sinh trong hoạt động của Công ty.
- l) Lập báo cáo bằng văn bản gửi đến Hội đồng Quản trị khi phát hiện thành viên Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc và người quản lý khác không thực hiện đầy đủ trách nhiệm theo quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.

- m) Xây dựng Quy chế hoạt động của Ủy ban Kiểm toán và trình Hội đồng Quản trị thông qua.
- n) Các quyền lợi, nghĩa vụ khác theo quy định tại Điều lệ, Quy chế hoạt động của Ủy ban Kiểm toán và quy định Pháp luật.
4. Ứng cử, đề cử thành viên Ủy ban Kiểm toán:
- a) Chủ tịch Ủy ban Kiểm toán và các thành viên khác của Ủy ban Kiểm toán do Hội đồng Quản trị đề cử và không phải là Người điều hành Công ty.
- b) Việc bổ nhiệm Chủ tịch Ủy ban Kiểm toán và các Thành viên khác trong Ủy ban Kiểm toán phải được Hội đồng Quản trị thông qua tại cuộc họp Hội đồng Quản trị.
5. Cuộc họp của Ủy ban Kiểm toán:
- a) Ủy ban Kiểm toán phải họp ít nhất 02 lần trong một năm. Biên bản họp được lập chi tiết, rõ ràng và phải được lưu giữ đầy đủ. Người ghi biên bản và các thành viên Ủy ban Kiểm toán tham dự họp phải ký tên vào biên bản cuộc họp.
- a) Ủy ban Kiểm toán thông qua quyết định bằng biểu quyết tại cuộc họp, lấy ý kiến bằng văn bản hoặc hình thức khác do Quy chế hoạt động Ủy ban Kiểm toán quy định. Mỗi thành viên Ủy ban Kiểm toán có một phiếu biểu quyết. Quyết định của Ủy ban Kiểm toán được thông qua nếu được đa số thành viên dự họp tán thành; trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Ủy ban kiểm toán.
6. Báo cáo hoạt động của Thành viên độc lập Hội đồng Quản trị trong Ủy ban Kiểm toán tại cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông thường niên
- a) Thành viên Hội đồng Quản trị độc lập trong Ủy ban Kiểm toán có trách nhiệm báo cáo hoạt động tại cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông thường niên.
- b) Báo cáo hoạt động của thành viên Hội đồng Quản trị độc lập trong Ủy ban Kiểm toán tại cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông thường niên phải đảm bảo có các nội dung theo Quy định pháp luật và quy định nội bộ, Điều lệ Công ty, bao gồm:
- Thù lao, chi phí hoạt động và các lợi ích khác của Ủy ban Kiểm toán và từng thành viên Ủy ban Kiểm toán theo quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ và quy định nội bộ Công ty;
 - Tổng kết các cuộc họp của Ủy ban Kiểm toán và các kết luận, kiến nghị của Ủy ban Kiểm toán;
 - Kết quả giám sát đối với báo cáo tài chính, tình hình hoạt động, tình hình tài chính của Công ty;
 - Báo cáo đánh giá về giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty khác do Công ty nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với thành viên Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc, người điều hành khác của doanh nghiệp và những người có liên quan của đối tượng đó; giao dịch giữa Công ty với công ty trong đó thành viên Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc, người điều hành khác của Công ty là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian 03 năm gần nhất trước thời điểm giao dịch;
 - Kết quả đánh giá về hệ thống kiểm soát nội bộ và quản lý rủi ro của Công ty;
 - Kết quả giám sát đối với Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc và người điều hành khác của Công ty;
 - Kết quả đánh giá sự phối hợp hoạt động giữa Ủy ban Kiểm toán với Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc và các cổ đông;

17

Điều 47. Ban Thư ký Hội đồng Quản trị⁷¹

1. Hội đồng Quản trị có bộ phận giúp việc là Ban Thư ký (hoặc Văn phòng Hội đồng Quản trị) làm việc thường xuyên tại Công ty. Hội đồng Quản trị bổ nhiệm, bãi nhiệm các cán bộ làm việc tại Ban Thư ký phù hợp với quy định của Công ty và pháp luật hiện hành.
2. Vai trò và nhiệm vụ của Ban Thư ký:
 - a) Trợ giúp tổ chức các cuộc họp của Hội đồng Quản trị và Đại hội đồng Cổ đông theo lệnh của Chủ tịch Hội đồng Quản trị;
 - b) Ghi chép và lập biên bản các cuộc họp của Hội đồng Quản trị;
 - c) Tư vấn về trình tự, thủ tục các cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông, Hội đồng Quản trị;
 - d) Thu thập tài liệu, cung cấp thông tin tài chính, bản sao Biên bản họp Hội đồng Quản trị và các thông tin khác cho thành viên Hội đồng Quản trị;
 - e) Lưu giữ các tài liệu, văn kiện của Đại hội đồng Cổ đông và Hội đồng Quản trị;
 - f) Hỗ trợ tổ chức triệu tập họp Đại hội đồng Cổ đông, Hội đồng Quản trị; ghi chép các biên bản họp;
 - g) Hỗ trợ thành viên Hội đồng Quản trị thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao;
 - h) Hỗ trợ Hội đồng Quản trị trong áp dụng và thực hiện nguyên tắc quản trị Công ty;
 - i) Hỗ trợ Công ty trong xây dựng quan hệ cổ đông và bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của cổ đông; việc tuân thủ nghĩa vụ cung cấp thông tin, công khai hóa thông tin và thủ tục hành chính;
 - j) Thực hiện các công việc, nhiệm vụ khác theo sự phân công của Hội đồng Quản trị.
 - k) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định tại Điều lệ Công ty.
3. Số lượng cán bộ làm việc tại Ban Thư ký, chi phí hoạt động, tiền lương, thưởng của cán bộ làm việc tại Ban Thư ký do Hội đồng Quản trị quyết định. Các chi phí này được hạch toán vào chi phí hoạt động của Công ty.
4. Người làm việc tại Ban Thư ký không được đồng thời làm việc cho Công ty kiểm toán thực hiện việc kiểm toán Công ty.
5. Ban Thư ký có trách nhiệm bảo mật thông tin theo quy định pháp luật và Điều lệ này.

Điều 48. Bộ phận Kiểm toán nội bộ thuộc Hội đồng Quản trị⁷²

1. Bộ phận Kiểm toán nội bộ thực hiện chức năng của mình trên nguyên tắc độc lập, trung thực, khách quan và bảo mật. Các chức năng, nhiệm vụ cụ thể của bộ phận Kiểm toán nội bộ như sau:
 - a) Đánh giá một cách độc lập về sự phù hợp và tuân thủ các chính sách pháp luật, Điều lệ, các Nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng Cổ đông, Hội đồng Quản trị;
 - b) Kiểm tra, xem xét và đánh giá sự đầy đủ, hiệu quả và hiệu lực của hệ thống kiểm soát nội bộ trực thuộc Ban Tổng Giám đốc nhằm hoàn thiện hệ thống này;

⁷¹ Khoản 5 Điều 7 Điều lệ mẫu Thông tư 116-2020

⁷² Điều 9 – Thông tư 121/2020/TT-BTC

- c) Đánh giá việc tuân thủ của hoạt động kinh doanh đối với các chính sách và quy trình nội bộ;
- d) Tham mưu thiết lập các chính sách và quy trình nội bộ;
- e) Đánh giá việc tuân thủ các quy định pháp luật, kiểm soát các biện pháp đảm bảo an toàn tài sản;
- f) Đánh giá kiểm toán nội bộ thông qua tài chính và thông qua quá trình kinh doanh;
- g) Đánh giá quy trình xác định, đánh giá và quản lý rủi ro kinh doanh;
- h) Đánh giá hiệu quả của các hoạt động;
- i) Đánh giá việc tuân thủ các cam kết trong hợp đồng;
- j) Thực hiện kiểm soát hệ thống công nghệ thông tin;
- k) Điều tra các vi phạm trong nội bộ Công ty;
- l) Thực hiện kiểm toán nội bộ Công ty và các Công ty con.

2. Hoạt động kiểm toán nội bộ phải bảo đảm các nguyên tắc sau:

- a) Tính độc lập: bộ phận kiểm toán nội bộ độc lập với các bộ phận khác của Công ty, kể cả ban điều hành; hoạt động kiểm toán nội bộ độc lập với các hoạt động điều hành, nghiệp vụ của Công ty; cán bộ làm công tác kiểm toán nội bộ không được đảm nhận các công việc thuộc đối tượng của kiểm toán nội bộ, không được kiêm nhiệm công việc tại các bộ phận nghiệp vụ như môi giới, tự doanh, phân tích, tư vấn đầu tư, bảo lãnh phát hành, quản trị rủi ro;
- b) Tính khách quan: bộ phận kiểm toán nội bộ, nhân viên bộ phận kiểm toán nội bộ phải đảm bảo tính khách quan, công bằng, không định kiến trong quá trình thực hiện nhiệm vụ của mình. Công ty phải bảo đảm kiểm toán nội bộ không chịu bất cứ sự can thiệp nào khi thực hiện đúng nhiệm vụ của mình;
- c) Nhân viên kiểm toán nội bộ phải thể hiện tính khách quan trong quá trình thu thập, đánh giá và truyền đạt thông tin về hoạt động hoặc các quy trình, hệ thống đã hoặc đang được kiểm toán. Kiểm toán viên nội bộ cần đưa ra đánh giá một cách công bằng về tất cả các vấn đề liên quan và không bị chi phối bởi mục tiêu quyền lợi riêng hoặc bởi bất kỳ ai khác khi đưa ra nhận xét, đánh giá của mình;
- d) Tính trung thực: kiểm toán viên nội bộ phải thực hiện công việc của mình một cách trung thực, cẩn trọng và có trách nhiệm; tuân thủ luật pháp và thực hiện các nội dung công việc công khai theo quy định của pháp luật và nghề nghiệp;
- e) Bảo mật: nhân viên bộ phận kiểm toán nội bộ cần tôn trọng giá trị và quyền sở hữu của thông tin nhận được, không được tiết lộ thông tin mà không có ủy quyền hợp lệ trừ khi có nghĩa vụ phải tiết lộ thông tin theo quy định của pháp luật và quy định nội bộ của Công ty.

3. Yêu cầu về nhân sự của Bộ phận Kiểm toán nội bộ⁷³

- a) Người làm việc bộ phận này không phải là người đã từng bị xử phạt từ mức phạt tiền trở lên đối với các hành vi vi phạm trong lĩnh vực chứng khoán, ngân hàng, bảo hiểm trong vòng

⁷³ Khoản 4 Điều 9 Thông tư 121-2020/TT-BTC

05 năm gần nhất tính tới năm được bổ nhiệm;

- b) Trưởng bộ phận Kiểm toán nội bộ phải là người có trình độ chuyên môn về luật, kế toán, kiểm toán; có đủ kinh nghiệm, uy tín, thẩm quyền để thực thi có hiệu quả nhiệm vụ được giao;
- c) Không phải là người có liên quan đến các trưởng bộ phận chuyên môn, người thực hiện nghiệp vụ, Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Giám đốc chi nhánh trong Công ty;
- d) Có chứng chỉ chuyên môn Những vấn đề cơ bản về chứng khoán và thị trường chứng khoán hoặc Chứng chỉ hành nghề chứng khoán, và chứng chỉ chuyên môn Pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán;
- e) Không kiêm nhiệm các công việc khác trong Công ty.

Điều 49. Người phụ trách quản trị Công ty⁷⁴

1. Hội đồng Quản trị của Công ty phải bổ nhiệm ít nhất một Người phụ trách quản trị Công ty để hỗ trợ công tác quản trị Công ty tại doanh nghiệp.
Người phụ trách quản trị Công ty có thể kiêm nhiệm làm Thư ký Công ty theo quy định tại khoản 5 Điều 156 Luật Doanh nghiệp.
2. Người phụ trách quản trị Công ty phải là người có hiểu biết về pháp luật, không được đồng thời làm việc cho Công ty kiểm toán độc lập đang thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính của Công ty.
3. Người phụ trách quản trị Công ty có quyền và nghĩa vụ sau:
 - a) Tư vấn Hội đồng Quản trị trong việc tổ chức họp Đại hội đồng Cổ đông theo quy định và các công việc liên quan giữa Công ty và Cổ đông;
 - b) Chuẩn bị các cuộc họp Hội đồng Quản trị và Đại hội đồng Cổ đông theo yêu cầu của Hội đồng Quản trị;
 - c) Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp;
 - d) Tham dự các cuộc họp;
 - e) Tư vấn thủ tục lập các Nghị quyết của Hội đồng Quản trị phù hợp với luật pháp;
 - f) Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp Hội đồng Quản trị và các thông tin khác cho thành viên Hội đồng Quản trị;
 - g) Giám sát và báo cáo Hội đồng Quản trị về hoạt động công bố thông tin của Công ty;
 - h) Bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty;
 - i) Là đầu mối liên lạc với các bên có quyền lợi liên quan;
 - j) Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

⁷⁴ Điều 32 Điều lệ mẫu Thông tư 116/2020/TT-BTC; Điều 281 Nghị định 155/2020/NĐ-CP

CHƯƠNG VII

TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC

Điều 50. Tổ chức bộ máy quản lý

1. Hệ thống quản lý của Công ty phải đảm bảo bộ máy quản lý chịu trách nhiệm trước Hội đồng Quản trị và chịu sự giám sát, chỉ đạo của Hội đồng Quản trị trong công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty.
2. Công ty có một Tổng Giám đốc và một số Phó Tổng Giám đốc và một Kế toán trưởng do Hội đồng Quản trị bổ nhiệm và các chức danh quản lý khác do Hội đồng Quản trị bổ nhiệm.
Tổng Giám đốc và các Phó Tổng Giám đốc có thể đồng thời là Thành viên Hội đồng Quản trị, và được Hội đồng Quản trị bổ nhiệm hoặc miễn nhiệm, cho thôi giữ chức vụ bằng một Nghị quyết hoặc Quyết định được thông qua theo quy định pháp luật và Điều lệ Công ty.
3. Ban Tổng Giám đốc Công ty bao gồm Tổng Giám đốc và các Phó Tổng Giám đốc.

Điều 51. Người điều hành Công ty

1. Người điều hành Công ty bao gồm Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng, Giám đốc Chi nhánh, các chức danh khác trong Công ty theo quyết định của Hội đồng Quản trị.
2. Người điều hành doanh nghiệp phải có trách nhiệm để hỗ trợ Công ty đạt được các mục tiêu đề ra trong hoạt động và tổ chức.
3. Theo đề nghị của Tổng Giám đốc và được sự chấp thuận của Hội đồng Quản trị, Công ty được tuyển dụng Người điều hành khác với số lượng và tiêu chuẩn phù hợp với cơ cấu và quy chế quản lý của Công ty do Hội đồng Quản trị quy định.
4. Tổng Giám đốc được trả lương và thưởng. Tiền lương và thưởng của Tổng Giám đốc do Hội đồng Quản trị quyết định.
5. Tiền lương của người điều hành được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty và phải báo cáo Đại hội đồng Cổ đông tại cuộc họp thường niên.

Điều 52. Cán bộ quản lý

1. Theo đề nghị của Tổng Giám đốc và được sự chấp thuận của Hội đồng Quản trị, Công ty được sử dụng số lượng và loại cán bộ quản lý cần thiết hoặc phù hợp với cơ cấu và thông lệ quản lý Công ty do Hội đồng Quản trị đề xuất tùy từng thời điểm.
Cán bộ quản lý phải có sự mẫn cán cần thiết để các hoạt động và tổ chức của Công ty đạt được các mục tiêu đề ra.
2. Mức lương, tiền thù lao, lợi ích và các điều khoản khác trong hợp đồng lao động đối với các bộ quản lý thuộc thẩm quyền quản lý của Hội đồng Quản trị sẽ do Hội đồng Quản trị quyết định và hợp đồng với những cán bộ quản lý khác sẽ do Tổng Giám đốc quyết định trên cơ sở chế độ chính sách của Công ty.

Điều 53. Tổng Giám đốc⁷⁵

1. Tổng Giám đốc hoặc chức danh tương đương của Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn – Hà Nội là Người điều hành công việc kinh doanh hàng ngày của Công ty, chịu sự giám sát của Hội đồng Quản trị và chịu trách nhiệm trước Hội đồng Quản trị và trước pháp luật về việc thực hiện các quyền hạn và nhiệm vụ được giao.
2. Nhiệm kỳ của Tổng Giám đốc hoặc chức danh tương đương không quá năm (5) năm và có thể được bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.
3. Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc và các chức danh tương đương của Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn – Hà Nội phải có các tiêu chuẩn sau đây:
 - a) Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc và các chức danh tương đương không được đồng thời làm việc cho Công ty chứng khoán, Công ty quản lý quỹ hoặc doanh nghiệp khác;
Tổng Giám đốc Công ty không được là thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Hội đồng thành viên của Công ty chứng khoán khác;
 - b) Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc và các chức danh tương đương phụ trách nghiệp vụ phải đáp ứng các tiêu chuẩn quy định tại Điều 7 Điều lệ này, Khoản 5 Điều 74 Luật Chứng khoán;
 - c) Có đủ năng lực pháp luật và năng lực hành vi dân sự, không thuộc đối tượng bị cấm quản lý doanh nghiệp theo quy định của Luật Doanh nghiệp;
 - d) Không phải là người có quan hệ gia đình với Người quản lý doanh nghiệp;
 - e) Không thuộc các trường hợp quy định tại điểm g Khoản 3 Điều 7 Điều lệ này;
 - f) Không phải là chủ doanh nghiệp tư nhân, thành viên hợp danh của Công ty hợp danh, Chủ tịch và Thành viên Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc hoặc chức danh tương đương hoặc Giám đốc, Thành viên Hội đồng thành viên của doanh nghiệp bị tuyên bố phá sản trong thời hạn ba (03) năm kể từ ngày doanh nghiệp bị tuyên bố phá sản, trừ trường hợp doanh nghiệp bị tuyên bố phá sản do nguyên nhân bất khả kháng theo quy định của pháp luật;
 - g) Có sức khỏe, đạo đức nghề nghiệp, trung thực, liêm khiết; hiểu biết pháp luật và có ý thức chấp hành pháp luật;
 - h) Có bằng Đại học hoặc trên Đại học về một trong các chuyên ngành tài chính, ngân hàng, chứng khoán, quản trị kinh doanh;
 - i) Các điều kiện khác theo pháp luật hiện hành và Điều lệ Công ty.

⁷⁵ Điều 35 Điều lệ mẫu; Điều 74 Luật Chứng khoán; Điều 162 – 165 Luật Doanh nghiệp; Điều 8, 10 Thông tư 121-2020/TT-BTC

Điều 54. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng Giám đốc ⁷⁶

1. Hội đồng Quản trị bổ nhiệm 01 thành viên Hội đồng Quản trị hoặc thuê người khác làm Tổng Giám đốc hoặc chức danh tương đương;
2. Tổng Giám đốc sau khi có quyết định bổ nhiệm của Hội đồng Quản trị, được đảm nhiệm ngay công việc của chức danh mới được bổ nhiệm;
Tổng Giám đốc cũ có trách nhiệm bàn giao công việc cho Tổng Giám đốc mới xử lý và phải chịu trách nhiệm cá nhân đối với các quyết định của mình trong thời gian có tư cách đảm nhiệm chức danh đó;
3. Tổng Giám đốc bị bãi nhiệm, miễn nhiệm, đương nhiên mất tư cách trong các trường hợp sau:
 - a) Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm Tổng Giám đốc theo quy định tại khoản 3, Điều 53 Điều lệ này;
 - b) Có Đơn xin từ chức;
 - c) Không hoàn thành nhiệm vụ được giao, để Công ty làm ăn thua lỗ nhiều năm liên tục;
 - d) Các trường hợp khác theo Quyết định của Hội đồng Quản trị và quy định của pháp luật;
4. Trường hợp Tổng Giám đốc bị bãi nhiệm, miễn nhiệm, đương nhiên mất tư cách theo quy định tại khoản 3, Điều này, Hội đồng Quản trị phải cử ngay một người có đủ điều kiện theo quy định tại Điều lệ này để đảm nhiệm công việc của Tổng Giám đốc;
5. Trường hợp Tổng Giám đốc muốn từ chức phải có đơn gửi Hội đồng Quản trị xem xét quyết định. Đơn đề nghị của Tổng Giám đốc phải gửi ít nhất trước sáu mươi (60) ngày;
6. Trong thời hạn tối đa 60 ngày kể từ ngày Tổng Giám đốc bị bãi nhiệm, miễn nhiệm, đương nhiên mất tư cách Tổng Giám đốc hoặc Hội đồng Quản trị nhận được Đơn xin từ chức của Tổng Giám đốc, Hội đồng Quản trị phải bổ nhiệm Tổng Giám đốc mới;
7. Hội đồng Quản trị có thể bãi nhiệm Tổng Giám đốc khi có từ hai phần ba (2/3) thành viên Hội đồng Quản trị trở lên biểu quyết tán thành (trong trường hợp này không tính phiếu biểu quyết của Tổng Giám đốc) và bổ nhiệm Tổng Giám đốc mới thay thế.
Tổng Giám đốc bị bãi nhiệm có quyền phản đối việc bãi nhiệm này tại Đại hội đồng Cổ đông tiếp theo gần nhất;
8. Việc tạm đình chỉ, miễn nhiệm, bãi nhiệm hoặc bổ nhiệm Tổng Giám đốc mới - phải được công bố thông tin theo quy định pháp luật.
9. **Tổng Giám đốc có những quyền hạn và nhiệm vụ sau**⁷⁷:
 - a) Thực hiện các Nghị quyết của Hội đồng Quản trị và Đại hội đồng Cổ đông, kế hoạch kinh doanh và kế hoạch đầu tư của Công ty đã được Hội đồng Quản trị và Đại hội đồng Cổ đông thông qua;
 - b) Quyết định tất cả các vấn đề liên quan đến hoạt động hàng ngày của Công ty mà không thuộc thẩm quyền của Hội đồng Quản trị, bao gồm việc thay mặt Công ty ký kết các hợp

⁷⁶ Điều 35 Điều lệ mẫu; Điều 162 Luật Doanh nghiệp

⁷⁷ Điều 35 Điều lệ mẫu

đồng tài chính và thương mại, tổ chức và điều hành hoạt động kinh doanh thường nhật của Công ty theo những thông lệ quản lý tốt nhất; chịu trách nhiệm về kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty;

- c) Kiến nghị phương án cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty; số lượng và các loại cán bộ quản lý thuộc thẩm quyền bổ nhiệm hoặc miễn nhiệm của Hội đồng Quản trị mà Công ty cần thuê để Hội đồng Quản trị bổ nhiệm hoặc miễn nhiệm khi cần thiết nhằm áp dụng các hoạt động cũng như các cơ cấu quản lý tốt do Hội đồng Quản trị đề xuất, và tư vấn để Hội đồng Quản trị quyết định mức lương, thù lao, các lợi ích và các điều khoản khác của hợp đồng lao động của cán bộ quản lý;
- d) Quyết định bổ nhiệm hoặc miễn nhiệm; tuyển dụng và mức lương áp dụng cho những cán bộ quản lý và các cán bộ nhân viên khác không thuộc thẩm quyền bổ nhiệm của Hội đồng Quản trị;
- e) Tham khảo ý kiến của Hội đồng Quản trị để quyết định số lượng người lao động, mức lương, trợ cấp, lợi ích, việc bổ nhiệm, miễn nhiệm và các điều khoản khác liên quan đến hợp đồng lao động của họ;
- f) Quyết định tiền lương và lợi ích khác đối với người lao động trong Công ty, kể cả người quản lý thuộc thẩm quyền bổ nhiệm của Giám đốc (Tổng Giám đốc);
- g) Tuyển dụng lao động;
- h) Kiến nghị phương án trả cổ tức hoặc xử lý lỗ trong kinh doanh;
- i) Vào ngày 31 tháng 10 hàng năm, Tổng Giám đốc phải trình Hội đồng Quản trị phê chuẩn kế hoạch kinh doanh chi tiết cho năm tài chính tiếp theo trên cơ sở đáp ứng các yêu cầu của ngân sách phù hợp cũng như kế hoạch tài chính năm (5) năm;
- j) Thực thi kế hoạch kinh doanh hàng năm được Đại hội đồng Cổ đông và Hội đồng Quản trị thông qua;
- k) Đại diện Công ty ký kết các hợp đồng, trừ trường hợp thuộc thẩm quyền của Hội đồng Quản trị;
- l) Đề xuất những biện pháp nâng cao hoạt động và quản lý của Công ty;
- m) Chuẩn bị các bản dự toán dài hạn, hàng năm và hàng tháng của Công ty (sau đây gọi là bản dự toán) phục vụ hoạt động quản lý dài hạn, hàng năm và hàng tháng của Công ty theo kế hoạch kinh doanh.

Bản dự toán hàng năm (bao gồm cả Bảng cân đối kế toán; Báo cáo hoạt động kinh doanh và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ dự kiến) cho từng năm tài chính sẽ phải được trình để Hội đồng Quản trị thông qua và phải bao gồm những thông tin quy định tại các quy chế của Công ty;
- n) Chịu sự kiểm tra, giám sát của Hội đồng Quản trị và các cơ quan Nhà nước khác có thẩm quyền đối với việc thực hiện nhiệm vụ điều hành của mình;
- o) Báo cáo Hội đồng Quản trị, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và các cơ quan Nhà nước khác có thẩm quyền theo quy định của pháp luật về kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty;
- p) Ban Tổng Giám đốc phải thiết lập và duy trì hệ thống thực thi quản trị rủi ro nhằm đảm bảo ngăn ngừa các rủi ro có thể ảnh hưởng tới lợi ích của Công ty và khách hàng; thiết lập

và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ bao gồm cơ cấu tổ chức, nhân sự độc lập và chuyên trách.

Các quy trình, quy định nội bộ áp dụng đối với tất cả các vị trí, đơn vị, bộ phận và hoạt động của Công ty nhằm đảm bảo mục tiêu theo quy định của pháp luật;

- q) Công khai các lợi ích liên quan, không được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để tư lợi cá nhân hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;
- r) Thực hiện các quyền và nhiệm vụ khác theo quy định tại Điều lệ này và các quy chế của Công ty, các Nghị quyết của Hội đồng Quản trị, hợp đồng lao động của Tổng Giám đốc và pháp luật.

Điều 55. Thù lao của Tổng Giám đốc và các thành viên khác trong Ban Điều hành

Hội đồng Quản trị quyết định tiền lương, thưởng và các lợi ích khác của Tổng Giám đốc và các thành viên khác trong Ban Điều hành căn cứ theo kết quả và hiệu quả kinh doanh.

Tiền lương và các chi phí cho hoạt động của Ban Điều hành được tính vào chi phí hoạt động của Công ty theo quy định của pháp luật, phải được lập thành mục riêng trong Báo cáo tài chính hàng năm của Công ty và báo cáo Đại hội đồng Cổ đông tại cuộc họp thường niên.

Điều 56. Bộ phận Kiểm soát nội bộ trực thuộc Ban Tổng Giám đốc

1. Công ty phải thiết lập và duy trì hệ thống Kiểm soát nội bộ trực thuộc Ban Tổng Giám đốc theo quy định tại Điều 12 Thông tư 121-2020/TT-BTC.

Hệ thống kiểm soát nội bộ bao gồm bộ máy, nhân sự độc lập và chuyên trách, quy trình.

2. Bộ phận Kiểm soát nội bộ chịu trách nhiệm đảm bảo hệ thống kiểm soát nội bộ được tuân thủ, định kỳ báo cáo kết quả lên Tổng Giám đốc Công ty để nâng cao hiệu quả của các biện pháp kiểm soát nội bộ:

- a) Kiểm tra, giám sát việc tuân thủ các quy định pháp luật, Điều lệ Công ty, Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông, Quyết định của Hội đồng Quản trị, các quy chế, quy trình nghiệp vụ, quy trình quản trị rủi ro của Công ty, của các bộ phận có liên quan và của người hành nghề chứng khoán trong Công ty;
- b) Giám sát thực thi các quy định nội bộ, các hoạt động tiềm ẩn xung đột lợi ích trong nội bộ Công ty, đặc biệt đối với các hoạt động kinh doanh của bản thân Công ty và các giao dịch cá nhân của nhân viên Công ty; giám sát việc thực thi trách nhiệm của cán bộ, nhân viên trong Công ty, thực thi trách nhiệm của đối tác đối với các hoạt động đã ủy quyền;
- c) Kiểm tra nội dung và giám sát việc thực hiện các quy tắc về đạo đức nghề nghiệp;
- d) Giám sát việc tính toán và tuân thủ các quy định đảm bảo an toàn tài chính;
- e) Tách biệt tài sản của khách hàng;
- f) Bảo quản, lưu giữ tài sản của khách hàng;
- g) Kiểm soát việc tuân thủ quy định của pháp luật về phòng, chống rửa tiền;
- h) Nội dung khác theo nhiệm vụ Tổng Giám đốc giao.

3. Công ty phải thiết lập hệ thống kiểm soát nội bộ bao gồm cơ cấu tổ chức, các quy trình, quy

định nội bộ áp dụng đối với tất cả các vị trí, đơn vị, bộ phận và hoạt động của Công ty nhằm bảo đảm mục tiêu:

- a) Hoạt động của Công ty tuân thủ quy định của Luật Chứng khoán và các văn bản liên quan;
- b) Bảo đảm quyền lợi khách hàng;
- c) Hoạt động của Công ty an toàn, hiệu quả; bảo vệ, quản lý, sử dụng an toàn, hiệu quả tài sản và các nguồn lực;

Hệ thống thông tin tài chính và thông tin quản lý trung thực, hợp lý, đầy đủ và kịp thời; trung thực trong việc lập báo cáo tài chính của Công ty.

4. Yêu cầu nhân sự của bộ phận kiểm soát nội bộ

- a) Bố trí tối thiểu 01 nhân viên làm kiểm soát tuân thủ;
- b) Trưởng bộ phận Kiểm soát nội bộ phải là người có trình độ chuyên môn về luật, kế toán, kiểm toán, có đủ kinh nghiệm, uy tín, thẩm quyền để thực thi có hiệu quả nhiệm vụ được giao;
Không phải là người có liên quan đến các trường bộ phận chuyên môn, người thực hiện nghiệp vụ, Tổng Giám đốc (Giám đốc), Phó Tổng Giám đốc (Phó Giám đốc), Giám đốc chi nhánh trong Công ty;
- c) Có chứng chỉ chuyên môn Những vấn đề cơ bản về chứng khoán và thị trường chứng khoán hoặc Chứng chỉ hành nghề chứng khoán, và chứng chỉ chuyên môn Pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán;
- d) Không kiêm nhiệm các công việc khác trong Công ty.

CHƯƠNG VIII

TRÁCH NHIỆM CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC⁷⁸

Thành viên Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc và Người điều hành khác có trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ của mình, kể cả những nhiệm vụ với tư cách thành viên các Tiểu ban của Hội đồng Quản trị, một cách trung thực, cẩn trọng vì lợi ích Công ty.

Điều 57. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi

1. Trách nhiệm cẩn trọng

Thành viên Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc và cán bộ quản lý được uỷ thác có trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ của mình, kể cả những nhiệm vụ với tư cách thành viên các Tiểu ban của Hội đồng Quản trị, một cách trung thực và theo phương thức mà họ tin là vì lợi ích cao nhất của Công ty và với một mức độ cẩn trọng mà một người thận trọng thường có khi đảm nhiệm vị trí tương đương và trong hoàn cảnh tương tự.

2. Thành viên Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc, người quản lý khác và những người có liên

⁷⁸ Điều 164 đến Điều 167 Luật Doanh nghiệp; Điều 5, Điều 11 Thông tư 121-2020/TT-BTC; Điều 291 đến Điều 294 Nghị định 155-2020/NĐ-CP; Điều 47, Điều 48 Thông tư 116-2020/TT-BTC

quan của các thành viên này chỉ được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để phục vụ lợi ích của Công ty.

3. Thành viên Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc và cán bộ quản lý không được phép sử dụng những cơ hội kinh doanh có thể mang lại lợi ích cho Công ty vì mục đích cá nhân; đồng thời không được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để tư lợi cá nhân hay để phục vụ lợi ích của tổ chức hoặc cá nhân khác, dụng hoặc tiết lộ cho người khác các thông tin nội bộ để thực hiện các giao dịch có liên quan.
4. Thành viên Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc và cán bộ quản lý có nghĩa vụ thông báo cho Hội đồng Quản trị tất cả các lợi ích có thể gây xung đột với lợi ích của Công ty mà họ có thể được hưởng thông qua các pháp nhân kinh tế, các giao dịch hoặc cá nhân khác. Những đối tượng nêu trên chỉ được sử dụng những cơ hội đó khi các Thành viên Hội đồng Quản trị không có lợi ích liên quan đã quyết định không truy cứu vấn đề này.
5. Không được cung cấp khoản vay hoặc bảo lãnh cho Cổ đông, các Thành viên Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc điều hành, cán bộ quản lý khác và những người có liên quan, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.
6. Thành viên Hội đồng Quản trị không được biểu quyết đối với giao dịch mang lại lợi ích cho thành viên đó hoặc người có liên quan của thành viên đó theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.
7. Hợp đồng hoặc giao dịch giữa Công ty với một hoặc nhiều Thành viên Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc, Người quản lý khác, hoặc những người liên quan đến họ doanh nghiệp mà Thành viên Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc, Người quản lý khác phải kê khai theo quy định tại khoản 2 Điều 164 Luật Doanh nghiệp, sẽ không bị vô hiệu hóa nếu các hợp đồng/giao dịch đó được thông qua/chấp thuận theo quy định tại Điều 60 Điều lệ.
8. Thành viên Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc, cán bộ quản lý hay người có liên quan của họ không được phép mua hay bán hoặc giao dịch theo bất cứ hình thức nào khác các cổ phiếu của Công ty hoặc Công ty con của Công ty vào thời điểm họ có được những thông tin chắc chắn sẽ gây ảnh hưởng đến giá của những cổ phiếu đó và các Cổ đông khác lại không biết những thông tin này.

Điều 58. Công khai các lợi ích có liên quan⁷⁹

1. Công ty phải tập hợp và cập nhật danh sách những người có liên quan của Công ty theo quy định tại khoản 23 Điều 4 của Luật Doanh nghiệp, quy định của các cơ quan quản lý nhà nước có liên quan và các hợp đồng, giao dịch tương ứng của họ với Công ty.
2. Thành viên Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc và các cán bộ quản lý khác và Người có liên quan theo quy định của pháp luật và Điều lệ của Công ty phải kê khai các lợi ích liên quan của họ với Công ty, bao gồm:
 - a) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà họ làm chủ hoặc có sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần; tỷ lệ và thời điểm sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần đó;

⁷⁹ Điều 164 Luật Doanh nghiệp; Điều 20 Điều lệ mẫu Thông tư 116-2020/TT-BTC

- b) Tên, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh, số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, nơi đăng ký kinh doanh của doanh nghiệp, tổ chức kinh tế mà họ đang là thành viên Hội đồng Quản trị, Thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc;
 - c) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà những người có liên quan của họ làm chủ, cùng sở hữu hoặc sở hữu riêng phần vốn góp hoặc cổ phần trên 10% vốn điều lệ;
3. Thành viên Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc và người quản lý khác có nghĩa vụ thông báo bằng văn bản cho Hội đồng Quản trị về các giao dịch giữa Công ty, Công ty con, Công ty khác do Công ty nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với chính đối tượng đó hoặc với những người có liên quan của đối tượng đó theo quy định của pháp luật.
- Đối với các giao dịch nêu trên do Đại hội đồng Cổ đông hoặc Hội đồng Quản trị chấp thuận, Công ty phải thực hiện công bố thông tin về các nghị quyết này theo quy định pháp luật chứng khoán về công bố thông tin.
4. Việc kê khai theo quy định tại khoản 2, Điều này phải được thực hiện trong vòng bảy (07) ngày làm việc, kể từ ngày phát sinh lợi ích liên quan. Trường hợp có sự sửa đổi, bổ sung thì phải thông báo với Công ty trong vòng 07 ngày kể từ ngày phát sinh sửa đổi, bổ sung đó.
5. Việc kê khai quy định tại khoản 1, 2 Điều này phải được báo cáo tới Đại hội đồng Cổ đông thường niên gần nhất hoặc thông báo hàng năm cho Cổ đông và được niêm yết, lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty, Báo cáo Quản trị và Báo cáo thường niên.
6. Việc lưu giữ, công khai, xem xét, trích lục, sao chép danh sách người có liên quan và lợi ích có liên quan được kê khai quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này được thực hiện như sau:
- a) Công ty phải thông báo danh sách người có liên quan và lợi ích có liên quan cho Đại hội đồng Cổ đông tại cuộc họp thường niên;
 - b) Danh sách người có liên quan và lợi ích có liên quan được lưu giữ tại trụ sở chính của doanh nghiệp; trường hợp cần thiết có thể lưu giữ một phần hoặc toàn bộ nội dung danh sách nói trên tại các chi nhánh của Công ty;
 - c) Cổ đông, đại diện theo ủy quyền của cổ đông, thành viên Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc và người quản lý khác có quyền xem xét, trích lục và sao chép một phần hoặc toàn bộ nội dung kê khai;
 - d) Công ty phải tạo điều kiện để những người quy định tại điểm c khoản này tiếp cận, xem xét, trích lục, sao chép danh sách người có liên quan và lợi ích có liên quan một cách nhanh nhất, thuận lợi nhất; không được ngăn cản, gây khó khăn đối với họ trong thực hiện quyền này. Trình tự, thủ tục xem xét, trích lục, sao chép nội dung kê khai người có liên quan và lợi ích có liên quan được thực hiện theo quy định tại Điều lệ Công ty;
7. Thành viên Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc nhân danh cá nhân hoặc nhân danh người khác để thực hiện công việc dưới mọi hình thức trong phạm vi công việc kinh doanh của Công ty đều phải giải trình bản chất, nội dung của công việc đó trước Hội đồng Quản trị, và chỉ được thực hiện khi được đa số thành viên còn lại của Hội đồng Quản trị chấp thuận; nếu thực hiện mà không khai báo hoặc không được sự chấp thuận của Hội đồng Quản trị thì tất cả thu nhập có được từ hoạt động đó thuộc về Công ty.

Điều 59. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường⁸⁰

1. Trách nhiệm về thiệt hại:

Thành viên Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc và cán bộ quản lý vi phạm nghĩa vụ hành động một cách trung thực, không hoàn thành nghĩa vụ của mình với sự cẩn trọng, miễn cưỡng và năng lực chuyên môn sẽ phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại do hành vi vi phạm của mình gây ra.

2. Bồi thường:

Công ty sẽ bồi thường cho những người đã, đang và có nguy cơ trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố đã, đang hoặc có thể sẽ được tiến hành cho dù đây là vụ việc dân sự, hành chính (mà không phải là việc kiện tụng do Công ty thực hiện hay thuộc quyền khởi xướng của Công ty) (bao gồm các vụ việc dân sự, hành chính và không phải là các vụ kiện do Công ty là người khởi kiện) nếu người đó đã hoặc đang là thành viên Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc, người điều hành khác, nhân viên hoặc đại diện được Công ty ủy quyền đã hoặc đang thực hiện nhiệm vụ theo ủy quyền của Công ty, hành động trung thực, cẩn trọng vì lợi ích của Công ty trên cơ sở tuân thủ luật pháp và không có bằng chứng xác nhận rằng người đó đã vi phạm trách nhiệm của mình.

Những chi phí được bồi thường bao gồm: các chi phí phát sinh (kể cả phí thuê luật sư), chi phí phán quyết, các khoản tiền phạt, các khoản phải thanh toán phát sinh trong thực tế hoặc được coi là mức hợp lý khi giải quyết những vụ việc này trong khuôn khổ luật pháp cho phép, với điều kiện là người đó đã hành động trung thực, cẩn trọng, miễn cưỡng và với năng lực chuyên môn theo phương thức mà người đó tin tưởng rằng đó là vì lợi ích hoặc không chống lại lợi ích cao nhất của Công ty, trên cơ sở tuân thủ luật pháp và không có sự phát hiện hay xác nhận nào rằng người đó đã vi phạm những trách nhiệm của mình.

Công ty có quyền mua bảo hiểm cho những người đó để tránh những trách nhiệm bồi thường nêu trên.

Điều 60. Các hợp đồng, giao dịch phải được Đại hội đồng Cổ đông, Hội đồng Quản trị chấp thuận⁸¹

1. Đại hội đồng Cổ đông hoặc Hội đồng Quản trị chấp thuận hợp đồng, giao dịch giữa Công ty với các đối tượng sau đây theo quy định của Điều 167 Luật Doanh nghiệp và Điều 293 Nghị định 155-2020/NĐ-CP:

- a) Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức sở hữu trên 10% tổng số cổ phần phổ thông của Công ty và người có liên quan của họ;
- b) Thành viên Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc, người quản lý khác và người có liên quan của họ;
- c) Doanh nghiệp mà thành viên Hội đồng Quản trị, Giám đốc hoặc Tổng Giám đốc và người quản lý khác của Công ty phải kê khai theo quy định tại khoản 2 Điều 164 Luật Doanh nghiệp.

⁸⁰ Điều 48 Thông tư 116-2020/TT-BTC

⁸¹ Điều 167 Luật Doanh nghiệp và Điều 293 Nghị định 155-2020/NĐ-CP

2. Hội đồng Quản trị chấp thuận các hợp đồng, giao dịch nêu tại Khoản 1 Điều này không thuộc các trường hợp quy định khoản 3 Điều này và có giá trị nhỏ hơn 35% tổng giá trị tài sản của doanh nghiệp ghi trong báo cáo tài chính gần nhất hoặc một tỷ lệ hoặc giá trị khác nhỏ hơn theo quy định tại Điều lệ Công ty.

Trường hợp này, người đại diện Công ty ký hợp đồng, giao dịch phải thông báo cho thành viên Hội đồng Quản trị về các đối tượng có liên quan đối với hợp đồng, giao dịch đó và gửi kèm theo dự thảo hợp đồng hoặc nội dung chủ yếu của giao dịch.

Hội đồng Quản trị quyết định việc chấp thuận hợp đồng, giao dịch trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được thông báo, trừ trường hợp Điều lệ Công ty quy định một thời hạn khác; Thành viên Hội đồng Quản trị có lợi ích liên quan đến các bên trong hợp đồng, giao dịch không có quyền biểu quyết.

3. Đại hội đồng Cổ đông chấp thuận hợp đồng, giao dịch sau đây:

- a) Giao dịch nêu tại Khoản 1 Điều này có giá trị từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản của Công ty ghi trên báo cáo tài chính gần nhất; hoặc dẫn đến tổng giá trị giao dịch phát sinh trong vòng 12 tháng kể từ ngày thực hiện giao dịch đầu tiên có giá trị từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản của Công ty ghi trên báo cáo tài chính gần nhất; hoặc
- b) Hợp đồng, giao dịch vay, bán tài sản có giá trị lớn hơn 10% tổng giá trị tài sản của doanh nghiệp ghi trong báo cáo tài chính gần nhất giữa Công ty và cổ đông sở hữu từ 51% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết trở lên hoặc người có liên quan của cổ đông đó.

4. Trường hợp chấp thuận hợp đồng, giao dịch theo quy định tại khoản 3 Điều này, người đại diện Công ty ký hợp đồng, giao dịch phải thông báo cho Hội đồng Quản trị về đối tượng có liên quan đối với hợp đồng, giao dịch đó và gửi kèm theo dự thảo hợp đồng hoặc thông báo nội dung chủ yếu của giao dịch.

Hội đồng Quản trị trình dự thảo hợp đồng, giao dịch hoặc giải trình về nội dung chủ yếu của hợp đồng, giao dịch tại cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông hoặc lấy ý kiến Cổ đông bằng văn bản.

Trường hợp này, cổ đông có lợi ích liên quan đến các bên trong hợp đồng, giao dịch không có quyền biểu quyết; hợp đồng, giao dịch được chấp thuận theo quy định tại Điều 31 Điều lệ này.

5. Hợp đồng, giao dịch bị vô hiệu theo quyết định của Tòa án và xử lý theo quy định của pháp luật khi được ký kết không đúng với quy định tại Điều này; người ký kết hợp đồng, giao dịch, cổ đông, thành viên Hội đồng Quản trị hoặc Giám đốc hoặc Tổng Giám đốc có liên quan phải liên đới bồi thường thiệt hại phát sinh, hoàn trả cho Công ty khoản lợi thu được từ việc thực hiện hợp đồng, giao dịch đó.

6. Công ty phải công khai hợp đồng, giao dịch liên quan theo quy định của pháp luật liên quan.

CHƯƠNG IX

QUYỀN TRA CỨU SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ

Điều 61. Quyền tra cứu sổ sách và hồ sơ

1. Cổ đông phổ thông có quyền tra cứu sổ sách và hồ sơ, cụ thể như sau:
 - a) Cổ đông phổ thông có quyền xem xét, tra cứu và trích lục thông tin về tên và địa chỉ liên lạc trong danh sách cổ đông có quyền biểu quyết; yêu cầu sửa đổi thông tin không chính xác của mình; xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ Công ty, biên bản họp Đại hội đồng Cổ đông và nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông;
 - b) Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 05% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền xem xét, tra cứu, trích lục sổ biên bản và nghị quyết, quyết định của Hội đồng Quản trị, báo cáo tài chính giữa năm và hằng năm, hợp đồng, giao dịch phải thông qua Hội đồng Quản trị và tài liệu khác, trừ tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của Công ty.
2. Trường hợp đại diện được ủy quyền của cổ đông và nhóm cổ đông yêu cầu tra cứu sổ sách và hồ sơ thì phải kèm theo giấy ủy quyền của cổ đông và nhóm cổ đông mà người đó đại diện hoặc bản sao công chứng của giấy ủy quyền này.
3. Thành viên Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc và người điều hành khác có quyền tra cứu sổ đăng ký cổ đông của Công ty, danh sách cổ đông, sổ sách và hồ sơ khác của Công ty vì những mục đích liên quan tới chức vụ của mình với điều kiện các thông tin này phải được bảo mật.
4. Công ty phải lưu giữ Điều lệ này và những bản sửa đổi bổ sung Điều lệ, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, các quy chế, các tài liệu chứng minh quyền sở hữu tài sản, nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông và Hội đồng Quản trị, biên bản họp Đại hội đồng Cổ đông và Hội đồng Quản trị, các báo cáo của Hội đồng Quản trị, các báo cáo của Ủy ban Kiểm toán, báo cáo tài chính năm, sổ sách kế toán và các tài liệu khác theo quy định của pháp luật tại trụ sở chính hoặc một nơi khác với điều kiện là các cổ đông và Cơ quan đăng ký kinh doanh được thông báo về địa điểm lưu trữ các tài liệu này.
5. Cổ đông có quyền được Công ty cấp miễn phí một bản Điều lệ. Điều lệ này cũng được công bố trên website của Công ty: www.shs.com.vn.

CHƯƠNG X

NGƯỜI LAO ĐỘNG VÀ CÔNG ĐOÀN

Điều 62. Người lao động và công đoàn

1. Tổng Giám đốc phải lập kế hoạch để Hội đồng Quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến việc tuyển dụng, cho người lao động nghỉ việc, tiền lương, bảo hiểm xã hội, phúc lợi, khen thưởng và kỷ luật đối với người lao động và người điều hành doanh nghiệp.
2. Tổng Giám đốc phải lập kế hoạch để Hội đồng Quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến quan hệ của Công ty với các tổ chức công đoàn theo các chuẩn mực, thông lệ và chính sách quản lý tốt nhất, những thông lệ và chính sách quy định tại Điều lệ này, các quy chế của Công ty và quy định pháp luật hiện hành.

CHƯƠNG XI

PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN

Điều 63. Phân phối lợi nhuận

1. Sử dụng vốn

- a) Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội được sử dụng vốn để phục vụ hoạt động kinh doanh, đầu tư xây dựng, mua sắm tài sản cố định theo quy định của pháp luật.
- b) Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội được quyền thay đổi cơ cấu vốn và tài sản phục vụ cho việc phát triển hoạt động theo quy định của pháp luật.
- c) Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội được điều động vốn và tài sản giữa các Công ty trực thuộc có tư cách pháp nhân, hạch toán độc lập.

2. Trích lập các Quỹ

Việc trích lập quỹ được thực hiện theo quy định của pháp luật và do Đại hội đồng Cổ đông Công ty quyết định hàng năm sau khi thực hiện nghĩa vụ tài chính đối với Nhà nước.

3. Cổ tức

- a) Đại hội đồng Cổ đông quyết định mức chi trả cổ tức và hình thức chi trả cổ tức hàng năm từ lợi nhuận được giữ lại của Công ty theo quy định tại Điều 135, Điều 136 Luật Doanh nghiệp và quy định pháp luật liên quan.
- b) Công ty không thanh toán lãi cho khoản tiền trả cổ tức hay khoản tiền chi trả liên quan tới một loại cổ phiếu.
- c) Cổ tức trả cho cổ phần phổ thông được xác định căn cứ vào số lợi nhuận ròng đã thực hiện và khoản chi trả cổ tức được trích từ nguồn lợi nhuận giữ lại của Công ty. Công ty cổ phần chỉ được trả cổ tức của cổ phần phổ thông khi có đủ các điều kiện sau đây:
 - Công ty đã hoàn thành nghĩa vụ thuế và các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của pháp luật;
 - Đã trích lập các quỹ Công ty và bù đắp lỗ trước đó theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty;
 - Ngay sau khi trả hết số cổ tức, Công ty vẫn bảo đảm thanh toán đủ các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác đến hạn.
- d) Cổ tức phải được thanh toán đầy đủ trong thời hạn 06 tháng kể từ ngày kết thúc họp Đại hội đồng Cổ đông thường niên. Hội đồng Quản trị lập danh sách cổ đông được nhận cổ tức, xác định mức cổ tức được trả đối với từng cổ phần, thời hạn và hình thức trả chậm nhất là 30 ngày trước mỗi lần trả cổ tức.

Thông báo về trả cổ tức được gửi bằng phương thức để bảo đảm đến cổ đông theo địa chỉ đăng ký trong sổ đăng ký cổ đông chậm nhất là 15 ngày trước khi thực hiện trả cổ tức. Thông báo phải bao gồm các nội dung sau đây:

- Tên Công ty và địa chỉ trụ sở chính của Công ty;
- Họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân;

- Tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức;
 - Số lượng cổ phần từng loại của cổ đông; mức cổ tức đối với từng cổ phần và tổng số cổ tức mà cổ đông đó được nhận;
 - Thời điểm và phương thức trả cổ tức;
 - Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng Quản trị và người đại diện theo pháp luật của Công ty.
- e) Trường hợp cổ đông chuyển nhượng cổ phần của mình trong thời gian giữa thời điểm kết thúc lập danh sách cổ đông và thời điểm trả cổ tức thì người chuyển nhượng là người nhận cổ tức từ Công ty.
- f) Trường hợp chi trả cổ tức bằng cổ phiếu, Công ty phải làm thủ tục chào bán cổ phần theo quy định của pháp luật. Công ty phải đăng ký tăng vốn điều lệ tương ứng với tổng mệnh giá các cổ phần dùng để chi trả cổ tức trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày hoàn thành việc thanh toán cổ tức.
- g) Hội đồng Quản trị có thể kiến nghị Đại hội đồng Cổ đông thông qua việc thanh toán toàn bộ hoặc một phần cổ tức bằng cổ phiếu và Hội đồng Quản trị là cơ quan thực thi quyết định này.
- Cổ tức được chia theo Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông trên cơ sở đề nghị của Hội đồng Quản trị. Công ty chỉ được trả cổ tức cho Cổ đông khi kinh doanh có lãi và đã hoàn thành nghĩa vụ nộp thuế, các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của pháp luật; trích lập các quỹ của Công ty và bù đắp lỗ trước đó (nếu có).
 - Hội đồng Quản trị có thể quyết định thanh toán cổ tức giữa kỳ nếu xét thấy việc chi trả này phù hợp với khả năng sinh lời của Công ty.
 - Cổ tức trả cho cổ phần ưu đãi được thực hiện theo các điều kiện áp dụng riêng cho mỗi loại cổ phần ưu đãi.
- h) Cổ tức có thể được chi trả bằng tiền mặt, bằng cổ phần của Công ty CP Chứng khoán Sài Gòn – Hà Nội hoặc bằng tài sản khác do Hội đồng Quản trị đề nghị và Đại hội đồng Cổ đông quyết định.
- Nếu chi trả bằng tiền mặt thì được thực hiện bằng đồng Việt Nam và có thể được thanh toán bằng chuyển khoản theo yêu cầu của Cổ đông.
- Trường hợp cổ tức hay những khoản tiền khác liên quan tới một loại cổ phiếu được chi trả bằng tiền mặt, Công ty phải chi trả bằng tiền đồng Việt Nam.
 - Việc chi trả có thể thực hiện trực tiếp hoặc thông qua các ngân hàng trên cơ sở các thông tin chi tiết về tài khoản ngân hàng do cổ đông cung cấp.
- Trường hợp Công ty đã chuyển khoản theo đúng các thông tin chi tiết về ngân hàng do cổ đông cung cấp mà cổ đông đó không nhận được tiền, Công ty không phải chịu trách nhiệm về khoản tiền Công ty đã chuyển cho cổ đông này.
- Việc thanh toán cổ tức đối với các cổ phiếu niêm yết/đăng ký giao dịch tại Sở giao dịch chứng khoán có thể được tiến hành thông qua Công ty chứng khoán hoặc Tổng Công ty lưu

ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam.

- Trường hợp có sự chấp thuận của Đại hội đồng Cổ đông, Hội đồng Quản trị có thể quyết định và thông báo rằng những người sở hữu cổ phần phổ thông được nhận cổ tức bằng các cổ phần phổ thông thay cho cổ tức bằng tiền mặt.

Các cổ phần bổ sung để trả cổ tức này được ghi là những cổ phần đã thanh toán đầy đủ tiền mua trên cơ sở giá trị của các cổ phần trả cổ tức phải tương đương với số tiền mặt trả cổ tức.

- i) Căn cứ Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, Hội đồng Quản trị thông qua nghị quyết, quyết định xác định một ngày cụ thể để chốt danh sách cổ đông.

Căn cứ theo ngày đó, những người đăng ký với tư cách cổ đông hoặc người sở hữu các chứng khoán khác được quyền nhận cổ tức bằng tiền mặt hoặc cổ phiếu, nhận thông báo hoặc tài liệu khác.

- j) Hội đồng Quản trị phải lập danh sách Cổ đông được nhận cổ tức, xác định mức cổ tức được trả đối với từng cổ phần, thời hạn và hình thức trả, lập và gửi Thông báo về trả cổ tức phải được công khai gửi đến tất cả các Cổ đông theo quy định pháp luật và hướng dẫn của Cơ quan Quản lý nhà nước.

- k) Căn cứ Luật Doanh nghiệp, Hội đồng Quản trị có thể thông qua Nghị quyết quy định một ngày cụ thể làm ngày khóa sổ hoạt động kinh doanh của Công ty.

Căn cứ theo ngày đó, những người đăng ký với tư cách Cổ đông hoặc người sở hữu các chứng khoán khác được quyền nhận cổ tức, lãi suất, phân chia lợi nhuận, nhận cổ phiếu, nhận thông báo hoặc tài liệu khác.

Ngày khóa sổ này có thể vào cùng ngày hoặc vào thời điểm trước khi các quyền lợi đó được thực hiện. Điều này không ảnh hưởng tới quyền lợi của hai bên trong giao dịch chuyển nhượng cổ phiếu hoặc chứng khoán liên quan.

- l) Thu hồi tiền thanh toán cổ phần được mua lại hoặc cổ tức: Trường hợp việc thanh toán cổ phần được mua lại trái với quy định tại khoản 1 Điều 134 của Luật Doanh nghiệp hoặc trả cổ tức trái với quy định tại Điều 135 của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty, cổ đông phải hoàn trả cho Công ty số tiền, tài sản khác đã nhận; trường hợp cổ đông không hoàn trả được cho Công ty thì tất cả thành viên Hội đồng Quản trị phải cùng liên đới chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi giá trị số tiền, tài sản đã trả cho cổ đông mà chưa được hoàn lại.

4. Xử lý lỗ trong kinh doanh

Trường hợp Công ty bị lỗ, lỗ năm trước sẽ được xử lý trong năm kế tiếp khi năm kế tiếp đó Công ty kinh doanh có lãi và theo quy định pháp luật.

5. Các vấn đề khác liên quan đến phân phối lợi nhuận

Các vấn đề khác liên quan đến phân phối lợi nhuận được thực hiện theo quy định của pháp luật.

CHƯƠNG XII

TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, NĂM TÀI CHÍNH VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN

Điều 64. Tài khoản ngân hàng

1. Công ty sẽ mở tài khoản tại ngân hàng Việt Nam hoặc tại các ngân hàng nước ngoài được phép hoạt động tại Việt Nam.
2. Theo sự chấp thuận trước của cơ quan có thẩm quyền, trong trường hợp cần thiết, Công ty có thể mở tài khoản ngân hàng ở nước ngoài theo các quy định của pháp luật.
3. Công ty sẽ tiến hành tất cả các khoản thanh toán và giao dịch kế toán thông qua các tài khoản tiền Việt Nam hoặc ngoại tệ tại các ngân hàng mà Công ty mở tài khoản.

Điều 65. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 Dương lịch hàng năm và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 Dương lịch cùng năm.

Năm tài chính đầu tiên bắt đầu từ ngày cấp Giấy phép thành lập và hoạt động và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 cùng năm được cấp Giấy phép thành lập và hoạt động đó.

Điều 66. Chế độ kế toán

1. Hệ thống kế toán Công ty sử dụng là Hệ thống Kế toán Việt Nam (VAS) hoặc chế độ kế toán đặc thù được cơ quan có thẩm quyền, Bộ Tài chính ban hành, chấp thuận.
2. Công ty lập sổ sách kế toán bằng tiếng Việt.
Công ty sẽ lưu giữ hồ sơ kế toán theo loại hình của các hoạt động kinh doanh mà Công ty tham gia. Những hồ sơ này phải chính xác, cập nhật, có hệ thống và phải đủ để chứng minh và giải trình các giao dịch của Công ty.
3. Công ty sử dụng đơn vị tiền tệ trong kế toán là đồng Việt Nam.

Trường hợp Công ty có các nghiệp vụ kinh tế phát sinh chủ yếu bằng một loại ngoại tệ thì được tự chọn ngoại tệ đó làm đơn vị tiền tệ trong kế toán, chịu trách nhiệm về lựa chọn đó trước pháp luật và thông báo cho cơ quan quản lý thuế trực tiếp.

CHƯƠNG XIII

BÁO CÁO TÀI CHÍNH, BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN VÀ TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN

Điều 67. Báo cáo Tài chính

Báo cáo tài chính của Công ty được lập, trình bày, ban hành và lưu hành, được kiểm toán vào công bố thông tin theo các quy định nội bộ SHS, pháp luật và hướng dẫn của các CQQLNN.

Điều 68. Báo cáo thường niên

Công ty phải lập và công bố Báo cáo thường niên theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

Điều 69. Chế độ báo cáo, công bố thông tin và thông báo ra công chúng

1. Việc báo cáo của Công ty phải đầy đủ, kịp thời và phản ánh chính xác tình hình thực tế của Công ty chứng khoán.
2. Công ty phải gửi báo cáo định kỳ bằng tệp dữ liệu điện tử cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước qua hệ thống thông tin của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước theo các thời hạn và quy định tại Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán và các văn bản pháp luật hướng dẫn, thi hành
3. Trong vòng 03 ngày làm việc, kể từ khi xảy ra các sự kiện dưới đây, Công ty phải báo cáo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước bằng văn bản:
 - a) Vay, đầu tư vượt quá hạn mức quy định tại Điều 26 và Điều 28 Thông tư 121-2020/TT-BTC ngày 31/12/2020;
 - b) Ngày trụ sở chính, chi nhánh, phòng giao dịch của Công ty khai trương hoạt động.
4. **Báo cáo quản trị rủi ro**

Trước ngày 31/01 và 31/7 hàng năm, Công ty phải gửi Báo cáo năm/6 tháng về hoạt động quản trị rủi ro (theo mẫu quy định tại Phụ lục IV Thông tư 121-2020/TT-BTC ngày 31/12/2020);
5. **Báo cáo theo yêu cầu**

Trường hợp cần thiết, Công ty báo cáo bằng văn bản theo yêu cầu của Bộ Tài chính, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở Giao dịch Chứng khoán và cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền
6. **Trình báo cáo hằng năm**
 - a) Kết thúc năm tài chính, Hội đồng Quản trị trình Đại hội đồng Cổ đông báo cáo theo quy định của Điều 175 Luật Doanh nghiệp bao gồm các nội dung sau đây:
 - Báo cáo kết quả kinh doanh của Công ty;
 - Báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Công ty;
 - Báo cáo đánh giá công tác quản lý, điều hành Công ty;
 - Báo cáo thẩm định của Ủy ban Kiểm toán
 - Các nội dung khác theo quy định pháp luật

- b) Báo cáo kết quả kinh doanh của Công ty; Báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Công ty; Báo cáo đánh giá công tác quản lý, điều hành Công ty phải được gửi đến Hội đồng Quản trị để thẩm định chậm nhất là 30 ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông thường niên.
- c) Báo cáo của Ủy ban Kiểm toán thẩm định các Báo cáo tại mục b khoản 6 Điều này và Báo cáo tài chính đã được kiểm toán phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty chậm nhất là 10 ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông thường niên nếu Điều lệ Công ty không quy định thời hạn khác dài hơn.

Cổ đông sở hữu cổ phần của Công ty liên tục ít nhất 01 năm có quyền tự mình hoặc cùng với luật sư, kế toán viên, kiểm toán viên có chứng chỉ hành nghề trực tiếp xem xét báo cáo quy định tại Điều này.

7. Công khai thông tin

Công ty thực hiện công khai thông tin theo quy định tại điều 176 Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, Thông tư 96/2020/TT-BTC hướng dẫn công bố thông tin và các quy định pháp luật liên quan, bao gồm:

- a) Gửi báo cáo tài chính định kỳ đã được Đại hội đồng Cổ đông thông qua đến cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật về kế toán và quy định khác của pháp luật có liên quan.
- b) Công ty công bố trên trang thông tin điện tử Công ty thông tin sau đây:
- Điều lệ Công ty;
 - Quy chế Quản trị nội bộ Công ty
 - Sơ yếu lý lịch, trình độ học vấn và kinh nghiệm nghề nghiệp của các thành viên Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc Công ty;
 - Danh sách Nhân viên có Chứng chỉ hành nghề
 - Báo cáo tài chính hằng năm đã được Đại hội đồng Cổ đông thông qua;
 - Báo cáo đánh giá kết quả hoạt động hằng năm của Hội đồng Quản trị.
 - Nghị quyết, Quyết định của Đại hội đồng Cổ đông;
 - Nghị quyết của Hội đồng Quản trị;
 - Các văn bản khác theo quy định pháp luật.

CHƯƠNG XIV

KIỂM TOÁN CÔNG TY

Điều 70. Kiểm toán

1. Trên cơ sở đề xuất của Hội đồng Quản trị, Đại hội đồng Cổ đông chỉ định một Công ty kiểm toán độc lập hoặc thông qua danh sách các Công ty kiểm toán độc lập và ủy quyền cho Hội đồng Quản trị quyết định lựa chọn một trong số các đơn vị này tiến hành kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính tiếp theo dựa trên những điều khoản và điều kiện thỏa thuận với Hội đồng Quản trị.

Công ty kiểm toán phải được cơ quan nhà nước có thẩm quyền chấp thuận, nếu pháp luật có quy định.

2. Công ty sẽ phải chuẩn bị và gửi Báo cáo tài chính hàng năm cho Công ty kiểm toán độc lập sau khi kết thúc năm tài chính.
3. Công ty kiểm toán độc lập có trách nhiệm kiểm tra, xác nhận và báo cáo về Báo cáo tài chính hàng năm của Công ty, lập báo cáo kiểm toán và trình báo cáo đó cho Hội đồng Quản trị trong vòng 02 (hai) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính.

Kiểm toán viên thực hiện việc kiểm toán cho Công ty phải được cơ quan nhà nước có thẩm quyền chấp thuận theo quy định của pháp luật.

4. Một bản sao của báo cáo kiểm toán sẽ phải được gửi đính kèm với mỗi bản báo cáo kế toán hàng năm của Công ty.
5. Kiểm toán viên độc lập thực hiện việc kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty được tham dự các cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông và được quyền nhận các thông báo và các thông tin khác liên quan đến cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông và được phát biểu ý kiến tại đại hội về các vấn đề có liên quan đến việc kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty.

CHƯƠNG XV

DẤU CỦA CÔNG TY

Điều 71. Dấu của Công ty

1. Dấu bao gồm Dấu được làm tại cơ sở khắc dấu hoặc Dấu dưới hình thức Chữ ký số theo quy định của pháp luật về giao dịch điện tử, được quy định tại Điều 43 Luật Doanh nghiệp và pháp luật.
2. Hội đồng Quản trị quyết định loại dấu, số lượng, hình thức và nội dung dấu của Công ty, chi nhánh, văn phòng đại diện của Công ty (nếu có).
3. Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc sử dụng và quản lý Dấu theo quy định pháp luật hiện hành.

CHƯƠNG XVI

TỔ CHỨC LẠI, GIẢI THỂ VÀ THANH LÝ CÔNG TY

Điều 72. Chấm dứt hoạt động và giải thể Công ty

1. Công ty có thể bị giải thể hoặc chấm dứt hoạt động trong những trường hợp sau:
 - a) Kết thúc thời hạn hoạt động đã ghi trong Điều lệ Công ty mà không có quyết định gia hạn;
 - b) Theo Nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng Cổ đông;
 - c) Bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, trừ trường hợp Luật Quản lý Thuế có quy định khác;
 - d) Các trường hợp khác do pháp luật quy định.
2. Công ty có thể bị giải thể trước thời hạn theo Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông trong những trường hợp sau:
 - a) Mục tiêu của Công ty không thực hiện được;
 - b) Công ty bị thua lỗ tới 3/4 (ba phần tư) vốn Điều lệ;
 - c) Có yêu cầu chính đáng của Cổ đông/nhóm Cổ đông đại diện cho ít nhất 2/3 (hai phần ba) số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty.
3. Việc giải thể Công ty trước thời hạn do Đại hội đồng Cổ đông quyết định, Hội đồng Quản trị thực hiện.
Quyết định giải thể này phải thông báo hay xin chấp thuận của cơ quan có thẩm quyền theo quy định pháp luật (nếu bắt buộc).
4. Thủ tục, trình tự giải thể Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn – Hà Nội được thực hiện theo các quy định có liên quan của pháp luật.

Điều 73. Gia hạn hoạt động, Tổ chức lại

1. Tổ chức lại:
Việc chia tách, hợp nhất, sáp nhập, phá sản và chuyển đổi Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn – Hà Nội được thực hiện theo quy định của pháp luật.
2. Gia hạn hoạt động:
Hội đồng Quản trị triệu tập họp Đại hội đồng Cổ đông ít nhất 7 (bảy) tháng trước khi kết thúc thời hạn hoạt động để cổ đông có thể biểu quyết về việc gia hạn hoạt động của Công ty theo đề nghị của Hội đồng Quản trị.
Thời hạn hoạt động được gia hạn khi có số cổ đông đại diện từ 65% trở lên tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông tân thành.

Điều 74. Thanh lý Công ty

1. Tối thiểu sáu tháng trước khi kết thúc thời hạn hoạt động của Công ty hoặc sau khi có một quyết định giải thể Công ty, Hội đồng Quản trị phải thành lập Ban thanh lý gồm 03 thành viên. Hai thành viên do Đại hội đồng Cổ đông chỉ định và một thành viên do Hội đồng Quản trị chỉ định từ một Công ty kiểm toán độc lập.

Ban thanh lý sẽ chuẩn bị các quy chế hoạt động của mình.

Các thành viên của Ban thanh lý có thể được lựa chọn trong số nhân viên trong Công ty hoặc chuyên gia độc lập.

Tất cả các chi phí liên quan đến thanh lý sẽ được ưu tiên thanh toán trước các khoản nợ khác của Công ty.

2. Ban thanh lý có trách nhiệm báo cáo cho cơ quan đăng ký kinh doanh về ngày thành lập và ngày bắt đầu hoạt động. Kể từ thời điểm đó, Ban thanh lý sẽ thay mặt Công ty trong tất cả các công việc liên quan đến thanh lý Công ty trước Tòa án và các cơ quan hành chính.
3. Tiền thu được từ việc thanh lý sẽ được thanh toán theo thứ tự sau:
 - a) Các chi phí thanh lý;
 - b) Các khoản nợ lương, trợ cấp thôi việc, bảo hiểm xã hội và các quyền lợi khác của người lao động theo thỏa ước lao động tập thể và hợp đồng lao động đã ký kết;
 - c) Nợ thuế;
 - d) Các khoản nợ khác của Công ty;
 - e) Phần còn lại sau khi đã thanh toán tất cả các khoản nợ từ mục (a) đến (d) trên đây được chia cho các cổ đông. Các cổ phần ưu đãi được ưu tiên thanh toán trước.

CHƯƠNG XVII

GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ

Điều 75. Giải quyết tranh chấp nội bộ

1. Trường hợp phát sinh tranh chấp hay khiếu nại có liên quan tới hoạt động của Công ty hay tới quyền của các Cổ đông phát sinh từ Điều lệ hay từ bất cứ quyền hoặc nghĩa vụ do Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, các quy định pháp luật khác hoặc thỏa thuận giữa:

- a) Cổ đông với Công ty; hoặc
- b) Cổ đông với Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc hay cán bộ quản lý khác.

Các bên liên quan sẽ cố gắng giải quyết tranh chấp đó thông qua thương lượng và hoà giải. Trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng Quản trị hay Chủ tịch Hội đồng Quản trị, Chủ tịch Hội đồng Quản trị sẽ chủ trì việc giải quyết tranh chấp và sẽ yêu cầu từng bên trình bày các yếu tố thực tiễn liên quan đến tranh chấp trong vòng 15 ngày làm việc kể từ ngày tranh chấp phát sinh.

Trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng Quản trị hay Chủ tịch Hội đồng Quản trị, bất cứ bên nào cũng có thể yêu cầu Đại hội đồng Cổ đông chỉ định một chuyên gia độc lập để hành động với tư cách là trọng tài cho quá trình giải quyết tranh chấp.

2. Trường hợp không đạt được quyết định hoà giải trong vòng sáu (6) tuần từ khi bắt đầu quá trình hoà giải hoặc nếu quyết định của trung gian hoà giải không được các bên chấp nhận, bất cứ bên nào cũng có thể đưa tranh chấp đó ra Trọng tài kinh tế hoặc Toà án kinh tế.
3. Các bên sẽ tự chịu chi phí của mình có liên quan tới thủ tục thương lượng và hoà giải. Các chi phí của Toà án sẽ do Toà phán quyết bên nào phải chịu.

Điều 76. Trường hợp bế tắc giữa các thành viên Hội đồng Quản trị và Cổ đông

1. Các Cổ đông nắm giữ một nửa số cổ phiếu đang lưu hành có quyền biểu quyết trong bầu cử thành viên Hội đồng Quản trị có quyền đệ đơn khiếu nại tới toà để yêu cầu giải thể theo một hay một số các căn cứ sau:
 - a) Các thành viên Hội đồng Quản trị không thống nhất trong quản lý các công việc của Công ty dẫn đến tình trạng không đạt được số phiếu cần thiết theo quy định để Hội đồng Quản trị hoạt động;
 - b) Các Cổ đông không thống nhất nên không thể đạt được số phiếu cần thiết theo quy định để tiến hành bầu thành viên Hội đồng Quản trị;
 - c) Có sự bất đồng trong nội bộ và hai hoặc nhiều phe cánh Cổ đông bị chia rẽ khiến cho việc giải thể sẽ là phương án có lợi hơn cả cho toàn thể Cổ đông.
2. Trình tự, thủ tục tuân thủ quy định pháp luật, Điều lệ Công ty.

12

CHƯƠNG XVIII
ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 77. Bổ sung và sửa đổi Điều lệ

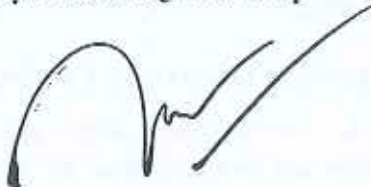
1. Việc bổ sung, sửa đổi Điều lệ này phải được Đại hội đồng Cổ đông xem xét quyết định.
2. Trong trường hợp có những quy định của pháp luật có liên quan đến hoạt động của Công ty chưa được đề cập trong bản Điều lệ này hoặc trong trường hợp có những quy định mới của pháp luật khác với những điều khoản trong Điều lệ này thì những quy định của pháp luật đó đương nhiên được áp dụng và điều chỉnh hoạt động của Công ty.

Điều 78. Ngày hiệu lực

1. Bản Điều lệ này gồm XVIII chương, 78 Điều, được ban hành theo Nghị quyết số 01-2024/NQ-DHDCD ngày 15/5/2024 của Đại hội đồng Cổ đông và Quyết định số 31 -2024/QĐ-HĐQT ngày 06/06/2024 của Hội đồng Quản trị Công ty CP Chứng khoán Sài Gòn – Hà Nội (SHS).
2. Điều lệ được lập thành 06 bản, có giá trị như nhau lưu trữ tại Văn phòng Hội đồng Quản trị Công ty.
3. Điều lệ này là duy nhất và chính thức của Công ty.
4. Các bản sao hoặc trích lục Điều lệ Công ty có giá trị khi có chữ ký của Chủ tịch Hội đồng Quản trị hoặc tối thiểu 1/2 tổng số thành viên Hội đồng Quản trị.

TM. CTY CP CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN – HÀ NỘI

**CHỦ TỊCH
HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**



ĐỖ QUANG VINH

NGƯỜI ĐẠI DIỆN PHÁP LUẬT



NGUYỄN CHÍ THÀNH

PHỤ LỤC
CHI TIẾT VỐN ĐIỀU LỆ CÔNG TY TỪ NGÀY THÀNH LẬP ĐẾN NAY
VÀ TỶ LỆ CỔ PHẦN SỞ HỮU CỦA CÁC CỔ ĐỒNG SÁNG LẬP
TẠI NGÀY THÀNH LẬP CÔNG TY

1) Chi tiết vốn Điều lệ của Công ty từ ngày thành lập đến nay:

STT	THÁNG	VỐN ĐIỀU LỆ (đồng)	GHI CHÚ
1	11/2007	350.000.000.000	Thành lập Công ty
2	05/2009	410.629.960.000	Phát hành cổ phiếu thương tăng vốn điều lệ từ quỹ thặng dư vốn
3	04/2010	1.000.000.000.000	Phát hành cổ phần tăng vốn điều lệ cho Cổ đông hiện hữu, Cán bộ nhân viên và đối tác tiềm năng
4	05/2018	1.053.956.740.000	Phát hành cổ phần hoán đổi cổ phần SHBS để nhận sáp nhập Công ty CP Chứng khoán SHB
5	05/2019	2.072.682.010.000	Phát hành cổ phần tăng vốn điều lệ trả cổ tức bằng cổ phiếu và chào bán cho Cổ đông hiện hữu, Cán bộ nhân viên và đối tác tiềm năng
6	10/2021	3.252.650.270.000	Phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ từ nguồn vốn chủ sở hữu và chào bán cho Cổ đông hiện hữu, Cán bộ nhân viên
7	06/2022	6.505.300.540.000	Chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng cho cổ đông hiện hữu
8	08/2022	8.131.567.480.000	Phát hành cổ phiếu SHS để trả cổ tức năm 2021 và tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu

2) Thông tin về Cổ đông sáng lập và tỷ lệ sở hữu cổ phần của các Cổ đông sáng lập tại ngày thành lập Công ty:

T T	TÊN	GIẤY CNDKKD, NGÀY CẤP, NƠI CẤP	ĐỊA CHỈ	CỔ PHẦN SỞ HỮU	TRỊ GIÁ (đồng)	TỶ LỆ (%)
1	Công ty Cổ phần Tập đoàn T&T	0103020950, 09/12/2008, Sở KH&ĐT Hà Nội	Số 18 đường Hàng Chuối, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội	5.250.000	52.500.000.000	15
2	Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn - Hà Nội (SHB)	0103026080, 29/7/2008, Sở KH&ĐT Hà Nội	Số 77, đường Trần Hưng Đạo, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội	3.500.000	35.000.000.000	10
3	Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam (VCM)	0106000574, 09/02/2006, Sở KH&ĐT Hà Nội	Số 226 đường Lê Duẩn, Quận Đống Đa, Hà Nội	3.500.000	35.000.000.000	10
4	Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị và Khu Công nghiệp Cao su Việt Nam (VINARUCO)	0403000336, 18/12/2007, Sở KH&ĐT Hải Dương	Số 165 đường Bạch Đằng, p.Trần Phú, TP.Hải Dương, tỉnh Hải Dương	3.500.000	35.000.000.000	10
5	Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam (VGR)	4106000341, 16/03/2007, Sở KH&ĐT TP.HCM	Số 236 Đường Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Quận 3, TP HCM	1.750.000	17.500.000.000	05
6	Công ty TNHH Dịch vụ Thương mại Hà Nội	044981, 11/04/2007 Sở KH&ĐT Hà Nội	Số 17 Đường Phù Đồng Thiên Vương, P. Ngô Thị Nhậm, Hai Bà Trung, Hà Nội	1.750.000	17.500.000.000	05
7	Công ty Cổ phần Đầu tư Công nghiệp An Sinh	0103021662, 11/01/2008 Sở KH&ĐT Hà Nội	Số 122 Hoàng Ngân, P.Trung Hòa, Quận Cầu Giấy, Hà Nội	1.750.000	17.500.000.000	05

BẢN SAO

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN - HÀ NỘI

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

(đã được kiểm toán)

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN - HÀ NỘI

Tầng 1-5 Tòa nhà Unimex Hà Nội, số 41 Ngô Quyền,
phường Hàng Bài, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội

NỘI DUNG

	Trang
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	02-03
Báo cáo kiểm toán độc lập	04-05
Báo cáo tài chính đã được kiểm toán	06-50
Báo cáo tình hình tài chính	06-09
Báo cáo kết quả hoạt động	10-12
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	13-15
Báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu	16
Thuyết minh Báo cáo tài chính	17-50

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN - HÀ NỘI

Tầng 1-5 Tòa nhà Unimex Hà Nội, số 41 Ngô Quyền,
phường Hàng Bài, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội được thành lập và hoạt động theo Giấy phép hoạt động kinh doanh Chứng khoán số 66/UBCK-GP do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 15 tháng 11 năm 2007 và Giấy phép điều chỉnh lần gần nhất số 85/GPĐC-UBCK do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 05 tháng 09 năm 2022.

Trụ sở của Công ty tại: Tầng 1-5 Tòa nhà Unimex Hà Nội, số 41 Ngô Quyền, phường Hàng Bài, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Đỗ Quang Vinh	Chủ tịch
Ông Vũ Đức Tiến	Thành viên
Ông Lê Đăng Khoa	Thành viên
Ông Lưu Danh Đức	Thành viên
Bà Nguyễn Diệu Trinh	Thành viên

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Nguyễn Chí Thành	Tổng Giám đốc người đại diện theo pháp luật Bổ nhiệm ngày 25/03/2024
Ông Vũ Đức Tiến	Tổng Giám đốc người đại diện theo pháp luật Thôi giữ chức vụ từ ngày 25/03/2024
Ông Trần Sỹ Tiến	Phó Tổng Giám đốc kiêm Kế toán trưởng
Bà Trần Thị Thu Thanh	Phó Tổng Giám đốc

Các thành viên của Ban Kiểm soát bao gồm:

Bà Phạm Thị Bích Hồng	Trưởng ban
Bà Lương Thị Lựu	Thành viên
Ông Vũ Đức Trung	Thành viên

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC đã thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính cho Công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN - HÀ NỘI

Tầng 1-5 Tòa nhà Unimex Hà Nội, số 41 Ngõ Quyền,
phường Hoàng Bài, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động, tình hình lưu chuyển tiền tệ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán Việt Nam áp dụng đối với công ty chứng khoán và các quy định hiện hành có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính;
- Lập các Báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các số kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định pháp lý của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2023, kết quả hoạt động, tình hình lưu chuyển tiền tệ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023, phù hợp với Chuẩn mực, Chế độ kế toán Việt Nam áp dụng đối với công ty chứng khoán và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Cam kết khác

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty tuân thủ Nghị định 155/2020/NĐ-CP của Chính Phủ ngày 31/12/2020 hướng dẫn về quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán và Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc



Nguyễn Chí Thành
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 25 tháng 03 năm 2024

Số: 250324.021/BCTC.KT2

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội được lập ngày 25 tháng 03 năm 2024, từ trang 06 đến trang 50, bao gồm: Báo cáo tình hình tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, Báo cáo kết quả hoạt động, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ, Báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán Việt Nam áp dụng đối với công ty chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, cũng như kết quả hoạt động, tình hình lưu chuyển tiền tệ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán Việt Nam áp dụng đối với công ty chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC



CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH

Ngày: 18-06-2024

[Signature]

Vũ Xuân Biển

Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

Số: 0743-2023-002-1

14013.02

Số chứng thực

Quyền số

Lê Công Thắng

Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

Số: 4422-2024-002-1

Hà Nội, ngày 25 tháng 03 năm 2024



CÔNG CHỨNG VIÊN
Bùi Trường Quân

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN - HÀ NỘI

Tầng 1-5 Tòa nhà Unimex Hà Nội, số 41 Ngõ Quyền,
phường Hàng Bài, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2023	01/01/2023
			VND	VND
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		11.385.435.031.979	10.832.351.412.869
110	I. Tài sản tài chính		11.377.914.571.577	10.811.683.657.275
111	1. Tiền và các khoản tương đương tiền	4	851.889.363.555	1.039.661.871.707
111.1	1.1 Tiền		851.889.363.555	1.039.661.871.707
112	2. Các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)	5	5.032.173.035.088	4.339.477.987.075
113	3. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM)	5	-	1.000.000.000.000
114	4. Các khoản cho vay	5	3.835.138.903.480	2.355.668.531.748
115	5. Tài sản tài chính sẵn sàng để bán (AFS)	5	660.595.904.800	572.237.987.350
117	6. Các khoản phải thu	6	103.125.243.995	51.117.381.554
117.2	6.1 Phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các tài sản tài chính		103.125.243.995	51.117.381.554
117.3	6.1.1 Phải thu cổ tức, tiền lãi đến ngày nhận		103.125.243.995	51.117.381.554
118	7. Trả trước cho người bán	7	1.750.718.531	1.579.399.895
119	8. Phải thu các dịch vụ công ty chứng khoán cung cấp	6	1.378.240.211.577	1.916.111.404.544
122	9. Các khoản phải thu khác	6	45.006.580.297	45.008.845.285
129	10. Dự phòng suy giảm giá trị các khoản phải thu	8	(530.005.389.746)	(509.179.751.883)
130	II. Tài sản ngắn hạn khác		7.520.460.402	20.667.755.594
131	1. Tạm ứng		2.528.993.666	2.064.629.550
132	2. Vật tư văn phòng, công cụ, dụng cụ	9	259.534.368	262.111.957
133	3. Chi phí trả trước ngắn hạn	10	4.628.757.347	3.988.136.457
134	4. Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược ngắn hạn	11	2.750.000	2.750.000
135	5. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ		19.500	-
136	6. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	12	1.000.000	14.350.127.630
137	7. Tài sản ngắn hạn khác		99.405.521	-
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		71.772.508.032	67.274.353.894
220	II. Tài sản cố định		10.087.224.075	16.937.048.561
221	1. Tài sản cố định hữu hình	13	7.507.949.662	13.391.164.569
222	- Nguyên giá		40.786.012.398	40.786.012.398
223a	- Giá trị hao mòn lũy kế		(33.278.062.736)	(27.394.847.829)
227	2. Tài sản cố định vô hình	14	2.579.274.413	3.545.883.992
228	- Nguyên giá		28.967.980.987	27.887.980.987
229a	- Giá trị hao mòn lũy kế		(26.388.706.574)	(24.342.096.995)
240	IV. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	15	10.660.476.000	-
250	V. Tài sản dài hạn khác		51.024.807.957	50.337.305.333
251	1. Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược dài hạn	11	2.644.693.540	3.154.800.343
252	2. Chi phí trả trước dài hạn	10	18.380.114.417	27.182.504.990
254	3. Tiền nộp Quỹ Hỗ trợ thanh toán	16	20.000.000.000	20.000.000.000
255	4. Tài sản dài hạn khác		10.000.000.000	-
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		11.457.207.540.011	10.899.625.766.763

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN - HÀ NỘI

Tầng 1-5 Tòa nhà Unimex Hà Nội, số 41 Ngô Quyền,
phường Hàng Bài, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023
(tiếp theo)

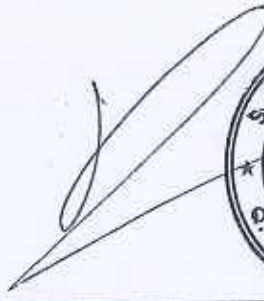
Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2023	01/01/2023
			VND	VND
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		1.193.696.795.393	1.463.766.337.166
310	I. Nợ phải trả ngắn hạn		1.120.505.210.757	1.364.948.808.240
311	1. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	17	892.000.000.000	407.000.000.000
312	1.1 Vay ngắn hạn		892.000.000.000	407.000.000.000
316	3. Trái phiếu phát hành ngắn hạn		-	660.000.000.000
318	4. Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	18	11.121.656.000	600.000
320	5. Phải trả người bán ngắn hạn	19	3.215.160.000	114.159.297.216
321	6. Người mua trả tiền trước ngắn hạn		1.770.500.000	4.360.500.000
322	7. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	20	44.249.608.201	21.329.988.934
323	8. Phải trả người lao động		28.669.030.548	18.478.420.632
324	9. Các khoản trích nộp phúc lợi nhân viên		1.942.972.277	1.350.097.377
325	10. Chi phí phải trả ngắn hạn	21	24.452.583.784	35.440.775.897
328	11. Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn		16.164.000	16.164.000
329	12. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	22	8.125.721.664	9.119.376.526
331	13. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		104.941.814.283	93.693.587.658
340	II. Nợ phải trả dài hạn		73.191.584.636	98.817.528.926
352	1. Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn		25.000.000	25.000.000
356	2. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	39.2	73.166.584.636	98.792.528.926
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		10.263.510.744.618	9.435.859.429.597
410	I. Vốn chủ sở hữu	23	10.263.510.744.618	9.435.859.429.597
411	1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		8.853.320.430.800	8.853.320.430.800
411.1	1.1 Vốn góp của chủ sở hữu		8.131.567.480.000	8.131.567.480.000
411.1a	a Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		8.131.567.480.000	8.131.567.480.000
411.2	1.3 Thặng dư vốn cổ phần		721.752.950.800	721.752.950.800
412	2. Chênh lệch đánh giá tài sản theo giá trị hợp lý		(48.728.904.420)	(337.086.821.870)
414	3. Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ		77.136.777.489	77.136.777.489
415	4. Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ		-	77.136.777.489
417	5. Lợi nhuận chưa phân phối		1.381.782.440.749	765.352.265.689
417.1	5.1 Lợi nhuận sau thuế đã thực hiện		1.089.116.102.205	370.182.149.985
417.2	5.2 Lợi nhuận chưa thực hiện		292.666.338.544	395.170.115.704
440	TỔNG CỘNG NỢ VÀ VỐN CHỦ SỞ HỮU		11.457.207.540.011	10.899.625.766.763

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	31/12/2023	01/01/2023
	A. TÀI SẢN CỦA CÔNG TY CHỨNG KHOÁN VÀ TÀI SẢN QUẢN LÝ THEO CAM KẾT			
002	1. Chứng chỉ có giá nhận giữ hộ		1.500.000.000	1.500.000.000
003	2. Tài sản nhận thế chấp		6.903.330.000	6.903.330.000
006	3. Cổ phiếu đang lưu hành		813.156.748	813.156.748
008	4. Tài sản tài chính niêm yết/đăng ký giao dịch tại VSD của công ty chứng khoán	24	2.182.781.990.000	1.494.361.190.000
009	5. Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch của công ty chứng khoán	25	16.122.280.000	76.790.020.000
010	6. Tài sản tài chính chờ về của công ty chứng khoán	26	5.000.000.000	4.235.100.000
012	7. Tài sản tài chính chưa lưu ký tại VSD của công ty chứng khoán	27	449.605.490.000	799.358.780.000
	B. TÀI SẢN VÀ CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ VỀ TÀI SẢN QUẢN LÝ CAM KẾT VỚI KHÁCH HÀNG			
021	1. Tài sản tài chính niêm yết/đăng ký giao dịch tại VSD của Nhà đầu tư	28	45.687.831.310.000	44.641.325.860.000
021.1	a. Tài sản tài chính giao dịch dự do chuyển nhượng		39.190.047.450.000	36.784.515.100.000
021.2	b. Tài sản tài chính hạn chế chuyển nhượng		1.398.304.940.000	1.350.251.430.000
021.3	c. Tài sản tài chính giao dịch cầm cố		4.830.732.900.000	6.316.152.530.000
021.4	d. Tài sản tài chính phong tỏa, tạm giữ		35.446.580.000	65.747.990.000
021.5	e. Tài sản tài chính chờ thanh toán		233.299.440.000	124.658.810.000
022	2. Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch của Nhà đầu tư	29	1.400.338.460.000	2.510.912.030.000
022.1	a. Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch, tự do chuyển nhượng		918.438.460.000	1.121.600.510.000
022.2	b. Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch, hạn chế chuyển nhượng		481.900.000.000	1.389.311.520.000
023	3. Tài sản tài chính chờ về của Nhà đầu tư	30	143.100.970.000	468.708.950.000

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	31/12/2023	01/01/2023
026	11. Tiền gửi của khách hàng	31	2.180.185.981.782	1.309.534.815.623
027	11.1 Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý		430.005.857.813	786.530.289.831
028	11.2 Tiền gửi tổng hợp giao dịch chứng khoán cho khách hàng		299.996.852.016	522.927.021.500
030	11.3 Tiền gửi của Tổ chức phát hành chứng khoán		1.450.183.271.953	77.504.292
031	15. Phải trả Nhà đầu tư về tiền giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	32	730.002.709.829	1.309.457.311.331
031.1	15.1 Phải trả Nhà đầu tư trong nước về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý		728.571.625.016	1.308.640.251.227
031.2	15.2 Phải trả Nhà đầu tư nước ngoài về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý		1.431.084.813	817.060.104
032	18. Phải trả tổ chức phát hành chứng khoán		1.450.183.271.953	77.504.292


Nguyễn Thị Thủy
Người lập

Trần Sỹ Tiến
Kế toán trưởngNguyễn Chí Thành
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 25 tháng 03 năm 2024

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG

Năm 2023

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2023	Năm 2022	
			VND	VND	
I. DOANH THU HOẠT ĐỘNG					
01	1.1	Lãi từ các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)	580.920.238.136	464.437.535.006	
01.1	a.	Lãi bán các tài sản tài chính FVTPL	34.a)	322.874.264.176	457.309.337.888
01.2	b.	Chênh lệch tăng về đánh giá lại các TSTC FVTPL	34.b)	8.608.369.490	(146.920.715.909)
01.3	c.	Cổ tức, tiền lãi phát sinh từ tài sản tài chính FVTPL	34.c)	249.437.604.470	154.048.913.027
02	1.2	Lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM)	34.c)	37.528.767.143	30.824.931.494
03	1.3	Lãi từ các khoản cho vay và phải thu	34.c)	547.158.302.683	567.856.675.262
06	1.4	Doanh thu nghiệp vụ môi giới chứng khoán		222.361.436.474	332.853.242.032
07	1.5	Doanh thu nghiệp vụ bảo lãnh, đại lý phát hành chứng khoán		37.711.363.635	26.825.909.090
08	1.6	Doanh thu nghiệp vụ tư vấn đầu tư chứng khoán		2.201.462.119	11.882.697.584
09	1.7	Doanh thu nghiệp vụ lưu ký chứng khoán		15.484.796.359	23.514.147.503
10	1.8	Doanh thu hoạt động tư vấn tài chính		16.282.449.314	83.618.136.467
11	1.9	Thu nhập hoạt động khác	34.d)	420.625.394	654.937.941
20	Cộng doanh thu hoạt động		1.460.069.441.257	1.542.468.212.379	
II. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG					
21	2.1	Lỗ các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)	336.713.866.532	724.967.169.134	
21.1	a.	Lỗ bán các tài sản tài chính FVTPL	34.a)	197.916.927.502	611.516.707.522
21.2	b.	Chênh lệch giảm đánh giá lại các tài sản tài chính FVTPL	34.b)	136.738.090.940	111.916.028.805
21.3	c.	Chi phí giao dịch mua các tài sản tài chính FVTPL		2.058.848.090	1.534.432.807
24	2.2	Chi phí dự phòng tài sản tài chính, xử lý tổn thất các khoản phải thu khó đòi và lỗ suy giảm tài sản tài chính và chi phí đi vay của các khoản cho vay		8.307.039.780	21.786.592.904
26	2.3	Chi phí hoạt động tự doanh		15.667.229.029	12.747.553.484
27	2.4	Chi phí nghiệp vụ môi giới chứng khoán		168.959.936.815	235.286.601.928
28	2.5	Chi phí nghiệp vụ bảo lãnh, đại lý phát hành chứng khoán		8.749.068.873	6.796.302.872
29	2.6	Chi phí nghiệp vụ tư vấn đầu tư chứng khoán		13.415.798.498	11.546.785.243
30	2.7	Chi phí nghiệp vụ lưu ký chứng khoán		11.604.270.708	11.934.361.917
31	2.8	Chi phí hoạt động tư vấn tài chính		8.782.381.984	7.385.409.181
32	2.9	Chi phí các dịch vụ khác	35	34.241.491.361	56.371.123.973
40	Cộng chi phí hoạt động		606.441.083.579	1.088.821.900.636	

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG

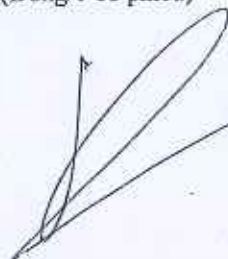
Năm 2023

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2023	Năm 2022
			VND	VND
	III. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH	36		
42	3.1 Doanh thu, dự thu cổ tức, lãi tiền gửi ngân hàng không cố định		4.715.313.949	4.975.550.219
50	Cộng doanh thu hoạt động tài chính		4.715.313.949	4.975.550.219
	IV. CHI PHÍ TÀI CHÍNH	37		
52	4.1 Chi phí lãi vay		58.742.468.822	163.288.704.020
55	4.2 Chi phí tài chính khác		-	20.000.000
60	Cộng chi phí tài chính		58.742.468.822	163.308.704.020
62	VI. CHI PHÍ QUẢN LÝ CÔNG TY CHỨNG KHOÁN	38	115.526.401.141	98.238.383.658
70	VII. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG		684.074.801.664	197.074.774.284
	VIII. THU NHẬP KHÁC VÀ CHI PHÍ KHÁC			
71	8.1 Thu nhập khác		98.722.534	213.101.490
72	8.2 Chi phí khác		25.523	4.250
80	Cộng kết quả hoạt động khác		98.697.011	213.097.240
90	IX. TỔNG LỢI NHUẬN KẾ TOÁN TRƯỚC THUẾ		684.173.498.675	197.287.871.524
91	9.1 Lợi nhuận đã thực hiện		812.303.220.125	456.124.616.238
92	9.2 Lợi nhuận chưa thực hiện		(128.129.721.450)	(258.836.744.714)
100	X. CHI PHÍ THUẾ TNDN	39	124.880.101.105	35.071.817.414
100.1	10.1 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	39.1	150.506.045.395	86.839.166.357
100.2	10.2 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	39.2	(25.625.944.290)	(51.767.348.943)
200	XI. LỢI NHUẬN KẾ TOÁN SAU THUẾ TNDN		<u>559.293.397.570</u>	<u>162.216.054.110</u>

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG

Năm 2023

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2023	Năm 2022
			VND	VND
300	XII. THU NHẬP (LỖ) TOÀN DIỆN KHÁC SAU THUẾ TNDN			
301	12.1 Lãi/(Lỗ) từ đánh giá lại các tài sản tài chính sẵn sàng để bán		288.357.917.450	(630.116.616.246)
400	Tổng thu nhập toàn diện		288.357.917.450	(630.116.616.246)
500	XIII. THU NHẬP THUẦN TRÊN CỔ PHIẾU PHỔ THÔNG			
501	13.1 Lãi cơ bản trên cổ phiếu (Đồng/1 cổ phiếu)		688	238


Nguyễn Thị Thủy
Người lập

Trần Sỹ Tiến
Kế toán trưởngNguyễn Chí Thành
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 25 tháng 03 năm 2024

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN - HÀ NỘI

Tầng 1-5 Tòa nhà Unimex Hà Nội, số 41 Ngõ Quyền,
phường Hàng Bài, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Năm 2023

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2023	Năm 2022
			VND	VND
	I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
01	1. Lợi nhuận trước thuế thu nhập doanh nghiệp		684.173.498.675	197.287.871.524
02	2. Điều chỉnh cho các khoản		82.782.617.222	209.048.872.323
03	- Khấu hao tài sản cố định		7.929.824.486	5.948.988.777
04	- Các khoản dự phòng		20.825.637.863	44.786.729.745
06	- Chi phí lãi vay		58.742.468.822	163.288.704.020
07	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(4.715.313.949)	(4.975.550.219)
10	3. Tăng các chi phí phi tiền tệ		136.738.090.940	111.916.028.805
11	- Lỗ đánh giá giá trị các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ FVTPL		136.738.090.940	111.916.028.805
18	4. Giảm các doanh thu phi tiền tệ		(8.608.369.490)	146.920.715.909
19	- Lãi đánh giá lại giá trị các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ FVTPL		(8.608.369.490)	146.920.715.909
30	5. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		(900.833.183.448)	(1.395.943.279.200)
31	- Tăng (giảm) tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ FVTPL		(820.824.769.463)	(1.897.540.957.686)
32	- Tăng (giảm) các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM)		1.000.000.000.000	(1.000.000.000.000)
33	- Tăng (giảm) các khoản cho vay		(1.479.470.371.732)	3.461.344.094.774
34	- Tăng (giảm) tài sản tài chính sẵn sàng để bán AFS		200.000.000.000	(499.813.374.296)
36	- (-) Tăng, (+) giảm phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các tài sản tài chính		(52.007.862.441)	(12.264.029.069)
37	- (-) Tăng, (+) giảm các khoản phải thu các dịch vụ công ty chứng khoán cung cấp		535.281.192.967	(690.954.936.324)
39	- (-) Tăng, (+) giảm các khoản phải thu khác		2.264.988	116.343.359.748
40	- Tăng (giảm) các tài sản khác		(9.951.699.224)	(1.030.270.158)
41	- Tăng (giảm) chi phí phải trả (không bao gồm chi phí lãi vay)		(14.081.077.114)	(54.488.074.894)
42	- Tăng (giảm) chi phí trả trước		8.161.769.683	6.563.959.125
43	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(113.323.301.380)	(207.085.531.914)
44	- Lãi vay đã trả		(55.649.583.821)	(169.150.496.552)
45	- Tăng, (giảm) phải trả cho người bán		(111.115.455.852)	116.251.716.091
46	- Tăng, (giảm) các khoản trích nộp phúc lợi nhân viên		592.874.900	616.649.400
47	- Tăng, (giảm) thuế và các khoản phải nộp Nhà nước (không bao gồm thuế TNDN)		86.002.882	(31.191.632.179)
48	- Tăng, (giảm) phải trả người lao động		10.190.609.916	(39.582.460.721)
50	- Tăng, (giảm) phải trả, phải nộp khác		10.027.995.617	(482.991.444.713)
52	- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(8.751.773.374)	(10.969.849.832)
60	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		(5.747.346.101)	(730.769.790.639)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Năm 2023

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2023	Năm 2022
			VND	VND
	II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
61	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư và các tài sản khác		(11.740.476.000)	(8.757.927.000)
65	2. Tiền thu về cổ tức và lợi nhuận được chia từ các khoản đầu tư tài chính dài hạn		4.715.313.949	4.975.550.219
70	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		(7.025.162.051)	(3.782.376.781)
	III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
71	1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu		-	3.903.180.324.000
73	3. Tiền vay gốc		5.669.000.000.000	10.336.490.000.000
73.2	3 Tiền vay khác		5.669.000.000.000	10.336.490.000.000
74	4. Tiền chi trả nợ gốc vay		(5.844.000.000.000)	(13.117.490.000.000)
74.3	4.3 Tiền chi trả gốc nợ vay khác		(5.844.000.000.000)	(13.117.490.000.000)
80	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		(175.000.000.000)	1.122.180.324.000
90	IV. Tăng (giảm) tiền thuần trong năm		(187.772.508.152)	387.628.156.580
101	V. Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm		1.039.661.871.707	652.033.715.127
101.1	- Tiền		1.039.661.871.707	652.033.715.127
103	VI. Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm	4	851.889.363.555	1.039.661.871.707
103.1	- Tiền		851.889.363.555	1.039.661.871.707

**PHÂN LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HOẠT ĐỘNG MÔI GIỚI, ỦY THÁC CỦA
KHÁCH HÀNG**

Năm 2023

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2023	Năm 2022
			VND	VND
	I. Lưu chuyển tiền hoạt động môi giới, ủy thác của khách hàng			
01	1. Tiền thu bán chứng khoán môi giới cho khách hàng		103.966.411.225.699	142.902.450.156.906
02	2. Tiền chi mua chứng khoán môi giới cho khách hàng		(96.862.974.028.825)	(132.525.666.895.776)
07	3. Nhận tiền gửi để thanh toán giao dịch chứng khoán của khách hàng		(7.672.587.219.681)	(11.444.917.687.553)
11	4. Chi trả phí lưu ký chứng khoán của khách hàng		(10.304.578.695)	(7.099.676.628)
14	5. Tiền thu của Tổ chức phát hành chứng khoán		12.871.288.776.654	14.655.197.829.610
15	6. Tiền chi trả Tổ chức phát hành chứng khoán		(11.421.183.008.993)	(14.655.416.282.110)
20	Tăng/giảm tiền thuần trong năm		870.651.166.159	(1.075.452.555.551)
30	II. Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm của khách hàng		1.309.534.815.623	2.384.987.371.174
31	Tiền gửi ngân hàng đầu năm:		1.309.534.815.623	2.384.987.371.174
32	- Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức công ty chứng khoán quản lý		786.530.289.831	787.074.410.882
33	- Tiền gửi tổng hợp giao dịch chứng khoán cho khách hàng		522.927.021.500	1.597.617.003.500
35	- Tiền gửi của Tổ chức phát hành		77.504.292	295.956.792
40	III. Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm của khách hàng	31	2.180.185.981.782	1.309.534.815.623
41	Tiền gửi ngân hàng cuối năm:		2.180.185.981.782	1.309.534.815.623
42	- Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức công ty chứng khoán quản lý		430.005.857.813	786.530.289.831
43	- Tiền gửi tổng hợp giao dịch chứng khoán cho khách hàng		299.996.852.016	522.927.021.500
45	- Tiền gửi của Tổ chức phát hành		1.450.183.271.953	77.504.292


Nguyễn Thị Thủy
Người lập

Trần Sỹ Tiến
Kế toán trưởngNguyễn Chí Thành
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 25 tháng 03 năm 2024

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN - HÀ NỘI

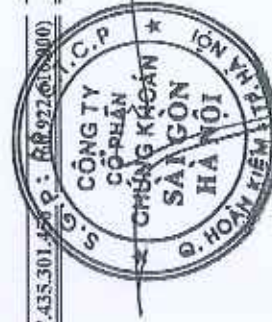
Tầng 1-5 Tòa nhà Unimex Hà Nội, số 41 Ngõ Quyền,
phường Hàng Bài, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU

Năm 2023

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số dư đầu năm				Số tăng/giảm				Số dư cuối năm			
		01/01/2022		01/01/2023		Năm 2022		Năm 2023		31/12/2022		31/12/2023	
		VND		VND		Tăng VND	Giảm VND	Tăng VND	Giảm VND	VND		VND	
I. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		3.742.322.836.300		8.853.320.430.800		5.529.447.264.000	418.449.669.500	-	-	8.853.320.430.800		8.853.320.430.800	
1.1. Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		3.252.650.270.000		8.131.567.480.000		4.878.917.210.000	-	-	-	8.131.567.480.000		8.131.567.480.000	
1.2. Thặng dư vốn cổ phần		489.672.566.300		721.752.950.800		650.530.054.000	418.449.669.500	-	-	721.752.950.800		721.752.950.800	
2. Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ		77.136.777.489		77.136.777.489		-	-	-	-	77.136.777.489		77.136.777.489	
3. Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ		77.136.777.489		77.136.777.489		-	-	-	77.136.777.489	77.136.777.489		77.136.777.489	
4. Chênh lệch đánh giá lại tài sản theo giá trị hợp lý		293.029.794.376		(337.086.821.870)		(350.516.616.246)	279.600.000.000	227.435.301.450	(60.922.616.000)	(337.086.821.870)		(48.728.904.420)	
5. Lợi nhuận chưa phân phối		1.865.953.482.079		765.352.265.689		162.216.054.110	1.262.817.270.500	636.430.175.060	20.000.000.000	765.352.265.689		1.381.782.440.749	
5.1. Lợi nhuận sau thuế đã thực hiện		1.263.713.970.604		370.182.149.985		369.285.449.881	1.262.817.270.500	738.933.952.220	20.000.000.000	370.182.149.985		1.089.116.102.205	
5.2. Lợi nhuận chưa thực hiện		602.239.511.475		395.170.115.704		(207.069.395.771)	-	(102.503.777.160)	-	395.170.115.704		292.666.338.544	
TỔNG CỘNG		6.055.579.667.733		9.435.859.429.597		5.341.146.701.864	1.960.866.940.000	863.865.476.510	36.214.161.489	9.435.859.429.597		10.263.510.744.618	
II. Thu nhập toàn diện khác													
1. Lãi/lỗ từ đánh giá lại các tài sản tài chính sẵn sàng để bán		293.029.794.376		(337.086.821.870)		(350.516.616.246)	279.600.000.000	227.435.301.450	(60.922.616.000)	(337.086.821.870)		(48.728.904.420)	
TỔNG CỘNG		293.029.794.376		(337.086.821.870)		(350.516.616.246)	279.600.000.000	227.435.301.450	(60.922.616.000)	(337.086.821.870)		(48.728.904.420)	



(Signature)

Nguyễn Thị Thủy
Người lập

Trần Sỹ Tiến
Kế toán trưởng

Nguyễn Chí Thành
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 25 tháng 03 năm 2024

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH*Năm 2023***1 . THÔNG TIN CHUNG****1.1 . Đặc điểm hoạt động của Công ty Chứng khoán**

Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội được thành lập và hoạt động theo Giấy phép hoạt động kinh doanh Chứng khoán số 66/UBCK-GP do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 15 tháng 11 năm 2007 và Giấy phép điều chỉnh lần gần nhất số 85/GPĐC-UBCK do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 05 tháng 09 năm 2022.

Trụ sở của Công ty tại: Tầng 1-5 Tòa nhà Unimex Hà Nội, số 41 Ngô Quyền, phường Hàng Bài, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội.

Vốn điều lệ của Công ty theo đăng ký là 8.131.567.480.000 VND, vốn điều lệ thực góp đến ngày 31 tháng 12 năm 2023 là 8.131.567.480.000 VND; tương đương 813.156.748 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 VND.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 là: 267 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 là: 252 người).

Các đơn vị trực thuộc của Công ty như sau:

Tên đơn vị	Nơi thành lập và hoạt động
Chi nhánh Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội tại thành phố Hồ Chí Minh	Tầng 3, Cao ốc Sài Gòn Metropolitan, số 235 Đồng Khởi, P. Bến Nghé, Quận 1, thành phố Hồ Chí Minh
Chi nhánh Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội tại thành phố Đà Nẵng	Tầng 8, tòa nhà Thánh Lợi 2, số 03 Lê Đình Lý, phường Vĩnh Trung, quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng.

1.2 . Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh của Công ty gồm: Môi giới chứng khoán; Tự doanh chứng khoán; Tư vấn đầu tư chứng khoán; Lưu ký chứng khoán; Bảo lãnh phát hành chứng khoán; Tư vấn tài chính và các dịch vụ tài chính khác.

1.3 . Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính

Trong năm 2023, thị trường chứng khoán Việt Nam dần hồi phục trên nền đáy từ cuối năm 2022 dẫn tới hoạt động mua/bán tài sản tài chính trong năm cũng như chênh lệch từ đánh giá lại các tài sản tài chính FVTPL không phát sinh khoản lỗ lớn như năm trước; bên cạnh đó, Công ty cũng ghi nhận được khoản cổ tức, tiền lãi phát sinh từ các TSTC, lãi nắm giữ đến ngày đáo hạn lớn nhiều so với năm trước. Các yếu tố này dẫn tới kết quả kinh doanh trong năm 2023 tăng trưởng mạnh so với năm 2022.

2 . CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY**2.1 . Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

2.2 . Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng chế độ kế toán áp dụng cho các Công ty chứng khoán do Bộ Tài chính ban hành theo Thông tư số 210/2014/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2014 ("Thông tư 210") về việc hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán và Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27 tháng 12 năm 2016 ("Thông tư 334") sửa đổi, bổ sung và thay thế phụ lục 02 và 04 của Thông tư 210. Các Thông tư này đưa ra các quy định liên quan đến chứng từ kế toán, hệ thống tài khoản kế toán cũng như phương pháp lập và trình bày báo cáo tài chính của Công ty chứng khoán.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán trên máy vi tính.

2.3 . Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được trình bày theo nguyên tắc giá gốc.

Báo cáo tài chính của Công ty được lập trên cơ sở tổng hợp các nghiệp vụ, giao dịch phát sinh và được ghi sổ kế toán tại các đơn vị thành viên hạch toán phụ thuộc và tại Văn phòng Công ty.

2.4 . Tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi hoạt động của công ty chứng khoán, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian đáo hạn hoặc thu hồi không quá 03 tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

Tiền gửi về bán chứng khoán bảo lãnh phát hành là khoản tiền gửi thu được do bán chứng khoán bảo lãnh phát hành tại ngân hàng thương mại chỉ định do Công ty thực hiện chức năng - Tổ chức bảo lãnh phát hành chứng khoán (bảo lãnh chính hoặc phụ) (kể cả tiền thu được từ các Đại lý bán chứng khoán) và tiền gửi thanh toán gốc, tiền lãi và cổ tức của Tổ chức phát hành.

Tiền gửi về bù trừ thanh toán giao dịch chứng khoán là số tiền sẵn sàng tham gia bù trừ và thanh toán của Công ty và khách hàng tại ngày T+x theo yêu cầu của Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam (VSD), được mở tại Ngân hàng chỉ định để thanh toán mua, bán chứng khoán theo kết quả đã bù trừ thuần (net).

Tiền gửi của Nhà đầu tư về mua bán chứng khoán được trình bày tại các chỉ tiêu ngoài báo cáo tình hình tài chính (ngoại bảng).

2.5 . Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính**a) Ghi nhận ban đầu****Tài sản tài chính**

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL), các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM), các khoản cho vay, các tài sản tài chính sẵn sàng để bán (AFS) và các khoản phải thu. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó, ngoại trừ các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL) chỉ được xác định theo giá mua/chi phí phát hành.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

b) Nguyên tắc phân loại

Tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL): tài sản tài chính được phân loại theo FVTPL khi tài sản tài chính đó được nắm giữ cho mục đích mua vào, bán ra trên thị trường tài chính thông qua hoạt động nghiên cứu và phân tích với kỳ vọng sinh lời. Các loại tài sản tài chính được phân loại nhóm khác khi bán cần phân loại lại vào FVTPL.

Các tài sản tài chính FVTPL là công cụ nợ khi đáo hạn phải được chuyển sang ghi nhận là các khoản phải thu và lập dự phòng như một khoản phải thu khó đòi (nếu có).

Tài sản tài chính nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM): là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định được, có kỳ hạn là cố định mà Công ty có dự định tích cực và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn, ngoại trừ:

- Các tài sản tài chính phi phái sinh mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu đã được Công ty xếp loại vào nhóm ghi nhận theo giá trị thông qua lãi/lỗ (FVTPL);
- Các tài sản tài chính phi phái sinh đã được Công ty xếp loại vào nhóm sẵn sàng để bán (AFS);
- Các tài sản tài chính phi phái sinh thỏa mãn định nghĩa về các khoản cho vay và các khoản phải thu.

Sau ghi nhận ban đầu, các tài sản tài chính nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM) được xác định theo chi phí phân bổ sử dụng phương pháp lãi suất thực.

Các khoản cho vay: là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường hoàn hảo.

Các dạng cam kết cho vay được thực hiện:

- Hợp đồng giao dịch kỳ quỹ;
- Hợp đồng ứng trước tiền bán chứng khoán.

Sau ghi nhận ban đầu, các khoản cho vay được xác định theo giá trị phân bổ sử dụng phương pháp lãi suất thực, ngoại trừ: các khoản cho vay các tài sản tài chính ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua lãi/lỗ; các công nợ tài chính phát sinh từ việc chuyển giao một tài sản tài chính không đủ điều kiện dừng ghi nhận hoặc khi phù hợp theo quy định về tiếp tục liên quan; các hợp đồng bảo lãnh tài chính.

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán (AFS): là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là:

- Các khoản cho vay và các khoản phải thu;
- Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn;
- Các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ.

Tài sản tài chính được Công ty đầu tư nhưng không có mục tiêu đầu tư ngắn hạn và kể cả mục tiêu dài hạn cũng chưa xác định được. Do vậy đây là loại tài sản tài chính hạn chế được phân loại trong hoạt động của Công ty.

Nợ phải trả tài chính được ghi nhận thông qua lãi/lỗ: là một khoản nợ phải trả tài chính thỏa mãn một trong các điều kiện sau:

- Nợ phải trả tài chính được Ban Tổng Giám đốc phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh;
- Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, Công ty xếp nợ phải trả tài chính vào nhóm được ghi nhận thông qua lãi/lỗ.

Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ: là các khoản nợ phải trả tài chính không được xếp loại vào nợ phải trả tài chính được ghi nhận thông qua lãi/lỗ.

c) Nguyên tắc đánh giá lại các tài sản tài chính

Việc đánh giá lại các tài sản tài chính FTVPL và AFS theo giá thị trường hoặc giá trị hợp lý được thực hiện theo phương pháp xác định giá trị phù hợp với quy định pháp luật. Trong trường hợp không có giá thị trường tại ngày giao dịch gần nhất, Công ty sử dụng giá trị hợp lý để đánh giá lại các tài sản tài chính. Giá trị hợp lý được xác định trên cơ sở tôn trọng nguyên tắc, phương pháp hoặc mô hình lý thuyết định giá tài sản tài chính đã được quy định tại Điều lệ hoặc Sổ tay định giá của Công ty hoặc sau khi đã được Ban Tổng Giám đốc chấp thuận bằng văn bản.

Giá trị hợp lý/giá trị thị trường của tài sản tài chính được xác định như sau:

- Giá trị thị trường của chứng khoán niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội và Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh là giá đóng cửa tại ngày gần nhất có giao dịch tính đến ngày đánh giá lại.
- Đối với các chứng khoán của các công ty chưa niêm yết trên thị trường chứng khoán nhưng đã đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCOM) thì giá trị thị trường được xác định là giá đóng cửa tại ngày gần nhất có giao dịch tính đến ngày đánh giá lại.
- Đối với chứng khoán niêm yết bị hủy hoặc bị đình chỉ giao dịch hoặc bị ngừng giao dịch kể từ ngày giao dịch thứ sáu trở đi, giá chứng khoán thực tế là giá trị sổ sách tại ngày lập báo cáo tình hình tài chính gần nhất.
- Đối với chứng khoán chưa niêm yết và chưa đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCOM) thì giá chứng khoán làm cơ sở để đánh giá lại là mức giá thu thập được từ các nguồn thông tin tham chiếu mà Ban Tổng Giám đốc đánh giá rằng mức giá này thể hiện giá thị trường của các chứng khoán này.

Đối với các chứng khoán không có giá tham khảo từ các nguồn trên, Công ty cũng chưa thực hiện xác định giá trị hợp lý của các chứng khoán này do Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam áp dụng đối với công ty chứng khoán chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý. Theo đó giá trị hợp lý được ước tính bằng giá gốc của khoản đầu tư. Trường hợp, chứng khoán có dấu hiệu giảm giá, Công ty sẽ đánh giá khả năng và mức độ giảm giá dựa trên việc xem xét tình hình tài chính và giá trị sổ sách của tổ chức phát hành tại ngày 31 tháng 12 năm 2023.

Số chênh lệch đánh giá lại theo giá thị trường hoặc theo giá trị xác thực nhất (trong trường hợp không có giá thị trường) của các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ FVTPL thuộc Danh mục tài sản tài chính của CTCK ở thời điểm cuối kỳ kế toán được theo dõi riêng trên Tài khoản cấp 2 "Chênh lệch đánh giá lại" của Tài khoản 121 - "Tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ" mà không ghi tăng, giảm giá mua của các tài sản tài chính trên Tài khoản "Giá mua" và được xác định cụ thể cho từng lần đánh giá lại như sau:

- Ở kỳ đánh giá lại lần đầu, giá trị hợp lý đánh giá lại các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ FVTPL thuộc Danh mục tài sản tài chính của CTCK được phản ánh vào Tài khoản 1212 "Chênh lệch đánh giá lại" là số chênh lệch giữa giá trị đánh giá lại các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ FVTPL tại thời điểm đánh giá lại theo giá thị trường hoặc giá trị hợp lý và giá mua ban đầu của các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ FVTPL thuộc Danh mục tài sản tài chính của CTCK.
- Ở kỳ đánh giá lại lần thứ hai trở đi, giá trị đánh giá lại các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ FVTPL thuộc Danh mục tài sản tài chính của CTCK được phản ánh vào Tài khoản 1212 "Chênh lệch đánh giá lại" là số chênh lệch giữa giá mua của các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ FVTPL và giá đánh giá lại theo giá thị trường hoặc giá trị hợp lý kỳ này. Chênh lệch giữa các kỳ đánh giá được hạch toán vào Tài khoản 51112 "Chênh lệch tăng về đánh giá lại các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ FVTPL" hoặc Tài khoản 63213 "Chênh lệch giảm về đánh giá lại các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ FVTPL".

Chênh lệch tăng hoặc giảm do đánh giá lại các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ FVTPL thuộc Danh mục tài sản tài chính của CTCK được ghi nhận theo nguyên tắc không bù trừ được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động, theo 2 chỉ tiêu:

- Chênh lệch giảm do đánh giá lại các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ FVTPL phản ánh vào Chỉ tiêu "Lỗ" và chi phí giao dịch mua các tài sản tài chính, hoạt động tự doanh FVTPL, chi tiết "Chênh lệch giảm về đánh giá lại các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ" FVTPL.
- Chênh lệch tăng do đánh giá lại các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ FVTPL phản ánh vào Chỉ tiêu "Thu nhập", chi tiết "Chênh lệch tăng về đánh giá lại - Các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ".

Chênh lệch tăng hoặc giảm do đánh giá lại AFS được ghi nhận theo nguyên tắc không bù trừ được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu của Báo cáo tình hình tài chính tại chỉ tiêu "Chênh lệch đánh giá tài sản theo giá trị hợp lý".

Các tài sản tài chính nắm giữ đến ngày đáo hạn được xem xét khả năng suy giảm giá trị tại ngày lập báo cáo tình hình tài chính. Dự phòng được trích lập cho các khoản đầu tư này khi có bằng chứng khách quan cho thấy có khả năng không thu hồi được hoặc không chắc chắn thu hồi được của khoản đầu tư xuất phát từ một hoặc nhiều sự kiện tổn thất xảy ra ảnh hưởng xấu lên luồng tiền tương lai dự kiến. Bằng chứng khách quan của việc suy giảm giá trị có thể bao gồm giá trị thị trường/giá trị hợp lý (nếu có) của khoản nợ bị suy giảm, các dấu hiệu về bên nợ hoặc nhóm các bên nợ đang gặp khó khăn về tài chính đáng kể, vỡ nợ hoặc trả nợ không đúng kỳ hạn các khoản lãi hoặc gốc, khả năng bên nợ bị phá sản hoặc có sự tái cơ cấu tài chính và các dữ liệu có thể quan sát cho thấy rằng có sự suy giảm có thể lượng hóa được các luồng tiền dự kiến trong tương lai, chẳng hạn như sự thay đổi về điều kiện trả nợ, tình hình tài chính gắn liền với khả năng vỡ nợ. Khi có bằng chứng về việc giảm giá trị, số dư dự phòng được trích lập được xác định trên cơ sở sự khác biệt giữa giá trị phân bổ và giá trị hợp lý tại thời điểm đánh giá. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động trên khoản mục "Chi phí dự phòng tài sản tài chính, xử lý tổn thất các khoản phải thu khó đòi, lỗ suy giảm tài sản tài chính và chi phí đi vay của các khoản cho vay".

Các khoản cho vay được xem xét khả năng suy giảm giá trị tại ngày lập báo cáo tình hình tài chính. Dự phòng cho các khoản cho vay được trích lập dựa trên mức tổn thất ước tính, được tính bằng phần chênh lệch giữa giá trị thị trường của chứng khoán được dùng làm tài sản đảm bảo cho khoản cho vay và số dư của khoản cho vay đó. Tăng hoặc giảm số dư khoản dự phòng được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động trên khoản mục "Chi phí dự phòng tài sản tài chính, xử lý tổn thất các khoản phải thu khó đòi, lỗ suy giảm tài sản tài chính và chi phí đi vay của các khoản cho vay".

2.6 . Các khoản nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn, dài hạn

Các khoản nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn, dài hạn phản ánh khoản tiền nhận ký quỹ, ký cược bằng tiền của Công ty với các đối tượng trong hoạt động của Công ty phù hợp với các quy định của pháp luật có liên quan hiện hành. Các khoản tiền nhận ký quỹ, ký cược không thuộc tài sản của Công ty, Công ty phải có trách nhiệm quản lý tách biệt với tài sản bằng tiền của Công ty.

2.7 . Các khoản phải thu ngắn hạn

Phải thu bán các tài sản tài chính: phản ánh toàn bộ giá trị phải thu khi bán các tài sản tài chính thuộc danh mục tài sản tài chính của Công ty (không qua các Sở Giao dịch Chứng khoán), kể cả giá trị đáo hạn của các tài sản tài chính hoặc thanh lý các tài sản tài chính này.

Phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các tài sản tài chính: phản ánh toàn bộ các khoản phải thu và dự thu về cổ tức, tiền lãi của các tài sản tài chính thuộc danh mục tài sản tài chính của Công ty.

Phải thu các dịch vụ Công ty cung cấp: phản ánh các khoản phải thu của Công ty với Sở Giao dịch chứng khoán, Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam (VSD), với Nhà đầu tư là khách hàng của Công ty, với Tổ chức phát hành chứng khoán hoặc bảo lãnh phát hành chứng khoán, các khoản phải thu từ các hoạt động kinh doanh giao dịch chứng khoán.

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Các khoản phải thu được phân loại là ngắn hạn và dài hạn trên báo cáo tài chính căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu tại ngày báo cáo.

Dự phòng suy giảm giá trị các khoản phải thu: được trích lập cho các khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các kế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn, đang bị cơ quan pháp luật truy tố, giam giữ, xét xử, đang thi hành án hoặc đã chết.

Mức trích lập dự phòng các khoản nợ phải thu khó đòi được xác định theo Thông tư số 48/2019/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 08 tháng 08 năm 2019 và Thông tư 24/2022/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 07 tháng 04 năm 2022 như sau:

Thời gian quá hạn	Mức trích dự phòng
Từ trên sáu (06) tháng đến dưới một (01) năm	30%
Từ một (01) năm đến dưới hai (02) năm	50%
Từ hai (02) năm đến dưới ba (03) năm	70%
Từ ba (03) năm trở lên	100%

2.8 . Tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Nếu các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

Các chi phí khác phát sinh sau khi tài sản cố định đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm mà chi phí phát sinh.

Khấu hao tài sản cố định được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Máy móc, thiết bị	03 - 07 năm
- Phương tiện vận tải	06 năm
- Thiết bị văn phòng	04 - 05 năm
- Phần mềm giao dịch, bằng sáng chế	03 - 05 năm

2.9 . Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm tài sản cố định đang mua sắm và xây dựng mà chưa hoàn thành tại ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí về xây dựng, lắp đặt máy móc thiết bị và các chi phí trực tiếp khác. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang chỉ được tính khấu hao khi các tài sản này hoàn thành và đưa vào sử dụng.

2.10 . Chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động kinh doanh của nhiều năm tài chính được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các năm tài chính sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí hoạt động kinh doanh từng năm tài chính được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý.

Các loại chi phí trả trước của Công ty bao gồm:

- Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản mà Công ty nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu đồng và do đó không đủ điều kiện để ghi nhận là tài sản cố định theo quy định hiện hành. Nguyên giá công cụ dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 01 tháng đến 36 tháng.
- Lợi thế thương mại phát sinh khi nhận sáp nhập với Công ty Cổ phần Chứng khoán SHB, Công ty phân bổ trong vòng 07 năm.
- Chi phí trả trước khác được ghi nhận theo nguyên giá và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu dụng từ 01 tháng đến 36 tháng.

2.11 . Các khoản nợ phải trả ngắn hạn, dài hạn

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Các khoản phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên báo cáo tài chính căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản phải trả tại ngày báo cáo.

Các khoản vay: phản ánh tình hình phát hành trái phiếu và thanh toán trái phiếu; phản ánh các khoản tiền vay tạm thời và tình hình trả nợ tiền vay của Công ty với Ngân hàng, Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam, Quỹ Hỗ trợ thanh toán hoặc các đối tượng cho vay khác theo quy định về hoạt động vay áp dụng đối với công ty chứng khoán.

Các khoản phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán: phản ánh tình hình thanh toán về các khoản phí hoạt động kinh doanh, dịch vụ chứng khoán cho Sở Giao dịch Chứng khoán, Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam (VSD), phải trả đại lý phát hành chứng khoán của Công ty.

Các khoản phải trả tổ chức phát hành chứng khoán: phản ánh tình hình nhận và thanh toán khoản phải trả Tổ chức phát hành chứng khoán về tiền bán chứng khoán bảo lãnh phát hành do Công ty thực hiện ở công ty bảo lãnh phát hành chứng khoán chính hoặc phụ, kể cả trường hợp công ty bảo lãnh phát hành chứng khoán bán chứng khoán phát hành qua các đại lý.

2.12 . Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí hoạt động kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 "Chi phí đi vay". Ngoài ra, đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

2.13 . Chi phí phải trả

Các khoản phải trả cho hàng hóa dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã được cung cấp cho người mua trong năm tài chính nhưng thực tế chưa chi trả và các khoản phải trả khác như: Chi phí lãi tiền vay phải trả... được ghi nhận vào chi phí hoạt động kinh doanh của năm tài chính.

Việc ghi nhận các khoản chi phí phải trả vào chi phí hoạt động kinh doanh trong năm được thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong năm. Các khoản chi phí phải trả sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế được hoàn nhập.

2.14 . Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần phản ánh chênh lệch giữa mệnh giá, chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu và giá phát hành cổ phiếu (kể cả các trường hợp tái phát hành cổ phiếu quỹ) và có thể là thặng dư dương (nếu giá phát hành cao hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu) hoặc thặng dư âm (nếu giá phát hành thấp hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu).

Chênh lệch đánh giá lại tài sản theo giá trị hợp lý được phản ánh khi đánh giá lại các tài sản tài chính theo giá trị hợp lý. Tài sản được đánh giá lại bao gồm: tài sản tài chính sẵn sàng để bán; tài sản cố định; hoặc đánh giá lại tài sản khi có quyết định của Nhà nước về đánh giá lại tài sản (nếu có).

Lợi nhuận chưa phân phối của Công ty bao gồm lợi nhuận đã thực hiện và lợi nhuận chưa thực hiện. Lợi nhuận đã thực hiện chưa phân phối của Công ty lũy kế tính đến cuối năm trước là cơ sở để phân phối lợi nhuận cho chủ sở hữu. Lợi nhuận chưa thực hiện tính đến cuối năm trước không là cơ sở phân phối cho chủ sở hữu.

Lợi nhuận chưa thực hiện của năm tài chính là số chênh lệch giữa tổng giá trị lãi, lỗ đánh giá lại của các tài sản tài chính FVTPL hoặc tài sản tài chính khác tính vào báo cáo kết quả hoạt động thuộc danh mục tài sản tài chính của Công ty và Chi phí/ thu nhập thuế thu nhập hoãn lại phát sinh trong năm (nếu có).

Lợi nhuận đã thực hiện là số chênh lệch giữa tổng doanh thu, thu nhập với tổng các khoản chi phí tính vào Báo cáo kết quả hoạt động của Công ty lũy kế phát sinh trong năm. Số lợi nhuận được sử dụng để phân phối cho các chủ sở hữu phải trừ đi số lỗ đã thực hiện lũy kế tính từ đầu năm nay và số lỗ chưa thực hiện lũy kế tính đến thời điểm phân phối lãi cho chủ sở hữu. Việc phân phối lợi nhuận của Công ty cho chủ sở hữu phải đảm bảo rõ ràng, minh bạch và theo đúng quy định của pháp luật doanh nghiệp, chứng khoán và các pháp luật hiện hành khác có liên quan đối với công ty chứng khoán, điều lệ công ty chứng khoán, Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông. Lợi nhuận đã thực hiện được phân phối thu nhập cho thành viên góp vốn hoặc cổ đông sau khi đã trừ đi các nghĩa vụ thuế phải nộp tính trên khoản thu nhập được hưởng.

Ngày 17 tháng 12 năm 2021, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 114/2021/TT-BTC để bãi bỏ Thông tư số 146/2015/TT-BTC của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ tài chính đối với công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ. Theo đó:

- Đối với số dư quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ được trích lập theo quy định tại Thông tư số 146/2014/TT-BTC: Sử dụng để bổ sung vốn điều lệ theo quy định hiện hành;

- Đối với số dư quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ được trích lập theo quy định tại Thông tư số 146/2014/TT-BTC: Sử dụng để bổ sung vốn điều lệ hoặc sử dụng theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng thành viên hoặc Chủ tịch Công ty theo quy định hiện hành.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trên Báo cáo tình hình tài chính của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty và thông báo ngày chốt quyền nhận cổ tức của Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam.

2.15 . Doanh thu, thu nhập

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều năm thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập Báo cáo tình hình tài chính của năm đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Báo cáo tình hình tài chính;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Thu nhập từ kinh doanh chứng khoán

Thu nhập bán các tài sản tài chính tự doanh FVTPL được xác định là số chênh lệch giữa giá bán và giá vốn theo số lượng các tài sản tài chính FVTPL đã bán ra. Thu nhập bán các tài sản tài chính là thu nhập đã thực hiện.

Thu nhập do đánh giá tăng các tài sản tài chính thuộc danh mục tài sản tài chính FVTPL theo giá trị hợp lý. Thu nhập đánh giá lại các tài sản tài chính thuộc danh mục tài sản tài chính FVTPL là thu nhập chưa thực hiện.

Thu nhập phát sinh từ các tài sản tài chính tự doanh FVTPL, HTM, các khoản cho vay bao gồm: lãi cho vay phát sinh từ các khoản cho vay phù hợp với quy định của Luật chứng khoán; cổ tức, lợi nhuận được chia phát sinh từ cổ phiếu, trái phiếu; lãi phát sinh từ các khoản tiền gửi cố định.

Cổ tức, lợi nhuận được chia phát sinh từ các tài sản tài chính thuộc danh mục đầu tư của Công ty: FVTPL, HTM, AFS được ghi nhận khi công ty được quyền nhận cổ tức từ quyền sở hữu cổ phiếu đã được xác lập.

2.16 . Chi phí hoạt động và chi phí quản lý công ty

Chi phí được ghi nhận khi có khả năng làm giảm các lợi ích kinh tế tại thời điểm phát sinh hoặc có thể xác định được một cách chắc chắn phát sinh, không phân biệt đã được thanh toán hay chưa.

2.17 . Doanh thu tài chính, chi phí hoạt động tài chính

Doanh thu tài chính là doanh thu từ lãi tiền gửi ngân hàng không cố định.

Chi phí hoạt động tài chính là chi phí lãi vay.

2.18 . Các khoản thuế

a) Thuế thu nhập hoãn lại phải trả

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất thuế TNDN hiện hành, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc năm tài chính.

b) Chi phí thuế TNDN hiện hành và Chi phí thuế TNDN hoãn lại

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế TNDN trong năm tài chính hiện hành.

Chi phí thuế TNDN hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế TNDN.

Không bù trừ chi phí thuế TNDN hiện hành với chi phí thuế TNDN hoãn lại.

c) Thuế suất thuế TNDN năm hiện hành

Công ty hiện đang áp dụng mức thuế suất thuế TNDN là 20% cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023.

2.19 . Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập Quỹ Khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

2.20 . Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới các doanh nghiệp này.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính, Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN - HÀ NỘI

Tầng 1-5 Tòa nhà Unimex Hà Nội, số 41 Ngõ Quyền,
phường Hàng Bài, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

2.21 . Thông tin bộ phận

Một bộ phận là một cấu phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận được chia theo khu vực địa lý). Mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt so với các bộ phận khác.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính của Công ty nhằm mục đích để giúp người sử dụng báo cáo tài chính hiểu rõ và đánh giá được tình hình hoạt động của Công ty một cách toàn diện.

3 . GIÁ TRỊ KHỐI LƯỢNG GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN THỰC HIỆN TRONG NĂM

	Khối lượng giao dịch chứng khoán thực hiện trong năm	Giá trị khối lượng giao dịch chứng khoán thực hiện trong năm VND
Của Công ty Chứng khoán	501.402.431	53.370.615.932.283
- Cổ phiếu	200.314.600	5.731.647.175.000
- Trái phiếu	301.087.831	47.638.968.757.283
Của nhà đầu tư	8.125.617.636	201.443.184.649.414
- Cổ phiếu	7.640.617.377	134.036.108.695.160
- Trái phiếu	471.380.859	67.396.825.449.254
- Chứng khoán khác	13.619.400	10.250.505.000
	8.627.020.067	254.813.800.581.697

4 . TIỀN

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
Tiền mặt tại quỹ	40.649.806	86.172.886
Tiền gửi ngân hàng cho hoạt động Công ty	850.566.043.927	1.038.297.781.494
Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán	1.282.669.822	1.277.917.327
	851.889.363.555	1.039.661.871.707

5 . CÁC LOẠI TÀI SẢN TÀI CHÍNH**a) Tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)**

	31/12/2023		01/01/2023	
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Giá trị hợp lý
	VND	VND	VND	VND
Cổ phiếu niêm yết	2.466.101.528.539	2.553.191.328.220	843.927.075.531	874.575.042.120
Cổ phiếu giao dịch trên UPCOM	498.811.463.847	576.391.735.300	653.163.442.405	910.781.826.500
Cổ phiếu chưa niêm yết và hủy niêm yết	619.995.717.753	562.972.873.732	619.996.186.260	565.253.234.178
Trái phiếu niêm yết	830.981.963.780	835.206.837.636	635.964.330.926	642.442.754.743
Trái phiếu chưa niêm yết	504.410.260.200	504.410.260.200	1.346.425.129.534	1.346.425.129.534
	4.920.300.934.119	5.032.173.035.088	4.099.476.164.656	4.339.477.987.075

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN - HÀ NỘITầng 1-5 Tòa nhà Unimex II Hà Nội, số 41 Ngô Quyền,
phường Hàng Bài, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

b) Tài sản tài chính sẵn sàng để bán (AFS)

	31/12/2023		01/01/2023	
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Giá trị hợp lý
	VND	VND	VND	VND
Cổ phiếu niêm yết	475.238.748.169	660.595.904.800	675.238.748.169	572.237.987.350
	<u>475.238.748.169</u>	<u>660.595.904.800</u>	<u>675.238.748.169</u>	<u>572.237.987.350</u>

c) Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM)

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
Tiền gửi có kỳ hạn từ 03 tháng trở lên	-	1.000.000.000.000
	<u>-</u>	<u>1.000.000.000.000</u>

d) Các khoản cho vay

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
Hoạt động margin	3.655.950.551.773	2.293.481.012.669
Hoạt động ứng trước tiền bán	179.188.351.707	62.187.519.079
	<u>3.835.138.903.480</u>	<u>2.355.668.531.748</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN - HÀ NỘI

Tầng 1-5 Tòa nhà Unimex Hà Nội, số 41 Ngõ Quynh, phường Hàng Bài, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội

e) Bảng tình hình biến động giá trị thị trường

	Giá mua		Giá trị tương đương		Chênh lệch đánh giá tăng		Chênh lệch đánh giá giảm		Giá trị đánh giá lại	
	31/12/2023	01/01/2023	31/12/2023	01/01/2023	31/12/2023	01/01/2023	31/12/2023	01/01/2023	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
FVTPL	4.920.300.934.119	4.099.476.164.656	5.032.173.035.088	4.339.477.987.075	393.862.414.710	385.254.045.220	(281.990.315.741)	(145.252.222.801)	5.032.173.035.088	4.339.477.987.075
Cổ phiếu niêm yết	2.466.101.528.539	843.977.075.531	2.553.191.328.220	874.575.042.120	225.410.774.531	112.267.933.818	(138.320.974.850)	(81.622.832.836)	2.553.191.328.220	874.575.042.120
ETF	311.146.013.387	421.789.454.939	340.992.361.500	497.231.406.268	29.846.548.113	75.442.051.261	-	-	340.992.361.500	497.231.406.268
S&P	125.312.500.000	125.312.500.000	104.059.500.000	123.307.500.000	-	-	(21.253.000.000)	(2.003.000.000)	104.059.500.000	123.307.500.000
VIB	349.986.900.000	-	298.416.000.000	-	-	-	(51.570.900.000)	-	298.416.000.000	-
Các cổ phiếu khác	1.679.656.115.152	296.825.126.592	1.809.723.466.720	254.036.035.920	193.564.426.418	36.823.882.537	(65.497.074.850)	(79.617.832.836)	1.809.723.466.720	254.036.035.920
Cổ phiếu giao dịch trên UPCOM	498.811.463.847	653.163.442.405	576.391.735.300	910.781.826.500	159.491.108.197	265.937.687.585	(81.910.836.744)	(8.319.303.490)	576.391.735.300	910.781.826.500
GES	-	138.750.000.000	-	172.050.000.000	-	33.300.000.000	-	-	-	172.050.000.000
TBD	-	61.200.000.000	-	100.000.000.000	-	38.800.000.000	-	-	-	100.000.000.000
BHI	145.237.484.500	145.237.484.500	193.676.640.800	145.237.484.500	48.419.156.300	-	-	-	193.676.640.800	145.237.484.500
GDA	200.000.000.000	200.000.000.000	126.000.000.000	200.000.000.000	-	-	(74.000.000.000)	-	126.000.000.000	200.000.000.000
Các cổ phiếu khác	133.533.979.347	107.955.957.995	236.715.094.500	293.474.342.000	111.071.951.807	193.837.687.585	(7.910.836.744)	(8.319.303.490)	236.715.094.500	293.474.342.000
Cổ phiếu ủy nhiệm yết	4.109.683.115	4.110.151.622	2.600.000.000	2.100.000.000	-	-	(1.509.683.115)	(2.007.286.015)	2.600.000.000	2.102.865.607
Cổ phiếu chưa niêm yết	615.886.034.638	615.886.034.638	560.372.873.732	503.153.234.178	-	-	(55.513.160.906)	(52.732.800.460)	560.372.873.732	503.153.234.178
Công ty Cổ phần Phong điện	176.000.000.000	176.000.000.000	173.191.921.697	176.000.000.000	-	-	(2.808.078.303)	-	173.191.921.697	176.000.000.000
Cho Long	170.000.000.000	170.000.000.000	169.802.315.746	169.773.500.986	-	-	(197.684.254)	(226.499.014)	169.802.315.746	169.773.500.986
Công ty Cổ phần Dầu và Dịch vụ Công nghệ Xuân	269.884.034.638	269.884.034.638	217.378.636.289	217.379.733.192	-	-	(52.507.398.349)	(52.506.301.446)	217.378.636.289	217.379.733.192
Các cổ phiếu khác	830.981.963.780	876.276.330.926	835.206.837.636	882.754.754.743	8.960.531.982	7.048.423.817	(4.735.658.126)	(570.000.000)	835.206.837.636	882.754.754.743
Trái phiếu Công ty Cổ phần Bamboo Capital	135.449.104.690	358.394.330.926	139.433.181.210	364.443.754.743	3.984.076.520	6.049.423.817	-	-	139.433.181.210	364.443.754.743
BCH122006	289.237.814.552	-	284.851.356.426	-	-	-	(4.386.458.126)	-	284.851.356.426	-
Trái phiếu Công ty cổ phần Đầu tư Phát triển Công nghiệp và Vận tải mã TCD12101	138.711.044.538	200.570.000.000	163.687.500.000	200.000.000.000	4.976.455.462	-	-	(570.000.000)	163.687.500.000	200.000.000.000
Trái phiếu Ngân hàng Bưu điện Liên Việt mã LPB121035	-	77.906.000.000	-	77.999.000.000	-	999.000.000	-	-	-	77.999.000.000
Trái phiếu Công ty Cổ phần BAF Việt Nam mã BAF12225001	146.212.860.000	240.312.000.000	146.212.800.000	240.312.000.000	-	-	-	-	146.212.800.000	240.312.000.000
Trái phiếu Công ty cổ phần Neo Floor	101.371.200.000	-	101.023.000.000	-	-	-	(349.200.000)	-	101.023.000.000	-
Trái phiếu Ngân hàng Bưu điện Liên Việt mã LPB123015	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-

Báo cáo tài chính
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN - HÀ NỘI

Đường số 15 Tòa nhà Unimax Hà Nội số 41 Ngõ Quynh, phường Hàng Bài, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội

ef) . Bảng tính hình biến đồng giá trị thị trường

Bảng tình hình biến động giá trị tài sản										
	Giá mua		Giá thị trường		Chênh lệch đánh giá tăng		Chênh lệch đánh giá giảm		Giá trị đánh giá lại	
	31/12/2023	01/01/2023	VND	VND	31/12/2023	01/01/2023	VND	VND	31/12/2023	01/01/2023
Tài phiếu chưa niêm yết										
- Tài phiếu Công ty Cổ Phần Đầu tư Phát triển Công nghiệp và Vận tải phát hành Ngày 28.12.2021	504.410.260.200	1.106.113.129.534 306.572.681.841			504.410.260.200	1.106.113.129.534 306.572.681.841	-	-	504.410.260.200	1.106.113.129.534 306.572.681.841
- Tài phiếu Ngân hàng TMCP Bắc Á phát hành Ngày 31.12.2021 (2)	203.587.260.200	203.587.260.200			203.587.260.200	203.587.260.200	-	-	203.587.260.200	203.587.260.200
- Tài phiếu chưa niêm yết khác	300.823.000.000	595.953.187.493			300.823.000.000	595.953.187.493	-	-	300.823.000.000	595.953.187.493
AWS	475.238.748.169	675.238.748.169			660.595.904.800	572.237.987.350	303.477.156.631	176.599.239.181	660.595.904.800	572.237.987.350
Cổ phiếu niêm yết	475.238.748.169	675.238.748.169			660.595.904.800	572.237.987.350	303.477.156.631	176.599.239.181	660.595.904.800	572.237.987.350
SBB	275.238.748.169	275.238.748.169			378.715.904.800	451.837.987.350	303.477.156.631	176.599.239.181	378.715.904.800	451.837.987.350
BGG	-	200.000.000.000			-	63.100.000.000	-	-	-	63.100.000.000
TCD	200.060.000.000	200.060.000.000			81.880.000.000	57.300.000.000	-	-	81.880.000.000	57.300.000.000
	5.395.539.681.288	4.774.714.912.825			5.692.768.939.888	4.911.715.974.425	697.339.571.341	561.853.284.401	5.692.768.939.888	4.911.715.974.425

Ghi chú:

- Ghi chú:**
Cổ phiếu niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội, Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh và cổ phiếu giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCom): Giá trị hợp lý được xác định theo giá đóng cửa tại ngày 29/12/2023 và 30/12/2023 trên các sàn giao dịch này.
- Trái phiếu doanh nghiệp đã niêm yết, đang ký giao dịch: Giá trị hợp lý được xác định theo giá giao dịch gần nhất tại Sở Giao dịch chứng khoán trong vòng 10 ngày tính đến thời điểm đánh giá lại.
- Đối với chứng khoán niêm yết bị hủy hoặc bị đình chỉ giao dịch hoặc bị ngừng giao dịch kể từ ngày giao dịch thứ sáu trở đi, giá chứng khoán thực tế là giá trị sổ sách tại ngày lập bảng cân đối kế toán gần nhất.
- Đối với các chứng khoán còn lại, Công ty cũng chưa thực hiện xác định giá trị hợp lý của các chứng khoán này do Chuẩn mực Kế toán Việt Nam áp dụng đối với công ty chứng khoán chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý. Theo đó giá trị hợp lý được ước tính bằng giá gốc của khoản đầu tư. Trường hợp, chứng khoán có điều kiện giảm giá, Công ty sẽ đánh giá khả năng và mức độ giảm giá dựa trên việc xem xét tình hình tài chính và giá trị sổ sách của các cổ phiếu phát hành tại ngày 31 tháng 12 năm 2023.

Thông tin bổ sung cho các khoản trái phiếu:

- Đến nay, tại tỉnh Bắc Ninh đã nhận được 1.000.000.000 đồng với lãi suất 7,525%/năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN - HÀ NỘITầng 1-5 Tòa nhà Unimex Hà Nội, số 41 Ngõ Quyền,
phường Hàng Bài, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

6 . CÁC KHOẢN PHẢI THU NGẮN HẠN

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
Phải thu lãi hoạt động Margin	70.056.317.400	27.353.717.039
Phải thu lãi các hoạt động khác	33.068.926.595	23.763.664.515
Phải thu các dịch vụ Công ty chứng khoán cung cấp	1.378.240.211.577	1.916.111.404.544
- Phải thu hợp đồng hợp tác kinh doanh	435.066.742.834	435.066.742.834
- Phải thu lãi các hợp đồng hợp tác kinh doanh	57.240.806.235	57.783.454.316
- Phải thu về ứng trước để chi trả hộ cổ tức	10.000.000.000	10.000.000.000
- Phải thu hoạt động tư vấn	6.541.922.315	4.825.572.315
- Phải thu về hoạt động giao dịch chứng khoán khác	869.390.740.193	1.408.435.635.079
Phải thu khác	45.006.580.297	45.008.845.285
- Công ty Cổ phần Vật tư Nông sản (i)	45.006.580.297	45.006.580.297
- Phải thu khác	-	2.264.988
	1.526.372.035.869	2.012.237.631.383

(i) Đây là khoản tiền phải thu liên quan đến vụ kiện giữa Công ty và Công ty Cổ phần Vật tư Nông sản về việc xử lý tài sản đảm bảo cho khoản cho vay ký quỹ. Ngày 16/01/2019, Công ty nhận được thông báo của Tòa án nhân dân tối cao trả lời Tòa án đã nhận được đơn của Công ty về việc đề nghị xem xét thủ tục giám đốc thẩm và sẽ thông báo lại cho Công ty khi có kết luận cuối cùng. Công ty đã gửi Công văn số 1278/2019/CV-SHS ngày 30/12/2019 đến Tòa án nhân dân tối cao có nội dung đề nghị xem xét thủ tục giám đốc thẩm đối với Bản án kinh doanh thương mại phúc thẩm số 36/2017/KDTM-PT ngày 16/05/2017 của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội. Ngày 06/01/2020, Công ty nhận được công văn thông báo số 01/TB-ANDTC-VP của Tòa án nhân dân tối cao phúc đáp công văn trên về việc Tòa án nhân dân tối cao đã thụ lý và hiện đang xem xét, giải quyết theo quy định của pháp luật. Ngày 21/12/2020, Công ty có công văn số 1362/2020/CV-SHS đề nghị Tòa án nhân dân tối cao cung cấp thông tin về việc đề nghị giám đốc thẩm. Ngày 25/12/2020, Tòa án nhân dân tối cao có thông báo số 1252/TB-TANDTC-VP phúc đáp công văn số 1362/2020/CV-SHS, theo đó, Tòa án nhân dân tối cao đã thụ lý vụ án và hiện đang xem xét, giải quyết theo quy định pháp luật, khi có kết quả giải quyết, Tòa án nhân dân tối cao sẽ thông báo cho Công ty biết. Khoản công nợ này được Công ty dự phòng toàn bộ theo đánh giá của Ban điều hành trong năm 2021 (Chi tiết tại thuyết minh số 08).

7 . TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	Năm 2023	Năm 2022
	VND	VND
Công ty cổ phần Công nghệ số PTL Việt Nam	300.000.000	540.000.000
Công ty TNHH thương mại- quảng cáo và in Phú Sỹ	315.787.550	289.798.895
Công ty cổ phần đầu tư thương mại SPC Việt Nam	260.637.255	-
Công ty Cổ Phần tư vấn và dịch vụ Công Nghệ thông tin kinh doanh mạng lưới Công Nghệ BNH	240.000.000	-
Các khoản trả trước khác	634.293.726	749.601.000
	1.750.718.531	1.579.399.895

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN - HÀ NỘI

Báo cáo tài chính
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

Tầng 1-5 Tòa nhà Unimex Hà Nội, số 41 Ngõ Quyền, phường Hàng Bài, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội

8 . DỰ PHÒNG PHẢI THU KHÓ ĐÒI

	Giá trị phải thu khó đòi	Năm nay		
		Số đầu năm	Số trích lập VND	Số hoàn nhập VND
				Số cuối năm VND
Dự phòng khó đòi phải thu bán các tài sản tài chính	820.000.000	820.000.000	-	820.000.000
- Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng số 8	820.000.000	820.000.000	-	820.000.000
Dự phòng khó đòi phải thu hợp đồng giao dịch ký quỹ (margin)	116.568.282.800	47.677.799.566	41.486.224.957	70.034.705.182
Dự phòng khó đòi nợ phải thu khác	503.737.687.119	460.681.952.317	833.640.142	459.150.684.564
- Phải thu gốc và lãi các hợp đồng hợp tác kinh doanh chứng khoán	442.047.264.499	400.206.952.012	191.428.984	398.033.473.101
- Công ty Cổ phần Vật tư Nông sản	45.006.580.297	45.006.580.297	-	45.006.580.297
- Phải thu về ứng trước để chi trả hệ cổ tức	10.000.000.000	10.000.000.000	-	10.000.000.000
- Phải thu hoạt động tư vấn	3.684.922.315	2.469.500.000	642.211.158	3.111.711.158
- Phải thu dịch vụ tài chính khác	2.998.920.008	2.998.920.008	-	2.998.920.008
	621.125.969.919	509.179.751.883	42.319.865.099	(21.494.227.236)
				530.005.389.746

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN - HÀ NỘITầng 1-5 Tòa nhà Unimex Hà Nội, số 41 Ngõ Quyền,
phường Hàng Bài, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

9 . HÀNG TỒN KHO

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
Vật tư văn phòng	169.786.368	202.361.957
Công cụ, dụng cụ	89.748.000	59.750.000
	259.534.368	262.111.957

10 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC**a) Chi phí trả trước ngắn hạn**

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
Chi phí thuê nhà chờ phân bổ	2.310.727.979	1.824.801.000
Chi phí mạng viễn thông chờ phân bổ	12.530.000	137.580.000
Chi phí bảo hiểm sức khỏe cho nhân viên phân bổ	1.221.541.095	1.305.400.115
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	1.083.958.273	720.355.342
	4.628.757.347	3.988.136.457

b) Chi phí trả trước dài hạn

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
Lợi thế thương mại khi sáp nhập	12.994.542.404	23.390.176.328
Chi phí công cụ dụng cụ chờ phân bổ	1.446.714.830	753.078.003
Chi phí tư vấn chờ phân bổ	362.733.219	460.253.219
Chi phí mạng viễn thông chờ phân bổ	317.219.451	275.985.825
Chi phí bảo trì chờ phân bổ	2.800.604.209	1.528.986.272
Chi phí trả trước dài hạn khác	458.300.304	774.025.343
	18.380.114.417	27.182.504.990

11 . CÀM CỐ, THẺ CHẤP, KÝ QUỸ, KÝ CƯỢC**a) Ngắn hạn**

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
Đặt cọc bình nước	2.750.000	2.750.000
	2.750.000	2.750.000

b) Dài hạn

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
Đặt cọc thuê văn phòng	2.640.293.540	3.150.400.343
Đặt cọc khác	4.400.000	4.400.000
	2.644.693.540	3.154.800.343

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN - HÀ NỘITầng 1-5 Tòa nhà Unimex Hà Nội, số 41 Ngõ Quyền,
phường Hàng Bài, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

12 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU NHÀ NƯỚC

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	-	14.350.127.630
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	1.000.000	-
	1.000.000	14.350.127.630

13 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Nguyên giá				
Tại ngày 01/01/2023	33.804.447.688	6.580.850.000	400.714.710	40.786.012.398
Tại ngày 31/12/2023	33.804.447.688	6.580.850.000	400.714.710	40.786.012.398
Giá trị hao mòn lũy kế				
Tại ngày 01/01/2023	22.443.928.889	4.573.999.815	376.919.125	27.394.847.829
Khấu hao trong kỳ	5.165.864.322	693.555.000	23.795.585	5.883.214.907
Tại ngày 31/12/2023	27.609.793.211	5.267.554.815	400.714.710	33.278.062.736
Giá trị còn lại				
Tại ngày 01/01/2023	11.360.518.799	2.006.850.185	23.795.585	13.391.164.569
Tại ngày 31/12/2023	6.194.654.477	1.313.295.185	-	7.507.949.662

Trong đó:

- Nguyên giá tài sản cố định cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 20.046.731.027 VND.

Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các tài sản cố định này do Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam áp dụng đối với công ty chứng khoán chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

14 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

Toàn bộ tài sản cố định vô hình của Công ty là phần mềm giao dịch, kế toán với nguyên giá và khấu hao lũy kế tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2023 lần lượt là: 28.967.980.987 VND và 26.388.706.574 VND. Khấu hao trong năm là 2.046.609.579 VND.

Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các tài sản cố định này do Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam áp dụng đối với công ty chứng khoán chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

15 . CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
Mua sắm tài sản cố định	10.660.476.000	-
Phí bản quyền, triển khai phần mềm kinh doanh chứng khoán và nâng cấp phần mềm	10.660.476.000	-
	10.660.476.000	-

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN - HÀ NỘITầng 1-5 Tòa nhà Unimex Hà Nội, số 41 Ngõ Quyền,
phường Hàng Bài, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

16 . TIỀN NỢ QUỸ HỖ TRỢ THANH TOÁN

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
Tiền nộp ban đầu	120.000.000	120.000.000
Tiền nộp bổ sung	18.066.986.207	18.066.986.207
Tiền lãi phân bổ	1.813.013.793	1.813.013.793
Số dư cuối năm	20.000.000.000	20.000.000.000

17 . VAY VÀ NỢ

	01/01/2023	Số vay trong năm	Số trả trong năm	31/12/2023
	VND	VND	VND	VND
Vay ngắn hạn				
Vay ngân hàng	407.000.000.000	5.669.000.000.000	(5.184.000.000.000)	892.000.000.000
	407.000.000.000	5.669.000.000.000	(5.184.000.000.000)	892.000.000.000

Chi tiết các khoản vay ngắn hạn	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
Ngân hàng TMCP Sài Gòn-Hà Nội	-	111.000.000.000
Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng	500.000.000.000	-
Ngân hàng TNHH CTBC chi nhánh Hồ Chí Minh	-	100.000.000.000
Ngân hàng TMCP Bắc Á-TTKD	392.000.000.000	196.000.000.000
	892.000.000.000	407.000.000.000

Tại thời điểm 31/12/2023, Công ty có khoản vay theo các khế ước có thời hạn từ 01 tháng đến 06 tháng để kinh doanh Trái phiếu chính phủ với lãi suất vay từ 5,9-7,4%/ năm.

18 . PHẢI TRẢ HOẠT ĐỘNG GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
Phải trả Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam	11.121.656.000	600.000
	11.121.656.000	600.000

19 . PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
Công ty Cổ Phần Công Nghệ Cao Lotte- HPT Việt Nam	2.730.960.000	-
Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội	-	111.737.730.877
Phải trả các đối tượng khác	484.200.000	2.421.566.339
	3.215.160.000	114.159.297.216

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN - HÀ NỘITầng 1-5 Tòa nhà Unimex Hà Nội, số 41 Ngõ Quyền,
phường Hàng Bài, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

20 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỢ NHÀ NƯỚC

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
Thuế Giá trị gia tăng	1.425.138.503	249.931.787
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	22.832.616.385	-
Thuế Thu nhập cá nhân	19.991.853.313	21.080.057.147
	44.249.608.201	21.329.988.934

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

21 . CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGÂN HẠN

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
Chi phí lãi vay phải trả	18.986.961.015	15.894.076.014
Chi phí lãi trái phiếu phải trả	-	15.357.449.316
Chi phí phải trả các sản giao dịch	4.807.722.769	3.588.420.567
Chi phí phải trả khác	657.900.000	600.830.000
	24.452.583.784	35.440.775.897

22 . CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỢ NGÂN HẠN KHÁC

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
Phải trả cổ tức cho cổ đông	697.318.134	697.318.134
Phải trả phí phát triển thị trường và tìm kiếm khách hàng	4.185.130.512	4.819.063.784
Phải trả trái phiếu bán lẻ	34.460.007	9.767.333
Các khoản phải trả, phải nộp khác	3.208.813.011	3.593.227.275
	8.125.721.664	9.119.376.526

23 . VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU**a) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu**

	Tỷ lệ	31/12/2023	Tỷ lệ	01/01/2023
	(%)	VND	(%)	VND
Công ty Cổ phần Tập đoàn T&T	5,60	455.057.340.000	5,60	455.057.340.000
Vốn góp của cổ đông (dưới 5%)	94,40	7.676.510.140.000	94,40	7.676.510.140.000
	100,00	8.131.567.480.000	100,00	8.131.567.480.000

b) Lợi nhuận chưa phân phối

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
Lợi nhuận đã thực hiện chưa phân phối	1.089.116.102.205	370.182.149.985
Lợi nhuận chưa thực hiện	292.666.338.544	395.170.115.704
	1.381.782.440.749	765.352.265.689

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN - HÀ NỘITầng 1-5 Tòa nhà Unimex Hà Nội, số 41 Ngõ Quyền,
phường Hàng Bài, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

c) Tình hình phân phối thu nhập cho cổ đông hoặc các thành viên góp vốn

	Năm 2023	Năm 2022
	VND	VND
Lợi nhuận đã thực hiện chưa phân phối năm trước	370.182.149.985	1.263.713.970.604
Lỗ đã thực hiện năm nay tính từ đầu năm	661.797.174.730	369.285.449.881
Ghi nhận bổ sung lãi đã thực hiện năm nay từ nguồn quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông	77.136.777.490	-
Cơ sở lợi nhuận phân phối cho cổ đông hoặc các thành viên góp vốn tính đến cuối năm tài chính	1.109.116.102.205	1.632.999.420.485
Số trích các quỹ từ lợi nhuận	(20.000.000.000)	(55.000.000.000)
- Quỹ khen thưởng phúc lợi	(20.000.000.000)	(55.000.000.000)
Số lãi phân phối cho cổ đông hoặc các thành viên góp vốn năm nay	-	(1.207.817.270.500)
Lợi nhuận đã thực hiện chưa phân phối tính đến cuối năm tài chính	1.089.116.102.205	370.182.149.985

Theo Nghị quyết của Đại Hội đồng cổ đông số 01-2023/NQ-ĐHĐCĐ ngày 28 tháng 04 năm 2023, Công ty công bố việc phân phối lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm 2023 như sau:

- Trích lập quỹ khen thưởng số tiền 5.000.000.000 VND, quỹ phúc lợi số tiền 15.000.000.000 VND.

- Dùng 77.136.777.489 VND của Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ để hoàn nhập vào Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối của Công ty.

24 . TÀI SẢN TÀI CHÍNH NIÊM YẾT/ĐĂNG KÝ GIAO DỊCH CỦA CÔNG TY CHỨNG KHOÁN

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
Tài sản tài chính giao dịch tự do chuyển nhượng	2.061.683.090.000	1.082.923.690.000
Tài sản tài chính giao dịch cầm cố	118.900.000.000	359.437.500.000
Tài sản tài chính chờ thanh toán	2.198.900.000	52.000.000.000
	2.182.781.990.000	1.494.361.190.000

25 . TÀI SẢN TÀI CHÍNH ĐÃ LƯU KÝ TẠI VSD VÀ CHƯA GIAO DỊCH CỦA CÔNG TY CHỨNG KHOÁN

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch, tự do chuyển nhượng	16.122.280.000	76.790.020.000
	16.122.280.000	76.790.020.000

26 . TÀI SẢN TÀI CHÍNH CHỜ VỀ CỦA CÔNG TY CHỨNG KHOÁN

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
Tài sản tài chính chờ về của Công ty	5.000.000.000	4.235.100.000
	5.000.000.000	4.235.100.000

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN - HÀ NỘITầng 1-5 Tòa nhà Unimex Hà Nội, số 41 Ngõ Quyền,
phường Hàng Bài, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

27 . TÀI SẢN TÀI CHÍNH CHƯA LƯU KÝ TẠI VSD CỦA CÔNG TY CHỨNG KHOÁN

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
Tài sản tài chính chưa lưu ký tại VSD của Công ty	449.605.490.000	799.358.780.000
	449.605.490.000	799.358.780.000

28 . TÀI SẢN TÀI CHÍNH NIÊM YẾT/ĐĂNG KÝ GIAO DỊCH CỦA NHÀ ĐẦU TƯ

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
Tài sản tài chính giao dịch tự do chuyển nhượng	39.190.047.450.000	36.784.515.100.000
Tài sản tài chính giao dịch hạn chế chuyển nhượng	1.398.304.940.000	1.350.251.430.000
Tài sản tài chính giao dịch cầm cố	4.830.732.900.000	6.316.152.530.000
Tài sản tài chính phong tỏa, tạm giữ	35.446.580.000	65.747.990.000
Tài sản tài chính chờ thanh toán	233.299.440.000	124.658.810.000
	45.687.831.310.000	44.641.325.860.000

29 . TÀI SẢN TÀI CHÍNH ĐÃ LƯU KÝ TẠI VSD VÀ CHƯA GIAO DỊCH CỦA NHÀ ĐẦU TƯ

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch, tự do chuyển nhượng	918.438.460.000	1.121.600.510.000
Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch, hạn chế chuyển nhượng	481.900.000.000	1.389.311.520.000
	1.400.338.460.000	2.510.912.030.000

30 . TÀI SẢN TÀI CHÍNH CHỜ VỀ CỦA NHÀ ĐẦU TƯ

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
Tài sản tài chính chờ về của Nhà đầu tư	143.100.970.000	468.708.950.000
	143.100.970.000	468.708.950.000

31 . TIỀN GỬI CỦA NHÀ ĐẦU TƯ

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	430.005.857.813	786.530.289.831
1. Nhà đầu tư trong nước	428.574.773.000	785.713.229.727
2. Nhà đầu tư nước ngoài	1.431.084.813	817.060.104
Tiền gửi tổng hợp giao dịch chứng khoán cho khách hàng	299.996.852.016	522.927.021.500
Tiền gửi của tổ chức phát hành	1.450.183.271.953	77.504.292
2. Tiền gửi thanh toán cổ tức của tổ chức phát hành	1.450.183.271.953	77.504.292
	2.180.185.981.782	1.309.534.815.623

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN - HÀ NỘITầng 1-5 Tòa nhà Unimex Hà Nội, số 41 Ngõ Quyền,
phường Hàng Bài, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

32 . PHẢI TRẢ NHÀ ĐẦU TƯ

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
1. Phải trả Nhà đầu tư - Tiền gửi của Nhà đầu tư về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	430.005.857.813	786.530.289.831
1.1 Nhà đầu tư trong nước	428.574.773.000	785.713.229.727
1.2 Nhà đầu tư nước ngoài	1.431.084.813	817.060.104
2. Phải trả Nhà đầu tư - Tiền gửi về bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán của Nhà đầu tư	299.996.852.016	522.927.021.500
2.1 Nhà đầu tư trong nước	299.996.852.016	522.927.021.500
	730.002.709.829	1.309.457.311.331

33 . PHẢI TRẢ VAY CÔNG TY CHỨNG KHOÁN CỦA NHÀ ĐẦU TƯ

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
1. Phải trả nghiệp vụ margin	3.726.006.869.173	2.320.834.729.708
1.1 Phải trả gốc margin	3.655.950.551.773	2.293.481.012.669
<i>Nhà đầu tư trong nước</i>	3.655.950.551.773	2.293.481.012.669
1.2 Phải trả lãi margin	70.056.317.400	27.353.717.039
<i>Nhà đầu tư trong nước</i>	70.056.317.400	27.353.717.039
2. Phải trả nghiệp vụ ứng trước tiền bán chứng khoán	179.188.351.707	62.187.519.079
2.1 Phải trả gốc nghiệp vụ ứng trước tiền bán chứng khoán	179.188.351.707	62.187.519.079
<i>Nhà đầu tư trong nước</i>	179.188.351.707	62.187.519.079
	3.905.195.220.880	2.383.022.248.787

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN - HÀ NỘI

Báo cáo tài chính

Tầng 1-5 Tòa nhà Unimex Hà Nội, số 41 Ngõ Quyền, phường Hàng Bài, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

34 . THU NHẬP

a) Lãi, lỗ bán các tài sản tài chính

	Tổng giá trị bán VND	Tổng giá vốn VND	Lãi, lỗ bán chứng khoán năm nay		Lãi, lỗ bán chứng khoán năm trước	
			Lãi	Lỗ	Lãi	Lỗ
Cổ phiếu niêm yết	1.896.065.080.000	1.904.502.173.745	119.171.035.705	127.608.569.450	209.543.746.772	516.771.205.884
Cổ phiếu giao dịch trên UPCOM	326.806.390.000	317.470.905.312	11.485.414.286	2.149.929.598	17.175.981.316	21.060.231.770
Trái phiếu niêm yết	24.346.558.132.657	24.264.514.350.972	119.958.690.258	37.914.908.573	106.956.707.115	36.445.599.726
Trái phiếu chưa niêm yết	4.869.013.606.164	4.844.312.270.469	51.254.244.405	26.552.908.710	119.542.517.365	37.040.831.790
Công cụ thị trường tiền tệ	56.147.796.459.790	56.131.411.594.530	20.075.476.431	3.690.611.171	4.090.385.320	198.838.352
Chứng chỉ quỹ	11.432.773.291	10.503.370.200	929.403.091	-	-	-
	87.597.672.441.902	87.472.714.665.238	322.874.264.176	197.916.927.502	457.309.337.888	611.516.707.522

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN - HÀ NỘI

Tầng 1-5 Tòa nhà Unimex Hà Nội, số 41 Ngõ Quyền, phường Hàng Bài, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

b) . Chính sách đánh giá lại các tài sản tài chính

	Giá trị mua theo số kế toán	Giá trị thị trường/ Giá trị hợp lý	Chênh lệch đánh giá lại tại ngày 31/12/2023		Chênh lệch đánh giá lại tại ngày 01/01/2023		Chênh lệch điều chỉnh số lẻ toán	
	VND	VND	Đánh giá tăng	Đánh giá giảm	VND	Đánh giá tăng	Đánh giá giảm	VND
FVTPL	4.920.300.934.119	5.032.173.035.088	393.862.414.710	(281.990.313.741)	385.254.045.220	385.254.045.220	(145.252.222.801)	8.608.369.490
Cổ phiếu niêm yết	2.466.101.528.539	2.553.191.328.220	225.410.774.531	(138.320.974.850)	112.267.933.818	112.267.933.818	(81.622.832.836)	113.142.840.713
Cổ phiếu giao dịch trên UPCOM	498.811.463.847	576.391.735.300	159.491.108.197	(81.910.836.744)	265.937.687.585	265.937.687.585	(8.319.303.490)	(106.446.579.388)
Cổ phiếu hủy niêm yết	4.109.683.115	2.600.000.000	-	(1.509.683.115)	-	-	(2.007.286.015)	-
Cổ phiếu chưa niêm yết	615.886.034.538	560.372.873.732	-	(55.513.160.906)	-	-	(52.732.800.460)	-
Trái phiếu chưa niêm yết	830.981.963.780	835.206.837.636	8.960.531.982	(4.735.658.126)	7.048.423.817	7.048.423.817	(570.000.000)	1.912.108.165
Trái phiếu chưa niêm yết	504.410.260.200	504.410.260.200	-	-	-	-	-	-
AFS	475.238.748.169	660.595.904.800	303.477.156.631	(118.120.000.000)	176.599.239.181	176.599.239.181	(279.600.000.000)	-
Cổ phiếu chưa niêm yết	475.238.748.169	660.595.904.800	303.477.156.631	(118.120.000.000)	176.599.239.181	176.599.239.181	(279.600.000.000)	-
	5.395.539.682.288	5.692.768.939.888	697.339.571.341	(400.110.313.741)	561.853.284.401	561.853.284.401	(424.852.222.801)	8.608.369.490
								136.738.090.940

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN - HÀ NỘITầng 1-5 Tòa nhà Unimex Hà Nội, số 41 Ngõ Quyền,
phường Hàng Bài, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

c) Cổ tức và tiền lãi phát sinh từ các tài sản tài chính FVTPL, các khoản cho vay, HTM, AFS		Năm 2023	Năm 2022
		VND	VND
Từ tài sản tài chính FVTPL	249.437.604.470	154.048.913.027	
Từ tài sản tài chính nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM)	37.528.767.143	30.824.931.494	
Từ các khoản cho vay	547.158.302.683	567.856.675.262	
	834.124.674.296	752.730.519.783	
d) Doanh thu ngoài thu nhập các tài sản tài chính		Năm 2023	Năm 2022
		VND	VND
Thu nhập hoạt động khác	420.625.394	654.937.941	
<i>Trong đó:</i>			
- Doanh thu từ lãi hợp đồng ủy thác đầu tư	-	16.694.904	
- Doanh thu khác	420.625.394	638.243.037	
Các khoản giảm trừ doanh thu	-	-	
Thu nhập thuần hoạt động khác	420.625.394	654.937.941	
35 . CHI PHÍ NGOÀI CHI PHÍ CÁC TÀI SẢN TÀI CHÍNH		Năm 2023	Năm 2022
		VND	VND
Chi phí hoạt động cung cấp dịch vụ khác	34.241.491.361	56.371.123.973	
- Chi phí dịch vụ tài chính khác	13.415.798.498	11.580.540.228	
- Chi phí dự phòng phải thu khó đòi và xử lý tổn thất phải thu khó đòi về cung cấp dịch vụ chứng khoán	20.825.637.863	44.786.729.745	
- Chi phí khác	55.000	3.854.000	
	34.241.491.361	56.371.123.973	
36 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH		Năm 2023	Năm 2022
		VND	VND
Doanh thu lãi liên gửi không kỳ hạn	4.715.313.949	4.975.550.219	
	4.715.313.949	4.975.550.219	
37 . CHI PHÍ TÀI CHÍNH		Năm 2023	Năm 2022
		VND	VND
Chi phí lãi vay	58.742.468.822	163.288.704.020	
Chi phí đầu tư khác	-	20.000.000	
	58.742.468.822	163.308.704.020	

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN - HÀ NỘITầng 1-5 Tòa nhà Unimex Hà Nội, số 41 Ngõ Quyền,
phường Hàng Bài, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

38 . CHI PHÍ QUẢN LÝ CÔNG TY CHỨNG KHOÁN

	Năm 2023	Năm 2022
	VND	VND
Chi phí lương và các khoản theo lương	72.880.670.758	56.494.914.501
Kinh phí công đoàn, BHXH, BHYT, BHTN	2.428.820.088	2.126.425.291
Chi phí vật tư văn phòng	314.287.298	425.075.711
Chi phí công cụ, dụng cụ	423.626.599	334.827.332
Chi phí khấu hao TSCĐ, BĐSĐT	5.274.637.621	5.110.570.287
Chi phí thuế, phí và lệ phí	130.569.855	188.978.636
Chi phí dịch vụ mua ngoài	13.628.672.390	9.488.559.776
Chi phí khác	20.445.116.532	24.069.032.124
	115.526.401.141	98.238.383.658

39 . THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH**39.1 Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

	Năm 2023	Năm 2022
	VND	VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	684.173.498.675	197.287.871.524
Các khoản điều chỉnh tăng	143.575.770	229.282.134
- Chi phí không hợp lệ	143.575.770	229.282.134
Các khoản điều chỉnh giảm	68.213.152.530	236.678.678.123
- Cổ tức, lợi nhuận được chia	(59.916.568.920)	(22.158.066.591)
- Chênh lệch về đánh giá lại các TSTC FVTPL	128.129.721.450	258.836.744.714
Thu nhập chịu thuế TNDN	752.530.226.975	434.195.831.781
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành (thuế suất 20%)	150.506.045.395	86.839.166.357
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	150.506.045.395	86.839.166.357
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp đầu năm	(14.350.127.630)	105.896.237.927
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp trong năm	(113.323.301.379)	(207.085.531.914)
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp cuối năm	22.832.616.385	(14.350.127.630)

39.2 Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả		
Số dư đầu năm	98.792.528.926	150.559.877.869
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ các khoản chênh lệch tăng và giảm về đánh giá lại các TSTC FVTPL	(25.625.944.290)	(51.767.348.943)
	73.166.584.636	98.792.528.926
	Năm 2023	Năm 2022
	VND	VND
Chi phí thuế thu nhập hoãn lại tính vào Báo cáo kết quả hoạt động		
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tăng và giảm về đánh giá lại các TSTC FVTPL	(25.625.944.290)	(51.767.348.943)
	(25.625.944.290)	(51.767.348.943)

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN - HÀ NỘI

Tầng 1-5 Tòa nhà Unimex Hà Nội, số 41 Ngõ Quyền,
phường Hàng Bài, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

40 . LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau:

	Năm 2023	Năm 2022
	VND	VND
Tổng lợi nhuận sau thuế	559.293.397.570	162.216.054.110
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	559.293.397.570	162.216.054.110
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong năm	813.156.748	680.459.324
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	688	238

Công ty chưa có dự tính trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi trên Lợi nhuận sau thuế cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, Công ty không có các cổ phiếu có tiềm năng suy giảm lãi trên cổ phiếu.

41 . CÔNG CỤ TÀI CHÍNH**Quản lý rủi ro tài chính**

Rủi ro tài chính của Công ty bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về giá, tỷ giá hối đoái và lãi suất.

Rủi ro về giá:

Công ty chịu rủi ro về giá của các công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư cổ phiếu ngắn hạn và dài hạn do tính không chắc chắn về giá tương lai của cổ phiếu đầu tư. Các khoản đầu tư cổ phiếu dài hạn được nắm giữ với mục đích chiến lược lâu dài, tại thời điểm kết thúc năm tài chính Công ty chưa có kế hoạch bán các khoản đầu tư này.

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 31/12/2023				
Các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ	5.032.173.035.088	-	-	5.032.173.035.088
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán	660.595.904.800	-	-	660.595.904.800
	5.692.768.939.888	-	-	5.692.768.939.888
Tại ngày 01/01/2023				
Các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ	4.339.477.987.075	-	-	4.339.477.987.075
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán	572.237.987.350	-	-	572.237.987.350
	4.911.715.974.425	-	-	4.911.715.974.425

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN - HÀ NỘI

Tầng 1-5 Tòa nhà Unimex Hà Nội, số 41 Ngõ Quyền,
phường Hàng Bài, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

Rủi ro về tỷ giá hối đoái:

Công ty chịu rủi ro về tỷ giá do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá ngoại tệ khi các khoản vay, doanh thu và chi phí của Công ty được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng Việt Nam.

Rủi ro về lãi suất:

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
Tại ngày 31/12/2023				
Tiền	851.848.713.749	-	-	851.848.713.749
Các khoản cho vay	3.765.104.198.298	-	-	3.765.104.198.298
Các khoản phải thu	1.066.401.351.305	-	-	1.066.401.351.305
	<u>5.683.354.263.352</u>	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>5.683.354.263.352</u>
Tại ngày 01/01/2023				
Tiền	1.039.575.698.821	-	-	1.039.575.698.821
Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	1.000.000.000.000	-	-	1.000.000.000.000
Các khoản cho vay	2.307.990.732.182	-	-	2.307.990.732.182
Các khoản phải thu	1.550.735.679.066	-	-	1.550.735.679.066
	<u>5.898.302.110.069</u>	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>5.898.302.110.069</u>

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN - HÀ NỘITầng 1-5 Tòa nhà Unimex Hà Nội, số 41 Ngõ Quyền,
phường Hàng Bài, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 31/12/2023				
Vay và nợ	892.000.000.000	-	-	892.000.000.000
Phải trả người bán, phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán và phải trả khác	22.462.537.664	-	-	22.462.537.664
Chi phí phải trả	24.452.583.784	-	-	24.452.583.784
	938.915.121.448	-	-	938.915.121.448
Tại ngày 01/01/2023				
Vay và nợ	1.067.000.000.000	-	-	1.067.000.000.000
Phải trả người bán, phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán và phải trả khác	123.279.273.742	-	-	123.279.273.742
Chi phí phải trả	35.440.775.897	-	-	35.440.775.897
	1.225.720.049.639	-	-	1.225.720.049.639

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

42. NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN - HÀ NỘI

Tầng 1-5 Tòa nhà Unimex Hà Nội, số 41 Ngõ Quyền,
phường Hàng Bài, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

43 . BÁO CÁO BỘ PHẬN

Theo lĩnh vực kinh doanh

	Hoạt động bảo lãnh, đại lý phát hành chứng khoán	Hoạt động môi giới, lưu ký chứng khoán	Hoạt động đầu tư tự doanh	Các hoạt động khác	Tổng cộng toàn doanh nghiệp
	VND	VND	VND	VND	VND
Doanh thu hoạt động	37.711.363.635	237.846.232.833	580.920.238.136	603.591.606.653	1.460.069.441.257
Chi phí hoạt động	8.749.068.873	180.564.207.523	352.381.095.561	64.746.711.622	606.441.083.579
Doanh thu không phân bổ					4.715.313.949
Chi phí không phân bổ					174.268.869.963
Kết quả hoạt động	28.962.294.762	57.282.025.310	228.539.142.575	538.844.895.031	684.074.801.664
Chi phí mua tài sản cố định					1.080.000.000
Tài sản bộ phận trực tiếp	-	20.000.000.000	5.692.768.939.888	3.938.264.147.475	9.651.033.087.363
Tài sản không phân bổ	-	-	-	-	1.806.174.452.648
Tổng tài sản	-	20.000.000.000	5.692.768.939.888	3.938.264.147.475	11.457.207.540.011
Nợ phải trả không phân bổ					1.193.696.795.393
Tổng nợ phải trả	-	-	-	-	1.193.696.795.393

Theo khu vực địa lý

	Hội sở	Chi nhánh Đà Nẵng	Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh	Tổng cộng toàn doanh nghiệp
	VND	VND	VND	VND
Doanh thu hoạt động	1.314.932.707.460	54.222.507.193	90.914.226.604	1.460.069.441.257
Tài sản bộ phận	10.568.726.256.903	349.745.309.600	538.735.973.508	11.457.207.540.011
Nợ phải trả bộ phận	767.494.580.934	107.658.838.529	318.543.375.930	1.193.696.795.393



44 . NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách và mối quan hệ giữa các bên liên quan có số dư hoặc giao dịch với Công ty như sau:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội	Ông Đỗ Quang Vinh Chủ tịch Hội đồng quản trị của Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội là con trai ông Đỗ Quang Hiền Chủ tịch Hội đồng quản trị Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội.
Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Sài Gòn - Hà Nội	Ông Đỗ Quang Vinh là chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội và Tổng Công Ty Cổ Phần Bảo Hiểm Sài Gòn - Hà Nội, Ông Vũ Đức Tiến, Ông Lê Đăng Khoa, ông Lưu Danh Đức, ông Vũ Đức Trung là thành viên HĐQT Tổng Công Ty Cổ Phần Bảo Hiểm Sài Gòn - Hà Nội.
Công ty Cổ phần Máy - Thiết bị dầu khí	Ông Vũ Đức Tiến là thành viên Hội đồng quản trị của Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội, đồng thời là Chủ tịch Hội đồng quản trị của Công ty Cổ phần Máy - Thiết bị dầu khí.
Công ty Cổ phần xây lắp Dầu khí Thanh Hóa	Ông Vũ Đức Tiến là thành viên Hội đồng quản trị của Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội, đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị của Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Thanh Hóa

Trong năm, Công ty có giao dịch với các bên liên quan như sau:

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Giao dịch mua trái phiếu		
Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội	-	1.403.897.611.562
Nhận tiền vay		
Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội	600.000.000.000	5.381.490.000.000
Trả nợ vay		
Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội	711.000.000.000	7.118.490.000.000
Chi phí lãi vay		
Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội	7.839.353.424	27.226.868.131
Doanh thu nghiệp vụ bảo lãnh, đại lý phát hành chứng khoán		
Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội	35.961.363.635	10.363.636.363
Doanh thu hoạt động lưu ký chứng khoán		
Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội	413.631.850	-
Doanh thu tư vấn tài chính		
Công ty Cổ phần Máy - Thiết bị dầu khí	200.000.000	-
Tổng Công Ty Cổ Phần Bảo Hiểm Sài Gòn -	430.000.000	-
Mua hàng hóa dịch vụ		
Tổng Công Ty Cổ Phần Bảo Hiểm Sài Gòn -	1.943.250.000	-

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN - HÀ NỘITầng 1-5 Tòa nhà Unimex Hà Nội, số 41 Ngõ Quyền,
phường Hàng Bài, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

Số dư với các bên liên quan tại ngày kết thúc năm tài chính:

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
Tiền gửi ngân hàng		
Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội	846.593.992.813	1.035.290.043.241
Đầu tư cổ phiếu		
Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội	275.238.748.169	451.837.987.350
Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Sài Gòn - Hà Nội	145.257.484.500	145.257.484.500
Phải thu của khách hàng		
Công ty Cổ phần xây lắp Dầu khí Thanh Hóa	38.000.000	-
Tổng Công Ty Cổ Phần Bảo Hiểm Sài Gòn - Hà Nội	223.000.000	-
Người mua trả tiền trước		
Công ty Cổ phần Máy - Thiết bị dầu khí	50.000.000	50.000.000
Vay ngắn hạn		
Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội	-	111.000.000.000
Phải trả người bán		
Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội	-	111.737.730.877

Ngoài các thông tin về các bên liên quan đã được trình bày ở trên, giao dịch với các bên liên quan khác như sau:

	Mối quan hệ	Năm 2023	Năm 2022
		VND	VND
Thu nhập của người quản lý chủ chốt			
Ông Đỗ Quang Hiến	Chủ tịch HĐQT	-	1.222.222.222
	Miễn nhiệm ngày 26/04/2022		
Ông Đỗ Quang Vinh	Chủ tịch HĐQT	2.033.333.328	977.777.778
	Bổ nhiệm ngày 27/04/2022		
Ông Lưu Danh Đức	Thành viên HĐQT	316.666.667	155.555.556
	Bổ nhiệm ngày 27/04/2022		
Ông Lê Đăng Khoa	Thành viên HĐQT	316.666.667	350.000.000
Ông Mai Xuân Sơn	Thành viên HĐQT	-	194.444.444
	Miễn nhiệm ngày 27/04/2022		
Bà Nguyễn Diệu Trinh	Thành viên HĐQT	316.666.667	350.000.000
Ông Vũ Đức Tiến	Thành viên HĐQT	7.829.458.211	6.247.960.000
	Tổng Giám đốc		
	Thời giữ chức vụ Tổng Giám đốc từ ngày 25/03/2024		
Ông Nguyễn Chí Thành	Tổng Giám đốc	4.496.395.857	3.837.181.667
	Bổ nhiệm ngày 25/03/2024		
Ông Trần Sỹ Tiến	Phó Tổng Giám đốc	4.734.729.224	3.761.895.909
	Kế toán trưởng		
Bà Trần Thị Thu Thanh	Phó Tổng Giám đốc	4.423.079.224	3.391.960.000
Bà Phạm Thị Bích Hồng	Trưởng ban BKS	818.679.987	574.811.108
Bà Lương Thị Lưu	Thành viên ban BKS	216.666.667	200.000.000
Ông Vũ Đức Trung	Thành viên ban BKS	216.666.667	200.000.000

Ngoài giao dịch với bên liên quan nêu trên, các bên liên quan khác không phát sinh giao dịch trong năm và không có số dư tại ngày kết thúc năm tài chính với Công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN - HÀ NỘI

Tầng 1-5 Tòa nhà Unimex Hà Nội, số 41 Ngô Quyền,
phường Hàng Bài, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

45 . SỔ LIỆU SO SÁNH

Sổ liệu so sánh là sổ liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 đã được Công ty TNHH Hãng kiểm toán AASC kiểm toán.



Nguyễn Thị Thủy
Người lập



Trần Sỹ Tiến
Kế toán trưởng



Nguyễn Chí Thành
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 25 tháng 03 năm 2024



BÁO CÁO TÀI CHÍNH

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN - HÀ NỘI

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

(đã được kiểm toán)



CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN - HÀ NỘI

Tầng 1-5 Tòa nhà Unimex Hà Nội, số 41 Ngõ Quyền,
phường Hàng Bài, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội

NỘI DUNG

	Trang
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	02-03
Báo cáo kiểm toán độc lập	04-05
Báo cáo tài chính đã được kiểm toán	06-51
Báo cáo tình hình tài chính	06-09
Báo cáo kết quả hoạt động	10-12
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	13-15
Báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu	16
Thuyết minh Báo cáo tài chính	17-51

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN - HÀ NỘI

Tầng 1-5 Tòa nhà Unimex Hà Nội, số 41 Ngõ Quyền, phường Hàng Bài, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội được thành lập và hoạt động theo Giấy phép hoạt động kinh doanh Chứng khoán số 66/UBCK-GP do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 15 tháng 11 năm 2007, Giấy phép điều chỉnh lần gần nhất số 16/GPĐC-UBCK do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 25 tháng 03 năm 2024 và Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 0102524651 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 15 tháng 11 năm 2007 và đăng ký thay đổi lần thứ mười ngày 05 tháng 04 năm 2024.

Trụ sở của Công ty tại: Tầng 1-5 Tòa nhà Unimex Hà Nội, số 41 Ngõ Quyền, phường Hàng Bài, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Đỗ Quang Vinh	Chủ tịch
Ông Vũ Đức Tiến	Thành viên
Ông Lê Đăng Khoa	Thành viên
Ông Lưu Danh Đức	Thành viên
	Xin từ chức từ ngày 23/12/2024
Bà Nguyễn Diệu Trinh	Thành viên

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Nguyễn Chí Thành	Tổng Giám đốc
	Bổ nhiệm ngày 25/03/2024
	Miễn nhiệm Phó Tổng Giám đốc ngày 25/03/2024
Ông Vũ Đức Tiến	Tổng Giám đốc
	Miễn nhiệm từ ngày 25/03/2024
Ông Trần Sỹ Tiến	Phó Tổng Giám đốc
	Thôi chức danh kiêm nhiệm kế toán trưởng từ 28/03/2024
	Miễn nhiệm Phó Tổng Giám đốc từ ngày 27/12/2024
Bà Trần Thị Thu Thanh	Phó Tổng Giám đốc
	Miễn nhiệm từ 01/04/2024

Các thành viên của Ủy ban kiểm toán bao gồm:

Bà Nguyễn Diệu Trinh	Chủ tịch Ủy ban kiểm toán
	Bổ nhiệm 06/06/2024
Ông Lê Đăng Khoa	Thành viên Ủy ban kiểm toán
	Bổ nhiệm 06/06/2024

Từ ngày 15/05/2024, Công ty bãi nhiệm các thành viên Ban Kiểm soát theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông số 01-2024/NQ-ĐHĐCĐ, thông tin các thành viên Ban Kiểm soát đã bãi nhiệm như sau:

Bà Phạm Thị Bích Hồng	Trưởng ban
Bà Lương Thị Lựu	Thành viên
Ông Vũ Đức Trung	Thành viên

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN - HÀ NỘI

Tầng 1-5 Tòa nhà Unimex Hà Nội, số 41 Ngõ Quyền, phường Hàng Bài, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và cho đến khi lập Báo cáo tài chính này là Ông Nguyễn Chí Thành - Tổng Giám đốc.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC đã thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính cho Công ty.

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động, tình hình lưu chuyển tiền tệ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán Việt Nam áp dụng đối với công ty chứng khoán và các quy định hiện hành có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính;
- Lập các Báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định pháp lý của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2024, kết quả hoạt động, tình hình lưu chuyển tiền tệ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024, phù hợp với Chuẩn mực, Chế độ kế toán Việt Nam áp dụng đối với công ty chứng khoán và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Cam kết khác

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty tuân thủ Nghị định 155/2020/NĐ-CP của Chính Phủ ngày 31/12/2020 hướng dẫn về quy định chi tiết thi hành một số điều của luật chứng khoán và Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và Thông tư số 68/2024/TT-BTC ngày 18/09/2024 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 96/2020/TT-BTC.

Thay mặt Báo Tổng Giám đốc



Nguyễn Chí Thành

Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 03 tháng 03 năm 2025

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội được lập ngày 03 tháng 03 năm 2025, từ trang 06 đến trang 51, bao gồm: Báo cáo tình hình tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, Báo cáo kết quả hoạt động, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ, Báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán Việt Nam áp dụng đối với công ty chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, cũng như kết quả hoạt động, tình hình lưu chuyển tiền tệ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán Việt Nam áp dụng đối với công ty chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC



Nguyễn Tuấn Anh

Giám đốc kiểm toán

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

Số: 1369-2023-002-1

Dương Quân Anh

Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

Số: 1686-2023-002-1

Hà Nội, ngày 03 tháng 03 năm 2025

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN - HÀ NỘI

Tầng 1-5 Tòa nhà Unimex Hà Nội, số 41 Ngõ Quyền,
phường Hàng Bài, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2024	01/01/2024
			VND	VND
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		13.935.073.119.222	11.385.435.031.979
110	I. Tài sản tài chính		13.893.134.378.908	11.377.914.571.577
111	1. Tiền và các khoản tương đương tiền	4	680.759.314.148	851.889.363.555
111.1	1.1 Tiền		680.759.314.148	851.889.363.555
112	2. Các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)	5	8.144.359.839.930	5.032.173.035.088
114	3. Các khoản cho vay	5	4.186.915.656.373	3.835.138.903.480
115	4. Tài sản tài chính sẵn sàng để bán (AFS)	5	612.635.941.500	660.595.904.800
117	5. Các khoản phải thu	6	275.448.793.675	103.125.243.995
117.1	5.1 Phải thu bán các tài sản tài chính		171.106.530.000	-
117.2	5.2 Phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các tài sản tài chính		104.342.263.675	103.125.243.995
117.3	5.2.1 Phải thu cổ tức, tiền lãi đến ngày nhận		104.342.263.675	103.125.243.995
118	6. Trả trước cho người bán	7	1.242.070.000	1.750.718.531
119	7. Phải thu các dịch vụ công ty chứng khoán cung cấp	6	498.761.210.182	1.378.240.211.577
122	8. Các khoản phải thu khác	6	-	45.006.580.297
129	9. Dự phòng suy giảm giá trị các khoản phải thu	8	(506.988.446.900)	(530.005.389.746)
130	II. Tài sản ngắn hạn khác		41.938.740.314	7.520.460.402
131	1. Tạm ứng		38.408.998.880	2.528.993.666
132	2. Vật tư văn phòng, công cụ, dụng cụ	9	57.959.681	259.534.368
133	3. Chi phí trả trước ngắn hạn	10	3.369.453.232	4.628.757.347
134	4. Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược ngắn hạn	11	2.750.000	2.750.000
135	5. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ		173.000	19.500
136	6. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	12	-	1.000.000
137	7. Tài sản ngắn hạn khác	13	99.405.521	99.405.521
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		92.616.645.331	71.772.508.032
220	II. Tài sản cố định		29.871.928.911	10.087.224.075
221	1. Tài sản cố định hữu hình	14	8.957.254.968	7.507.949.662
222	- Nguyên giá		47.006.353.456	40.786.012.398
223a	- Giá trị hao mòn lũy kế		(38.049.098.488)	(33.278.062.736)
227	2. Tài sản cố định vô hình	15	20.914.673.943	2.579.274.413
228	- Nguyên giá		50.421.975.987	28.967.980.987
229a	- Giá trị hao mòn lũy kế		(29.507.302.044)	(26.388.706.574)
240	IV. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	16	2.679.303.760	10.660.476.000
250	V. Tài sản dài hạn khác		60.065.412.660	51.024.807.957
251	1. Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược dài hạn	11	22.767.745.060	2.644.693.540
252	2. Chi phí trả trước dài hạn	10	7.297.667.600	18.380.114.417
254	3. Tiền nộp Quỹ Hỗ trợ thanh toán	17	20.000.000.000	20.000.000.000
255	4. Tài sản dài hạn khác		10.000.000.000	10.000.000.000
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		14.027.689.764.553	11.457.207.540.011

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN - HÀ NỘITầng 1-5 Tòa nhà Unimex Hà Nội, số 41 Ngõ Quyền,
phường Hàng Bài, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2024	01/01/2024
			VND	VND
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		2.816.524.554.168	1.193.696.795.393
310	I. Nợ phải trả ngắn hạn		2.725.781.171.831	1.120.505.210.757
311	1. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	18	2.141.000.000.000	892.000.000.000
312	1.1 Vay ngắn hạn		2.141.000.000.000	892.000.000.000
318	3. Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	19	125.170.000	11.121.656.000
320	4. Phải trả người bán ngắn hạn	20	298.493.134.227	3.215.160.000
321	5. Người mua trả tiền trước ngắn hạn		1.960.727.273	1.770.500.000
322	6. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	21	100.967.212.960	44.249.608.201
323	7. Phải trả người lao động		54.545.236.491	28.669.030.548
324	8. Các khoản trích nộp phúc lợi nhân viên		2.594.168.617	1.942.972.277
325	9. Chi phí phải trả ngắn hạn	22	32.755.011.157	24.452.583.784
328	10. Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn		16.164.000	16.164.000
329	11. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	23	7.834.844.859	8.125.721.664
331	12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		85.489.502.247	104.941.814.283
340	II. Nợ phải trả dài hạn		90.743.382.337	73.191.584.636
352	1. Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn		25.000.000	25.000.000
356	2. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	40.	90.718.382.337	73.166.584.636
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		11.211.165.210.385	10.263.510.744.618
410	I. Vốn chủ sở hữu	24	11.211.165.210.385	10.263.510.744.618
411	1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		8.853.320.430.800	8.853.320.430.800
411.1	1.1 Vốn góp của chủ sở hữu		8.131.567.480.000	8.131.567.480.000
411.1a	a. Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		8.131.567.480.000	8.131.567.480.000
411.2	1.3 Thặng dư vốn cổ phần		721.752.950.800	721.752.950.800
412	2. Chênh lệch đánh giá tài sản theo giá trị hợp lý		(96.688.867.720)	(48.728.904.420)
414	3. Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ		77.136.777.489	77.136.777.489
417	4. Lợi nhuận chưa phân phối		2.377.396.869.816	1.381.782.440.749
417.1	4.1 Lợi nhuận sau thuế đã thực hiện		2.014.523.340.470	1.089.116.102.205
417.2	4.2 Lợi nhuận chưa thực hiện		362.873.529.346	292.666.338.544
440	TỔNG CỘNG NỢ VÀ VỐN CHỦ SỞ HỮU		14.027.689.764.553	11.457.207.540.011

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN - HÀ NỘITầng 1-5 Tòa nhà Unimex Hà Nội, số 41 Ngõ Quyền,
phường Hàng Bài, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	31/12/2024	01/01/2024
A. TÀI SẢN CỦA CÔNG TY CHỨNG KHOÁN VÀ TÀI SẢN QUẢN LÝ THEO CAM KẾT				
002	1. Chứng chỉ có giá nhận giữ hộ		1.500.000.000	1.500.000.000
003	2. Tài sản nhận thế chấp		6.903.330.000	6.903.330.000
004	3. Nợ khó đòi đã xử lý		62.305.803.043	-
006	4. Cổ phiếu đang lưu hành		813.156.748	813.156.748
008	5. Tài sản tài chính niêm yết/đăng ký giao dịch tại VSD của công ty chứng khoán	25	3.749.196.220.000	2.182.781.990.000
009	6. Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch của công ty chứng khoán	26	169.007.640.000	16.122.280.000
010	7. Tài sản tài chính chờ về của công ty chứng khoán	27	171.039.000.000	5.000.000.000
012	8. Tài sản tài chính chưa lưu ký tại VSD của công ty chứng khoán	28	250.435.452.500	449.605.490.000
B. TÀI SẢN VÀ CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ VỀ TÀI SẢN QUẢN LÝ CAM KẾT VỚI KHÁCH HÀNG				
021	1. Tài sản tài chính niêm yết/đăng ký giao dịch tại VSD của Nhà đầu tư	29	99.128.457.320.000	45.687.831.310.000
021.1	a. Tài sản tài chính giao dịch dự do chuyển nhượng		85.034.537.710.000	39.190.047.450.000
021.2	b. Tài sản tài chính hạn chế chuyển nhượng		1.903.369.480.000	1.398.304.940.000
021.3	c. Tài sản tài chính giao dịch cầm cố		4.584.161.920.000	4.830.732.900.000
021.4	d. Tài sản tài chính phong tỏa, tạm giữ		7.485.753.430.000	35.446.580.000
021.5	e. Tài sản tài chính chờ thanh toán		120.634.780.000	233.299.440.000
022	2. Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch của Nhà đầu tư	30	782.324.390.000	1.400.338.460.000
022.1	a. Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch, tự do chuyển nhượng		110.652.170.000	918.438.460.000
022.2	b. Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch, hạn chế chuyển nhượng		671.672.220.000	481.900.000.000
023	3. Tài sản tài chính chờ về của Nhà đầu tư	31	110.062.030.000	143.100.970.000

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN - HÀ NỘITầng 1-5 Tòa nhà Unimex Hà Nội, số 41 Ngõ Quyền,
phường Hàng Bài, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	31/12/2024	01/01/2024
026	11. Tiền gửi của khách hàng	32	719.318.035.298	2.180.185.981.782
027	11.1 Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý		493.252.007.646	430.005.857.813
028	11.2 Tiền gửi tổng hợp giao dịch chứng khoán cho khách hàng		225.988.523.360	299.996.852.016
030	11.3 Tiền gửi của Tổ chức phát hành chứng khoán		77.504.292	1.450.183.271.953
031	15. Phải trả Nhà đầu tư về tiền giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	33	719.240.531.006	730.002.709.829
031.1	15.1 Phải trả Nhà đầu tư trong nước về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý		717.722.354.058	728.571.625.016
031.2	15.2 Phải trả Nhà đầu tư nước ngoài về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý		1.518.176.948	1.431.084.813
032	18. Phải trả tổ chức phát hành chứng khoán		77.504.292	1.450.183.271.953


Nguyễn Thị Thủy
Người lập

Phạm Thị Thanh Hào
Kế toán trưởngNguyễn Chí Thành
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 03 tháng 03 năm 2025

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG

Năm 2024

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2024	Năm 2023	
			VND	VND	
I. DOANH THU HOẠT ĐỘNG					
01	1.1	Lãi từ các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)	1.155.256.444.943	580.920.238.136	
01.1	a.	Lãi bán các tài sản tài chính FVTPL	35.a)	742.239.535.083	322.874.264.176
01.2	b.	Chênh lệch tăng về đánh giá lại các TSTC FVTPL.	35.b)	186.603.308.568	8.608.369.490
01.3	c.	Cổ tức, tiền lãi phát sinh từ tài sản tài chính FVTPL.	35.c)	226.413.601.292	249.437.604.470
02	1.2	Lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM)	35.c)	12.693.150.684	37.528.767.143
03	1.3	Lãi từ các khoản cho vay và phải thu	35.c)	497.714.568.536	547.158.302.683
04	1.4	Lãi từ tài sản tài chính sẵn sàng để bán (AFS)	35.c)	26.792.403.000	-
06	1.5	Doanh thu nghiệp vụ môi giới chứng khoán		237.961.036.887	222.361.436.474
07	1.6	Doanh thu nghiệp vụ bảo lãnh, đại lý phát hành chứng khoán		8.751.977.272	37.711.363.635
08	1.7	Doanh thu nghiệp vụ tư vấn đầu tư chứng khoán		10.532.353.599	2.201.462.119
09	1.8	Doanh thu nghiệp vụ lưu ký chứng khoán		13.557.825.684	15.484.796.359
10	1.9	Doanh thu hoạt động tư vấn tài chính		25.507.803.031	16.282.449.314
11	1.10	Thu nhập hoạt động khác	35.d)	2.537.985.552	420.625.394
20	Cộng doanh thu hoạt động		1.991.305.549.188	1.460.069.441.257	
II. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG					
21	2.1	Lỗ các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)		233.548.223.795	336.713.866.532
21.1	a.	Lỗ bán các tài sản tài chính FVTPL	35.a)	131.736.626.884	197.916.927.502
21.2	b.	Chênh lệch giảm đánh giá lại các tài sản tài chính FVTPL	35.b)	98.844.320.065	136.738.090.940
21.3	c.	Chi phí giao dịch mua các tài sản tài chính FVTPL		2.967.276.846	2.058.848.090
24	2.2	Chi phí dự phòng tài sản tài chính, xử lý tổn thất các khoản phải thu khó đòi và lỗ suy giảm tài sản tài chính và chi phí đi vay của các khoản cho vay		1.204.956.438	8.307.039.780
26	2.3	Chi phí hoạt động tự doanh		36.946.759.089	15.667.229.029
27	2.4	Chi phí nghiệp vụ môi giới chứng khoán		203.616.474.965	168.959.936.815
28	2.5	Chi phí nghiệp vụ bảo lãnh, đại lý phát hành chứng khoán		7.660.591.230	8.749.068.873
29	2.6	Chi phí nghiệp vụ tư vấn đầu tư chứng khoán		13.154.340.854	13.415.798.498
30	2.7	Chi phí nghiệp vụ lưu ký chứng khoán		11.265.611.171	11.604.270.708
31	2.8	Chi phí hoạt động tư vấn tài chính		6.202.610.261	8.782.381.984
32	2.9	Chi phí các dịch vụ khác	36	52.443.201.050	34.241.491.361
40	Cộng chi phí hoạt động		566.042.768.853	606.441.083.579	

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG

Năm 2024

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2024	Năm 2023
			VND	VND
	III. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH	37		
42	3.1 Doanh thu, dự thu cổ tức, lãi tiền gửi ngân hàng không cố định		3.600.855.932	4.715.313.949
50	Cộng doanh thu hoạt động tài chính		3.600.855.932	4.715.313.949
	IV. CHI PHÍ TÀI CHÍNH	38		
52	4.1 Chi phí lãi vay		63.188.301.632	58.742.468.822
60	Cộng chi phí tài chính		63.188.301.632	58.742.468.822
62	VI. CHI PHÍ QUẢN LÝ CÔNG TY CHỨNG KHOÁN	39	129.127.044.887	115.526.401.141
70	VII. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG		1.236.548.289.748	684.074.801.664
	VIII. THU NHẬP KHÁC VÀ CHI PHÍ KHÁC			
71	8.1 Thu nhập khác		2.742.474.306	98.722.534
72	8.2 Chi phí khác		12.099	25.523
80	Cộng kết quả hoạt động khác		2.742.462.207	98.697.011
90	IX. TỔNG LỢI NHUẬN KẾ TOÁN TRƯỚC THUẾ		1.239.290.751.955	684.173.498.675
91	9.1 Lợi nhuận đã thực hiện		1.151.531.763.452	812.303.220.125
92	9.2 Lợi nhuận chưa thực hiện		87.758.988.503	(128.129.721.450)
100	X. CHI PHÍ THUẾ TNDN	40	223.676.322.888	124.880.101.105
100.1	10.1 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	40.1	206.124.525.187	150.506.045.395
100.2	10.2 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	40.2	17.551.797.701	(25.625.944.290)
200	XI. LỢI NHUẬN KẾ TOÁN SAU THUẾ TNDN		1.015.614.429.067	559.293.397.570

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN - HÀ NỘI

* Tầng 1-5 Tòa nhà Unimex Hà Nội, số 41 Ngõ Quyền,
phường Hàng Bài, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG

Năm 2024

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2024	Năm 2023
			VND	VND
300	XII. THU NHẬP (LỖ) TOÀN DIỆN KHÁC SAU THUẾ TNDN			
301	12.1 Lãi/(Lỗ) từ đánh giá lại các tài sản tài chính sẵn sàng để bán		(47.959.963.300)	288.357.917.450
400	Tổng thu nhập toàn diện		(47.959.963.300)	288.357.917.450
500	XIII. THU NHẬP THUẦN TRÊN CỔ PHIẾU PHỔ THÔNG			
501	13.1 Lãi cơ bản trên cổ phiếu (Đồng/1 cổ phiếu)	42	1.249	688

Nguyễn Thị Thủy
Người lập

Phạm Thị Thanh Hào
Kế toán trưởng



Nguyễn Chí Thành
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 03 tháng 03 năm 2025

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Năm 2024

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2024	Năm 2023
			VND	VND
	I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
01	1. Lợi nhuận trước thuế thu nhập doanh nghiệp		1.239.290.751.955	684.173.498.675
02	2. Điều chỉnh cho các khoản		107.159.225.510	82.782.617.222
03	- Khấu hao tài sản cố định		8.282.919.613	7.929.824.486
04	- Các khoản dự phòng		39.288.860.197	20.825.637.863
06	- Chi phí lãi vay		63.188.301.632	58.742.468.822
07	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(3.600.855.932)	(4.715.313.949)
10	3. Tăng các chi phí phi tiền tệ		98.844.320.065	136.738.090.940
11	- Lỗi đánh giá giá trị các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ FVTPL		98.844.320.065	136.738.090.940
18	4. Giảm các doanh thu phi tiền tệ		(186.603.308.568)	(8.608.369.490)
19	- Lãi đánh giá lại giá trị các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ FVTPL		(186.603.308.568)	(8.608.369.490)
30	5. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		(2.662.329.744.674)	(900.833.183.448)
31	- Tăng (giảm) tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ FVTPL		(3.024.427.816.339)	(820.824.769.463)
32	- Tăng (giảm) các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM)		-	1.000.000.000.000
33	- Tăng (giảm) các khoản cho vay		(351.776.752.893)	(1.479.470.371.732)
34	- Tăng (giảm) tài sản tài chính sẵn sàng để bán AFS		-	200.000.000.000
35	- (-) Tăng, (+) giảm phải thu bán các tài sản tài chính		(171.106.530.000)	-
36	- (-) Tăng, (+) giảm phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các tài sản tài chính		(1.217.019.680)	(52.007.862.441)
37	- (-) Tăng, (+) giảm các khoản phải thu các dịch vụ công ty chứng khoán cung cấp		862.370.005.922	535.281.192.967
39	- (-) Tăng, (+) giảm các khoản phải thu khác		-	2.264.988
40	- Tăng (giảm) các tài sản khác		(55.801.635.547)	(9.951.699.224)
41	- Tăng (giảm) chi phí phải trả (không bao gồm chi phí lãi vay)		3.733.397.242	(14.081.077.114)
42	- Tăng (giảm) chi phí trả trước		12.341.750.932	8.161.769.683
43	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(140.218.422.948)	(113.323.301.380)
44	- Lãi vay đã trả		(58.619.271.501)	(55.649.583.821)
45	- Tăng, (giảm) phải trả cho người bán		295.786.622.758	(111.115.455.852)
46	- Tăng, (giảm) các khoản trích nộp phúc lợi nhân viên		651.196.340	592.874.900
47	- Tăng, (giảm) thuế và các khoản phải nộp Nhà nước (không bao gồm thuế TNDN)		(9.187.497.480)	86.002.882
48	- Tăng, (giảm) phải trả người lao động		25.876.205.943	10.190.609.916
50	- Tăng, (giảm) phải trả, phải nộp khác		(11.281.665.387)	10.027.995.617
52	- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(39.452.312.036)	(8.751.773.374)
60	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		(1.403.638.755.712)	(5.747.346.101)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Năm 2024

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2024	Năm 2023
			VND	VND
	II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
61	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư và các tài sản khác		(20.086.452.209)	(11.740.476.000)
65	2. Tiền thu về cổ tức và lợi nhuận được chia từ các khoản đầu tư tài chính dài hạn		3.600.855.932	4.715.313.949
70	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		(16.485.596.277)	(7.025.162.051)
	III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
73	3. Tiền vay gốc		6.809.958.550.000	5.669.000.000.000
73.2	3. Tiền vay khác		6.809.958.550.000	5.669.000.000.000
74	4. Tiền chi trả nợ gốc vay		(5.560.958.550.000)	(5.844.000.000.000)
74.3	4.3 Tiền chi trả gốc nợ vay khác		(5.560.958.550.000)	(5.844.000.000.000)
76	6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(5.697.418)	-
80	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		1.248.994.302.582	(175.000.000.000)
90	IV. Tăng (giảm) tiền thuần trong năm		(171.130.049.407)	(187.772.508.152)
101	V. Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm		851.889.363.555	1.039.661.871.707
101.1	- Tiền		851.889.363.555	1.039.661.871.707
103	VI. Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm	4	680.759.314.148	851.889.363.555
103.1	- Tiền		680.759.314.148	851.889.363.555

**PHÂN LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HOẠT ĐỘNG MÔI GIỚI, ỦY THÁC CỦA
KHÁCH HÀNG**

Năm 2024

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2024	Năm 2023
			VND	VND
	I. Lưu chuyển tiền hoạt động môi giới, ủy thác của khách hàng			
01	1. Tiền thu bán chứng khoán môi giới cho khách hàng		156.585.831.318.954	103.966.411.225.699
02	2. Tiền chi mua chứng khoán môi giới cho khách hàng		(170.710.394.168.998)	(96.862.974.028.825)
07	3. Nhận tiền gửi để thanh toán giao dịch chứng khoán của khách hàng		14.125.454.084.957	(7.672.587.219.681)
11	4. Chi trả phí lưu ký chứng khoán của khách hàng		(11.653.413.736)	(10.304.578.695)
14	5. Tiền thu của Tổ chức phát hành chứng khoán		16.139.332.573.292	12.871.288.776.654
15	6. Tiền chi trả Tổ chức phát hành chứng khoán		(17.589.438.340.953)	(11.421.183.008.993)
20	Tăng/giảm tiền thuần trong năm		(1.460.867.946.484)	870.651.166.159
30	II. Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm của khách hàng		2.180.185.981.782	1.309.534.815.623
31	Tiền gửi ngân hàng đầu năm:		2.180.185.981.782	1.309.534.815.623
32	- Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức công ty chứng khoán quản lý		430.005.857.813	786.530.289.831
33	- Tiền gửi tổng hợp giao dịch chứng khoán cho khách hàng		299.996.852.016	522.927.021.500
35	- Tiền gửi của Tổ chức phát hành		1.450.183.271.953	77.504.292
40	III. Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm của khách hàng	32	719.318.035.298	2.180.185.981.782
41	Tiền gửi ngân hàng cuối năm:		719.318.035.298	2.180.185.981.782
42	- Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức công ty chứng khoán quản lý		493.252.007.646	430.005.857.813
43	- Tiền gửi tổng hợp giao dịch chứng khoán cho khách hàng		225.988.523.360	299.996.852.016
45	- Tiền gửi của Tổ chức phát hành		77.504.292	1.450.183.271.953


Nguyễn Thị Thủy
Người lập

Phạm Thị Thanh Hảo
Kế toán trưởngNguyễn Cại Thành
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 03 tháng 03 năm 2025

BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU
Năm 2024

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số dư đầu năm		Số tăng/giảm				Số dư cuối năm	
		01/01/2023		Năm 2023		Năm 2024		31/12/2023	
		VND	VND	Tăng VND	Giảm VND	Tăng VND	Giảm VND	VND	VND
I. Biến động vốn chủ sở hữu									
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		8.853.320.430.800	8.853.320.430.800	-	-	-	-	8.853.320.430.800	8.853.320.430.800
1.1. Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		8.131.567.480.000	8.131.567.480.000	-	-	-	-	8.131.567.480.000	8.131.567.480.000
1.2. Tổng dư vốn cổ phần		721.752.950.800	721.752.950.800	-	-	-	-	721.752.950.800	721.752.950.800
2. Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ		77.136.777.489	77.136.777.489	-	-	-	-	77.136.777.489	77.136.777.489
3. Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ		77.136.777.489	-	-	77.136.777.489	-	-	-	-
4. Chênh lệch đánh giá lại tài sản theo giá trị hợp lý		(337.086.821.870)	(48.728.904.420)	227.435.301.450	(60.922.616.000)	12.083.161.200	60.043.124.500	(48.728.904.420)	(96.688.867.720)
5. Lợi nhuận chưa phân phối		765.352.265.689	1.381.782.440.749	636.430.175.060	20.000.000.000	1.015.614.429.067	20.000.000.000	1.381.782.440.749	2.377.396.869.816
5.1. Lợi nhuận sau thuế đã thực hiện		370.182.149.985	1.089.116.102.205	738.933.952.220	20.000.000.000	945.407.238.265	20.000.000.000	1.089.116.102.205	2.014.523.340.470
5.2. Lợi nhuận chưa thực hiện		395.170.115.704	292.666.338.544	(102.503.777.160)	-	70.207.190.802	-	292.666.338.544	362.873.529.346
TỔNG CỘNG		9.435.859.429.597	10.263.510.744.618	863.865.476.510	36.214.161.489	1.027.697.590.267	80.043.124.500	10.263.510.744.618	11.211.165.210.385
II. Thu nhập toàn diện khác									
1. Lãi/lỗ từ đánh giá lại các tài sản tài chính sẵn sàng để bán		(337.086.821.870)	(48.728.904.420)	227.435.301.450	(60.922.616.000)	12.083.161.200	60.043.124.500	(48.728.904.420)	(96.688.867.720)
TỔNG CỘNG		(337.086.821.870)	(48.728.904.420)	227.435.301.450	(60.922.616.000)	12.083.161.200	60.043.124.500	(48.728.904.420)	(96.688.867.720)

Nguyễn Thị Thủy

Nguyễn Thị Thủy
Người lập

Phạm Thị Thanh Hào

Phạm Thị Thanh Hào
Kế toán trưởng



Nguyễn Chí Thành
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 03 tháng 03 năm 2025

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2024

1 . THÔNG TIN CHUNG

1.1 . Đặc điểm hoạt động của Công ty Chứng khoán

Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội được thành lập và hoạt động theo Giấy phép hoạt động kinh doanh Chứng khoán số 66/UBCK-GP do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 15 tháng 11 năm 2007, Giấy phép điều chỉnh lần gần nhất số 16/GPĐC-UBCK do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 25 tháng 03 năm 2024 và Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 0102524651 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 15 tháng 11 năm 2007 và đăng ký thay đổi lần thứ mười ngày 05 tháng 04 năm 2024.

Trụ sở của Công ty tại: Tầng 1-5 Tòa nhà Unimex Hà Nội, số 41 Ngõ Quyền, phường Hàng Bài, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội.

Vốn điều lệ của Công ty theo đăng ký là 8.131.567.480.000 VND, vốn điều lệ thực góp đến ngày 31 tháng 12 năm 2024 là 8.131.567.480.000 VND; tương đương 813.156.748 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 VND.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 là: 306 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 là: 267 người).

Các đơn vị trực thuộc của Công ty như sau:

Tên đơn vị	Nơi thành lập và hoạt động
Chi nhánh Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội tại thành phố Hồ Chí Minh	Tầng 3, Cao ốc Sài Gòn Metropolitan, số 235 Đồng Khởi, P. Bến Nghé, Quận 1, thành phố Hồ Chí Minh
Chi nhánh Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội tại thành phố Đà Nẵng	Tầng 8, tòa nhà Thành Lợi 2, số 03 Lê Đình Lý, phường Vĩnh Trung, quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng

1.2 . Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh của Công ty gồm: Môi giới chứng khoán; Tự doanh chứng khoán; Tự vấn đầu tư chứng khoán; Lưu ký chứng khoán; Bảo lãnh phát hành chứng khoán; Tự vấn tài chính và các dịch vụ tài chính khác.

1.3 . Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính

Trong năm 2024, thị trường chứng khoán Việt Nam diễn biến thuận lợi, cùng với đó, Công ty đã thực hiện một số chính sách đẩy mạnh hoạt động môi giới, cho vay và tự doanh, quản lý hiệu quả chi phí nên hầu hết các hoạt động kinh doanh của Công ty đều có sự tăng trưởng tốt. Do đó, lợi nhuận sau thuế năm nay tăng trưởng mạnh so với năm trước.

2 . CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

2.1 . Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

2.2 . Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng*Chế độ kế toán áp dụng*

Công ty áp dụng chế độ kế toán áp dụng cho các Công ty chứng khoán do Bộ Tài chính ban hành theo Thông tư số 210/2014/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2014 ("Thông tư 210") về việc hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán và Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27 tháng 12 năm 2016 ("Thông tư 334") sửa đổi, bổ sung và thay thế phụ lục 02 và 04 của Thông tư 210. Các Thông tư này đưa ra các quy định liên quan đến chứng từ kế toán, hệ thống tài khoản kế toán cũng như phương pháp lập và trình bày báo cáo tài chính của Công ty chứng khoán.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán trên máy vi tính.

2.3 . Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được trình bày theo nguyên tắc giá gốc.

Báo cáo tài chính của Công ty được lập trên cơ sở tổng hợp các nghiệp vụ, giao dịch phát sinh và được ghi sổ kế toán tại các đơn vị thành viên hạch toán phụ thuộc và tại Văn phòng Công ty.

2.4 . Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam áp dụng cho các công ty chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính yêu cầu Ban Tổng giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày kết thúc năm tài chính cũng như các số liệu về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính.

Các ước tính và giả định có ảnh hưởng trọng yếu trong Báo cáo tài chính bao gồm:

- Dự phòng phải thu khó đòi;
- Ước tính phân bổ chi phí trả trước;
- Thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định;
- Phân loại và dự phòng các khoản đầu tư tài chính;
- Ước tính thuế thu nhập doanh nghiệp.

Các ước tính và giả định thường xuyên được đánh giá dựa trên kinh nghiệm trong quá khứ và các yếu tố khác, bao gồm các giả định trong tương lai có ảnh hưởng trọng yếu tới báo cáo tài chính của Công ty và được Ban Tổng Giám đốc Công ty đánh giá là hợp lý.

2.5 . Tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi hoạt động của công ty chứng khoán.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN - HÀ NỘI

Tầng 1-5 Tòa nhà Unimex Hà Nội, số 41 Ngõ Quyền,
phường Hàng Bài, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

Tiền gửi về bán chứng khoán bảo lãnh phát hành là khoản tiền gửi thu được do bán chứng khoán bảo lãnh phát hành tại ngân hàng thương mại chỉ định do Công ty thực hiện chức năng - Tổ chức bảo lãnh phát hành chứng khoán (bảo lãnh chính hoặc phụ) (kể cả tiền thu được từ các Đại lý bán chứng khoán) và tiền gửi thanh toán gốc, tiền lãi và cổ tức của Tổ chức phát hành.

Tiền gửi về bù trừ thanh toán giao dịch chứng khoán là số tiền sẵn sàng tham gia bù trừ và thanh toán của Công ty và khách hàng tại ngày T+x theo yêu cầu của Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam (VSD), được mở tại Ngân hàng chỉ định để thanh toán mua, bán chứng khoán theo kết quả đã bù trừ thuần (net).

Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán và tiền gửi của tổ chức phát hành được trình bày tại các chỉ tiêu ngoài báo cáo tình hình tài chính (ngoại bảng).

2.6 . Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính

a) Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL), các khoản cho vay, các tài sản tài chính sẵn sàng để bán (AFS) và các khoản phải thu. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó, ngoại trừ các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL) chỉ được xác định theo giá mua/chi phí phát hành.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

b) Nguyên tắc phân loại

Tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL): tài sản tài chính được phân loại theo FVTPL khi tài sản tài chính đó được nắm giữ cho mục đích mua vào, bán ra trên thị trường tài chính thông qua hoạt động nghiên cứu và phân tích với kỳ vọng sinh lời. Các loại tài sản tài chính được phân loại nhóm khác khi bán cần phân loại lại vào FVTPL.

Các tài sản tài chính FVTPL là công cụ nợ khi đáo hạn phải được chuyển sang ghi nhận là các khoản phải thu và lập dự phòng như một khoản phải thu khó đòi (nếu có).

Sau ghi nhận ban đầu, các tài sản tài chính nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM) được xác định theo chi phí phân bổ sử dụng phương pháp lãi suất thực.

Các khoản cho vay: là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường hoàn hảo.

Các dạng cam kết cho vay được thực hiện:

- Hợp đồng giao dịch ký quỹ;
- Hợp đồng ứng trước tiền bán chứng khoán.

Sau ghi nhận ban đầu, các khoản cho vay được xác định theo giá trị phân bổ sử dụng phương pháp lãi suất thực, ngoại trừ: các khoản cho vay các tài sản tài chính ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua lãi/lỗ; các công nợ tài chính phát sinh từ việc chuyển giao một tài sản tài chính không đủ điều kiện dừng ghi nhận hoặc khi phù hợp theo quy định về tiếp tục liên quan; các hợp đồng bảo lãnh tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN - HÀ NỘI

Tầng 1-5 Tòa nhà Unimex Hà Nội, số 41 Ngõ Quyền,
phường Hàng Bài, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán (AFS): là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là:

- Các khoản cho vay và các khoản phải thu;
- Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn;
- Các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ.

Tài sản tài chính được Công ty đầu tư nhưng không có mục tiêu đầu tư ngắn hạn và kể cả mục tiêu dài hạn cũng chưa xác định được. Do vậy đây là loại tài sản tài chính hạn chế được phân loại trong hoạt động của Công ty.

Nợ phải trả tài chính được ghi nhận thông qua lãi/lỗ: là một khoản nợ phải trả tài chính thỏa mãn một trong các điều kiện sau:

- Nợ phải trả tài chính được Ban Giám đốc phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh;
- Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, Công ty xếp nợ phải trả tài chính vào nhóm được ghi nhận thông qua lãi/lỗ.

Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ: là các khoản nợ phải trả tài chính không được xếp loại vào nợ phải trả tài chính được ghi nhận thông qua lãi/lỗ.

c) Nguyên tắc đánh giá lại các tài sản tài chính

Việc đánh giá lại các tài sản tài chính FTVPL và AFS theo giá thị trường hoặc giá trị hợp lý được thực hiện theo phương pháp xác định giá trị phù hợp với quy định pháp luật. Trong trường hợp không có giá thị trường tại ngày giao dịch gần nhất, Công ty sử dụng giá trị hợp lý để đánh giá lại các tài sản tài chính. Giá trị hợp lý được xác định trên cơ sở tôn trọng nguyên tắc, phương pháp hoặc mô hình lý thuyết định giá tài sản tài chính đã được quy định tại Điều lệ hoặc Sổ tay định giá của Công ty hoặc sau khi đã được Ban Tổng Giám đốc chấp thuận bằng văn bản.

Giá trị hợp lý/giá trị thị trường của tài sản tài chính được xác định như sau:

- Giá trị thị trường của chứng khoán niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội và Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh là giá đóng cửa tại ngày gần nhất có giao dịch tính đến ngày đánh giá lại.
- Đối với các chứng khoán của các công ty chưa niêm yết trên thị trường chứng khoán nhưng đã đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCOM) thì giá trị thị trường được xác định là giá đóng cửa tại ngày gần nhất có giao dịch tính đến ngày đánh giá giá trị chứng khoán.
- Đối với chứng khoán niêm yết bị hủy hoặc bị đình chỉ giao dịch hoặc bị ngừng giao dịch kể từ ngày giao dịch thứ sáu trở đi, giá chứng khoán thực tế là giá trị sổ sách tại ngày lập báo cáo tình hình tài chính gần nhất.
- Đối với chứng khoán chưa niêm yết và chưa đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCOM) thì giá chứng khoán làm cơ sở để đánh giá lại là mức giá thu thập được từ các nguồn thông tin tham chiếu mà Ban Tổng Giám đốc đánh giá rằng mức giá này thể hiện giá thị trường của các chứng khoán này.

Đối với các chứng khoán không có giá tham khảo từ các nguồn trên, Công ty cũng chưa thực hiện xác định giá trị hợp lý của các chứng khoán này do Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam áp dụng đối với công ty chứng khoán chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý. Theo đó giá trị hợp lý được ước tính bằng giá gốc của khoản đầu tư. Trường hợp, chứng khoán có dấu hiệu giảm giá, Công ty sẽ đánh giá khả năng và mức độ giảm giá dựa trên việc xem xét tình hình tài chính và giá trị sổ sách của tổ chức phát hành tại ngày 31 tháng 12 năm 2024.

Số chênh lệch đánh giá lại theo giá thị trường hoặc theo giá trị xác thực nhất (trong trường hợp không có giá thị trường) của các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ FVTPL thuộc Danh mục tài sản tài chính của CTCK ở thời điểm cuối kỳ kế toán được theo dõi riêng trên Tài khoản cấp 2 "Chênh lệch đánh giá lại" của Tài khoản 121 - "Tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ" mà không ghi tăng, giảm giá mua của các tài sản tài chính trên Tài khoản "Giá mua" và được xác định cụ thể cho từng lần đánh giá lại như sau:

- Ở kỳ đánh giá lại lần đầu, giá trị hợp lý đánh giá lại các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ FVTPL thuộc Danh mục tài sản tài chính của CTCK được phản ánh vào Tài khoản 1212 "Chênh lệch đánh giá lại" là số chênh lệch giữa giá trị đánh giá lại các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ FVTPL tại thời điểm đánh giá lại theo giá thị trường hoặc giá trị hợp lý và giá mua ban đầu của các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ FVTPL thuộc Danh mục tài sản tài chính của CTCK.
- Ở kỳ đánh giá lại lần thứ hai trở đi, giá trị đánh giá lại các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ FVTPL thuộc Danh mục tài sản tài chính của CTCK được phản ánh vào Tài khoản 1212 "Chênh lệch đánh giá lại" là số chênh lệch giữa giá mua của các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ FVTPL và giá đánh giá lại theo giá thị trường hoặc giá trị hợp lý kỳ này. Chênh lệch giữa các kỳ đánh giá được hạch toán vào Tài khoản 51112 "Chênh lệch tăng về đánh giá lại các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ FVTPL" hoặc Tài khoản 63213 "Chênh lệch giảm về đánh giá lại các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ FVTPL".

Chênh lệch tăng hoặc giảm do đánh giá lại các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ FVTPL thuộc Danh mục tài sản tài chính của CTCK được ghi nhận theo nguyên tắc không bù trừ được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động, theo 2 chỉ tiêu:

- Chênh lệch giảm do đánh giá lại các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ FVTPL, phản ánh vào Chỉ tiêu "Lỗ" và chi phí giao dịch mua các tài sản tài chính, hoạt động tự doanh FVTPL, chi tiết "Chênh lệch giảm về đánh giá lại các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ" FVTPL.
- Chênh lệch tăng do đánh giá lại các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ FVTPL, phản ánh vào Chỉ tiêu "Thu nhập", chi tiết "Chênh lệch tăng về đánh giá lại - Các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ".

Chênh lệch tăng hoặc giảm do đánh giá lại AFS được ghi nhận theo nguyên tắc không bù trừ được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu của Báo cáo tình hình tài chính tại chỉ tiêu "Chênh lệch đánh giá tài sản theo giá trị hợp lý".

Các khoản cho vay được xem xét khả năng suy giảm giá trị tại ngày lập báo cáo tình hình tài chính. Dự phòng cho các khoản cho vay được trích lập dựa trên mức tổn thất ước tính, được tính bằng phần chênh lệch giữa giá trị thị trường của chứng khoán được dùng làm tài sản đảm bảo cho khoản cho vay và số dư của khoản cho vay đó. Tăng hoặc giảm số dư khoản dự phòng được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động trên khoản mục "Chi phí dự phòng tài sản tài chính, xử lý tổn thất các khoản phải thu khó đòi, lỗ suy giảm tài sản tài chính và chi phí đi vay của các khoản cho vay".

2.7 . Các khoản nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn, dài hạn

Các khoản nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn, dài hạn phản ánh khoản tiền nhận ký quỹ, ký cược bằng tiền của Công ty với các đối tượng trong hoạt động của Công ty phù hợp với các quy định của pháp luật có liên quan hiện hành. Các khoản tiền nhận ký quỹ, ký cược không thuộc tài sản của Công ty, Công ty phải có trách nhiệm quản lý tách biệt với tài sản bằng tiền của Công ty.

2.8 . Các khoản phải thu ngắn hạn, dài hạn

Phải thu bán các tài sản tài chính: phản ánh toàn bộ giá trị phải thu khi bán các tài sản tài chính thuộc danh mục tài sản tài chính của Công ty (không qua các Sở Giao dịch Chứng khoán), kể cả giá trị đáo hạn của các tài sản tài chính hoặc thanh lý các tài sản tài chính này.

Phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các tài sản tài chính: phản ánh toàn bộ các khoản phải thu và dự thu về cổ tức, tiền lãi của các tài sản tài chính thuộc danh mục tài sản tài chính của Công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN - HÀ NỘI

Tầng 1-5 Tòa nhà Unimex Hà Nội, số 41 Ngõ Quyền,
phường Hàng Bài, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

Phải thu các dịch vụ Công ty cung cấp: phản ánh các khoản phải thu của Công ty với Sở Giao dịch chứng khoán, Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam (VSD), với Nhà đầu tư là khách hàng của Công ty, với Tổ chức phát hành chứng khoán hoặc bảo lãnh phát hành chứng khoán, các khoản phải thu từ các hoạt động kinh doanh giao dịch chứng khoán.

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Các khoản phải thu được phân loại là ngắn hạn và dài hạn trên báo cáo tài chính căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu tại ngày báo cáo.

Dự phòng suy giảm giá trị các khoản phải thu: được trích lập cho các khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn, đang bị cơ quan pháp luật truy tố, giam giữ, xét xử, đang thi hành án hoặc đã chết.

Mức trích lập dự phòng các khoản nợ phải thu khó đòi được xác định theo Thông tư số 48/2019/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 08 tháng 08 năm 2019 và Thông tư 24/2022/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 07 tháng 04 năm 2022 như sau:

Thời gian quá hạn	Mức trích dự phòng
Từ trên sáu (06) tháng đến dưới một (01) năm	30%
Từ một (01) năm đến dưới hai (02) năm	50%
Từ hai (02) năm đến dưới ba (03) năm	70%
Từ ba (03) năm trở lên	100%

2.9 . Tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao tài sản cố định được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Máy móc, thiết bị	03 - 07 năm
- Phương tiện vận tải	06 năm
- Thiết bị văn phòng	04 - 05 năm
- Phần mềm giao dịch, bằng sáng chế	03 - 05 năm

2.10 . Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm tài sản cố định đang mua sắm và xây dựng mà chưa hoàn thành tại ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí về xây dựng, lắp đặt máy móc thiết bị và các chi phí trực tiếp khác. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang chỉ được tính khấu hao khi các tài sản này hoàn thành và đưa vào sử dụng.

2.11 . Thuê hoạt động

Thuê hoạt động là loại hình thuê tài sản cố định mà phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu của tài sản thuộc về bên cho thuê. Khoản thanh toán dưới hình thức thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn thuê hoạt động.

2.12 . Chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động kinh doanh của nhiều năm tài chính được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các năm tài chính sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí hoạt động kinh doanh từng năm tài chính được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý.

- Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản mà Công ty nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu đồng và do đó không đủ điều kiện để ghi nhận là tài sản cố định theo quy định hiện hành. Nguyên giá công cụ dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 01 tháng đến 36 tháng.

- Lợi thế thương mại phát sinh khi nhận sáp nhập với Công ty Cổ phần Chứng khoán SHB, Công ty phân bổ trong vòng 07 năm.

- Chi phí trả trước khác được ghi nhận theo nguyên giá và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu dụng từ 01 tháng đến 36 tháng.

2.13 . Các khoản nợ phải trả ngắn hạn, dài hạn

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Các khoản phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên báo cáo tài chính căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản phải trả tại ngày báo cáo.

Các khoản vay: phản ánh tình hình phát hành trái phiếu và thanh toán trái phiếu; phản ánh các khoản tiền vay tạm thời và tình hình trả nợ tiền vay của Công ty với Ngân hàng, Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam, Quỹ Hỗ trợ thanh toán hoặc các đối tượng cho vay khác theo quy định về hoạt động vay áp dụng đối với công ty chứng khoán.

Các khoản phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán: phản ánh tình hình thanh toán về các khoản phí hoạt động kinh doanh, dịch vụ chứng khoán cho Sở Giao dịch Chứng khoán, Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam (VSD), phải trả đại lý phát hành chứng khoán của Công ty.

Các khoản phải trả tổ chức phát hành chứng khoán: phản ánh tình hình nhận và thanh toán khoản phải trả Tổ chức phát hành chứng khoán về tiền bán chứng khoán bảo lãnh phát hành do Công ty thực hiện ở công ty bảo lãnh phát hành chứng khoán chính hoặc phụ, kể cả trường hợp công ty bảo lãnh phát hành chứng khoán bán chứng khoán phát hành qua các đại lý.

2.14 . Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí hoạt động kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 "Chi phí đi vay". Ngoài ra, đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

2.15 . Chi phí phải trả

Các khoản phải trả cho hàng hóa dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã được cung cấp cho người mua trong năm tài chính nhưng thực tế chưa chi trả và các khoản phải trả khác như: Chi phí lãi tiền vay phải trả... được ghi nhận vào chi phí hoạt động kinh doanh của năm tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN - HÀ NỘI

Tầng 1-5 Tòa nhà Unimex Hà Nội, số 41 Ngõ Quyền,
phường Hàng Bài, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

Việc ghi nhận các khoản chi phí phải trả vào chi phí hoạt động kinh doanh trong năm được thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong năm. Các khoản chi phí phải trả sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế được hoàn nhập.

2.16 . Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần phản ánh chênh lệch giữa mệnh giá, chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu và giá phát hành cổ phiếu (kể cả các trường hợp tái phát hành cổ phiếu quỹ) và có thể là thặng dư dương (nếu giá phát hành cao hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu) hoặc thặng dư âm (nếu giá phát hành thấp hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu).

Chênh lệch đánh giá lại tài sản theo giá trị hợp lý được phản ánh khi đánh giá lại các tài sản tài chính theo giá trị hợp lý. Tài sản được đánh giá lại bao gồm: tài sản tài chính sẵn sàng để bán; tài sản cố định; hoặc đánh giá lại tài sản khi có quyết định của Nhà nước về đánh giá lại tài sản (nếu có).

Lợi nhuận chưa phân phối của Công ty bao gồm lợi nhuận đã thực hiện và lợi nhuận chưa thực hiện. Lợi nhuận đã thực hiện chưa phân phối của Công ty lũy kế tính đến cuối năm trước là cơ sở để phân phối lợi nhuận cho chủ sở hữu. Lợi nhuận chưa thực hiện tính đến cuối năm trước không là cơ sở phân phối cho chủ sở hữu.

Lợi nhuận chưa thực hiện của năm tài chính là số chênh lệch giữa tổng giá trị lãi, lỗ đánh giá lại của các tài sản tài chính FVTPL hoặc tài sản tài chính khác tính vào báo cáo kết quả hoạt động thuộc danh mục tài sản tài chính của Công ty và Chi phí/ thu nhập thuế thu nhập hoãn lại phát sinh trong năm (nếu có).

Lợi nhuận đã thực hiện là số chênh lệch giữa tổng doanh thu, thu nhập với tổng các khoản chi phí tính vào Báo cáo kết quả hoạt động của Công ty lũy kế phát sinh trong kỳ. Số lợi nhuận được sử dụng để phân phối cho các chủ sở hữu phải trừ đi số lỗ đã thực hiện lũy kế tính từ đầu kỳ này và số lỗ chưa thực hiện lũy kế tính đến thời điểm phân phối lãi cho chủ sở hữu. Việc phân phối lợi nhuận của Công ty cho chủ sở hữu phải đảm bảo rõ ràng, minh bạch và theo đúng quy định của pháp luật doanh nghiệp, chứng khoán và các pháp luật hiện hành khác có liên quan đối với công ty chứng khoán, điều lệ công ty chứng khoán, Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông. Lợi nhuận đã thực hiện được phân phối thu nhập cho thành viên góp vốn hoặc cổ đông sau khi đã trừ đi các nghĩa vụ thuế phải nộp tính trên khoản thu nhập được hưởng.

Ngày 17 tháng 12 năm 2021, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 114/2021/TT-BTC để bãi bỏ Thông tư số 146/2015/TT-BTC của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ tài chính đối với công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ. Theo đó:

- Đối với số dư quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ được trích lập theo quy định tại Thông tư số 146/2014/TT-BTC: Sử dụng để bổ sung vốn điều lệ theo quy định hiện hành;

- Đối với số dư quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ được trích lập theo quy định tại Thông tư số 146/2014/TT-BTC: Sử dụng để bổ sung vốn điều lệ hoặc sử dụng theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng thành viên hoặc Chủ tịch Công ty theo quy định hiện hành.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trên Báo cáo tình hình tài chính của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty và thông báo ngày chốt quyền nhận cổ tức của Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam.

2.17 . Doanh thu, thu nhập

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu cung cấp dịch vụ

- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán

Thu nhập từ kinh doanh chứng khoán

Thu nhập bán các tài sản tài chính tự doanh FVTPL được xác định là số chênh lệch giữa giá bán và giá vốn theo số lượng các tài sản tài chính FVTPL đã bán ra. Thu nhập bán các tài sản tài chính là thu nhập đã thực hiện.

Thu nhập đo đánh giá lãg các tài sản tài chính thuộc danh mục tài sản tài chính FVTPL theo giá trị hợp lý. Thu nhập đánh giá lại các tài sản tài chính thuộc danh mục tài sản tài chính FVTPL là thu nhập chưa thực hiện.

Thu nhập phát sinh từ các tài sản tài chính tự doanh FVTPL, HTM, các khoản cho vay bao gồm: lãi cho vay phát sinh từ các khoản cho vay phù hợp với quy định của Luật chứng khoán; cổ tức, lợi nhuận được chia phát sinh từ cổ phiếu, lãi trái phiếu; lãi phát sinh từ các khoản tiền gửi cố định.

Cổ tức, lợi nhuận được chia phát sinh từ các tài sản tài chính thuộc danh mục đầu tư của Công ty: FVTPL, HTM, AFS được ghi nhận khi công ty được quyền nhận cổ tức từ quyền sở hữu cổ phiếu đã được xác lập.

2.18 . Chi phí hoạt động và chi phí quản lý công ty

Chi phí được ghi nhận khi có khả năng làm giảm các lợi ích kinh tế tại thời điểm phát sinh hoặc có thể xác định được một cách chắc chắn phát sinh, không phân biệt đã được thanh toán hay chưa.

2.19 . Doanh thu tài chính, chi phí hoạt động tài chính

Doanh thu tài chính là doanh thu từ lãi tiền gửi ngân hàng không cố định.

Chi phí hoạt động tài chính là chi phí lãi vay.

2.20 . Các khoản thuế**a) Thuế thu nhập hoãn lại phải trả**

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất thuế TNDN hiện hành, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc năm tài chính.

b) Chi phí thuế TNDN hiện hành và Chi phí thuế TNDN hoãn lại

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế TNDN trong năm tài chính hiện hành.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN - HÀ NỘI

Tầng 1-5 Tòa nhà Unimex Hà Nội, số 41 Ngõ Quyền,
phường Hàng Bài, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

Chi phí thuế TNDN hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế TNDN.

Không bù trừ chi phí thuế TNDN hiện hành với chi phí thuế TNDN hoãn lại.

c) Thuế suất thuế TNDN năm hiện hành

Công ty hiện đang áp dụng mức thuế suất thuế TNDN là 20% cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024.

2.21 . Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập Quỹ Khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

2.22 . Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phân quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới các doanh nghiệp này.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính, Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

2.23 . Thông tin bộ phận

Một bộ phận là một cấu phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận được chia theo khu vực địa lý). Mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt so với các bộ phận khác.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính của Công ty nhằm mục đích để giúp người sử dụng báo cáo tài chính hiểu rõ và đánh giá được tình hình hoạt động của Công ty một cách toàn diện.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN - HÀ NỘITầng 1-5 Tòa nhà Unimex Hà Nội, số 41 Ngõ Quyền,
phường Hàng Bài, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

3 . GIÁ TRỊ KHỐI LƯỢNG GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN THỰC HIỆN TRONG NĂM

	Khối lượng giao dịch chứng khoán thực hiện trong năm	Giá trị khối lượng giao dịch chứng khoán thực hiện trong năm VND
Của Công ty Chứng khoán	556.243.305	76.184.569.225.816
- Cổ phiếu	332.369.267	9.450.496.132.250
- Trái phiếu	223.874.038	66.734.073.093.566
Của nhà đầu tư	7.316.606.853	336.870.054.738.062
- Cổ phiếu	6.960.579.603	149.689.044.407.340
- Trái phiếu	339.447.629	183.257.653.009.552
- Chứng khoán khác	16.579.621	3.923.357.321.170
	7.872.850.158	413.054.623.963.878

4 . TIỀN

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
Tiền mặt tại quỹ	-	40.649.806
Tiền gửi ngân hàng cho hoạt động Công ty	680.501.235.812	850.566.043.927
Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán	258.078.336	1.282.669.822
	680.759.314.148	851.889.363.555

5 . CÁC LOẠI TÀI SẢN TÀI CHÍNH**a) Tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)**

	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Giá trị hợp lý
	VND	VND	VND	VND
Cổ phiếu niêm yết	2.994.536.332.592	3.340.880.064.750	2.466.101.528.539	2.553.191.328.220
Cổ phiếu giao dịch trên UPCOM	533.481.776.439	463.258.095.500	498.811.463.847	576.391.735.300
Cổ phiếu chưa niêm yết và hủy niêm yết	474.253.421.753	411.489.191.680	619.995.717.753	562.972.873.732
Trái phiếu niêm yết	2.077.529.997.674	2.063.805.266.000	830.981.963.780	835.206.837.636
Trái phiếu chưa niêm yết	650.000.000.000	650.000.000.000	504.410.260.200	504.410.260.200
Công cụ thị trường tiền tệ	1.214.927.222.000	1.214.927.222.000	-	-
	7.944.728.750.458	8.144.359.839.930	4.920.300.934.119	5.032.173.035.088

b) Tài sản tài chính sẵn sàng để bán (AFS)

	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Giá trị hợp lý
	VND	VND	VND	VND
Cổ phiếu niêm yết	475.238.748.169	612.635.941.500	475.238.748.169	660.595.904.800
	475.238.748.169	612.635.941.500	475.238.748.169	660.595.904.800

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN - HÀ NỘI

Tầng 1-5 Tòa nhà Unimex Hà Nội, số 41 Ngõ Quyền,
phường Hàng Bài, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

c) Các khoản cho vay

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
Hoạt động margin	4.079.088.507.732	3.655.950.551.773
Hoạt động ứng trước tiền bán	107.827.148.641	179.188.351.707
	<u>4.186.915.656.373</u>	<u>3.835.138.903.480</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN - HÀ NỘI

Tầng 1-5 Tòa nhà Unitrex Hà Nội, số 41 Nguyễn, phường Hàng Bài, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội

e) - Bảng tình hình biến động giá trị tài sản

	Giá mua		Giá trị trường		Chênh lệch đánh giá tăng		Chênh lệch đánh giá giảm		Giá trị đánh giá lại	
	31/12/2024	01/01/2024	31/12/2024	01/01/2024	31/12/2024	01/01/2024	31/12/2024	01/01/2024	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
FVTPL										
Cổ phiếu niêm yết	7.944.728.750.458	4.920.300.934.119	8.144.359.839.930	5.032.173.035.088	580.465.723.278	395.862.414.710	(380.834.633.806)	(281.990.313.741)	8.144.359.839.930	5.032.173.035.088
ETB	2.994.536.332.592	2.466.101.528.539	3.540.880.064.750	2.553.191.328.220	536.468.649.501	225.410.774.531	(190.124.917.343)	(138.520.974.850)	3.540.880.064.750	2.553.191.328.220
SAF	-	31.146.013.387	-	340.992.361.500	-	29.846.348.113	-	(21.253.000.000)	203.700.000	340.992.361.500
FRT	187.500.000	125.312.500.000	203.700.000	104.039.500.000	16.200.000	81.788.250.000	-	-	385.008.640.000	381.027.000.000
FPG	177.675.820.265	299.238.750.999	385.008.640.000	381.027.000.000	207.332.819.735	-	(51.570.900.000)	(51.570.900.000)	298.416.000.000	298.416.000.000
Các cổ phiếu khác	349.986.900.000	349.986.900.000	298.416.000.000	298.416.000.000	-	-	(138.354.017.343)	(65.497.074.359)	2.657.231.734.750	1.428.006.466.720
Cổ phiếu chưa niêm yết	2.466.885.112.327	1.380.417.363.152	2.657.231.734.750	1.428.006.466.720	328.119.620.766	113.776.176.418	(91.414.721.544)	(81.910.836.744)	463.258.095.500	576.391.735.300
Cổ phiếu giao dịch trên UPCOM	533.481.776.439	498.811.463.847	463.258.095.500	576.391.735.300	21.191.040.605	159.491.108.197	-	-	112.882.700.000	-
VGI	99.146.841.789	-	112.882.700.000	-	13.735.358.220	48.419.156.300	-	-	-	193.676.640.800
BHI	-	145.257.484.509	-	193.676.640.800	-	-	(63.099.000.000)	(74.000.600.000)	137.000.000.000	126.000.000.000
GDA	200.000.000.000	200.000.000.000	137.000.000.000	126.000.000.000	-	-	(28.414.721.544)	(7.916.836.744)	213.375.395.500	256.715.094.500
Các cổ phiếu khác	234.334.934.659	153.533.979.347	213.375.395.500	256.715.094.500	7.455.182.385	111.071.951.897	(1.509.683.115)	(1.509.683.115)	2.600.000.000	2.600.000.000
Cổ phiếu hủy niêm yết	4.109.683.115	4.109.683.115	2.600.000.000	2.600.000.000	-	-	(61.254.546.958)	(55.513.160.906)	408.889.191.680	560.372.873.732
Cổ phiếu chưa niêm yết	470.143.738.638	615.886.034.638	408.889.191.680	560.372.873.732	-	-	-	(2.808.078.303)	-	173.191.921.697
Công ty Cổ phần Phương điện	-	176.060.000.000	-	173.191.921.697	-	-	-	-	-	-
Chợ Lãng	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
Công ty Cổ phần ADEC	138.650.000.000	79.250.000.000	138.650.000.000	79.250.000.000	-	-	-	-	138.650.000.000	79.250.000.000
Công ty Cổ phần Đông Á và Dịch vụ Công nghệ Khu	170.000.000.000	170.000.000.000	169.802.315.746	169.802.315.746	-	-	(197.684.254)	(197.684.254)	169.802.315.746	169.802.315.746
Các cổ phiếu khác	161.493.738.638	190.636.034.638	100.436.875.934	138.128.636.289	-	-	(61.056.862.704)	(52.307.398.349)	100.436.875.934	138.128.636.289
Trái phiếu niêm yết	2.077.529.997.674	830.981.963.780	2.063.805.266.000	835.206.837.636	22.806.033.172	8.960.531.982	(36.530.764.846)	(4.735.658.126)	2.063.805.266.000	835.206.837.636
Trái phiếu Công ty Cổ phần Bamboo Capital m	807.356.639.428	135.449.104.690	515.517.066.000	139.433.181.210	8.160.426.572	3.984.076.520	-	-	515.517.066.000	139.433.181.210
Trái phiếu Công ty cổ phần Đầu tư Phát triển Công nghiệp và Vận tải m	-	289.237.814.552	-	284.851.336.426	-	-	-	(4.386.458.126)	-	284.851.336.426
Trái phiếu Ngân hàng TMCP Bắc Á phát hành ngày 30/10/2023	-	158.711.044.528	-	163.687.509.000	-	-	-	-	-	163.687.509.000
Trái phiếu Ngân hàng TMCP Bắc Á phát hành ngày 30/10/2023	260.900.000.000	-	200.000.000.000	-	-	-	-	-	200.000.000.000	-
Trái phiếu Công ty Cổ phần Neo Floor	-	146.212.800.000	-	146.212.800.000	-	-	-	-	-	146.212.800.000
Trái phiếu Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội m	913.632.764.846	-	878.800.000.000	-	-	-	(34.832.764.846)	-	878.800.000.000	-
SHB1230	456.540.593.400	101.371.200.000	459.438.200.000	101.022.090.000	14.645.606.599	-	(1.698.600.600)	(349.200.000)	459.438.200.000	101.022.090.000
Trái phiếu niêm yết khác	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-



e) . Bảng tình hình biến động giá trị thị trường	Giá mua		Giá trị tương đương		Chênh lệch đánh giá tăng		Chênh lệch đánh giá giảm		Giá trị đánh giá lại	
	31/12/2024	01/01/2024	31/12/2024	01/01/2024	31/12/2024	01/01/2024	31/12/2024	01/01/2024	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Trái phiếu chưa niêm yết										
- Trái phiếu Ngân hàng TMCP Bắc Á phát hành ngày 31/12/2021	650.000.000.000	504.410.260.200	650.000.000.000	504.410.260.200	-	-	-	-	650.000.000.000	504.410.260.200
- Trái phiếu Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam phát hành ngày 18/12/2024 (1)	30.000.000.000	-	30.000.000.000	-	-	-	-	-	-	-
- Trái phiếu Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam phát hành ngày 28/08/2024 (2)	250.000.000.000	-	250.000.000.000	-	-	-	-	-	250.000.000.000	-
- Trái phiếu Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh phát hành ngày 13/11/2024 (3)	240.000.000.000	-	240.000.000.000	-	-	-	-	-	240.000.000.000	-
- Trái phiếu Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh phát hành ngày 10/10/2024 (4)	110.000.000.000	-	110.000.000.000	-	-	-	-	-	110.000.000.000	-
- Trái phiếu Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam phát hành ngày 15/09/2023	-	300.823.000.000	-	300.823.000.000	-	-	-	-	-	300.823.000.000
Công cụ thị trường tiền tệ										
- Chứng chỉ tiền gửi Ngân hàng TMCP Phát triển TP.HCM phát hành ngày 15/11/2024	1.214.927.222.000	-	1.214.927.222.000	-	-	-	-	-	1.214.927.222.000	-
- Chứng chỉ tiền gửi Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam phát hành ngày 29/03/2024	790.000.000.000	-	790.000.000.000	-	-	-	-	-	790.000.000.000	-
	514.927.222.000		514.927.222.000		-	-	-	-	514.927.222.000	-



CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN - HÀ NỘI

Tầng 1-5 Tòa nhà Unimex Hà Nội, số 41 Ngõ Quyền,
phường Hàng Bài, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

6 . CÁC KHOẢN PHẢI THU NGÂN HẠN

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
Phải thu bán chứng khoán tự doanh	171.106.530.000	-
Phải thu lãi hoạt động Margin	86.739.752.799	70.056.317.400
Phải thu lãi các hoạt động khác	17.602.510.876	33.068.926.595
Phải thu các dịch vụ Công ty chứng khoán cung cấp	498.761.210.182	1.378.240.211.577
- Phải thu hợp đồng hợp tác kinh doanh	417.767.520.088	435.066.742.834
- Phải thu lãi các hợp đồng hợp tác kinh doanh	56.910.806.235	57.240.806.235
- Phải thu về ứng trước để chi trả hộ cổ tức	10.000.000.000	10.000.000.000
- Phải thu hoạt động tư vấn	5.634.838.982	6.541.922.315
- Phải thu về hoạt động giao dịch chứng khoán khác	8.448.044.877	869.390.740.193
Phải thu khác	-	45.006.580.297
- Công ty Cổ phần Vật tư Nông sản (i)	-	45.006.580.297
	774.210.003.857	1.526.372.035.869

(i) Đây là khoản tiền phải thu liên quan đến vụ kiện giữa Công ty và Công ty Cổ phần Vật tư Nông sản về việc xử lý tài sản đảm bảo cho khoản cho vay ký quỹ. Ngày 16/01/2019, Công ty nhận được thông báo của Tòa án nhân dân tối cao trả lời Tòa án đã nhận được đơn của Công ty về việc đề nghị xem xét thủ tục giám đốc thẩm và sẽ thông báo lại cho Công ty khi có kết luận cuối cùng. Công ty đã gửi Công văn số 1278/2019/CV-SHS ngày 30/12/2019 đến Tòa án nhân dân tối cao có nội dung đề nghị xem xét thủ tục giám đốc thẩm đối với Bản án kinh doanh thương mại phúc thẩm số 36/2017/KDTM-PT ngày 16/05/2017 của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội. Ngày 06/01/2020, Công ty nhận được công văn thông báo số 01/TB-ANDTC-VP của Tòa án nhân dân tối cao phúc đáp công văn trên về việc Tòa án nhân dân tối cao đã thụ lý và hiện đang xem xét, giải quyết theo quy định của pháp luật. Ngày 21/12/2020, Công ty có công văn số 1362/2020/CV-SHS đề nghị Tòa án nhân dân tối cao cung cấp thông tin về việc đề nghị giám đốc thẩm. Ngày 25/12/2020, Tòa án nhân dân tối cao có thông báo số 1252/TB-TANDTC-VP phúc đáp công văn số 1362/2020/CV-SHS, theo đó, Tòa án nhân dân tối cao đã thụ lý vụ án và hiện đang xem xét, giải quyết theo quy định pháp luật, khi có kết quả giải quyết, Tòa án nhân dân tối cao sẽ thông báo cho Công ty biết. Khoản công nợ này được được Công ty dự phòng toàn bộ theo đánh giá của Ban điều hành trong năm 2021.

Ngày 12/06/2024, theo quyết định số 34A-2024/QĐ-HDQT của Hội đồng quản trị Công ty về việc xử lý các khoản nợ phải thu của Công ty, thông qua phương án xóa sổ công nợ phải thu số tiền 45.006.580.297 VND và tiếp tục theo dõi nợ ngoại bảng tối thiểu 10 năm, đồng thời có các biện pháp tích cực để tiếp tục thu hồi công nợ (Chi tiết tại thuyết minh số 08).

7 . TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGÂN HẠN

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
Công ty cổ phần Công nghệ số FTL Việt Nam	-	300.000.000
Công ty TNHH Thương mại Quảng cáo và in Phú Sỹ	-	315.787.550
Công ty cổ phần đầu tư thương mại SPC Việt Nam	-	260.637.255
Công ty Cổ Phần tư vấn và dịch vụ Công Nghệ thông tin kinh doanh mạng lưới Công Nghệ BNH	-	240.000.000
Công ty Cổ phần Công Nghệ Minastik	390.000.000	-
Các khoản trả trước khác	852.070.000	634.293.726
	1.242.070.000	1.750.718.531

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN - HÀ NỘI

Tầng 1-5 Tòa nhà Unimex Hà Nội, số 41 Ngõ Quyền, phường Hàng Bài, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

8 . DƯ PHÒNG PHẢI TIU KHÓ ĐÒI

	Giá trị phải thu khó đòi	Số đầu năm	Số trích lập	Năm nay		Số cuối năm
				Số hoàn nhập	Số xóa nợ	
			VND	VND	VND	VND
Phải thu hợp đồng giao dịch ký quỹ (margin)	129.938.050.038	68.489.223.325	30.537.501.282	(1.140.821.231)		97.885.903.376
Phải thu gốc và lãi các hợp đồng hợp tác kinh doanh chứng khoán	474.678.326.322	403.397.874.966	11.219.159.993	(881.264.310)	(17.299.222.746)	396.436.547.903
Công ty Cổ phần Vật tư Nông sản	-	45.006.580.297	-		(45.006.580.297)	-
Phải thu về ứng trước để chi trả bộ cổ tức	10.000.000.000	10.000.000.000	-	-		10.000.000.000
Phải thu hoạt động tư vấn	3.209.922.315	3.111.711.158	429.284.463	(875.000.000)		2.665.995.621
	617.826.298.675	530.005.389.746	42.185.945.738	(2.897.085.541)	(62.305.803.043)	506.988.446.900

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN - HÀ NỘITầng 1-5 Tòa nhà Unimex Hà Nội, số 41 Ngõ Quyền,
phường Hàng Bài, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

9 . HÀNG TỒN KHO

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
Vật tư văn phòng	14.097.681	169.786.368
Công cụ, dụng cụ	43.862.000	89.748.000
	57.959.681	259.534.368

10 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC**a) Chi phí trả trước ngắn hạn**

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
Chi phí thuê nhà chờ phân bổ	2.041.326.539	2.310.727.979
Chi phí bảo hiểm sức khỏe cho nhân viên phân bổ	-	1.221.541.095
Chi phí tài liệu, sách báo chờ phân bổ	533.392.964	459.741.034
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	794.733.729	636.747.239
	3.369.453.232	4.628.757.347

b) Chi phí trả trước dài hạn

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
Lợi thế thương mại khi sáp nhập	2.598.908.480	12.994.542.404
Chi phí công cụ dụng cụ chờ phân bổ	1.967.716.523	1.446.714.830
Chi phí tư vấn chờ phân bổ	362.733.219	362.733.219
Chi phí mạng viễn thông chờ phân bổ	484.020.516	317.219.451
Chi phí bảo trì chờ phân bổ	1.884.288.862	2.800.604.209
Chi phí trả trước dài hạn khác	-	458.300.304
	7.297.667.600	18.380.114.417

11 . CÀM CỐ, THẺ CHẤP, KÝ QUỸ, KÝ CUỘC**a) Ngắn hạn**

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
Đặt cọc bình nước	2.750.000	2.750.000
	2.750.000	2.750.000

b) Dài hạn

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
Đặt cọc thuê văn phòng	22.686.345.060	2.640.293.540
Đặt cọc khác	81.400.000	4.400.000
	22.767.745.060	2.644.693.540

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN - HÀ NỘI

Tầng 1-5 Tòa nhà Unimex Hà Nội, số 41 Ngõ Quyền,
phường Hàng Bài, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

12 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU NHÀ NƯỚC

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	1.000.000
	-	1.000.000

13 . TÀI SẢN NGÂN HẠN KHÁC

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
Phải thu khác	99.405.521	99.405.521
	99.405.521	99.405.521

14 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Nguyên giá				
Tại ngày 01/01/2024	33.804.447.688	6.580.850.000	400.714.710	40.786.012.398
Mua trong năm	6.613.629.449	-	-	6.613.629.449
Thanh lý, nhượng bán	(393.288.391)	-	-	(393.288.391)
Tại ngày 31/12/2024	40.024.788.746	6.580.850.000	400.714.710	47.006.353.456
Giá trị hao mòn lũy kế				
Tại ngày 01/01/2024	27.609.793.211	5.267.554.815	400.714.710	33.278.062.736
Khấu hao trong năm	4.535.283.571	629.040.572	-	5.164.324.143
Thanh lý, nhượng bán	(393.288.391)	-	-	(393.288.391)
Tại ngày 31/12/2024	31.751.788.391	5.896.595.387	400.714.710	38.049.098.488
Giá trị còn lại				
Tại ngày 01/01/2024	6.194.654.477	1.313.295.185	-	7.507.949.662
Tại ngày 31/12/2024	8.273.000.355	684.254.613	-	8.957.254.968

Trong đó:

- Nguyên giá tài sản cố định cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 31.444.637.506 VND.

Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các tài sản cố định này do Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam áp dụng đối với công ty chứng khoán chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

15 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

Toàn bộ tài sản cố định vô hình của Công ty là phần mềm giao dịch, kế toán với nguyên giá và khấu hao lũy kế tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2024 lần lượt là: 50.421.975.987 VND và 29.507.302.044 VND. Khấu hao trong năm là 3.118.595.470 VND.

Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các tài sản cố định này do Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam áp dụng đối với công ty chứng khoán chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN - HÀ NỘI

Tầng 1-5 Tòa nhà Unimex Hà Nội, số 41 Ngõ Quyền,
phường Hàng Bài, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

16 . CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỒI DANG

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
Mua sắm tài sản cố định	2.679.303.760	10.660.476.000
Phí bản quyền, triển khai phần mềm kinh doanh chứng khoán và nâng cấp phần mềm	2.679.303.760	10.660.476.000
	2.679.303.760	10.660.476.000

17 . TIỀN NỢP QUỸ HỖ TRỢ THANH TOÁN

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
Tiền nộp ban đầu	120.000.000	120.000.000
Tiền nộp bổ sung	18.066.986.207	18.066.986.207
Tiền lãi phân bổ lũy kế	1.813.013.793	1.813.013.793
Số dư cuối năm	20.000.000.000	20.000.000.000

18 . VAY VÀ NỢ

	01/01/2024	Số vay trong năm	Số trả trong năm	31/12/2024
	VND	VND	VND	VND
Vay ngắn hạn	892.000.000.000	6.809.958.550.000	(5.560.958.550.000)	2.141.000.000.000
Vay ngân hàng	892.000.000.000	6.809.958.550.000	(5.560.958.550.000)	2.141.000.000.000
	892.000.000.000	6.809.958.550.000	(5.560.958.550.000)	2.141.000.000.000

Chi tiết các khoản vay ngắn hạn

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng	500.000.000.000	500.000.000.000
Ngân hàng TMCP Bắc Á	196.000.000.000	392.000.000.000
Ngân hàng TNHH Indovina	300.000.000.000	-
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	245.000.000.000	-
Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh	250.000.000.000	-
Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội	400.000.000.000	-
Các ngân hàng khác	250.000.000.000	-
	2.141.000.000.000	892.000.000.000

Tại thời điểm 31/12/2024, Công ty có các khoản vay ngắn hạn theo khế ước có thời hạn từ 03 tháng đến 06 tháng để đầu tư, kinh doanh trái phiếu chính phủ... với lãi suất được quy định cụ thể trên từng giấy nhận nợ. Hình thức đảm bảo là tín chấp hoặc bảo đảm bằng các tài sản theo các biện pháp bảo đảm theo Hợp đồng bảo đảm, các phụ lục, hợp đồng sửa đổi, bổ sung Hợp đồng bảo đảm này và các chứng từ khác có liên quan.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN - HÀ NỘI

Tầng 1-5 Tòa nhà Unimex Hà Nội, số 41 Ngõ Quyền,
phường Hàng Bài, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

19 . PHẢI TRẢ HOẠT ĐỘNG GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
Phải trả Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam	125.170.000	11.121.656.000
	125.170.000	11.121.656.000

20 . PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
Phải trả hoạt động mua chứng khoán tự doanh	295.112.700.000	-
Công ty Cổ Phần Công Nghệ Cao Lotte- HPT Việt Nam	1.822.770.000	2.730.960.000
Công ty TNHH Đầu Tư Và Phát Triển TMG	438.260.034	-
Phải trả các đối tượng khác	1.119.404.193	484.200.000
	298.493.134.227	3.215.160.000

21 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
Thuế Giá trị gia tăng	240.105.650	1.425.138.503
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	88.738.718.624	22.832.616.385
Thuế Thu nhập cá nhân	11.952.564.257	19.991.853.313
Các loại thuế khác	35.824.429	-
	100.967.212.960	44.249.608.201

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

22 . CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
Chi phí lãi vay phải trả	23.555.991.146	18.986.961.015
Chi phí phải trả các sở HNX, HNX, VSDC	5.603.840.023	4.807.722.769
Chi phí phải trả khác	3.595.179.988	657.900.000
	32.755.011.157	24.452.583.784

23 . CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỘP NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
Phải trả cổ tức cho cổ đông	691.620.716	697.318.134
Phải trả phí phát triển thị trường và tìm kiếm khách hàng	4.195.530.466	4.185.130.512
Phải trả trái phiếu bán lẻ	9.933.835	34.460.007
Các khoản phải trả, phải nộp khác	2.937.759.842	3.208.813.011
	7.834.844.859	8.125.721.664

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN - HÀ NỘITầng 1-5 Tòa nhà Unimex Hà Nội, số 41 Ngõ Quyền,
phường Hàng Bài, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

24 . VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU**a) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu**

	Tỷ lệ	31/12/2024	Tỷ lệ	01/01/2024
	(%)	VND	(%)	VND
Công ty Cổ phần Tập đoàn T&T	5,60%	455.057.340.000	5,60%	455.057.340.000
Vốn góp của cổ đông (dưới 5%)	94,40%	7.676.510.140.000	94,40%	7.676.510.140.000
	100%	8.131.567.480.000	100%	8.131.567.480.000

b) Lợi nhuận chưa phân phối

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
Lợi nhuận đã thực hiện chưa phân phối	2.014.523.340.470	1.089.116.102.205
Lợi nhuận chưa thực hiện	362.873.529.346	292.666.338.544
	2.377.396.869.816	1.381.782.440.749

c) Tình hình phân phối thu nhập cho cổ đông hoặc các thành viên góp vốn

	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
Lợi nhuận đã thực hiện chưa phân phối năm trước	1.089.116.102.205	370.182.149.985
Lỗ/lãi đã thực hiện năm nay tính từ đầu năm	945.407.238.265	661.797.174.730
Ghi nhận bổ sung lãi đã thực hiện năm nay từ nguồn quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông	-	77.136.777.490
Cơ sở lợi nhuận phân phối cho cổ đông hoặc các thành viên góp vốn tính đến cuối năm tài chính	2.034.523.340.470	1.109.116.102.205
Số trích các quỹ từ lợi nhuận	(20.000.000.000)	(20.000.000.000)
- Quỹ khen thưởng phúc lợi	(20.000.000.000)	(20.000.000.000)
Lợi nhuận đã thực hiện chưa phân phối tính đến cuối năm tài chính	2.014.523.340.470	1.089.116.102.205

Theo Nghị quyết của Đại Hội đồng cổ đông số 01-2024/NQ-ĐHĐCĐ ngày 15 tháng 05 năm 2024, Công ty công bố việc phương án phân phối lợi nhuận năm 2023 như sau:

- Trích lập quỹ khen thưởng số tiền 5.000.000.000 VND, quỹ phúc lợi số tiền 15.000.000.000 VND.

- Chia cổ tức bằng cổ phiếu tối đa: 406.578.380.000 VND (dự kiến 5% vốn điều lệ).

25 . TÀI SẢN TÀI CHÍNH NIÊM YẾT/ĐĂNG KÝ GIAO DỊCH CỦA CÔNG TY CHỨNG KHOÁN

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
Tài sản tài chính giao dịch tự do chuyển nhượng	2.428.596.220.000	2.061.683.090.000
Tài sản tài chính giao dịch cầm cố	1.221.700.000.000	118.900.000.000
Tài sản tài chính chờ thanh toán	98.900.000.000	2.198.900.000
	3.749.196.220.000	2.182.781.990.000

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN - HÀ NỘITầng 1-5 Tòa nhà Unimex Hà Nội, số 41 Ngô Quyền,
phường Hàng Bài, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

26 . TÀI SẢN TÀI CHÍNH ĐÃ LƯU KÝ TẠI VSD VÀ CHƯA GIAO DỊCH CỦA CÔNG TY CHỨNG KHOÁN

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch, tự do chuyển nhượng	169.007.640.000	16.122.280.000
	169.007.640.000	16.122.280.000

27 . TÀI SẢN TÀI CHÍNH CHỜ VỀ CỦA CÔNG TY CHỨNG KHOÁN

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
Tài sản tài chính chờ về của Công ty	171.039.000.000	5.000.000.000
	171.039.000.000	5.000.000.000

28 . TÀI SẢN TÀI CHÍNH CHƯA LƯU KÝ TẠI VSD CỦA CÔNG TY CHỨNG KHOÁN

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
Tài sản tài chính chưa lưu ký tại VSD của Công ty	250.435.452.500	449.605.490.000
	250.435.452.500	449.605.490.000

29 . TÀI SẢN TÀI CHÍNH NIÊM YẾT/ĐĂNG KÝ GIAO DỊCH CỦA NHÀ ĐẦU TƯ

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
Tài sản tài chính giao dịch tự do chuyển nhượng	85.034.537.710.000	39.190.047.450.000
Tài sản tài chính giao dịch hạn chế chuyển nhượng	1.903.369.480.000	1.398.304.940.000
Tài sản tài chính giao dịch cầm cố	4.584.161.920.000	4.830.732.900.000
Tài sản tài chính phong tỏa, tạm giữ	7.485.753.430.000	35.446.580.000
Tài sản tài chính chờ thanh toán	120.634.780.000	233.299.440.000
	99.128.457.320.000	45.687.831.310.000

30 . TÀI SẢN TÀI CHÍNH ĐÃ LƯU KÝ TẠI VSD VÀ CHƯA GIAO DỊCH CỦA NHÀ ĐẦU TƯ

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch, tự do chuyển nhượng	110.652.170.000	918.438.460.000
Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch, hạn chế chuyển nhượng	671.672.220.000	481.900.000.000
	782.324.390.000	1.400.338.460.000

31 . TÀI SẢN TÀI CHÍNH CHỜ VỀ CỦA NHÀ ĐẦU TƯ

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
Tài sản tài chính chờ về của Nhà đầu tư	110.062.030.000	143.100.970.000
	110.062.030.000	143.100.970.000

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN - HÀ NỘITầng 1-5 Tòa nhà Unimex Hà Nội, số 41 Ngõ Quyền,
phường Hàng Bài, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

32 . TIỀN GỬI CỦA NHÀ ĐẦU TƯ

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	493.252.007.646	430.005.857.813
1. Nhà đầu tư trong nước	491.733.830.698	428.574.773.000
2. Nhà đầu tư nước ngoài	1.518.176.948	1.431.084.813
Tiền gửi tổng hợp giao dịch chứng khoán cho khách hàng	225.988.523.360	299.996.852.016
Tiền gửi của tổ chức phát hành	77.504.292	1.450.183.271.953
2. Tiền gửi thanh toán cổ tức của tổ chức phát hành	77.504.292	1.450.183.271.953
	719.318.035.298	2.180.185.981.782

33 . PHẢI TRẢ NHÀ ĐẦU TƯ

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
1. Phải trả Nhà đầu tư - Tiền gửi của Nhà đầu tư về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	493.252.007.646	430.005.857.813
1.1 Nhà đầu tư trong nước	491.733.830.698	428.574.773.000
1.2 Nhà đầu tư nước ngoài	1.518.176.948	1.431.084.813
2. Phải trả Nhà đầu tư - Tiền gửi về bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán của Nhà đầu tư	225.988.523.360	299.996.852.016
2.1 Nhà đầu tư trong nước	225.988.523.360	299.996.852.016
	719.240.531.006	730.002.709.829

34 . PHẢI TRẢ VAY CÔNG TY CHỨNG KHOÁN CỦA NHÀ ĐẦU TƯ

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
1. Phải trả nghiệp vụ margin	4.165.828.260.531	3.726.006.869.173
1.1 Phải trả gốc margin	4.079.088.507.732	3.655.950.551.773
Nhà đầu tư trong nước	4.079.088.507.732	3.655.950.551.773
1.2 Phải trả lãi margin	86.739.752.799	70.056.317.400
Nhà đầu tư trong nước	86.739.752.799	70.056.317.400
2. Phải trả nghiệp vụ ứng trước tiền bán chứng khoán	107.827.148.641	179.188.351.707
2.1 Phải trả gốc nghiệp vụ ứng trước tiền bán chứng khoán	107.827.148.641	179.188.351.707
Nhà đầu tư trong nước	107.827.148.641	179.188.351.707
	4.273.655.409.172	3.905.195.220.880

35 - THU NHẬP
a) Lãi, lỗ bán các tài sản tài chính

	Tổng giá trị bán VND	Tổng giá vốn VND	Lãi, lỗ bán chứng khoán năm nay		Lãi, lỗ bán chứng khoán năm trước	
			Lãi	Lỗ	Lãi	Lỗ
			VND	VND	VND	VND
Cổ phiếu niêm yết	4.725.485.062.250	4.214.789.608.582	611.468.009.613	100.772.555.945	119.171.035.705	127.608.569.450
Cổ phiếu giao dịch trên UPCOM	280.085.600.000	261.000.000.000	31.296.000.000	12.210.400.000	11.485.414.286	2.149.929.598
Trái phiếu niêm yết	33.908.489.183.656	33.841.407.876.809	84.982.237.786	17.900.930.939	119.958.690.258	37.914.908.573
Trái phiếu chưa niêm yết	775.296.609.700	775.142.229.850	154.379.850	-	51.254.244.405	26.532.908.710
Công cụ thị trường tiền tệ	52.222.413.449.403	52.208.927.281.569	14.338.907.834	852.740.000	20.075.476.431	3.690.611.171
Chứng chỉ quỹ	-	-	-	-	929.403.091	-
	91.911.769.905.009	91.301.266.996.810	742.239.535.083	131.736.626.884	322.874.264.176	197.916.927.502

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN - HÀ NỘI
Tầng 1-5 Tòa nhà Unimex Hà Nội, số 41, Ngõ Quyền, phường Hàng Bài, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội

b) - Chính lịch đánh giá lại các tài sản tài chính

	Giá trị mua theo số kế toán	Giá trị thị trường/ Giá trị hợp lý	Chính lịch đánh giá lại tại ngày 31/12/2024		Chính lịch đánh giá lại tại ngày 01/01/2024		Chênh lệch điều chỉnh số kế toán	
	VND	VND	Đánh giá tăng	Đánh giá giảm	Đánh giá tăng	Đánh giá giảm	Đánh giá tăng	Đánh giá giảm
			VND	VND	VND	VND	VND	VND
FVTPL	7.944.728.750.458	8.144.359.839.930	580.465.723.278	(380.834.633.806)	(281.990.313.741)	(281.990.313.741)	186.603.308.568	98.844.320.065
Cổ phiếu niêm yết	2.994.536.332.592	3.340.880.064.750	536.468.649.501	(190.124.917.343)	(138.320.974.850)	(138.320.974.850)	311.057.874.970	51.803.942.493
Cổ phiếu giao dịch trên UPCOM	531.481.776.439	463.258.095.500	211.91.040.605	(91.414.721.544)	(81.910.836.744)	(81.910.836.744)	(138.300.067.592)	9.503.884.800
Cổ phiếu hủy niêm yết	4.109.683.115	2.600.000.000	-	(1.509.683.115)	(1.509.683.115)	(1.509.683.115)	-	-
Cổ phiếu chưa niêm yết	470.143.738.638	408.882.191.680	-	(61.254.546.958)	(55.513.160.906)	(55.513.160.906)	-	5.741.386.052
Trái phiếu chưa niêm yết	2.077.529.997.674	2.063.805.266.000	22.806.033.172	(36.530.764.846)	(4.735.658.126)	(4.735.658.126)	13.845.501.190	31.795.106.720
Trái phiếu đã niêm yết	650.000.000.000	650.000.000.000	-	-	-	-	-	-
Công cụ thị trường tiền tệ	1.214.927.222.000	1.214.927.222.000	-	-	-	-	-	-
Loại AFS	475.238.748.169	612.635.941.500	274.005.513.331	(136.608.320.000)	(118.120.000.000)	(118.120.000.000)	(29.471.643.300)	18.488.320.000
Cổ phiếu niêm yết	475.238.748.169	612.635.941.500	274.005.513.331	(136.608.320.000)	(118.120.000.000)	(118.120.000.000)	(29.471.643.300)	18.488.320.000
	8.419.967.498.627	8.756.995.781.430	854.471.236.609	(517.442.953.806)	(400.110.313.741)	(400.110.313.741)	157.131.665.268	117.332.640.065

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN - HÀ NỘITầng 1-5 Tòa nhà Unimex Hà Nội, số 41 Ngõ Quyền,
phường Hàng Bài, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

c) Cổ tức và tiền lãi phát sinh từ các tài sản tài chính FVTPL, các khoản cho vay, HTM, AFS

	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
Từ tài sản tài chính FVTPL	226.413.601.292	249.437.604.470
Từ tài sản tài chính nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM)	12.693.150.684	37.528.767.143
Từ các khoản cho vay	497.714.568.536	547.158.302.683
Từ tài sản tài chính sẵn sàng để bán (AFS)	26.792.403.000	-
	763.613.723.512	834.124.674.296

d) Doanh thu ngoài thu nhập các tài sản tài chính

	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
Thu nhập hoạt động khác	2.537.985.552	420.625.394
<i>Trong đó:</i>		
- Doanh thu từ lãi hợp đồng ủy thác đầu tư	20.115.614	-
- Doanh thu khác	2.517.869.938	420.625.394
Các khoản giảm trừ doanh thu	-	-
Thu nhập thuần hoạt động khác	2.537.985.552	420.625.394

36 . CHI PHÍ NGOÀI CHI PHÍ CÁC TÀI SẢN TÀI CHÍNH

	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
Chi phí hoạt động cung cấp dịch vụ khác	52.443.201.050	34.241.491.361
- Chi phí dịch vụ tài chính khác	13.154.340.853	13.415.853.498
- Chi phí dự phòng phải thu khó đòi và xử lý tổn thất phải thu khó đòi về cung cấp dịch vụ chứng khoán	39.288.860.197	20.825.637.863
	52.443.201.050	34.241.491.361

37 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
Doanh thu lãi liên gửi không kỳ hạn	3.600.855.932	4.715.313.949
	3.600.855.932	4.715.313.949

38 . CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
Chi phí lãi vay	63.188.301.632	58.742.468.822
	63.188.301.632	58.742.468.822

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN - HÀ NỘITầng 1-5 Tòa nhà Unimex Hà Nội, số 41 Ngõ Quyền,
phường Hàng Bài, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

39 . CHI PHÍ QUẢN LÝ CÔNG TY CHỨNG KHOÁN

	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
Chi phí lương và các khoản theo lương	78.343.101.099	72.880.670.758
Kinh phí công đoàn, BHXH, BHYT, BHTN	2.531.156.373	2.428.820.088
Chi phí vật tư văn phòng	486.109.158	314.287.298
Chi phí công cụ, dụng cụ	817.570.319	423.626.599
Chi phí khấu hao TSCĐ, BĐSĐT	4.836.516.309	5.274.637.621
Chi phí thuế, phí và lệ phí	88.973.824	130.569.855
Chi phí dịch vụ mua ngoài	12.834.101.699	13.628.672.390
Chi phí khác	29.189.516.106	20.445.116.532
	129.127.044.887	115.526.401.141

40 . THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH**40.1 Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	1.239.290.751.955	684.173.498.675
Các khoản điều chỉnh tăng	480.377	143.575.770
- Chi phí không hợp lệ	480.377	143.575.770
Các khoản điều chỉnh giảm	(208.681.206.398)	68.213.152.530
- Cổ tức, lợi nhuận được chia	(120.922.217.895)	(59.916.568.920)
- Chênh lệch về đánh giá lại các TSTC FVTPL	(87.758.988.503)	128.129.721.450
Thu nhập chịu thuế TNDN	1.030.610.025.934	752.530.226.975
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành (thuế suất 20%)	206.122.005.187	150.506.045.395
Thuế thu nhập doanh nghiệp của các năm trước vào thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp năm nay	2.520.000	-
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	206.124.525.187	150.506.045.395
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp đầu năm	22.832.616.385	(14.350.127.630)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp trong năm	(140.218.422.948)	(113.323.301.379)
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp cuối năm	88.738.718.624	22.832.616.385

40.2 . Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả		
Số dư đầu năm	73.166.584.636	98.792.528.926
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ các khoản chênh lệch tăng và giảm về đánh giá lại các TSTC FVTPL	17.551.797.701	(25.625.944.290)
	90.718.382.337	73.166.584.636

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN - HÀ NỘI

Tầng 1-5 Tòa nhà Unimex Hà Nội, số 41 Ngõ Quyền,
phường Hàng Bài, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
Chi phí thuế thu nhập hoãn lại tính vào Báo cáo kết quả hoạt động		
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tăng và giảm về đánh giá lại các TSTC FVTPL	17.551.797.701	(25.625.944.290)
	17.551.797.701	(25.625.944.290)

42 . LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau:

	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
Tổng lợi nhuận sau thuế	1.015.614.429.067	559.293.397.570
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	1.015.614.429.067	559.293.397.570
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong năm	813.156.748	813.156.748
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	1.249	688

Công ty chưa có dự tính trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi trên Lợi nhuận sau thuế cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, Công ty không có các cổ phiếu có tiềm năng suy giảm lãi trên cổ phiếu.

43 . QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH

Rủi ro tài chính của Công ty bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về giá, tỷ giá hối đoái và lãi suất.

Rủi ro về giá:

Công ty chịu rủi ro về giá của các công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư cổ phiếu ngắn hạn do tính không chắc chắn về giá tương lai của cổ phiếu đầu tư.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN - HÀ NỘITầng 1-5 Tòa nhà Unimex Hà Nội, số 41 Ngõ Quyền,
phường Hàng Bài, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 31/12/2024				
Các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ	8.144.359.839.930	-	-	8.144.359.839.930
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán	612.635.941.500	-	-	612.635.941.500
	<u>8.756.995.781.430</u>	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>8.756.995.781.430</u>
Tại ngày 01/01/2024				
Các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ	5.032.173.035.088	-	-	5.032.173.035.088
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán	660.595.904.800	-	-	660.595.904.800
	<u>5.692.768.939.888</u>	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>5.692.768.939.888</u>

Rủi ro về tỷ giá hối đoái:

Công ty chịu rủi ro về tỷ giá do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá ngoại tệ khi các khoản vay, doanh thu và chi phí của Công ty được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng Việt Nam.

Rủi ro về lãi suất:

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 31/12/2024				
Tiền và các khoản tương đương tiền	680.759.314.148	-	-	680.759.314.148
Các khoản cho vay	4.089.029.752.997	-	-	4.089.029.752.997
Các khoản phải thu	365.107.460.333	-	-	365.107.460.333
	<u>5.134.896.527.478</u>	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>5.134.896.527.478</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN - HÀ NỘI

Tầng 1-5 Tòa nhà Unimex Hà Nội, số 41 Ngõ Quyền,
phường Hàng Bài, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 01/01/2024				
Tiền và các khoản trương đương tiền	851.848.713.749	-	-	851.848.713.749
Các khoản cho vay	3.765.104.198.298	-	-	3.765.104.198.298
Các khoản phải thu	1.066.401.351.305	-	-	1.066.401.351.305
	5.683.354.263.352	-	-	5.683.354.263.352

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau. Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 31/12/2024				
Vay và nợ	2.141.000.000.000	-	-	2.141.000.000.000
Phải trả người bán, phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán và phải trả khác	306.453.149.086	-	-	306.453.149.086
Chi phí phải trả	32.755.011.157	-	-	32.755.011.157
	2.480.208.160.243	-	-	2.480.208.160.243

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 01/01/2024				
Vay và nợ	892.000.000.000	-	-	892.000.000.000
Phải trả người bán, phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán và phải trả khác	22.462.537.664	-	-	22.462.537.664
Chi phí phải trả	24.452.583.784	-	-	24.452.583.784
	938.915.121.448	-	-	938.915.121.448

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

44 . THÔNG TIN KHÁC

Tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2024, theo Hợp đồng môi giới chứng khoán đã ký với các Khách hàng, Công ty đảm bảo rằng các Khách hàng sẽ được thu hồi lại tiền đặt cọc thực hiện giao dịch mua chứng khoán trong các trường hợp giao dịch chứng khoán không thực hiện thành công hoặc các trường hợp khác theo quy định tại các Hợp đồng Môi giới chứng khoán đã ký kết. Tổng giá trị các khoản đặt cọc mà Khách hàng đã thực hiện để bảo đảm cho nghĩa vụ thanh toán giao dịch chứng khoán của Khách hàng tại thời điểm cuối năm tài chính 2024 theo các Hợp đồng nêu trên là: 718.903.969.408 VND.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN - HÀ NỘI

Tầng 1-5 Tòa nhà Unimex Hà Nội, số 41 Ngõ Quyền,
phường Hàng Bài, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

45 . BÁO CÁO BỘ PHẬN

Theo lĩnh vực kinh doanh

	Hoạt động báo lãnh, đại lý phát hành chứng khoán	Hoạt động môi giới, lưu ký chứng khoán	Hoạt động đầu tư tự doanh	Các hoạt động khác	Tổng cộng toàn doanh nghiệp
	VND	VND	VND	VND	VND
Doanh thu hoạt động	8.751.977.272	251.518.862.571	1.182.048.847.943	548.985.861.402	1.991.305.549.188
Chi phí hoạt động	7.660.591.230	214.882.086.136	270.494.982.884	73.005.108.603	566.042.768.853
Doanh thu không phân bổ	-	-	-	-	3.600.855.932
Chi phí không phân bổ	-	-	-	-	192.315.346.519
Kết quả hoạt động	1.091.386.042	36.636.776.435	911.553.865.059	475.980.752.799	1.236.548.289.748
Tài sản bộ phận trực tiếp	-	20.000.000.000	8.756.995.781.430	4.462.364.450.048	13.239.360.231.478
Tài sản không phân bổ	-	-	-	-	788.329.533.075
Tổng tài sản	-	20.000.000.000	8.756.995.781.430	4.462.364.450.048	14.027.689.764.553
Nợ phải trả không phân bổ	-	-	-	-	2.816.524.554.168
Tổng nợ phải trả	-	-	-	-	2.816.524.554.168

Theo khu vực địa lý

	Hội sở	Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh	Chi nhánh Đà Nẵng	Tổng cộng toàn doanh nghiệp
	VND	VND	VND	VND
Doanh thu hoạt động	1.842.441.082.078	92.851.198.597	56.013.268.513	1.991.305.549.188
Tài sản bộ phận	13.326.744.401.023	506.501.522.765	194.443.840.765	14.027.689.764.553
Nợ phải trả bộ phận	2.798.808.659.004	5.246.883.202	12.469.011.962	2.816.524.554.168

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN - HÀ NỘI

Tầng 1-5 Tòa nhà Unimex Hà Nội, số 41 Ngõ Quyền,
phường Hàng Bài, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

46 . NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Ngày 24/01/2025, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước (UBCKNN) ban hành Quyết định số 63/QĐ-XPHC về việc xử phạt vi phạm hành chính đối với Công ty cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội. Nội dung của Quyết định nêu trên đã được Công ty công bố thông tin theo quy định của Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và Thông tư số 68/2024/TT-BTC ngày 18/09/2024 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 96/2020/TT-BTC.

Ngoài sự kiện trên, không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính.

47 . NGHIỆP VỤ VÀ SỞ ĐƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách và mối quan hệ giữa các bên liên quan có giao dịch và sở dư Công ty như sau:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội	Ông Đỗ Quang Vinh Chủ tịch Hội đồng quản trị của Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội, đồng thời là Thành viên HĐQT và Phó Tổng Giám đốc tại Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội và là con trai ông Đỗ Quang Hiền Chủ tịch Hội đồng quản trị Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội
Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Sài Gòn - Hà Nội	Ông Đỗ Quang Vinh là chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội và Tổng Công Ty Cổ Phần Bảo Hiểm Sài Gòn - Hà Nội; Ông Vũ Đức Tiến, Ông Lê Đăng Khoa, ông Lưu Danh Đức, ông Vũ Đức Trung là thành viên HĐQT Tổng Công Ty Cổ Phần Bảo Hiểm Sài Gòn - Hà Nội (Kể từ ngày 26/04/2024 toàn bộ các cá nhân trên đã miễn nhiệm tại Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Sài Gòn - Hà Nội)
Công ty Cổ phần Máy - Thiết bị dầu khí	Ông Vũ Đức Tiến là thành viên Hội đồng quản trị của Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội, đồng thời là Chủ tịch Hội đồng quản trị của Công ty Cổ phần Máy - Thiết bị dầu khí (Kể từ ngày 22/04/2024 ông Vũ Đức Tiến đã miễn nhiệm tại Công ty Cổ phần Máy - Thiết bị dầu khí)
Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Thanh Hóa	Ông Vũ Đức Tiến là thành viên Hội đồng quản trị của Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội, đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị của Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Thanh Hóa
Ông Đỗ Quang Vinh	Chủ tịch HĐQT
Ông Vũ Đức Tiến	Thành viên HĐQT Tổng Giám đốc (miễn nhiệm ngày 25/03/2024)
Ông Lê Đăng Khoa	Thành viên HĐQT Thành viên Ủy ban kiểm toán (bổ nhiệm ngày 06/06/2024)
Ông Lưu Danh Đức	Thành viên HĐQT (xin từ chức từ ngày 23/12/2024)
Bà Nguyễn Diệu Trinh	Thành viên HĐQT Chủ tịch Ủy ban kiểm toán (bổ nhiệm ngày 06/06/2024)
Ông Nguyễn Chí Thành	Tổng Giám đốc (bổ nhiệm 25/03/2024)
Ông Trần Sỹ Tiến	Phó Tổng Giám đốc (miễn nhiệm ngày 27/12/2024)
Bà Trần Thị Thu Thanh	Phó Tổng Giám đốc (miễn nhiệm ngày 01/04/2024)
Bà Phạm Thị Thanh Hào	Kế toán trưởng
Bà Phạm Thị Bích Hồng	Trưởng ban kiểm soát (bổ nhiệm 15/05/2024)
Bà Lương Thị Lựu	Thành viên ban kiểm soát (bổ nhiệm 15/05/2024)
Ông Vũ Đức Trung	Thành viên ban kiểm soát (bổ nhiệm 15/05/2024)

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN - HÀ NỘI

Tầng 1-5 Tòa nhà Unimex Hà Nội, số 41 Ngõ Quyền,
phường Hàng Bài, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

Trong năm, Công ty có giao dịch với các bên liên quan như sau:

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Mua hàng hóa dịch vụ		
Tổng Công Ty Cổ Phần Bảo Hiểm Sài Gòn - Hà Nội	-	1.943.250.000
Giao dịch mua trái phiếu		
Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội	3.186.277.948.195	-
Nhận tiền vay		
Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội	1.218.958.550.000	600.000.000.000
Trả nợ vay		
Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội	818.958.550.000	711.000.000.000
Chi phí lãi vay		
Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội	1.406.993.186	7.839.353.424
Doanh thu nghiệp vụ bảo lãnh, đại lý phát hành chứng khoán		
Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội	8.522.727.272	35.961.363.635
Doanh thu hoạt động lưu ký chứng khoán		
Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội	272.412.500	413.631.850
Doanh thu tư vấn tài chính		
Công ty Cổ phần Máy - Thiết bị dầu khí	-	200.000.000
Tổng Công Ty Cổ Phần Bảo Hiểm Sài Gòn - Hà Nội	275.000.000	430.000.000
Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội	8.788.181.818	-

Số dư với các bên liên quan tại ngày kết thúc năm tài chính:

	31/12/2024 VND	01/01/2024 VND
Tiền gửi ngân hàng		
Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội	479.673.224.490	846.593.992.813
Đầu tư cổ phiếu		
Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội	275.238.748.169	275.238.748.169
Công ty Cổ phần xây lắp Dầu khí Thanh Hóa	2.170.000.000	-
Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Sài Gòn - Hà Nội	-	145.257.484.500
Phải thu của khách hàng		
Công ty Cổ phần xây lắp Dầu khí Thanh Hóa	38.000.000	38.000.000
Tổng Công Ty Cổ Phần Bảo Hiểm Sài Gòn - Hà Nội (i)		223.000.000
Người mua trả tiền trước		
Công ty Cổ phần Máy - Thiết bị dầu khí (i)		50.000.000

(i): Không còn là bên liên quan tại 31/12/2024.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN - HÀ NỘI

Tầng 1-5 Tòa nhà Unimex Hà Nội, số 41 Ngõ Quyền,
phường Hàng Bài, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
Thu nhập của người quản lý chủ chốt		
Ông Đỗ Quang Vinh	3.667.777.774	2.033.333.328
Ông Nguyễn Chí Thành	8.757.334.360	4.496.395.857
Ông Vũ Đức Tiến	865.277.779	7.829.458.211
Ông Lưu Danh Đức	570.959.597	316.666.667
Ông Lê Đăng Khoa	886.666.667	316.666.667
Bà Nguyễn Diệu Trinh	1.624.444.448	316.666.667
Ông Trần Sỹ Tiến	3.368.399.860	4.734.729.224
Bà Trần Thị Thu Thanh	611.791.830	4.423.079.224
Bà Phạm Thị Thanh Hào	2.171.277.385	
Bà Phạm Thị Bích Hồng	418.397.906	818.679.987
Bà Lương Thị Lựu	150.000.001	216.666.667
Ông Vũ Đức Trung	150.000.001	216.666.667

Ngoài giao dịch với bên liên quan nêu trên, các bên liên quan khác không phát sinh giao dịch trong năm và không có số dư tại ngày kết thúc năm tài chính với Công ty.

48 . SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 đã được Công ty TNHH Hãng kiểm toán AASC kiểm toán.

Nguyễn Thị Thủy
Người lập

Phạm Thị Thanh Hào
Kế toán trưởng



Nguyễn Chí Thành
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 03 tháng 03 năm 2025